

TRUYỆN NGẮN
ĐƯƠNG ĐẠI
VIỆT NAM
TÁC GIẢ TỰ CHỌN



vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC



***Truyện ngắn đương đại Việt Nam
tác giả tự chọn***

NHIỀU TÁC GIẢ

TRUYỆN NGẮN ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

TÁC GIẢ TỰ CHỌN

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Những người tuyển chọn:

Phạm Việt Long

Ma Văn Kháng

Tô Đức Chiêu

BẠN ĐỌC THÂN MẾN,

*Xuất bản bộ truyện ngắn Việt Nam dưới tựa đề **Truyện ngắn đương đại Việt Nam - tác giả tự chọn**, chúng tôi không có mục đích nào khác là muốn cung cấp cho bạn đọc một số lượng không nhỏ những truyện ngắn hay nhất, đặc sắc nhất của đông đảo các nhà văn Việt Nam có thành tựu về thể loại này.*

Thường thức một tác phẩm là trực tiếp đọc nó. Tuy nhiên, để có thể tận tường hơn trong cảm nhận, việc tham khảo thêm các dữ liệu có liên quan cũng là điều cần thiết và thú vị. Và như vậy thì một tấm ảnh chân dung, vài nét về nhân thân tác giả và đôi lời người viết bặt mí về xuất xứ, cội nguồn cảm hứng của sáng tác, những tâm sự tác giả gửi gắm vào tác phẩm, có thể sẽ tạo ra một lối mở có ích cho hiệu ứng thẩm mỹ của ta khi thưởng thức; gia dĩ, thông qua những lời tự bạch nọ, đôi khi còn có thể tìm ra được những bí ẩn kỳ thú, những quy luật lạ lùng của sự sáng tạo.

Bộ sách sẽ ra mắt bạn đọc lần lượt từng tập, được đánh số thứ tự từ 1 đến hết. Việc xếp sắp các tác giả ở từng tập thuần túy dựa vào thời gian thu nhận được văn bản tác giả gửi đến.

Truyện ngắn Việt Nam, niềm tự hào của văn xuôi nghệ thuật Việt Nam. Truyện ngắn Việt Nam, thể loại tự sự cỡ nhỏ có dung lượng nghệ thuật không nhỏ và có một đội ngũ tác giả đông đảo.

Hy vọng rằng bộ sách, sẽ làm hài lòng bạn đọc.

Những người tuyển chọn

VŨ HUY ANH



Họ và tên: **Vũ Huy Anh**

Ngày tháng năm sinh: 29.3.1944

Quê quán: Chính Tâm, Kim Sơn,
Ninh Bình

Nghề nghiệp: Viết báo, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Tiểu thuyết: *Mùa xuân về, Cuộc đời bên ngoài, Trái cấm vườn địa đàng, Đường qua Biển Đỏ, Bến lạ bờ xa, Tim lại tình yêu, Người đẹp nước nhà, Sa ngã, Dang dở, Dòng sông cứ chảy, Trăm năm thoáng chốc...* Truyện dài tư liệu: *Ai bắt Giáo hoàng.*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1984 cho tiểu thuyết *Cuộc đời bên ngoài.*

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Truyện ngắn này, vì sẵn có ý tưởng từ trước, nên khi đặt bút viết, tôi viết một mạch, chỉ trong buổi sáng ngày 26.3.1989 là viết xong. Ban đầu, truyện có tên là *Đại hồng thủy*, khi in ở báo Văn nghệ (1989) ban biên tập đổi thành *Huyền thoại*. Năm 1998, truyện ngắn *Huyền thoại* được tuyển chọn in vào *Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam*, do nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành. Năm 2001, tôi đưa truyện ngắn này vào in trong tập truyện *Dòng sông cứ chảy* của tôi, do nhà xuất bản Phụ nữ ấn hành.

HUYỀN THOẠI

Câu chuyện sau đây xảy ra lâu rồi, lâu lắm rồi, đến mức ngày nay, người ta chỉ còn xem là một huyền thoại.

Chuyện rằng vào một buổi sáng, như mọi buổi sáng, các tầng trời đều mở ra. Đức Chúa Trời ngự giữa các thánh. Vị chúa tể của trời đất hết sức hài lòng với sự nghiệp sáng thế. Còn các thánh thì không ngớt lời ca ngợi Thiên Chúa. Nói chung công việc ở chốn thiên đình ngày nào cũng chỉ có như vậy.

Bỗng ánh hào quang chói lọi khắp các tầng trời bị mờ đi một khoảng lớn bởi một bóng đen khủng khiếp. Ấy là dấu hiệu quỷ Sa Tăng xuất hiện. Kẻ nguyên là Tổng lãnh thiên thần Lu - xi-phe, từ khi chiến bại, bị đuổi khỏi cõi trời xuống làm vua địa ngục, một đôi khi vẫn xuất hiện để làm mờ ám sự vinh quang của chốn thiên đình. Sự xuất hiện của Sa Tăng làm cho Đức Chúa Trời đến các thánh thấy đều khó chịu. Không phải vì hình dong gớm ghiếc của y, đâu có sừng như sừng bò tốt, răng cạnh chìa ra hai

bên và nhọn hoắt, mình mẩy đen đũi, chân lại là chân dê. Cái xấu về hình thức nhìn mãi rồi cũng quen. Nỗi khó chịu mà Lu - xi - phe gây ra cho Đức Chúa Trời và các thánh là ở như trí óc thông minh sắc sảo khác thường của y, tai hại thay, lại còn đi liền với thói hay châm biếm giễu cợt. Tuy không tiện nói ra, song các vị thánh đều tự nhận thấy rằng mình được ở địa vị cao sang là nhờ gốc gác xuất thân kể là căn bản, chứ đem từng người ra so thì không ai tài trí bằng Lu - xi - phe cả.

Vừa mới lộ cái bộ mặt ma quỷ của mình ra, Sa Tăng đã đảo mắt nhìn một cách hổ xược từ Đức Chúa Trời đến các vị thánh, rồi y nhếch một bên mép khen mát một câu nghe rất là ba que:

- Chà, chư vị trên này nhân nhã quá nhỉ?

Các thánh lờ đi như không nghe thấy. Đức Chúa Trời thì cau vầng trán đầy những nếp nhăn già nua. Ngài gất lên bằng giọng bụng:

- Có việc gì đấy hả quỷ dữ?

- Quỷ dữ? Lu - xi phe bóp chát, quỷ thì đúng là ta rồi, nhưng còn dữ thì ta chưa biết ai dữ. Hỡi Chúa Trời ông hãy nghe đây, Hoả ngục chật chõ rồi. Mà nó là kết quả cai trị cõi người của ông, y nói thêm.

Vị chúa tể trời đất không mấy bận tâm đến điều Sa Tăng vừa nói. Y với Chúa Trời vốn đối kháng. Mà đã không cùng đứng trong hàng ngũ, lại là mâu thuẫn

đôi kháng, thì nghe chi lời hấn. Ngài phán một câu thực xứng đáng tiêu biểu cho chủ nghĩa quan liêu:

- Hoả ngục chật chỗ rồi thì nhà người cho chuyển bớt phạm nhân lên ngục tạm giam.

Sa Tăng nghe chưa hết đã ngửa mặt lên, cười ngất.

- Hèn chi loài người lắm đứa chúng nó bảo trời không có mắt. Ông có biết không: mấy năm nay số người chết vì thiếu cơm, thiếu thuốc đã quá đông, luyện ngục thực khó đủ chỗ cho họ, thế mà ông còn bảo đem phạm nhân từ hoả ngục lên giam tạm.

Đáng sáng tạo và trị vì cố cựu quậy trong cái ngai quá chật do bởi tấm thân vương giả của ngài bấy lâu nay được các thánh tẩm bổ cho quá nhiều sâm nhung, nên về già nó phát phì ra.

Ngài bực bõ xua đuổi Sa Tăng:

- Thôi, nhà người hãy cứ quay về hoả ngục, để việc này ta bàn với các thánh.

Một hội nghị thượng đỉnh được tổ chức liền ngay sau khi Sa Tăng biến đi. Và bởi vì sự hợp hành vốn là công việc thường xuyên, nếu không muốn nói là chủ yếu, ở chốn thiên đình nên việc tổ chức hội nghị thượng đỉnh cũng không khó khăn gì mấy.

Mở đầu cuộc triều kiến, Đức Chúa Trời ban ra những lời châu ngọc. Các thánh, như thông lệ, chỉ cần tán dương lời Chúa bằng các văn bản do thư ký

viết sẵn. Về nguyên nhân của tình hình, nhà vua coi trời và coi người đưa ra nhận định, có hai nguyên nhân khiến cho công việc trị vì có điều không được hoàn toàn như ý: ấy là sự phá hoại của ma quỷ và thói xấu có voi đòi tiên của giống người. Lạy chúa! Nhận định như thế thì không còn có gì sáng suốt hơn. Các thánh ai cũng hết lời ca ngợi sự thông minh sáng láng của vị cha cả trời đất. Đến phần giải quyết tình hình, Đức Chúa Trời đã đưa ra hai giải pháp để cùng song song tiến hành: siêng năng rao giảng lời Chúa và gia tăng bạo lực trừng trị những kẻ chống đối hay bị hồ nghi là có tư tưởng chống đối. Ngài gọi tiên tri I-li-a.

- Nay, I-li-a, nhà người vốn khéo léo trong việc rao truyền lời ta, từ rày nhà người càng cần phải siêng năng việc bổn phận hơn nữa.

Quay sang Sô-lô-mon, Đức Chúa Trời phán:

- Ta biết nhà người có soạn khúc Nhã ca là những lời huê tình, chỉ hợp với lỗ tai bọn đàn bà, con gái. Nhà người phải dẹp ngay trò vô bổ đó để dành tâm trí soạn thành diễn ca cùng là hò về các ý tưởng sâu nhiệm của ta.

Sa-lô-mon cúi nhìn xuống đất, nhẩn nhục đáp bằng một tiếng.

- Dạ.

Đức Chúa Trời lại phán tiếp:

- Còn Tổng lãnh thiên thần Mi-cai-e.

- Dạ muôn tâu Thượng đế, con cúi mình trước vinh quang Người.

- Thế thì nhà ngươi nghe đây: nhà ngươi hãy chọn lấy một thành phố nào tội lỗi nhất mà xuống lửa thiêu hủy nó đi, khiến cho loài người nhìn xem mà sinh lòng rái sợ quyền phép của Chúa. Muốn vậy nhà ngươi hãy phái hai thiên thần đi thị sát trước.

- Con xin vâng theo ý Chúa, Mi-cai-e nói rồi đi giật lùi lui ra.

Liền ngay sau đó hai thiên thần chấp cánh bay xuống thành Xô-đô-ma, một thành phố tội lỗi vào bậc nhất theo số theo dõi cập nhật của các thánh thiên thần.

Hai thiên sứ trước hết vào nhà thị trưởng Lót.

Sau khi nghe đặc phái viên của Thiên Chúa truyền dạy lời phán quyết của đấng toàn năng, thị trưởng Lót hỏi lại:

- Muôn tâu Đức thánh thiên thần, nếu như trong thành Xô-đô-ma chúng con mà còn được một trăm người đạo đức thì Thiên chúa có gia hình cách nặng cả thể như làm vậy không?

- Không - cả hai thiên sứ cùng đáp?

- Song, nếu chỉ có năm mươi người? Ông Lót dè dặt hỏi lại.

- Thiên Chúa cũng sẽ tha hình phạt cho cả thành phố.

- Nếu chỉ có được ba mươi người?

Đến đây thì ông Lót hoang mang thực sự: làm gì trong thành phố có được ba mươi người hiền lành, đạo đức, đến mười người cũng chẳng có. Ông đang định hạ mức xuống năm người, thì bỗng thấy những tiếng ồn ào náo loạn, đám đông kéo tới xô cửa nhà ông mà nhào vào, họ đòi chủ nhà trao hai thiên sứ cho họ thoả mãn tình dục. Các bà thì cứ dứt khoát khẳng định rằng thiên thần là đàn ông, là những thanh niên trẻ trung đẹp đẽ và trông khoẻ như vâm. Các ông thì lại khẳng khái thiên thần thuộc giống cái. Thế mới biết sự đúng sai ở đời đến là dễ theo cảm tính.

Trước cái khí thế bùng bùng đó của đám đông cuồng dâm, ông Lót chỉ con biết chấp tay xá dài.

Song đám người cuồng dâm đó đâu có chịu. Thì đã bảo họ làm tình giữa giống người với nhau mãi đã chán, tuy họ đã hết tìm mọi cách như người nấu bếp đổi món cho được ngon miệng. Cũng may hai vị thiên sứ có cánh nên trong lúc nguy khốn, họ liền bay ngay về trời.

Di nhiên là công việc điều tra đến đây thì đã quá đủ. Kinh thánh chép rằng Chúa đã xuống lửa thiêu huỷ thành Xô-đô-ma chỉ trừ có gia đình ông Lót, một gia đình được kể như là đạo đức bậc nhất, được Chúa báo trước cho đi ra khỏi thành phố.

Sau khi thành Xô-dô-ma bị thiêu huỷ cũng đã nhiều nhiều năm và sau khi các ông I-li-a và Sa - lô - mon soạn thảo được kha khá là kinh sách theo cả hai thứ văn xuôi và văn vần, Đức Chúa Trời mới cho các thiên sứ đi khắp cõi người để tiến hành một cuộc tổng điều tra. Tìm thấy loài người vẫn tội lỗi y nguyên, mà sự đau khổ, bệnh tật xem chừng lại còn gia tăng hơn trước.

Vị chúa tế trời đất thấy mà ngao ngán. Thiên đình lại phải đại nghị. Có điều các thánh triều kiến hết buổi này sang buổi khác mà không ai tâu trình được điều gì thực sự bổ ích. Cho đến một buổi kia Tổng lãnh thiên thần Mi - cai - e vốn nổi tiếng cơ mưu và thiên về quân sự, đưa ra ý kiến rằng mọi sự ở cõi thế sở dĩ hỏng quá như thế, nguyên do là tại bởi giống người này hỏng quá, cần phải huỷ diệt hết đi mà tạo dựng một giống người khác. Biện pháp nghe ra quá tàn bạo, song không có ông thánh nào phản đối cả, trái lại ai cũng thở phào nhẹ nhõm. Là bởi vì quả thực đây là một biện pháp thông minh: thay dân. Vậy có nghĩa là không phải thay quan, là các thánh cứ việc toạ hưởng kỳ thành. Lạy Chúa thực sự là một biện pháp sáng suốt. Hoan hô!

Nước lụt bốn mươi đêm ngày. Lênh đênh trên cái mênh mông của đại hồng thủy chỉ có một con tàu của ông Nô-e. Trong tàu, trừ người trong gia đình ông, còn có các giống chim muông, cây cỏ, thú vật,

mỗi loại thủy đều gồm hai tính đực cái. Thiên Chúa yên trí lớn phen này thay dân thì sự cai trị sẽ vô cùng dễ dàng. Ngài cùng các thánh ngự trên chín tầng trời mà trông xem cõi thế. Đến ngày thứ bốn mươi, chắc là đã hoàn tất sự huỷ diệt, Đức Chúa Trời mới cho nước rút. Con tàu Nô-e chạm mặt đất trong sự trông xem của Thiên Chúa và các thánh. Khốn thay, một lần nữa đáng cai quản loài người lại bị lầm: cái xấu, cái ác không hết, không mất. Con quạ vừa bay khỏi tàu, đã tìm ăn xác chết và không quay lại nữa. Cá lớn đuổi nuốt cá bé. Hồ, báo tìm hươu nai ăn thịt. Còn con người? Lạy Chúa còn con người?

Ông Nô-e, con người đạo đức nhất được Chúa chọn giữ lại để tạo dựng loài người mới, ông Nô-e sau khi thoát nạn đại hồng thủy liền uống rượu say rồi cởi hết quần áo mình ra, trần truồng nằm ngủ. Một trong những đứa con của Nô-e trông thấy bố lơ đãng thì không những không lấy quần áo mặc vào cho bố lại còn cười nhạo.

Các biện pháp thay dân thế là thất bại, Đức Chúa Trời lắc lắc cái đầu bạc:

- Minh bất lực rồi. Các ngươi liệu có ai còn nghĩ ra được cách chi nữa không?

Các thánh sùng sùng nhìn nhau. Giữa khi đó thì Giêsu, tức Đức Chúa Con đưa ra một giải pháp: ngài xin xuống thế làm người.

Giêsu ở thế gian ba mươi ba năm. Trong ba mươi ba năm ấy, ông chỉ dành có ba năm giảng đạo, còn để cả ba mươi năm sống cuộc sống của con người, như mọi người. Ông cũng sờ tí mẹ, cũng khóc quấy khi không có quà, rồi giúp đỡ ông bố thợ mộc khi đã có thể cầm được cái đục cái chày. Ông theo mẹ đi dự tiệc cưới khi được họ hàng mời, thăm hỏi người ốm đau, giúp đỡ người tàn tật, không tiếc sức mình, không kể đó là ngày nghỉ lễ. Những quan cai trị, bộ pha-ri-si-êu một sách và giả hình đạo đức bắt bẻ ngài rằng sao lại phạm vào luật kiêng việc các ngày nghỉ lễ? Giêsu hỏi lại: Nhà các ông trong ngày nghỉ lễ không may có con lừa sa xuống giếng thì có kéo lên không? Những người kia trả lời rằng có? Giêsu bảo họ: “Thế con người chẳng đáng trọng hơn con lừa ư?”.

Một buổi kia Giêsu đi đường xa khát nước mới ngồi nghỉ bên giếng. Thuở ấy ở đất nước Giêsu chọn làm nơi sống cuộc sống của con người rất phổ biến tệ nạn phân biệt đối xử, chính quyền chỉ gồm và chỉ tin những người được kể trong một tầng lớp riêng gọi là “dân riêng Thiên Chúa”, còn những người khác xem là dân ngoại, là những công dân hạng hai, hạng ba, chỉ ở vào những vị trí phụ thuộc trong xã hội. Đang khi Giêsu khát nước ngồi đợi bên giếng mà không có gầu múc nước, có mấy người dân riêng Thiên Chúa ra lấy nước, Giêsu hỏi xin nước uống, song không một người nào cho. Mãi sau đó có một người đàn bà thuộc dân ngoại đi đến. Bà này không đợi Giêsu phải

hỏi, đã múc nước mời ông uống. Giêsu nói rằng nước thiên đàng là dành cho người dân ngoại này chứ không phải cho đám dân riêng xưng mình là con Thiên Chúa nhưng thờ ơ trước những nỗi niềm của con người.

Một lần khác, Giêsu bắt gặp một đám đông đang sắp sửa ném đá một người đàn bà ngoại tình. Ông rẽ vào, hỏi: "Nào ai thấy mình trong sạch hơn người đàn bà này thì hãy cầm lấy đá mà ném trước". Không có ai dám làm người đầu tiên cầm đá ném vào người đàn bà ngoại tình. Người ta lảng dần về phía sau, các quan cai trị lảng trước, rồi đến các nhà làm luật, các vị thông thái quen rao giảng đạo đức. Sau cùng chỉ còn lại người đàn bà. Giêsu cầm lấy tay chị ta dắt đứng lên mà bảo rằng: "Thôi con về nhà đi, họ cũng chẳng trong sạch gì hơn con". Những điều Giêsu nói và những việc ông làm đều trái với những gì đám Pha - ri - si - êu giả hình đạo đức đã đọc trong sách nên chúng tìm cách bắt ông và đóng đinh trên thập giá.

Về sau các tông đồ của Giêsu đem những ý tưởng của ông rao giảng tại nhiều nước. Có người tin theo, có người không. Cũng có người nói rằng làm gì có Giêsu Kitô - đấng cứu thế, đến ngày sinh của ông ta cũng không ai nhớ chính xác, người ta đành phải lấy ngày hai mươi lăm tháng mười hai là ngày lễ Ánh sáng của dân Do Thái. Có một số tông đồ của Giêsu

ra sức chứng minh cho tính chất thần linh của thầy mình. Song cũng có một số vị khác thì nói: Thực ra mục đích của chúng tôi đâu có phải khuyên nhủ mọi người tôn thờ một ông Chúa Trời mới. Chúng tôi chỉ muốn qua câu chuyện về Giêsu để giới thiệu một phương sách cứu thế, ấy là hãy bắt đầu từ con người, bằng cách thức của con người và vì lòng yêu thương con người.

26-3-1989

VŨ BẢO



Họ và tên: **Phạm Thế Hệ**

Ngày tháng năm sinh: 4.9.1931

Quê quán: Thôn An Tiêm, Thụy Dân,
Thái Thụy, Thái Bình

Nghề nghiệp: Viết báo, viết văn

Địa chỉ hiện nay: 5, ngõ 247, Thanh Nhân,
Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Đã in khoảng 30 tác phẩm, trong đó có các tác phẩm tiêu biểu như: *Làm giờ, Sắp cưới, Mãi cũng đến bờ, Khe tre, Qua Hương Hóa, Thời gian không đợi...*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, tuần báo Văn nghệ, Hội Nhà văn Hà Nội...

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Giữa chốn bom rơi đạn rêu và ngay cả trong chiến dịch lớn, những người lính thấp cổ bé miệng đôi lúc bị quên công. Sĩ quan chỉ huy của họ ban phát chiến công đổ vào tay những tên đéo mỏ. Trong khi cả một bộ máy đang vận hành nhằm tô son vẽ phấn cho những tên đeo chiến công của người khác, những người lính đã lập chiến công bằng chính máu của mình và của cả đồng đội dù có kêu cũng chẳng thấu tới cấp trên, đành quên đi mà lao vào hoàn thành nhiệm vụ người lính trên chiến trường. Tôi viết *Người vãi linh hồn* chỉ là người tỉ mỉ bóc từng lớp vỏ dối trá để tìm ra sự thật đang bị che giấu. Chính vì thế truyện ngắn *Người vãi linh hồn* đã được dịch ra tiếng nước ngoài ở Pháp, Mỹ, Nhật, Ấn Độ. Thì ra những người lính bị cướp công ở gầm trời cuối đất này vẫn phải gánh chịu nỗi đau âm thầm như thế.

NGƯỜI VÃI LINH HỒN

Nếu mọi chuyện trên đời đều diễn biến đúng như ta đã dự định thì đến bây giờ tôi chẳng còn gì mà viết về trận đánh bột Chè năm ấy nữa.

Công tác chuẩn bị chiến trường tiến hành đúng tinh thần chỉ đạo của phòng tham mưu. Số liệu biến động về quân số và vũ khí cả địch được kiểm tra từng ngày. Sơ đồ phòng ngự bột Chè được vẽ đi vẽ lại đến độ tin cậy gần như tuyệt đối. Trinh sát hoả lực kiểm tra đi kiểm tra lại toàn bộ hoả điểm, đánh dấu bằng đủ các loại ký hiệu trên sơ đồ. Thế là chắc quá chứ gì?

Chiến tranh không phải trò đùa, chỉ có một bên bắn súng và một bên chỉ được quyền ăn đạn. Phải công nhận tên đại úy chỉ huy trưởng bột Chè là một tay cáo già trong chiến trận, biết giấu chủ bài. Mặc cho mỗi lần trinh sát hoả lực, quân ta như thế nào, hắn vẫn ghìm không cho hai ổ đại liên găm ở hầm ngầm phát hoả. Chính vì thế, khi đại đội chúng tôi bung hàng rào tiến vào trung tâm theo đội hình đầu

nhọn đuôi dài, hấn mới cho hai ổ đại liên ở hãm ngậm bắn chéo cánh sẻ.

Đợt tiến công của chúng tôi bị chặn khựng lại. Cả đại đội nằm dán bụng xuống đất, không góc đầu lên được. Giá có phép gì dũi được đất, dìm cả người xuống, chúng tôi mới hy vọng giữ được cả gáo lẫn càng.

Tình huống bất ngờ này không hề được tính đến trong phương án tác chiến. Các cấp chỉ huy không kịp phản ứng cứ đâu nằm yên đấy. Mọi lần trước, đại đội bị vấp, ban chỉ huy thường hội ý cấp tốc rồi vạch chủ trương, nhưng lần này. Luật, đại đội trưởng nằm ngay vị trí tiểu đội mũi nhọn chúng tôi, chính trị viên ở cuối đội hình, chính trị viên phó đang kéo một số thương binh ra ngoài hàng rào kẽm gai bằng bó. Chính trị viên rút khẩu Xmit Oetxon, bắn một phát lên trời, rồi bật dậy lao về phía trước, hô lớn:

- Các đảng viên cộng sản tiến....

Một viên đạn đã cắt ngang khẩu hiệu tiến quân.

Luật bò lùi xuống bên tôi hát đầu về phía hỏa điểm trước mặt.

- Cậu diệt thằng trái, còn thằng phải để mình.

Tiểu đội mũi nhọn chia đôi hàng chữ V, một nửa bò theo Luật, một nửa bò theo tôi. Thằng Vĩnh nằm bẹp lại.

Tôi bò lùi xuống:

- Sao?

Giọng Vĩnh lạc hẳn đi:

- Đạn nó bắn như mưa, lên sao được.

- Mà năm đây chờ chết à?

- Lên cũng chết.

Không sao ép một thằng hèn thành người lính dũng cảm trước làn mưa đạn được, tôi quát lên:

- Đưa băng đạn cho tao. Cả hai quả lựu đạn nữa.

- Thế lúc nó phản kích, tôi chết à?

Tôi lộn tiết, mày giữ lá cờ đại đội cho tao.

Bò dưới làn đạn, tôi vẫn quan sát hoả điểm. Tự dưng đốm lửa tắt lịm ở lỗ châu mai. Bọn địch đang thay băng đạn. Tôi bật dậy lao lên áp sát hầm ngầm. Bọn giặc dùn lựu đạn ra. Tôi chộp ngay lấy lựu đạn, nhét vội vào lỗ châu mai, rồi lùa nòng tiểu liên một băng.

Tiếng reo hò ở phía sau vang dội bên tai tôi. Đại đội bốn đã tràn ngập căn cứ giặc. Chưa trận nào chúng tôi vất vả như lần này. Chúng tôi phải vật nhau với từng lô - cốt con, đến gần sáng mới đánh sập sở chỉ huy của giặc.

Luật nhảy bổ đến ôm chầm lấy tôi.

Tiểu đoàn trưởng chạy ào đến:

- Nhanh lên, các bố ơi. Gân sáng rồi, thu dọn chiến lợi phẩm nhanh lên. Hen Cát nó cù cho dài rốn, lại iarcu⁽¹⁾ bây giờ.

Tôi quay lại thấy thằng Vĩnh vừa chạy đến, ống quần bên trái bám chặt vào bắp đùi nó. Tôi giật vội băng cứu thương vẫn cài ở thắt lưng. Luật giờ tay cản lại:

- Nó vãi linh hồn toé ra quần đấy.

*

Chúng tôi rút về thôn Nội cách xa bất chèn bốn ki - lô - mét. Dân quân đã đào sẵn hầm hố tránh máy bay. Các đơn vị ở thê đội hai đêm qua bây giờ đã chia nhau bảo vệ vòng ngoài cho chúng tôi. Các gia đình ở thôn Nội đã chia nhau mỗi nhà nấu sẵn nồi cháo gà, nhưng sau một đêm vừa bôn tập vừa lăn lê bò toài, đứa nào đứa ấy chỉ húp qua loa. Ăn là phụ, ngủ là chính, nằm lăn trên ổ rơm, chẳng đứa nào biết đất là gì, trời là gì nữa.

Đột nhiên tôi bị dựng dậy. Mắt nhắm mắt mở, tôi nghe lồm bồm lệnh của Luật:

- Đi công tác đột xuất. Cả tiểu đội chỉnh đốn quân trang, lên tiểu đoàn bộ nhận nhiệm vụ.

- Rõ!

Lên gặp tiểu đoàn trưởng, chúng tôi mới biết có đồng chí bạn về quay phim. Trận đánh đã kết thúc,

chúng tôi phải diễn lại. Cảnh đồng chí bạn cần quay đầu tiên là cảnh cắm cờ trên bốt Chè.

Tôi ngỡ ngác hỏi lại:

- Báo cáo tiểu đoàn trưởng: đánh xong, thu dọn chiến trường, rồi về đây ngay, chúng tôi không kịp cắm cờ.

- Thì lên phim, các đồng chí phải cắm lại.

- Báo cáo tiểu đoàn trưởng chúng tôi có cờ đầu mà cắm.

- Lá cờ Quyết thắng trung đoàn trưởng giao cho tiểu đội mũi nhọn trước giờ xuất kích đâu? Đồng chí là tiểu đội trưởng nhận cờ trước hàng quân, tại sao đồng chí lại nói là không có?

- Báo cáo tiểu đoàn trưởng, lúc đại đội trưởng ra lệnh cho tôi lên, tôi giao cờ cho đồng chí Vĩnh. Lúc tôi bị mồm được thằng đại liên, cả đại đội xông lên, đồng chí Vĩnh cũng ào theo, bỏ quên cờ ở trận địa.

- Tại sao các đồng chí không đi tìm?

- Báo cáo tiểu đoàn trưởng, tôi đã quay lại tìm, nhưng ở chỗ ấy, tôi chỉ thấy 3 hố cốt 81, chẳng thấy lá cờ đâu cả.

Tiểu đoàn trưởng quay sang bảo liên lạc viên xuống đại đội 3 lấy lá cờ Quyết thắng khác lên.

Cũng may là thằng Vĩnh lại lấy cháu tham mưu trưởng trung đoàn, nên việc này đã được tiểu đoàn trưởng bỏ qua. Chuyện này thôi không nói nữa.

Vừa gặp chúng tôi ở sở chỉ huy trung đoàn, đồng chí bạn tươi cười bắt tay chúng tôi:

- Vinh quang Việt Nam! Tôi tự hào chúng mày!

Chúng tôi mím môi lại không dám cười.

Dựng lại cảnh cấm cờ không đơn giản như chúng tôi đã tưởng. Đại đội tiểu pháo 20 ly dàn ở vòng ngoài, đại đội trọng liên trợ chiến bố trí ở vòng trong, bốn đài quan sát phòng không dựng ở bốn hướng, một đại đội bộ binh bố trí quanh bốt Chè sẵn sàng đánh quân nhảy dù định vô mỗi. Còn chúng tôi, theo lệnh của đồng chí bạn, chúng tôi cứ phải diễn đi diễn lại cảnh diệt hầm ngầm cho đến khi thấy đạt yêu cầu, máy quay phim mới bắt đầu quay. Thật hại cho tôi, khi thủ pháo nổ, một mảnh bê - tông trong hầm ngầm văng vào đầu gối tôi làm tôi ngã dúm xuống. Tôi định chồm dậy, nhưng chân không đủ lực làm điểm trụ được nữa rồi. Y tá chạy vào dìu tôi ra băng bó cho cầm máu. Thế là tôi không được đóng tiếp cảnh sau.

Luật đến gặp anh phiên dịch, nhờ anh báo cáo với đồng chí bạn cho thay người cầm cờ. Đồng chí bạn

(1) IRQ: ìa ra quân.

gật đầu, rồi vừa lững thững đi trước tiểu đội chúng tôi đang xếp hàng ngang vừa ngắm nghía từng đứa. Khi quay trở lại, đồng chí bạn dừng chân trước mặt Vĩnh - thằng đẹp trai nhất hội, trở ngón tay vào ngực cậu ta:

- Tốt. Người lính này cầm cờ.

Trước khi chúng tôi đi, tiểu đoàn trưởng nhắc đi nhắc lại:

- Bộ phim này rất quan trọng, cả thế giới sẽ xem bộ phim này. Mỗi ý kiến của đồng chí bạn là một mệnh lệnh, các đồng chí phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Chính vì thế, Luật vừa giơ tay định nói câu gì đó phản đối, đành vội bỏ tay xuống. Từ đó anh mất vui, đóng cảnh cầm cờ chẳng lấy gì làm hào hứng.

Công binh điểm hoả 8 cái bánh khảo⁽¹⁾ xung quanh sở chỉ huy bột Chè cho đồng chí bạn thu cảnh khói lửa vào ống kính.

Đến cảnh cầm cờ, theo sự chỉ dẫn của đồng chí bạn, Luật vung khẩu Xmít Oetxon vọt lên trước, Vĩnh gương cao cán cờ chạy theo anh, cả tiểu đội chạy theo sau. Cất cảnh.

Tiếp đó, Vĩnh chạy lên nóc sở chỉ huy, co chân đạp cán cờ cho lá cờ đổ xuống đất. Vĩnh đứng xoạc

(1) Bộc phá

chân phất cao đứng hai bên Vĩnh, vừa giơ cao tiểu lên K50 băng cối vừa hét thật to.

Cả tiểu đội phải diễn đi diễn lại cảnh này đến ba lần để đồng chí bạn quay phim. Thấy chúng tôi có chiều uể oải, anh biên dịch phải giải thích: Theo tiêu chuẩn quốc tế thì quay ba dựng một. Các đồng chí đánh bột Chè đã vát vả rồi, bây giờ cố vát vả thêm chút nữa để phản ánh khí thế xung trận của quân đội chúng ta cho toàn thế giới biết.

Kết thúc châu quay phim đến tái mào, chúng tôi mới được trở về thôn Nội. Trước khi đóng máy, đồng chí bạn lần lượt bắt tay chúng tôi:

- Vinh quang Việt Nam. Tôi tự hào chúng mày.

Đời lính chiến vùi đầu trong trận mạc thì giờ dẫu mà nghĩ đến những thước phim đã quay. Sau mỗi trận đánh, nhìn thấy nhau đủ càng đủ gáo là lính mừng rồi. Đến khi chiến tranh kết thúc, chúng tôi lần lượt trả súng quay về kiếm sống, quên cả cái chuyện cảnh quay phim cắm cờ trên cốt Chè.

Một hôm đi bắt cóc, tôi vợ một tờ báo xem cho đỡ buồn. Dòng chữ đập vào mắt tôi loan tin bộ phim tài liệu *Dặm đường máu lửa* vừa hoàn thành. Tôi sực nhớ đến đồng chí bạn: “Tôi tự hào chúng mày”. Tôi xem tiếp tấm ảnh ở cuối bài. Ô, thằng Vĩnh đang xoạc cẳng đứng trên nóc sở chỉ huy, hai tay phất cao lá cờ Quyết thắng, lũ bạn tôi, nhặt mỗi thằng ở một tiểu

đội, đứng dàn hàng ngang hai bên thằng Vĩnh, súng
giơ cao, miệng đang gào.

Tuy biết đây chỉ là cảnh diễn lại sau trận đánh
nhưng tim tôi vẫn cứ đập rộn lên khi đọc đến dòng
chú thích: “Cảnh cắm cờ chiến thắng trên nóc sở chỉ
huy bớt Chè trong phim *Dặm đường máu lửa*”.

Câu chuyện nếu chỉ có thế cũng chẳng có gì mà
bàn nữa. Chuyện kiếm miếng ăn hàng ngày choán
ngợp hết cuộc sống đời thường của người lính đã già
từ vũ khí. Bằng khen không treo, huân chương không
đeo, miễn là kiếm được cái gì đồ vào nổi là nhất. Vả
lại, điện ảnh còn gọi là xi - nê - ma, họ tha hồ diễn
nhiều trò ma trước mắt tôi. Cần quay phim chuông
lợn tập thể làng tôi thì người ta đi khiêng con lợn xúc
của xã viên về trại lợn. Sợ lũ lợn cắn nhau người ta
sát tỏi vào mõm chúng. Cần quay phim ao cá điển
hình của làng tôi, người ta đi mua hàng xảo cá chép
cỡ xất ba xất tư đồ vào thuyền nan cứ làm như họ vừa
kéo được mẻ cá dưới ao lên.

Chiến thắng bớt Chè không còn là niềm tự hào
riêng của tiểu đoàn chúng tôi nữa, mà là niềm tự hào
của cả sư đoàn, nên ở bức tường chính giữa ngay của
phòng truyền thống nhìn vào, chính uỷ sư đoàn, đã
duyet cho treo tám ảnh cắm cờ trên bớt Chè phóng to
bằng cái chiếu. Loại cựu chiến binh biết thừa là các
cụ diễn, còn cánh lính mới toe cứ nghiêng mắt nhìn
thằng Vĩnh trong ảnh đang phất cao lá cờ Quyết

thắng và cứ tưởng đây là tấm ảnh được chụp giữa lúc toi bời khói lửa.

Gặp gỡ nhau có một ngày ở doanh trại sư đoàn, anh em còn mãi mê hỏi thăm chuyện làm ăn, nên cái cảnh diễn cảm cờ trên bốt Chè cũng qua đi.

Phải công nhận những tấm ảnh trích ở cảnh phim rất đẹp. Tư thế chiến sĩ Quân đội nhân dân đứng trên đầu thù trông rất hiên ngang. Một họa sĩ đã phỏng theo tấm ảnh ấy vẽ mẫu tem phát hành trong dịp kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân. Công ty phát hành sách lại in tấm ảnh cảm cờ trên bốt Chè vào bì lịch. Cảnh cựa chiến binh bắt đầu xì xào và đến ngày hội truyền thống của sư đoàn, anh em đưa vấn đề đó chất vấn chính uỷ. Chính uỷ đành phải giải thích theo kiểu thích đến đâu giải đến đấy: các nghệ sĩ phải chọn hình tượng, chọn điển hình, chứ làm sao đưa được cả sư đoàn vào một tấm ảnh.

Lúc ở doanh trại sư đoàn, cảnh lính cựa cứ ngậy xị lên, nhưng về đến nhà, chuyện cảm cờ cũng nhạt dần. Đại tá bơm xe, trung tá bán chè đỗ đen, thiếu tá buôn kem....tiếng gọi của cái bao tử làm chúng tôi quên hết chuyện hoa lá cành.

Hai mươi năm sau.....

Đạo diễn Mác-tin Xmit sang Việt Nam quay bộ phim *Máu và hoa*. Ông đến các cơ sở sản xuất phim xem những thước phim đã quay trong thời kỳ kháng

chiến và ông yêu cầu Bộ Văn hóa cho phép được gặp và phỏng vấn một số người có mặt trong những thước phim tư liệu ông đã chọn mua.

Bộ Văn hóa điện sang Cục Chính trị, Cục Chính trị điện xuống sư đoàn. Bảy giờ lớp chỉ huy cũ đã về hưu. Lớp chỉ huy mới ở trường sĩ quan ra, hoặc ở các đơn vị khác mới bổ sung về, ai nấy đều tin Vĩnh đã vượt qua lưới lửa nhảy lên cấm cò ở bốt Chè. Sư đoàn trưởng cử sĩ quan chính trị đi tìm bằng được Vĩnh về doanh trại sư đoàn gặp đạo diễn Máctin Xmit.

Bộ phim *Máu và hoa* được chiếu rộng rãi trong cả nước.

Tôi cũng được giấy mời đi xem phim. Những chuyện Vĩnh kể với đạo diễn Máctin Xmit đều đúng như trong cảnh diễn cho đồng chí bạn quay phim. Nó kể diễn biến trận đánh y như thật, có quên chẳng chỉ là đoạn nó nằm bẹp xuống đất sợ đến vãi linh hồn.

Luật đến tìm tôi. Anh thở dài:

- Thăng Vĩnh nó tưởng anh em ta chết hết cả rồi.

Tôi an ủi Luật:

- Dù cấm cò thật hay cấm cò diễn trên phim, cánh lính chiến có được ăn cái giải gì đâu.

- Sự việc chúng mình nhìn tận mắt còn bị bẻ queo đi như thế, huống chi là những việc đã xảy ra từ 50 năm, 100 năm. Mình viết cái giấy lên trung ương

khẳng định không có chuyện cấm cờ trên bốt Chè. Cậu ký vào đây xác nhận hộ mình.

- Ừ, thì ký. Được chưa?

- Tốt lắm. Phiên cậu ghi rõ chức vụ, phiên hiệu đơn vị hồi đó.

Tôi ghi hết. Sau này tôi mới biết chị Luật đã bán con lợn 50 ký cho chồng lấy tiền đi tìm các bạn đồng đội để khẳng định không có chuyện cấm cờ trên bốt Chè. Anh sao bức thư ấy làm mấy chục bản, anh đem từng bản sao lên nộp các cơ quan có trách nhiệm.

Thế là câu chuyện đó rùm beng trong sư đoàn, nhưng ai dám hạ tấm ảnh Vĩnh phát cờ ở bức tường giữa phòng truyền thống. Ai dám huỷ hàng triệu con tem, hàng chục vạn bì lịch có in ảnh Vĩnh phát cờ nữa chứ. Sư đoàn trưởng phải gặp riêng mấy anh em chúng tôi đề nghị đừng “chiếu bĩ” sư đoàn. Trận tiêu diệt bốt Chè là trận lớn nhất trong lịch sử sư đoàn, là vinh dự của cả sư đoàn, ông không thể hạ ngay tấm ảnh cấm cờ được, ông sẽ đi tìm tấm ảnh khác. Một trăm năm nữa cũng chẳng ai tìm được tấm ảnh khác ấy đâu.

Một hôm con trai Luật đến tìm tôi:

- Chú ạ, bố cháu sắp mổ dạ dày. Bố cháu muốn gặp chú trước khi lên bàn mổ.

Tôi phóng xe đến bệnh viện.

Luật vẫy tôi đến bên giường, nắm chặt tay tôi.

- Cậu là nhà văn, đừng bao giờ chỉ viết một nửa sự thật và đừng bao giờ viết những chuyện không có thật thành chuyện có thật. Cậu hãy viết những điều cậu đã nghe, đã thấy: không có chuyện cấm cờ trên bốt Chè, cậu viết ngay đi và đem đến đây đọc cho mình nghe.

- Anh đừng nói gở. Sửa một chuyện tưởng là có thành một chuyện không hề xảy ra đâu phải ngày một ngày hai. Tôi sẽ viết.

Ca mổ đã thành công. Vết mổ chóng liền sẹo. Luật vẫn sống. Tám ảnh thằng Vĩnh phát cờ vẫn treo trong phòng truyền thống sư đoàn. Gần đây, đạo diễn Máctin Xmit lại mời Vĩnh sang Anh bốc phét về chuyện cấm cờ để quảng cáo cho bộ phim *Máu và hoa*. Thằng con trời ấy, số nó đỏ thật. Giá lúc tụi bảo nó đưa băng đạn và cả hai quả lựu đạn cho tôi, nó tự ái khi thấy danh dự bị xúc phạm, nó liền lao lên lấy thân mình lấp ngay lỗ châu mai thì bây giờ làm sao còn sống mà sang Anh bốc phét nữa.

Ở bên Anh, làm sao người ta biết được nó đã vãi linh hồn trong trận đánh bốt Chè. Cái quần trong phim là cái quần khác đấy.



NGUYỄN PHAN HÁCH

Họ và tên: **Nguyễn Phan Hách**

Ngày tháng năm sinh: 13.1.1944

Quê quán: Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Biên tập sách, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Tổ chim sẻ, Sau những cách xa, Khớp ngựa ô, Vịt đặng trên môi, Cô gái đằm sen*. Tiểu thuyết: *Người đàn bà buồn, Mê cung*.

Các giải thưởng văn học: Giải thơ báo Văn nghệ năm 1969 và 1974. Giải truyện ngắn Tạp chí Thế giới mới và Tài hoa trẻ.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Truyện này có vẻ như là một chùm mẩu truyện, chứ chưa phải là một truyện ngắn hoàn chỉnh. Tôi đã in gần 100 truyện ngắn, nhưng lại chọn truyện này vào Tủ sách với lý do vì thích chất liệu thô mộc, nhưng nói được nhiều điều của nó. Truyện có bóng dáng làng quê của tôi, nhưng cũng không riêng của miền đất ấy. Có người khuyên sao chất liệu hay thế mà không phát triển thêm cho dài ra thành truyện vừa hoặc tiểu thuyết. Nhưng tôi nghĩ dồn nén, cô đặc như vậy là phương án tối ưu và truyện ngắn nên là như thế.

TẢN MẠN CHUYỆN LÀNG

Sau 25 năm làm cán bộ Hà Nội, tôi được phân một căn hộ tầng 5, thế là về quê đem hết vợ con ra thành phố ở. Cả thủ đô đang biến thành cái chợ khổng lồ, buôn bán vật vãnh gì cũng hơn cày cấy hai sương một nắng ở nhà giá một yến gạo không bằng lon bia hay phong thuốc lá.

Ngôi nhà ngói đại khoa, giữa vườn cổ thụ ở quê, giờ bỏ không. Các con tôi đòi bán lấy tiền mua xe máy Honda.

Tuổi thơ tôi đã có những ngày êm đẹp ở đây. Những chiều thả diều, bơi hồ sen. Dạo vườn cây trái na cuối hè, hái ổi đầu thu. Tôi mặc áo vá, chân đất cuốc bộ đi học trường huyện. Rồi thành anh giáo làng. Chẳng biết vì sao mà tự nhiên biết viết những truyện ngắn miêu tả làng ngày nó trở thành hợp tác xã nông nghiệp, cày cấy tập đoàn. Truyện có nhiều chi tiết thật quá, sinh động quá, được báo in lia lịa, rồi tôi được lấy ra làm báo Trung ương. Thế là thành nhà văn như ai. Có điều phải 25 năm sau nhà văn

mới được phân một căn hộ để cho vợ con ở ngụ cư trên đất thủ đô.

Mới là dân ngụ cư mà mấy đứa con tôi đã vội “mất gốc”. Theo chúng, cái xe máy lông nhông trên đường cần hơn toà nhà mấy đời ở quê. Bán nhà là mất quê hương! Mà lạ sao giá cả thế nào mà “quê hương” rẻ lắm. Có bán đi cũng chỉ vừa tiền mua một cái xe máy. Chúng cần xe máy, nhưng tôi cần quê hương... Để đảm tuần, tôi lại về đó, một mình ngồi dưới gốc nhãn cổ thụ nhớ gì ghi nấy chuyện làng....

HÁT THỜ THẦN

Ngày 13 tháng giêng, làng tôi mở hội. Một đám rước thành hoàng mô phỏng theo đám rước vua. Cờ quạt, kiệu võng, long đình, voi gỗ, hạc gỗ rầm rập trên đường. Đám rước về đến đình thì bắt đầu buổi hát thờ thần. Một vở tuồng cổ do người làng diễn. Diễn viên do các cụ Thượng chọn từ trong năm. Đại để thường có một vai vua. Một vai Thái sư. Một vai Bao Công. Một vai Công chúa. Một vai Hoàng hậu. Một vai học trò đi thi đỗ trạng v.v. và v.v..

Tích tuồng biên soạn biến đổi từng năm, tùy thời cuộc, theo ý nguyện của dân làng muốn nói lên chủ đề gì. Chẳng hạn muốn khuyến học thì nội dung tuồng năm đó sẽ là: chàng học trò nghèo đi thi đỗ trạng, lấy công chúa. Muốn nói lên sự khát khao công lý thì vai Bao Công sẽ được ra sân khấu xử kiện. Muốn chê bai

đương thời, thì bọn Thái sư nịnh thần tung hoành, nhà vua không biết hoặc nhắm mắt làm ngơ.

Cứ với một số nhân vật, mô típ có sẵn, các vở tuồng đổi muôn hình vạn trạng, trở thành “bộ đề” có sẵn hàng năm.

Hội đồng lão làng chọn tích tuồng vào tháng mười. Đó là tháng đã có thể tạm tổng kết tình hình trong năm, căn cứ vào đó mà chọn đề tài. Sau đó chọn diễn viên. Mỗi người thường chỉ được phân vai một lần trong đời, trừ trường hợp đặc biệt có năng khiếu. Được thủ vai, là một vinh dự, có quyền lợi. Có hẳn mấy mẫu đặc biệt có năng khiếu. Được thủ vai, là một vinh dự, có quyền lợi. Có hẳn mấy mẫu công điền cho “diễn viên” chia nhau cây cấy. Người “đáo tụng đình”, người có tang, người “vô luân bại lý” không được phân vai. Diễn xuất hay, dở đó là chuyện thứ yếu. Nhưng ai diễn khéo, nổi tiếng, tên cúng cơm được gắn với bảng phân vai, trở thành tên gọi quen mồm hàng ngày. Thế là làng tôi đâu phải chỉ có Cự Lý, Cự Bá, mà còn có cả Vua Tý, Vua Teo, Công Chúa Nhỡ, Thái Sư Tộ, Bao Công Tỏ, Trạng Nguyễn Tèo.....

Suốt năm vua đi cày, nhưng đêm 13 tháng giêng ngồi bàn việc nước. Suốt năm công chúa gánh phân ật ngực, đêm 13 tháng giêng, rục rờ xiêm y sánh duyên cùng trạng nguyên tân khoa. Truyền thuyết kể rằng, vào một năm xa xưa có ông hoàng đế đi kinh lý. Vua nghe đồn ở Hạnh Thôn (tên làng tôi) có tên Nguyễn

Văn Cò đã xưng ngôi Vua vào đêm 13 tháng giêng tại cửa đình trước toàn thể dân làng. Hắn đã thiết triều với đầy đủ nghi tượng ngai vàng, cờ quạt, kiệu bát cống lấy từ trong đình ra. Tên Cò đã phê phán đương thời để dân đói kém, quan lại nhũng nhũn....

Hoàng đế vội về kinh tức tốc sai binh mã đến bóp chết từ trong trứng cuộc “phản nghịch”. Tên Cò bị chém đầu tại chỗ, không cần xét xử....

Truyền thuyết cũng lại kể rằng: vào đời nào đấy có một bậc minh quân cùng bộ hạ cải trang thành đoàn thợ mộc, đi vi hành trong thiên hạ.

Qua Hạnh Thôn, đoàn “thợ mộc” thấy một tốp thợ gặt đang ngồi nghỉ mát dưới gốc đa. Một người thợ gặt vuốt râu giọng oai vệ:

- Trẫm muốn hỏi các Khanh, Nhân trị và Pháp trị đằng nào hơn.

Một người thợ gặt khác nói:

- Muôn tâu.... Nếu tất cả muôn dân cùng quan tướng đặt mình trong phép nước công minh, thiên hạ sẽ thái bình, thịnh trị.

Ông “trưởng đoàn thợ mộc” đến gần hỏi:

- Thưa Nhà Vua có phải đặt mình trong phép nước không? Hay Nhà Vua được quyền đứng trên phép nước.

- Ta nghĩ rằng Nhà Vua cũng phải đứng trong phép nước.

Đoàn “thợ mộc” ra đi. Bậc minh quân đó nghĩ rằng đoàn “thợ gặt” kia cũng chính là một đoàn vua quan nước lân bang đi vi hành. Họ giả trang làm thợ gặt. Họ cùng lao động như dân, để hiểu đời sống của dân. Chính trong khi làm, họ đã tìm ra được những câu giải đáp sáng suốt nhất để cai trị đất nước.

Vị minh quân đó trở về triều đình, kiên quyết thi hành chính sách pháp trị. Vị minh quân không biết rằng “đoàn thợ gặt” đó chính là những thợ gặt chính hiệu - Các diễn viên tuồng của Hạnh Thôn, tranh thủ lúc giải lao tập vai theo lối kịch cương để chuẩn bị cho hội hát đêm 13 tháng giêng....

CHỨC SẮC LÀNG

Ngày tôi mới đẻ, mẹ tôi đón ông Thầy Tàu về lập số tử vi. Hầu hạ lão đúng bảy ngày rưỡi thịt, lão mới hoàn thành lá số, với lời đoán sau này tôi sẽ được làm chánh tổng, hoặc lý trưởng!

Mẹ sung sướng hả dạ, đào tiền chôn dưới chân giường lên hậu tạ lão.

Lý trưởng là cái gì mà khiếp thế!

Lớn lên tôi thấy làng một đồng ông Lý, ông phó. Ông Cu Hai, Bác Đĩ Bốn cạnh nhà tôi, bán ruộng vườn để mua chức danh Lý trưởng, phó Lý. Rồi mở

trâu, mổ bò khao vọng. Không làm thực việc. Mà chỉ có danh. Dân làng phải gọi là Ông Lý Hai, Bác Phó Bốn. Ra đình thì được ngồi cùng “nóc hội đồng” tức là những người có chức, có danh.

Lý Hai, Phó Bốn mất ruộng lâm vào cảnh nghèo túng, sống bằng cháo cầm hơi và *đại từ* Lý, Phó!

Nhưng bác vợ tôi thì làm Lý trưởng thực việc. Có bằng sắc, triện đồng hắc hoi. Tranh được chức đó là võ mặt. Cả họ xúm vào giúp cho việc “vận động tranh cử”. Thanh thế phải lớn. Bản thân *khổ chủ* phải “ruộng sâu trâu nái”, khá giả. “Vận động tranh cử” tức là lễ quan trên, kéo bè kéo cánh trong làng, đe nẹt đối thủ. Làm việc ba năm “phù thu lạm bổ” có thể bù lại tiền tranh cử, hoặc có lãi. Rồi lợi dụng chức quyền mà kiếm ăn, tùy tài cán, vận may.....

Chuyện kể rằng: năm đó có đôi vợ chồng thằng mỗ ở đâu kéo về “trị nhậm” Hạnh Thôn.

Mỗ, là đầu chày dít thớt, hầu hạ các quan chức trong làng.

Thằng mỗ này hay ngâm câu thơ “*Lay trời mưa cả gió lên. Để cho chiếu rách bay trên sập vàng*” và “*Trời làm một trận lãng nhãng. Ông hoá ra thằng, thằng hoá ra ông*”.

Nó khoe tử vi của nó tốt lắm. Hậu vận danh giá.

Nhưng ai tin lời thằng mỗ.

Vậy mà hồi “cải cách ruộng đất”, do sai lầm của Đội, quả nhiên nó được cử làm chủ tịch xã, triệu đồng giắt cặp váy mẹ đóp!

Nó thần nhiên cho diễn màn chèo xã trưởng và mẹ Đóp trong vở Quan Âm Thị Kính. Và hôm sau cho gọi bác Cựu lý trưởng, chánh tổng, phó lý ra văn phòng Ủy ban bắt bưng nước, rải chiếu, làm cỗ hầu hạ nó đúng “nghi thức” hết ngày xưa nó hầu hạ các vị ấy.

Sửa sai, người ta phế lu nó. Nó lại thần nhiên xin làm chân “cấp dưỡng” “tạp vụ” hầu hạ Ủy ban và Ban quản trị hợp tác xã. Lại đúng công việc xưa. Lại đúng “năng khiếu” “sở trường” mổ lợn, băm thịt gà, bưng mâm rải chiếu. Hàng ngày ai có công việc cưới xin lại gọi nó vào giúp đập vui vẻ thân tình, quên bằng cái thời nó từng ở ngôi chức dịch cao nhất trong làng, hét ra lửa, ký tên hà hơi áp triệu hô dân quân bắt trời, khám nhà khối đũa. Khối thằng học trò bị nó phê “lý lịch xấu” đỗ điểm cao mà không được vào đại học, thành thân tàn ma dại. Vậy mà giờ tất cả vẫn cùng sống trong một lũy tre làng, ra vào chạm mặt nhau thần nhiên....

Trước năm 1954, hồi “tạm chiến” làng tôi có một ông lý trưởng đặc biệt. Người lão toàn bằng mỡ lỏng nên cứ xộ xệ núng nính, không thành khuôn hình người bình thường được. Lão có tên là Lỏng là do vậy. Lỏng là thằng ba toác, tràng ba khoát bẫy, ba voi

không được bát nước sáo. Nghèo, nhưng lại xao nhãng việc nhà, thích chơi trò việc xóm việc làng.

Làng “lập tề”, ban ngày có sự kiểm soát của “Hương Dũng”, nhưng đêm đêm, Việt Minh từ làng kháng chiến bên cạnh về hoạt động. Tình thế ấy tự nhiên làng phải hình thành tình trạng “*ám ở hội tề*”, “*lý trưởng hai mang*” phục vụ cả hai bên.

Nếu theo phe Hương Dũng thì Việt Minh pheng đầu. Nếu ngả về phe Việt Minh thì Hương Dũng chặt cổ.

Cả Hương Dũng và Việt Minh phải cùng ngầm dung hoà, công nhận một tên lý trưởng ám ở thay mặt dân Hạnh thôn để làm việc. Chẳng ai dám ra tranh cử cái chức “làm xiếc trên lưỡi dao” ấy. Dịp may ngàn năm có một, thế là “chính khách làng” Lý Lởng ra sân khấu.

Lý Lởng chống ba toong, áo dạ cút ngựa nhà binh, đầu đội mũ chào mào, ban ngày sánh vai cùng đồn trưởng Hương Dũng bắt phu bắt lính. Nhưng ban đêm lại thành “đồng chí Lởng” quần nâu áo gụ, cùng ông chủ nhiệm Việt minh đi thu thuế Nông Nghiệp.

Cái thằng ba toác này nó chẳng có lý tưởng mà mẹ gì, nên ai bảo sao nó làm thế. Dân tình phục tùng cả hai phe, lý trưởng phục vụ cả hai phe, mọi sự đâm ra yên ổn. Phe nào, qua tên lý trưởng, cũng khẳng định được quyền cai trị của mình, nên cũng không hoạt động mạnh làm gì.

Ban đầu ai trông thấy Lý Lỏng khuyệnh khoang chống ba toong đi trên đường, cũng bụm miệng cười. Đúng là “chó nhảy bàn độc”. Sau vài năm, Hạnh thôn tạm yên ổn làm ăn, không có đạn bắn giết nhau từng giờ từng ngày, tự nhiên Lý Lỏng nổi lên như ngôi sao sáng. Mọi người giật mình thấy phải ơn hấn. Cái sứ mệnh “ấm ớ” của hấn hoá ra quá vĩ đại, vì có tác dụng. Lỏng thành “anh hùng thời đại”. Phi tay hấn ra đó ai làm được cái sứ mệnh “hai mang” này!

Năm 1954, Hiệp nghị Giơ ne vợ ký kết, đúng lúc lính Hương Dũng lục tục xuống tàu đi Nam, bộ đội Việt Minh về làng, Lý Lỏng cảm xoàng một trận chết. Sứ mệnh chính trị hết, thân xác cũng hoá luôn. Tạo hoá đúng là kỳ tài. Hạnh thôn là một đơn vị hành chính đời nào lại để một giờ không có chính quyền. Cho nên đúng lúc quan tài Lý Lỏng hạ huyệt thì ông chủ tịch xã của chính quyền mới cũng vừa quần nâu áo gụ, khăn mặt bông quần quai túi dết, đi bộ về đến làng, thiết lập Văn phòng Ủy ban tại nhà “Hạnh thôn Hội quán”. Ông chủ tịch phá khoá tủ, lấy triệu đồng của Lý Lỏng, nhằm con chuột trong xó góc ném veo một cái. Con chuột chết thẳng cẳng. Cho đáng đời! Ai bảo nó dám nghĩ rằng Hạnh thôn đang thời kỳ “chân không quyền lực”, bò ra hoành hành, gặm chân cái bàn tượng trưng cho chính quyền giữa Hạnh môn “Hội quán” từ bao đời.

Ông Chủ tịch ấy là chú họ tôi. Ông đi cướp huyện từ năm 1945, rồi đi kháng chiến 9 năm, lưu vong sang vùng “Tự do”. Ông làm việc thẳng băng đến mức ký giấy đòi cả bố đẻ ra Ủy ban để phạt vì tội có lợn không bán “giá nghĩa vụ” cho mậu dịch, mà bán ra thị trường!

Về già, ông phải về hưu. Nhưng từ đó ngồi đâu ông cũng kêu ca: Ủy ban xã giờ không biết làm việc! Họ làm hỏng hết cả. Nếu họ đến hỏi ông thì ông sẽ chỉ bảo cho.

Ông lo, ăn không ngon ngủ không yên. Làm như *việc cách mạng là việc riêng* của nhà ông, chỉ mình ông mới làm được.

Ông buồn, ông giận. Nhưng người ta cứ thấy kệ nổi buồn nổi giận của ông. Những năm cuối đời, tóc râu bạc phơ, ông quay sang chuyên đi kiện. Chủ tịch xã đương nhiệm sợ ông bằng bố, vì cứ sơ hở bằng cái móng tay, là ông cũng vác đơn lên tỉnh lên huyện tố giác kiện cáo. Một năm, năm bảy lần kiện. Mới đầu người ta còn thanh tra xét xử, sau thấy nhiều việc lật vạt, lẩn mẩn, bé bươm thành to, sai sự thực, họ lại thấy kệ. Y như đã từng thấy kệ nổi buồn nổi giận của ông. Khi ông chết, lục trong túi, còn hai ba tờ đơn chưa kịp gửi.

Người kế nhiệm của ông chủ tịch “*cách mạng là việc chỉ mình ông mới làm được*” như trên, chính là một người bạn tôi. Anh ta nhậm chức vào thời hoàng

kim “Duy ý chí”. Quần nâu, áo vá, nhà tranh, ăn đói, nhưng từ anh lúc nào cũng toả ra hào quang quyền lực. Anh có biệt tài ăn nói, diễn thuyết trong hội nghị đâu ra đấy. Chỉ có điều dưới thời anh thì cái thàng “cúp dạo 5 xu” cũng không thoát khỏi “lưỡi trời hợp tác hoá”. Lúa chín rử ngoài đồng, bỏ thối thì bỏ, đành vậy, vì Ban quản trị chưa lên xong *kế hoạch phân bổ nhân lực, sản lượng* một cách khoa học. Tất nhiên sang thời “kinh tế thị trường”, anh bị mất chức. Điều đó là bình thường. Nhưng việc không bình thường là sau đó anh không biết nghề gì để sống. Trước đây chỉ có nghề xách túi đi họp, và truyền đạt nghị quyết. Giờ không biết đi cày, đi cấy, không biết đi chợ buôn bán. Suốt ngày anh ngồi nhà mụ mị, lưỡi nhác đến khó hiểu. Bao nhiêu sự ngu dốt dần dần bộc lộ ra hết. Đến nỗi vợ anh cũng không chịu nổi, đuổi ra ăn kiêng. Anh ăn xó mó niêu; dị mọ, ốm đau, nghèo đến tấm áo không có. Khác hẳn cái thời ăn nói miệng có gang thép. Vợ anh là người tàn nhẫn, một xu cũng không thí cho anh. Chị còn phải nuôi cả đàn con. Bụng đói đầu gối phải bò, anh bắt đầu đi đến các nhà xưa từng được anh chứng nhận lý lịch cho đi học đại học, kể công rồi xin tiền. Lâu dần quen đi, anh dày mặt trở nên “ăn mày quý tộc” đi “thăm hỏi” các bạn “đồng liêu” xưa, đề nghị giúp đỡ. Cuối cùng thì là nhà nào có cỡ, anh cũng mò đến sớm nhất để “làm giúp”, dù người ta không mời. Mùa cưới, cứ đâu nghe pháo nổ là anh đến “chúc mừng” rồi tay dao tay thớt thái thịt

bày cỗ, vừa thái vừa dứt mồm. Nghe đâu có tiếng kèn đám ma ò í là anh đến “chia buồn”. Làng tôi, đám ma là phải mổ lợn ăn đến hai ngày. Thế là anh thả cửa “làm giúp” rồi khênh trống, vác cờ rước Cự ra đồng.

Biết tôi là một nhà văn, anh thỉnh thoảng lại đến xin tặng sách, để đọc và “góp ý”, chỉ bảo cho những chỗ sai sót quan điểm lập trường. Tôi thường thay các cuốn sách của tôi bằng những cái bánh mì!

KHI TAO LOẠN

Cháu nội bác tôi lấy vợ. Lấy đúng cháu nội ông *cốt cán* xưa từng tố điều bác tôi trong cái cách ruộng đất. Vậy mà giờ hai người coi như không có chuyện gì. Lại còn thông gia với nhau. Ai mà nhắc chuyện xưa là bác tôi giận thật sự! Tại bác vô tâm chóng quên.

Không. Chẳng quên tí gì. Sao quên được những chuyện *tố điều* chết người nào cho thợ ăn đói, quịt công thợ, cướp ruộng của người khác v..v.

Nhưng bây giờ sang thời yên bình rồi. Mọi người sống tối lửa tắt đèn có nhau. Ra ngõ là chạm mặt. Cơm nhà nào nhà nấy ăn, việc nhà nào nhà nấy làm. Cũng già cả rồi, lo sống cho đứng đắn lương thiện, phúc đức, để tiếng tốt cho con cháu. Cháu dâu tôi là đứa con gái xinh đẹp ngoan ngoãn đảm đang. Vậy cái duyên cũ kia, có nghĩa lý gì, chỉ là sản phẩm của *thời tao loạn*, nên bỏ qua.

Tôi sẫm năm nghĩ. Thời yên bình, người nông dân trong lũy tre xanh sống với nhau khá tày tặn. Đối xử với nhau như bát nước đầy, Nâng niu trân trọng nhau đáo để. Ngày giỗ ngày tết, khi hiếu hỉ điều ấy bộc lộ ra rõ nhất. Mời nhau đến nhà, chấp tay kính cụ kính bác thật là lễ phép. Lắm lúc câu nệ phát sợ. Nhà nào có người “trăm tuổi già” thì cả xóm cả họ đến châu chực đưa đón ra đồng trịnh trọng. Ai ốm đau thì thăm hỏi nườm nượp. Thằng bố lão đi tù hình sự về, cả xóm cũng cứ đến thăm đầy nhà như ai. Anh thương binh ở chiến trường về, khách thăm cũng chỉ đông như vậy. Lắm lúc nghĩ buồn cười đáo để. Làng xóm mà, quanh đi quẩn lại có nhau, chung đình tế thần, chung chùa lễ phật, chung hội làng ngày xuân. Quanh đi quẩn lại con cháu lại cưới hỏi nhau. Cho nên đối xử cứ phải lễ nghĩa thân tình. Ai mà chịu được sự cô độc giữa đồng loại.

Ấy thế mà khi tao loạn, cũng những người ấy, vụt biến thành bắn giết nhau lúc nào không biết. Thánh thiện biến thành quỷ dữ tức thì.

Tôi chẳng dám dấu. Hạnh thôn có cả *Trường bản làng*.

Đầu tiên nơi ấy chỉ là nội cỏ, ban ngày cho trẻ chăn trâu thả diều nô đùa, ban đêm cho trai gái phải lòng nhau ra đây tình tự.

Lịch sử trường bản được hình thành như thế này. Hồi Việt Minh và Hương Dũng hai phe chưa chọn

được lão lý trưởng âm ớ hội tề hai mang để tạm “hưu chiến”, hai bên giành quyền “cai trị” Hạnh thôn quyết liệt. Hương Dũng tóm dân làng vu cho là Việt Minh, đem ra nội cỏ bắn để khủng bố tinh thần dân chúng.

Việt Minh tất nhiên trả đũa, tóm được một chú Hương Dũng chính hiệu để làm vật hy sinh, cũng đem ra đây hành quyết.

Tiếng hô bắn, tiếng súng, tiếng kêu thét van xin được sống của nạn nhân vang lên trong đêm yên tĩnh, vọng vào từng nhà, nghe ghê sợ. Chiến tranh là như vậy.

Tiếng ghé ọ chiều vàng trên nội, tiếng sáo diều vi vút đêm trăng, bị tiếng gào thét lạc giọng trước giờ hành quyết làm bay biến!

Lịch sử hình thành “*Trường bắn làng*” được ghi tiếp bằng tình sử đẫm máu của một cô gái đẹp. Ngày ấy cô đang lưỡng lự không biết nên chọn chàng trai nào làm chồng. Một chàng là lính Hương Dũng, chàng kia là Việt Minh. Một đêm cô đang ngồi chơi bên người yêu Việt Minh trên nội cỏ thì bị người tình Hương Dũng phục kích bắt được. Tên Hương Dũng nổi máu ghen điên loạn cầm dao cắt tiết lợn thọc cổ tình địch tại chỗ. Máu chảy lênh láng nội cỏ. Cô gái kinh hoàng hoá điên bỏ trốn khỏi làng.

Một cô gái khác tên là Liễu, đã trở thành ma Liễu của nội cỏ. Chuyện của cô trở thành huyền

thoại. Ngày ấy tên đồn trưởng Hương Dũng muốn lấy Liễu, cô gái trẻ 18 tuổi, làm vợ hai. Dụ dỗ, đe nẹt, Liễu không tin. Liễu đem lòng yêu người khác. Rò rai vì ghen, tên đồn ác quỷ sai người đem cờ Việt Minh và bản đồ hệ thống đồn bốt bí mật giấu vào quang thúng của Liễu khi cô đi chợ. Rồi giữa chợ, chúng bày trò khám xét, bắt quả tang Liễu làm “gián điệp cho Việt Minh”.

Liễu bị lột trần truồng dẫn ra nội cỏ. Một chiếc cọc xoan chôn sẵn. Chúng lấy tóc Liễu thay dây thừng cột cô vào cọc. Nắng thu buổi sớm rọi vào thân hình cô sáng rực. Một tràng súng nổ. Từ nắng bật lên một dòng máu như vòi phun. Cô còn kịp thét lên: “Tao sẽ thành ma về bóp cổ mày”.

Tên đồn trưởng sau dẫn lính đi càn bị Việt Minh bắt tù. Hoà bình 1954, hắn được thả, về làng. Nhưng 1956, trong cải cách ruộng đất hắn bị dền tội. Lại bị trói trên đúng cái vị trí xưa Liễu bị trói. Một tràng súng hành quyết, ròn rã giống hệ tràng súng năm xưa hắn bắn vào Liễu. Cùng bị bắn hôm ấy, có cả ông bí thư Đảng uỷ xã - người chỉ huy phá càn, bắt được hắn năm xưa. Ông bí thư bị Đội quy là phản động “chui vào hàng ngũ kháng chiến”.

Cỏ trường bắn xanh tốt khác lạ, dài nghêu một cách đáng sợ. Nhiều người qua đây về đêm cứ nghe vắng vắng tiếng súng đòm đòm và tiếng kêu thét.

Thiên nhiên là hồn ma cô Liễu. Bao nhiêu người đã sắm quần áo giấy đến đốt cho cô, mà đến nay bao năm rồi, cô vẫn phải trần truồng. Có đêm gió bắc đầu mùa, người ta thấy bóng cô run cầm cập vun lá khô đập lên người.

Một lần, có một chàng trai si tình thấy cô nằm ngủ lơ mơ trên nệm cỏ, da thịt nõn nà toả sáng rực. Y hết trăng mọc lên từ nội cỏ.

Chàng trai mê mẩn nhào đến ôm cô vào lòng ghì xiết. Anh cảm nhận được da thịt nàng mát lạnh dề mê. Vậy mà ánh trăng vàng vạc một vùng bóng tắt. Cô gái biến đâu mất. Nhìn lại bàn tay mình, chàng thấy đầy máu là máu.

Bọn trẻ kể rằng cứ hôm nào đem trâu ra bãi sớm, còn thấy các hồn ma chưa kịp về âm, đi lại nguẩn ngoang. Ai cũng vừa đi vừa đưa tay bịt ngực bịt cổ chặn những dòng máu phun ra phì phì.

NHÂN VẬT CHỈ

Tôi được lệnh của “các cụ thượng” gọi về làng, phân cho vai tuồng. Là vinh dự và nghĩa vụ của một “đứa con quê hương” nay “thành danh”. Phải nhận chứ biết làm thế nào.

Nhân dịp này tôi tìm gặp người quen cũ, vốn là diễn viên giỏi. Phải hỏi kinh nghiệm họ. Người thứ nhất là Thái Sư Đổng. Ông thường đóng vai như Tể tướng Gia Pha trong truyện “Một nghìn một đêm lẻ”

Thái Su Đống làm nghề cắt tóc, được đùa là “đè đầu vít cổ thiên hạ”.

Khốn nỗi “làm Thái Su” thì giỏi nhưng cắt tóc lại vụng thối thây. Chuyên gọt đầu người ta như gọt khoanh bì. Thành thử mang danh Thái Su mà dối dài.

Thái Su Đống chê tôi tập vai “trung quân” không đạt. Dáng điệu không khoáng đạt. “*Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc*”, thường dõng dạc tâu vua chém đầu kẻ nịnh thần tham nhũng. Một buổi, hấn vái chồng tác phẩm của tôi bày trên giá sách, rồi cười khẩy:

- Trong đấy có nội dung trình tấu Đức Vua chém đầu nịnh thần không? Rồi lại xì mũi:

- Nếu có thì cũng chỉ là giống như tấu tuồng ở hội hát thờ thần làng ta mà thôi.

Đống tâm sự dòng họ hấn xưa là quan đại thần hấn hoi. Một tổ còn ở gò Thiên Viên xây toàn bằng đá ong.

Ôi, tổ tiên là quan đại thần, mà con cháu chỉ là kép tuồng - Đống thờ dài. Một buổi tôi giật mình thấy Đống bị bắt giải lên huyện. Hỏi ra mới biết Đống đã đến gò Thiên Viên đào mả tổ lên tìm vàng. Vàng chẳng thấy, chỉ thấy vài bộ ấm chén, bình lọ gốm đồ tùy táng. Đang định ăn trộm của cải của tổ tiên thì bị dân quân bắt!..

Người thứ hai tôi tính chuyện học tập nghề thuật tuồng là Công chúa Bưởi. Ngày xưa Bưởi diễn hay lắm. Cô lại đẹp như công chúa thật. Hồi là anh giáo làng tôi chỉ muốn lấy Bưởi. Nhưng mẹ cha không ưng. Mẹ Bưởi xưa là cô đầu dĩ thoã nổi tiếng.

Bưởi lấy một anh chồng cục mịch cổ cày vai bừa.

Một lần ở Hà Nội về, tôi gặp Bưởi trên phố huyện. Em vẫn xinh lắm. Lòng tôi tan nát, rượi buồn. Bưởi khóc oà:

- Sao anh không lấy em. Sao anh ngu thế anh ơi. Nhưng bây giờ vẫn còn kịp. Em bỏ chồng, anh bỏ vợ, chúng ta trốn đi với nhau...

Trốn đi đâu? Tôi vẫn còn yêu Bưởi ngẩn ngơ. Tôi trút tình yêu ấy vào mấy bài thơ. Đưa cho Bưởi đọc, cô xé toạc:

- Để mà chùi dít. Tình trên giấy thế này thì khác gì tình trong tuồng!

Bẵng đi bao năm, Bưởi bỏ nhà mất tích. Thú thật là tôi đã đi tìm em khắp nơi để mong một tình yêu vụng trộm. Nhưng mà tuyệt vọng. Đùng một cái, đúng dịp này, Bưởi về làng sang trọng như một bà hoàng. Ngược đời hơn là chính nàng lại đưa tôi tập thơ nàng sáng tác:

- Em làm những năm vừa qua đấy. Buồn lắm. Nhớ anh lắm. Giận anh lắm. Chỉ biết trút vào thơ thôi.

Tôi thì nhớ Buổi. Buổi thì nhớ tôi. Vậy mà chả được gần nhau. Đời ơi là đời.

- Bây giờ thì anh quyết làm “cách mạng”. Con anh đã lớn rồi. Để mặc cho vợ anh nuôi. Em với anh mua một ngôi nhà ngoại ô, đi trốn.

- Không được rồi - Buổi lắc đầu - Em được giàu sang thế này là do cặp bồ với một lão già giám đốc chủ doanh nghiệp. Bỏ đi theo anh thì “*Theo anh, em biết ăn gì. Lộc sẵn thì chát lộc si thì già*”. Quen sống “vương giả” như công chúa thật rồi, bây giờ chịu sao nổi.

Bây giờ em chỉ là khán giả, về quê xem anh diễn tuồng!

.....

Nhớ gì ghi nấy, chuyện làng quê tản mạn còn dài. Nhưng thôi nói mãi sẽ nhàm.

Đại Yên 10-1994

TÔ HOÀI



Họ và tên: **Nguyễn Sen**

Ngày tháng năm sinh: 23.9.1920

Sinh quán: Hà Nội

Nguyên quán: Thanh Oai, Hà Tây

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Đã in khoảng 150 tác phẩm từ 1941 tới nay.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt I năm 1996.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Năm 1970, tôi viết tiểu thuyết *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ*. Đây là kết quả của nhiều lần tôi đã đến Cao Bằng, Lạng Sơn trong kháng chiến chống Pháp và sau này những chuyến đi lâu về vùng quê và những người thân và bè bạn của đồng chí Hoàng Văn Thụ, như các ông Thành (Bùi Thành), ông Công, ông Mã Hợp (Mã Khách Phương) dân tộc Nùng.

Ngót hai mươi năm sau, tôi đã viết câu chuyện này thành truyện ngắn *Chiếc áo “xường xám” màu hoa đào*.

CHIẾC ÁO “XUỒNG XÁM” MÀU HOA ĐÀO

Giáp Tết năm ấy tôi đi khỏi hồ Khuổi Sao, định nán lại Kỳ Lừa vài hôm rồi xuôi. Lại cũng muốn qua cánh đồng Tràng Định, vệt quay Thất Khê ngon có tiếng, rủ mấy ông bạn về đánh chén tất niên nhà lão Mã Hợp ở Khơ Đa, cũng chẳng có mấy ai. Đến Khơ Đa, nhấn lão công ra. Ông Thành thì qua Thất Khê, tôi kéo đi. Hai bạn già này khi nào cũng muốn đi với tôi. Các ông cho là nghề viết báo của anh nhà báo Nông Văn Tư cũng giống công tác ban thanh tra đi lục lại thành tích cách mạng của các ông đã mờ mịt từ lâu.

Ông Thành bỏ quê Hà Tĩnh lên Lào từ thời Đông Du rồi trôi dạt sang Trung Quốc - ông đã thường đi lại nhà ông Tôn Thất Thuyết ở bên ấy rồi về sau ông xuống Long Châu mở lò may cũng để đón anh em vượt biên giới sang. Đến năm 1945, cách mạng thành công, ông trở về làng thì vợ đi lấy chồng đã lâu, bà đem chai rượu và cành cau đến quỳ xuống

lạy người chồng cũ xin tha tội. Bây giờ ông Thành đã bảy mươi tư vẫn ở một mình. Ông về Hà Nội ở trường Đảng ít lâu rồi lên ở hẳn trên Tràng Định. Ở Tràng Định chỉ ngược mắt thì thấy cửa khẩu Long Châu bên kia, có một thời thanh xuân của ông ở bàn ấy. Chuyện với các ông thì bao giờ cũng vậy, sắp nói đã đoán được cả. Chốc chốc, ông nào đấy lại vỗ đùi hét: “Giá mà còn anh Lý thì những cái chân cục trưởng, vụ trưởng chúng mình ăn đứt....”. Giá mà còn....”. Ông Mã Hợp cũng thế, có khi còn dài dòng hơn. Ông Hợp khoe cái ngày còn ở Lũng Nhìu bên kia biên giới đã uống rượu ăn thề với anh Lý⁽¹⁾. Lão không giống ông Thành, ông Công, lão chẳng mong ước cán bộ cao cán bộ thấp ra sao. Chưa làm to, lão đã thấy cái sướng rồi. Năm trước, anh Năm⁽²⁾ đã cho ô tô lên đón cụ ông sinh ra anh Lý với lão về Hà Nội chơi cả tháng. Hôm nào hai cụ áo chàm cũng lén dắt nhau lên uống rượu ở chợ Đồng Xuân, hôm thì rượu thịt cày, hôm thì nhắm với nem rán. Say khướt rồi ngồi xích lô bảo kéo về nhà anh Năm. Chẳng xích lô nào biết nhà anh Năm ở đâu. Thế là xích lô đưa hai cụ vào đồn công an. Chỉ một lúc đã có cái ô tô đen tuyền đến đón tận cửa bót. Hôm nào cũng thế, đã khoái một đời chưa!

(1) Một bí danh của đồng chí Hoàng Văn Thu.

(2) Một bí danh của đồng chí Trường Chinh.

Tôi cũng nghe những chuyện kiểu ấy cả trăm lần rồi. Nhưng lần này tôi về Khơ Đa gặp Mã Hợp còn vì một việc người con cả lão đã lên tận Khuổi Sao nhờ tôi xuống giúp cho. Chả là ông lão ngoài bảy mươi rồi, vẫn được đi làm có lương, lão công tác lương thực ở thương nghiệp huyện. Ngày ngày rong ruổi qua các làng bản thu mua lợn. Có một bà bán bánh khảo ở chợ Đồng Đăng, chẳng biết đã bỏ bùa bỏ bả thế nào, lão đổ đốn đâm mê tít. Bao nhiêu tiền lương, tiền bán tắc kê mà lúc nào cũng nhẵn túi. Nhờ chú về nói với bố cháu, chú nói may ra bố cháu mới nghe...

Tôi về nhà lão Mã Hợp vì chuyện ấy và lại cũng còn một tò mò khác tôi muốn hỏi lại. Ông Thành đã kể cho nghe rằng năm xưa anh Lý ở ngoài Hồng Công về định đem cô Mỏ là người yêu bên Thất Khê ra công tác hải ngoại. Khi Lý làm ở xưởng đúc đạn Long Châu, Mỏ thường sang vào những ngày chợ. Nhưng khi Lý bí mật về Thất Khê hỏi thăm biết cả nhà Mỏ đã chuyển xuống Đại Từ lâu rồi, hay đi đâu không biết. Chẳng may nhà Mỏ bị làng nước đời tiếng là có ma gà, không ai dám đi lại nữa. Cái tiếng nhà có ma gà khiến nhà Mỏ lâm vào cùng túng, không thể ở lại quê được phải bỏ ra đi. Không biết làm thế nào, Lý trở sang Lũng Nhieu, khi ra biên giới đem theo cô Phẩy em gái lão Mã Hợp bây giờ. Cũng bởi cái luật ở Hồng Công rắc rối nên mới bó buộc phải cầu kỳ thế. Trụ sở hải ngoại của đảng đã chuyển trên Thượng

Hải về Hồng Công, người trong nước ra hay ở Xiêm, ở châu Âu về liên lạc đến Hồng Công gần biên giới hơn. Nhưng Luật Hồng Công không cho đàn ông thuê nhà. Người ta đề phòng đàn ông hay lừa đảo, trộm cướp, buôn lậu. Chỉ đàn bà mới được đứng tên các giấy tờ thuê nhà.

Bấy giờ Phùng Trí Kiên đã về Hồng Công, thường trực cơ quan hải ngoại. Từ 1927 ở trong nước ra, Mạnh Văn Liễu (Phùng Trí Kiên) học trường quân chính đảo Hoàng Phố trên sông Tây Giang. Rồi cùng Hồng quân Trung Hoa tham gia khởi nghĩa Quảng Châu. Công xã Quảng Châu thất bại, đội trưởng Mạnh Văn Liễu đưa quân về xây dựng khu Xô - viết hai huyện Hải Phòng, Lục Phong sau đó lại cùng quân cách mạng Quảng Tây vạn Lý trường chinh tiến về phía tây. Năm 1931, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bắt liên lạc với Mạnh Văn Liễu, gửi Mạnh sang Matxcơva học trường đại học Phương Đông. Năm 1935, về Ma Cao dự đại hội Đảng lần thứ nhất, năm 1936, đeo thẻ căn cước giả người Trung Hoa tên là Phùng Ngươn Bình về Sài Gòn hoạt động cho đến khi cơ quan hải ngoại được thành lập ở Hồng Công số nhà 71 Phố Đại La thì được điều ra công tác tại đấy.

Bấy giờ Phùng Chí Kiên đã 40 tuổi, người gầy sứt, bởi thế có tên thường ngày là Mã Gầy để phân biệt với Mã Bé. Cởi áo, trên mình Mã Gầy chằng chịt sẹo vết thương các trận đánh ở những xô khu Quảng

Tây và trong cuộc Trường Chinh lịch sử cuộc cách mạng Trung Quốc.

Cô Phảy ra Hồng Công ở cơ quan hải ngoại và hai người yêu nhau. Năm 1941, Mã Gậy về họp hội nghị Trung ương VIII ở Khuổi Nậm. Cô Phảy cũng cùng về với Mã Gậy chuyến ấy. Đến Long Châu, hai người chia tay. Mã Gậy sang Cao Bằng. Phảy lại về Lũng Nhìu ở bên này biên giới đời.

Họp trung ương xong, Mã Gậy không được điều về Bắc Sơn chỉ huy trung đội 1 cứu quốc quân. Cuối tháng sáu, địch huy động hơn năm nghìn quân từ bốn phía Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Cạn, Thái Nguyên tấn công căn cứ quân du kích. Sau những trận ở Khuổi Nọi, ở Gia Huân, đội du kích rút ra ngoài vòng vây tránh lên căn cứ Cao Bằng. Một cánh cùng Hoàng Văn Thái, Đặng Văn Cáp sang Bình Gia, Thất Khê rồi qua Trung Quốc vào Hà Quảng. Một cánh Mã Gậy chỉ huy lên châu Ngân Sơn sang Cao Bằng.

Ngày 19-8-1941, đến Pò Kép châu Nà Rì nghỉ lại. Sáng ra gặp một đám người làng về châu mua muối, thế là bị lộ. Địch đưa quân chặn các ngã rừng Ngân Sơn. Ngày 22 tháng 8, sáng sớm vượt đèo Khau Pàu xã Bằng Đức thì gặp địch.

Mã Gậy phải đạn, chết tại trận.

*

Thế nào mà hôm ấy rồi chỉ có mỗi mình tôi về Khơ Đa. Gặp ngày chợ Thất Khê, không thấy ông Thành ở nhà, ông Thành đi bán gà. Chợ tết, biết thế nào mà đợi, tôi viết mấy chữ lại, rồi đi trước. Ông Công cũng chưa đến. Mà Mã Hợp chủ nhà cũng còn mất hút. Chẳng rõ vội đi lòng lợn tết hay là còn rúc vào nhà bà lão bánh khảo trên Đồng Đăng.

Ngoài cửa, cài hai chiếc dơi ngăn lợn khỏi chui vào phá vườn, tôi lấy gáo múc giội nước rửa chân. Lên thang nhà, ra chỗ sân ảng nhìn xuống đường cái. Chiều đã nhuốm sương giá mà vẫn rớt nắng vàng rực trong những cây hoa mai vừa nãy còn trắng xoá. Tiếng vó ngựa trên chợ chiều về nghe lóc cóc cả đàn như mõ trâu đập trong cửa rừng. Người lác đác rẽ vào xóm, người đi chợ về, người kiếm rau kiếm củi ở rừng ra. Căn nhà quanh quẽ mấy lần qua lại, tôi cũng đã quen, lúc nào cũng vắng, cửa giả trên nhà không chốt, chẳng có cái để mất trộm. Lác đác mỗi nhà khuất dưới bụi mai bên kia đồi. Vợ chồng người con trai ông Mã Hợp với mấy đứa cháu nhỏ ở cửa hàng bách hoá trên thị trấn Nà Sầm, thỉnh thoảng mới về.

Một người địu mấy cây củi cao lênh khênh đương cúi xuống đẩy nghiêng chiếc chốt cổng. Mùa này, các nhà trong làng trên núi phải nuôi lửa cả đêm. Củi sưởi đã được dẫn sẵn nguyên cả cây trong rừng từ đạo chớm vào thu, rồi vác dần về. Những cành củi cao quá đầu che lấp người, như một bó cây

khô nhích đi. Vào đến đầu nhà mới trông rõ bà lão cõng củi. Chẳng nhớ có phải bà lão hôm nào tôi đã trông thấy vác nước. Nhớ làm sao được những người lam lũ, thất thểu, váy bạc trắng mo nang, cửa tay, đuôi vạt áo rách lướp tướp. Mà có hỏi cũng chẳng buồn trả lời, cảnh thường gặp ở những buổi chiều khó nhọc, người ta đi trong rừng ra.

Bà lão đặt từng cây xếp vào đống củi đun, đống củi sưởi bên cột sàn. Rồi lẳng lặng ra đằng sau trèo thang lên bếp. Nghe tiếng ống thổi lửa pho pho đằng bếp mới biết. Biết có khách mà chẳng ra nhóm lại củi sưởi ở cái bếp giữa chỉ còn tàn than trắng nhợt. Cũng không phải người ta nhạt khách mà nhà chỉ có đàn bà thường vẫn như hờ hững thế.

Tôi chợt nghĩ hay đây là bà bán bánh khảo ngoài chợ đã về ở với ông lão. Cho nên mới lên thang gác bếp như người nhà.

Ngoài đường, vẫn người lác đác về qua trong sương chiều vàng xuộm. Chốc chốc, một chiếc xe ngựa tiếng nhạc đồng rộn rã, người ngồi chen gông gánh lửa tủa trở ra hai bên thành xe như cái bàn chông bầy nhím. Đến giờ mà lão Công trong Hội Hoan, lão Thành trên Thất Khê chưa tới thì chắc hôm nay chưa ai đến được. Chỉ lát nữa thôi, vừa tối mịt lại sương xuống rét buốt, đước cũng không cháy, chẳng ai dám đi đêm. Tôi cũng đã quen cảnh chờ đợi và chơi rón vại

ba hôm ở những nơi đầu rừng cuối suối ngày rộng tháng dài như thế này rồi, chẳng áy náy gì.

Lại thấy một bà già vào trong ngõ. Bà này thoáng trông đã nhận ra là người chợ búa. Khăn áo chàm sẫm, mặt trắng bệu, vai đeo chiếc túi, tay xách cái bu nốt đôi gà trống. Bu chặt, hai con gà cựa quậy mổ nhau, mào đỏ gay, mỏ há thở phọc phọc thò ra ngoài nan. Bà áy khoan thai treo cái túi lên đầu cột sàn ngẩng lên nhìn thấy tôi thì cất tiếng, loé chiếc răng vàng: Chào ông....

Ở đằng thang bếp, cái bà lão còng lưng mặc váy mo nang bạc lúc nãy lại đương xuống thang, con dao đi rừng vẫn giắt trong chiếc thùng buộc thắt lưng, chưa cởi. Bà lão áy bước tới chỗ bà vừa đến đặt chiếc bu gà. Bà lão lầm bầm, chẳng nói chẳng rằng. Bà nọ cũng đứng sững. Bốn con mắt tuổi tác kèm nhèm thế mà lồi ra, ánh lên như nhát dao sắp đâm sang nhau. Rợn quá. Cứ thế một lúc, không ai nói một câu. Đến lúc cái bà lão móm quài tay ra sau lưng từ từ rút con dao ra thì bà lão vừa vào lập cập, nhón nhác. Tôi sắp nhảy bỏ trên sân ảng xuống kéo án mạng đến nơi thì bà áy đã luống cuống quay ra. Bu gà bỏ đấy, quên cả ngoái tay với cái túi cài trên đầu cột. Bà hốt hải chạy cung cúc.

Bà lão nọ vẫn lăm lăm con dao, nhưng đứng chằm chằm không đuổi theo. Hai con mắt đương trừng trừng từ từ cúi xuống, khuôn mặt méo mó, xám

ngắt. Rồi tra con dao vào cái vỏ gỗ, lại lòng không cúi rạp lưng trèo như bò cái thang sau lên bếp. Hai con gà trống trong bu mổ nhau quéc quéc, cái lông lăn vào tận chỗ chân cột giữa gầm sàn. Việc gì vậy, thế nào vậy, tôi không hiểu.

Tôi mong lão Mã Hợp quá. Một lát, thấy Mã Hợp xăm xăm vào, như người vừa đi làm cỏ ngoài đồng về. Cái tai mũ lông Nga đen nhánh đứt dây buộc vẩy vẩy hai bên mang tai theo bước chân nhấp nhểnh. Nhưng ống quần lại xắn ngang đầu gối, vai lão đeo túi dết, tay cầm gậy trúc, không biết gậy chống hay gậy bắt lợn. Tôi ló đầu trong cửa sổ ra, lão nói toang toang.

- Anh Tư đã về á? Vun lửa lên, mở cửa to thế để chết công á! Vun lửa lên....

Những người nặng tai có lẽ tưởng ai cũng điếc nên có thói quen nói to như hét. Lão Mã Hợp đã bước lên thang nhà thì trông ngang thấy cái bu gà trong gầm sàn rồi đụng vào chiếc túi chàm treo lủng lẳng đầu cột. Lão quát:

- Nó mang gà đến rồi á? Đâu rồi, sao lại để túi thế kia?

Tôi chẳng biết thế nào. Trên nhà bếp không có tiếng trả lời lại. Dường như Mã Hợp cũng đoán được sao đấy. Lão bỏ thang nhà đằng trước, chạy lên thang bếp. Lão nói âm âm, mà tôi chỉ lồm bồm tiếng Nùng

không hiểu. Nhưng chắc cũng chỉ là chuyện lời thôi rắc rối vừa rồi.

Lão Mã Hợp bước ra nhà mặt đỏ găng giận dữ, rồi lại hênh hếch cười ngay. Thế là tôi cũng quên ngại mà lấy vui, tôi hỏi:

- Cái gì thế?

- À à, con mẹ ở chợ ấy mà. Tao đã dặn nó rằng nhà hôm nay có khách, đem gà về làm cho chúng tao đánh chén.

- Đôi gà kia à?

- Hôm qua đã phải lạy cả cái con chết già ở nhà này rồi thế mà nó lại đánh đuổi người ta đi.

- Ai? à, à....

- Con Pháy kia kìa, con Pháy nhà tao kia kìa. Cái con thần nanh đỏ mỏ với cái con trai con dâu độc ác, chẳng đứa nào cho tao được ngủ với bà lão ấy mà. Người già thì cũng phải có vợ chứ, anh Tư có đồng ý không?

Lão Mã Hợp bắt tay tôi rồi lão nhếch miệng cười, giơ cả cái lợi nhọn nhọn, hàm dưới trống hốc chẳng còn chiếc răng nào.

Những điều tôi ngờ ngờ đã vỡ nhẽ. Cái bà lão bán bánh khảo ở chợ đấy. Mà bà lão đương ngồi trong bếp là em gái ông Mã Hợp, là cô Pháy mà anh Lý đã về Lũng Nghìu đưa ra Hồng Công, là người yêu của

Mã Gây - mà năm xưa, khi về Long Châu hai người chia tay nhau, người sang Cao Bằng, người xuống Lạng Sơn, cô Phẫu, cô Phẫu ấy đấy.... Ôi, năm xưa ấy đến năm nay, con tính cộng một nửa thế kỷ đã qua không bao giờ cộng lại được.... “Người ta chết rồi thì còn có linh hồn không? Thế thì người ta chết rồi có thể gặp mặt nhau nữa hay không? Vừa lắng nghe tuyết rơi ngoài cửa sổ, vừa suy nghĩ lan man.... Tôi nằm mơ màng nghe tiếng pháo văng vẳng ở đâu xa, liên hồi không ngắt, tiếng pháo cùng hoa tuyết pháp phối bay đang bao phủ lên cả cái thị trấn này.... ”

Thế là hôm ấy hai lão bạn già cũng chưa ai đến. Ông Mã Hợp bắt trong bu ra một con gà. Tôi không phải nghe tiếng đập nhau thành phạch, khô khốc và như thế cũng làm cho tôi quên đi cái râu rĩ khổ cực nhớ lại lúc hai người đàn bà gờm nhau. Không có tiếng gà phá lồng mỗ nhau nữa, thì tôi lại nhớ đến cô Phẫu, thế nào cũng không thể tưởng được ra cô Phẫu xưa kia lại là có khi, lại là có thể là bà lão như cái bóng xám lúc này hai tròng mắt sắp long ra, lồi lên, như con mèo ồm đánh nhau với con chuột cống, không biết con nào ăn thịt con nào, rồi lại vào lặng yên, hai mí mắt buồn bã không dám ló ra chỗ bếp giữa nhà này.

Ngày xưa ấy, cô Phẫu ở Hồng Công trở về, đã mấy chục năm cho đến bây giờ, lại lam lũ làm nương, lại đi rừng, đến khi thành bà già lụ khụ điếc lác, răng

rụng lúc nào không biết. Ai biết bà già kia đã một thời con gái ra Hồng Công, đến bà lão ấy cơ chừng cũng chẳng còn biết mình đương chờ ai, đợi ai, mình đã có khi đến cái nơi ăn chơi nhất thế giới ấy.

Tôi nói với Mã Hợp:

- Bảo cô ấy ra đây ăn cơm cho vui. Chú ông với tôi thế này, ta bắt chước người Dao đàn bà phải ngồi mâm khác à?

Ông Mã Hợp nói:

- Đáng nhẽ thì vui nhiều hơn, ối giời, nó ác quá, nó bắt ai cũng phải cô quả, ai cũng phải ở một mình. Mặc nó! Nó cũng uống rượu trong ấy đấy!

Ồi chao, nó cũng uống rượu trong ấy. Ừ, có thể chứ, cũng phải thế chứ, cái rượu làm cho người ta khuây khoả, cái rượu còn gọi được mắt về. Ông Mã Hợp và tôi uống lần lần qua chặp tối cho đến khuya. Vẫn những câu chuyện cũ kỹ đã bao nhiêu lần nghe kể lại: tao ra chợ Đông Xuân uống say rồi lên xe xích lô ngồi bảo nó đạp về nhà anh Năm.... Anh Lý mà còn sống, tôi phải làm ông bộ rồi chứ sao tôi lại phải là thằng đi bắt lợn, anh Tư, anh Nông Văn Tư nghe thế có thấy phải không? Ở trên tảng đá sau nhà bên Lũng Nghìu kia, tôi với anh Lý uống một chén rượu rồi đập ra thề đũa nào phản nhau thì chết tan như những mảnh chén này.... thế cơ mà....

Tôi đã chẳng kể một câu nào về cái chuyện lúc chiều hai bà già gằm gừ và một người rút con dao ra. Nhưng Mã Hợp đôi lúc lại cần nhần chửi một câu về chuyện cái bu hai con gà lẩn vào trong gằm sàn, nhờ con cáo đi qua vỗ mắt thì toi rồi. Chắc Mã Hợp đã nhiều lần can ngăn hai bà lão hằm hè, có khi đã đánh xé nhau không biết chừng. Một chốc, Mã Hợp lại thở dài:

- Nó bắt ai cũng phải như nó, ai cũng phải chết cô độc như nó. Tôi không chấp. Tôi biết chấp thế nào, mà nó làm gì được tôi, có phải không anh Tư?

Ông Mã Hợp đã nói đến câu ấy thì tôi không còn có thể lựa lời vào đâu để khuyên nhủ được như người con trai ông đã phải đạp xe từ Nhà Sầm về Khuổi Sao khẩn khoản nhờ tôi nói với bố anh đừng dan díu với bà bán bánh khảo, bà ấy đẽo cho đến cái áo cũng không còn mà mặc. Ông lại đương làm nhàm. Vì nó khổ, nó bắt ai cũng phải khổ như nó, tôi cũng như nó, hai anh em phải cùng khổ như nhau, hà hà....

Rồi ông Mã Hợp ôm hai tay lên mặt, im lặng. Tôi đương nghĩ đến bà lão ngồi uống rượu một mình trong bếp. Khi người ta đã chệnh choáng có lẽ máu trong người được hâm nóng hơn, nghĩ cái gì hãy làm ngay cái ấy, ít thấy ra những trở ngại loảng quảng như lúc chưa uống rượu. Tôi đã biết cô Pháy mà hoá ra tôi không biết cô Pháy, không, cô Pháy không phải mẹ Tường Lâm, cô Pháy không ngây dại như mẹ

Tường Lâm. Ủ, tôi phải vào trò chuyện với cô ấy, tôi vào chơi với cô Pháy năm xưa.

Cái bếp xếp không có đèn. Nhưng hai cây củi to hồng rực như hai con trăn lửa. Bà lão ngồi tỳ một bàn tay lên cái cầm móm, nhìn đồng suối. Tôi không trông thấy be lọ uống rượu đâu. Bà lão cũng chẳng buồn ngước mắt như là không trông thấy người đi vào. Dương nghĩ ngợi gì, hay là vốn lúc nào cũng thờ ơ như không. - Em là Nông Văn Tư ấy mà, em chào cô Pháy.

Ông Mã Hợp ở gian ngoài nói chõ vào:

- Nó điếc đấy, hai anh em tôi điếc. Hai anh em tôi khổ. Chú Tư phải hét to lên nó mới nghe được.

Bà lão nhìn lên. Tôi bỗng gặp cái cười móm mém trong khóe miệng không còn răng đã hõm dính sát vào lợi. Thế là bà ấy, nếu không nghe được thì cũng biết lời chào của tôi rồi. Hay là đã bao nhiêu năm nay bà mới lại thấy có bóng người đàn ông lạ đến với mình mà bà cười. Không biết nữa. Tôi ngồi xuống cái mẩu gỗ trước mặt, trong khi bà lão lom khom đẩy cây củi cho lửa lên to hơn. Bấy giờ tôi mới nhìn thấy bát rượu sóng sánh để trên mặt sàn. Tôi lại càng thông cảm niềm vui của bà lão, cái cảm giác về mẹ Tường Lâm trong truyện Lỗ Tấn mà tôi đã nghĩ ghép vào như trên kia, khi tôi thoát biết bà già ấy là cô Pháy đã từng ra Hồng Công ngày xưa, thế là không đúng, thế là không phải lúc này.

Tôi cầm bàn tay ghồ ghề của bà lão lên. Bà lão ôm cả hai tay tôi, hai bàn tay nhăn nheo lạnh toát rần chắc như đá tảng nắm lấy tôi, nhắc tôi đứng dậy. Bà lão đẩy tôi lùi tới cái ổ lá chuối khô mà tôi đoán đây cũng là chỗ bà lão nằm. Bà lão lom khom, lúi húi bới đồng lá chuối lồi trong góc sàn ra một chiếc làn mây có nắp kiểu hòm đựng đồ lặt vặt vẫn thấy bày bán với đám bàn ghế tre trúc Đông Khê ngoài chợ, mặt làn để cạnh bếp lâu đã lên nước bồ hóng đen nhánh.

Bà lão lục lợi lấy các thứ trong làn ra. Đồng xông áo cái rách cái bạc phếch, dưới cùng, có tờ giấy bóng trang kim bọc một mảnh lụa màu đào. Không phải mảnh lụa, đây là cái áo “xường xám” mà ngày trước các cô con gái Trung Quốc ở thành phố hay mặc. Áo cộc tay thít lên tận nách, thân áo dài quá đầu gối, xẻ hai bên hông. Mảng màu hoa đào rực rỡ giữa ổ lá chuối khô với những cái váy, cái áo dài chàm tã. Tấm áo ngày xưa, cái áo ngày xưa ở ngoài Hồng Công, những buổi tối mùa hạ, mùa thu, hai người đã quàng vai nhau đi dạo chơi, ngồi chơi bên bờ đảo.

Tôi rũ cái áo “xường xám” gấp nếp phẳng ra rồi giơ lên ướm trước mặt bà lão. Màu hoa đào phơi ra như ngoài kia lúc này có nắng hắt vào với tiếng pháo đón xuân rào rạt vang động khe núi. Bà lão lại móm mém cười, hai tay đẩy tấm áo ra, nước mắt ứa xuống hai hố mắt.

BÙI HIỂN



Họ và tên: **Bùi Hiển**

Ngày tháng năm sinh: 22.11.1919

Quê quán: Tiến Thủy, Quỳnh Lưu, Nghệ An

Nghề nghiệp: Nhà văn

Địa chỉ hiện nay: Khu tập thể Trung Tự, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: 17 tập truyện ngắn, bút ký: *Nằm va, Gặp gỡ, Ánh mắt, Đường*

lớn, Những tiếng hát hậu phương, Hoa và thép, Ý nghĩa ban mai, Tâm tưởng, Bàn bè một thuở...; bốn tập truyện thiếu nhi và mười đầu sách dịch văn học nước ngoài.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật đợt I năm 2001.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Trên những nẻo đường chiến tranh, trở lại Hà Tĩnh công tác tôi có dịp đi qua vùng Chợ Củi (huyện Nghi Xuân), dừng chân ngồi nghỉ ở vệ cỏ ven đường, châm một điếu thuốc và nhìn xuống trận địa pháo cao xạ cũ của đơn vị con trai, nơi tôi từng đến thăm. Lúc này con và đồng đội đang chiến đấu ở nơi đâu? Dường như cảm xúc sâu lắng này đã chạm vào tâm thức, gợi ra cái mạch và giọng của truyện, không phải ngay khi ấy mà trên chặng đường tôi đạp xe xuôi về phía Nam.

Bằng sự quan sát, lắng nghe âm thầm, kín đáo của người cha, một người cha từng trai, hình ảnh người chiến sĩ trẻ đang lớn lên trong sự đan dệt của hai dòng thời gian, giữa hồi tưởng nét quen thuộc thời niên thiếu và khám phá mới mẻ về người lính trận hôm nay, vừa mang tính liên tục vừa có nét đột phá đáng tự hào...

KỶ NIỆM VỀ NGƯỜI CON ĐI XA

Cái lần tôi ghé thăm nó đầu tiên - Ông ta bắt đầu kể, giọng chậm rãi trầm trầm có vẻ như đắn đo nữa của người đã đứng tuổi, lúc ấy đang thời kỳ hoà bình. Lần ấy chẳng có gì đáng nói cho lắm. Xe tàu đang hoàng, gần như đưa đến tận tôi. Đơn vị nó đóng trong một doanh trại khá lớn, ba tầng, nhìn ra biển, gió khơi lồng lộng. Tôi nghĩ đến căn nhà chật hẹp ở khu ngoại ô Hà Nội, nơi tuổi niên thiếu của nó đã lớn lên, so sánh thăm: đời lính thế này, kể cũng thoải mái đấy chứ! Về chuyến đi ấy tôi nhớ nhất cái chuyện nhỏ này: một buổi chiều, nó đưa tôi đi thăm một vài nhà đồng bào chài lưới chỗ đóng quân. Vừa đặt chân vào nhà một bác ở đầu xóm, bác vội vàng trải chiếu, vẻ xăm xắm: “Mời hai anh ngồi chơi uống nước”. - Chẳng là tôi bận chiếc áo choàng ka - ki giống áo bộ đội nên bác nhầm. Nó liền giới thiệu: “Đây là bố cháu”. - “À rứa thì mời cụ với anh vô chơi”, bác tiếp liền, giọng cứ tự nhiên như không, sẵn sàng tôn cái tuổi tác của khách quá lên hơn một mức như để bù lại cái bất cập vừa rồi.

Năm 1966, tôi lên đường vào khu Tư khoảng đầu năm dương lịch. Ngoài nhiệm vụ chính của cơ quan, còn có một công tác do vợ giao phó, mà qua giọng nói hơn là qua lời, tôi hiểu vợ tôi coi cũng rất quan trọng:

- Bố nó mà có công tác ở Hà Tĩnh, tiện dịp nên gắng ghé thăm con một tí.

Vào đến nơi, công việc ở vùng chiến đấu khẩn trương lôi cuốn tôi. Một tháng sau, đúng vào ngày tết, tôi mới có dịp thực hiện lời vợ dặn.

Tết chống Mỹ trong ấy gọi là “Tết Quang Trung” - đi dọc những tuyến đường khu Bốn thật là vui. Dễ không còn ai ở nhà nữa chắc! Sáng mồng một mà người đông nườm nượp như ngày xưa trẩy phiên chợ tỉnh cuối năm. Bà con gánh đất đá tu bổ các quăng bị bom, dự trữ vật liệu cho cuộc chiến đấu sắp tới. Bên lề đường, từng đống cát, sỏi, đá chạy dài vuông vức. Có một cái cầu khá lớn, thằng Mỹ rình cản hàng mấy tháng trời vẫn chưa hề suy suyển, nhưng cạnh đấy đã thấy một bến phà chực sẵn, màu đá xanh còn tươi rói dưới nguyệt trang. Nhìn sang bờ bên kia, lại thấy mấy đống đất đá, ván, gỗ rông đanh sẵn sàng. Đất từng bánh lớn tròn xoay xếp hàng đều rậm rạp chồng lên nhau, còn in rõ khuôn hình đáy thúng, trông ngon lành như những chiếc bánh nướng màu nâu sẫm. Tất cả mọi cái đó gọi một ấn tượng dồi dào, sung sức, bình tĩnh và can đảm nhìn thẳng cái quyết liệt ngày mai.

Tôi men theo quăng đường số 1 chạy dọc chân Hồng Lĩnh. Bên tay trái, cách một dải ruộng hẹp lầy bùn, là con sông Lam, từ phía bên Nghệ An uốn khúc ghé hôn bờ đất bên này trước khi đổ tuôn ra biển. Còn khoảng mười lăm cây số nữa sẽ đến chỗ đơn vị con tôi đóng. Nhác thấy có đám người lố nhố phía bờ sông - những chiếc mũ sắt, ba bốn cái công sự, mấy đầu ngọn pháo nhu nhú, lưôm nhưôm lá ngụy trang - tôi hãm xe, dừng lại. Đang đứng nhìn, bụng chưa có ý nghĩ rõ rệt, chợt thấy từ trong đám tách ra một bóng người, anh ta giơ cái mũ sắt vẩy vẩy rồi tất tả chạy về phía tôi. Đúng Nam Tiến! Tôi nhận ngay ra cái dáng chạy hai vai hơi nhúc nhích, thân hình tầm thước và cả đến cặp bụng chân nở, dưới hai ống quần xắn cao đến tận đầu gối.

Thật không ngờ lại gặp con ngay giữa cái trận địa pháo dọc đường này. Liếc nhìn quang cảnh, có thể đoán biết trận địa vừa xây dựng, chưa xong. Lúc ấy đơn vị đang sắp sửa ăn cơm trưa. Các bạn của Nam Tiến đưa đã cầm tay ngược nhìn. Nghe nó giới thiệu thế là họ chạy ô ra đón, bắt tay bắt chân, bác bác cháu cháu, có anh lại thân mật tôn ngay tôi là bố.

- Nhân thể mời bố ăn bữa cơm với chúng con. Bố đi từ xa, chắc đói rồi.

Không khách khí gì hết, tôi liền đứng vào bàn. Nói đứng, vì không có ghế. Còn bàn ăn là một tấm tôn đặt bấp bênh trên bốn cây cọc. Nhưng nội dung thì lại

khá thịnh soạn, cũng thịt kho, thịt luộc, giả cây, nộm, cá thu. Trong lúc ấy, tôi thấy bóng một cô gái trẻ, xinh xắn, đứng một mình bên lèn ra xa. Thì ra đây toàn những thứ dân làng nấu sẵn, gánh ra ủng hộ bộ đội. Cũng có cả bánh chưng và một rá xôi to. Xắn bánh chưng phải sức gượng nhẹ, kéo đồ “mâm”. Thức ăn mà đồ ụp xuống đây thì chả còn hòng vớt vát: chúng tôi đang đứng ngâm chân giữa ruộng lầy, bùn lũng bõng ngập đến mắt cá.

Hầu hết anh em đều nói giọng khu Ba. Họ hỏi tôi chuyện Hà Nội và đủ các thứ chuyện khác. Tôi bỗng đâm ra lưu loát trái với bản tính thường ngày. Đôi lúc có cảm giác họ lắng nghe tiếng nói của tôi hơn là câu chuyện tôi kể. Anh em xa nhà đã khá lâu, và hôm nay, tôi mặc nhiên trở thành như người thay mặt cho tất cả mọi gia đình, mang đến cho anh em một ít không khí quê hương, một ít âm vang lời ăn tiếng nói của những bà con thân thuộc.

Quanh chúng tôi, các nòng pháo với cái mồm râu ria nghếch lên trời, dù sao, trong những ngày ngừng bắn này, trông vẫn có vẻ nhàn nhã. Đó là những cỗ tiểu cao mười bốn ly năm, xinh gọn. Nước sơn đen bóng anh ánh, cả đến bánh xe cũng sạch bong, không gọn bùn ý chừng nó cũng được chùi dội sạch sẽ cho ra dáng pháo ngày tết.

Bốn năm chú bé kéo lệt xệt từ ngoài đường cái vào những cành lá to xum xuê, xong cứ đứng mãi đấy, nghếch mắt ngắm nghía các cỗ súng. Chắc các

chú chàng đã tự động đi kiếm lá nguy trang đem vào ủng hộ để có dịp xem quang cảnh trận địa. Mới lại biết đâu thầy giáo nay mai chẳng ra bài bảo tả anh bộ đội pháo!

Một lát sau một toán đông từ trong làng bên kia đường cái rầm rập kéo tới. Đó là đám nhân công ta giúp sửa sang trận địa. Hết thấy đều là nữ thanh niên, chỉ lọt vài ba anh nam cỡ choai choai nhàn nhàn, bị luốt hẵn đi. Các o cất tiếng chào riu rít. Dẫn đầu là một ông đã có tuổi, áo dạ đen sồn cũ, quần nâu xắn quá đầu gối, đầu đội mũ biên phòng. Nam Tiến giới thiệu với tôi: đồng chí bí thư chi bộ, kiêm chủ nhiệm hợp tác xã. Ông ta cười, giơ bàn tay thô nhám bắt tay tôi.

Rất khẩn trương, ông đốc thúc quân bắt tay ngay vào việc.

Các o xắn và chuyên đất. Anh em bộ đội chia nhau một số đứng xen kẽ vào chuyên, một số bao quanh công sự, dùng xẻng và gộc tre đâm cho bằng mặt. Trận địa có thêm đám nữ thanh niên, linh hoạt hẳn lên, tiếng cười rộ lên từng đám, từng lúc, cũng chẳng rõ vì sao. Nào cần chi cơn có! Họ cười với tuổi trẻ của họ. Cũng có thể họ cười với cảnh nước mây thoáng đãng, với cái tuổi đôi mươi của đám lính pháo cũng trẻ măng đồng lứa với họ, với cái viễn ảnh thắng lợi của đất nước mà họ tin tưởng một cách tuyệt đối, hồn nhiên, như họ tin ở chính mình.

Trong lúc đó, một đồng chí xã đội lạng lẽ dùng bừa xát đánh bò vạch một lối mòn qua đám ruộng đã cày vỡ lổn nhổn, chuẩn bị sẵn sàng đường kéo pháo sang trận địa phụ. Chỉ trong chốc lát, mấy bức công sự đã cao vượt hẳn lên, tròn vạnh, phẳng phiu. Các o giúp tay anh em bộ đội cầm lại ngụy trang. Nam Tiến đang bàn chuyện gì với ông cụ bí thư cạnh một khẩu pháo. Đứng xa xa, tôi ngắm nhìn dáng điệu cử chỉ của đứa con trai, bất chợt thấy mình đang nghĩ: “Trông nó cũng chững chạc đấy chứ!”. Chốc chốc ông cụ lại gật gật đầu và cười cợt mở. Trước khi ra về, ông ta đặt hai tay lên vai Nam Tiến, nói một câu gì dài - Vẻ thân mật như cha con, bất giác tôi nhận xét, và khi ông theo Nam Tiến đến tìm tôi, tôi đưa cả hai tay nắm chặt bàn tay ngắn ram ráp của ông, cảm thấy như chính mình cũng được chuyển sang một chút hơi ấm của cái tình dân đùm bọc.

Đến lượt đám nữ thanh niên từ già anh em bộ đội. Một o bắt tay Nam Tiến, mắt liếc một thoáng về phía tôi - bố bộ đội mà lại! Tôi cũng không kịp nhận rõ ánh mắt ấy bẽn lễn hay tinh nghịch.

- Chúc các anh mạnh khỏe, bắn giỏi, bắn trúng!
O cất giọng thanh thanh, gần như lạnh lót.

O đứng sau tiến lên một bước, đứng thẳng người rất nghiêm, bỗng buông gọn lỏn:

- Đồng ý như trên!

Rồi ú té chạy, cười khanh khách. Tất cả ô ạt chạy theo, ríu rít như một đàn chim sẻ.

Đêm ấy tôi nghỉ lại trận địa, trong một cái lán căng vải bạt. Pha trà, hút thuốc, chuyện râm ran. Đến lượt anh em kể cho tôi nghe những chuyện đánh máy bay địch, những kỷ niệm trú quân. Trong khi đó, Nam Tiến đi kiểm tra và hội ý với các khẩu đội. Cạnh tôi, một anh ngồi lúi húi thống kê số bánh quà của đồng bào ủng hộ - để còn báo cáo lên trên chứ. Anh ta buộc túm mấy chục quả trứng gà vào một cái túi lưới, bần khoản tìm mãi một chỗ treo, dạn dò hai ba lượt.

- Cậu nào đêm dậy đi gác phải chú ý, nó mà rơi xuống thì thành nước hết!

Tôi nằm cạnh Nam Tiến, mãi không ngủ được. Vài tiếng muỗi vo ve. Mùi bùn tanh nhạt bốc thoang thoang: ván kê cách mặt ruộng có hơn một gang. Gió lạnh từ ngoài sông tạt vào từng luồng. Lâu lâu lại nghe tiếng gọi nhau khe khẽ đối canh, tiếng sột soạt trao cho nhau chiếc áo mưa vải bạt. Khoảng ba giờ sáng thì đến phiên gác của Nam Tiến. Tiến trở dậy, đắp thêm cho tôi chiếc chăn bông còn nồng hơi ấm của nó, lại mắc thêm cái màn trước khi bước ra ngoài.

Cái cảm giác ấm áp, thật là trái ngược, khiến tôi tỉnh thức hẳn. Tôi mơ màng nghĩ, cái phần nồng ấm đắp ủ thêm cho tôi, đứa con trai đã đánh đổi nó bằng cái rét giá bên ngoài. Giờ này, là một người lính, nó

đang đứng ngâm chân giữa ruộng lầy trong bóng tối đầy mưa phùn gió bắc, canh gác giấc ngủ của tôi, của thôn xóm.

Không nghe mưa, chỉ có tiếng nước nhỏ giọt đều đặn từ mái bạt rơi lóc bóc xuống rãnh bùn. Gió từng cơn từ phía sông phù phù rạt tới. Dưới hai lần chần, tôi tự dưng ớn lạnh lưng, có cảm giác như mặt nước sông càng xám lạnh và tê cóng. Phía trên đầu từng lúc một, tiếng xe tải lăn vo vo trên đường cái rồi dần dà mất hút.

Quãng đường số 1 lượn quanh dưới chân Hồng Lĩnh này đối với tôi quen thuộc biết bao. Đó là con đường mà cách đây ba mươi năm tôi đã đi về, thăm vợ chưa cưới. Vợ chồng tôi hiếm muộn, lấy nhau đến gần chín năm mới có mang đứa đầu lòng. Lúc bấy giờ vừa gặp Cách mạng tháng Tám, và ít tháng sau tôi nhận nhiệm vụ vào công tác ở miền cực nam Trung bộ, lúc lên đường vội vã đến nỗi cũng không nghĩ đến đặt tên cho đứa bé sắp sinh. Cái tên Nam Tiến, Trần Nam Tiến, là do ông bác làm chủ tịch xã gợi ý cho vợ tôi. Lúc tôi trở về thì thằng bé đã hơn bốn tuổi. Tôi gần gũi nó được non một năm trước khi lại đi nhận công tác mới.

Tôi không còn hình dung rõ khuôn mặt của Nam Tiến lúc bấy giờ, chỉ nhớ nhất là cái dáng nó chạy lon xon, hai vai đã hơi ngúc nghích nom buồn cười và hết sức dễ thương. Nó hay ra vườn nghịch

trèo cau, đổ mặt tía tai cố leo bằng ngang tầm người lớn rồi ngửa cổ ra sau cười gọi í ới để bố ra công kên đưa vào. Buổi chiều, tôi hay dắt nó dạo quanh làng. Có một lần hai bố con đi chơi trên bờ đê, nó tụt lại sau vì đang mải chuyện với ba bốn đứa cùng trạc tuổi hoặc lớn hơn một chút. Loáng thoáng như chúng đang cãi vã nhau điều gì. Bỗng nó tách khỏi đám chạy vượt lên, gọi hỏi tôi rất to:

- Bố ơi bố, mấy cái cơn chồ đằng tê là cỏ hay là lúa bố?

Tôi lơ đãng quay nhìn theo tay nó chỉ - lúc bấy giờ không hiểu tôi cũng đang bận nghĩ gì-đáp gằn như cái máy:

- Nó mọc bên bờ đê thì là cỏ chứ!

Nam Tiến lặng thinh không nói gì nữa, chậm rãi bước theo tôi nhưng mặt lộ rõ vẻ băn khoăn. Lúc quay gở về gần đến chỗ lúc nãy, đột nhiên nó xăm xăm chạy tới đám cỏ xanh lơ mọc rải thành vệt ven mép đê, tút hai ba ngọn, đưa lên nhìn, rồi không hề vội vàng nó đi thẳng đến giữa mấy thàng kia vẫn đang chơi quanh quẩn ở đấy:

- Đây nì, đây nì, còn cả hạt lúa, coi mà coi!

Bấy giờ tôi mới để ý thấy thứ cỏ này màu xanh nõn hơn chắc ai gánh thóc để rơi vãi, mọc thành cây.

Tại sao bỗng dung tôi nhớ lại chuyện đó? Trí óc

con người hồi tưởng lại việc cũ hình như theo một quy luật riêng, đôi khi hơi khúc khuỷu: khó có thể giải thích nổi tại sao nó đã lựa chọn cái sự việc vụn vặt ấy giữa một mớ những kỷ niệm khác chắc hẳn còn sâu sắc, đậm thắm hơn nhiều. Bản thân tôi cũng không hề ngờ cái sự việc chùng như nhỏ nhặt kia, hoá ra lâu nay vẫn nằm đọng kín trong một góc nhỏ nào của tâm hồn, thế rồi tự dưng, không ai gọi, bất thần nó trỗi dậy, được chiếu rọi lên đầy đủ chi tiết và góc cạnh, đẩy lùi mọi cái khác vào bóng tối. Hay vì, đó là dấu hiệu đầu tiên tôi nhận thấy ở đứa con trai về sự nảy nở trí tuệ, óc nhận xét, phán đoán? Hơn nữa, dấu hiệu về tính bền gan, quyết bênh vực cho bằng được chân lý nhỏ của mình?

Tôi chẳng rõ. Chỉ biết là lúc này nghĩ đến đứa con trai lớn hiện ở cách tôi chỉ vài chục bước chân, nhưng trong một khung đất trời khác hẳn - cái ấm nóng râm ran thấm dần vào da thịt khiến tôi càng cảm giác rõ cảnh buốt giá bên ngoài - trí óc tôi đang làm một sự so sánh, liên tưởng: hiện giờ đây, nó cũng đang hết mình bảo vệ cho cái chân lý lớn và cao quý biết bao, cái chân lý về quyền sống của cả dân tộc, đã thấm nhuần vào nó theo với khí trời trong trẻo phóng khoáng mà nó đã được hít thở ngay từ khi mới ra đời. Hẳn là vì vậy, nên phong thái chiến đấu của nó cũng như của anh em đồng đội xem ra hết sức tự nhiên, thoải mái. Cuộc sống và vật lộn gian lao không in hằn được quá rõ lên tuổi hai mươi của nó. Chỉ có nước da

rám cháy hơn, khuôn mặt như dài ra hơn, và cái nét gồ ở đầu sống mũi - hồi còn đi học, bọn bạn thường gọi đùa nó là “Tiến - xì gồ” - nhô cao thêm chút ít.

Càng về sáng, gió đường như càng quật mạnh. Nước giở lúng búng từ mái lều càng mau giọt hơn, tuy vẫn không nghe tiếng mưa. Giá như ngày trước, vào giờ này, thế nào vợ tôi cũng trở dậy, sửa lại chăn cho con. Tôi nằm lặng im, lòng nao thương mến, mừng tượng ra bóng con trai với chiếc áo khoác và khẩu súng trường đứng sững đình ninh in lên nền trời xám lạnh. Vẫn còn tiếng ô tô chạy phía trên đầu, tuy thưa thớt. Tôi nằm đây, hầu như gối đầu lên chân rặng Hồng Lĩnh, và cảm thấy bóng rặng núi mà ngày xưa đi trên đê tôi thường chỉ cho Nam Tiến xem, lúc này dường như bao trùm hơn, nguy nga bát ngát hơn.

*

Tiếp sang năm 1967, như chúng ta đều biết, chiến tranh phá hoại ác liệt hơn nhiều, nhất là ở vùng nam khu Bốn. Khoảng đầu năm tôi lại được cơ quan phái đi công tác Quảng Bình ít tháng. Tôi nhờ được một chiếc xe tải của bộ đội, xe hành quân cấp tốc, một đêm phóng nhanh qua suốt Hà Tĩnh. Ngồi trong buồng lái, tôi lơ mơ ngắm nhìn những ngọn đèn dù lơ lửng lúc xa lúc gần như những đốm ma trời, ước lượng xem mình đang đi qua nơi nào của dải đất quê vợ thân thuộc. Tới chỗ Tết năm ngoái tôi đã từng ăn Tết với con trai trên trận địa, tôi mở to mắt cố nhìn.

Vẫn còn thấy dáng tròn chắc của những công sự in phóng lên dải xám mờ dòng sông. Nhưng không còn nét nhô dài của ngọn pháo. Vẫn biết cuộc đời anh lính cao xạ tất nhiên phải luôn luôn di động, tôi không sao ngăn được chút vương vấn băng khuâng, như thể vốn chờ gặp mà không gặp. Rồi lại liên miên nghĩ, giả dụ như thấy trận địa có người và biết đơn vị của Nam Tiến lại đã quay về phục kích ở đó, thì tâm trạng của tôi, lúc theo xe vượt nhanh quá, không biết sẽ buồn vui lẫn lộn thế nào. Đã khá lâu tôi không nhận được thư con trai. Vả lại Nam Tiến cũng không năng viết về nhà. Vì quá bận chăng? Hay vì nó nghĩ cuộc sống chiến đấu của nó quá đều đặn, chẳng có gì đáng nói, những cái gian khổ nhọc nhằn, những giờ thẳng căng dữ dội lặp đi lặp lại nhiều lần, đã hóa nhàm thì phải?

Ở Quảng Bình, tôi trú nhờ nhà một đồng chí cán bộ xóm, đồng chí ấy có đứa con trai đầu bảy tám tuổi, tên rất độc đáo: thằng Đù. Tôi yêu nó lắm. Nó cứ nhảy nhót suốt ngày như con sóc, ít khi chịu ngồi nhà. Ngoài những buổi học, nó đi bắt cá, đi tắm đi bơi, trèo ổi, kỳ khu ngồi gọt và mài gụ, đặc biệt có hôm lại đánh nhau đến nổi toạc cả quần. Dường như đó là cái cách của nó phản đối chủ nghĩa đế quốc xâm lược: thằng Mỹ làm gì thì làm, truyền bá lối sống Mỹ cho ai thì truyền bá, cấm không được mảy may phạm đến cách sống riêng quen thuộc của nó, một thiếu nhi Việt Nam! Nhiều lần máy bay lượn rít trên đầu, vẫn

thấy nó ngồi vắt vẻo trên cành ổi. Bà mẹ cuống quýt gào to bắt phải xuống hầm, nó quát lại, bao giờ giọng nó cũng hơi khàn khàn: “Trình sát”. Phải nhận là tai nó phân biệt các loại máy bay giỏi hơn người lớn. Ngồi trong hầm, cứ mỗi tiếng bom giội nó lại giật thót người, rụt cổ xuống. Té ra nó mần tuồng: mắt nó trở lên thô lỗ, miệng dạch rộng nhe hàm răng chuột, như để nhạo cái thằng đang hung hăng lồng lộn trên trời.

Tôi thích thằng Dù, có lẽ một phần cũng vì nó gọi nhớ cái táo tợn gan lì của đứa con trai tôi. Đến nỗi tôi cứ tưởng tượng như Nam Tiến, vào cỡ bảy tám tuổi, nét mặt cũng y hệt như thằng Dù bây giờ. Thật ra thì lâu nay tôi đã quên. Chỉ còn nhớ cái hình ảnh này nhất. Đạo ấy sau ba năm công tác xa nước, tôi trở về, ghé thăm quê. Qua cổng xóm, vừa trông thấy mấy ngọn cau phơ phất phía vườn nhà, trong bụng đã xốn xang lên lạ lùng. Thế mà lâu nay cứ tưởng mình đã chai lì! Thực tình thì trong lúc phải lo nghĩ nhiều công việc, tôi rất ít khi nhớ đến gia đình, chỉ có cái ý nghĩ lơ mờ rằng nước yên thì nhà cũng ổn thế là được. Vợ tôi có nhà, chạy ra đón, tóc búi gọn, quần nái, áo nâu non, tề chỉnh như từ lâu đã đợi sẵn. Tôi liền hỏi thằng Tiến, vợ tôi bảo nó đi chơi đâu từ sáng. Bọn trẻ con quanh xóm sẵn sàng chạy đi gọi hộ. Nhưng quá trưa, mặt trời đã chéch bóng hồi lâu mới thấy một chú nhóc lững thững bước vào, ngực bụng và quần đùi như tẩm bùn bê bết, mặt mũi đầu tóc lông mày cũng lém lùn đến nỗi hai mắt nó cứ phải lim dim chỉ

còn như sợi chỉ, nó quăng ra đất một cái gì như một thỏi bùn dài, nhe răng trắng nhớn cười với tôi, hỏi: “Nhà còn dầu lạc không mẹ?” - “Để làm gì?” “Mẹ rán con trâu ni cho bố ăn”. Thằng con tôi nó về trình diện bố như thế đấy! Xóm bên tát cá, nó liền chạy đi hôi. Nó có nghe tin tôi về nhưng còn mải lòng bắt một con cá tràu người ta bỏ sót, ai nấy đều bảo không còn nữa nhưng nó cứ cả quyết bảo là có, cũng chẳng hiểu nó dựa trên cơ sở nào, cuối cùng nó móc lên được một con chuối hoa to bằng cổ tay người lớn.

Đêm Quảng Bình hết sức náo động. Ban ngày máy bay địch cũng vo ve luôn nhưng ít đánh phá hơn hoặc giả vì có thể theo dõi hướng đi của nó nên mỗi cuộc bắn phá coi như khoan vùng nhất định. Trong đêm tối, tiếng âm ì, tiếng nổ dội khắp bầu trời, chỗ nào cũng như có thằng giặc nhâng nhâng nháo nháo. Đạo này lại thường xuất hiện loại B57, đồng bào quen gọi là “thằng đốt nhà”. Nó lượn rì rì lâu vô kể, bất thành linh đổ ụp xuống một khối lân tinh xanh lè. Cái khối ấy dài dài, phình ra thành một dòng suối lửa gồm vô vàn những hạt xanh vàng đỏ lừ lừ chảy xuống. Xuống đến đất, cái cột lửa lung linh ấy nảy vọt trở lên, vung tung toé. Lại tiếng rì rì, không biết là vòng lượn thứ bao nhiêu. Lại một dòng suối lửa khác, xanh vàng đỏ.

Trong những giờ phút yên ổn ngắn ngủi, nái im lặng có một cái gì gần như giả tạo, thực thực hư hư.

Những đêm không bận họp hành, tôi thường ngồi ngoài sân lặng nhìn cái cảnh quá ư quen thuộc: những suối lửa lân tinh, những đám cháy xa gần đỏ hừng hoặc bầm tím, những chấm pháo sáng vàng lơ lửng, những chớp nháy liên hồi của bom bi. Cho đến lúc một ngọn pháo sáng cháy xèo xèo ngay đầu hoặc một tiếng rít xé sát nách buộc tôi phải xuống hầm. Một dạo, luôn trong ba tuần, chúng đánh liên tục vào xóm bên cạnh, chỉ cách chỗ tôi ở có một cái nền đường tàu cũ.

Một đêm tôi đang ngồi như vậy, chợt nghe gọi: “Bác Cung! Bác Cung có đó không?”. Tiếng thằng bé bên hàng xóm. Bóng của nó đi nhanh vào, phía sau còn có một cái bóng khác cao hơn, ánh đám cháy xa chiếu vào cái mũ khum tròn hơi bóng kiểu như mũ sắt lính pháo. “Tiến phải không?” tôi buột miệng hỏi, không hiểu vì tôi đang nghĩ đến con trai hay do một thứ linh tính gì. Chỉ biết, lúc nghe nó thốt lên tiếng chào “Bồ!” bằng giọng trầm tĩnh trong đó cái vui thoáng pha lẫn một nhọc thì theo chỗ tôi nhớ, tôi không bị đột ngột tí nào, dường như sự gặp gỡ đó chỉ là chuyện tất nhiên.

Hoá ra đơn vị của nó cũng đã di chuyển vào làm nhiệm vụ ở Quảng Bình. Nó vào đây hầu như cùng một lúc với tôi, cái đêm tôi theo xe bộ đội đi vào, không ngờ là đang đuổi theo xe của nó cũng vừa khởi hành đúng và đêm trước! Lại còn điều trùng hợp này,

kể cũng lạ, cứ như trong tiểu thuyết, mà ngẫm cho cùng thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên: trước đó khoảng một tháng, tôi có về công tác ở một xã phía nam tỉnh. Thường ngày tôi ra tắm ngoài con mương, dòng nước vẫn đục có hôm màu vàng ngàu nhưng mát rượi và bao giờ cũng đầy áp. Anh cán bộ huyện cùng đi bảo tôi: “Trong nước này pha lẫn mồ hôi và máu của chiến sĩ đấy. Mương này lấy nước từ đập Cẩm Ly, lâu nay nó tập trung đánh phá đập nước mà vẫn không làm gì nổi, cao xạ ta quần với nó riết lắm”. Trong lúc trao đổi vài ba câu với con trai, tôi bỗng khám phá ra là đúng vào thời kỳ ấy, đơn vị của Nam Tiến đang làm nhiệm vụ bảo vệ đập Cẩm Ly.

Chính là qua anh cán bộ huyện mà cũng hết sức tình cờ, Nam Tiến biết được, tôi hiện ở đây. Ban chỉ huy đại đội cho nó ba ngày phép để đi thăm tôi. “Phép này cũng hơi đặc biệt đấy bố ạ”, nó chỉ nói lướt qua như vậy.

Bà chủ nhà đãi hai bố con một bữa chè đỗ đen, mát tỉnh người. Ăn xong, tôi giục Nam Tiến đi nằm - nó đã cuốc bộ suốt một ngày trong nắng gắt. Cố nhiên là không ai ngủ ngay được, bố con nằm trò chuyện mãi, khó mà nhớ hết bố con tôi đã nói những gì, bây giờ nghĩ lại, cái ấn tượng trội nhất là một ấn tượng tràn đầy, chan chứa, cứ như trong hai ba tiếng đồng hồ hai bố con đã khơi gợi đến đủ mọi thứ sự việc lớn nhỏ trên đời. Thật ra là vì, dưới những lời trao đổi

nhiều khi ngán ngủ, còn có một câu chuyện thâm; những giây im lặng lại càng xao rợn bao ý nghĩ, bao liên tưởng gần gũi hoặc xa xôi đột ngột, bao kỷ niệm riêng chung. Nam Tiến kể cho tôi nghe một trận đánh gần đây nhất, chính là trận đánh bên đập nước, hạ máy bay rơi tại chỗ. Đang chú ý theo dõi các tình tiết, một lúc nào đó, tôi bỗng nhận thấy giọng Nam Tiến bây giờ như trầm hơn, cân nhắc suy tính hơn. Cái giọng hơi ngạt đi khi nhắc đến tên vài anh bạn cùng trong khẩu đội - Tiến hiện giờ là khẩu đội trưởng, phụ trách một khẩu 37. Đột nhiên bắt sang chuyện khác, nó hỏi về mẹ, mẹ theo cơ quan sơ tán về đâu, với tuổi tác của mẹ công việc mới có vất vả lắm không, chỗ sơ tán ăn ở thế nào, có đầy đủ nước nôi không.... thế lâu lâu mẹ lại về làm việc ít hôm ở Hà Nội hả bố, mẹ về nhà, chỗ ấy cũng hơi gần mục tiêu đấy bố ạ, chỗ sân sau, nếu vẫn cái thùng phuy chỗ góc thì đào được cái hầm để mẹ nấp tạm kéo chạy ra vườn xa quá.... mái nhà ta có bị sạt nhiều không bố, mưa có đột không..... Một lát khá lâu, Nam Tiến im băng, nằm không nhúc nhích. Nhưng tôi đoán nó chưa ngủ, theo tiếng thở nhẹ, đều đều, chắc ý nghĩ của nó đang trở về tha thần quanh ngôi nhà cũ chỗ ngoại ô, nhỏ hẹp mà đầm ấm. Tự dưng tôi nghe tiếng mình đang nói.

- Cái hộp của con, cái hộp đồ nghề ấy mà, dạo bom nó đánh gần, mẹ đã đem ngay lên chỗ sơ tán theo với bố tài liệu của bố.

Nó vẫn lặng im không đáp gì, chắc nó đang mỉm cười, nhân ánh pháo sáng xa dội xuyên qua mảnh vách bị hơi bom đánh lỗ, quả nhiên tôi thấy bên gò má của nó hơi nhô nhô lên. Cái “hộp đồ nghề” của nó, thật ra chỉ là một cái hộp ngăn kéo, trong đó hồi còn đi học nó nhặt về tích trữ đủ các thứ linh tinh: ê- cu, đinh các cỡ, lác - lê, vòng dây thép, mẩu gỗ, bay thợ nề, đoạn dây điện.... Về sau nó sắm thêm được búa, kìm, tuốc - nơ - vít, chiếc cửa nhỏ. Tính nó tỉ mỉ, thích sửa chữa, đục đẽo. Trong nhà có chiếc ghế mọt hay ổ khoá bị hóc là thế nào cũng phải qua tay nó. Đạo đang học lớp chín nó đã nói rõ chí hướng: sau này được học lên cao nữa thì nó thích đi ngành chế tạo cơ khí. Nhưng nó không học xong hết cấp ba. Một buổi sáng ở trường về, Nam Tiến có vẻ vừa bản khoăn vừa náo nức khác thường. Anh chàng xăng xái giúp mẹ dọn mâm bát, lấy quần áo phơi ngoài dây xếp cát, lại còn tranh thủ chạy ra đầu phố mua phích nước sôi. Trong bữa ăn, anh chàng nói chuyện rõ nhiều, miêu tả cái không khí ghi tên tòng quân ở lớp hết sức vui vẻ rầm rộ, thỉnh thoảng lại liếc mắt nhìn mẹ. Vợ tôi không nói gì nhưng lắng nghe chăm chú. Tôi mỉm cười thâm, lặng lẽ theo dõi tấn kịch nhỏ giữa hai mẹ con. Cũng như tôi, Nam Tiến vốn biết là mẹ nó rất thiết tha cho con theo đến đại học - nó học cũng không đến nổi kém, hàng năm được bằng khen. Cuối bữa cơm, vợ tôi chống đũa, cất tiếng bình thản hỏi:

- Thế con đã ghi tên chưa?

Vợ tôi nói câu ấy rất nhẹ nhàng, chậm rãi, nhưng câu hỏi đối với Nam Tiến lại có vẻ đột ngột hay sao, nó ngừng đưa nhìn sững mẹ, rồi bỗng tất cả khuôn mặt nở ra cười, nó thốt rất nhanh, như sợ không có dịp nào nói nữa:

- Con là cán bộ Đoàn, con ghi tên đầu tiên đây mẹ ạ!

- Sao anh không nói ngay đi lại còn cứ loay quanh mãi - Giọng vợ tôi vẫn thông thả ôn tồn, không thay đổi.

Nam Tiến sung sướng quá, biết là mẹ không phản đối, mặt bừng đỏ, anh chàng tự động im bật như hoàn toàn không có ý gì để nói nữa, chỉ lé mắt nhìn mẹ, cười tủm tỉm, hàm ý biết ơn.

Trước ngày nhập ngũ một hôm, thấy nó mang về một ít vôi cát lúi húi trộn vữa rồi trèo lên nóc mái nề nề trát trát. Nó lên đường không bao lâu là tiếp đến kỳ mưa bão, nhưng nhà không bị rỉ dột nữa; và đôi lúc, giữa tiếng mưa gió râm ran quanh nhà, thấy vợ nằm ôm con bé mới đẻ nhìn trân trân lên bức tường hậu quang quẻ khô ráo, tôi biết là ý nghĩ vợ đang hướng về đứa con trai đi xa

Hai ba lần, sợ con mệt, tôi giục Nam Tiến ngủ đi. Bố con nằm im được một lát, thế rồi bỗng dưng nó hoặc chính tôi bất giác lại bật lên câu gì đó. Chợt gà bện hàng xóm phành phạch vỗ cánh gáy đầu. Tôi kêu

bức, dậy bước ra sân để nó ngủ được yên.

Đêm hè đầy sao. Tôi thơ thần ngắm nhìn những chấm xanh nhấp nháy xa vời vợi, lòng nao lên một tâm trạng không rõ rệt. Tôi không nghĩ đến một cái gì cụ thể hết, trong một lúc thấy như trong đầu mình dồn tụ lại hình bóng cả hiện tại, cả xa xưa và cả ngày mai thấp thoáng. Dần dần cái ấn tượng đọng lại rõ nét hơn, như là tin yêu, như là vững dạ.

Lúc tôi trở vào, Nam Tiến đã ngủ, giấc ngủ quá có phần mệt nhọc. Tôi khẽ đặt mình xuống bên cạnh. Nhưng nằm hồi lâu mắt vẫn cứ chong chong, tôi trăn đi trở lại mấy lần vẫn không tài nào nhắm mắt. Đột nhiên tôi hiểu ra nguyên nhân.

Thường đêm, trong lúc gia đình nhà chủ ngủ trong hầm chỗ góc sân, tôi lót vải nhựa ra nền đất, trải thêm chiếc chiếu nằm trong nhà, chân quay sẵn về phía cửa hầm khoét dưới bộ phận, có gì là thức giấc tụt ngay xuống. Mùa hè năm ấy đặc biệt nóng, tôi đã có tuổi, ngủ hầm người cứ vằng vát như muốn lên cơn sốt; nhưng nằm trên thì ít nhất cũng phải phòng ngừa bom bi rắc bất thần. Đêm nay, muốn để cho con trai ngủ thoải mái hơn một chút, hai bố con cùng nằm trên phản. Nhưng tôi đã mất thói quen nằm cao rồi, cứ thấy chống chếnh thế nào, mặc dù phản chỉ kê cách mặt đất không đầy hai tấc.

Tôi liền thôi không gắng ngủ nữa. Đêm nay tôi sẽ thức canh, bảo vệ cho giấc ngủ của con trai, của

người chiến sĩ. Thỉnh thoảng tôi phe phẩy quạt cho anh ta. Có tiếng máy bay rú là tai tôi căng lên nghe ngóng. Chúng đến thật gần tôi mới gọi Nam Tiến dậy tạm lánh xuống hầm: tôi cứ để Tiến ngủ yên, khi mục tiêu chúng đánh còn cách bốn năm cây số.

Gần sáng bạch tôi mới chợp mắt một chút. Tiếng cười khanh khách bên tai đánh thức tôi dậy. Thằng Đù đang sà vào ngồi trên đùi Nam Tiến, bá vai bá cổ, như thể chính nó có anh đi bộ đội về phép vậy. Cố nhiên nó không quên úp chiếc mũ sắt lên đầu, dưới chiếc mũ cứng úp chụp, trông gương mặt nó càng táo tợn gấp bội. Nó lại còn xăm xắn lấy mũ cho tôi, dắt cả xe đạp ra sân sấn, cứ như tôi là ông chủ tịch huyện không bằng! Tôi đồ là nó muốn nhanh chóng chiếm độc quyền “anh Tiến” của nó. Chắc tôi nghĩ không sai lắm. Suốt buổi sáng hôm ấy, nó đưa Nam Tiến đi chơi quanh làng, ra mãi tận bến giếng Cộn - tôi mang máng như ngoài ấy có nhà cái thằng đã đánh nhau với nó làm toạc quần, lộ xuống ruộng bày cho Nam Tiến cách đặt trúm bắt lươn, quay về nhà hai anh em trèo ỏi chén đũa rồi ra sông bơi một trận đối với nó có lẽ khoái chí nhất đời - lâu nay nó vẫn ức lần tắm sông không có người lớn đi kèm, vừa vùng vẫy được vài cái đã bị mẹ gọi về, sợ máy bay.

Trưa hôm ấy, ăn xong nghỉ một lát rồi Nam Tiến ra về. Còn một ngày rưỡi phép, kể sáng mai lên đường cũng kịp, nhưng tôi bàn với nó đi ngay cho

thong thả, phòng dò ngang cách trở. Nó phải vượt qua ba đò, một ngắn và hai cái “đại chang” vốn là mục tiêu bắn phá thường xuyên, bản thân tôi cái lần đi công tác phía Cẩm Ly, cũng đã ném một trận bom toạ độ sát sát trong lúc đò đang lơ lửng giữa dòng.

Tôi tiễn Nam Tiến ra bến sông con, cách đấy hai cây số, nắng xiên khoai gay gắt. Bóng tôi và bóng nó đổ chệch song song lên mặt đường, xấp xỉ bằng nhau. Còn cách bờ sông khoảng ba bốn trăm mét, nó dừng lại: “Thôi bố về, để con đi”. Tôi định bảo là tôi muốn đưa nó ra tận bến đò, nhưng chợt hiểu ý nó: tối qua tôi vừa mới nói chuyện là máy bay địch hay rẹt hai mươi ly vào bến này từ xa. Tôi đặt tay lên vai: “Ừ thôi, con đi nhá, con mạnh khoẻ, chiến đấu tốt”. Nam Tiến nhìn thẳng vào tôi, mắt lóng lánh.

- Bố về viết thư ngay cho mẹ để mẹ biết tin. Rồi con sẽ viết sau. Tiếc con chưa có quà gửi mẹ. Mấy chéo vải dùng bố bảo mẹ may cho em bé cái váy đầm, với lại làm khăn quàng. Còn hôm nào làm xong cái lược bằng sắt máy bay, con sẽ tìm cách gửi biểu mẹ. Bọn anh em cũng có sẵn nhưng không được đẹp nên con không lấy. Với lại con muốn tự tay làm lấy kia. À, bố dặn mẹ cứ cất hộ con cái hộp đồ nghề bố nhá. Rồi cũng có lúc cần đến đấy.

Nó cười. Tôi cũng cười, bắt tay nó. Nó về phía bờ sông, vẫn cái dáng đi hơi ngúc nghích. Tôi đứng bên đường nhìn theo. Khi xuống bến, bóng nó bị lấp hắt,

Một lát sau lại thấy nó xuất hiện theo với con đò khi ra bến ngang cửa sông. Nhưng nó thì đang mải nhìn về bờ nam phía bên kia. Đến bờ nó leo lên, đứng dừng quay lại, nhận ra tôi, giơ cao chiếc mũ sắt vẫy vẫy hai cái, rồi quay đi, cú đường của nó rong thẳng một mạch, rất nhanh, không ngoái lại lần nào nữa.

MA VĂN KHÁNG



Họ và tên: **Đinh Trọng Đoàn**

Ngày tháng năm sinh: 1.12.1936

Quê quán: Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

Nghề nghiệp: Viết văn, viết báo

Địa chỉ hiện nay: Ngọc Khánh, Ba Đình,

Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Đồng bạc trắng hoa xòe, Mùa mùa hạ, Vùng biên ải, Mùa lá rụng trong vườn, Đám cưới không có giấy giá thú, Ngược dòng nước lũ...*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng văn học Đông Nam Á - 1998. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt I - 2001.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Dao sắc không chỉ nhờ ở lưỡi. Mà còn phải nhờ ở cán. Người nói ra ý tưởng này đầu tiên là nhà văn Ông Văn Tùng. Ông Văn Tùng nói điều này với tôi trong lúc hai chúng tôi bàn về sáng tác của một nhà văn trẻ, quả nhiên nhà văn trẻ này là một tài năng đặc sắc, nhưng anh còn thiếu cái căn cốt, điểm tựa của lưỡi dao bên, của một tài năng lớn khả dĩ đi xa được. Ý tưởng này nung nấu trong tôi rồi trở thành một quan niệm thẩm mỹ. Cái đẹp vĩnh cửu của đời sống là cái ẩn tàng ở phía sau, là cái linh thể hàm chứa ở sự vật, chứ không chỉ là cái hiện ra ở bề mặt của nó. Truyện ngắn *Dao sắc nhờ cán* được phát triển trên chủ đề này. Nhiều tình tiết của truyện lấy từ một nguyên mẫu - nhà văn Ông Văn Tùng yêu quý của tôi. Riêng chi tiết người đàn bà có phong tư rỗng phượng khuấy đảo đời nhân vật truyện là tôi hư cấu, tất nhiên cũng thấp thoáng một mẫu hình, thêm vào theo phép biện chứng của nghệ thuật truyện ngắn.

DAO SẮC NHỜ CÁN

Nhắc cặp kính khỏi vòm mắt, bàn tay xương xẩu đập đánh chặt một cái xuống bàn, nhìn tôi, ông Thực bật reo khoái trá:

- Truyện này cậu viết được lắm. Một người con gái đẹp lấy chồng, đi khỏi chôn ấy thì đến cây cỏ cũng héo tàn chứ đâu chỉ có đàn ông ủ rũ. Chà, leo được lưng con hươu xanh rồi đấy, cây bút trẻ ạ. Văn chương là thế. Núi đâu có cần cao, nhưng phải có giao long vây vùng. Phàm vật loài gì cũng có linh thể bên trong. Như thế nghĩa là...

- Dạ.

- Truyện thì hay đấy, sắc sảo đấy, nhưng nói thật cây bút trẻ đừng tự ái nhé, mới chỉ là cái sắc, cái bén của lưỡi dao thôi. Của lưỡi dao thôi. Tôi nói thế, cậu có hiểu ý tôi không?

- Dạ...

- Thế tôi hỏi cậu nhé, dao sắc vì lưỡi hay sắc vì cán? Lưỡi sắc thì gọt được quả cam, dọc được tờ giấy,

thái được miếng thịt. Nhưng như thế mới chỉ là bậc *tiểu kỹ*. Còn dao muốn đạt tới *đại kỹ*, tức phá được đá, chặt được đồng sắt, thì dao phải dựa vào cán. Hiểu chưa?

- Dạ... dạ

Tôi run rẩy thu nhận một hiểu biết siêu tâm. Nghề văn, chả ai dạy ai được. Nhưng phúc cho tôi, ngay từ mấy cái truyện ngắn đầu tay này, tôi đã được ông Thực hàng xóm để ý tới và nhận xét của ông vừa tạo nên phần chấn vừa khơi dậy nỗi lo bời bời trong lòng tôi. Đường đi còn xa lắm đấy chú nhóc ơi! Và bây giờ đây tôi đang được ông dạy bài học nhập môn.

- Được chưa nào? Viết văn khó đấy. Bắt một con hổ sao nói là dễ được.

- Dạ.

- Nhưng, đừng sợ, đừng nản chí, kể cả gặp kẻ ghét ghen, đố kỵ. Nhà văn bị kẻ xấu bụng nó vùi dập thì cũng như hạt đậu bằng đồng, càng ninh nó càng kêu loong coong thôi.

- Dạ.

- Tài năng là uẩn súc, là không biết đâu là cùng. Tài năng như mặt trời tự phát sáng, như trái đất tự quay, tự kiểm chế theo quy tắc. Tài năng ở thể cheo leo mà không ngã, nhưng trên lưng con tuấn mã. Còn con chó cắn càn. Tên lưu manh chửi bậy. Gã hàng

xóm vay không trả. Kẻ đồng nghiệp phản trắc. Tất cả chỉ là những kẻ tiểu nhân, tức với nó thì tức cả ngày.

Những câu nói cuối cùng của đoạn thuyết giảng của chính ông lôi ông ra khỏi sách vở, và có lẽ vì vận vào hiện thực đời ông, nên ông linh hoạt hẳn lên và khi nói xong ông bật cười ha ha.

Ông Thực hàng xóm của tôi bật cười ha ha. Cười thật lớn. Thật sảng khoái. Lại có ý như tự nhạo. Và không thể ngờ bộ ngực lép kẹp như dán đoi của ông lại là sản phẩm là tiếng cười to như thế. Ông Thực có vóc người trung bình nhưng thân hình đạt tiêu trí nhà nho, nghĩa là gầy gù, mỏng manh lắm. Đúng ra, ông chỉ là một khung xương bọc da. Mặt bọ ngựa. Mắt lõm sâu. Tay chân xương xẩu rặt máu là máu. Ruột non cắt nửa thước. Dạ dày cắt một phần tư từ hồi còn trai trẻ vì căn bệnh đau bao tử, giờ vẫn thi thoảng lại đỡ chứng hành hạ. Hành hạ mà chẳng làm gì nổi ông. Ông chẳng than vãn. Trái lại lắm lúc làm ông nổi cơn ngạo nghễ âm thầm. Nhưng bây giờ, ông đứng đứng, như có ý bảo tôi về, rồi nói:

- *Thôi, mặc như lôi chi*, im lặng như trước khi nổi sấm sét, rũ tóc xuống mà viết đi.

*

Rũ tóc xuống mà viết đi! Rũ tóc xuống mà làm việc, mà trước tác, dịch thuật! Hình ảnh phác họa có phong vị cổ xưa nọ không ngờ lại hợp người hợp

cảnh. Vào tuổi năm mươi tám, khuôn mặt bộ ngựa của ông Thực gân guốc, rần rỏi thật hòa hợp với vàng trán cao và cái đầu to, tròn thu lu, thóp nhẵn bóng chỉ là lơ phơ những sợi tóc dài, khi ông viết những sợi tóc ấy thường rủ xuống, chấm gần tới trang giấy.

Ông Thực dọn đến ngõ chúng tôi từ lúc nào thực tình tôi cũng không hay. Nhà ông là một túp nhỏ lọt ngói, trát toóc xi, nằm kề bên con đường vành đai, giống như một con trạch, phân chia nội thành và ngoại thành. Nguyên xưa kia đất đó chỉ là nơi đổ rác của dân trong ngõ. Nhìn túp nhà sơ sài thấy nó giống một vật thể ngẫu nhiên ai đem đến vứt ở đó. Cũng có cảm tưởng, nó là cái cây hoang mọc lên bất ngờ từ một cái hạt do một con chim bay qua để rơi xuống.

Đi không ai biết, về không ai hay, ông thui thủi một mình một bóng. Mãi sau mới biết ông là ông giáo vùng thi thoảng lại thấy một đám học trò đạp xe qua lại, í ới hỏi đường. Đầu năm nay, bố tôi và mấy ông cán bộ hưu trí khác, tình cờ đọc được một bài báo nhỏ, mới biết thêm ông là nhà dịch thuật, biên khảo uyên thông đã có một quá trình dài lâu và công trình trước tác của ông thì thật đồ sộ, quý giá. Ông là tác giả của hàng chục cuốn sách khảo cứu về nền văn hóa sử phương Đông, mà tiêu biểu là Trung Hoa. Người ta gọi ông là một nhíp cầu văn hóa. Đọc bài báo thấy tiếng tăm ông nổi như cồn. Nhưng có cảm

giác, với ông đó chỉ chút là phù du nổi trên mặt nước, còn ông, ông vẫn là con cá kình nằm lặn dưới đáy nước sâu, phớt lờ mọi chuyện.

Từ đất miền Trung lắm sông nhiều núi, quê hương của gió Lào khắc nghiệt, ông ra Hà Nội học xong bậc đại học thì đi dạy. Hơn hai chục năm lăn lộn từ miền núi Lao Cai đến vùng biển Thái Bình, trong vai ông giáo, lúc dậy bổ túc văn hóa cho người lớn, khi bồi dưỡng năng khiếu cho lớp trẻ, ở đâu thì ông cũng một tấm lòng tận tụy và một kiểu sống: *cu bất u, chí bất viễn, diện bất sâu, tư bất quảng*.

Ở không nơi u tịch, chí khí sao cao xa, mặt không ủ dột, nghĩ sao rộng lớn được! Giờ đây cũng lại một lối sống như vậy, ông về ở trong ngõ chúng tôi, trong túp nhà nhỏ sơ sài nghe nói là của mấy anh học trò cảm cảnh thầy góp công sức dựng cho. Cảm cảnh gì? Chả ai biết. Chỉ biết, đến đây ở, chỉ có một mình ông. Hộ khẩu cũng chẳng có nên ông vẫn bị coi là kẻ cư trú bất hợp pháp và thi thoảng, những người trông coi nền hành chính khu vực này lại đến hỏi han và làm rầy rà ông.

Không! Ông chẳng than vãn. Cũng chẳng giải bày. Ông cứ thông dong một mình một nét. Không hé lộ bản thân, ông như ngôi nhà đóng kín cửa. Ông là khối đá im lìm. Ôi, mấy chục năm trường đất nước trải qua bao biến động, như cha tôi vẫn thường than thở đó, mỗi người như hạt cát bụi trong cơn gió lớn,

số phận chìm nổi khó lường, gian truân uẩn khúc không ít, không nói thì thôi, chứ ai mà chẳng đầy bầu tâm sự vui ít, buồn nhiều, thậm chí oan khiên chồng chất. Thôi thì còn thiếu gì cảnh khổ sở hiểm nguy vì bom đạn chiến tranh, đói rét, khi bơ vơ không nhà không cửa, không nơi nương tựa, lúc ốm đau, mệt mỏi, trong túi không một đồng bạc lẻ. Cũng có lúc gặp phải kẻ trên mình đã ngu dốt lại hẹp hòi thiển cận, bị trừ úm thở không ra hơi. Chẳng hiếm ngày phải sống với thằng lừa thầy phản bạn giữa khung cảnh xu thời, cơ hội, gió chiều nào che chiều ấy phổ biến tới mức nghĩ thói tật ấy đã mang tính lịch sử và thời đại. Ấy là chưa kể thói đời đen bạc, những chuyện bội nghĩa bội tình đâu có ít. Cứ nghe lỏm những buổi cha tôi tâm sự cùng lớp bạn bè của ông thì một gã trẻ ranh như tôi cũng thấy rằng, nếu không gào lên, tru lên như chó sói thì chí ít cũng phải cất tiếng kêu than, giải bày non nỉ cùng bè bạn tháng ngày.

Nhưng mà đã là con người thì làm sao có thể bưng kín mình được. Con chim cất tiếng kêu. Mùa thu bày tỏ bằng hoa cúc vàng. Trai gái yêu nhau biểu lộ bằng ánh mắt, nụ hôn, niềm tơ tưởng.

Trong nhà ông Thực, trên bức tường đằng sau cái bàn ông ngồi viết, dán một trang giấy gió lớn đặc kín các hàng chữ nhỏ viết kiểu chữ thảo, nét bút phóng khoáng, như phượng múa rồng bay. Đó là di bút của thân phụ ông viết bài thơ *Đề bích ca*, tức *Bài*

ca đề tường tác giả là Hàn Tín, một danh sĩ đời Hán. Bài thơ có đại ý: Con người ta không gặp vận thì thôi. Chứ nếu đã gặp vận thì phải như chim loan, chim phượng, chim hoàng vũ cánh tung bay phi chí khắp bốn phương trời.

Bài thơ nói cái chí của ông? Hay nó còn vận được vào hoàn cảnh của ông? Ông đã vũ cánh tung bay và khi không gặp vận, ông vẫn là kẻ giữ được sự thung dung an hòa?

*

Cha tôi tuổi kém ông Thực một giáp, cũng nhe dăm ba chữ và ham học hỏi, nên hay sang ông hỏi han nghĩa lý sự việc và dốc bầu tâm sự. Một lần, buồn bực vì đang đảm nhiệm chức phó giám đốc ở trung tâm văn hóa lại gặp phải kẻ trên mình hồng hách, dử trò yêu ma, gây chuyện lằng mọ, rắp tâm hãm hại, nên rất khó chịu, bèn đến thổ lộ nỗi lòng và hỏi ông nên xử sự thế nào.

- Nhẫn nhục phụ trọng! Ông đáp. Phụ là gánh vác. Trọng là gánh nặng. Anh hiểu chứ. Làm quan là để gánh vác việc nặng. Tư cách người làm quan là vậy. Vì mục tiêu là làm ích quốc lợi dân nên phải biết nâng cao mình hơn sự xúc phạm.

Nâng cao mình hơn sự xúc phạm! Hay chính ông là biểu tượng của tư tưởng cao quý này trong hình ảnh rũ tóc xuống mà viết của mình? Rũ tóc

xuống mà làm việc, mà làm điều ích quốc lợi dân! Vì bọn ý thể cường quyền dẫm đạp lên phẩm giá người khác thời buổi nào chẳng sẵn như ruồi. Tức với nó thì cũng như tức với con chó cắn càn, tên côn đồ chửi bậy. Tức mà làm gì!

*

Làng quê ông có tên là An Hòa. Nó ở cách thành phố V. hơn hai mươi cây số ngược lên phía Tây. Từ làng ông nhìn ra phía trước, cách khoảng một cây số đường chim bay là làng Yên Lạc. Chéch một chút là những làng Đồng Thuận, Lạc Viên, Nhân Ái. Thuận những tên làng mà nghe ngân nga nguyện vọng của đời người. Nguyện vọng ấy được thể hiện ở các buổi lễ *kỳ yên* được tổ chức trong một ngày đẹp trời vào dịp đầu năm. Chẳng cầu kỳ, tốn kém mà sao vẫn thành kính, thiêng liêng thế! Người con gà đĩa xôi, người be rượu, người choễn cau, góp lễ đặt trên bàn thờ, dưới bầu trời sao lung linh, ông nội ông trong vai chủ lễ, rung rinh trên tay tờ sớ viết đầy chữ nhỏ, xuyt xoạt khăn vái, khẩn cầu xin thần linh tiêu trừ tai họa, sâu rầy, dịch tễ, thủy hỏa đạo tặc, phù hộ cho mưa thuận gió hòa, hòa cốc phong đăng. Thuở ấy đâu đâu cũng chữ nhỏ, chữ nôm. Cổng làng, đình làng, miếu mạo, quán xá, từ đường, văn chỉ, mộ địa. Trong nhà thì từ hoành phi, câu đối, bình phong, đến cái bát, bộ ấm chén. Ngoài nhà thì thậm chí cả đến cái cầu ao, cũng là lời cầu mong an cư lạc nghiệp, tiết

sạch giá trong, tài cao đức lớn. Thuở đó, tóc để chòm, ngày ngày bờ rạp trên chiếu, hết tập tô sao cho một đường bút mà kín hết nét son viết làm mẫu của thầy, lại lải nhải hết *Khổng tử viết lại Sách Kinh Thi có câu*. Trong khi bên cạnh là ông nội, tay cầm roi mây, mắt thâm trầm và nghiêm nghị: Cháu phải nhớ, trong Luận ngữ có năm mươi tám từ nói về điều nhân, còn Đức Khổng tử nói tới điều nọ những một trăm linh năm lần. Học tập là nếp nhà. Vì *ấu bất học, lão hà vi*, trẻ không học, già làm nổi cái gì. Ra rả suốt ngày, hết Hiếu Vấn, Dương Hóa, Tử Trương lại Tử Lộ, Nhan Uyên, Ung Dã, Tư Hãn... từ chưa hiểu đến hiểu lơ mờ, rồi thấy hun hút như cái giếng sâu chứa đầy điều bí ẩn lý thú và thẩm thấu đã trở thành người thầy lớn nhất, cho mỗi điều hay lẽ phải biến thành bản ngã của mình.

Tự học đã trở thành gia phong, trở nên nếp nhà. Ngẫm ra tự mình khai phá con đường học vấn chính là cách học đến nơi đến chốn của các bậc danh gia. Học hành là cơm ăn nước uống hàng ngày. Nên ngồi bên bàn trà lúc rỗi rãi là cha lập tức chấm ngón tay vào chén nước, viết ngay vài chữ lên mặt bàn. Đây là chữ *Hồi* có nghĩa là về. Còn đây là chữ *Khuy*, có nghĩa là nhìn trộm, con hãy nhớ lấy. Dắt con đi chơi, gặp con chim sẻ, cha chỉ cho con xem, giải thích cho con hiểu vì sao người đời lại ví nó như kẻ tiểu nhân. Trong câu: Kinh Kha để *chủy thủ* dưới bàn đồ mưu sát Tần Thủy Hoàng, khi dịch ra tiếng Việt phải để

nguyên từ *chủ thủ* chứ không thể dịch là *dao găm* được, con à. Cách dạy gọi là huấn hổ, cử tử, nô na gọi là học thuộc lòng này giờ đây đang bị quan niệm giáo dục hiện đại mới chê bai hết lời, có biết đâu chính từ cơ sở nọ là một nền học vấn và nhân cách đã được tạo lập. Một nền học vấn được tạo lập trên nền tảng tôn sư trọng đạo, coi người dạy một chữ là thầy ta; người dạy ta nửa chữ cũng là thầy ta. Một nền học vấn có móng nền vững chắc xây cất trên đó cái mộng ước góp sức để có được một xã hội trong đó *lão giả an chi, thiếu giả hoặc chi*, người già được yên vui, trẻ nhỏ được săn sóc; trong đó, bằng hữu tin cậy nhau, người học rộng biết nhiều phải dốc hết chí khí giúp đời, điều sâu sắc nhất là điều ở trong có chữ nhân, phép biện chứng cuộc sống là nhận ra *thực giả hư chi*, trong vật có linh thể, linh hồn, xa rời nó thì tầm thường, khô cạn ngay; và ước ao của con người ta là nước nhà yên ả, mọi người được thông dong, thư nhàn.

*

Suốt cả mùa đông năm ấy, đóng cửa lại, quán mình trong cái mền bông, tay trái ôm bụng nén cơn đau âm ỉ của cái bao tử muốn dở chứng, cảm lạnh như sấm sét chưa nổ, ông Thực ngồi viết sách.

Nghiêm cẩn và cao quý thay, công việc của người trước tác, dịch thuật. Bởi vì, có những cuốn sách thiêng liêng như lời của một Đấng tối cao, để biên khảo nó, hoặc chuyển nó từ ngôn ngữ nước

ngoài sang tiếng mẹ đẻ, cần đến không chỉ là trình độ kiến thức uyên bác, ngôn từ xảo diệu mà còn cả đức tin. Công việc lao động hao tâm tổn sức ghê gớm! Vì ngay công việc dịch thuật, cũng không thể coi là đơn giản. Vì ngoài công sức mang tính cơ học thuần túy là chuyển đổi ngữ nghĩa sang cách thể hiện khác, còn là tạo nên một giá trị, nên không thể chỉ dựa vào sự học tập đơn thuần ở sách vở, trường ốc. Công việc dịch thuật chất chùng thường được bắt đầu bằng cảm hứng sáng tạo. Khác chẳng, so với nhà văn sáng tác là trong khi tạo ra cuốn sách đó ông phải tuân theo một số quy tắc và chịu một số hạn định, vì cuốn sách của ông sẽ phải *tương đồng* với một cuốn sách khác đã có và được viết bằng một ngôn ngữ khác. *Tương đồng*, nhưng cuốn sách của ông vẫn là một sáng tạo mang tính độc lập, có cuộc sống riêng, và có quyền lực riêng!

Xuất thân, quên mình trong say mê sáng tạo, đã có lúc ông Thực không biết đến xung quanh. Tuy nhiên, một mình một bóng cặm cụi mà ông không có cảm giác cô đơn. Trái lại, ông thấy ấm áp và như là được liên tục tiếp sức. Ấy là bởi vì trong nhà ông lúc này đã có thêm một người, một phụ nữ. Trạc bốn mươi, vai hẹp, hông nở, ngực lớn, sung mãn tốt tươi, người phụ nữ này có phong tư văn vẻ, lộng lẫy, đài đê khác thường. Gương mặt tròn mảnh như chiếc lá khoai, chị ẩn hiện mình qua hai con mắt phượng lúng liếng, đôi mày cong lá liễu và đôi môi mọng chín

đỏ. Chị là sự xáo trộn giữa chất liệu e lệ tươi vui của thiếu nữ măng tơ và tính nữ phồn thực dồi dào của đàn bà thuần thực đường phong tình.

*

Mới đến nhà ông Thực chưa đầy tuần lễ, người đàn bà đẹp vừa phong lưu đài các vừa phảng phất vẻ lẳng lơ tình này đã cho cả xóm biết tên tuổi, tính nết, khẩu khí mình; nói cho đúng, chị tạo nên một cơn xung động ở cái ngõ phố bấy lâu hiền lành, yên ả và ngưng đọng, buồn tẻ này.

- A, tôi đang đi bán dưa lê, bê dưa bở, lê la trò chuyện với cô bạn tôi ở Nhà xuất bản Văn Chương thì gặp ông ấy đến lấy tiền nhuận bút. Thế là ông ấy xoắn xuýt lấy tôi, rồi ông ấy mời tôi về đây đây chứ. Con bạn tôi nó bảo: Thôi, tao *bờ ra xin* mày, vừa vừa thôi kéo lão ấy ra *tóp* đấy. Nghe nó nói vậy, tôi đã định *elờ* đi rồi. Nhưng ông ấy lại năn nỉ: “Loan à, anh đang cần một người đàn bà...”. Đàn ông không cần đàn bà thì cần con chó à! Hí! Xem ra chữ ngãi bề bề thì cũng vẫn vậy thôi.

Bằng thứ ngôn ngữ dung tục và những biệt ngữ chợ búa, chị tự giới thiệu xuất xứ của sự kiện. Và công việc đầu tiên của chị khi đến nhà ông Thực là gọi một cô bé mua giấy cũ đến. Sách báo, giấy tờ thải loại của người làm sách lưu cứu cả chục năm nay chồng đóng chất ngát đầy hiên nhà.

- Này, con lỏi kia. Chị quát con bé mua giấy cũ. Sơn ăn tùy mặt, ma bắt tùy người. Bắt nạt lão già thì được chứ đừng có qua mặt tao. Muốn sống muốn tốt thì cân đi, và *nôn* ra đây, đúng hai ngàn một cân. Đưa tao xem cân. Mà y mà cân điều thì chết với tao!

Hai ngàn là giá kịch trần, đem bán lại cho các *đầu nậu*, con bé hóa ra làm không công cho chị, vậy mà nó cũng đành chịu ép. Tiếp đó, chị lục lọi, tìm từng bài viết trong sách báo của ông, gạn hỏi ông số tiền nhuận bút ông được lĩnh. Được lĩnh rồi thì chị hỏi: nó đâu? Chưa được lĩnh thì chị đích thân đi truy hỏi.

Ôi! Những câu chuyện vặt vãnh, dung tục, cái sắc điệu đa tạp suồng sã đời thường! Bấy lâu nay nó ở đâu, giờ mới trở về lay động bầu không khí học thuật trang nghiêm ở nơi này và tạo nên cơn náo hoạt sôi động vừa vui vẻ vừa phồn tạp ở mảnh đất này.

Chưa đầy tháng, người phụ nữ trẻ đẹp nọ đã quen biết suốt lượt đám dân cư ngụ ở ngõ phố này. Đầu tiên là các bà hàng quà và từ họ là những câu chuyện ngòi lê đôi mách. Ăn quà như mổ khoét, nhưng khéo tay hay con mắt. Chị đến hàng nào là hàng ấy gặp duyên may. Chả ông bà nào lọt qua mắt chị. Chị biết đến củ tí âm ti tình hình, gia cảnh, đặc biệt là quan hệ tình ái của đàn ông đàn bà trong ngõ này. Ấy đấy, cái lão Chiền ở đầu ngõ lẻo khoẻo lẻo khoẻo cò hương vậy mà phải hơi vợ, đồ có xa vợ được một đêm. Còn cái gã võ sĩ tên Lục chiếm giải quán

quân, thể hình to đẹp như tượng đồng lực sĩ Hy Lạp thời cổ đại kia ở cạnh nhà chị hóa ra là thằng cha vô tích sự; về đường tình ái lão hoàn toàn lực bất tòng tâm. Lão thâu khoán nợ ba vợ. Thằng cha tài xế xe tải chạy đường Tây Bắc kia ấy ba lần bóp cổ bố mà bố không chết vì anh con rể phát hiện kịp thời. Nhà nợ có cái rộp uống thuốc sâu tự tử. Mụ chủ cửa hàng kính nhôm ấy lớn bùi bé mềm, ngủ cả với bạn con, quái tởm khác gì thằng cha chủ đề ở giữa ngõ, ngủ với con vợ đã bỏ cách đây năm năm, như thế gọi là vợ bỏ còn mó l. theo đấy.

Chị vắn bẻ người thu tiền điện thoại cả tiếng đồng hồ, chỉ vì tháng ấy bỗng dung tiền trả vọt lên gấp rưỡi. Có một anh cầu thủ bóng đá nhờ chị môi lái mua được một căn hộ trong ngõ, giá một trăm nén trả lại anh ta, nhất quyết đòi anh ta phải chi hoa hồng cho chị một phần trăm. “Thôi thôi, Loan ơi, một sự nhịn chín sự lành em ạ”. Nghe ông Thực nhấn nhó khuyên can, chị trừng mắt, dẫy dọn. Ấy là vụ chị xung xát quyết liệt với nhà người hàng xóm. Nhà người này phá căn nhà cũ, xây căn nhà mới ba tầng. Chị nhất quyết bắt họ bịt cái cửa sổ ở bức tường giáp nhà ông Thực. Cãi chửi nhau suốt một tuần. Chị đi đầu lúi về cả một sấp luật lệ, dí vào mặt nhà nợ, rít róng: “Mở cửa sổ để đêm nhìn lão già nó đè tao, hở?” Chị chửi nhà hàng bún ở sau nhà ngày nào cũng cứ ba giờ sáng là bật đèn làm hàng khiến chị không ngủ được. Trước cửa nhà ông Thực nhiều hôm bốc mùi

khăn khăn. Chị rình mò, bắt được quả tang một ông già đái bậy. Và cuộc đấu khẩu giữa đôi bên, bên cáo buộc gay gắt, bên cù nhày ba bữa, kéo dài suốt một buổi sáng, khiến ông Thực sáng ấy không viết nổi một trang sách nào.

Cái ngô buồn tẻ, hóa ra là một thể giới tạp vật, đa sắc và lắm chuyện quái kiệt. Những chuyện ấy ông Thực chưa hề biết và ông có cảm giác, từ ngày người phụ nữ trẻ nọ đến ở với ông, chúng mới phát sinh ra. Thậm chí có cảm giác chị là người tạo ra chúng. Ở đâu có chị thì tạo ra ở đó một trường lực, một khung cảnh tương hợp với tình hình, phong thái, sở thích mình.

Sau cái cau mày khó chịu về tất cả những gì đã xảy ra, là nỗi ngờ ngợ, và tiếp đó, người trước tác già buông bút, vuốt tóc ngẩn ngơ. Gia nhập vào cơ cấu gia đình, người phụ nữ tươi đẹp này lập tức bộc lộ nữ tính mạnh mẽ của mình, nhưng chả lẽ chị chỉ thuần túy là cái tạp nhạp, sàm sỡ, thô phàm, đối lập hoàn toàn với ông, hay trong sâu xa chị còn biểu thị cho tự nhiên, chân lý, dẫn dắt con người đến với nhân tình thông tục, cái nền tảng, căn cốt của đời sống con người? Thì chẳng phải từ ngày có người phụ nữ này ở bên, ông bỗng như gia thêm hưng phấn, dồi dào thêm năng lượng, sắc bén mạnh mẽ như lưỡi dao có được chỗ tựa là cán dao đó ư? Chẳng phải là cùng với cơn lốc của niềm say mê sáng tạo, ông còn bị cuốn vào dòng thác lũ ngập lụt của cơn mê đắm ái tình tạo

nên từ chị? Người đàn bà trẻ này mang nữ tính nồng nàn hơn tất cả mọi người đàn bà. Ôi, cái đời sống tình ái muôn đời xanh tươi! Thân xác ông là cái mảnh ruộng cằn khô, kiệt lực đã gặp người đàn bà là trận mưa xuân tươi nhuận. Dòng ái lực của ông được chị khơi nguồn, dẫn dụ, bỗng dạt dào tuôn chảy như suối nguồn thời trai trẻ. Ông nhận ra sự sống ở dạng song trùng; ngọn lửa cháy trong ông là hợp thành từ hai ngọn nguồn hòa quyện vào nhau, kích thích nhau để cùng bốc cao ngùn ngụt: lòng ham mê sáng tạo và niềm ái dục vô bờ. Và như vậy, cơn tức hứng đã tới vạch xuất phát, trở thành bột phát của ý chí siêu phàm, các ý tưởng lập tức biến thành con chữ, đổ ào ạt xuống hết trang giấy này đến trang giấy khác.

Rũ tóc xuống mà viết, ông Thực như bị lôi cuốn vào cơn cảm hứng bất tận với bao bồi hồi và những dự cảm lớn lao!

Tuy nhiên, chiều hôm ấy bỗng dưng ông đã phải buông bút. Đã tháo sức nên đến lúc suy cạn? Hay đã là con thiêu thân khi lẫn lóc quá lâu trong nhịp sống đa dục? Hay lao lực tạo cơ hội cho bệnh tật áp ủ đầu đó trĩu dậy? Hay tác nhân chính là người phụ nữ nọ, thái quá bất cập, những xúc động đã quá ngưỡng chịu đựng do chị gây ra, đã khiến căn bệnh đau bao tử của ông tái phát? Đau quá! Đau như có dao cắt, có dùi đâm trong ổ bụng. Đau quặn thắt, đau vã mồ hôi, đau không thở được, đau đến bập rãng vào thành ghế mà cũng không đỡ, đau đến mức muốn chết đi cho

rồi. Con đau đột ngột tới từ lúc người phụ nữ nhắc ông nghe bắt đầu đàm thoại với một người đàn ông ở đầu giây đằng kia và càng đau dội lên trong tiếng nói chen lẫn tiếng cười chót nhả, vui vẻ vô tư của chị.

- Còn lâu nhé! Người phụ nữ thản nhiên tiếp tục câu chuyện đang dang dở trong điện thoại, sau khi đã ngừng lại giây lát, nhìn ra buồng ngoài thấy ông Thực vì cơn đau đột ngột vừa gục mặt trên bàn viết:

- Đâu có! Lão hói chưa thành *bã đầu*! Vì lão không thuộc dòng máu *dê* như anh. Bất quá như chuột ngoáy lọ mỡ thôi. Ham công tiếc việc lắm. Với lại, em chăm sóc lão như võ lợn giống. Tam thất mặt ong ăn đều. Vừa tráng dương ích khí vừa phòng bị bệnh dạ dày tái phát. Anh hỏi gì? Em ấy à? Vẫn thế thôi. Cả tháng, cả năm không động chạm đến cũng được. Mà liên tục cả đêm cũng được. Úi giờ! Chỉ nói phét! Chắc là *nộp thuế* cho con mụ lác rồi, hả? Nghe giọng nói thấy có vẻ lử lả lắm. Liệu có được thành *dũng sĩ ba mươi giây* không? Được! Được! Cứ thuê buồng đi! Cho thử đấy! Này, ở ngõ này có một lão già lẻo khoẻo lẻo khoẻo mà phải hơi vợ, đúng là loại *đêm bầy ngày ba*, vô ra không kể nhé. Có biết lão gạ em thế nào không?

- Thôi!

Quay cổ lại, đập tay xuống bàn, ông Thực quát trong giận dữ và đau đớn, ròi ngã lăn chiêng xuống đất.

*

Ông Thực nằm ở bệnh viện K nửa tháng thì về. Căn bệnh ung thư dạ dày kịch phát may được kịp thời phẫu thuật. Ông đã được cứu sống. Cái dạ dày chim sẻ của ông do đã cắt một phần tư từ hồi còn trẻ, nay gần như không còn. Bây giờ, miếng ăn phải tính từng phân, miếng uống phải tính từng lạng. Một ngày phải ăn tới sáu bữa nhỏ, nhưng kỳ lạ, trông ông vẫn không nhận ra sự hao sút nào.

Không có sự hao sút nào ở sức lực ông Thực!

Ông trở lại dần dần nếp sống thông dong, tự tại như trước ngày phát bạo bệnh.

Ông lại ngồi vào bàn và rũ tóc xuống viết!

Mùa đông và mùa xuân ấy ông viết xong sáu cuốn sách, mỗi cuốn dày chín trăm trang. Tính ra, bình quân một tháng ông viết xong một cuốn. Một ngày ông viết ba mươi trang chữ. Một bút lực trai trẻ cũng chưa chắc đã làm được như thế. Sáu cuốn sách khảo cứu ấy theo đánh giá của giới chuyên môn đang đứng ở vị trí đầu bảng cho những ai muốn hiểu biết về nền văn hóa phương Đông. Nhiều người nói, sáu cuốn sách ấy đủ để làm nên danh giá một sự nghiệp, một đời người.

Thật là một sức làm việc kinh dị, vượt trên lẽ thường!

Xuân qua, hạ tới. Ngồi vào bàn ông lại rũ tóc xuống tiếp tục viết! Và hình như chẳng có gì xảy ra

cả, mặc dầu trong nhà lúc này không còn thấy bóng dáng người phụ nữ tươi đẹp lẳng lơ nọ. Người phụ nữ ấy đã ra đi đúng lúc ông vào nằm viện. Nghe nói chị đã lấy đi toàn bộ số tiền mặt và số vàng ông có, tổng cộng gần hai trăm triệu đồng. Nghe nói thôi. Vì chẳng thấy từ miệng ông thốt ra một lời ta thán nào, kể cả lúc ông sang nhà tôi, trò chuyện với cha tôi.

Mãi về sau tôi mới được biết, người phụ nữ nhan sắc lộng lẫy và phóng đãng ấy là người trong giới giang hồ, chị nguyên là học sinh cũ của ông. Ông yêu chị từ lúc chị mười sáu tuổi, học lớp mười, nổi tiếng là phong tình. Và cứ như thế đấy, đến ở với ông ít lâu gặp khi ông gặp trắc trở, chị lại bỏ ông đi. Ông chẳng giận chị. Cũng như bây giờ ông vẫn yêu chị. Với ông, đã là tình yêu thì không thể có bất hạnh! Tình yêu của đàn ông với đàn bà một khi là thật sự thì chính là dao có cán. Cũng như là núi có tiên, là nước có giao long, là cuộc sống có linh hồn, căn cốt. Phải thế chẳng mà ở bức tường sau chỗ ông ngồi, bây giờ cạnh bài thơ *Đề Bích Ca* di bút của thân phụ ông là hai câu thơ của Văn Thiên Tường, danh sĩ đời Tống, do chính tay ông viết, nét bút thật chân phương, ngay ngắn:

*Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh
Thủy bất tại thâm, phục long tắc linh.*

1-10-2001

NGUYỄN KIÊN



Họ và tên: **Nguyễn Quang Hưởng**

Ngày tháng năm sinh: 2.4.1935

Quê quán: Xã Vạn Phúc, Hà Đông - Hà Tây

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Tập thể Ngọc Khánh,

Ba Đình, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Đã in nhiều tập truyện ngắn, sau này in lại thành các tập: *Trong lành, Nơi xa, Đáy nước, Tác phẩm chọn lọc*, ngoài ra còn có các tập truyện vừa, tiểu thuyết và viết cho thiếu nhi.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Nhà nước năm 2001. Giải thưởng Văn học Đông Nam Á năm 2002.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Một lần tôi trải qua trận ốm thập tử nhất sinh, phải nằm bệnh viện liền ba tháng rồi may mắn hồi phục. Trong tôi tự nhiên có nhu cầu nhìn lại, hay đúng hơn là chăm chú nhìn vào cuộc sống mình từng sống qua, mình từng có biết với cái nhìn như mới biết lần đầu. Câu chuyện được kể lại trong thiên truyện này thuộc về các nhân vật truyện. Tuy nhiên, so với nhu cầu như là riêng tư nói trên, tôi tìm thấy sự đồng nhất về tâm trạng với các nhân vật truyện của tôi.

TRÁI CAM TRONG LÒNG TAY

Trong đời riêng mỗi người, đôi khi có những sự việc chẳng ý nghĩa gì đối với người khác, nhưng với bản thân anh ta lại là một cái mốc quan trọng. Tôi đã gặp một sự việc như thế: đó là cái tai nạn đổ xe bất ngờ xảy đến với tôi, trong một chuyến đi công tác vui vẻ chưa từng có. Chiếc xe bị bẹp mũi, tấm kính chắn gió bị vỡ tan. Cậu lái xe nằm bất tỉnh, máu me đầm đìa nhưng rút cuộc cậu ta chẳng làm sao hết. Còn tôi, ngay lúc đó đã gượng ngồi dậy được, thân thể còn nguyên vẹn vậy mà phải nằm bệnh viện đúng ba tháng, chịu mổ xẻ, đau đớn, trong tình trạng gần như tuyệt vọng. Có những chấn thương bên trong thể nào đó, không thể nói cho thật rạch ròi. Nhưng dần dần chúng tự thu xếp và ổn định lại, chỉ còn giống xương đùi bên trái bị giập nát và phải mang cái nẹp kim loại, với những đinh ốc vặn chặt, cũng bằng kim loại. Tôi bắt đầu tập ngồi, tập đứng; tập đi chập chững từng bước một, như đứa trẻ nhỏ. Cho đến khi bệnh viện chuyển tôi đến trại an dưỡng X. thì tôi tin chắc thế là tôi đã sống lại, tâm trạng tôi

vừa rụt rè vừa náo nức lạ thường. Trại X. rất nhỏ, nằm lọt thỏm giữa vùng đồi vắng vẻ số giường đã ít, số người đến nghỉ lại càng ít hơn. Tôi ở chung phòng với Vĩnh, một ông già gầy khô, khắc khổ nhưng không có vẻ ốm yếu. Mãi mấy ngày sau tôi mới biết bệnh trạng của Vĩnh và điều đó làm cho tôi bối rối. Vĩnh phải cắt một bên phổi, thường nhiều năm trước. Gần đây, bên phổi còn lại bỗng nổi một khối u ác tính, các bác sĩ đã mổ ra xem rồi buộc lòng phải đóng lại... Tôi bị ám ảnh bởi ý nghĩ so sánh, mặc dầu hiển nhiên nhưng không thể chấp nhận, rằng mình và Vĩnh đang đi ngược chiều: mình vừa từ biên giới của cõi chết trở về, còn Vĩnh thì... Hình như Vĩnh cảm thấy nỗi băn khoăn của tôi. Ông vui vẻ và chủ động săn sóc đến tôi, hỏi han tôi đủ điều. Tôi kể với ông rằng, tôi đi đây đó đã nhiều, thay đổi công tác cũng nhiều và có lẽ do thế, gần đây được chuyển sang làm cũng có viết lách được đôi tý. Những bài viết không đến nỗi xoàng, chỉ có thiếu sót nhỏ là chúng quá ít ý kiến mới mẻ và quá nhiều những chữ thừa! Vĩnh cười, vỗ nhẹ vai tôi:

- Cậu giỏi! Còn mình là anh cán bộ đốc chiến, suốt đời chỉ có làm, làm, làm. Nhưng dù sao mình, cũng giống cậu được hai điểm: Mình đi đây đi đó cũng nhiều; hai nữa, thi thoảng phải ngồi viết báo cáo, mình cũng sản xuất ra kha khá những chữ thừa! – Vĩnh ngừng giây lát rồi ông bỗng nói, tỉnh táo đến lạnh lùng – Cậu thấy đấy, mình già rồi, bệnh tật, sắp chết rồi!

Nhưng trước khi chết, mình vẫn sống, y như cậu vậy. Đừng bán khoán vợ vẫn gì cho mình, nghe chưa!

Ngày hai buổi đều đặn, tôi bắt buộc phải đi dạo, để tập luyện đôi chân. Tay chống chiếc gậy hèo nhỏ nhỏ, tôi tập tễnh đi quanh sân trại. Rồi tiến dần lên, đi ra ngoài cổng trại, đến tận đầu mút mồm đôi hơi nhô ra – nơi đó có cây long não già, cao vút, tán lá xanh nõn nà, những phiến đá lăn tăn lúc nào cũng gợn sóng lên, như vẫy gọi. Đứng dưới gốc cây long não, có thể nhìn thấy con đường dốc lượn dưới chân đồi, những khe đất xanh rì cây dại và xa hơn, thấp thoáng một xóm nhỏ, lưa thưa rặng tre với vài chục nóc nhà. Có một cô gái từ nơi xóm nhỏ vẫn thường đến đây cắt cỏ. Lần đầu tiên trông thấy tôi, cô nói ngay: “Cháu chào chú. Chú vừa mới đến trại hẳn?”. Giọng cô tỏ ra hết sức thân thuộc với nơi này. Dần dà, cô chú ý đến tôi hơn. Cho đến một hôm cô thấy tôi đi khập khễnh, tay chống gậy mặt tái nhợt và luôn luôn nhăn nhó, cô ngạc nhiên hỏi tôi: “Chú đau chân à?”. Tôi vỗ nhẹ lên bắp đùi bên trái, tiết lộ với cô rằng ở trong đó, giữa hai ống xương bị gãy, có cái nẹp và những đinh ốc bằng kim loại. Cô gái tròn xoe mắt, háp tấp nói: “Tại sao lại như thế hả chú?” Tôi kể cho cô nghe những gì tôi đã trải qua. Cô rùng mình, nhìn tôi chăm chú rồi bật kêu lên:

- Trời ơi, tai nạn như thế mà chú còn sống được thì tài quá!

- Nào tôi có tài gì đâu! Trước hết, tôi sống được là nhờ bệnh viện, nhờ các bác sĩ. Và sau hết, có lẽ là... là... vì tôi còn quá nhiều ràng buộc với cuộc đời này chẳng?

Ý nghĩ về sự ràng buộc đột nhiên lóe sáng trong đầu tôi, chính là vì cái vẻ tò mò không che giấu, sự hồi hộp, lo lắng pha chút trẻ thơ của cô gái cắt cỏ hoàn toàn xa lạ, thoát trở nên gần gũi đối với tôi. Cô ngồi dưới gốc cây, xế trước mắt tôi, chiếc liềm cắt cỏ để bên chân. Bàn chân cô thô nhám, với những ngón chân hơi ngắn và những vết nứt li ti quanh gót, hoàn toàn trái ngược với đôi bàn tay thon dài, khuôn mặt xinh xắn, vàng trán cao vừa phải nhờ những sợi tóc che lòa xoà. Cô bé nhỏ, dịu dàng và nghiêm nghị, vừa trẻ lại vừa già so với lứa tuổi cô... Bỗng cô nói với tôi, vẻ như chẳng ăn nhập vào đâu hết:

- Chú ơi, giá như bố cháu còn sống, bố cháu gặp chú, trò chuyện với chú, chắc bố cháu vui lắm!

Tôi không hiểu điều cô gái nói, chỉ cảm nhận nó như một nỗi niềm, một lời an ủi. Nhưng cô gái không dừng lại ở đó, cô cầm cái liềm, bỏ nhẹ mũi liềm xuống nền đất sỏi, làm vài viên sỏi bị văng đi, tóe lửa và cứ thế, cô vừa bỏ nhẹ mũi liềm, vừa hăm hờ nói:

- Chú có biết vùng đồi này trước đây là một vùng như thế nào không? Một vùng hoang vắng, khô cằn, chỉ có nắng và bụi. Và chú có biết muốn lập nên làng xóm, sinh sống được ở đây thì cần gì không?

Cần có nước! Không phải cháu định giảng bài cho chú đâu. Cháu chỉ muốn kể cho chú nghe về bố cháu... nhưng trước hết, cháu hỏi chú, chú đã bị khát bao giờ chưa – khát cháy họng, rã rời chân tay, mắt mờ đi, ngạt thở? Hồi gia đình cháu, cùng với một số bà con từ dưới xuôi lên đây khai hoang, cháu còn bé tí, cháu đã bị khát như thế. Cháu sợ cái khát quá, ban đêm cháu ngủ, toàn mê hoảng. Cháu thấy một con quỷ, bụng nó to khủng khiếp và nó cứ lượn quanh cháu, cái bụng lắc lư, nước trong bụng nó kêu óc ách. Cháu kêu thét lên, ôm choàng lấy cổ bố cháu. Bố cháu hỏi: “Con làm sao thế?” Cháu nói quấy quá: “Không, con không làm sao...” nhưng rồi lại bật ra: “Con chỉ muốn uống nước thôi”. Thế là bố cháu đi tìm nước. Thoạt đầu mò mãi cứ thấy chỗ nào thấp, đất hơi mềm, lư thưa cỏ mọc là bố cháu đào giếng. Đào cho cả xóm, cả làng. Bố cháu đã đào hàng trăm cái giếng. Hàng trăm cái, cháu nói không ngoa đâu. Bởi vì có vô số giếng bố cháu đào, cứ sang mùa khô là nước biến đâu hết sạch. Những cái giếng chết. Bố cháu đi lại quần quanh giữa những cái giếng chết ấy, vò đầu bứt tay, nhìn ngắm rồi đi tìm một sườn đồi khác và lại đào... Ban đầu, mỗi khi bố cháu đào giếng, cần có một người phụ, đứng trên cao kéo những sào đất từ dưới sâu lên. Về sau bố cháu đào một mình. Một mình cúi lom khom dưới cái đáy hang thăm thẳm, dùng cái xẻng ngắn cán hất từng xẻng đất qua vai, đất bay lên rơi lộp bộp trên nền cỏ... Lúc

bấy giờ bọn trẻ con chúng cháu thường chơi quanh quần bên chỗ bố cháu đang đào giếng. Các hình ảnh tất cứ tự dựng từ đâu đó bay lên, đã khắc sâu và trí nhớ của cháu đến mức, cho đến bây giờ, mỗi khi đi cắt cỏ, cháu khát, cháu ngó quanh tìm nước là lại thấy nó hiển hiện. Mẹ cháu thỉnh thoảng tìm nước là lại thấy cái đó. Và mỗi lần mơ thấy, tỉnh dậy, mẹ cháu lại khóc. Chú có biết vì sao không?

Tôi im lặng.

- Là vì, suốt thời gian bố cháu lăn lóc với việc đào giếng, mẹ cháu là người rầy la bố cháu nhiều nhất. Cái xóm khai hoang của cháu chỉ có một nhúm gia đình, đã phải chuyển dịch loanh quanh qua bao nhiêu đời. Nhiều nhà bỏ về. Mẹ cháu, nghe mấy bà bạn rủ rê cũng muốn bỏ về. Nhưng mà vương bố cháu. Mát mẻ, hờn dỗi chán chê không được, cuối cùng mẹ cháu nổi đóa lên la hét vào tận mặt bố cháu: “Ông không sinh ra ở cái đất chó ăn đá, gà ăn sỏi này, có cái gì ràng buộc ông mà ông cứ phải hì hục đào ngoáy quanh năm suốt tháng như thế?”. Bố cháu không nín nhịn được, cũng la lên: “Mọi cái ràng buộc tôi, mà cũng chẳng có cái gì ràng buộc tôi! Bà đã lý sự với tôi thì tôi trả lời bà thế đấy! Nhưng thôi, tôi không lý sự, tôi van bà, bà hãy để cho tôi đào nốt cái giếng này, cái giếng mà tôi đoán chắc với bà nước mạch phải đầy ắp!”. Bố cháu đã dùng mưu mẹo như thế đấy, để tiếp tục đào cho đến cái giếng thứ một trăm.

... Buổi sáng hôm ấy tôi về muộn. Trong phòng, Vĩnh đang đứng trước khung cửa sổ mở rộng, tập thở theo phương pháp dưỡng sinh. Nghe tiếng động nhẹ nơi cửa ra vào, Vĩnh quay lại:

- Lại ra chỗ gốc cây long não, nói chuyện lẩn thẩn với cô bé cắt cỏ, hử?

Tôi bỗng trở nên bông bột, khoe ngay với Vĩnh rằng, hôm nay tôi không chỉ hỏi cô bé những câu lẩn thẩn mà ngược lại, chính cô bé đã trò chuyện với tôi về gia đình cô, về người cha đã khuất của cô. Cô đã thành mối dây liên lạc giữa tôi với cuộc đời rộng lớn, khiến tôi có thể hòa nhập trở lại, vào cuộc đời ấy. Tôi còn khoe thêm với Vĩnh rằng, nhờ cô gái mà tôi biết, dưới xóm nhỏ của cô, có những nhà đã trồng được cả cam, giống cam rất quý, lần đầu tiên du nhập được vào vùng này. Tôi đã gửi tiền cô gái, nhờ cô mua cho ít trái cam.

- Cậu khá hơn mình đây! Mình vốn là lính trinh sát, lại lên đây trước cậu, vậy mà mình chẳng hay biết gì cả!

Vĩnh vừa tiếp tục bài tập dưỡng sinh vừa nói, vẻ băng quơ. Tôi tưởng ông giễu cợt tôi, giễu cợt cái chú bé con đang sống trở lại dưới cái vỏ bề ngoài người lớn, là tôi. Nhưng những sự việc xảy ra sau đó đã cho tôi thấy là tôi làm...

*

Sau đó, tôi không gặp cô gái cắt cỏ. Có thể là cô bận việc gì, cũng có thể do thời tiết xấu, cô không muốn đi xa. Mà thời tiết xấu thật: chẳng ra nắng cũng chẳng ra mưa, bầu không khí nặng nề, ẩm ướt, lúc thì oi bức, lúc ớn lạnh đến rùng mình. Vĩnh thở rất khó khăn, ông nằm gàn như suốt buổi trên giường, nghiền răng chịu đựng những cơn đau và thêm thiếp ngủ. Tôi cũng chỉ dám đi dạo loanh quanh, dọc theo hành lang mấy dãy nhà. Cuối cùng, không sao chịu đựng nổi cơn nhức nhối từ bắp đùi bên trái lan ra khắp thân thể, tôi đành quay về phòng nằm ngủ thiếp đi... Lúc đó là buổi chiều. Một tia nắng xế, lọt qua khe cửa sổ, chiếu chéch vào mặt Vĩnh khiến ông tỉnh dậy. Ấy là sau này tôi nghe Vĩnh nói lại chứ lúc ông khê gọi tôi, tôi bừng mắt thì Vĩnh đã mở tung cửa sổ và mắt tôi bị chói lóa trước một khung trời đỏ rực.

- Mình vừa mơ một giấc mơ thật lạ lùng... – Vĩnh giữ tôi ngồi trên giường, còn ông kéo chiếc ghế nhỏ, ngồi sát đầu giường tôi, ông nói vội vã như có cái gì sợ bị quên – nhưng trước hết mình muốn biết, cậu có hay mơ không đã? Cậu thường mơ thấy gì?

- Tôi không hay mơ. Còn trong mơ, bên những cảnh và người hết sức thân quen, thường xen vào những chuyện xa lạ, kỳ quặc, không có đầu đuôi mạch lạc và nói chung là chẳng có nghĩa gì hết!

- Ừ, ừ... những giấc mơ, nói chung là chẳng có nghĩa gì hết! – Vĩnh nheo mắt nhìn tôi buông một câu

lơ lửng, sau đó ông bỗng khoát tay, nói chậm rãi – Nhưng có điều gần đây, mình thường hay mơ thấy một cảnh tượng cứ lặp đi lặp lại. Mình mơ thấy lửa, ngọn lửa bốc cao như một đám cháy lớn và mình vùng vẫy ở trong đó. Không lần nào ngọn lửa thiêu cháy được mình. Nhưng lần nào tỉnh dậy, mồ hôi cũng toát ra ướt đẫm lưng áo mình và ruột gan mình cứ bị nung nấu còn cào lên. Mình chập chờn nghĩ, có lẽ trong suốt cuộc đời mình, mình đã cảm nhận được một điều gì đó, nó ẩn giấu quá sâu và bây giờ nó nung nấu ruột gan mình. Tuy nhiên, mình cũng không dám chắc. Thế rồi, bỗng dưng có một người khách đến thăm mình. Một cô bé, cô bé xuất hiện trong phòng từ lúc nào, bằng cách nào mình không biết. Chỉ biết cô đứng sát bên đầu giường mình, im phắc, đôi mắt nhìn đăm đăm. Mình không nhận ra cô bé đó là ai. Đồng thời, có một ý nghĩ, bướng bỉnh cứ khẳng khẳng cãi lại rằng, nhất định mình biết cô ta là ai. Mình đưa tay ra, chơi vơi, định nắm lấy tay cô bé, dìu cô ta ngồi xuống chiếc ghế nhỏ vẫn kê ở gần đây. Nhưng không nắm được. Hình ảnh cô bé gần gũi, rõ ràng đến như thế mà như mờ ảo, xa vơi, chỉ có đôi mắt cô đăm đăm nhìn mình là không xa vơi chút nào. Có vẻ cô hơi cúi xuống nhìn mình, khẽ nói câu gì đó, giống như là những trái cam... Mình tỉnh dậy, vì vệt nắng xuyên chéch qua khe cửa sổ, rọi thẳng vào mắt mình. “Hóa ra là mình mơ”, mình lần ra mở cửa sổ, bụng nghĩ vậy nhưng đúng lúc căn phòng bừng sáng,

mình quay nhìn thì thấy trên mặt chiếc bàn còn kê sát đầu giường mình có cả chục trái cam. Thật lạ lùng. Cậu có tin câu chuyện lạ lùng này không?

Tôi không biết trả lời Vĩnh ra sao. Điều đó làm ông phật ý, ông nhích ghế, hơi né người để tôi nhìn cho rõ những trái cam bày trên đầu giường ông. Rồi ông vói tay, lấy một trái cam, bàn tay ông xòe ngửa, dúi trái cam vào sát mặt tôi, như thách thức:

- Hãy xem, có đúng là cam không nào?

Đó là trái cam đích thực. Trái cam đầu mùa, vỏ mỏng và căng, múi mọng. Chưa chi tôi đã cảm thấy vị thơm ngon đích thực của múi cam thấm đẫm nơi đầu lưỡi và tôi nghĩ, câu chuyện này thực ra cũng đơn giản: chắc chắn có một cô bé thực đã mang những trái cam tới đây và việc tìm ra cô bé ấy cũng không đến nỗi khó khăn gì. Nhưng tôi không dám nói ra, không giám tranh cãi với Vĩnh. Tôi linh cảm thấy rằng, đằng sau chuyện này có chứa đựng một câu chuyện khác...

Tôi ngập ngừng giây lát rồi đánh bạo thăm dò bằng cách cố tình làm ra vẻ thơ ơ:

- Thôi hãy tạm gác chuyện giấc mơ của anh lại. Anh kể cho tôi nghe một chuyện gì đó không dính dáng đến mộng mị thì hơn. Chuyện gì cũng được!

- Biết chọn chuyện gì không dính đến mộng mị được nhỉ? Mình già rồi mà, thành ra nhiều chuyện

lắm... – Vĩnh trầm ngâm, sau đó ông bỗng phẩy tay, nói quả quyết – Thôi được, để mình kể chuyện này. Chuyện một cô bé... Cách đây ba mươi sáu năm, năm ấy mình hai mươi một tuổi, là lính trinh sát thuộc một đơn vị hoạt động độc lập, thường phải vượt vành đai trắng, vào sâu trong lòng địch. Mình bị địch bắt trong đêm vượt vành đai, vấp phải ổ phục kích của chúng. Chúng giải mình về chốt, giam dưới hầm ngầm, tra tấn mình bằng đủ mọi ngón chân rào dây thép gai, phía sau chốt, giam dưới hầm ngầm, tra tấn mình bằng đủ mọi ngón đòn hiểm ác, vẫn không moi được ở mình một lời khai nào. Thấy mình đã hoàn toàn kiệt sức, tên đồn trưởng đem thả mình xuống cái giếng hoang ở rìa bãi hoang, sát chân rào dây thép gai, phía sau chốt. Mình bị chìm ngụp dưới làn nước đen ngòm, hôi thối, đặc quánh những rong rêu và cỏ rác mục. Mục nước trong lòng giếng không sâu lắm; vả lại, do bản năng sinh tồn, mình giãy đạp, quờ quạng một lúc thì bám được vào một kẽ lõm bên thành giếng, héch mũi lên thở. Mình hồi sức lại dần và nhìn thấy ô trời tròn xoe phía trên cao, cao vút, cái ô trời sao mà thăm thẳm, xanh trong, sạch sẽ và thuần khiết đến thế. Có thể mình nhìn thấy, cũng có thể mình chỉ mơ thấy khát cháy họng, vội bấu vào thành giếng, leo lên. Nhưng mình rơi tòm xuống, chìm vào tối tăm và hôi thối, miệng sặc nước, chân ngập trong bùn. Cứ mỗi lần cố leo lên lại thêm một lần chìm sâu hơn xuống đáy giếng. Xuống tới tận-

cùng. Mình quây chân, chạm được vào một vật gì tròn cứng, vội tỳ lên nó. Nhưng nó cứ trượt đi. Chân mình lại sục tìm... Thế rồi, cậu có biết thế nào không, mình đã tìm thấy dưới lớp bùn sâu đáy giếng chông chất những xương người; những xương sọ trơn nhẵn, những ống xương chân, xương tay còn rấn chắc hoặc đã mủn gãy. Xương của các đồng đội, đồng chí từng đi trước mình. Và bây giờ đến lượt mình... Không, mình không thể chết, mình phải leo lên, phải thoát ra khỏi cái lỗ huyết lộ thiên không lấy gì làm sâu lắm này. Nhưng cũng rõ ràng là mình không thể nào leo lên, không thể nào thoát ra được. Nỗi tuyệt vọng và niềm ham sống giằng co dữ dội trong con người mình và giây phút đó mình thấy từ ô trời đêm nghiêng thò dài ra, nhọn hoắt; con quỷ biến đi, thay vào đó là khuôn mặt tên đồn trưởng mắt sâu, râu rậm rồi tên đồn trưởng lại biến đi, thay vào đó là con quỷ... Nhưng dù biến đổi thế nào, cái khuôn mặt gớm guộc ấy vẫn chung một nụ cười giễu cợt khiến mình uất ức đến mức máu mũi mình trào ra. Mình còn đủ tỉnh táo quệt máu vào lòng bàn tay, thấy nó màu đen, đặc quánh và mình áp bàn tay vào thành giếng, tưởng chừng như bàn tay mình dính chặt vào đó chính là nhờ máu... Có thể nói, mình đã sống, trong cái tư thế chết. Không biết kéo dài bao lâu. Bỗng có cái gì động đập, khê cọ sát vào mặt mình. Mình quờ tay, nắm lấy cái đó. Thế rồi đầu óc mình bừng tỉnh, mình nhận ra cái đó là một dây chảo lớn, dòng từ trên miệng

xuống. Nơi tận cùng sợi dây chấu buộc sẵn một vòng tròn nhỏ, mình lồng chân vào vòng chấu, cố dướn người lên, hai tay níu chặt. Sợi dây chấu nặng nhọc kéo mình lên, từng nấc một... Bấy giờ đêm đã khuya, mình đứng bàng hoàng trên mặt đất, thấy lờ mờ trong bóng tối một dáng người nhỏ bé và tiếng nói phào bên tai mình, như gió thổi “Anh bộ đội, anh đi theo em!” Mình theo cái bóng bé nhỏ luồn qua hàng rào dây thép gai, bò lên giữa những bụi gai rậm, đến một hõm đất được che phủ kín đáo bằng cành cây và rất nhiều cỏ khô. Mình ngồi tựa lưng vào vách sau hõm đất, hít thở hơi đất ẩm và mùi cỏ khô ngai ngái, đầu óc tỉnh táo dần trở lại và bấy giờ, yếu ớt, gàn như mỏng manh. Cô bé ngồi ngoài cửa hõm đất, rõ rệt mà nhòe lẫn giữa đám cành cây và cỏ. Mình khẽ nói: “Này cô bé, em là ai, sao em lại cứu tôi?” Cô bé chống tay, hơi nhòai người về phía mình, tay kia dờ dẫm tìm khuôn mặt mình, áp lòng bàn tay lên trán mình – bàn tay cô bé lạnh giá, run bần bật và giọng cô cũng run run như thế: “Anh bộ đội, chuyện của em dài lắm. Anh hãy cứ nghỉ cho lại sức hẳn đi!”. Mình im. Vì mình hiểu rằng chính cô bé cũng đang cần nghỉ, cần bình tĩnh lại...

Vĩnh ngừng, khuôn mặt ông tái nhợt vì xúc động và vì cơn đau đột ngột nổi lên. Ông khẽ lúc lắc đầu, miệng hơi há ra, bàn tay xương xẩu của ông túm chặt lấy ngực áo, khẽ giật giật, vẻ không bình thường. Tôi vội vàng nói:

- Anh làm sao thế, anh Vĩnh?

- Không, không sao cả! Cái khối u quái ác trong ngực mình chưa làm gì nổi mình đâu. Mình sống dai lắm... – Vĩnh nín thở, rồi sau đó ông thổi một hơi dài, như thổi một cái gì vướng mắc ở trong ngực ông cho nó bật ra – Suốt cuộc đời hoạt động của mình, mình đã từng chết đi sống lại nhiều lần, bắt đầu là lần bị thả xuống cái giếng hoang rồi được một cô bé cứu thoát, như cậu thấy đấy. Mà cô bé đó là thế nào, cậu biết không? Cô bé mồ côi, bị tên đồn trưởng bắt vào đồn, chặn bò cho nó. Tên đồn trưởng này vốn là quản lý đồn điền cho thằng chủ Tây. Cái đồn điền xưa kia chiếm cả một vùng đồi, rộng mênh mông, nay là vùng đai trắng. Ngôi biệt thự của thằng chủ Tây hoang phế đã lâu nay được xây lại thành đồn bót và tên đồn trưởng vừa chỉ huy lính đi càn vừa nuôi mộng ông chủ đồn điền tương lai, hấn dựng lên phía sau bót cả một dãy chuồng bò... Ở trong cái hõm đất được che phủ kín đáo bằng cành cây và cỏ khô mà cô bé chặn bò giấu tôi vào trong đó, cô kể cho tôi nghe rằng, trước tôi, đã có ba mươi tám người, trong đó có một phụ nữ, bị chết dưới đáy giếng hoang. Họ đã lần lượt chết, còn cô bé thì ngày càng bị ám ảnh, bị day dứt bởi cái ý nghĩ, cô rất có thể cứu được họ. Cô tính toán một kế hoạch, ngầm chuẩn bị mọi thứ: sợi dây chèo, cái khe hở nơi hàng rào, con đường rút chạy và hõm đất ẩn trốn... nhưng những người bị ném xuống đáy giếng hoang vẫn cứ tiếp tục chết. Cho đến lượt

tôi, người thứ ba mươi chín... Cô bé, lúc bảy giờ đã ngồi sát bên tôi, nơi tận cùng hòm đất an toàn. Cô kể về những người đã chết – cái chết dưới đáy giếng hoang đường như mách bảo cô, về cái chết của bố mẹ cô mà thực ra lúc đó cô còn quá nhỏ, cô không hay biết một tý gì. Cô khóc tím tím. Tôi phải giấu tiếng khóc của tôi, khe khẽ nói: “Em bé ơi, nhưng mà cuối cùng có một người đã sống lại được, nhờ em. Thôi, em đừng khóc nữa!” Cô bé có vẻ dịu đi được đôi chút nhưng chỉ giây lát sau, cô bỗng quay sang tôi, giọng đột ngột trở nên gay gắt: “Anh bảo em đừng khóc, sao anh khóc? Nào, anh hãy trả lời em đi?” Giọt nước mắt có bao nhiêu nghĩa. Nếu cậu ở vào địa vị mình lúc đó, cậu sẽ trả cô bé ra sao? Cậu hãy nói trước đi! Nói đi! Nào...

Vĩnh hồi và thúc giục nhưng không có vẻ gì chờ đợi nghe tôi trả lời. Ông sống trọn mình trong hồi tưởng và đã đến lúc ông không thể gắng gượng được nữa. Bàn tay ông run rẩy đưa lên, nắm chặt lấy ngực áo, đôi mắt mờ ra. Tôi vội dìu ông đứng dậy, đưa ông về giường nằm.

*

Những ngày tiếp theo, Vĩnh bị đau luôn. Bác sĩ phụ trách khu an dưỡng phải cử người về tận bệnh viện chuyên khoa ở Hà Nội, đem thuốc lên, vừa tiêm cho Vĩnh, vừa bắt ông uống đủ loại thuốc bột, thuốc viên, đều đặn hàng giờ. Vĩnh không muốn phiền các

thầy thuốc, ông thường tuyên bố rằng, cứ sau mỗi lần tiêm thuốc, ông đều thấy dễ chịu hơn chút ít. Chỉ có tôi là người chứng kiến đến tận cùng nỗi đau đớn âm thầm, dai dẳng của ông. Ông thường nhờ tôi xuống nhà bếp lấy nước sôi, thay nước trong túi chườm và ông nằm co quắp, luôn cái túi chườm vào tận bên trong ngực áo, khiến da ngực ông phồng rộp cả lên. Nhưng ông vẫn cố tỏ ra bình thản. Chỉ cần cơn đau dịu đi một chút là ông lại bảo tôi: “Mình sắp ngủ được rồi. Cứ để yên cho mình ngủ. Còn cậu, cậu hãy đi ra ngoài, tập luyện đôi chân của cậu đi!” Con người Vĩnh thật lạ, ở ông luôn luôn toát ra một uy thế tinh thần thế nào đó, buộc tôi không thể cưỡng lại ông.

Tôi đi ra ngoài nhưng chỉ quanh quẩn qua lại từ khu vườn hoa nhỏ trước sân tới cổng trại. Bầu trời xanh trong, cơn đường đời, những sườn cỏ pha nắng chiều dịu dịu... tất cả vẫn hấp dẫn tôi như ngày nào mới tới những cũng vì thế, tâm trí tôi càng không sao dứt ra khỏi những cơn đau của Vĩnh. Tôi đắm ra ngỡ ngẩn, dường như vừa tỉnh lại vừa mơ thấy những cơn đau của chính mình. Bỗng nghe một tiếng gọi nhỏ: “Chú Đàm!” Tôi giật mình quay lại thì thấy cô gái cắt cỏ tôi thường gặp dưới gốc cây long não, đã theo sát sau tôi từ lúc nào. Hôm nay cô không đi cắt cỏ. Cô mặc đẹp và trang nhã, tay xách làn, úp ngoài cái làn là chiếc nón trắng tinh. Trông cô lớn hẳn lên, tươi trẻ, duyên dáng và nét mặt cô có vẻ ngượng

ngừng, bối rối thật lạ lùng. Cô vừa vuốt tóc vừa líu ríu nói:

- Cháu vừa vào đến cổng thì trông thấy chú. May quá... chú có thể ngồi đây với cháu một lát được không?

Chúng tôi ngồi trên chiếc ghế dài, ken bằng thân gỗ đơn sơ, chân ghế chôn trong đất, dưới bóng mát hàng cây xé bên cổng trại. Cô gái đặt cái làn nơi đầu ghế, úp cái nón lên trên, đầu cô nghiêng nghiêng, chăm chú nhìn tôi:

- Chú khỏe không? Bên chân đau của chú thế nào?

Tôi dùng đầu gậy cời lên một viên đá rồi co chân, hất nó ra xa. Cô gái cười vui:

- Cháu mừng chú. Nhưng cháu vẫn không sao quen được chuyện cái nẹp với những đinh ốc bằng kim loại nằm trong xương thịt con người – cô chớp mắt rồi bỗng nói – chú nhận được những trái cam cháu gửi cho chú rồi chứ?

Tôi không biết trái cam nào nhưng vẫn cứ gật đầu:

- Cảm ơn. Tôi đã nhận được đủ cả.

- Hôm ấy cháu bận, con em gái cháu nó đem cam lên đây thay cháu. Về nhà, nó kể lại rằng, nó hỏi thăm cô y tá trực, vào được đúng phòng chú. Nhưng trong phòng có hai chú, mà cả hai chú đều ngủ. Một chú quay mặt vào trong tường. Còn chú nằm giường bên, quay mặt trở ra. Chẳng biết chú nào là chú

Đàm, nó đánh liều đến gần chú nằm quay mặt trở ra. Nó thấy chú ấy gầy khô, nét mặt nhăn nhó, thở nặng nhọc. Nó định gọi, nhưng lại sợ. Thế rồi chú ấy bỗng mở mắt ra, bàn tay quờ quạng về phía trước, miệng mấp máy như định nói câu gì. Nó cúi xuống, nghe nhưng không thể nghe rõ câu gì. Hóa ra là chú ấy mê. Nó bối rối quá, vội để những trái cam nó mang theo lên mặt chiếc bàn con kê sát chỗ nó đứng rồi rón rén đi ra... Cháu nghe con em gái cháu kể lại như thế, cháu băn khoăn quá. Nhớ như nó lắm...

- Thì tôi chả vừa nói tôi đã nhận được đủ cả rồi là gì! - Tôi ngắt lời cô gái.

- Vâng! - Cô gái cúi đầu, vẻ ngoan ngoãn - Nhưng như thế cháu lại càng băn khoăn hơn. Băn khoăn cho sức khỏe của chú. Chú ngủ trong đau đớn và mê sảng... Bây giờ thì cháu mừng quá! Con người ta sống thật không dễ mà chết cũng không dễ một chút nào, có phải thế không chú?

Tôi im lặng; thốt nhiên, cái hình ảnh tương phản của đôi bàn tay thon nhỏ, mềm mại và đôi bàn chân to bè, đầy vết nứt nẻ của cô gái lại đập vào mắt tôi. Nhưng cô không để ý đến điều đó, vẫn chậm rãi nói:

- Cháu nghĩ như vậy vì mẹ cháu... Chú thử tưởng tượng đời một người đàn bà góa bụa, bùi riu hai con nhỏ, ở một nơi hoàn toàn xa lạ... Mẹ cháu không có đủ sức lực và quyết tâm như bố cháu, đào hàng trăm cái giếng - hàng trăm cái và bỏ đi phần

lớn, rút cục chỉ nhằm cắm cho bằng được cái xóm nhỏ hơn hai chục nóc nhà, cho nó tỏa rã ra một mảng sườn đồi. Nước có rồi. Nhưng cái ăn vẫn thiếu, tre pheo với bóng cây vườn lại càng thiếu hơn. Lúc bấy giờ cháu mới lên mười, tuy chưa hiểu gì nhưng đã biết thương mẹ cháu lắm. Đêm nằm rúc đầu vào nách mẹ, cháu tỉ tê: “Mẹ ơi, hay mẹ con ta về xuôi, ở dưới đó còn có bà ngoại và các dì...” Mẹ cháu nuốt nước mắt: “Về làm sao được hở con! Ít nhất thì mẹ con mình cũng phải chờ ba năm nữa, mẹ lo xong việc thay áo cho bố con...” Rồi thế nào, chú biết không? Những năm sau đó, ba mẹ con cháu vừa làm lụng tất bật, hết việc hợp tác đến việc nhà để cho có cái ăn, lại vừa hì hục xe đất màu từ dưới khe đồi lên, tôn mảnh vườn bên cạnh nhà. Cứ mỗi chiều một xe đất, đều đặn như thế, trừ những ngày mưa gió hoặc quá bận. Hai chị em cháu không đáng nói làm gì, chỉ lẳng nhẳng bám theo xe cho mẹ cháu khỏi lẻ loi. Chính mẹ cháu đã đào, xúc, cầm cày xe và gò lưng kéo, không phải hàng trăm, mà hàng ngàn xe đất... Bao nhiêu sợi chấu quàng qua vai mẹ, để kéo xe, đã phải thay đi vì chúng ngấm mồ hôi, ải mục dần và đứt. Đến bây giờ, vô số sợi chấu đứt vẫn còn vắt lòng thòng trên gióng chuồng bò nhà cháu. Đôi khi con bò háo muối, nó lại rút từng mẩu chấu, nhai sào sạo. Thế là mẹ chạy lại la lên: “A, con quái! Con quái!” vừa la vừa kéo vạt áo lên chấm mắt. Thấm thoát, vậy mà mẹ cháu đã già rồi, mắt kém rồi.

Những ngày trước đây, ngồi dưới gốc cây long não trên mỏm đồi cao, tôi đã nhìn thấy cái xóm nhỏ của cô gái, phía xa xa. Bây giờ thì tôi nhìn thấy cả ngôi nhà nhỏ của cô, mảnh vườn và vuông sân đầy sỏi vụn. Tôi liền phác ra cái cảnh tượng quây quần đầm ấm giữa ba mẹ con cô, với những nụ cười, tiếng bò nhai cỏ, tiếng lợn kêu và đàn gà tranh ăn tíu tít...

- Rồi sao nữa? - Cô gái nheo nheo đuôi mắt, hơi héch cái cằm thon nhỏ, vẻ như khiêu khích trí tưởng tượng của tôi.

- Rồi cô sẽ đi lấy chồng. Một anh chồng thật tốt nết, nhà ở ngay trong xóm, hoặc nhà anh ta xa thì anh ta sẽ đến ở rể. Còn cô chắc chắn là rất mắn con. Chẳng bao lâu, bà cụ sẽ có một đàn cháu ngoại...

Cô gái bỗng phá lên cười ngặt nghẽo. Tiếng cười làm tôi ngơ ngác.

- Cháu buồn cười quá! Là vì, mẹ cháu cũng thường hay vẽ ra cái cảnh mai sau vui vẻ, y như chú ấy. Nhưng chú biết thế nào không? Một hôm, có một chiếc ô-tô chở gỗ của lâm trường, ở tít trong chân núi ra, ô-tô đỗ lại ngoài đầu xóm, nhóm công nhân đi áp tải gỗ tìm vào nhà cháu, xin thổi cơm nhờ. Bọn họ cứ như giặc ấy, làm náo loạn cả lên. Một anh chàng trong bọn bảo cháu: "Này cô bé, vào trong chân núi trồng rừng với bọn anh đi. Bọn anh là một lũ chuyên phá rừng đang cần có người trồng rừng mà tìm mãi chưa ra!" Cháu ức quá, liền nói: "Cái mặt anh còn

non choẹt, sao dám gọi tôi là cô bé? Mà anh với tôi có quen biết gì nhau!”. Anh chàng đáp lửng lơ: “Thì thôi, tôi sẽ gọi cô là cô bạn vậy... Này cô bạn, cô có bao giờ để ý đến đàn kiến không? Kiến ở khắp nơi và cứ đi lại tấp bật khắp nơi. Con người ta cũng như kiến ấy, người ở khắp nơi và cũng cứ đi lại tấp bật khắp nơi, trên mặt đất này. Con người gặp nhau tuy không cụng đầu như kiến nhưng lại biết nhìn nhau. Chẳng hạn như tôi đang nhìn cô bạn, cô bạn thấy thế nào?” Anh chàng tán cứ như gió ấy... Nhưng thôi, cháu có chút việc bận, cháu phải đi ngay bây giờ...”.

Cô gái đột ngột nhấc cái làn cô vẫn giấu dưới chiếc nón úp nghiêng, lấy từ trong làn ra một cái túi ni-lông mỏng, trong đựng những trái cam. Cô giúi cái túi vào tay tôi. Tôi định nói một câu gì nhưng cô gái lập tức buộc tôi phải câm lặng, bằng cách nói thác ra rằng cô đã cầm tiền tôi gửi để mua cam, số tiền ấy cô mua chưa hết, vậy thì tôi bắt buộc phải nhận những trái cam cô đem đến cho tôi. Rồi cô đứng ngay dậy, chào tôi, đi rất nhanh theo con đường dốc lượn xuống chân đồi.

*

Trở về phòng, tôi đặt ngay túi cam lên mặt chiếc bàn con, bên phía giường Vĩnh. Việc làm đó xảy ra tự nhiên, ngoài ý thức của tôi, dường như nó nhất thiết phải là như vậy. Không ngờ lúc đó Vĩnh nằm nhắm mắt vẫn như tỉnh. Ông ngồi bật dậy, khẽ hát hàm về phía tôi, giọng gay gắt:

- Cậu vừa làm cái trò gì thế, Đàm?

Tôi định thanh minh nhưng Vĩnh xua tay, giọng càng gay gắt hơn:

- Hóa ra lần trước cũng chính là cậu, hả? Cậu thông minh và đã thành công đấy. Nhưng lần này cậu lặp lại là cậu ngu ngốc. Ngu ngốc, cậu hiểu chứ.

Cơn nóng giận của Vĩnh thật bất thường, vô lý. Tuy nhiên, đã quá quen với sự trở chứng của một người bệnh như Vĩnh, tôi đành nín nhịn và nhận tất cả lầm lỗi về mình. Tôi thổ lộ với ông rằng, mấy trái cam chẳng đáng kể gì, cái chính là tôi muốn chia sẻ cùng ông niềm vui của tôi khi tôi nhận được chúng, từ tay cô gái không quen biết. Tôi vừa trò chuyện với cô và lần này, tiếp nối với những lần trước, cô đã lôi cuốn tôi vào giữa dòng đời tuôn chảy. Tôi đã hồi sinh và cảm thấy từ trong máu thịt tôi, rằng cái dòng chảy ấy là vô cùng, đầy ghèn thác, nhan nhản ngẫu nhiên, những khúc êm đềm thật hiếm hoi và ngắn ngủi, đến mức ta chưa kịp thở cho khoan khoái thì những ghèn thác mới đã lại hiện ra rồi. Cái giây phút cô gái vụt đứng lên, chào tôi rồi hấp tấp quay đi - tôi không rõ cô đi đâu, có việc gì, chỉ có thể đoán là việc ấy rất hệ trọng đối với cô - cái giây phút ấy khiến tôi bị ám ảnh. Nghe tôi nói, nét mặt Vĩnh dịu dần, ông mỉm cười độ lượng, hướng về phía tôi:

- Cậu thử nói rõ hơn, cậu bị ám ảnh về nỗi gì nào?

- Về sự biến đổi - tôi ngập ngừng - về những điều mình biết và chưa biết...

- Biết và chưa biết. Thì hiển nhiên phải vậy, nó mới là cuộc đời chứ! - Vĩnh khê đặt bàn tay lên ngực áo, xoa nhẹ nhẹ - Như mình đây, mình đã chai lì đi trước những cơn đau quằn quại với ý nghĩ đĩnh ninh rằng nó không thể dứt, vậy mà nó vừa đột nhiên chấm dứt... Chà, mình thấy trong người cứ nhẹ lâng lâng. Để mình kể nốt câu nghe chuyện ba mươi sáu năm về trước của mình. Mình cần phải kể, để xua tan cái cảm giác bị bứt ra, tan loãng đi khỏi mặt đất này... Cái đêm thoát tù ba mươi sáu năm về trước ấy, nói tóm tắt, mình đã cùng cô bé vượt qua vành đai trắng, tìm về được nhà bà mẹ cơ sở cũ của mình. Bà mẹ chỉ có một con trai, đã bị giặc giết, đem bêu đầu ngoài chợ. Vì thương con, bà khóc lòa cả hai mắt. Nghe tiếng tôi nói, bà nhận ra ngay. Còn cô bé, bà phải sờ đầu tóc, mặt mũi, nắn vuốt hai cánh tay, cho đến từng ngón tay - sau nhiều lần như thế, bà mới nói thông thả và rành rọt: "U tin con. Nếu con không chê u nghèo, con ở lại, u sẽ nuôi con, gây dựng cho con!" Tôi nán ở lại nhà bà mẹ ít hôm, tưởng như thế là đã thu xếp được cho cô bé ổn thỏa. Không ngờ, buổi tối sắp lên đường tìm về đơn vị cũ, cô bé cứ níu chặt lấy tôi, khóc nức nở, đòi theo tôi. Côn nói với tôi rằng, cô có thể làm cấp dưỡng, liên lạc hoặc bất cứ việc gì. Tôi càng an ủi, dỗ dành, cô càng khóc, cuối cùng tôi phải hứa với cô, sau khi tìm thấy đơn vị, tôi

sẽ trở lại đón cô. Cô bé nín khóc, nhìn tôi đăm đăm, vừa như van xin vừa quả quyết: “Không chỉ hứa mà phải thề với em đi!”. Tôi mấp máu môi nhưng cô bé vội xua tay, nét mặt cô già hẳn đi, đánh sắt lai: “Anh hãy cắn vào đầu ngón tay trỏ của anh đi, cho tóe máu. Rồi anh nuốt những giọt máu của anh vào bụng anh đi. Nào... anh có dám thề với em theo cách như thế không nào?”. Tôi vâng theo cô bé trong nỗi kinh hoàng, không phải vì tôi sợ đau đớn mà là vì cái ma lực mạnh mẽ đến dữ dằn ẩn trong giọng nói trẻ thơ, êm dịu của cô. Về sau này tôi mới dần dần hiểu ra rằng, cô bé khẳng khẳng níu giữ tôi, quyết không để mất tôi vì tôi, lúc đó, là biểu tượng của cả cuộc đời này, cuộc-đời-nói-chung, mà cô vừa tìm về chốn cũ, gặp lại được cô bé của tôi. Cô không còn là cô bé con gầy gò, đen đũi, rách tả tơi mà đã thành một cô gái tuy không xinh đẹp nhưng mặn mà tươi tắn. Cô nói với tôi, ngay sau phút đầu gặp gỡ: “U chết rồi!” Tôi thắp ba nén nhanh, cúi đầu trước bàn thờ bà mẹ. Rồi tôi rụt rè tin để cô biết, chuyện này cô có thể theo tôi về đơn vị, làm cứu thương hoặc sang công tác bên huyện hội phụ nữ – đoàn thể nhận đỡ đầu đơn vị tôi. Cô gái ngồi im lặng, xoắn vặn hai bàn tay rồi bỗng ngẩng lên, thẳng thốt nói: “U chết rồi... Anh thử tưởng tượng, một năm trời em sống với u, thoát đầu u phải sờ tận mặt em mới nhận ra được. Sau u chỉ cần nghe giọng nói. Sau cùng, em nín thở, rón rén đến u, u chỉ cần thoáng ngửi thấy mùi tóc em là u biết... Căn nhà xiêu vẹo này có bàn thờ u, hơn nữa,

còn có những hầm bí mật do chính tay em đào, và chỉ mình em biết. Anh có biết vì sao em dám đào hầm bí mật không? Vì những giọt máu ứa ra nơi đầu ngón tay trở của anh đấy...” Thế là chúng tôi chia tay nhau. Cô gái ở lại. Và tôi đi. Tôi đi suốt thời trai trẻ, cho đến tận bây giờ... Trong trí nhớ của tôi, hình ảnh cô gái vừa cố định lại vừa chuyển dịch theo dòng thời gian. Tôi thường tưởng tượng cái giây phút hiện sống, thì ở nơi cô, cô đang sống thế nào? Chẳng hạn, lúc này đây, giá mình gặp lại cô ta, chắc cô ta đã thành bà mẹ và rất có thể một đứa con bà cũng sẽ đem cho mình những trái cam, như những trái cam này chẳng?

Vĩnh nhắc túi cam lên, nhìn ngắm rồi chậm chạp nhắc ra từng quả, bày chúng lên mặt bàn. Khuôn mặt ông đờ đẫn, vẻ như ông đã quên cơn nóng giận về việc tôi đã đặt túi cam “của tôi” lên bàn ông và ông đang chìm đắm vào một giấc mơ nào đó. Nhưng cũng không hoàn toàn như thế. Vĩnh chợt ngẩng lên, đôi mắt ông sáng lấp lánh, ông cầm một trái cam, đặt vào lòng bàn tay tôi, nói như ra lệnh:

- Trái gì đang trong tay cậu, cậu biết không? Trái hạnh phúc đấy. Hạnh phúc bình dị, vừa nuôi dưỡng tinh thần ta, lại vừa ăn được. Nhưng chớ vội ăn ngay. Trước khi ăn, hãy tự hỏi mình, thứ trái cây này sao nhỏ và hiếm hoi đến thế, hỏi mà không hề hững, vô tình thì hãy ăn!

Giọng Vĩnh bỗng lạc đi, nghe khác lạ. Tôi cúi xuống tay mình. Đến khi ngẩng lên thì Vĩnh đã ngã xuống giường, môi mím chặt, đôi mắt nhìn mơ hồ tận đâu đâu...

*

Ngày tôi phải xa Vĩnh không ngờ đến quá nhanh. Thứ hai đầu tuần, trại an dưỡng gửi tôi về bệnh viện tỉnh để chiếu X. quang và kiểm tra sức khỏe. Đường sá không lấy gì làm xa nhưng cầu phà tắc trở, mãi sáng hôm sau tôi mới trở về được. Xe chở tôi vừa đỗ lại trước sân trại thì cô ý tá từ phòng trực hấp tấp chạy ra, vội gọi tôi. Cô tin để tôi biết rằng, đêm qua Vĩnh đột ngột bị lên cơn đau quá nặng, trại phải đi mượn xe bộ đội, cấp tốc đưa Vĩnh về Hà Nội, gửi ông và bệnh viện chuyên khoa vốn vẫn điều trị cho ông ta mấy năm nay. Cô đưa cho tôi một tờ giấy gấp tư vuông vắn. Tôi giở ra, thấy chữ của Vĩnh viết rất to, nắn nót, ngòi bút như xiết lên mặt giấy: *"Mình đi. Đằm ở lại mạnh khỏe. Đừng quên mình!"*. Trời ơi, làm sao tôi có thể quên Vĩnh được. Tôi cảm thấy ngột ngạt, liền quay ra cổng trại, nặng nhọc leo lên mỏm đồi có cây long não. Trước mặt tôi, phong cảnh một vùng đồi quen thuộc dường như mờ đi, chỉ còn nổi rõ con đường dốc lượn dưới chân đồi. Tôi như nhìn thấy chập chờn đâu đó, hình bóng chiếc xe bộ đội sơn màu xanh rêu, mui bạt đã cũ, lao nhanh giữa đám bụi cuốn mù. Thế là Vĩnh đã

ra đi, im lặng và nhẹ nhàng như ngọn gió... Chợt nghe một tiếng gọi thoảng bên tai tôi:

- Chú Đám!

Tôi giật mình quay lại, thấy một cô bé tóc ngắn cũn cỡn, khuôn mặt bầu bĩnh, mắt rất to, tay cô bé cầm cái liềm hơi vung vẩy...

- Sao cháu biết tên chú?

Cô bé cười, để lộ một chiếc răng cửa mọc nghiêng:

- Lúc này, cháu nghe cô y tá gọi tên chú. Cháu cắt cỏ bên hàng rào mà. Gánh cỏ của cháu kia... Giá không có cô y tá thì cháu chẳng nhận ra chú đâu. Hôm chị cháu sai cháu đem cam lên cho chú, chú ngủ, cháu thấy chú già, gầy khô, râu ria mọc khiếp lên kia!

- Đạo ấy chú đang đau. Còn bây giờ chú hết đau rồi. Chú lại được gặp cháu nữa, vui quá!

Cô bé đứng im, để tôi nhặt những vụn cỏ vương trên mái tóc và vai áo cô.

- Chú biết không, chị cháu lấy chồng rồi! – Cô bé bỗng nói – Hôm chị cháu mang cam lên cho chú là hôm chị cháu lên phố huyện may áo cưới đấy... Chị cháu mặc bộ đồ cô dâu đẹp lắm, nhưng mà chị cháu ngượng, mặt cứ đỏ bừng bừng lên. Thế rồi đến lúc họ nhà giai xin đón dâu về, chị cháu đến bên mẹ cháu

nói lí nhí: “Con xin phép mẹ, con đi...” mắt chị cháu đỏ hoe, nước mắt vòng quanh, trông thật buồn cười. Chị cháu lấy anh cháu là do hai người yêu nhau đấy chứ. Anh cháu ở lâm trường, tít trong chân núi. Chắc chị cháu sợ lúc mới về trong ấy, lạ, chú nhỉ?

Tôi mỉm cười:

- Cái đó thì chú chịu, chú không biết. Bao giờ cháu lớn như chị cháu...

Cô bé rụt cổ lưỡi hơi thè ra:

- Eo ôi, cháu còn bé thế này, biết đến bao giờ cháu lớn bằng chị cháu mà chú đã vội nói! A, mà cháu quên, chị cháu có dặn cháu, nếu cháu lên đây cắt cỏ, tìm gặp được chú, thế nào cũng mời chú, dẫn chú về chơi nhà cháu một buổi. Chú về được không?

Tôi nắm chặt bàn tay nhỏ nhắn nhưng cứng cáp của cô bé lòng tôi đinh ninh, thế nào cũng đi theo bước chân nhảy nhót của cô.



PHẠM VIỆT LONG

Họ và tên: **Phạm Việt Long**

Ngày tháng năm sinh: 1.7.1946

Quê quán: Gia Viễn, Ninh Bình

Nghề nghiệp: Nghiên cứu văn học

Địa chỉ hiện nay: Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Tiểu thuyết: *B trọc*; Tập truyện ngắn: *Âm bản*. Ký sự: *Du khảo Hoa kỳ sau thảm họa 11 tháng 9*; Khảo cứu: *Tục ngữ, ca dao về quan hệ gia đình*.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Ủy ban toàn quốc liên hiệp VHNT Việt Nam.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Cuộc đời thực của một người quen làm nghề nhiếp ảnh đã gợi ý cho tác giả về nội dung truyện. Sau khi xem bộ phim Mỹ "*Từ thì thám tới tiếng thét*" đã suy nghĩ ra cách cấu tứ truyện với tên gọi *Âm bản*. Cần "giấu kỹ" nhân vật để người đọc tự tìm hiểu họ qua diễn biến của truyện, đến cuối truyện mới nhìn nhận rõ chân dung nhân vật. Truyện chứa đựng được những suy tư về cuộc sống, khi công bố trên báo được nhiều bạn đọc và bạn viết khen ngợi. Truyện đã được đưa vào tập truyện ngắn cùng tên.

Điều muốn gửi gắm vào tác phẩm: Cần có cái nhìn nhân hậu đối với con người để tìm ra bản chất của cuộc sống. Con người luôn luôn phải tự hoàn thiện và phải có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống để có sức mạnh vượt lên khỏi những trái ngang của cuộc đời.

ÂM BẢN

Bình bỏ vợ

Không ai ngờ vợ chồng Bình bỏ nhau. Họ đã có với nhau 3 mặt con: hai gái, một trai. Hạnh, vợ Bình, làm kế toán ở công ty IMEX. Bình làm thợ ảnh. Gia cảnh không sung túc gì, nhưng cũng chẳng đến nỗi túng bần. Cuộc sống gia đình thấy có vẻ êm ấm. Khi họ tuyên bố sẽ bỏ nhau, mẹ Bình khóc hết nước mắt. Cả bà cụ và anh em họ hàng đều đổ xô vào trách móc Bình. Biết ngay mà, cái nghề ảnh là lắm chuyện lắm. Chụp ảnh cho hết cô này đến em khác, tha hồ gần gũi, tán tỉnh. Lại những đám cưới ở quê nữa, đi hai ba ngày, ăn đâu ngủ đâu, chung đụng với những người đàn bà nào, ai mà biết được. Nhất định phải có chuyện lòng thông gì đây, nên Bình mới bỏ vợ. Lúc Bình đem giấy ly hôn cùng 2 đứa con gái về nhà mẹ đẻ, bà cụ ngã ngất. Khi hồi tỉnh, bà nguyên rửa Bình là người phụ bạc, làm bà mất một dâu thảo. Nhưng chuyện đã rồi. Bình gom tiền mua một căn nhà lá lợp xúp ở chân đê Đại Cò Việt và vẫn làm nghề ảnh.

Bình vào tù

Trong nhà, chỉ mỗi mình Bình là liên tục gây ra những chuyện lộn xộn. Công an đến đọc lệnh bắt Bình vì tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa”. Bình im lặng đưa hai tay vào còng số 8, lầm lũi đi theo hai anh công an. Đi một đoạn, Bình mới sực tỉnh, quay lại dặn cô con gái lớn: “Thúy, bà đang ốm nặng. Thôi, nước cùng này thì con và em đưa nhau về ở tạm với mẹ vậy!”.

Những lời trách móc lại đổ dồn vào Bình, dù rằng Bình không còn được tự do ở nhà mà nghe. Cái người tự phá nát gia đình mình, rồi cuộc sống sẽ chẳng ra gì. Cho nên, vào tù là phải. Với vợ là người đầu gối tay ấp còn bội bạc, hướng chi đối với người dung nước lã. Chắc định lừa quỵ tín dụng để cuốn gói vào Nam, chứ buôn bán gì. Cái ngữ ấy làm sao mà biết buôn. Chắc là có cô bồ nào, định rủ nhau chuồn vào Nam làm ăn mới tính hốt một vố đây. Nhưng lưới trời không thoát, mình làm mình chịu kêu mà ai thương.

Suốt mười tháng ở tù, Bình không được ai trong gia đình đến thăm. Mẹ đã chết ngay sau khi Bình bị bắt giam. Hai con còn quá nhỏ. Anh em thì không thích liên lụy với kẻ lừa đảo. Tù đã khổ. Tù trong nỗi cô đơn càng khổ hơn. Khổ quá bật thành thơ. Bình ghi chép thành một tập thơ mỏng nhan đề “Tâm sự

người tù cô đơn”. Nhưng đến khi sắp ra tù, Bình bị mất tập thơ ấy, nên đến bây giờ vẫn chưa ai biết nội dung “Tâm sự người tù cô đơn” ra sao.

Ra tù, Bình không làm nghề ảnh được nữa. Bây giờ người ta chuyên chụp ảnh màu, dùng MINILAB, ai còn chơi ảnh đen trắng. Muốn chụp ảnh màu, phải có vốn lớn. Bình lấy đâu ra tiền mua sắm phương tiện. Anh em trong nhà chẳng ai chịu cho Bình - kẻ lừa đảo - vay tiền. Chú em ruột Bình, một người khá giả, có cái xe quay nước mía bỏ không, nhưng Bình van vãi đến bã bọt mép cũng không mượn được. Bình đành đi xúc cát thuê ở bến Chương Dương, cật lực mỗi ngày được 7 nghìn đồng. Nhưng không cạnh tranh nổi với nhóm dân Thanh hoá, vì họ bán sức lao động quá rẻ. Sau đó, có một người quen bán bộ đồ nghề cắt tóc giá 100 nghìn đồng. Bình vay tiền chú Độ để mua, nhưng chú không cho vay - chú ấy bảo không tiếc gì, nhưng phải nghiêm khắc cho ông anh ruột rút được kinh nghiệm mà sống cho nghiêm chỉnh. Cũng may mà một số bạn bè đã góp tiền giúp Bình mua. Rồi Bình ra phố Nguyễn Huệ cắt tóc.

Nhưng, kiếm sống không đơn giản chút nào. “Đất có thổ công, sông có hà bá”, cả dãy phố ấy đã được phân chia đầu vào đấy; mua một chỗ trong dãy hàng cắt tóc, muốn “hợp pháp hoá” cũng phải tiền triệu, lấy đâu ra. Bình rủ mấy bạn mở hàng ở góc tường đối diện, kiếm khách vãng lai. Thế là Bình trở

thành kẻ tranh khách, thành cái gai trước mắt “hội cắt tóc” Nguyễn Huệ. Họ không ra mặt đuổi Bình, mà lại thông qua các biện pháp ngầm nào đó. Cho nên, Bình bị hạch sách khá nhiều. Nay bị gọi lên phòng phạt vì hành nghề không có giấy phép. Mai bị công an phạt vì lấn chiếm lòng đường. Uất ức đã chất đầy lòng Bình.

Hôm ấy, Bình đến ngồi vào ghế cắt tóc của Điều - một đàn anh trong nhóm thợ cắt tóc Nguyễn Huệ - bảo cắt tóc cho mình. Suốt thời gian Điều cắt tóc, Bình chỉ lỳ lỳ cái mặt, không nói gì. Đến khi Điều cầm con dao cạo mặt lên, Bình mới cười khẩy và hỏi: “Mày có dám cắt cổ tao không?”. Điều tái mặt: “Sao bác đùa vậy, ai lại thế!”. Bình quắc mắt quát:

- Ai đùa với mày. Nhưng tao biết là mày không dám cắt cổ tao đâu. Nếu có gan, mày đã không phải đi mách lẻo như tao biết. Còn tao, chẳng có cái gì làm tao sợ cả, cho nên tao mới ngồi đây cho mày cầm dao cạo mặt như thế này.

Quát vậy, nhưng Bình vẫn ngồi nguyên trên ghế và ra hiệu cho Điều cạo mặt. xong, Bình đứng dậy, cười gằn: “Mày hèn lắm. Toàn làm các chuyện sau lưng. Có giỏi thì dẫn mặt ra mà đối chọi với nhau, chứ mách lẻo là hèn lắm. Tao cảnh cáo mày đấy!”. Chưa kịp nói câu nào, Điều lĩnh trọn một cú đập khùng khiếp vào bụng và lăn đùng ra.

Chẳng ai can thiệp. Vì chẳng ai muốn dây vào thằng tù về.

Ngay lúc đấy, Bình thu dọn đồ nghề, buông một câu: “Ở đây bẩn thủ lắm, không thể chịu được, anh em ta kiếm chỗ nào sạch sẽ mà làm ăn”. Thế là Bình cùng nhóm thợ bọ xách đồ nghề, dắt díu nhau ngược về phía Bờ Hồ.

Thư tuyệt mệnh của con gái Bình

Bố Bình của con! Bố Bình thân yêu!

Con muốn gọi mãi tên bố. Nhưng không thể được nữa. Khi bố đọc thư này, con đã đi xa, đi mãi. Xin bố tha thứ cho con.

Con biết bố yêu con lắm, bố đã làm mọi việc vì con. Nhưng con không thể nào sống được nữa bố ạ! Bố con mình toàn gặp tai ương; bây giờ con lại tàn tật, trở thành gánh nặng quá sức đối với bố. Vậy thì bố hãy vui lòng cho con ra đi để con được thanh thản. Con chỉ dặn riêng bố điều này và bố nhất định phải thực hiện: không được cho mẹ con có mặt trong đám tang của con.

Con nhớ lắm lúc con còn bé, con bị đau khớp. Bố bảo do nhà ẩm thấp quá nên con mang bệnh. Những hôm trời nồm, nhà ướt sũng, các thứ mốc meo cả. Lại tối om nữa. Nhiều đêm, khớp sưng lên, con đau quá. Con vừa khóc vừa ôm lấy mẹ cho đỡ đau thì mẹ đẩy con ra và gắt: “Để yên cho tao ngủ!”. Con phải bò

xuống giường, lết xuống cái gâm cầu thang mà bố chữa thành buồng tối làm ảnh để cầu cứu bố. Có bao giờ bố ngủ trước nửa đêm đâu? Ngay hồi đó, con cũng biết rằng bố thức là để làm ăn kiếm tiền nuôi chúng con. Nhưng chỉ một lúc thôi, vì bố phải làm ảnh tiếp. Từng ấy cũng đủ cho con bết đau đớn. Bố ôm con vào lòng và lại làm việc tiếp. Dưới bàn phóng của bố, hiện lên những hình người làm con sợ lắm: mắt trắng, tóc trắng, miệng cũng trắng, mà mặt lại đen xì xì. Bố bảo đó là những âm bản. Âm bản bao giờ cũng trái với dương bản, tức là với ảnh. Sợ, nhưng con rất thích xem bố làm, vì con quên được cơn đau, lại được thấy sự biến hoá lạ kỳ của tấm giấy ảnh trong khay thuốc. Hồi đó bố chuyên chụp ảnh chân dung. Bố bảo ghi lại được những chân dung đẹp cho con người là một nghệ thuật chân chính. Cũng vì thế mà bố khó tính với ảnh của mình lắm. Có những tấm ảnh con thấy cũng đẹp thì bố lại xé bỏ - bố bảo ảnh hiện chậm quá, bị xám, hoặc ảnh quá sáng phải trắng giật, xấu cả mặt người ta, bố không chấp nhận được. Bố bảo, một thợ ảnh giỏi có thể biến một âm bản xấu thành một tấm ảnh đẹp, có điều là phải biết yêu cái đẹp và chịu khó làm việc theo lương tâm, chứ không làm bừa cho nhanh mà kiếm tiền. Ngược lại, một người thợ tồi có thể biến một âm bản đẹp thành một dương bản xấu xí. Có lần, bố che chắn, phóng ra một tấm ảnh chân dung một thiếu nữ, mà nổi bật là đôi mắt to, đen, có cái nhìn đăm thắm. Bố so sánh

tấm ảnh ấy với tấm ảnh bố làm theo đúng âm bản và giải thích: mỗi gương mặt đều có những nét đẹp nổi bật và nét xấu đặt trung, phải biết tôn cái đẹp lên, làm mờ cái xấu đi, chẳng hạn cô gái này bố đã làm nổi đôi mắt đẹp và cúp bớt một góc trán dô, nên trông mới dễ chịu thế này. Dù sao, âm bản là gốc, muốn đẹp thật sự phải tạo được cái đẹp ngay từ âm bản. Niềm say mê của bố như liều thuốc mạnh giúp con vượt qua những đêm bệnh tật và nuôi một ước vọng là trở thành một phóng viên ảnh.

Nhưng, một sự thật làm con đổ vỡ hết thảy. Bố có biết tại sao con bị xe lửa đâm không? Chính vì cái sự thật phũ phàng ấy. Cái sự thật đã ám ảnh con suốt những năm thơ ấu mà con không lý giải được đó là cái gì. Nhưng nó khủng khiếp lắm. Nó không buông tha con. Trời ơi, con viết sao đây để bố hiểu rõ ngọn ngành nhỉ. Con nói lung tung quá. Nhưng thôi, đây là lần cuối cùng con nói với bố trong tâm trạng rối bời, thì bố hãy chịu khó đọc nhé. Liều thuốc chuột đã ở sẵn trên bàn, bên ca nước lớn (cái ca Mỹ mà bố dùng trong những năm đi bộ đội ở chiến trường B, bố vẫn giữ làm kỷ niệm). Chỉ chút nữa thôi, tất cả sẽ hoà vào cơ thể con, cho con được về cõi yên hàn, khỏi buồn, khỏi sợ, nhưng lại không có bố. Trời ơi, sao trời không có mắt? Bây giờ con nói tiếp: không phải xe lửa đâm vào con, mà chính con lao vào đường tàu. Không hiểu tại sao con không bị nghiền nát dưới bánh xe sắt, mà chỉ bị văng ra, gãy một chân. Năm

trong bệnh viện, lúc tỉnh lại, con nghe mọi người nói là con may mắn thoát chết; họ có ngờ đâu chính đó là nỗi bất hạnh của con. Con lại làm khổ bố. Con thấy rõ bố gầy vơ đi. Nào tiền thuốc. Nào tiền bồi dưỡng bác sĩ. Nào tiền chăm lo sức khỏe cho con. Cái nghề cắt tóc vỉa hè nào có kiếm được bao nhiêu. Con phải cố hết sức cho mau khỏe. Chân phải của con ngắn mất 2 phân so với chân trái. Rồi sẽ phải mổ lấy đinh ra. Nhưng tiền ở đâu cho đủ chi phí vụ mổ này? Bố làm lúi làm việc, luôn an ủi con, nhưng con biết bố lo lắng. Thôi, con phải ra đi cho bố bớt gánh nặng! Con nhớ bố quá. Con lục tìm mà không thấy tấm ảnh nào của bố cả. Bố làm cho người ta những chân dung tuyệt đẹp, còn mình thì không có một tấm nào! Trong những người mà bố nắn nót tạo nên những ảnh tuyệt đẹp ấy, có những người không xứng đáng với tấm lòng của bố chút nào. Người đó là mẹ đấy bố ạ. À, con nói thêm để bố biết là trong khi còn nằm bệnh viện chữa chân, mẹ con có đến thăm con một lần. Mẹ bảo bố nhắn mẹ đến với con. Bố, nhắn làm gì? Mẹ cho con một cân cam và chục ngàn đồng, nhưng con không nhận. Con bảo mẹ về ngay đi, đừng làm cho con lên cơn sốt. Con làm sao quên được khi bố vào tù, dẫn chị em con về ở tạm với mẹ, nhưng mẹ có nhận đâu! Con phải gửi em cho chú Độ, còn con thì lên tận Na Rì bán thuốc lá kiếm sống. Cho nên, dứt khoát mẹ không được có mặt trong đám tang của con, bố nhé! Thật uổng công bố đã tạo cho mẹ những bức chân

dung còn đẹp hơn mẹ ở ngoài đời. Và một người đàn ông nữa bố ạ. Lẽ ra bố đừng bao giờ chụp ảnh cho lão ta mới phải. Đó là lão Giám đốc Công ty mà mẹ làm kế toán. Chẳng hiểu hồi ấy làm thế nào mà bố tạo được cho lão ta bức chân dung oai thế, khác hẳn cái lão béo phệ, bụng to, mắt bé, mặt phì nộn ngoài đời. Có lẽ, trong cái nhìn bao dung của bố, chân dung cơ sở của hai con người đó đẹp lắm, nên bố cố tạo cho họ những bức ảnh tương xứng. Dường như những âm bản cuộc đời, đối với bố hoàn toàn là điều bí ẩn. Cái dương bản tốt đẹp giả tạo do xảo thuật làm nên từ những âm bản xấu xí.

Bố có nhớ lần con đi chơi với Hùng về, con nằm dúm vào một góc và lặng lẽ khóc, bố hỏi con không nói? Con rất cảm ơn bố đã không gặng hỏi gì con, không nghi ngờ gì Hùng trong buổi đi chơi tối hôm đó. Nhưng hôm nay, con xin giải thích cho bố rõ. Con chưa hề biết yêu đương là gì bố ạ. Bao nhiêu tình cảm, con chỉ dồn vào cho bố. Hùng, con rất quý, nhưng chỉ với đơn thuần tình bạn, mặc dù Hùng sống ngay thẳng và tốt bụng. Vậy mà tối hôm đó, Hùng đã ngỏ lời yêu con! Bố ơi, cái tình cảm mạnh mẽ ấy của Hùng đã đốt cháy bùng ngọn lửa quá khứ trong người con lên, và con thấy thấm thía vô cùng nỗi cay đắng của cuộc đời này mà bố phải chịu. Chính lúc Hùng khơi dậy tình cảm nam nữ trong người con, thì con hiểu hết ý nghĩa của sự việc mà con chứng kiến từ lúc bé tí. Hồi ấy bố đi chụp ảnh

cho một đám cưới tận nơi nào đó, mất ba ngày. Chính cái lão giám đốc béo ị ấy đến nhà ta. Lão ấy ôm mẹ, hôn mẹ và bảo rằng yêu mẹ! Cả đêm lão ta nằm với mẹ. Con không hiểu rõ tính chất của những việc làm ấy, vì lúc ấy con còn quá nhỏ, nhưng từ đó con bị một thứ gì đó ám ảnh khiến con ghê sợ mẹ. Còn bố, bố vẫn cứ cặm cụi với những tấm ảnh.

Cũng từ đó, con biết rằng con chỉ có mỗi mình bố mà thôi. Thì ra mẹ đã phản bội bố từ những ngày gia đình còn rất êm ấm. Và em Vinh không phải là con của bố, tuy nó chính là em con! Để rồi sau này bố mẹ phải ly hôn, cũng chính vì chuyện đó. Thế thì tình yêu là cái gì hả bố? Con không dám tiếp nhận tình yêu của Hùng. Con chỉ thấy đau đớn ê chề. Con bỏ mặc Hùng, chạy về nhà. Tại sao bố lại cần rặng chịu đựng khi mọi người chê bai bố là phụ bạc vợ trong cuộc ly hôn âm thầm hồi đó? Cay đắng và thất vọng quá, con tìm đến cái chết...

Bố thân yêu của con! Cho đến bây giờ, con cảm thấy mình đã thọ nghề ảnh rồi. Con đã biết nhìn âm bản để thấy được chân dung con người. Mà chân dung của bố, đối với con, là đẹp hơn cả. Nhưng tại sao bố cứ không chịu làm chân dung cho mình? Tấm ảnh cuộc đời của bố, mặc dù có một âm bản đẹp, lại trở nên xấu xa, bị người ta khinh bỉ. Thì bố ơi, ai là người thọ ảnh tồi đã làm hỏng cả tấm ảnh của bố? Bố phải giành lấy quyền sửa chân dung cho mình.

Thôi, bố ơi, con uống thuốc đây.

Vĩnh biệt bố!

Tâm sự của Bình với con gái

Con mong người đời nhận ra chân dung thật của bố, điều ấy thật hạnh phúc cho bố! Chính con đã nhìn được như vậy, con chính là người đời mà bố cần. Tại sao con nỡ bỏ bố mà đi?

Bố không quen nói nhiều mà chỉ quen làm. Thanh minh thì bố cũng không muốn. Mặc, cứ để người đời hiểu mình thế nào cũng được. Miễn là mình sống đúng với lương tâm. Nhưng với con thì bố phải giải thích đôi điều.

Quả thật, bố thất bại quá nhiều trong cuộc đời. Nhưng, con có biết không, cũng có lúc chính bố tự nhận thất bại về mình chứ không nỡ đổ sang người khác.

Thất bại lớn nhất là bố phải vào tù. Cũng vì ham buôn bán để nhanh giàu mà nên nổi ấy. Sau khi mẹ con bỏ bố, bố muốn dứt khỏi cảnh nghèo của gia đình. Bố đã bán hết đồ nghề ảnh chỉ được 8 trăm ngàn và vay quỹ tín dụng Ngọc Hồi 4 triệu đồng để làm vốn đi buôn. Chuyến đầu, bố vào tận nông trường Sông Hiếu Nghệ An buôn cam ra. Chẳng may gặp mưa, xe lại không có mui, về đến nơi thì cam bị thối quá nhiều. Bán không ai mua. Chở lên gần cầu Chương Dương mới có một bà cụ tốt bụng nhận bán

giúp. Trời vẫn mưa, cam cứ tiếp tục thối. Bà cụ bán đồ bán tháo, thu lại chưa được 100 ngàn, lại phải thuê xe công nông chở cam thối ra đổ ở bờ sông Hồng. Bố không nỡ lấy 300 ngàn như bà cụ hứa. Thế là lỗ mát hơn một triệu đồng. Bố lại đi buôn lạc từ Vinh ra Quảng Ninh, bán cho bên Trung Quốc. Vài chuyến đầu có lãi, bố tính làm ăn lớn. Vay tiếp quỹ tín dụng một triệu nữa. Đánh hẳn ô tô tải lạc lên biên giới. Nhưng bố quá tin người nên trắng tay. Bởi vì lạc họ đóng cho bố chỉ có lớp trên là loại một, còn lại toàn loại kém phẩm chất. Bán đồ bán tháo cũng không xong. Thế là cạn vốn. Xưa nay, bố có đi buôn bao giờ đâu, vì lớn lên đi thanh niên xung phong, chuyển vào nhà máy giấy, rồi đi bộ đội, giải ngũ làm nghề ảnh. Khi kịp hiểu ra rằng buôn cũng là một nghề, phải học, phải thạo mới làm được thì đã muộn. Đúng dịp ấy thì quỹ tín dụng vỡ. Số tiền vay làm vốn là chung với 2 bác nữa, nhưng chỉ đứng tên bố. Không trả được nợ, thế là vào tù! Thôi thì một mình chịu tội còn hơn làm hai bác phải cùng khổ với mình.

Bây giờ, bố ngồi ở đường Lý Thường Kiệt, cũng tạm ổn. Bố thuê thêm chiếc xe quay nước mía, định bán những lúc không có khách cắt tóc, rồi khi con khoẻ, con cùng lên bán với bố. Nhưng mới được 2 ngày, đã bị thu hết đồ nghề lên đồn, vì vi phạm trật tự lòng đường. Hôm ấy, còn nguyên 3 bó mía, bố vội mượn xe đạp đi báo với người bán mía, và bác ấy đã thuê xích lô chở hết mía về, không tính bố một xu chi phí.

Khó thế đấy, con ạ. con cứ hỏi tại sao bố không tự làm một bức chân dung thực của cuộc đời mình? Thực ra, mỗi người đều có sẵn một âm bản cuộc đời, nhưng không phải chỉ làm một lần là thành được ngay tấm ảnh toàn bộ cuộc đời. Cứ phải làm dần, làm dần theo năm tháng, đường nét, hình khối này chồng lên, hoà vào đường nét, hình khối kia và phải đến khi nhắm mắt xuôi tay, bức chân dung cuộc đời mới hoàn thành. Trong quá trình ấy, có lần tự mình làm hỏng, có lần bị người khác phá hỏng, thì cứ đành để dấu vết lại, chứ không thể vứt đi làm tấm ảnh khác được. Nhưng, điều quan trọng, là phải giữ được những nét cơ bản của chân dung cuộc đời mình. Đối với bố, dù có thế nào, thì chân dung cuộc đời bố vẫn là LUONG THIỆN. Chốc nữa, bố sẽ lên đôn chuộc chiếc xe quay mía về, tìm chỗ thích hợp để tiếp tục vừa cắt tóc, vừa bán nước mía. Cô Dung hàng nước chè chén, bác Tùng chữa xe đạp cho bố vay tiền chuộc đấy. Bố chưa bao giờ ngừng lao động. Dù có mắc sai lầm, thì bố cũng chỉ sai lầm trong lao động, cho nên, con cứ tin rằng bức chân dung cuộc đời bố không ai bôi bẩn được, nó mãi mãi là LUONG THIỆN. Và bố cũng có rất nhiều bạn bè tốt. Ngay con cũng có những người bạn chí cốt mà con cần nhớ họ suốt đời. Đó là những bạn học cũ cho con tới 4 lít máu lúc con bị tai nạn xe lửa. Ước muốn của bố bao giờ cũng hướng tới việc thiện. Có người hỏi bố nếu bây giờ bố có tiền, bố sẽ làm gì, bố trả lời rằng, việc đầu tiên là

chữa chân cho con, tiếp đến là mua một túp lều cho 3 bố con ở, rồi mua một bộ máy ảnh, tiếp tục với cái nghề mà bố yêu thích.

Nhưng, nhận chân được cuộc đời khó quá con nhỉ. Chính gói thuốc chuột mà con mua được ở trạm vệ sinh dịch tễ, con định ninh là liều thuốc cực mạnh, thực ra là thuốc rôm (người ta trộn rất nhiều tạp chất để ăn bớt tiền của nhà nước mà). Thế là lần đầu tiên trong đời, chính cái giả dối đã cứu bố con mình. Con chỉ bị đau bụng, nôn thốc nôn tháo, và bây giờ đang nằm thiêm thiếp dưới ánh mắt bố đây!

Cảm ơn cuộc đời vẫn để cho con còn hồn nhiên đúng là một đứa trẻ, chưa đủ lọc lõi nhìn qua âm bản mà thấy hết được chân dung thật của người đời. Nếu con đủ lọc lõi nhận ra của thực của rôm, chắc gì hai bố con còn được ở bên nhau như lúc này.

Dù ngày qua biết mấy ê chề, cay đắng, dù ngày mai còn đầy gian truân, bố vẫn giữ được niềm tin. Con hãy tin bố và cùng bố vững bước đi lên.

Hà Nội, tháng 9 năm 1993

VŨ TÚ NAM



Họ và tên: **Vũ Tiến Nam**

Ngày tháng năm sinh: 5.10.1929

Quê quán: Vụ Bản, Nam Định

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Tập thể Văn phòng

Chính phủ, Vạn Bảo, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Bên đường 12, Quê hương, Mùa xuân - tiếng chim, Sống với thời gian hai chiều...*

Các giải thưởng văn học: Giải nhất trại Văn nghệ Lam Sơn cho *LK Bốn* (1950). Giải thưởng Nhà nước về Việt Nam nghệ thuật đợt 1 năm 2001.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: *Mùa xuân - tiếng chim* rất gần với thơ. Đó là ký ức tuổi xuân của tôi, những năm kháng chiến chống Pháp. Những tình cảm trong truyện là của tôi, nhưng những sự việc thì không phải. Không phải là tự truyện, mà là tự bộc lộ tấm lòng của mình đối với con người và thiên nhiên, giống như tiếng chim gọi vịt khắc khoải trong đêm mùa xuân vậy.

MÙA XUÂN - TIẾNG CHIM

Anh phải nghỉ lại đây với tôi một đêm, anh Năm ạ. Chẳng mấy khi bạn bộ đội cũ gặp nhau. Với lại mưa phùn lầy lội thế này, anh đi làm gì vội?

Đây là nhà mẹ Thái, nơi gia đình chúng tôi ở nhờ những năm tản cư trong kháng chiến chống Pháp. Bắt đầu từ năm 1948, phải, khi ấy tôi mới mười bốn tuổi. Bao nhiêu kỷ niệm đã dồn dập diễn ra trên mảnh đất này, thấm thoát đã trên 30 năm rồi... Chính vì để nhớ lại chuyện xưa, tôi đã lặn lội về đây, tình cờ lại được gặp anh, may thế!

Cám ơn anh đã hỏi thăm về việc vợ con. Tôi vẫn nằm giường cá nhân, nghĩa là vẫn “vô sản” như xưa, như hồi sống chung với anh cùng đơn vị. Tâm sự của tôi thì dài lắm, nếu anh chịu khó nghe, tôi xin kể...

Cha mẹ tôi được mỗi một mình tôi. Tản cư từ Hà Nội cuối năm 1946, đến 1947 cha tôi nhập ngũ. Ông mất rất đột ngột vì sốt rét ác tính ở vùng Nho Quan - Chi Nê. Mẹ tôi phải gắng gượng lắm để sống mà nuôi tôi. Bà bán dần bán mòn từ đồ nữ trang đến

áo quần, rồi cuối cùng cơ quan phụ nữ tỉnh nhận bà vào biên chế. Mẹ con tôi đến ở nhà mẹ Thái đây.

Trong chuyến đi công tác ở thị trấn Thanh Xuân, mẹ tôi tình cờ gặp một bà bạn học Hà Nội cũ tản cư tại đó. Cô Mai - tôi thường gọi thân mật tên bà như vậy - đang sống trong tình cảnh rất gieo neo. Mẹ tôi kể rằng chồng cô đã bỏ cô, “dinh tề” vào thành, để lại cho cô một bức thư đoạn tuyệt và đưa con gái lên mười. Không nơi bám víu, cô Mai nhận lời chung sống với một lão chủ hiệu chữa đồng hồ. Nào ngờ lão ta đã có vợ. Vợ lão ta đánh ghen, đập phá, mắng chửi, đuổi mẹ con cô Mai ra khỏi nhà. Trong những ngày ấy, mẹ tôi luôn luôn nhắc đến cô Mai và tìm mọi cách giúp đỡ cô.

Thế rồi một buổi chiều, cũng mưa phùn ẩm ướt như thế này, mẹ tôi bước vào nhà - chính chỗ anh và tôi đang ngồi đây - hai mắt mẹ tôi đỏ hoe, một tay xách cái tay nải, tay kia dắt một đứa con gái gày quắt khóc sụt sùi. Không chịu nổi những khổ đau dồn dập, cô Mai đã nhảy xuống sông tự vẫn! Và mẹ tôi nhận con gái bạn - tên là Thu - về nuôi.

*

Khi đó Thu lên mười, kém tôi bốn tuổi.

Mấy ngày đầu, Thu không chịu ăn, chỉ khóc. Mẹ tôi gỡ cái tay nải - tài sản duy nhất còn lại của cô Mai lấy áo quần ra khâu, vá lại cho Thu. Mẹ dạy tôi

phải coi Thu như em. Mẹ lập bàn thờ cô Mai ở góc nhà không xa bàn thờ cha tôi là mấy.

Thế là tôi kèm cho Thu học thêm. Mẹ tôi âu yếm một điều “mẹ mẹ con con” với Thu, trong khi Thu cứ một mực xưng “cháu” và gọi mẹ tôi là “bác”. Thu ăn uống rất giữ ý, và thường tranh lấy việc để làm: quét nhà, rửa bát, nấu cơm... Có lẽ những ngày ở nhà ông bố dưỡng chủ hiệu chữa đồng hồ, em đã phải sống gần như đứa ở. Mẹ tôi xót xa về điều đó lắm, và thường thu xếp để em ít phải làm việc nhà chừng nào hay chừng ấy.

Tôi là con trai, khoẻ sức, mẹ tôi sai tôi gánh nước ở giếng về đổ vào bể xây nhà mẹ Thái đây, để mọi người dùng chung. Tôi bổ củi. Tôi xay lúa. Tôi giã gạo. Mùa rét, tôi đun nước, múc nước cho mẹ tôi và Thu tắm, gội đầu. Còn mẹ tôi thì ngoài công tác ra phải lo chợ búa, bếp núc, khâu vá, trồng rau, nuôi gà. Bà chi tiêu rất dè sẻn, vì dù sao cũng đã có thêm một miệng ăn

Có lần mẹ tôi đi công tác dài ngày, ở nhà Thu bị ốm. Em sốt run bần bật. Tôi đun nước xông theo lời chỉ dẫn của mẹ Thái, và nấu cháo Thu ăn. Gà đã đẻ được mười ba quả trứng, tôi mang ra chợ Song bán đi một chục, còn ba quả tôi luộc dần để Thu bồi dưỡng. Có bữa hai anh em ngồi vào mâm cơm, quay đi quay lại, khi tôi và đến lưng chừng bát thì thò ra một nửa quả trứng - Thu đã bí mật giúi trứng vào để buộc tôi phải ăn.

Dần dà, Thu bớt xanh và gầy đi. Em linh lợi và hoạt bát hẳn. Mẹ tôi xin cho em đi học trường làng. Chẳng mấy chốc Thu hoà ngay với các bạn gái trong xóm. Bấy giờ tôi mới phát hiện ra rằng Thu nghịch như con trai. Em đá cầu vào loại giỏi nhất trường và leo trèo như vượn. Có lần mẹ Thái muốn bẻ buồng cau, hỏi tôi có biết trèo không. Tôi lắc. Thế là Thu thoăn thoắt leo lên tận ngọn, không những cắt được buồng cau thả xuống, mà còn bắt gọn hai con sẻ ra ràng làm quà cho tôi nữa. “Chiến công” này của Thu, tôi và mẹ Thái giấu biệt không cho mẹ tôi biết!

Hồi ấy, mẹ con tôi được ở cả ba gian nhà ngoài này. Mẹ tôi và Thu ngủ giường bên trái, một mình tôi nằm bên phải. Hễ mẹ tôi đi công tác thì mẹ Thái ở trong buồng phải ra ngủ với Thu, vì không hiểu sao em sợ ma lắm. Một buổi sớm em kể với tôi rằng em ngủ mơ thấy mẹ Mai nằm nổi lên giữa dòng sông; nước đẩy mẹ quay tròn... Rồi ôm lấy cổ tôi, gục đầu vào vai tôi, em khóc. Tôi chỉ biết im lặng vuốt tóc em để an ủi em.

Đầu năm 1952, tôi tròn 18 tuổi. Theo sự giới thiệu của mẹ Thái, lần đầu tiên tôi thoát ly gia đình xuống tận huyện Đông Sơn dạy học tư. Nhà chủ là một gia đình trung nông cứng, muốn nuôi thầy để kèm cho cậu con trai độc nhất - lười và dốt - đang học lớp hai. Ngoài ra, thầy còn dạy thêm cho bà vợ và cô em ông chủ, cùng bốn năm chú bé hàng xóm nữa.

Thầy được nuôi ăn ba bữa, không bữa nào thiếu thịt và cá biển. Cơm bung nước rớt. Minh thầy một mâm. Đôi khi trưa ngủ dậy, lại có xôi chè!

Những ngày được ăn uống đầy đủ như vậy, tôi rất thương mẹ tôi và Thu kham khổ. Do đó, cứ cuối mỗi tháng, sau khi ông chủ trả tiền công, là tôi cuốc bộ bốn mươi ki-lô-mét về thăm nhà và đưa tiền cho mẹ tôi. Không bao giờ tôi quên rẽ vào hàng xén mua quà cho Thu, khi thì cặp tóc, quyển vở, khi thì cái gương, cái lược.

Cuối tháng bảy năm ấy, tôi bị ốm đột ngột, không về đưa tiền cho mẹ tôi được. Pháp lại ném bom mấy trận quanh vùng. Thế là mẹ tôi sốt ruột, phái Thu lặn lội đến thăm tôi.

Buổi trưa, tôi vừa dứt cơn sốt, thấy một cô gái tóc tết thành hai đuôi sam, mặc áo nâu non, mặt đỏ hồng vì nắng, cặp nón có gài lá nguy trang, bước vào sân bên lên: “Chào bác ạ! Cháu hỏi thăm...” Bước thêm hai bước nữa, Thu mới nhận ra tôi; và cả tôi, tôi cũng không nhận ra Thu lúc em thoát vào. Bởi vì tôi đang ngồi co ro khoác cái áo ca-pốt lính tẩy bằng dạ màu cứt ngựa của ông chủ, còn Thu thì nom lạ quá với hai cái đuôi sam mới. Hai anh em mừng rỡ cười chế nhau mãi.

Thu ở lại săn sóc tôi hai hôm. Em đánh gió cho tôi (cách đánh gió mẹ tôi dạy), nấu canh cua rau đay

và cháo hến là hai món ăn tôi thường thích. Chiều mát, Thu theo tôi ra ngồi bờ ao, bên gốc cây sung xem con rùa thành thoi lội ra lội vào (con rùa của chú bé con ông chủ nhà nuôi thả). Thỉnh thoảng một trái sung chín rụng, con cá trắm to bằng bắp đùi lừ lừ nổi lên, nhẹ nhàng hớp lấy quả sung, ngon lành như nuốt một viên kẹo.

Tối đến, cả nhà ngồi quây quanh ngọn đèn ba dây trò chuyện. Ông chủ bà chủ luôn miệng biểu dương “cậu giáo”: “Cậu giáo thật chăm, chẳng hút thuốc, chẳng ăn quà”. - “Sau này ai lấy được cậu giáo thì sướng cả đời đấy!”.

Cô em ông chủ có vẻ ngượng ngùng, không dám vào ngồi góp chuyện, cứ lượn ra lượn vào ở dưới nhà ngang.

Sớm sau tôi tiễn Thu ra tận đầu làng, dặn dò em phải cẩn thận khi đi đường, qua đò, phải chú ý nghe tiếng máy bay. Thu ngược thật to đôi mắt đen thẳm - đôi mắt đã ánh lên vẻ đẹp dậy thì, - cười và hỏi tôi một câu thật lạ: “Anh... anh có thân với cô em ông chủ nhà không đấy?”.

*

Sau đại thắng Điện Biên Phủ, tôi náo nức xin nhập ngũ. Mẹ tôi rất muốn tôi ở gần mẹ, nhưng thông cảm với ước mơ tuổi hai mươi của tôi, bà khuyến khích tôi đi bộ đội để phục vụ, biết đó biết

đây và thoát khỏi cảnh tù túng của “cậu giáo” dạy tư lẩn quẩn trong làng. Thu cũng không ngăn cản tôi. Em nói: “Điều gì anh thích thì em cũng thích”

Buổi tối trước hôm tôi lên đường, mẹ tôi nấu xôi, Thu thịt con gà của em đang đẻ để chiêu đãi “anh bộ đội”. Mẹ tôi thắp hương trên bàn thờ cha tôi, và cả bàn thờ cô Mai nữa.

Tối hôm ấy, nhà mẹ Thái đầy khách. Trong số bạn trai đến chào tiễn tôi, có cậu Quyền trắng trẻo và hiền lành củ mủ cứ nấn ná ngồi nấn lại mãi. Quyền đã là giáo viên cấp I. Tôi để ý thấy cậu ấy rất mến Thu. Có lần tôi đùa: “Cậu có muốn làm em rể tở không? Cái gì chứ nét hiền lành chăm chỉ của cậu là tở ưng rồi đấy!” Quyền đã đỏ bừng mặt, bẽn lễn cười...

Thu lộ vẻ sốt ruột khi thấy Quyền ngồi lì mãi. Em nói: “Anh Quyền không phải chấm bài ư?” Thế là Quyền lúng túng đứng dậy, lí nhí xin phép mẹ tôi và bắt tay tôi để ra về. Tôi và Thu tiễn Quyền ra tận cổng. Đứng bên giậu ruối, dưới ánh trăng, Thu bỗng nắm lấy tay tôi, nói nhanh và nhỏ: “Anh đi vui thế, chắc chẳng nhớ em một tí nào đâu nhỉ?”. Tôi cười, vỗ nhẹ vào vai Thu: “Sao lại chả một tí nào?... Anh nhớ Thu to bằng cả cái nhà này này!...” Thế là hai đứa cười giòn tan. Chúng tôi cứ đứng đó hóng gió mát, nhìn lên trời đêm trong vắt đầy sao, mãi cho đến khi mẹ tôi ra gọi về đi ngủ.

Hôm sau, Thu lẻo đẻo theo tôi đến tận nơi tập trung cách nhà trên mười lăm cây số. Cứ đi được một chặng dài Thu lại nói: “Thôi em đếm đúng tám mươi bước nữa, rồi em về!” Chúng tôi cùng đếm. Hết tám mươi bước Thu bảo: “Anh đã mỏi chân chưa? Em chẳng mỏi tí nào. Em còn đi được nữa!” Thế là hai đứa cùng cười, và cùng bước tiếp. Qua con ngòi nhỏ, Thu vén quần lội. Em có đôi chân đẹp, trắng ngần, khiến tôi bỗng dưng thấy ngượng, bước cách xa ra một chút. Thu dừng lại, chìa tay trách yêu: “Anh không dắt em, để em chết trôi ở đây sao?”. Tim tôi bỗng như ngừng đập. Câu Thu nói vô tình làm tôi chột nghĩ đến cái chết oan trái của cô Mai... Tôi lùi lại, nắm lấy bàn tay Thu, bước những bước chậm chạp, lòng bồi hồi những vui buồn lẫn lộn.

Không biết từ bao giờ Thu đã gọi mẹ tôi là mẹ và xưng con một cách tự nhiên, không “bác bác cháu cháu” như những ngày đầu nữa... Và có lần mẹ tôi đã nhẹ nhàng căn dặn tôi: “Thu nó đã lớn, mười sáu tuổi rồi. Anh em thân nhau, nhưng đừng suồng sã, kẻo người ta dị nghị. Đời cô Mai đã khổ đến thế, mẹ muốn tránh cho nó những tiếng chẳng lành...” Tôi rất thương và quý trọng mẹ tôi. Vì bà đã dành tất cả tình cảm cho tôi và Thu. Bà nhất định không đi bước nữa, mặc dầu khi cha tôi mất mẹ tôi mới ba mươi tuổi, và sau đó có đến bốn năm đám ngõ ý muốn xin được chung sống cùng bà.

Cái hôm tiền tôi đi bộ đội ấy, Thu đã vượt quá ranh giới những điều cấm dãn của mẹ tôi. Hai anh em bịn rịn chuyện trò mãi - có lúc chỉ nhìn nhau chẳng nói câu nào - đến xế chiều thì trời nổi cơn giông gió âm ỉm, Thu đành phải ở lại nơi tập trung lính mới. Đêm ấy tôi báo cáo với ban chỉ huy, thu xếp cho Thu ngủ ở cái quán ven sông của một bà cụ hàng nước. Anh em trong đơn vị đều tưởng Thu là em ruột tôi, và nhiều cậu đã giả vờ “nịnh” tôi trước mặt Thu để “đợi thời cơ làm em rể”! Tôi ngồi bên bờ sông với Thu quá khuya. Mấy đứa trẻ nghịch ngợm đi qua ném đất về phía chúng tôi và hò lên trêu chọc: “Lêu lêu vợ chồng! Lêu lêu vợ chồng!...” khiến tôi ngượng chín cả người; còn Thu thì đứng phắt dậy ném trả bọn trẻ, miệng lầu bầu tức giận.

Mờ sáng hôm sau, tôi cùng đơn vị xuống thuyền để đến một địa điểm mới. Nhìn về phía quán bà hàng nước, tôi thấy Thu đang hót hải vừa chạy vừa giơ tay vẫy gọi to: “Anh Dương! Anh Dương! Đợi em với! Đợi em với!” Tôi chỉ kịp nhòai người ra khỏi khoang thuyền, cố giữ vẻ mặt tươi cười hét vọng lên bờ: “Em về nhé! Về nhé!”

Con thuyền xuôi nhanh theo dòng nước xiết. Các bạn tôi reo cười, nhất loạt đứng dậy vẫy chào Thu. Tôi lặng nhìn em đứng im trên bãi cát như một bức tượng, quanh cổ vẫn buộc chiếc khăn thêu đem qua tôi đã tự tay quàng cho em khi thấy em húng

hắng ho sau cơn mưa gió lạnh. Tôi bồn chồn thương em, nhớ em, và lo cho em về nhà mẹ mắng...

*

Ở đơn vị, tôi nhận được thư mẹ tôi khá đều, bao giờ cuối thư cũng có vài dòng thêm của Thu. Em không có thói quen viết dài, chỉ luôn đặt những câu hỏi: - “Anh có khỏe không?” - “Anh có nhớ em không?” - “Anh có đủ ấm không?” - “Bao giờ anh có thể ghé qua nhà?” - “Anh ăn có no không?”

Qua thư nhà, tôi được biết Thu đã tốt nghiệp lớp 7, và ý mẹ tôi muốn hướng Thu vào nghề dạy học. Mẹ còn hỏi tôi khá kỹ về Quyên, cái cậu giáo viên hiền lành bạn tôi ấy. Mẹ cho biết Quyên có vẻ quyen luyến Thu lắm và mẹ cũng thấy mến chàng trai này. mẹ muốn biết ý kiến của tôi ra sao. Đọc thư mẹ, tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi không tự phân tích được tình cảm của mình nữa. Điều thật rõ là tôi thương Thu, rất thương Thu. Tôi không muốn đời Thu lại gặp những éo le, trắc trở. Quyên yêu Thu, đó là điều tôi biết chắc. Còn từ ngày tôi ra đi tới nay, Thu đối với Quyên ra sao, trong thư mẹ tôi không nói, và Thu cũng không viết một chữ nào nhắc đến Quyên. Tôi trả lời mẹ, nói chung chung là Quyên chân thật, hiền lành, có thể tin cậy được.

Mùa xuân 1956, sau gần hai năm đi xa, tôi có dịp ghé về thăm nhà. Tôi đeo ba-lô, bồi hồi bước trên

con đường uốn lượn quanh những ngọn đồi đất đỏ. Những bụi hoa mua hoa sim tím lạt, những chùm hoa xoan mọng nước lẫn trong màu mây, những cánh hoa trà trắng trên cây và rải trắng mặt đồi, tất cả đều khơi dậy trong tôi những kỷ niệm xốn xang về những năm tháng đã cùng lớn lên, cùng sống với Thu từ khi em mười tuổi...

Thu đã đón tôi một cách thật là bông bột. Em đang vo gạo. Thấy tôi bước vào cổng, em quăng cả rá gạo, reo lên, chạy ù ra nắm lấy hai vai tôi mà lắc: “Anh Dương! Anh Dương! Mẹ ơi, anh Dương về!..” Rồi trước mặt cả mẹ tôi, mẹ Thái, Thu dỡ ba-lô từ vai tôi xuống, quạt cho tôi, múc nước cho tôi rửa mặt. Em nắm tay tôi, nhìn chăm chăm vào mắt tôi, cười: “Anh đen đi bao nhiêu! Anh có nhận được thư em mới viết không?” Tôi trả lời chưa nhận được, vì đơn vị chuyển địa điểm trú quân, chắc là thư đến trễ.

Bữa cơm tối đó, Thu hầu như không ăn mà chỉ ngồi nói chuyện lú lo và gấp cho tôi. Dưới ánh đèn, nom Thu càng đẹp. Người em dong cao, chắc lẳn; hai con mắt to, đen nhánh Thu nhìn tôi, lộ rõ niềm vui rạng rỡ và sự cảm mến không che giấu. Có lúc không chịu nổi cái nhìn ấy, tôi bối rối cúi đầu xuống mâm cơm hoặc quay sang hỏi chuyện mẹ tôi. Thu có đôi môi mỏng, hồng, hơi “đanh đá”, nhưng khi em cười thì quả thực tôi chưa hề thấy cô gái nào có sự hồn nhiên trong sáng đến như vậy. Bao giờ tôi cũng chịu

thua trước cái cười ấy, và chẳng khi nào giận được Thu lâu.

Sau bữa cơm, Thu dẫn tôi đi chào thăm các bạn bè và gia đình trong xóm. Hai đứa đi trong bóng tối diu diu mùi hoa xoan, hoa bưởi. Chốc chốc Thu dừng lại, hỏi tôi có nghe tiếng chim gọi vịt kêu không. Tôi bảo có. Thu nói giọng rầu rầu: “Như tiếng ai gọi ai ấy, anh nhỉ...” Thế là từ đấy, tiếng chim gọi vịt vời vời khi xa khi gần mùa xuân nào cũng gọi cho tôi nhớ đến Thu, một nỗi nhớ giằng xé gần như là một nỗi đau không bao giờ dứt...

Tôi đã đi xa câu chuyện mất rồi! Anh uống nước đi, để tôi xin kể tiếp anh nghe.

Tối hôm ấy, tôi và Thu đi quanh xóm xong, trở về nhà thì vừa gặp mẹ tôi tiễn mẹ cậu Quyền ra cửa, Thu lảng ngay xuống bếp.

Mẹ tôi ra hiệu cho tôi ngồi vào bàn để mẹ tôi nói chuyện. Mẹ cho biết cha mẹ Quyền muốn xin Thu về làm dâu. Theo ý mẹ, Quyền là một thanh niên đứng đắn, sáng sủa, đã có nghề nghiệp, lại là con trai độc nhất của gia đình tử tế, đủ ăn; nếu lấy Quyền thì thu sẽ sung sướng.

Tôi ngồi im lặng, cúi đầu nghe mẹ tôi nói. Tôi không thể cất tiếng hỏi mẹ, cũng không thể trả lời, chỉ nghe rõ tiếng tim mình đập vội. Cuối cùng, mẹ tôi nắm lấy vai tôi, nhìn vào mắt tôi: “Con đã chẳng

nhận xét *Quyền là người chân thật, hiền lành, có thể tin cậy được* trong thư con viết cho mẹ là gì?... Và chính con đã nói với Quyền rằng con ưng nhận nó làm em rể, có đúng thế không?...”

Tôi giật thót mình. Với một phản ứng tự nhiên, tôi cãi: “mẹ ạ, đó là con nói đùa!... Với lại, cái chính là phải tùy em Thu chứ!”

Mẹ tôi hạ thấp giọng, nói run run: “Mẹ biết hai anh em con rất... quý nhau. Chính vì mẹ muốn giữ cho tình anh em thương nhau quý nhau lâu dài, mà mẹ thấy cần để cho Thu đi lấy chồng, con ạ...”

Mẹ tôi vừa nói tới đây thì cánh cửa buồng bật mở tung. Thu từ trong buồng ôm mặt chạy vụt ra, vừa chạy vừa khóc tím tấc. Thì ra em đã từ bếp lén vào buồng nghe rõ hết đầu đuôi câu chuyện.

Hai mẹ con tôi đuổi theo Thu, đến gần bờ nông giang mới giữ được Thu lại và dắt Thu về.

Hôm sau, Thu dùng dùng lên cơn sốt. Em vật vã, nói mê lảm nhảm. Mẹ tôi cuống quýt đun nước xông, đánh gió cho em.

Xế chiều, em đã tỉnh. Tôi bung bát cháo đến cho em ăn. Em nằm thẳng ngay ngắn, đầu hơi ngả về một bên. Mẹ tôi đắp cho em bằng một tấm vải đỏ lâu nay vẫn dùng để dán khẩu hiệu trong các cuộc họp - mẹ chẳng có cái chăn đơn nào!

Thu nằm im, lim dim mắt. Má em đã hồng trở lại. Tôi đứng lặng ngắm nhìn em, nhìn màu đỏ của tám vải khuôn lầy thân hình thon nhỏ của em... Và bỗng nhiên nhói lên trong tôi một sự thật bấy lâu ủ kín: tôi yêu Thu, tôi tha thiết yêu Thu! Tôi muốn kêu to lên điều ấy, ngay lúc này đây, để cho Thu và mẹ tôi cùng biết.

Như đón được ý nghĩ của tôi, Thu từ từ mở mắt. Em đưa bàn tay cho tôi nắm, và nước mắt em trào theo câu nói: “Thôi, anh... Thôi, anh đừng nói nữa.. Em hiểu cả rồi... Điều gì anh và mẹ muốn, thì em sẽ làm theo... Em đã làm phiền mẹ và anh nhiều lắm rồi mà!...”

Thu rút phất bàn tay lại. Và tôi đứng sững sờ, chết lặng khi Thu oà lên khóc.

*

Hết phép, tôi trở về đơn vị như một kẻ mất hồn. Thu bắt tôi mang theo hai quả dưa và một gói xôi lạc thật to, nhưng em chỉ tiễn tôi đến đầu ngõ.

Tới nơi đóng quân, tôi nhận được lá thư đến chậm của Thu. Lá thư gần như công khai bày tỏ tình yêu của Thu đối với tôi, và cười cợt ý định cầu hôn của Quyên.

Sự việc éo le như vậy đấy, anh ạ. Lá thư như ánh sáng một ngôi sao đến chậm, nhưng mãi mãi chiếu nhói vào tim tôi, không khi nào tắt.

Cuối năm 1957, mẹ tôi viết thư báo tin và gọi tôi về dự đám cưới Thu vào ngày 27 tháng 12. Quyền cũng viết cho tôi một bức thư tràn đầy hạnh phúc, và không quên ngỏ lời cảm ơn tôi đã giúp đỡ anh trong việc xây dựng gia đình riêng! Riêng Thu không viết cho tôi, dù chỉ là một chữ.

Tất nhiên, tôi không thể về dự đám cưới. Tôi gửi một số tiền dành dụm được cho mẹ tôi, và một tấm vải dù mừng Thu. Ngày 27 tháng 12 đối với tôi trở thành ngày kỷ niệm đau buồn. Tôi biết giận ai trong chuyện này được. Giận Thu ư? Giận mẹ tôi ư? Hay là giận chính tôi?

Sau đó, tôi nhận được thư của Thu đề ngày 1 tháng 1 năm 1958. Thu chúc mừng tôi năm mới, và viết: *“Anh Dương ạ, từ nay em sẽ vĩnh viễn là em gái của anh. Được mẹ cho phép, em đã đổi từ họ Nguyễn - họ khai sinh cũ - sang họ Đỗ, họ của cha chúng ta. Em thích như thế, anh bằng lòng chứ?”*

Thế là hết đầu đuôi câu chuyện... Bây giờ thì anh đã rõ tôi đến đây cốt để sống lại những kỷ niệm xa xưa. Và chắc anh vừa nghe vừa thầm “khen” tôi là khéo giữ kín chuyện tâm tình đến thế. Đúng như vậy, suốt những năm dài cùng anh lặn lội ở chiến trường B, không mấy khi tôi không nhớ đến Thu, nhưng chưa bao giờ tôi kể anh nghe về Thu cả. Lần này tình cờ gặp anh ở đây, thật là dịp may để tôi “trả nợ” anh.

Anh uống đi, cà-phê tôi mang theo đây. Đêm xuân như thế này, ta có thao thức ít ngủ đi một chút cũng là lẽ phải thôi.

Tôi chuyển ngành từ sau 75, anh ạ. Trong một chuyến công tác Sài Gòn, tôi cố lần theo dấu vết của cha Thu - người cha đã bỏ con bỏ vợ, “dinh tề” vào Hà Nội tạm bị chiếm năm 1948 ấy. Tôi đã gặp được ông ta. Ông ta là một chủ tiệm bán vải. Ông ta to béo, nhẵn nhụi, ăn mặc chải chuốt, suốt ngày im lặng đứng bán hàng cho vợ như một kẻ làm công. Ông ta chẳng có nét gì giống Thu cả. Chính vì thế, hoặc do một mối ác cảm ngấm ngấm đối với ông, nên tôi chỉ trò chuyện qua loa như người khách mua hàng, mà không nhắc gì đến cô Mai và Thu hết.

Anh Năm, anh đừng nóng ruột! Tôi sẽ nói nốt những điều anh cần biết: Thu và Quyên hiện đang sống ở Lâm Đồng, hai vợ chồng đều dạy học và đã có hai con, một trai một gái. Thu đã đón mẹ tôi vào trong đó, nhà Thu có vườn rộng lắm. Mẹ tôi đã trên sáu mươi rồi, yếu rồi. Năm nào bà cũng giục tôi lấy vợ nhưng tôi đành chịu, chưa làm theo được ý muốn của bà!... Có những cô mền mình, nhưng mình không ụng, lôi thôi thế!

Anh Năm, anh có nghe thấy không?... Đây, tiếng chim gọi vịt đấy!... Thôi, anh đi nghỉ đi. Để mặc tôi ngồi một mình. Tôi không ốm đâu, anh đừng lo.



LÊ HOÀI NAM

Họ và tên: **Lê Hoài Nam**

Ngày tháng năm sinh: 16.5.1953

Quê quán: Nghĩa Hưng, Nam Định.

Nghề nghiệp: Viết báo, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Nghĩa Hưng, Nam Định

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Tiểu thuyết: *Những đêm huyền ảo, Đôi tình nhân ham sống, Hoang mạc tâm hồn*; Tập truyện ngắn: *Người đẹp về đâu, Lẩn yêu đầu tiên, Bên kia sông có người bạn gái*, ngoài ra còn có các tập ký sự và kịch bản phim.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Tạp chí Văn nghệ quân đội năm 1981. Giải thưởng Nguyễn Khuyến năm 1990.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Về truyện ngắn *Đồng quê gió thổi*, tôi mới viết tháng 4 năm 2004 tại trại sáng tác do Bộ Tư lệnh Hải quân phối hợp với Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tổ chức tại Bãi Cháy. Tôi tự chọn tác phẩm này vào tuyển tập vì nó mang hơi thở mới mẻ của đồng quê hôm nay. Điều tâm đắc tôi gửi gắm trong tác phẩm là: Đồng quê chính là nơi lưu giữ những thuần phong mỹ tục đẹp của con người Việt Nam, ngăn chặn những cơn "gió độc" thổi về; những cơn "gió độc" ấy, rất tiếc lại đang sinh sôi trên đất Việt.

ĐÔNG QUÊ GIÓ THỔI

Triệu tự lái chiếc xe con đời mới của Hàn Quốc về làng Phù Nghĩa. Đông, người chị họ của Triệu đang ngồi xay đậu tương ở thềm hè, nhìn thấy chiếc xe con màu trắng sáng lấp loáng lừ lừ tiến đến trước ngõ nhà mình, rồi từ trong xe chui ra một gã đàn ông trạc tuổi tứ tuần, hoặc trẻ hơn thế, to cao, gương mặt đẹp trai, nam tính, thì chị có cảm giác lo sợ: phải chăng hai đứa con chị đang học ở Hà Nội mắc mớ chuyện gì để người ta về đây truy lùng, bắt bớ? Vậy nên khi Triệu dang đôi tay mập, óng ánh đồng hồ vàng, nhẫn vàng vỗ vào vai chị và thốt lên: “em là thằng Triệu của chị đây mà!” thì Đông trở nên xúc động, run rẩy rơi nước mắt. Mãi sau Đông mới nói được trong cơn nghẹn ngào:

- Cậu Triệu! Cậu vẫn nhớ chị. Chị mừng quá!

Trưa ấy, trong bữa cơm đậm đà hương vị đồng quê, qua câu chuyện của Đông mà Triệu thêm cảm phục chị. Anh Phùng, chồng Đông đã mất vì bệnh máu trắng cách đây mười năm. Đông ở vậy nuôi hai

con. Hai đứa đều học giỏi. “Cả làng này chỉ mình chị dám nuôi hai đứa con cùng học đại học”, Đông khoe thế. Cũng may là trường của con chị và trường của thằng em không cách xa nhau mấy nên chúng thuê một căn phòng rẻ tiền, thổi cơm chung, đỡ tốn kém. Mỗi tháng Đông chỉ phải cho hai đứa năm trăm ngàn đồng, còn lại chúng tự lo bằng tiền công làm gia sư, làm tiếp thị; xoay xỏa cũng tồn tại được. Triệu nhìn gương mặt già trước tuổi vừa nhân hậu mà khắc khổ của Đông hồi lâu rồi hỏi:

- Nhưng bằng cách nào để chị có mỗi tháng năm trăm ngàn gửi cho chúng?

- Bằng cái này - Đông xòe đôi bàn tay chai sần, đen đúa - Vụ cấy, vụ gặt, chị lặn lội với hai sào ruộng ngoài đồng. Tháng ba ngày tám chị xay bột làm đậu phụ, nấu rượu, nuôi lợn, chăn vườn cây, mót bòn thuê... và trăm thứ việc khác. Chị chẳng từ nan việc gì, miễn là kiếm được tiền. Chị chỉ không làm những việc thất đức thôi, cậu ạ.

Nhìn thấy một bên vai áo màu nước gạo của chị có một miếng vá, Triệu nói:

- Các cháu lên Hà Nội học, sao chị không cho em biết, để em có thể quan tâm đến chúng nó một chút?

- Đã có lúc chị định làm thế. Nhưng sau lại nghĩ, chị và các cháu sẽ còn phải nhờ đến cậu sau này. Hiện tại, chị lo được nên chưa muốn phiền cậu.

Chợt có một thiếu nữ thấp thoáng ngoài đầu ngõ; cô ta chuẩn bị rẽ về phía bờ dâm bụt của nhà bên cạnh, thì Đông ngừng tay xay bột, gọi:

- Thoan, vào đây cô nhờ tí!

Thiếu nữ vừa rụt rè bước vào sân thì đôi mắt trái đời của Triệu đã như dán chặt vào gương mặt rồi xăm soi xuống thân thể cô, ngằm thốt lên “Đẹp quá!”. Đông giới thiệu qua quýt về Triệu rồi bảo cô gái:

- Cháu ra cây khế ngọt ngoài vườn hái giùm cô mấy quả để cô làm quà cho cậu em đây!

Thoan “ạ” một tiếng rồi thoăn thoắt bước qua bờ dậu ruổi vào khu vườn trước sân. Khu vườn có nhiều thứ cây ăn quả. Cây khế ngọt ở góc vườn phía tây quả đã vàng ươm. Mỗi lần Thoan kiễng chân vin cành hái quả, bộ đồ vải hoa giản dị bó sát vào thân, Triệu lại có dịp chứng kiến những đường eo hài hòa từ thân thể Thoan chuyển động. “Mình đã từng lang chạ với nhiều đàn bà, già có trẻ có, đủ các giai tầng, từ thành thị đến nông thôn; mình cũng đã từng lui tới các nhà hàng, khách sạn ăn ngủ với ca ve, gái bao đủ loại tam khoanh tứ đốm, nhưng chưa có một ai cuốn hút mình mạnh mẽ như cô bé này...”

- Cái con bé hàng xóm nhà chị có vẻ bắt mắt cậu, phải không?

Bị Đông “điểm đúng huyết”, Triệu đành không giấu giếm:

- Nếu không về thăm chị, em không thể tưởng tượng ở cái làng ven cửa sông đất chua phèn, nghèo khổ quê mình lại nảy nòi ra một cô gái kháu khỉnh thế. Cô ta có một vẻ đẹp hoàn bích nhưng ẩn chìm, không dễ nhận ra...

- Mắt cậu tinh đấy. Đúng là con trai ở vùng này không mấy đứa nhận ra thật. Hai là chúng có nhận ra, nhưng vì con bé nhà nghèo nên chúng không “kết” mấy.

- Chị nói sao? Cô ấy chuẩn bị lấy chồng? Cô ấy còn trẻ thế mà đã...

- Nó vừa tròn tuổi mười tám. Tuổi ấy ngày xưa lấy chồng là đẹp. Thời bây giờ thì hơi sớm. Nhưng với hoàn cảnh của nó còn biết làm gì hơn là lấy chồng! Là học sinh giỏi toàn diện liên tục từ lớp một đến lớp mười hai. Tháng trước có giấy báo đỗ đại học Bách khoa nhưng bố mẹ nó nhất định giấu giấy gọi không cho nhập trường...

- Vì sao hả chị?

- Cái cậu này, cứ như người trên trời rơi xuống ấy.

Cậu nên nhớ, ở làng ta bây giờ, nếu chỉ bám vào mấy sào ruộng, cái ao, mảnh vườn thì đủ ăn là may. Bố mẹ cái Thoan là người tử tế. Ngày xưa bố nó cũng học hết cấp ba rồi đi bộ đội. Hết chiến tranh xuất ngũ về thẳng làng chẳng có nghề nghề gì. Khát con trai nhưng lại đẻ liên tiếp bốn đứa thì mệt. Bố nó hiền

quá, chẳng biết chạy chọt, buôn bán gì. Mẹ nó khi đẻ không kiêng cử, bây giờ phá ra đủ bệnh. Ăn còn không đủ lấy tiền đâu đi đại học! Từ nọ đến nay bố mẹ nó nhờ bên nội, bên ngoại, nhờ cả những người hàng xóm như chị đánh tiếng gả chồng cho nó mà xem ra chưa lọt vào mắt cậu nào!

- Nhưng liệu cô ấy có chịu cam phận đi lấy chồng không mới là điều đáng nói chứ!

- Tâm lý của nó, ngày ngày nó sang chơi, chị biết. Nó rất thích có một việc làm ở thành phố, hay nông thôn không quan trọng, miễn là việc ấy không hèn mạt, nhếch nhác quá, đủ nuôi sống bản thân và dư thừa tí chút để nó xin vào học lớp tại chức đại học ban đêm...

- Để tránh việc phải lấy chồng, sao cô ấy không thực hiện ngay ý định ấy đi?

Cậu tưởng tìm được một việc làm bây giờ là dễ lắm à. Ở làng ta đã khôi đưa chỉ vì ôm cái mộng như cái Thoan mà mắc phải bầy lũ Sở Khanh, Tú Bà rồi đấy. Tính sơ sơ cũng hơn chục đứa phải làm gái điếm, ba đứa lấy chồng già Trung Quốc. Có đứa đi một thời gian về vàng đeo lủng liếng ở cổ, vẫn lấy được thằng chồng cù lần mà hám của. Có đứa về làng vật vờ, dụi dọ, héo hắt như con ma sống. Có đứa dính si đa đang nằm góc nhà thoi thóp chờ chết. Chị nói đâu cậu bỏ đấy thôi nhá, kéo nói ra nó bạc miệng, thương tâm lắm!

- Em mà gặp lũ Sở Khanh, Tú Bà ấy, em đập vỡ mõm chúng nó!

- Cậu là kỹ sư, cậu không thể hành động như thế được. Nếu cậu vẫn còn giữ tình làng nghĩa xóm như xưa, chị khuyên cậu nên xin cho cái Thoan một việc làm ở Hà Nội. Gia đình nó sẽ mang ơn cậu suốt đời mà chị ở đây cũng được tiếng thơm.

- Em bị bất ngờ về lời đề nghị của chị đấy. Nhưng không sao, em sẽ cố gắng. Nhưng em muốn được tiếp xúc với Thoan, xem thực sự cô ấy là người như thế nào đã chứ!

- Thì cậu cứ gặp gỡ. Chiều nay cậu còn ở đây kia mà!

Thoan bung một rá khế bước vào sân. Đông đưa cho Thoan một cái túi vải bảo Thoan bỏ hết khế vào đấy để Triệu mang về Hà Nội. Thêm một lần Triệu ngắm kỹ Thoan. Một nỗi thèm khát râm ran, cháy bỏng; một câu hỏi ngộ nghĩnh trôi dạt: Tại sao bông hoa đồng nội đẹp và thơm ngát nhường kia mà người thưởng thức lại không phải là ta nhỉ?

*

Thoan dẫn Triệu đi trên con đường bờ kênh xuyên qua cánh đồng về hướng bờ sông Cái. Đã vào giữa thu, lúa mùa lên xanh ve ve. Hương cỏ-mật từ bờ kênh dâng lên hòa quyện với mùi thuốc trừ sâu ai đó vừa phun. Dòng kênh mùa thu mà nước lại xanh

ngắn ngắt, không một tiếng cá đớp. Hiện tượng này có gì đó trái với tự nhiên, trái với kỷ niệm tuổi thơ của Triệu. Tại dòng kênh này, Triệu và lũ bạn mỗi bận đi học về thường thấy lá đớp tưng tưng. Những con tôm rảo bật tanh tách trên mặt nước đỏ ngầu phù sa. Hôm nào thích, cả bọn nhảy ùa xuống kênh mò một lát được đầy mũ nan. Cá tôm rửa sạch gói vào lá chuối, vơ củ khô đốt lửa nướng. Chén xong nhìn miệng đứa nào cũng đen nhẻm. Những kỷ niệm ấy thỉnh thoảng vẫn thức dậy khiến Triệu nôn nao nỗi nhớ quê.

Triệu đi trước, Thoan bước theo sau. Triệu bảo Thoan đi trước hoặc bước sóng đôi với y, Thoan không chịu. Thỉnh thoảng Triệu quay lại, Thoan nhớn miệng cười tình tứ. Triệu chỉ muốn ôm ghì chặt Thoan mà hôn vào cái miệng có cặp môi mọng, nũng nịu, hai hàm răng trắng, đều như có sự xếp đặt cẩn trọng của bà mẹ; nhưng mỗi lần như thế Triệu lại tự kìm nén, thậm nhủ rằng thời gian của buổi chiều còn dài, không nên vội vã. Đến một cái máng, Triệu quay lại dắt Thoan bước qua rồi Triệu cứ nắm chặt bàn tay giống như bông hoa huệ vừa chớm nở của Thoan, hỏi:

- Thoan, cháu biết chú không?

- Cháu biết. Vì biết nên cháu mới nhận lời đi chơi với chú.

- Thoan biết về chú như thế nào?

- Chú là con ông Tài, ngôi nhà ngói mà cô Đông đang ở chính là ngôi nhà cô Đông mua lại của gia đình chú. Cháu đọc thấy tên chú trong cuốn sổ vàng truyền thống của trường cháu. Nhờ cuốn sổ ấy mà cháu biết ngày còn là học sinh của trường, chú học giỏi môn toán. Điểm này giúp cháu có sự đồng cảm với chú vì cháu cũng thích học môn toán.

- Còn gì nữa?

- Cháu còn biết chú là kỹ sư xây dựng, từng tham gia đấu thầu và thi công một số công trình lớn ở thủ đô, đúng không ạ?

Triệu gật đầu thừa nhận. Chỉ ngần ấy lời dường như đã đủ để Triệu cảm thấy Thoan trở nên gần gũi xiết bao, cứ như họ đã gặp nhau và thân nhau từ lâu lắm rồi. Triệu hỏi:

- Chúng ta đi đâu thế này?

- Thì chú bảo cháu dẫn chú ra khu lăng mộ của ông bà nội chú đấy thôi - Thoan vừa nói vừa cầm bó hương giơ lên như nhắc nhở Triệu.

- Cũng là bởi chú mãi ngắm vẻ đẹp của cháu nên quên mất đấy - Triệu nhìn xăm soi đôi mắt đen huyền của Thoan.

Dường như câu tán hơi táo bạo theo kiểu thành thị thời mở cửa này đã có tác động mạnh vào con tim

tuổi mười tám của Thoan, tay cô run run, cặp mắt huyền của cô như có ngân nước.

Họ đi ngang nhau về phía bờ sông Cái, nơi có khu nghĩa địa lớn thiết lập từ thời Pháp. Khu lăng mộ ông bà nội Triệu xây hoành tráng, đẹp nhất khu nghĩa địa. Khán thờ, tường bao và các ngôi mộ đều xây gạch máy, vào áo vữa bê tông, ốp đá xẻ màu huyết dụ và màu đen. Trên mỗi ngôi mộ đều có bia khắc tên tuổi, ngày sinh ngày mất của từng người. Trong khuôn viên của lăng còn có những cây dùng dành, cây tầm xuân đang nở hoa tỏa mùi thơm hoang dã.

Triệu đặt đồ lễ lên khán thờ. Thấy Triệu làm không đúng phép, Thoan bảo.

- Chú đừng đặt con gà nằm dọc như thế; hãy xoay ngang mở quay về phía đĩa hoa.

Triệu cười xoa sửa sai. Nhưng sửa được cái sai đặt đồ lễ, Triệu lại mắc tiếp cái sai thắp hương. Thoan phải nhắc.

- Chú thắp hương theo số lễ, mỗi bát phải một, ba hoặc năm nén chứ không được thắp hai nén như thế!

Triệu lại cười xuê xoa:

- Cháu có vẻ thạo chuyện lễ nghi nhỉ!

- Mẹ cháu dậy đấy. Cháu thường hay đi lễ chùa với mẹ cháu.

“Lẽ giáo ra trò, nhưng không ngại” - Triệu tự răn mình. Bằng kinh nghiệm rạn dày của kẻ từng qua nhiều cuộc tình, mỗi cuộc tình một sắc thái, Triệu tin vào ánh mắt đăm đúi và những cử chỉ đang khát thèm sự gần gũi của Thoan như ngầm tự thú rằng cô đang rất cần Triệu. Những thẻ hương chưa cháy được một nửa Triệu đã nắm lấy bàn tay Thoan kéo cô ngồi xuống cạnh mình trên một ngôi mộ lát đá màu huyết dụ, nói:

- Thoan, cháu có tình cảm với chú, đúng không?

- Chú là thần tượng của cháu.

- Bây giờ, nếu chú nói rằng chú yêu cháu, cháu nghĩ sao?

- Cháu sẽ lấy chú!

- Thế cháu có sợ dư luận, sợ dị nghị không khi mà chú hơn cháu hai mươi tuổi, lại đã có vợ, có con?

- Tất cả những điều đó sẽ bị nhạt nhòa khi mà chú và cháu thực lòng yêu nhau. Nhưng mà chú dứt khoát phải ly dị đấy!

“Ly dị à, ừ ly dị” - Triệu lẩm bẩm. Vợ Triệu cũng là một kỹ sư như y. Nàng làm việc trong Ban quản lý dự án phát triển đô thị. Nàng mua một lô đất mặt đường ở khu phố mới để như trở bàn tay. Nàng đã tham gia đấu thầu công trình nào thì không mấy khi trật. Triệu phải thừa nhận cái vila bốn tầng mặt phố họ đang ở thì công lao của vợ y là phần lớn. Cũng đã

không dưới một lần ngắm gương mặt xương xương, bành bạnh trông như cái mặt con cú mèo của vợ, Triệu có cảm giác ghê sợ, không sao sinh hoạt chăn gối được. Nếu ly hôn, hai đứa con sẽ theo mẹ, Triệu biết chắc điều đó, thì may mắn lắm tòa nhà cũng chỉ chia cho Triệu một phần ba tòa nhà. Cái tòa nhà được xây theo mẫu tân kỳ, các thiết bị hiện đại tiện nghi và sang trọng. Nghĩ đến một ngày nào đó Triệu phải xách va ly bước ra khỏi cửa tòa nhà ấy, nhục khí ly hôn trong con người Triệu bỗng tiêu biến. Và sau mỗi lần như thế Triệu lại lao vào các cuộc tình như là sự trả thù những bất công của ông tư bà nguyệt.

- Ly hôn hay không ly hôn - Triệu nói - có cần thiết không khi chú và cháu yêu nhau, hết lòng vì nhau! Cháu nghĩ thế nào khi chú muốn lo cho cháu những điều kiện cần thiết để cháu có thể học xong chương trình đại học?

- Như thế nghĩa là chú không có ý định cưới cháu mà chỉ như người ta nói... thế nào nhỉ! À, cặp bồ! Chú chỉ muốn cặp bồ với cháu thôi, đúng không?

- Thì bây giờ, nhiều người sống như thế, có sao! Chỉ xin cháu nhớ cho rằng, kể từ giờ phút này, trong cuộc đời chú không thể gọi là sống nếu không có hình ảnh cháu trong tim...

Thoan im lặng. Cô ngửa cổ tựa đầu vào tấm bia đá trên mộ như bị kiệt sức. Triệu nhìn thấy đôi mắt Thoan như sập tối, có hai giọt lệ lăn xuống má. Triệu

luồn tay vào gáy Thoan đỡ cô dậy. Rồi như có ma quỷ trong lòng xui giục, Triệu ôm ghì Thoan vào lòng. Mùi hương con gái thanh tân lan tỏa khiến Triệu mê đắm, ngất ngây.

- Chú cháu mình đang làm việc thất lễ với vong hồn người chết đấy - Thoan nói trong tiếng nấc ngàn ngạt - Chú quên mất chúng ta đang ngồi trên mộ của ông nội chú sao?

- Người mà chú quan tâm nhất lúc này là cháu chứ không phải ngôi mộ. Mà nếu như người chết rồi mà còn có vong hồn thì chú tin ông nội sẽ không quở trách gì khi chúng ta yêu nhau...

Chợt có tiếng con ma gọi bạn trong một khóm tầm xuân. Hoàng hôn chỉ còn bâng bâng. Một cơn gió đơn độc luồn lách trong những khóm dứa dại. Thoan có cảm giác đơn độc đến kinh hãi.

- Ta về thôi chú. Có gió độc đấy.

- Chú nhớ miền quê mình chỉ vào dịp cuối xuân đầu hạ mới có gió đông non là gió độc; bây giờ đang thu chỉ có gió lạnh thôi chứ!

Triệu vừa nói vừa kéo đầu Thoan lại gần. Triệu vừa đặt cặp môi dày vào má Thoan thì cô đưa tay bịt lấy miệng, khẽ đẩy ra:

- Ở quê ta bây giờ gió độc thổi quanh năm chú ạ, nhất là vào giờ tranh sáng tranh tối này. Có khối người bị tai biến mạch máu não vì gió độc rồi đấy.

Thoan đứng dậy bước phăm phăm về phía bờ kênh. Triệu bước theo sau. Triệu cứ ngắm những đường cong kiêu sa trên thân người Thoan và có cảm giác mình vừa để tuột mất một cái gì đó vô cùng hệ trọng, lớn lao. Cứ hình dung mai đây người con gái hoàn mỹ kia rơi vào tay một gã chồng thợ cày, đánh xe bò, xe ôm hôi hám, khét lẹt mùi khói dầu ma dút, mùi phân tro và bụi đường hoặc tệ hại hơn, bị lừa vào một nhà hàng, khách sạn làm trò chơi cho các loại đàn ông... Triệu cảm giác không thể chịu đựng nổi. Đã đến lúc mình không được nuối tiếc người đàn bà giỏi giang nhưng có bộ mặt cú mèo ấy nữa! Lúc này đây, nhờ sức mạnh từ cô bé thiên thần đồng quê, mình đã có đủ dũng khí để xách va ly bước ra khỏi tòa nhà sang trọng mà giá băng ấy.

Triệu chạy lên bám lấy vai Thoan xoay cô quay lại:

- Thoan, chú không thể để mất cháu. Chú sẽ ly dị vợ để cưới cháu.

Thoan nhìn “chiếu tướng” gương mặt tràn đầy dục tính như để nhận diện sâu sắc thêm chân dung của Triệu.

- Muộn rồi chú ạ - cuối cùng Thoan nói.

- Sao lại là muộn? Vừa mới ban nãy cháu còn đồng ý làm vợ chú nếu chú ly dị vợ kia mà!?

- Vâng. Cháu đã nói như thế, rất thực lòng, bởi lúc ấy chú là một người đàn ông lý tưởng trong con mắt cháu. Còn bây giờ...

- Bây giờ thì sao?

- Chú là... chú là một kẻ tha hóa, suy đồi... Cháu xin phép về làng trước. Chú đừng chạy theo cháu nữa.

Thoan chạy vượt lên. Tà áo mỏng và trang tóc dài của cô bay phấp phới trong gió. Trông cô giống như một con chim lạ đang chuẩn bị cất cánh bay vút lên khỏi cánh đồng làng.

Đông vẫn ngồi xay bột đậu tương bên thềm hè. Thấy Triệu về đến sân, vẻ mặt y nhơn nhơn, Đông hỏi:

- Chú cháu đi ra nghĩa địa đã về đấy hả? Cái Thoan đâu?

- Biến về trước rồi. Quê một cục!

Đông nhìn Triệu một thoáng ngỡ vực, rồi nói:

- Có quê một cục thì mới phải nhờ đến cậu chứ. Mà cậu cứ xin cho nó một công việc ở thành phố xem! Lên đó nó ăn diện một chút, các cô gái phố còn phải chạy xa.

- Tốt nhất là mọi người ở đây hãy lo cho cô bé một tấm chồng!

Triệu vừa nói vừa chuẩn bị hành trang. Mặc dù Đông tha thiết níu giữ Triệu ở lại chơi nhưng y viện ra rất nhiều lý do để rồi một lát sau, y đã ngồi trên chiếc xe con đời mới Hàn Quốc lao ra khỏi làng Phù Nghĩa rẽ phía đường cái nhằm hướng Hà Nội mà tặng ga.

Bãi cháy, tháng 4-2004

ĐẠ NGÂN



Họ và tên: **Lê Hồng Nga**

Ngày tháng năm sinh: 6.2.1952

Quê quán: Long Mỹ, Hậu Giang

Nghề nghiệp: Viết báo, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Kim Giang, Thanh Xuân,
Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: 5 tập truyện ngắn, 2 tiểu thuyết, hai truyện dài cho thiếu nhi, 2 kịch bản phim nhựa.

Các giải thưởng văn học: Giải nhì truyện ngắn Văn nghệ Quân đội năm 1987. Giải nhì truyện ngắn báo Tuổi trẻ năm 1989.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Cũng như nhiều người, chiến tranh càng lùi xa thì nỗi khắc khoải trong tôi càng lớn. Sao vậy?

Có lẽ khi được thoát ra thì con người lại thấy mình chưa hề được sống gì cả hoặc là những ngày ấy thật quá khác thường, quá trái khoáy, ngổn ngang. Những người ở miền Nam chúng tôi luôn phải đương đầu với một vấn đề của hậu chiến, đó không phải là chuyện ăn độn hay xếp hàng mà là chuyện những người của hai bên giờ ngồi lại với nhau sao cho tình người, tình làng nghĩa xóm, tình gia tộc, những điều làm nên đời sống tinh thần của người Việt được nối lại, được hàn gắn.

Tôi thương nỗi mất mát của tôi và muốn ôm lấy nỗi bất hạnh của mọi người.

NHÌN TỪ PHÍA KHÁC

Đễ chừng hai mươi lăm năm đã trôi qua. Cuộc chiến tranh, nói như nhiều người, đã lui vào dĩ vãng. Có hẳn như vậy không, vậy thì phải giải thích thế nào với những giấc mơ có súng đạn bùn máu và những cơn buồn như áp từ phía sau khiến ta phải ngoảnh lại luôn. Hay tâm hồn con người là thứ khó cắt nghĩa nhất, nó quá nhiều góc ngách để một khoảnh khắc nào đó, nó bất chợt rung lên một hình ảnh một kỷ niệm một chi tiết bởi cái mạng nhện tưởng là mong manh của ký ức?

Hai mươi lăm năm, tôi, người đàn bà từng có tuổi hai mươi bỗng thấy cộm lên trong mớ ký ức bắt đầu lộn xộn của mình một hình ảnh ban đầu thoáng qua như bức ảnh mờ, sau nó trở đi trở lại ngày một dày hơn kèm theo sự thúc bách căm lạng nhưng da diết như có sự xui khiến nào. Có lẽ vì nhiều năm qua lý trí tôi đã cố tình nhận chìm nó không công bình với nó, thậm chí không dám gọi nó lên để nhìn thẳng vào nó? Vậy thì đã đến lúc tôi phải đặt nó vào vị trí

tự nhiên vốn là của nó trong cuộc đời tôi, một cuộc đời đã nướng phần đẹp nhất trong lò lửa chiến cuộc với những quăng xôi đậu cả trong tình cảm không phải lúc nào cũng bằng khái niệm cơ học là tách bạch được.

Hình ảnh lóe lên đầu tiên là đôi kính gọng phốt vàng, phải, đôi tròng kính chứ không phải là cái chân gỗ của Thuận, mặc dù cái chân tật nguyên ấy có ý nghĩa với tôi hơn. Hình ảnh đôi tròng kính, tôi không nhớ cô xọc-via với cái tên Thảo trong căn cước giả để ý đôi mắt cận đó vào lúc nào ở nhà hàng Vĩnh Thịnh, nơi tôi được cắm vào để khai thác thông tin và có thể sẽ đánh một mẻ lưới nếu tình thế cho phép, chỉ nhớ rằng giữa đám thực khách xô bồ và mùi rượu thịt chớt nhả, nó, đôi kính mà tôi đang nhắc tới đã lóe sáng một cách kỳ ngộ với tôi và nó lấp lánh, cho tới tận bây giờ.

Và những buổi tối chủ nhật, sở dĩ tôi, cô hầu bàn với cái tên Thảo có thể nhớ đạo đó là những tối chủ nhật và bọn họ, Thuận cận, thầy giáo Nhiều và những ông bạn nào đó nữa thường dùng chiếc bàn bên tán ngọc lan trong sân Restaurant Vĩnh Thịnh làm câu lạc bộ cuối tuần. Khi tôi để ý đến họ, câu lạc bộ ấy chỉ có hai người, hiệu tan tác đã xuất hiện, theo lời họ nói, chiến trận đã điểm danh những người bạn của họ, vì vậy, câu lạc bộ hai móng tồn tại keo sơn như thể lập dị. Thường họ đến trên chiếc

đam Nhật của Thuận, lúc đó, phương tiện ấy là cái móc của tầng lớp trung lưu mà ít nhất, cũng dân thầy chú thì mới dám ra vào với Vĩnh Thịnh. Dù bị cận nhưng cao ráo hào hoa cởi mở, bao giờ Thuận cũng cầm lái và phía sau anh, thầy giáo Nhiều như nhả từ tốn như một phụ nữ nhà lành. Lúc đầu tôi hay khó chịu vì Thuận luôn lao xe vào khu vực tôi phục vụ, xả mùi xăng vào bàn người khác trước khi sà vào chiếc bàn bên tán ngọc lan nhưng cái chân gỗ của anh đã biện hộ đủ cho anh.

Cái chân gỗ, như nhiều người đàn ông kiêu hãnh, Thuận rất ý tứ với vẻ tật nguyên của mình. Sống áo, cravat và giày vớ, cùng với cung cách trông anh bao giờ cũng tươm tất lạnh lặn nhưng không phải thế, khi nhìn sâu vào đôi tròng kính mới thấy ở đó luôn có một nỗi buồn, nỗi buồn không cứu vãn được. Ấy là sau này, khi tôi và anh không còn xa lạ chút hồi đầu, anh chỉ là thực khách ruột của nhà hàng được lượn xe vào trong sân và được quyền nói vào mặt tôi: “Này cô em, mới toanh hả, đừng có cười diễm như mấy cô kia trông cô em ăn khách hơn. Nếu được, anh chỉ yêu cầu mỗi tối chủ nhật dành sẵn cho anh với thầy Nhiều đây đúng cái bàn này và không cần cười máy móc như vậy. Các anh không cần xởi lởi, nhớ chưa?”

Tình bạn của chúng tôi bắt đầu từ một sự kiện. Nó, cái sự kiện ấy, cũng thật thường tình đối với mọi

quán rượu, chỉ không thường tình với tôi, một nữ cán bộ gan góc kiêu hãnh không nghĩ là có lúc phải chịu đựng vì cái gì đi nữa. Nhưng nó đã xảy ra như là khúc dạo đầu của sự hy sinh mà tôi không được trang bị trước và, với Thuận, như lời anh sau này, nó là phép thử để tôi hiện lên chính cái con người mà anh cảm thấy anh nâng niu cho mình.

Tôi nhớ rất rõ khung cảnh của Vĩnh Thịnh đêm hôm ấy, khung cảnh của quán nhậu trước lúc nửa đêm, sau một ngày bơ phờ vì rượu và thịt cho thiên hạ. Trong bếp, dao đã nằm yên trên thớt, bếp trưởng là ông chủ dềnh dàng mọng mỡ như mọi ông đầu bếp lúc nào cũng xộc ra mùi mồ hôi dầu đang tự thưởng mình một cốc bia có sức chứa nguyên chai BGI cỡ bự, bếp phụ là một phụ nữ xách mé có khả năng làm sạch một con gà trong chóp mắt đang vằn một đồng khăn ăn và theo thói quen đang kiểm chuyện cãi nhẫu bọn xọc-via chỉ vì bọn này được chia nhau tiền boa hằng đêm. Trên sân thượng, bà chủ đang vào giờ cầu nguyện, khu do Thúy trông coi đã tan khách và cô nàng liêu trai nhất nhóm đang ôm mớ khăn bàn đi xuống cầu thang. Gian ngoài, Long, con trai lớn của chủ quán đã vặn nhỏ volume chiếc máy còi đặt trên mặt quầy và Ninh, cô xọc-via kỳ cựu đang che miệng ngáp trước một đám khách dân sự Đại Hàn khinh khỉnh trong sống áo phòng nhà lúc nào cũng ngồi lâu mà uống ít. Khu sân cảnh thuộc trách nhiệm của tôi chỉ còn khách ở hai bàn, một đám gồm bốn lão bợm

giàu phát bằng nghề đi đêm với cánh tuồn hàng quân tiếp vụ luôn thay nhau vác cái bụng trống ra ra vào vào toa lét và bàn kia là Thuận với Nhiều, chả là ngọc lan với nét tỏa hương rất đậm đang quyến rũ đêm mùa hè phương Nam hãy dịu dàng như nó. Tôi đã thuyết phục được Qui, gã con trai út của nhà chủ trong lúc canh xe cho khách hãy trông coi nốt hai bàn kia để tôi thu dọn chuồng nhốt gà, nhiệm vụ hằng đêm của tôi trước khi ngồi ăn khuya với mọi người. Quán rộng mà người ít, từ khi quán đóng cửa cho tới hai giờ sáng, hầu như bọn người làm chúng tôi chân không bén đất để sau đó, khi chỉ còn ba đĩa xẹt-via trên nền gạch tầng dưới, chỉ kịp nhét mớ tiền boả đủ hạng vào gối nằm cho chúng tôi ngã lăn ra như những cái xác.

Qui chạy xẹt vào dúi cho tôi chiếc đĩa đựng tờ hóa đơn: “Ra đi mẹ! Mấy cha già lè nhè biểu cô em tóc dài mới cứng kia ra mấy chả mới chịu tính tiền”. Linh cảm đàn bà con gái khiến tôi thấy sợ nhưng ông chủ đã đứng án ở cửa hông và Long cũng đã đến từ phía sau ra hiệu cho tôi hãy làm phận sự. Tôi không có con đường thứ hai. Tôi đi chậm chậm, muốn được nguyên rửa nhưng thật ra cũng không biết nguyên rửa ai, tôi trình nguyên tôi thơm lành, tôi vào đây không phải vì tiền, hẳn thế, sao tôi phải chịu đựng vô điều kiện cái bọn rửng cuồng này?

Tôi đặt đĩa xuống bàn bằng hai tay như nội qui,

nhớ rằng không được dùng dằng không được ụ mặt không được cứng nhắc mà phải là một con lươn mềm mại, đó là những lời dặn của bà chủ hôm tôi xin việc và tôi đã cam kết bằng nhiều cái gật đầu mà phía sau tôi là tổ chức, nhân dân và cuộc kháng chiến đang cần cố gắng của từng người. Bốn lão già từ bốn phía đưa mắt háy nhau rồi cùng chăm bập nhìn tôi và cùng ngã bặt ra cười hô hô. Tôi cúi đầu chịu đựng, bấu mười cái vuốt vào lòng tay để tự trấn áp, này, hai vỏ chai rượu đều trong tâm tay tôi, liệu đó! Nhưng tôi mới lọt được vào đây, tôi không có quyền làm hư bọt hư đường, bọn đạn và dòn bót đã đẩy bật cánh phụ nữ ở cứ ra thành, tôi không có chỗ lùi vào chúng tôi phải dàn sẵn mạng lưới bí mật trong lòng đối phương, tôi còn là con của một liệt sĩ! Lão già có hai túi mắt rất kỳ dị ở bên trái tôi cho tay vào túi như thể đang kẹp tiền rồi vụt, lão ôm ghì lấy tôi dí mặt tôi xuống để ịn những cái ịn nhóp mỡ. Hình như tôi đã đấm túi bụi vào lão khiến lão cụt hứng, trong tiếng cười chế nhạo của đồng bọn, lão xô mạnh tôi ra. Tôi chạy thoát vào nhà.

Long bước ra, có học và nhiều tuổi mà vẫn độc thân, trong nhà chủ, anh là người theo sát và mềm mỏng với bọn tôi hơn cả. Giải thích xin lỗi năn nì, nhà hàng nào cũng phải hạ giọng như thế để giữ khách nhưng Long lắc đầu và trở vào tay không. Qui đang triệu bà chủ từ trên lầu xuống rồi họ, ông bà chủ và hai gã con trai từ tứ phía chiếu vào tôi đủ thứ

thất vọng và bực bội, còn tôi thì giống như con chó bị nhấn nước, ướt sũng, chán ngắt. “Chưa quen rồi sẽ quen em ạ - giọng Bảy Bếp xóc óc - tiền nào giá nấy mà em!” Một cái liếc đi kèm cạnh khóe cho Thúy. Cô nàng bị nói kháy hất rèm tóc được chăm chút mỗi ngày lên đồng dục: “Được, để Thúy này ra thay, thử coi có mang được tiền vào không!” Ninh rời đám khách Đại Hàn đi vào, bộ dạng và vẻ mặt nước đôi khôn ngoan rõ rệt, bà chủ đã ngồi vào chiếc ghế dựa như cái ngai ở lối đi giữa bếp mím miệng chờ xem. Giọng Thúy liền thoảng bồng trầm, tôi hình dung cô đang ra sức đong đưa và bàn tay điệu bộ múa may một cách kiên nhẫn, sẵn sàng cười ré lên khi khách cho tay vào nách nhưng cô chưa từng ra khỏi nhà hàng với ai, tôi biết rõ điều đó như tôi biết tôi vậy. Thúy quay vào ỉu xiu như cái bánh tráng nhúng, đi thẳng tới chỗ Bảy Bếp thả năm tiền lẻ của đám khách đùa dai lên mặt thớt: “Nhờ chị kháy mới có nó, tui thí cho chị đó”. “Được thôi!”, Bảy Bếp đập lại với sự trơ trẽn xứng đáng rồi lật áo nhét gọn mớ tiền vào lưng quần. “Long kèm con Thảo ra!” - mái tóc quấn cước của bà chủ dựng đứng lên khi bà hạ cái lệnh làm hai đầu gối tôi bủn rủn, bàn tay thẳng Qui thô bạo đập vào lưng tôi, tôi chỉ còn nước bước riu riu theo Long như là bị dẫn độ.

“Giới thiệu với quý khách đây là em Thảo - giọng Long nao núng đưa đẩy - Em ở dưới quê mới vô làm còn vụng về, có gì sơ suất xin khách bỏ qua cho”.

Sao tôi cảm hận đồng tiền và những gì xum xoe quanh nó đến thế! Các lão bợm tranh nhau đứng lên ngồi xuống khua khoắng mùi rượu và hành và chân và tay rằng đừng tưởng Vĩnh Tịnh là chó chi hả, rằng họ đã làm gì, hả, họ đã làm gì để bị nhà hàng treo ngược ở đây, hả, rằng hầu bàn đã coi thường đã bỏ lì khách ngồi chơi với muỗi giờ họ có quyền không trả tiền cũng không ra về nếu không có lời xin lỗi của người cao nhất! Thật là một màn trây trúa thành thạo rồi lão bợm ở góc phải bồng tóm chặt lấy tôi ấn tôi ngồi xuống đùi lão. Người tôi phùng phùng như lửa mà phải nghiêng răng chịu đựng bộ ria nhòm nhựa vờn quanh mặt mũi nhưng, khi đôi tay quỷ sứ ấy bắt thân vò mạnh hai trái ngực tôi thì tôi tát một cái tát có thể làm bỏng như bản mặt lão và chạy tốc vào bếp khóc bùng như một đứa trẻ.

Tình thế nghiêm trọng, đã vô cùng nghiêm trọng. Đám khách Đại Hàn dai nhách nghe ồn cũng tản ra sân chỉ trở xì xồ. Trong nhà bếp người ta gầm gừ dòn đuổi tôi đủ điều, cay cú nhất vẫn là bà chủ vì tôi không biết mở mồm mở miệng không làm mát lòng mát dạ khách không lựa thế lựa chiều và đã gây ra nguy cơ ế ẩm cho nhà hàng, nếu không biết điều thì... Tôi khóc không cầm được, hỏi cha chết tôi chưa biết gì nên không khóc nhiều, tôi khóc vì sự cô độc chưa từng có và lần đầu tiên tôi nghe được mùi vị bùn lầy cái thân con ở. Tiếng giày đi vào và dừng lại bên tôi, tôi đã sẵn sàng hai nắm tay và cả hai hàm

rằng, tôi sẽ rời khỏi quán này tôi định ninh thể, nếu tổ chức vẫn muốn giữ tôi trong thành tôi sẵn sàng làm thợ phụ tiệm uốn tóc, còn như họ có ý để tôi trở thành tấm gương liệt nữ với một tiếng nổ bất tử thì tôi sẽ xin chân rửa bát ở một nhà hàng hoặc hotel nào đó. bỗng nhiên một bàn tay đàn ông dịu dàng quàng lấy vai tôi, tôi nhìn thấy đôi trông kính lấp lánh bất ngờ. “Thảo, đi ra với anh - Thuận ân cần - không việc gì đâu, đừng sợ! Long, anh có gan để mất đám khách chuyên đục nước béo cò đó không?” Ông bà chủ làm thinh, thâm tâm họ đang làm cái việc chọn lựa giữa vị khách hàng tuần thanh lịch này với đám già thất thường nhưng xài đậm ngoài kia. Tôi đi bên cánh tay Thuận như phải dìu, Long, Qui và cả Thúy cũng ra theo bằng đường cửa chính rồi nhập với Ninh đứng xa xa đóng vai khán giả. Giáo Nhiều cũng thả chân sang với chúng tôi, tay vòng rế trước ngực thông dong tự tại như con nước nhúng.

Cho hai tay vào hai bên quần, Thuận rút ra hai nạm tiền đặt chồng lên tờ hóa đơn, cao giọng: “Nếu các vị hết tiền thì đây, đừng sĩ diện!” tôi thấy Nhiều bụm miệng để khỏi bật cười, không khí và nhân vật anh chị này quả có hơi hóm điện ảnh Hollywood. Các lão bợm lạng đi một chút, lão ria xôm e hèm: “Chơi trội hay dạy đời đây, con?”, lão mắt túi thịt ồm ồm: “Ngữ chú em còn hoi sữa lắm!” và một lão nữa hét tướng với Long: “Ê, chú trẻ, tay đang gồng máu gãi lên là ai đây, ta?” Ngoảnh nhìn đám khách ngoại

quốc đang dần bộ mặt khủng khiếp gần đó, Thuận thu lại chỗ tiên, bộ mặt chán phè: “Nhưng mà các chú bác đừng để cái bọn kia coi thường mình là dân cỏ rác chớ!” Hai lão rững nhất ngó xuôi, chỉ mình lão vừa đòi tra lai lịch Thuận gầm ghè: “Thì chú mày cứ danh tánh ra để các ông xem là cỏ hay rác!” Thuận nhìn sang Nhiều, hai người trao đổi tín hiệu gì đó, tôi thấy Thuận như đang phải gồng lên với cái vai hết sức bất đắc dĩ nà: “Xin thưa các chú bác, tôi Thái Thuận thư ký tòa hành chính tỉnh, được chưa?” Lão thứ tư trông bị thệt nhất phẩy bàn tay búa: “Trưởng gì, ở tòa nào thì cũng máu thầy ký thầy đề tranh ăn mỗi cái hén!” Thuận nghiêm mặt không nói không rằng bước trở về phía bàn mình. Những chuỗi cười đắc thắng đuổi theo anh. Nhưng họ đã im bật khi thấy anh quay lại với cái ghé, vì chiếc ghé nên bước đi của anh trông vát vả, bấy giờ tôi mới để ý thấy chân trái của anh là cái chân gỗ. Tôi không nghĩ anh giở quẻ cùn ra với bọn già thú thân mất nét kia mặc dù họ đang nghĩ đến và đã đặt sẵn tay vào ghé chờ, nhưng thật sự tôi cũng không hiểu anh sắp giở trò gì. Anh đặt ghé ngay ngắn rồi ngồi xuống từ từ tháo một bên giày, xong, anh như một nhà ảo thuật, anh đặt lên giữa bàn ăn cái đoạn chân cứng đờ hồng hồng kinh khiếp. Bọn họ xô ghé nhảy giạt ra, miếng đòn này ngoạn mục thật, một tay anh cầm cái bàn chân gỗ, tay kia thủ trong túi quần như sắp giở lên trái lựu đạn thường đi liền với hình ảnh ngổ ngáo của

đám thương phé binh tại trận, khúc chân này đủ tư cách nói chuyện với các người chưa?” Lão ria xồm nhanh trí chóng tới thả nắm tiền xuống mép bàn rồi đi thụt lùi khuynh khoang ra phía cổng, ba lão kia xanh mặt xanh mày nhón nhén bước theo sau. Đám khách nước ngoài xò lên cười rồi cũng tản bộ về chỗ khách sạn gần đó. Thăng Qui nhảy bổ tới: “Bộ anh Thuận có lựu đạn trong túi quần thiệt hả, hoan hô, hời hợt như trong phim vậy ta ơi!”. Long bước sải đến thở phào rồi rít bắt tay Thuận để cảm ơn, Thúy nghiêng nghiêng đi lướt lên cầm ngay mớ tiền và tờ hóa đơn: “Xin phép xếp Long, chỗ này nếu thiếu nhà hàng chịu còn nếu dư thì cho nhỏ Thảo hết, tối nay nhỏ bị một vỏ kính hoàng, ai bảo da em trắng tóc em dài anh Thuận há?”. Tôi đứng nép vào gốc cây như chịu phạt, tôi thấy Thuận cứ lắc đầu im lặng cười trừ khập khiễng đi qua, bàn tay anh phớt lên đầu tôi như một người thân: “Nín dút, tối nay ngủ ngon đi cô bé!”.

Thư viết cho người lãnh đạo giấu mặt tôi báo cáo rõ về Thuận, hứa dù tôi tệt thế nào cũng sẽ cố gắng nằm yên ở Vĩnh Thịnh. Lệnh xuống cho tôi: Nghiên cứu bám sát khai thác tiến tới giác ngộ đối tượng có lai lịch tâm trạng và sở thích hợp với điều kiện chúng ta cần.

*

Như thường lệ, Thuận đến cùng với Nhiều trên chiếc *đam* và nết phóng xe vào tận bàn đã hết sức

quen thuộc với tôi. Long chạy ra tay bắt mặt mừng, sau đó đích thân anh mang ra cho khách hai cốc Rémi Martin, kiểu uống trước nay của câu lạc bộ độc nhất vô nhị này. Tôi bước ra không mang tờ thực đơn cũng không cười nụ cười không phải của tôi, tôi biết Thuận không cần cả hai thứ đó và hình như có luồng điện khác thường khi chúng tôi nhìn thấy nhau, cái nhìn không phải của một cái lệnh một cái đình một con ốc trong cái guồng đang điều khiển sự tồn tại của tôi mà là của một trái tim lần đầu với một người có tên chung là đàn ông. Trông anh thật thâm trầm, cảm động. “Cho bọn anh bò lúc lắc với khoai tây chiên - Thuận nói với vẻ buồn buồn cố hữu - Thật ra không lúc lắc thì bọn anh cũng không biết làm gì cho hết cái thời này!” Quả là một tâm trạng đáng được tổ chức tôi vồ vập sẵn đón nhưng tôi đang lắng nghe nó bằng tám lòng trắc ẩn đàn bà. Khi tôi bung các thứ ra, Thuận nhờ Nhiều sang bàn bên nhắc thêm chiếc ghế bảo tôi ngồi, tôi cứ phá lệ rồi anh sẽ xin phép Long cho nhưng tôi lại không cho phép mình, tôi không muốn là cái gai trong nhà chủ. Mỗi khi tôi có việc đi lướt qua bàn anh, tôi đều nhận được cái nhìn thông cảm khích lệ, anh là một người anh một người bạn ghé qua chỗ tôi làm để nhìn thấy tôi chia sẻ với tôi những điều khó nhọc bằng sự im lặng nhẫn nại ân cần. Trước khi ra về, nếu thực hiện nếp ga-lăng như mọi người và như trước nay là để lại tiền boa trên đĩa cho xẹt-via chắc cả tôi và anh đều thấy

không ổn nên anh ngoắc tôi đến: “Đây - anh cầm lấy tay tôi thả tiền vào và áp tay anh vào đó - đây không phải chỗ thừa cũng không phải cho để em chung diện mà để bỏ ông về phụ giúp gia đình”, chả là tôi kể sớ dĩ tôi phải làm ở quán rượu vì nhà nghèo mà em út động. Nói theo công việc thì chừng như tôi đã tiến được một bước khả quan nhưng thật tình tôi không vui mừng, tôi không đủ vờ vịt để đánh bạn bằng trái tim công vụ, tôi linh cảm mối quan hệ này sẽ đi vào ngõ cụt và chỉ chuốc lấy nỗi buồn.

Những tôi chủ nhật chập chờn mong manh dịu ngọt. Trên nền gạch của nhà chủ sau hai giờ sáng Ninh và Thúy bắt đầu cãi nhau về tương lai của chúng tôi, một tương lai có bù trừ giữa cái chân gỗ nhưng cuộc sống ổn định của Thuận và cái nét na nhà lành nhưng nghèo khó của tôi. Ông bà chủ và Long im lặng một cách miễn cưỡng. Qui hay lè lưỡi và sà tới cặp tay tôi rồi đi khắp khiêng để giả làm Thuận và tôi trong cái đám cưới buồn cười, Bảy Bép thì như hăng hái hơn trong trò cạnh khỏe, bởi thị không hiểu sao bỗng dưng tôi được boa nhiều mà còn sắp được cả người sang. Tổ chức thì giục tôi phải báo cáo dần những hiểu biết của tôi về “đối tượng”.

Tuần đó Thuận không đến. Tôi đứng ngồi không yên ăn ngủ cũng không yên. tôi biết Thuận không còn là người anh người bạn như tôi cố tình đánh lừa tình cảm bấp bênh của mình. Rồi anh đến

không như lệ thường và cũng không có Nhiều ngồi phía sau, như lệ thường. Chuyện gì đã xảy ra? Chưa bao giờ tôi thấy anh thiếu não và mất tự tin như vậy. Mắt anh ngơ ngác thất thần sau tròng kính: “Bình Hưng, em có biết Bình Hưng là nơi trời đánh thánh vật nào không? Anh có việc phải về Phong Điền với ba má mấy ngày, trở lên thì thằng Nhiều đã bị gọi đi làm sĩ quan đặc cách văn hóa ở hành chính khu Bình Hưng. Chẳng gì nó cũng đi trừ bị Thủ Đức rồi, thì chạy chọt mãi rồi, vợ nó cũng hết hơi rồi, ừ, nếu anh có là thư lại tòa hành chính tỉnh thì nước non gì với quân lực của Vùng Bốn, đúng không?” Tôi biết khá rõ về Bình Hưng, đó không chỉ là nơi nước mặn muối bầy ở mạn Cà Mau mà còn là cái túi toàn bọn khát máu và vô học nhất nổi tiếng với trò mổ sống moi gan những ai là kẻ thù không may rơi vào lưới chúng, đó là địa danh ác mộng của dân kháng chiến miền Tây. Chắc Thuận không thử thần kinh tôi, không lẽ nào, tôi thấy anh thật sự kinh hoàng và bơ vơ trước biến hóa thời cuộc, anh ngồi đó một mình một bàn với chiếc ghế trống đối diện, mỗi khi tôi rảnh rỗi để dừng lại thì anh bật lên rằng thế là xong một cuộc chơi xong một cuộc đời anh linh cảm thế đó, ôi những thằng bạn những thằng người tốt nhất trần đời đã bị tia dần rồi sẽ là những kẻ chân rươi để suốt đời bị thương hại hay là sẽ không có cả cái may chân rươi mà cà nhắc trở về? Rồi xẹp dí trên ghế như quả bóng hết hơi không

uống không động đũa, anh ngồi bó tay nhìn dán theo bước chân tôi như là bị bỏ rơi trong xó tối.

Từ đó tối nào Thuận cũng phóng xe đến để nhìn tôi xem tôi đi lại bung bê phục vụ khách và chờ tới khi tôi được ngồi ăn với anh cái gì đó trước khi quán đóng cửa. Rồi cái sự kiện cả anh và tôi hằng lo nghĩ cầu mong nó đừng đến đã ập đến, bất ngờ, chóng vánh tàn nhẫn như mọi thứ từ súng đạn, đó là tin giáo Nhiều bị tử nạn trong trận pháo kích của đôi phương vào Bình Hưng. Tôi đã từng thấy vợ khóc chồng, đó là má tôi khóc ba tôi; từng thấy con khóc cha, đó là nước mắt của chị em chúng tôi; từng thấy cha mẹ khóc con trẻ, đó là lá vàng khóc tiếc lá xanh; từng thấy đàn bà khóc đàn bà, đó là cánh phụ nữ ở cứ chúng tôi khóc bè bạn của mình và bây giờ, tôi thấy một người đàn ông khóc một người đàn ông, giữa ánh điện tiếng nhạc trời đêm hương cognac và thuốc thơm, tiếng khóc, đúng hơn, những giọt nước mắt ghen ngào sau vẻ yếu đuối của đôi tròng kính như nước luôn trong đập, lặng lẽ thâm vụng chân thành và lạc lõng. Chúng tôi ngồi bên nhau tối đó và không biết bao nhiêu là tối nữa, ngần ngợ bé tắc với sự ẩn hiện ma quái của chiến tranh, chiến tranh luôn có mặt bên chiếc ghế cái cốc và cái chén đôi đũa chúng tôi dành cho Nhiều, chiến tranh trong tiếng pháo và đàn bò và những sinh linh trong ca khúc da vàng của Trịnh Công Sơn và Khánh Ly đêm đêm

vọng ra từ chiếc máy côi, chiến tranh trong chiếc chân rỗ làm thành vẻ mặt cảm thiên miên của Thuận và chiến tranh trong cái nhìn trong câu hỏi không thể trả lời: Thực chất em là ai, thực chất em từ đâu đến từ đâu ra hử Thảo?

Tôi là ai? Quả tình không phải lúc nào tôi cũng dễ dàng nhớ ra tôi là ai. Quả tình nhiều lúc tôi chỉ muốn gào to lên rằng tôi không Thảo không hầu bàn không thù riêng không nợ nước, tôi là thân phận trôi giạt và đang trôi cùng tôi là một thân phận khác, chúng tôi luôn có nỗi buồn và những giọt nước mắt giống nhau, chúng tôi nhỏ nhoi thường tình yếu đuối như mọi người đàn ông đàn bà trên đời.

*

Một buổi trưa, lúc đó thường nhà hàng chưa mở cửa, một cô gái cứng tuổi hơn tôi và nèn nã như mọi cô gái miệt vườn đi xích lô đến Vĩnh Thịnh tìm tôi. Lại tin chẳng lành: Thuận bị ngã xe phải vào viện và người đưa tin chính là Hòa em gái anh. Chúng tôi cùng đến chỗ Thuận, sách báo và họa phẩm vung vãi trên giường, không đeo kính trông anh chẳng còn chút sinh khí nào, một chiếc gạt nằm chéo dưới cằm và anh nhắm mắt khi cúi nhìn cái chân gỗ nằm lẩn lóc trên nền gạch. Tôi ngồi xuống bên anh, anh co chân phải trong mèm và áp tay tôi lên đó: “Vết thương xoàng nhưng tổn thương thêm đầu gối què.

Anh không muốn em nhìn thấy cái chân anh trong tình trạng thê thảm này. Hy vọng hồi phục được bánh chè để rồi còn đeo em dung dăng dây đó - Anh nhìn ngược lên cô em gái - Chị Thảo có đúng với hình dung của em không Hòa, em có thấy thật là uổng phí khi chị Thảo suốt ngày bưng bê cho người ta bêu gheo không? Nhưng chị là người độc lập mà có hiếu, biết làm sao bây giờ hả Hòa?

Trong khi anh em nhà họ cố tạo không khí tự nhiên để Thuận khóa lấp mặc cảm thường trực vì cái chân gỗ thì tôi chiến đấu với tâm trạng của tôi: tình yêu giả để nhiệm vụ thật hay là tôi phải thú nhận với tổ chức và tháo chạy khi tôi còn chưa là gì với gia đình ấy? Sao tôi thương bản thân tôi mà lại còn thương anh, thương nữa cái chân tàn bại dưới tấm mềm và muốn được vòng tay ôm hết thảy mọi người? Em gái anh ý tứ bước ra, không gian trắng khoảng cách trắng và hai con người giữa không khí yêu thương yếu mềm, anh bỗng thổ lộ cầu xin và vờ vời với tôi một tương lai bông bột, rồi lần đầu tiên anh kể về cái trận cái nơi anh thiếu úy đại đội trưởng mới bóc tem từ trường võ bị đã phải đền ngay một khúc chân trong một cuộc càn có nhà cháy trẻ con chết và phụ nữ bị hiếp, anh bảo anh không thể quên dư âm thừa mứa của súng đạn và tiếng cửa xiết vào

(1) *Cố ở làng Thượng xếp bốn người một mâm.*

xương anh, tiếng đoạn chân vô dụng bị ném vào cái xô, tiếng nước mắt anh nuốt vào lòng đêm đêm để má anh tưởng chỉ có mình bà mới đau khổ dai dẳng nhất. Tôi nhắm mắt lại, âm thanh và mùi vị chiến tranh tôi nào có lạ nhưng trước nỗi đau của một người như con người này, có cần tồn tại giữa chúng tôi đường biên khắc nghiệt nào không? Ấy là tôi đang nghĩ bằng trái tim ừ thì nhi nữ thường tình, bằng không, tôi sẽ phải đóng kịch như thế nào và bao lâu để lôi kéo được anh nhảy sang cùng phía với tôi nếu tôi làm được việc đó? Tôi thương anh vô cùng, và tha thiết muốn anh được đứng bên lề, anh cứ việc đứng bên lề với cái chân rưỡi ấy, dù gì anh cũng đã đưa đầu vào cuộc, nói theo cách nói của chúng tôi thì anh đã phải trả giá cho tội nợ của mình.

Những ngày sau, trưa nào tôi cũng đến bệnh viện với anh, tôi dìu anh ra sân để ngắm các cô y tá đánh giày cao gót và áo blu kiểu váy đầm, nghe anh kể về gia đình về mảnh vườn và thời sinh viên luật niềm hy vọng của ba má, về quân trường cái thân lệt và tâm trạng lông bông vô định trước khi chưa gặp được tôi, những buổi trưa đã cho tôi biết thế nào là tóc là vai của người đàn ông trên ghế đá. Nhưng anh không hề biết rằng tôi đã được lệnh về cứ nằm chờ “nếu như Vĩnh Thịnh không thuận lợi và không tiến thêm được bước khai thác hay tuyên truyền gây dựng gì ở đối tượng”. Chắc có những đôi mắt khác đã bí mật kiểm tra tôi.

Tôi báo cho nhà chủ trước có một ngày, làm như tôi chỉ có mỗi lý do là chạy khỏi tình yêu không môn đăng hộ đối với Thuận. Ông bà chủ tỏ ý thương hại, Long khuyên tôi hãy suy nghĩ, theo anh nhà Thuận có ăn có để và anh là con cứng thật nhưng con trai họ phải vào lính chắc họ chẳng thần thế ghê gớm gì, hay tôi sợ cái nạng gỗ trong nhà? Thằng Qui quen thói trững giỡn cứ bám lấy nhìn áp vào mặt tôi khua chân múa tay và sờ trán để xem tôi có ấm đầu không mà đi dút bỏ một người như Thuận. Trong đám người làm Ninh giữ thái độ nước đôi quen thuộc, Thúy te tát mắng tôi ngu dại coi chừng cô nàng nhẩy xổ vào thế chân thì đừng tiếc và Bảy Bếp được dịp nhúng trề: “Đũa mốc với mâm sơn, sao không ăn đại một miếng biết mùi rồi hăng chạy, cô em?”

Tôi ra bến xe trên chiếc vespa Long tình nguyện đưa giúp. Đường về cứ trùng trùng với hướng huyện nhà mà cũng là đường về quê cô Thảo trong căn cước giả nên tôi không phải quanh co với Long. Từ sáng sớm, thông lĩnh bầu trời và đường phố phủ phủ đầu não Vùng chiến thuật Bốn trước hiệp định Paris là cường độ chiến tranh trong tiếng máy bay đủ loại xuống lên sân bay Trà Nóc và xe pháo cùng các loại động cơ phục vụ cuộc ăn thua. Tôi lên chiếc xe đồ năm mươi hai chỗ, kín đáo đưa mắt chia tay với tất cả, cuộc chiến dài như nghệt thở mà tôi thì quyết không trở lại đây cho dù tổ chức có yêu cầu, đơn

giản vì Cần Thơ quá bé mà tôi thì không trốn được Thuận và không trốn được chính tôi. Xe còn trống, Long dặn tôi chờ để chạy đi mua gì đó bảo là quà, là món quà bất ngờ của riêng anh dành cho tôi.

Và bất ngờ thật, anh đã phóng vào bệnh viện, sau anh là Thuận với vết thương còn chưa đi chân giả vào được. Tốt, được nhìn thấy nhau hóa ra vẫn đàng hoàng hơn. Thuận đứng bên hông xe với chiếc nạng gỗ, như cái cây bị nhóm khỏi đất, xanh rữ và sẵn sàng nguy cơ ngã xoài ra, anh cúi đầu chịu đựng sự thua thiệt rằng vậy mà anh đã quyết chịn chu lại bằng nghề luật, anh xin lỗi tôi vì anh chẳng thầy ký thầy để ở tòa nào, chả là anh mượn danh của thằng em song sinh để dọa các lão già đạo đó, anh đánh liều vì tôi chứ cái thân tàn của anh thì công nào sở nào chịu nhân, rằng dù tôi có tàn nhẫn với số phận của anh bằng cách bỏ lửng anh như vậy nhưng anh xin, xin được một ngày nào đó tìm đến nhà tôi qua địa chỉ mà Long đã ghi được từ thẻ căn cước! Anh nắm tay tôi qua cửa sáo, ánh mắt tuyệt vọng sau tròng kính, im lặng đau đớn trong vẻ uất hận chắc là ghê gớm lắm.

*

Ít lâu sau ngày tiếp quản thành phố, một lần, không hé ra với chồng, một mình tôi tìm lại ngôi biệt thự từng có tán ngọc lan ngậm ngùi của riêng tôi. Vật đổi sao dời nhanh như mọi cuộc biển dâu,

Restaurant Vĩnh Thịnh đã biến mất, giờ nó là nhà riêng của một vị lãnh đạo cấp cao, chỗ đặt chuồng nhốt gà để làm hàng, dây sân và những chậu cảnh còn đó nhưng người đứng sau cổng rào cao ngất là cô gái quê. Cô ta áng là cháu chút thật hay người làm đóng vai cháu chút hếch hạc bảo cải tạo tư thương rồi, chủ cũ đi đâu ai mà biết! Tòa hành chính ngục quyền tỉnh cũng đã biến mất, những người cũ trong đó không được may mắn lưu dụng, em trai Thuận ở đâu trong cơn lốc ghê gớm vừa rồi? Làng thương phế binh ngục tan như lục bình gặp lũ, những khu gia binh cũng đã biến thành chỗ ở của những người thắng cuộc, tôi đạp xe giữa Cần Thơ thanh bình nhưng vẫn không quên được dư âm của những ngày đau buồn hồi đó.

Thế là không sao lần ra dấu vết của hạt bụi tạt nguyên ấy, một hạt bụi đã từng rơi vào mắt tôi và đã cam phận trong bóng tối cho dù thỉnh thoảng nó vẫn làm tôi đau xôn và không dứt ra được. Một hạt bụi, phải, gió máy và năm tháng, một hạt bụi sứt sọc như thế thì chống chọi thế nào và đã bị cuốn tận đâu đâu, làm sao biết được lần ra được mà tìm!

Kim Giang tháng 4-1997



DƯƠNG DUY NGŨ

Họ và tên: **Dương Duy Ngũ**

Ngày tháng năm sinh: 10.7.1943

Quê quán: Quốc Oai, Hà Tây

Nghề nghiệp: Biên tập sách, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Tập thể Thanh Xuân Bắc,
Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Sắc trời, Làng gỗ, Rước chữ, Hai cụ thượng làng, Người trồng địa lan, Lộc gởi, Tướng quân, Chú em tôi và họ, Mặc Phú Xuyên...*

Các giải thưởng văn học: Ba lần giải thưởng Văn học Hội Nhà văn Việt Nam cho các tập: *Rước chữ* (1998); *Người trồng địa lan* (2000); *Người giữ đình làng* (2001).

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Cốt truyện, tôi đã được nghe cha tôi kể từ hồi còn nhỏ. Đó là tình yêu éo le của bác lục điền làm ruộng cho nhà chùa và chú tiểu. Nhưng chỉ viết về tình yêu éo le như thế thôi thì chả khác gì những truyện: *Mùa tôm, Lan và Diệp, Tiếng chim hót trong bụi mận gai...* mà nhiều nhà văn đã viết, mãi đến đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, tôi đi công tác, không may xe chết máy. Trong làng gần đó lại có cái đám ma. Chúng tôi vào xem. Tôi được chứng kiến phong tục những người yêu thầm, nhớ vụng không lấy được nhau mà mỗi tình này phải là cả làng không ai hay biết, thì khi một trong hai người héo sũa, người còn sống sẽ đem một dải lụa hồng vắt qua quan tài. Thế là tôi viết truyện ngắn dải lụa. Ngẫm lại vẫn thấy là gởi cho hưởng lộc. Nếu cái xe không chết máy, nếu không bắt gặp trong làng có đám ma. Thế chả phải là gởi run rủi cho ư?

DẢI LỤA

Ông cụ Vạn ở xóm Giếng héo sữa rồi.

- Sao cụ ấy về dễ dàng thế. Chiều hôm qua tôi còn gặp chặn bò trước cửa chùa Hoa Đào.

- Thế mới gọi là *tiên cảnh ngàn thu*. Ông cụ đi như đi ngủ. Mười giờ đêm còn ngồi xem phim Tam Quốc diễn nghĩa. Cứ tám tắc khen cái đoạn Tào Tháo và Lưu Bị uống rượu luận anh hùng. Một lúc sau kêu tức ngực, lên giường nằm, thế là đi luôn.

Chuyện cụ Vạn quy tiên chỉ một lúc sau đã lan truyền khắp làng Thượng.

Nghĩa tử là nghĩa tận, bà con làng xóm, họ hàng nội ngoại đều xếp sắp công việc đến chia buồn với gia đình người quá cố và tiễn đưa linh cữu đến nơi an nghỉ cuối cùng, đào sâu, chôn chặt, mồ yên mả đẹp.

Ở làng Thượng từ xưa, không ăn uống, rượu chè trong đám hiếu. Các cụ bảo, người than khóc sầu não về nỗi mất mẹ, mất cha, kẻ ngồi chè chén còn ra làm sao nữa! Nhưng làng cũng có lệ sau khi phát

tang, thường lưu giữ thi hài người quá cố, nhất là người cao tuổi, con cháu đề huề, ở trong nhà một đêm để kèn trống và để họ hàng, bằng hữu xa gần phúng viếng. Gần đây lại phục hồi tục: Khi sinh thời yêu ai sâu sắc thì lúc về cảnh tiên, người bạn tình kia đến vĩnh biệt và đặt ngang quan tài một dải lụa hồng. Ngày xưa, con gái lấy chồng, con trai lấy vợ là do bố mẹ sắp đặt. Còn yêu nhau, *bởi phận tơ hồng trời xe*. Ý trời hẳn phải hơn ý người. Nhưng đến khi một người sang cõi vĩnh hằng, người còn lại mới dám công khai. Điều đó, khiến người đời thêm tò mò, phỏng đoán.

Có người đến viếng ông cụ Vạn xong, còn ngó vào tận linh cữu xem đã có dải lụa hồng nào chưa. Và khi quay ra, họ lắc đầu, bảo:

- Quan tài còn trống lăm. Tịnh chưa có một dải lụa nào. Cái đám này buồn bỏ mẹ. Chả bù cho đám bà Lý. Vừa đúng ba cỡ dải lụa hồng nhé.

- Bì thế nào được với bà ý. Bà ấy đẹp người đẹp nét, nên nhiều ông mê là phải.

- Bà Na chả đẹp ư? Vậy mà khi hết cơm hết gạo chả có một dải lụa nào. Con cháu cứ buồn thiu.

- Cái bà ấy lúc nào cũng cay cây, cay cây, có ma nó mê. Lấy được chồng là may. Đẹp thế, đẹp làm gì.

Con cháu bà Lý có mặt trong đám ma cụ Vạn có vẻ tự hào, mãn nguyện về mẹ, về bà mình lăm. Họ tự hào, mãn nguyện là phải. Họ đã đón tiếp những

người bạn tình của mẹ mình niềm nở, trân trọng và biết ơn. Bởi những người ấy, đã dám vượt lên mọi hoàn cảnh để đến với mẹ mình thật đúng lúc.

Người đời thật là. Sinh thời, chúa ghét chuyện gió trăng. Rồi ghen tuông, oán hờn, thù giận tình địch của mình. Vậy mà khi người thân ra đi, lại cảm thấy tủi phận, trống vắng nếu như trên nắp quan tài không có lấy một dải lụa hồng. Người ta bảo nhau, ông ấy, bà ấy phải là người trai tài gái sắc thế nào mới được nhiều người yêu đến thế. Tục ở làng Thượng, người nào càng giữ chặt được mối tình của mình ở trong lòng đến lúc nhắm mắt xuôi tay, con cháu mới biết thì tình yêu ấy mới thực sự cao quý, thiêng liêng. Còn để lộ ra, làng biết cả rồi, còn mang lụa đến làm gì nữa.

Phải giữ được bí mật như ông Dinh, xóm Đình mới tài. Trước khi cải tạo tư thương, ông Dinh làm chủ ba quả lò vôi. Ông ngược xuôi bán vôi khắp Hà Nội, Sơn Tây, chả có điều gì. Khi sắp lâm chung, ông Dinh mới chỉ chỗ cho vợ con đào hai cái hầm tích lên, bảo: “Số vàng này đã chia theo di chúc. Cúng ba ngày xong mới được thực hiện. Và phải điện khẩn cho người này, người này...”. Bấy giờ vợ con mới vỡ lẽ, ông có ba người tình. Vàng chia cho vợ, cho người yêu và các con trai con gái như nhau. Khi linh cửu ông Dinh còn nằm trong nhà, có hai bà người Hà Nội về vắt hai dải lụa lên. Còn bà ở Phú Thọ, mãi hôm cúng

ba ngày, mới tắt tuổi đem dải lụa vắt qua năm mộ... Di chúc ông còn nói rõ rằng sở dĩ ông có được bấy nhiêu vàng là nhờ vào công sức của tất cả các bà.

Trở lại chuyện đám ma cụ Vạn.

Gần như cả buổi sáng hôm sau, chốc chốc lại có người làng Thượng ghé vào linh cữu. Người sau theo người trước, họ lác đác quay ra. Điều đó, khiến vợ con cụ Vạn tủi thân lắm.

Những người đi đào huyết đã về. Xóm làng rộn rịp chuẩn bị đưa cụ Vạn đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Giữa lúc đó, một người trung niên, mái tóc lốm đốm bạc, ăn mặc kiểu thành phố, vét-tông màu đen, đeo băng tang đen thong thả đi vào sân. Trông cặp mắt, bước đi đều tỏ ra điềm tĩnh, tự nhiên. Ông cung kính cúi chào bà con, đứng theo nghi lễ làng Thượng, rồi không phải hỏi thăm ai, bước tới trước mặt người em ruột cụ Vạn, chấp tay, cúi đầu, nói nhỏ mấy câu. Ông cụ mở tròn mắt nhìn người khách lạ, rồi gật gật đầu. Bấy giờ khách mới từ từ đi vào bên linh cữu, nhìn rất lâu vào gương mặt vàng bệch của cụ Vạn qua tấm kính. Đoạn người khách gục xuống quan tài, đầu đón kêu lên một tiếng như vỡ ra tự trong tim:

- Bố ơi!

Người làng Thượng chăm chú theo dõi từng cử chỉ của ông khách chưa một lần xuất hiện, cùng thốt lên:

- Con cụ Vạn.
- Thảo nào, tôi đã nghi nghi từ đầu.
- Trông cũng nhang nhác giống cụ Vạn.
- Giống như hai giọt nước, chứ nhang nhác gì.
- Không phải hỏi thăm ai mà biết cụ Thọ là chú ruột mới tài.
- Mẹ của ông ấy còn hay mất mà không thấy nhỉ?

*

Mồ cô cha mẹ từ bé, anh em ông Vạn mỗi người phiêu dạt một nơi mãi sau ngày giải phóng Điện Biên, mới gặp nhau. Ông Thọ bị mẹ mình đem lên mạn ngược bán cho người Thổ. Rồi tham gia quân đội, chiến đấu ở vùng Thượng Lào.

Còn ông Vạn đi ở chùa Hoa Đào. Đó là một ngôi chùa nhỏ nằm ẩn mình dưới chân núi Phụng Hoàng, một quả núi đá vôi cao chót vót và có nhiều hang động thuộc địa phận làng Cả, cách làng Thượng một cánh đồng. Xung quanh chùa trồng toàn đào ăn quả. Mùa xuân về, hoa đào thắm hồng một sườn núi. Lúc còn nhỏ, Vạn trông coi vườn đào, quét chùa, chăn bò. Lớn lên, Vạn trở thành lực điền của nhà chùa. Năm ông ngoài hai mươi tuổi, sư cụ trụ trì có thêm đồ đệ mới. Chú tiểu nữ, có dáng người tầm thước, da trắng như trứng gà bóc, đôi mắt lóng lánh luôn luôn nhìn xuống. Chú sáng dạ, chăm làm, thông

tổ kinh Phật, thuộc lâu *chư kinh* nhật tụng, lại giỏi việc nhà, thạo việc đồng áng, từ xay lúa, sàng gạo, đến tát nước, nhổ mạ, cấy, gặt, hái rau. Nhiều trưa, tiểu không nghỉ, xay âm âm mấy thúng thóc liền. Có hôm thóc hết tự lúc nào răng cối va vào nhau sần sật, thớt trên rung bần bật như lên đồng mà chú vẫn mãi mê... không ai biết tiểu là gái Hà Thành, tên gọi Hoàng Tú Oanh, sinh trưởng trong một gia đình buôn bán giàu có, được dạy dỗ, học hành chu đáo. Mười sáu tuổi, bố mẹ cho cô đi tu. Bởi đi xem ở đâu người ta cũng bảo số cô nặng căn lắm, lại đào hoa bạc mệnh, nên phải gửi thân ép xác cửa thiền. Cô được gửi gắm người cô họ đang trụ trì chùa Vân Hồ, một chùa lớn bên hồ Bảy Mẫu, phía nam Hà Nội. Ba năm sau, sư cụ Vân Hồ thấy mỗi ngày tiểu một đẹp rực rỡ, sợ để ở chỗ Hà Thành đô hội, thường ngày tiếp xúc với biết bao giai nhân, tài tử thì khó mà ép xác cho tròn quả phúc, bèn gửi cho người bạn đồng đạo ở chốn thôn quê hẻo lánh.

Ở chùa đã khổ hạnh, chùa nghèo, chùa nhỏ ở chốn thôn quê còn khô hạnh bội phần. Quanh năm chỉ có cơm gạo cũ với rau muống già chấm tương.. Thỉnh thoảng có bữa “cá” kho. Đó là những quả mướp đắng, cắt khoanh, om tương. “Cá” nhà chùa, ăn đắng từ trong ruột đắng ra. Thoạt đầu tiểu Oanh nôn mặt xanh, mặt vàng. Sau rồi quen đi, lại thấy ngon. Con gái tuổi dậy thì, ăn bao nhiêu cũng chẳng biết no, nhịn vài bữa cũng không thấy đói, ăn khổ

mấy vẫn thấy ngon miệng. Cơ thể tiểu Oanh cứ rùng rục, rùng rục như bốc lửa. Lửa bốc từ trong lòng bốc ra. Thức thâu đêm, đọc bao nhiêu kinh cũng không dập tắt được. Nhiều đêm lửa còn thiêu đốt cả kinh kệ, chữ nghĩa nhà Phật. Tiểu Oanh bỏ kinh đi xay lúa giã gạo. Càng xay, càng giã, lửa càng bốc cao. Ba bốn giờ sáng, trời lạnh cứa da, cứa thịt, tiểu Oanh lội xuống ao vớt bèo, những mong cái buốt rét giá thấu xương dập tắt ngọn lửa lòng đi...

Sư cụ và các vãi vẫn thầm khen tiểu Oanh chịu khổ xác. Chăm làm như anh lực điền Vạn cũng lắc đầu, không sao theo kịp tiểu Oanh.

Năm ấy, mùa hè, anh Vạn bừa mấy thửa ruộng ở phía sau chùa. Đi vòng vài trăm bước qua đầu núi là về đến “nhà”. Nhưng nhà chùa riết việc. Về chùa dènh dàng sợ nghỉ lâu. Trưa nào, tiểu Oanh cũng mang cơm cho anh Vạn. Tiểu không bao giờ gọi, chỉ lặng lẽ để cơm vào chỗ cửa hang hình khum khum tựa mái chòi, nơi anh lực điền vẫn nghỉ trưa, rồi lội xuống ao múng ở sát chân núi, cặm cụi hái từng ngọn rau già. Anh thợ cày ngẩng lên thấy tiểu anh hái rau, biết đã có cơm. Anh cho trâu xuống một cái chuôm gần đó cho nó đằm, còn mình thì rửa chân tay, lên hang ăn cơm.

Trưa hôm ấy, nắng chết cá. Anh vừa bừa, vừa vớt được bao nhiêu là cá, là cua. Anh chỉ dám cho trâu đằm một lát, rồi dắt lên hang cho nó nghỉ. Vậy

mà tiểu Oanh vẫn cầm củi hái rau. Ngọn rau vừa bứt khỏi tay đã héo rầu rầu. Rau đã già lại héo thế kia thì răng nào nhai nổi. Chỉ khổ tiểu và mấy người thợ cấy, thợ cày. Anh Vạn đánh bạo gọi:

- Nhà chùa nghỉ tay một lát đã. Rau già lại héo, răng chúng tôi không dứt nổi đâu.

Chẳng rõ chú tiểu có nghe rõ không mà chẳng hề có hồi âm. Anh Vạn lại gọi. Tiểu vẫn mãi mê hái rau. Anh Vạn đâm lo. Khéo tiểu say nắng, gục xuống thì chết mình. Sự cụ quả trách biết nói thế nào. Thế là anh lực điền đâm liều. Anh lội ào xuống ruộng muống, cầm tay tiểu vừa kéo lên bờ vừa nói:

- Nhà chùa muốn chết nắng à?

Lần đầu tiên, anh thợ cày nhìn trực diện vào gương mặt, vào cặp mắt tiểu Oanh. Chao ôi, nó cứ bùng bùng, như thiêu như đốt anh. Chẳng hiểu do nắng lửa, hay do anh cầm vào cổ tay tròn lẳn của tiểu mà cặp mắt, đôi gò má tiểu bùng bùng như thế.

Tiểu Oanh ngồi thụp xuống cửa hang, thở dốc từng hơi dài, đôi bờ vai rung lên. Anh lực điền sợ lắm! Tiểu Oanh cảm thật rồi, hơi thở nóng như hơi lửa. Anh thì thầm:

- Tiểu ốm rồi. Để tôi đưa về.

Anh lực điền cúi xuống cầm cánh tay tiểu định đỡ tiểu đứng dậy. Chợt tiểu giật bắn người, toàn thân co rúm lại.

- Đừng động vào người tôi. Đừng động vào người tôi.

Nhưng lúc ấy, anh thợ cày đã cảm thấy trong lòng rạo rục. Anh trở nên liều lĩnh, bất cần và hành động hoàn toàn theo bản năng sai khiến. Đến lúc anh cảm thấy cái hang đá chao nghiêng ngã, thì tiểu bắt thần kêu:

“Ồi! Mẹ ơi, con chết mất!” Rồi tiểu lịm đi. Đôi mắt nhắm nghiền. Chân duỗi thẳng, hai tay dang rộng. Anh thợ cày sợ hoảng hồn. Mồ hôi vã ra như tắm. Chợt, tiểu mở mắt, mỉm cười:

- Anh đừng sợ. Không sao đâu.

*

Ba tháng sau, người làng Cả thấy vắng bóng chú tiểu Oanh. Các vải tò mò hỏi. Sư cụ trụ trì chùa Hoa Đào bảo:

- Tiểu Oanh về Hà Nội học thêm kinh kệ.

Dần dần, trong ký ức của mình, người làng Cả đã quên hẳn tiểu Oanh. Chỉ một vài người già sống cùng thời với tiểu là còn mang máng nhớ, cái năm sư cụ xây tháp xá lỵ, có chú tiểu ngoài Hà thành đẹp lắm về tu ở chùa làng mình, được vài ba năm thì chuyển đi nơi khác. Từ đó đến nay trải mấy chục năm rồi. Đã có mấy đời sư trụ trì ở chùa Hoa Đào. Nếu tiểu Oanh còn sống cũng phải ngót tám mươi.

Thực ra, tiểu Oanh được bí mật đưa về nhà bố mẹ đẻ, chứ không phải đi học thêm kinh kệ như cụ nói.

Sáng sớm hôm ấy nhà chùa sai anh lực điền Vạn đi tát nước ở mả cánh đồng Chắt, cách làng Cả phải tới năm dặm đường. Buổi tối, anh Vạn về không thấy tiểu Oanh đâu. Hỏi ai cũng lắc đầu không biết. Anh đánh bạo hỏi sư cụ. Sư cụ cầm miếng trầu quế ngang môi, bảo:

- Tiểu về Hà Nội rồi.

Anh hỏi tiếp:

- Bạch cụ, tiểu đi có lâu không?

Sư cụ bảo:

- Hỏi làm gì. Nhà chùa tha tội chết cho con đấy.

Anh lực điền Vạn sa sẩm mặt mày, tưởng đồ gục xuống như cây chuối hột bị một nhát dao sắc lẹm phát ngang gốc. Thảo nào, cả ngày hôm ấy, anh làm việc gì cũng hỏng. Ruột gan nóng cồn cào. Anh tát nước, liên tục va miệng gàu vào bờ. Anh làm cỏ, cây thường mọc không nhỏ, toàn nhỏ phải dành lúa. Mấy bà cùng làm với anh kêu trời kêu đất:

- Nhà chú phải để tâm vào chứ. Làm ăn thế này thì sư cụ đuổi bỏ.

Đận ấy, anh lực điền Vạn đổ ốm một trận tưởng chết. Hàng tháng trời, anh không ăn, không ngủ, cổ họng khô bỏng, đắng chát, ngực đau tức như có cái

cối đá đè lên. Mỗi ngày vuốt đầu, tóc rụng đầy kẽ ngón tay. Nỗi đau lặn vào lòng, không người chia sẻ, không người hỏi han. Anh tưởng được sống hạnh phúc một đời với tiểu Oanh. Hai người đã bàn nhau bỏ trốn. Tiểu Oanh bảo đợi đến cuối tháng, đêm tối trời, hai đứa cuốc bộ ra Canh Diển, rồi vẫy xích-lô ra ga xe lửa xuôi xuống Phòng. Ở Phòng, Oanh có bà dì ruột thương Oanh lắm. Bà đã cực lực phản đối bố mẹ đưa Oanh vào nương nhờ cửa Phật. Bà bảo:

- Cứ quẳng nó vào đời đi, cho nó bơi, nó ngụp. Nếu nó không tìm thấy nguồn vui, không tìm thấy hạnh phúc, lúc ấy đi tu cũng chưa muộn. Việc gì phải nghe mấy ông thầy số làm khổ con bé.

Bây giờ, gặp cảnh ngộ này, nhất định dì sẽ bí mật giúp Oanh.

Nhưng cuộc sống đã không như tiểu Oanh mong ước. Tiểu bị giam cầm trong nhà. Mẹ không rời Oanh nửa bước. Mấy lần Oanh định liều chết không xong. Thiếp đi thì thôi, chứ tỉnh dậy là tiểu Oanh ngồi xếp bằng quay mặt vào bức tường trông về phía chùa Hoa Đào, nơi có anh lực điền Vạn, hẳn cũng đang trải qua sự mất mát, đau đớn nhất đời. Tại sao số phận lại run rủi tiểu Oanh với anh thợ cày nghèo khổ ấy. Họa có trời mới biết. Mẹ bảo:

- Đó là éo le của tạo hóa. Bởi vậy bố mẹ đã cho con thoát tục mà vẫn không sao tránh được khổ đau.

Con còn vương vấn với cuộc đời thì còn khổ cực, đắng cay lắm.

Sau khi sinh nở mẹ tròn con vuông, bố mẹ giữ thằng Chít lại nuôi dạy và bắt tiểu Oanh bước tiếp con đường tu hành.

Thằng Chít được cái khỏe mạnh, thông minh. Nó không hề biết cha mẹ mình là ai. Tỉnh thoảng sư bà vẫn đến nhà thăm hỏi ông bà ngoại và mua quà cho nó. Tốt nghiệp phổ thông, Niên, tên thật của thằng Chít, nhập ngũ vào binh chủng pháo binh, chiến đấu trong Vĩnh Linh. Sau hiệp định Pari, Niên được giải ngũ. Anh theo học trường đại học tài chính. Bây giờ, anh đang làm giám đốc một công ty trách nhiệm hữu hạn buôn bán máy tính điện tử.

Vào những năm cuối thập kỷ tám mươi, chùa Hoa Đào bỗng nhiên thiếu sư trụ trì. Chẳng rõ có phải do điềm trời không, mà hai ba ni cô thay nhau về chùa được dăm ba tháng lại bỏ đi. Người sau cùng là sư cụ Đàm Tú. Các cụ vải làng Cả bảo, mất sư cụ tinh lắm, còn râu kim được. Nhưng răng thì chả còn chiếc nào. Sư cụ ăn quả trứng chưng tương còn độc, chỉ có ăn mướp đắng kho tương được thôi. Hết mùa mướp đắng, thì ăn củ rau khô dầm tương. Sư cụ thông tỏ kinh Phật lắm.

Từ ngày sư cụ Đàm Tú về trụ trì, cảnh chùa Hoa Đào ngày một khang trang, sầm uất. Sư cụ chữa

chùa, sửa tam quan, tô tượng, xây tháp chuông. Người trong vùng kéo đến quy y đông lắm. Tiếng tụng, công đức sư cụ lan truyền khắp mọi nơi. Không đám hiếu nào, sư cụ không cầm tích trượng đi hộ phúc cầu hồn cho người quá cố được siêu sinh, tịnh độ.

Cái chết của ông cụ Vạn trên làng Thượng đã gây một cơn sóc lớn trong lòng sư cụ. Lúc về già, sư cụ muốn trở về ngôi chùa đầy kỷ niệm thuở xưa và muốn gặp lại anh lực điền mà mình yêu thương trọn một đời. Nhiều hôm, ông cụ Vạn chặn bò trước cảnh chùa, sư cụ Đàm Tú vẫn mời ông cụ vào chùa uống chén nước nụ vôi. Sư cụ ngồi đối diện với cụ Vạn, vừa bồm bẻm nhai trầu vừa lặng lẽ ngắm nhìn cụ Vạn không chán mắt. Lúc ông cụ ra về, bao giờ sư cụ cũng gửi chút lộc Phật khi là chiếc oản đường, khi là quả chuối, phẩm oản nếp cho các cháu và tiễn đưa ra tận cổng chùa, quyến luyến một lúc mới chia tay.

Cụ Vạn cung kính, chào:

- Bạch cụ, tôi về.

- A-di-đà Phật.

Sư cụ cứ ngỡ ông cụ Vạn tai đã nặng nặng, mắt không còn tinh nữa, hẳn không thể nhận ra hình dáng tiểu Oanh khi xưa mà cụ đã nặng lời thề nguyện.

Sư cụ đã tưởng được yên thân đến khi thác về cõi Phật.

Không ngờ chiều hôm đó, ông cụ Vạn ngồi uống liền hai chén nước nọ với và trầm ngâm nhìn sư cụ. Sư cụ giật mình, hỏi:

- Cụ có điều gì?

- Bạch cụ. Tôi... tôi hỏi khí không phải, xin cụ thứ lỗi.

- A-di-đà Phật.

- Bạch cụ. Con... con... của... của... có còn không?

- Thưa cụ, còn... còn ạ.

- Bạch cụ, trai hay gái?

- Thưa cụ... trai... ạ.

- Bạch cụ, con... có tử tế, nên người không?

- Thưa cụ, con được ông bà ngoại nuôi dạy chu đáo lắm.

- Bạch cụ, tôi muốn... muốn... gặp nó được không?

- Thưa cụ, mong... mong cụ hiểu cho. Con chưa biết bố mẹ mình là ai?

- Bạch cụ, tôi hiểu, tôi hiểu... Tôi chết nhắm mắt được rồi.

Hóa ra ông cụ Vạn giả chứng về trời.

Tục lệ của làng Thượng đã đẩy sư cụ Đàm Tú vào thế vô cùng khó xử. Sư cụ ngơ đi cũng chả ai biết đấy là đâu. Nhưng cái tâm không thể nào yên. Dù có

lên cũi Niết bàn cũng vẫn còn day dứt, khổ đau. Suốt cuộc đời sự cụ chịu khổ xác cũng chỉ mong cho cũi tâm được nhẹ nhõm, thanh thản. Bởi thế sự cụ Đàm Tú đã quyết định ra mắt con trai và báo cho nó biết cha nó là ai. Hậu quả việc này rồi sẽ ra sao? Đã có người đời phán xử.

Sự cụ Đàm Tú chống tích trượng, đến đám hiếu ông cụ Vạn. Người làng Thượng cung kính chào:

- Niệm Nam mô A-di-đà Phật! Bạch cụ đi hộ phúc.

Sự cụ cúi chào, đáp lễ, rồi đi thẳng đến bên linh cữu ông cụ Vạn. Bây giờ sự cụ mới bỏ tấm khăn nâu để lộ ra tấm khăn xô và lấy trong túi ra một dải lụa hồng, trân trọng vắt ngang qua linh cữu ông cụ Vạn...

Làng Gò Cả

Giờ Thìn, ngày Nhâm Tý

Tháng Bính Tuất, năm Ất Hợi



HỒ ANH THÁI

Họ và tên: **Hồ Anh Thái**

Ngày tháng năm sinh: 1960

Quê quán: Nghệ An

Nghề nghiệp: Ngoại giao, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Đã xuất bản hơn 20 tập truyện và tiểu thuyết.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng truyện ngắn Báo Văn nghệ 1983 - 1984, giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam và Tổng Công đoàn Việt Nam 1986-1990, giải thưởng Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam 1995.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Cuộc sống ngổn ngang đôi khi cho ta cảm tưởng đang ở giữa một cái chợ đời. Giữa vòng Sinh Lão Bệnh Tử, ngay cả nơi mấp mé ranh giới sự sống và cái chết, ta dường như vẫn không đi đâu cho khỏi cái chợ đời ấy...

CHỢ

Sáng. Bữa sáng tinh thần là lướt qua một loạt báo hàng ngày. Mỗi ngày một chuyện, đường dây nóng 24 giờ qua, trong nhà ngoài phố, sau lũy tre làng, chuyện khó tin mà có thật, giữa đường thấy chuyện... Bao nhiêu chuyện bỏ tai bỏ mắt, bỏ tất tật ngũ quan cửu khiếu, bày ra làm quà sáng điểm tâm. Chuyện này cũng có ngọn có ngành, hoặc có ngọn mà không có ngành. Miễn là có chuyện để anh mỹ viện vừa chùi mặt cô khách hàng cá sấu vừa lẻo bẻo kể lại, có chuyện để hai bà hàng khô vừa bóc măng miến vừa oang oác kể cho nhau nghe giữa chợ, có chuyện cho máy công chức phóng xe máy cướp đường đến công sở dềnh dàng hội thảo buôn chuyện quanh ấm nước chè. Báo người chỉ toàn con số và lý sự suông. Báo mình kiểu gì cũng có chuyện, từ cái tin ngắn như chuyện ngụ ngôn bình dân, đến truyện rất ngắn một nghìn âm tiết già ngụ ngôn non truyện ngắn, đến truyện ngắn độ dài vô biên mỗi tuần in lấy vài cái.

Tôi. Một con dân đất Việt. Thích làm thơ và

thích nghe kể chuyện có đầu có đuôi như ông bà cha mẹ bác chú thím cô dì cậu mợ anh em cháu chắt. Sáng ra mà không điểm tâm mấy câu chuyện trên báo là suốt ngày khô mồm nhạt miệng, đầu váng vất, bụng còn cào như đói ăn. Cả một cái chợ tin nhanh bày ra đây. Tiếng thét tiền rú tiếng cảm thán thở dài. Lời dạy dỗ, lời thổ lộ khuyên giải, nhấn nhủ tâm thư vạch mặt sở khanh toan hại đời em, lời xì xào dị nghị cần vén bức màn thanh tâm tỏ rõ tác lòng trong. Những bán mua thêm bớt một vốn bốn vạn lời.

Chợ tin nhanh hôm nay tôi mua được mấy món:

- Một ông già ăn phải quả đu đủ độc hái từ vườn nhà. Cơ quan điều tra đang làm rõ để kết luận liệu đây có phải là một thứ trái độc như cá nóc đang gây kinh hoàng trong dân chúng hay không.

- Chuyến xe khách tây bắc về thủ đô chở thẳng tới trung tâm cấp cứu một hành khách trong tình trạng hôn mê. Có khả năng hành khách này trúng độc vì ăn phải những thứ mua trên đường.

- Một doanh nhân 37 tuổi uống nhầm thuốc phải đưa qua hai bệnh viện vẫn hôn mê, cho đến khi vào bệnh viện vừa được tuyên dương anh hùng mới tìm thấy ánh sáng cuối đường hầm.

Tôi mua cả ba món này vào đầu, mang đến công sở tặng làm quà sáng cho đám công chức đồng nghiệp, một đồng mặt một đồng bụng mà vẫn đói tin

giật gân. Hội thảo khoa học. Bình luận đầu tiên: không làm gì có đu đủ độc, chỉ có người độc - bình luận này có vẻ độc đáo và bí hiểm. Bình luận thứ hai: bài báo thiếu những thông tin chi tiết trên xe khi hành khách bị đầu độc, ví dụ mặt mày tím tái run giật kêu làng kêu nước, ví dụ nôn oẹ tứ tung, ví dụ hành khách nhón nháo trời ơi thôi chết ai cho chú ấy cái túi để nôn kia. Bình luận thứ ba: nó là thương nhân nhìn đâu cũng thấy tiền không gì qua được mắt nó, lại những 37 tuổi đầu, nó không thèm cho ai uống nhầm thuốc thì thôi.

Hội thảo đến thế đổ tại nhà báo không biết viết tin. Thiếu nhiều thông số dữ liệu yếu tố cấu thành bài báo, ai làm gì nói gì ở đâu khi nào. Tôi đã tưởng thế là xong phiên chợ hôm nay, thực phẩm đủ dùng một ngày cho đến phiên chợ sáng mai. Nhưng mà, chỉ qua trưa lại có ngay một phiên chợ chiều.

*

Bệnh viện. Cả ba nạn nhân vừa mang đến phiên chợ sáng đã kịp được buôn sang chợ này, bày thẳng căng ra đấy như cá chợ chiều. Khoa cấp cứu danh hiệu anh hùng. Trắng toát sạch sẽ nghiêm trang. Không có dãn hắt vênh vênh hỗn xược với bệnh nhân. Không có moi tiền gạ tiền tổng tiền bệnh nhân. Cửa sắt ngăn chặn có hiệu quả người nhà toan đột nhập ngoài giờ thăm viếng. Người thân nào may mắn tìm được một ô cửa sổ hướng vào phòng bệnh, bố ơi bố có

nhìn thấy con không, em ơi em có nhìn thấy chị không. Cặp lồng phích nước thuốc men phong bì đựng phim X-quang. Giày dép tháo ra cầm tay đi chân trần trên nền nhà sạch bóng thon thót vi trùng. Một người nằm năm người chịu nạn. Từ quê lên ngồi như giải thể ngoài hành lang nhấp nhồm ngoài khuôn viên dưới gốc cây trên ghế đã cho qua đêm muỗi hung hãn. Bất cứ lúc nào, cũng có hung tin hoặc đâm cho một cái đơn thuốc cả đồng tiền. Ai là người nhà của A, ai là người nhà của B, của C của D? Đơn thuốc đây, ra ngoài cổng có hiệu thuốc dịch vụ của bệnh viện, nhanh chân lên. Trăm sự nhờ bác sĩ, bác sĩ bán thuốc luôn cho tiện. Ô, sao bác sĩ lại bán thuốc? Bác sĩ hỏi lại, như hỏi sao công nhân lại đứng máy, sao nông dân lại có cày có bừa. Đưa phong bì bồi dưỡng cũng không nhận. Khổ thân tôi, họ là đơn vị anh hùng. Nhận tiền thì đỡ đói, nhiệt tình hơn, nhưng còn danh hiệu.

Vô sự nhất là người nằm trong phòng bệnh. Thanh thân nhất. Đi được quá nửa đường, thiên đường hay địa ngục thì cũng một quãng đường đã khá xa nhà. Ai đang rên siết khóc lóc chạy rầm rập ngoài kia cũng mặc cha mặc mẹ. Mặc kệ đời, trần gian đỏ bụi chỉ lăm le đầu độc ta. Nghĩa lý gì máy đo tâm đồ đo huyết áp chốc chốc đồ thị lại lằng nhằng tia chớp xanh lè, chốc chốc lại rú lên rít lên cảnh báo lịm tim người sống. Máy đang chạy ngon bỗng rùng lên, diệt tắt phụt, người thân ùa vào tiếp tay bóp bóng cho người nằm thở nhân tạo trong ánh nến leo lét.

Những hình hài song song la liệt, hết cả giường nằm, phải kê thêm những băng ca mạ kền sáng loáng có bánh xe. Vẫn hết chỗ, chỉ những bệnh nhân trúng độc được quyền ở lại trong phòng. Số còn lại treo cổ tự tử, bị rấn cắn, bị chém vào đầu dạt ra hành lang, mỗi người một giường tạm.

Tạm hay cố định, chính thức hay dự khuyết, thì mỗi kẻ hôn mê một đồng ống chất dẻo cắm vào người qua lỗ mũi, lỗ mồm, qua lỗ tiểu dắt nước thải vàng vàng xuống cái bọc lòng thông cuối chân giường. Có khi phải mở cổ họng ra một lỗ mà cắm thêm vòi trợ hô hấp và truyền dịch. Một đồng kim cắm vào ven tay ven chân truyền máu truyền đạm truyền thuốc. Tôi ngồi gà gật qua đêm bên giường trông người bệnh, trong tiềm thức không thôi khẩn khứa trời đất thần phật cho tôi được khỏe mạnh đến giây phút cuối cùng. Cho tôi không phải chịu một đồng kim cắm vào ven, không phải một đồng vòi cắm vào đủ bằng ấy lỗ, không bị máy hút đờm xoẹt một cái quần quai kêu la, không bị mất điện thở nhân tạo bóp bóng thoi thóp.

*

Gà gật. Ngủ gật gù như khoá hạp thường niên, xêmina, hội thảo quốc tế và khu vực. Lơ mơ gà gật ngủ ngồi trông người bệnh. Khi nào người nằm giãy giụa thì mở mắt, trối lại chân tay cho chặt. Khi nào máy rú lên thì chạy đi gọi bác sĩ. Khi nào y tá đi hút đờm thì thêm một tay giữ cái khăn, xoẹt một cái xoẹt

hai cái thì nhăn mặt đau đớn cả người bệnh.

Chính lúc ấy tôi nhìn lên thấy gã. Đúng hơn là tôi nghe gã xuýt xoa trước, ôi khổ thân bác quá. Gã đang nhìn chòng chọc xuống cái hình nhân quần quại run giật sau mỗi cú xoẹt xoẹt hút đờm đau rất. Gã ngồi xồm om gồi thu lu, đúng kiểu người Việt ra đến nước ngoài rồi vẫn ngồi. Chồm hồm cả một dây tư thể đi cầu đại tiện trên quảng trường, công viên, ga xe điện ngầm. Tư thể đệ nhất khoái ngồi xồm thượng lên cả xí bệt vẫn minh. Mười lăm năm ở Đức rồi vẫn không thay đổi thể ngồi. Không thay đổi giọng nói khê khê lỏn nhón bán sơn địa. Yêu quê hương qua từng âm tiết nhỏ, ai gọi thân sinh là bủ, tôi êm đềm nghe em nói trên xe.

Mà trên xe thật. Gã ngồi đúng tư thế ấy trên xe khách tây bắc về Hà Nội. Cô hành khách ngồi bên hỏi anh cũng về Hà Nội hả anh. Gã bảo ừ anh về Hà Nội. Nếu dừng ở đó thì câu trả lời đúng nội dung đúng nghi thức, hỏi A thì trả lời A. Nhưng quê ta hỏi A thì sẽ được trả lời ABCD, thậm chí cả EFGHI cho đến hết bảng chữ cái. Thế là gã trả lời ừ anh về Hà Nội, có thằng em đang học tại chức tháng này tập trung ở trường nó bảo anh lên chơi Hà Nội cho vui, anh đi Đức mười lăm năm, tháng nào cũng gửi tiền cho nó, nó khỏe đang học đại học, hóa ra về thì thấy nó đang tại chức, dốt chuyên tu ngu tại chức, thôi thì méo mó có hơn không, như thế là nó cũng có chí tiến thủ chờ

đề bạt. Đến đây hết bảng chữ cái tiếng Việt, gã có thể chuyển sang bảng chữ cái tiếng Đức, nhưng cô gái chặn ngang bằng một cái kẹo cao su chìa ra mời. Không, anh không ăn, em cứ tự nhiên. Chối xong lại nhớ cái đoạn quảng cáo tivi, trai gái chĩa mồm vào mặt nhau mà nói, kẻ đối thoại phải phẩy tay xua bớt ứ khí vì không chịu ăn kẹo. Thế là nhận kẹo. Thế là nhai chóp chép. Kể tiếp. Cô gái đồng hành chỉ việc thỉnh thoảng mời một câu ngắn, hỏi một thì được trả lời hai ba, dần thêm tí nữa đến bốn năm sáu, rướn tí nữa đến mười. Bao nhiêu năm lao động châu Âu vẫn thật thà có gì nói nấy, bao nhiêu năm vẫn yêu quê hương nguyên vẹn thổ âm thổ ngữ, vẫn sắc tố da nước mặn đồng chua, vẫn thế ngồi rung rinh mấy nhịp cầu tre. Nơi quê nhà anh chặn vịt thì sang xứ người trông vẫn nguyên vẹn là anh chặn vịt. Nơi quê nhà chần trâu cắt cỏ, anh xe ôm chợ người buôn nước bọt chỉ trở thì đến gầm trời choáng lộn nào đắp cả vàng lên người hàng chục năm vẫn còn rủa rứa xêm xêm.

Gã bảo, em không ngờ người ác mà có người đẹp thế. Trông như sinh viên. Da trắng má hồng mắt bò câu hoang dã. Cô ấy mời em một cái kẹo, một ngụm nước trong chai Lavi, thế là em lăn quay. Ngã lưng ra ghé há hốc mồm mê man. Thực ra em bay lên trần xe chất lượng cao thấp tè, em nhìn xuống thấy nó thần nhiên lục túi em lấy mười hai triệu cộng cái đồng hồ Đức cộng vài thứ quà linh tinh cho họ hàng. Em hô hoán lên. Mấy hành khách ngồi gần cửa sổ mở cửa ra

phẩy tay xua một con ruồi tưởng tượng vo ve bay lạc vào trong xe máy lạnh. Em bay vút lên hét vào tai bác tài, bác ta thò ngón út móng dài ngoáy lõ tai gây ra một cục ráy tai. Xe đến bến, hành khách xuống hết, em vẫn mê mẩn giấc mộng bá vương.

Em không ngại người đẹp thể mà ác thể. Trông như sinh viên. Có cặp sách hằn hoi. Ngọt ngào lắm. Tí nữa thì em đời đã thiên thu. Bây giờ em thấy nó vẫn đang ôm cặp sách lảng vảng ở bến xe kia kìa, anh hô hoán bắt nó hộ em với.

Gã hơn tôi phải đến chục tuổi, mặt già hơn cả bố tôi, mà cứ xưng là em. Người Bắc lạ thể. Khó mà xưng hô với nhau anh tôi theo kiểu công dân được. Gặp nhau lần đầu chẳng cần biết tuổi xưng em với bất kỳ ai. Gọi nhau trên điện thoại giao dịch, nào có biết mặt người ta mà cứ ton ton xong em. Nhưng cứ quẹt xe vào em, thử nhớ mồm nhớ tay với em một cái mà xem, em sẽ nhảy lên thành bố mình ngay.

Gã hỏi như trong hôn mê em la hét ghê lắm phải không? Tôi bảo anh cứ như lợn chọc tiết. Ôi giờ, em làm phiền ông quá, chắc làm ông không ngủ được. Gã ái ngại thực lòng vì gây ô nhiễm âm thanh cho ông người bệnh của tôi, cho cả phòng cấp cứu. Rồi gã mời tôi khi nào gã khỏi về thăm nhà gã ở xã ấy huyện ấy tỉnh ấy, dân ở đấy không ăn kẹo cao su không uống Lavi, hai tháng nữa gã mới trở sang Đức, nếu tôi có dịp sang thì tìm gã ở khu ấy quận ấy thành phố ấy.

Đời này được mấy người như gã. Đến chết vẫn không hết ngô nghê tin người.

*

Tôi ngược nhìn lên lần nữa. Bên cạnh gã là một ông già rúm ró, tay thu thu một cái ống tiêm. Hiểu ngay, chích choác hút hít thời này ê hề sẵn có. Ông già cũng hiểu cái nhìn của tôi. Không, tôi không tiêm chính như chú nghĩ, tôi là nạn nhân của ống tiêm này. Tôi là nạn nhân của thói ăn cắp vặt, đồ đạc cứ hở ra cái gì là bị kiêu cái ấy. Ông học lên uất ức, chăm chăm nhìn xuống một ông già co quắp ôm bụng lặn lộn trên giường bệnh. Hồn uất hận trên trần nhà nhìn xuống thân xác vật vã.

Lẽ ra kẻ đau đớn vật vã phải là bọn ăn cắp hoa quả vườn nhà ông. Vài ba ngày lại mất một quả đu đủ. Chúng chẳng phải trồng trọt chăm bón, cứ việc trông cây chờ đến ngày ăn cắp quả. Xanh chúng chẳng hái. Phải chờ đúng hôm ông định bụng ngày mai hái quả chín kia vào thì chúng mới lấy. Cũng chẳng lấy nhiều, mỗi lần một vài quả. Ông rình. Máy đưa trẻ con cùng xóm lúc nhá nhem nhảy qua rào, vừa gằm lên chạy ra vẫn ức. Ông dùng dùng sang bảo bố mẹ chúng nó. Thế là sinh chuyện. Ông cứ vu oan cứ đổ tiếng ác cứ cay nghiệt với các cháu. Nào chúng em có để con cái đói rách thèm khát mà đi lấy trộm quả nhà ông. Ông bắt được tận mặt, cho ông đánh chết cha chết mẹ cả thành hoàng nhà nó đi.

Họ bên ấy với họ nhà ông chung nhau một cái miếu thành hoàng làng. Hai họ đầu tiên đến lập làng này. Trai gái hai họ không được lấy nhau vì bị coi nhau là anh em một nhà. Máu mủ chia nhau mảnh vườn còn vác dao chém nhau, đảng này chỉ là anh em gán ghép. Rồi thời mở cửa được tu bổ miếu, được nhận tiền cúng giúp của con cháu ở xa, họ có con cháu hải ngoại, họ chỉ có con cháu nội hóa. Tiền ít tiền nhiều, lễ dày lễ mỏng, chủ lễ bên này có chữ bên ấy ít chữ. Thế là khinh nhau. Thế là xúc xiểm. Thế là khiêng cái kiệu bên cao bên thấp kiệu không bay được khi thánh nhập, lại còn vấp suýt nữa cho thánh xuống ăn bùn. Đánh nhau ngay trong cuộc tế lễ, tanh bành cờ phướn chuỗi oản. Hất cả nước lễ vào mặt nhau.

Đến nước này rồi, bắt được con nhà nó cấp đu đủ đánh chết không tha. Ông đã định làm hàng rào điện cho nó chết phơi trắng bụng trên hàng rào như thần lằn. Giống như làng bên có ông dí điện xuống ao cá cho đũa ăn cấp nổi lênh bênh. Ghê. Nói chết đáng đời, nhưng chẳng ai muốn dây dưa với pháp luật.

Lũ trẻ con ăn cắp vặt hề ông chạy ra là rúc rích tan nhanh như chuột. Nói chuyện chuột. Ở đâu ra mà lấm chuột thế. Đến mức chỉ có bả chuột là thật còn cái gì cũng là đồ rơm. Hoa quả của ta nhưng nhúng thuốc láng giềng phương Bắc, nửa năm trời vẫn còn tươi hơn hớn. Ngày trước chỉ bao giờ leo lên bàn thờ mới được xem gà khỏa thân, bây giờ gà vịt khỏa thân

đầy chợ, nhúng nước tiệt trùng đồ cũ thành ngay đồ tươi sống. Bánh phở phoóc môn, giò chả hàn the, rau muống thuốc trừ sâu vân vân và vân vân. Đồ ăn đồ mặc đồ du lịch, cho đến vật liệu xây dựng, cho đến bằng cấp danh hiệu lâu lâu lại thấy phanh phui ra là của rởm hết. Dầu độc lẫn nhau bằng cách ấy. Chỉ có bả chuột luôn là đồ thật, muốn thuốc người rải ra ruộng cho chết giữa đồng lúa rì rào cũng có, thuốc nước trong ống thuốc tiêm cũng có, hạt gạo đỏ tẩm độc cũng có. Nhiều nhà chuột chưa chết mà người đã ngửi thuốc nhanh nhẩu chết trước. Bả bày sẵn mời mọc dễ dàng lại kích động người hơi chán một tí đời tự tử. Như cái con bé mười bảy tuổi nằm giường bên kia kia. Bố chết sáu năm, mẹ bỏ bịch với ông thợ tiện, nó căm ông này nó uống thuốc chuột. Bây giờ hấp hối nằm đấy, lục phủ ngũ tạng đứt rách toi bời cả ra rồi.

Vậy là ông dùng cả bả chuột. Loại thuốc nước trong ống thuốc tiêm công khai mang qua biên giới, giá bán cực bình dân. Ông nhặt cái kim tiêm thẳng nghiệm vút đầy bờ bụi, tiêm thuốc vào hai quả đu đủ chín nhất. hai phát hai quả. Mà chết này. Mà chết này. Xong. Thong dong tản bộ ra đầu làng cẩn thận vút cái kim tiêm nhiễm độc vào bụi. Cẩn thận xuống ao rửa tay đảm bảo không dính thuốc. Xong. Về nhà vào buồng lục quả đu đủ trắng sẵn, tự thưởng.

Sự đời trớ trêu. Đó chính là quả đu đủ ông vừa tiêm bả chuột vào. Bà vợ ông ngoài đồng về, thấy hai

quả sắp chín, hái ngay cho chắc, xếp vào buồng cạnh mấy quả đang ủ. Bà hái xong bà lại đi việc của bà. Ông rút kim tiêm xong thì ông ăn quả của ông.

Giờ thì ông đang bó gói trên trần phòng bệnh, ngồi cạnh gã đi Đức về. Hai cái dáng ngồi âu sầu ở chợ người chờ việc. Hai cái nhìn âu sầu chiếu xuống hình hài của chính mình mê man trên giường bệnh. Cả hai cùng nhìn xuống trông chờ số mệnh. Rồi bất chợt cả hai đồng thanh chào ai đó vừa đi ra phía cửa. Đi nhớ. Đi nhớ. Ông già giải thích, họ đi rồi, cái bác bệnh tim và con bé bả chuột.

Y như rằng, bên hai cái giường cuối phòng bỗng vang lên tiếng khóc.

*

Cùng lúc gã trai ở góc phòng vịn vẹo quăng quật trên giường. Máy đo huyết áp tim mạch của gã rú rít. Giường gã nằm chỉ là một cái băng ca có bánh xe, người ta mới đẩy vào, cho nằm luôn trên băng ca mà kèn sáng loáng. Gã như hổ rứt xích. Bánh xe cứ trượt đi, băng ca xoay vẹo vọ. Cô người nhà cố giữ cái băng ca cho khỏi đổ. Tôi phải chạy tới giúp. Trói lại hai cổ tay. Trói lại hai cổ chân. Còn lại những chỗ không trói được gã cứ ưỡn lên dập xuống. Gã hầu như khóa thân, chỉ có một mảnh vải trắng phủ hờ qua thắt lưng, mỗi khi gã ưỡn lên tấm vải tuột ra, thế là cả chim chóc cũng ưỡn lên. Phải công nhận gã điển trai.

Sống mũi thẳng tuyệt đẹp. Một con đực lúc thường tốn gái, tội nợ gì chỉ vì tình uống năm mươi viên thuốc ngủ. Tình hiện hình qua đứa con gái đứng cạnh gã lúc này: một mắt thâm tím, vành mắt rách máu đóng vẩy. Trước khi bỏ về nhà làm một giấc ngàn thu, gã quai vào mặt nàng hai quả búa tạ.

Tôi phải giúp cô gái kia xoay người gã lại cho ngay ngắn. Cô tua lại cái bài trên chợ báo chí sáng nay rằng gã uống nhầm thuốc. Chả nhẽ tôi tua lại cái băng văn phòng tôi sáng nay rằng nó là thương nhân nhìn đâu cũng thấy tiền, không gì qua được mắt nó, lại những 37 tuổi đầu, nó không thềm cho ai uống nhầm thuốc thì thôi. Chỉ nghĩ vậy đã nghe tiếng cười khoái trá trên đầu. Nhìn lên trần thấy gã đã tót lên ngòai trên đó. Ngòai bệ vệ ông chủ doanh nhân, bên cạnh hai người kia như kẻ ăn người làm. Gã cười sằng sặc. Cười cái ngô nghê suy luận của cánh văn phòng. Cái lối thích đến đâu giải đến đấy của họ làm sao rõ được kẻ chỉ vì tình mà dám chết. Phi lý hết sức, họ sẽ kết luận hội thảo như vậy. Chết thiệt thân. Chết là ngu.

Tôi thì bao giờ cũng ngưỡng mộ những kẻ tự tử. Họ còn có lương tâm, còn liêm sỉ, còn trọng danh dự. Chí ít còn là kẻ lãng mạn cuối cùng như gã. Gã có một thằng bạn hàng chí cốt, bố người Tàu mẹ người Mỹ còn nó sinh ra ở Pháp. Một mình nó mang trên người cả ba châu lục. Không chỉ là bạn hàng, thằng ấy còn

là bạn chơi. Hai đứa cấp nhau đi châu Á châu Âu châu Mỹ. Làm. Ăn. Chơi. Chơi mãi, cô thư ký của gã kết thằng kia. Quán nhau tin nhau đến nỗi đi đâu cũng ba, có khi ở khách sạn nước ngoài ba đứa nằm một giường, thằng hợp chủng nhân nằm giữa, gã một bên và con kia một bên. Thằng nằm giữa không sợ gã thò tay qua người nó như trong chuyện tiểu lâm châu Âu. Tin nhau yêu nhau đến nỗi vài ba năm nay thằng kia không sang làm ăn thì gã và cô thư ký nằm chung giường, cũng chẳng có ý dành một chỗ cho thằng kia nằm nữa. Yêu nhau kết nhau đến nỗi cô người yêu đòi cưới. Cưới thì sẵn sàng. Nhưng đến thế gã bắt đầu đắn đo. Ngập ngừng. Ngại ngần. Cô người yêu sẽ thành vợ gã. Vợ gã ngày nào cũng biết gã đến tận cùng. Vợ gã cũng đã biết đến tận cùng thằng bạn của gã. Nằm bên gã, vợ sẽ nghĩ đến cái chốn tận cùng của thằng kia. Thằng kia nó là người của ba lục địa, nó phải to phải lớn phải dài bèn bỉ gấp ba lần gã. Gã là người của một lục địa, gã phải hỏ, phải bé phải ngắn phải hụt hơi bằng một phần ba thằng kia. Gã đọc thấy phép so sánh của người gã muốn cưới. Đọc được rồi gã không muốn cưới. Gã lảng gã lờ gã lơ gã ngây ngô gã trì hoãn. Nhưng mà gã đau. Nhưng mà nàng khóc. Nước mắt đàn bà làm gã nhụt chí, gã chỉ muốn lấy quách nàng đi. Gã quay sang hận thằng kia. Phúc tổ ba lục địa nhà nó, thằng ấy mà lò dò sang đây lúc này gã sẽ đâm chém toi bời rồi băm vằm cái tận cùng của nó ra, hết cả cái mà so sánh to nhỏ dài ngắn.

Ngày nào cũng nước mắt. Ngày nào cũng xung đột. Đỉnh cao. Gã hận thằng bạn làm bạn ăn bạn chơi ngày trước. Hận chính gã. Hận con kia. Gã đâm vào mặt con kia hai cái, bỏ về nhà. Tay đau, mà cảm thấy mặt cũng đau. Tìm rượu. Rồi tìm năm mươi viên thuốc ngủ.

*

Tôi gặp lại gã ở một cái chợ khác. Phần lớn đàn ông gặp nhau ở đây. Những bãi bia bạt ngàn ngổ ngang chi chít trên bản đồ các đô thị. Ngành nào cũng có thể lụn bại trừ sản xuất bia. Bia như bom ném vào đời sống thành thị. Bia như thác đổ xuống đầu thị dân. Ném theo thác lũ ngôn từ phong phú tươi mơn sinh động. Rửa sạch giải tỏa đôi ba nỗi niềm. Tặng thêm miễn phí mấy cái tiểu đường tim mạch gan thận gút ghiếc. Sá gì. Bác sĩ cấm nhưng bác sĩ có khi cũng theo ta ra bãi bia, bia hơi Hà Nội ai cưỡng được. Mọi khó khăn khúc mắc được giải quyết ở đây. Mọi xung đột được giải quyết hoặc khởi lên ở đây. Mọi hợp đồng thỏa thuận văn bản ghi nhớ được ký ở đây.

Ba vại bia rồi, tôi đi vào toa lét. Cái máng dẫn nước tiểu lát gạch men trắng bong, dộc dần xuống, nước trôi triền miên vệ sinh lịch sự. Có một gã vào theo ngay. Gã đứng ở đầu nguồn, một dòng nước hùng dũng nam tính trôi xuống phía tôi ở hạ lưu dòng chảy. Cả hai đi ra gần như cùng một lúc. Tôi đưa mắt sang ngang. Nhận ra gã. Gương mặt điển trai ấy. Cái sông

mũi thẳng tuyệt đẹp ấy. Cái tận cùng bao nhiêu lần phơi lộ trước mắt tôi trong bệnh viện thì chẳng cần xác minh.

Gã thú vị nghe tôi giải thích vì sao tôi biết gã. Gã đang ngồi xuống với thằng bạn ba lục địa mới trở sang làm ăn. Làm. Ăn. Chơi nữa. Rốt cục gã chẳng lấy người gã yêu. Tỉnh dậy sau năm chục viên thuốc ngủ, gã thấy đời cái gì cũng nghiêm trọng mà cái gì cũng nhẹ nhàng. Yêu thì cứ để thế mãi cho đẹp, sao lại mưu toan hủy diệt nó bằng hôn nhân. Hôn nhân rồi nằm bên A so sánh với B, rách việc. Dạo này lại như trước, duy trì một giường ba người bạn, gã một bên và con kia một bên, bên cạnh cả A và B thì chẳng ai buồn so sánh, mà chẳng nằm giữa cũng chả ngại thằng nằm bên thò tay qua người mình.

H.A.T

NGUYỄN QUANG THÂN



Họ và tên: **Nguyễn Quang Thân**

Ngày tháng năm sinh: 15.4.1936

Quê quán: Sơn Lễ, Hương Sơn, Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Viết văn, viết báo

Địa chỉ hiện nay: Kim Giang, Thanh Xuân,
Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: 5 tiểu thuyết, 15 tập truyện ngắn và một số tập truyện cho thiếu nhi.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Tôi chọn in truyện *Gió heo may* hy vọng làm sống lại và tặng độc giả một loại truyện ngắn có lẽ bây giờ nhiều người không còn muốn viết nữa. Thay vì mô tả cảnh xô bồ, trần trụi của cuộc sống hiện đại, truyện ngắn này muốn len lách vào những rung động tinh tế, mong manh của con người, nhiều loại người, với những chi tiết quen mà lạ. Những gì người ta không cảm nhận được hay cảm nhận một cách mơ hồ sẽ hiện ra trong những hàng chữ mà tôi nghĩ chúng đang lên án, bênh vực hay thương xót cho những kiếp người ở một nơi rất xa mà cũng rất gần gũi với chúng ta...

GIÓ HEO MAY

Ít nhất thì mỗi năm cũng có một lần, những người vợ góa, dù đã được bà con họ hàng nhà chồng tặng bằng khen “tiết hạnh khả phong” cũng phải bồi hồi trong giấy lát. Đó là một ngày tháng Mười, trời đang mát mẻ bỗng se lạnh vào sáng sớm. Nhưng rồi nắng hừng lên. Bắt đầu là một giải vàng hoe trên ngọn cau và trong phút chốc tràn ngập đồng lúa sắp gặt, cây cỏ trong khu vườn. Sau đó một mùi thơm ngai ngái, lạ mà quen, không thể nói đó là mùi gì, nhưng rõ ràng nó hiện hữu trong mũi ta, trong hồn ta. Một chút gió đi qua khu vườn, lúc đầu len lén như hơi thở. Nhưng rồi mạnh dần lên và những cây chuối, cây na thực dậy.

Đúng lúc đó, người vợ góa lấy chiếc chăn bông vẫn cất trong góc xép từ đầu hè ra phơi. Vì chăn nặng nên chị phải khó khăn lắm mới vắt được qua dây thép, trong khi đó bụi bay mù lên, thứ bụi lẫn mùi cứt gián và lá hương nhu, hoa kim ngân cất phơi từ ngày Tết Đoan Ngọ. Và chị đã làm rơi chăn xuống đất. Tôi

cam đoan với quý độc giả là, trong ngày hôm đó người vợ góa nào cũng làm rơi cái gì đó xuống đất, đúng lúc ngọn gió đầu mùa thổi qua vườn. Trong làng Kẻ Đồng, một làng hẻo lánh dưới chân núi Thiên Nhân có một người đàn bà góa không làm rơi chân bông mà đánh vỡ một cái ấm trà, vốn dĩ cái ấm này không một lần được sờ đến từ ngày chồng chết. Khi nó vỡ ra, văng trên nền nhà một chiếc răng sứ, gãy chân, mặt răng lộ chỗ vết sâu đen đúa. Người vợ góa nhớ lần anh chồng nát rượu súc miệng làm văng chiếc răng sâu ra, anh ấy nhổ cái răng vào ấm pha trà. Người vợ góa làm vỡ cái ấm ấy là chị cu Sang.

Trong nhà thờ xứ đạo xôi đỗ này có *ma sơ* Jeane Ái, ta hãy gọi như dân làng là *xơ Gian*, nghe nói quê tận xứ Huế, xứ sở mà bà đã hai chục năm nay không về từ ngày theo mẹ bè trên đi tu. Xơ Gian Ái tuy không thể gọi là một góa phụ cũng đánh vỡ một cái gì đó khi đi qua khu vườn mênh mông của nhà thờ đúng lúc ngọn gió tai quái thổi qua. Đồ vật bà làm vỡ là cái hộp sơn mài đựng vài thứ đồ làm lễ cha xứ giao cho để dùng khi có kẻ liệt hay đám cưới. May sao, cái hộp bằng gỗ nên không vỡ đôi mà chỉ nứt một miếng nắp, bà làm cách nào cũng không dính nó lại được. Một tuần sau ngày câu chuyện này xảy ra, bà đứng trong bụi xưng tội với Cha. Cha chỉ nói: “Con có nhớ là khi bước vào vườn Ghết-sê-ma-ni, gặp một ngọn gió thổi đến từ đồi Sọ. Người cũng làm vỡ một cái hộp gỗ.

Người sẽ tha tội cho con”. Xơ Gian hiểu và im lặng nhận lòng bao dung của người đã từng vì xúc động mà đánh vỡ một cái gì đó.

Tuy đã đánh vỡ mất kỷ vật quý giá của người chồng, chị Sang vẫn được xơ Gian vỗ về, xơ nói góa chồng là một sự may mắn cho chị. Bởi vì, từ ngày anh chồng chị biết uống rượu thì làng Kê Đông nổi tiếng nghèo và ngoan đạo có thêm bốn lò nấu rượu lậu bằng sắn thái khô, bắp hạt và dây khoai lang băm nhỏ, khi đưa bán cố pha thêm vài giọt thuốc trừ sâu Vôphatôc cho rượu nặng thêm, thì mỗi năm nhà thờ chỉ còn được cúng vài sọt bắp ngô so với năm chục sọt trước đó. Vì ngô và sắn đã biến thành chất cay đổ hết vào chai, nhiều người bỏ lễ trọng bởi không thể nào đứng dậy mà đi được. Còn tình cảnh chị Sang thì khỏi nói. Người ta thường gặp chị đi trên đường, tay bao giờ cũng cầm một cái chai. Và hình ảnh đáng thương ấy biến mất sau ngày anh chồng chết. Xơ Gian tuy đã hơn hai mươi năm hầu hạ Chúa và tâm hồn bà thấm đẫm tiếng chuông nhân ái của nhà thờ cũng nói với chị Sang rằng, tuy anh chồng chị không làm lễ rửa tội, nhưng Chúa cũng bao dung gọi anh ấy về bên mình để cứu rỗi một người đàn bà tội nghiệp như chị. Đáng lẽ chị phải là một người đàn bà hạnh phúc, chị có quyền được hưởng hạnh phúc ấy khi ra đường với những đứa con kháu khỉnh, thông minh, tay dắt trẻ chứ không phải cầm một cái chai. Chúa đã lấy đi cái

chai trong tay chị bằng cách tiện lợi nhất, đó là lòng lành vô biên vì chính Người, trước khi lên đời Sọ để chịu cực hình đã từng cầu xin Đức Chúa cất hộ mình cái chén đắng tiên định mà không được. Người đã phải uống trọn cái chén đắng ấy cho *xơ*, *cho chị cho mọi người anh em nên* Người hiểu thế nào là rượu đắng và Người đã cất hộ chị không phải chỉ một cái chén mà là cả một cái chai. Và, *xơ* Gian nói thêm, nếu anh ấy được hầu hạ bên mình Chúa thì khi anh ấy yêu cầu, chính Người sẽ ra đường, tay cầm một cái chai để chiều lòng anh ấy. Người cứu rồi chị bằng mồ hôi của Người, đi mua rượu cho người nghiện rượu để chữa bệnh nghiện rượu cho họ, như đã từng chìa má trái cho người đã đánh mình bên má phải để cảm hóa họ, như từng chữa bệnh cho kẻ liệt nghèo hèn, hôi hám.

Đương nhiên chị Sang không hiểu Người đây là ai, chị cũng không phải dân đi đạo nên chẳng bao giờ được cha xứ dạy dỗ để hiểu những tích đạo mà *xơ* nói. Từ nhỏ chị chỉ tin có tích truyện Tấm Cám, chị tin cảnh cái vồng bị chặt đứt khi đang có người nằm ở trên, có người này xui người khác tắm bằng nước sôi và hũ mắm muối bằng thịt người là chuyện có thật. Bởi vì mẹ chị đã kể cho chị nghe đến hàng trăm lần chuyện đó hồi nhỏ, lớn lên, chị cũng được ném qua cuộc đời khổ nạn của cô Tấm. Một hôm trong cơn say anh chồng đã chặt đứt đôi cái vồng chị đang nằm, lần khác, khi nghe vợ nói nhà chỉ còn nồi cháo hoa ăn tối

thì anh vừa chửi vừa chặt phăng ngón tay út của mình quẳng vào nồi, sau đó bắt chị ăn bằng hết hai bát cháo nấu với hai đốt ngón tay của chồng để trừng phạt cái tội chị đã không mua thịt nấu cháo cho anh ăn. Lớn lên, chị theo mẹ đi chùa và chị tin có Phật Quan Âm, chị khóc khi nghe mẹ kể nỗi oan của bà Thị Kính, trong một đêm khi trong gian hậu nhà chùa chật chội, anh cu Sang cẩu vào mông chị, chị suýt ngất xỉu vì sợ Phật trừng phạt đưa chị xuống địa ngục cho quỷ xa tăng giày vò, tra tấn, thả vào vạc dầu, chị mặc cảm tội lỗi như cái mông của chị là thủ phạm chứ không phải bàn tay của cu Sang. Rồi lần đi họp đầu tiên để bàn chuyện đào nương làm thủy lợi. Chị nghe một người đàn ông nói là chúng ta sẽ thay Trời làm ra mưa, sẽ vắt đất làm ra nước, Trời là cái đĩnh gì, Chúa hay Phật hay bất kỳ ai nói cứu khổ cứu nạn mà không vào hợp tác, không động viên dân quân canh phòng kẻ gian và gián điệp, không hô hào thanh niên đi làm thủy lợi thì cũng chỉ là những anh nói phét một tác lên gười (*ông ta nói đót, không nói trời mà là gười, không nói trăng mà là giăng*). Chị thấy ông ta nói đúng quá, chị vào hợp tác, đi tuần đêm với dân quân tuy không bắt được tên trộm hay gián điệp nào, chị đào nương làm thủy lợi và còn tập hát nữa. Rồi chị lấy chồng, lấy người đã cẩu vào mông chị lần đầu tiên đó là anh cu Sang. Mẹ chị bảo như vậy là vì đã thất tiết với người ta rồi, dù đó là người không ra

gì cũng phải lấy. Từ đó chị gắn đời mình với những cái chai và những cuốn sổ nợ. Tuy vậy, theo đầu óc một người đàn bà nông dân sống suốt đời trong làng quê hẻo lánh, nếu quả thực Chúa gọi chồng chị về hầu hạ mình như bà xơ nói thì Chúa cũng không được công bằng cho lắm. Bởi vì sống ở quê nhà có một thằng chồng nhỏ rãng mình vào ẩm pha nước hay bắt vợ ăn cả ngón tay út của mình thì cũng còn hơn không có thằng chồng nào, nếu không có anh ta thì chị sẽ phải sống cảnh góa bụa. Chị chưa từng ở góa nhưng chẳng lạ cảnh bà góa trong làng đã phải còng lưng đi kiếm củi một mình, không ai chờ dưới chân đèo đón hộ gánh củi trên vai. Vậy mà cũng đã nhiều lần anh ta đi đến tận dốc Nai Bò đón củi cho chị. Anh ấy cũng biết sửa lại cái chân phản ngựa bị gãy sau một trận quần đảo chị như người ta vật nhau ở đình làng ngày mồng một Tết.

Nếu những ngày sống ấy được gọi là hạnh phúc thì chị cũng từng có hạnh phúc. Chị không dám oán Chúa. Tuy chị không biết Chúa là ai, mặt mũi như thế nào vì chị chưa bao giờ vào nhà thờ, nhưng chị nghĩ người được xơ Gian phụng thờ thì chắc là người tốt. Vì xơ Gian là một người tốt bụng. Bà ấy nhân từ, chịu thương chịu khó, làm được nhiều việc cho dân làng này như đi đỡ đở, cho thuốc thang, bất kể người ta là lương hay giáo. Và chị nhớ anh cu Sang, nhớ thực sự như khi người ta nhớ. Dù sau anh đã sống với

chị mười hai năm, không con cái, không làm cho chị tự hào, kiêu hãnh và thường biến chị thành một người lẩn thẩn, mù mờ, thất tha thất thểu trên đường làng, túi không tiền, tay cầm một chai. Chị đến nhà này, nhà khác, nhà nào họ cũng chìa sổ nợ ra, sổ nợ của họ là những tờ giấy có dấu điểm chỉ của anh. Mỗi ngón tay được bôi nhọ nôi ấn vào là một xị rượu phần tư lít. Anh ngại gì mà không thoa cả năm ngón tay vào dưới đít nôi để đổi rượu như Trạng Quỳnh vẽ Rồng, với thành quả lao động của năm ngón tay và đĩa ổi xanh, anh đã có thể uống suốt đêm và nhiều khi suốt ngày.

Cuối cùng thì chị cũng tìm ra một nhà chịu bán rượu cho, đó là người đàn ông độc thân tên là cu Ca. Anh ta ở mép làng, một ngôi nhà riêng rẽ trước đây là lò rèn của một ông phó bẻm mép. Ông này rèn những cái dao chém bùn không có vết mà vẫn khoác lác là thợ giỏi nhất vùng. Nói khoác thường không phải giả tiền, nhưng người mua dao, kéo, liềm hái thì vẫn phải bán thóc để trả nên cuối cùng sự độ lượng của dân chúng đã tới hạn. Dân làng xót của, la hét: “Giá dao thẳng này mà sắc được như môm của nó gì khỏi nói!” Họ nói bọn khoác lác tồn tại được là nhờ lòng độ lượng của dân chúng u mê mà thôi. Bây giờ không độ lượng nữa, họ nổi lửa đốt phăng cái lò rèn,

Anh cu Ca vốn là người khiêm nhường vì cái tước cu của anh không là gì để anh kiêu ngạo hay

khuyết khoác, nó chỉ vừa đủ chứng minh cơ thể của anh có bộ phận quan trọng nhất của người đàn ông mà thôi. Nhưng khi anh góa vợ vào tuổi ba mươi mà lại chưa con cái gì thì anh là người được đám vợ góa làng Kẻ Đông để mắt. Nửa đêm về sáng ít nhất có vài người trong số họ nằm mơ thấy mình ngủ với anh ta. Họ đổ mắt, tự trách mình, lo lắng tiết hạnh sứt mẻ, nhưng sau đó lại tùm tùm, tự tha thứ cho những cử chỉ quá đáng đến mức họ chưa hề làm, chưa hề nghĩ tới như họ đã làm, họ chưa từng được sung sướng như trong giấc mơ ấy.

Trong số những người nằm mơ một cách tội lỗi ấy có chị chất Sang. Điều này là có thể hiểu được nếu ta nhớ lại ngày anh Sang nát rượu còn sống, những ngày đó, khi Chúa/cha chưa rủ lòng thương cất giùm cái gánh nặng trên vai người đàn bà khốn khổ thì chị Sang thường phải thất thểu với cái chai trên đường làng tối tăm đầy cứt chó mà không có ai bán rượu cho chị. Người duy nhất cứu được chị trong cơn bí quẫn ấy là anh cu Ca. Hơn nữa, có một đêm mưa gió nổi lên bất ngờ ngay khi chị Sang cầm chai rượu đầy từ nhà cu Ca ra về. Anh Ca đuổi theo chị, nói là chẳng thà anh chạy ào vào làng đưa cho “thằng khốn nạn” ấy nốc còn hơn là để chị xông pha giữa mưa gió. Chị mềm lòng quay trở lại chờ tạnh mưa. Và tối đó, khi mưa không muốn dứt, chị đã cho anh cu Ca, anh kéo chị vào lòng mà nói: “Thèm quá, cho xin một cái nào!”

Chị biết đó là việc hệ trọng đối với người đàn bà đã có chồng. Nhưng chị không hề nghĩ là mình đã phản bội chồng như sau này đọc thấy trong sách. Người tử tế như thế, người đã tin mà bán chịu cho chị trong khi cả làng đều quay mặt đi mà đã xin thì chị cho, đơn giản thế thôi. Đó là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng. Sau ít lâu thì chồng chết, số quán rượu trong làng phải dẹp hơn một nửa vì thị trường thu hẹp, những người nghiện rượu đều chết vì bệnh xơ gan bởi thứ rượu pha thuốc trừ sâu và cũng có thể do cứt chó. Nghe nói chính cu Ca là người đã cho vào mỗi nồi rượu một hạt phân chó bằng hạt ngô cho ngậy lên cái mùi dân nghiện rất thích, người này ra tha ma cách người kia hai, hoặc ba ngày và chị Sang không đến nhà cu Ca lần nào nữa.

Chúng ta sẽ bắt công nếu trong buổi sáng có ngọn gió heo may quý quái đó thổi về chỉ có những người đàn bà góa mới đánh rơi đồ vật trong tay họ. Có một người không phải đàn bà, càng không phải đàn bà góa, cũng làm đổ một chén trà đang uống dở, đó là cha xứ. Cũng như xơ Gian, theo một góc độ nào đó, nhất là góc độ sinh vật học, cha xứ cũng có thể gọi là góa nên cha có làm đổ một chén nước trong giây phút mà mọi người đàn bà góa đều làm đổ một cái gì thì cũng chẳng phải là tội trọng. Vốn là người hiền từ và đa cảm, cha cũng cảm thấy mùi vị khác thường của ngọn gió. Cha cũng nhớ và bồi hồi. Cha nhớ có một

ngày giông bão cả làng không ai đi chợ được, một người đàn bà đã đập cổng nhà thờ đòi mua rau cải. Chị bảo mua rau về làm giỗ đầu cho chồng nên cha xứ biết là chị góa. Cha nhân từ bảo ông bố nhà thờ nhỏ cho chị ít rau và hành hoa trong vườn, chị lễ phép lay cha rồi nhỏ nhẹ hai tiếng cảm ơn. Đúng lúc đó cha quay mặt đi vì không thể nào chịu nổi dáng người đẹp thon thả của người góa phụ lộ rõ ra khi nước mưa làm quần áo chị dính vào da thịt. Đã lâu lắm rồi ở đất Kẻ Đồng hoang vắng này cha mới thấy một sự cảm dỗ đẹp như thế ẩn hình trong bộ quần áo ướt. Tháng cấm phòng sau đó mấy hôm, các cha xứ bạn hữu thấy cha Kẻ Đồng vật vã như người ốm. Ông cố xua đuổi hình ảnh người đàn bà ướt mưa hôm đó mà không được. Cuối cùng chính Đức Mẹ Rất Thánh đã giải thoát cho ông, khi ông một mình cầu nguyện trong cấm phòng tòa giám. Ông tha thiết được gặp Mẹ, ông cầu lay *lái tim vô nhiễm nguyên tội Đức Mẹ đồng trinh, xin đền tạ lái tim đau đớn Mẹ, bù lại những tội lỗi con đã nghĩ làm xúc phạm đến Lái tim Mẹ, cùng Lái Tim Chúa Giêsu Con mẹ*, ông đau đớn cảm thấy Chúa đã giận dữ mình trong buổi chiều mưa hôm ấy nên mọi lời cầu nguyện của ông hình như không thấu đến tai Người. Và ông đành nguyện xin Mẹ *cho con được vào ẩn náu trong Lái Tim Mẹ và nhờ Lái Tim Mẹ mà đến cùng Lái Tim cực Thánh của Chúa Giêsu Con Mẹ*. Ông thì thầm cầu xin một mình trong phòng nguyện tòa Giám và khi mệt mỏi đứng dậy, ông biết

ngay mình đã được Mẹ tha thứ. Mẹ bao dung cho ông ẩn náu trong trái tim Người và đó là còn đường ngắn nhất để ông tiếp thông với Đấng tối cao và xin lòng tha thứ.

Ông quên hẳn chị cu Sang cho đến hôm có cơn heo may đầu mùa ấy. Lúc đó xơ Gian vẫn cầm hộp đồ lễ trên tay vì bà đang lấy tròng hạt và cây thánh giá ra lau chùi thì cha gọi. Hai người đi dạo trong vườn nhà thờ. Cha xứ bảo muốn đảo một vòng để xem mấy đám đất gieo hạt giống xu hào Ý mọc mầm ra sao, đó là món quà của Đức Giám mục dịp người sang La Mã thụ ơn Đức Thánh Cha trở về. Bỗng ngọn gió thổi đến. Cha xứ đứng lại.

- Này xơ!

Xơ Gian lúng túng nhặt hộp đồ lễ lên. Bà đã kịp cho miếng gỗ bị sứt vào túi và giấu cái hộp dưới vạt áo. Nhưng cha đã nhìn thấy, ông không nói gì. Ông đọc được thoáng bồi hồi trong mắt xơ cũng như nó vừa chọt tới trong lòng ông lúc cơn gió thổi qua.

- Thưa cha...

- Xơ còn nhớ nhà chị cu Sang, người đàn bà góa đến nhà thờ mua rau cải về làm giỗ chồng năm ngoái?

- Dạ, có nhớ. - Xơ cung kính - Dạo chồng chị ấy chết con có đến giúp đám nhà chị ta.

- Nhưng rồi xơ không bao giờ trở lại nữa phải không?

- Dạ.

- Như vậy là xơ đã yêu người ta bằng mình chưa?

- Dạ thưa cha, chưa. Con chưa trọn điều ấy. Vả chị ta cũng chưa làm phép rửa tội bao giờ.

- Mọi người ở thế gian này đều từ cõi không, do Cha chúng ta ở trên trời làm nên mà có, phải thế chẳng?

- Dạ, thưa cha.

- Vậy thì chúng ta là tội tớ của Người, sao xơ không nghĩ ra phải làm cho không thành có?

- Dạ con hiểu.

- Cha biết con đã đem tình thương của con mở rộng nước Trời lâu nay mà quên sự vất vả. Nay cha nhắc xơ điều nên làm ấy.

Xơ Gian đến nhà chị cu Sang vào lúc nắng đã gay gắt, thứ nắng hanh trong tiết trời trở lạnh làm da dẻ người ta mốc trắng vì gió heo không làm ra mồ hôi. Chị Sang, sau khi đánh vỡ cái ấm pha trà, không biết làm gì với chiếc răng sâu của chồng, cứ cầm nó trong tay mãi. Đáng lẽ chị còn phải phơi chắn bông và đổ lạc củ ra nia cho uông nắng, nhưng vì vướng chiếc răng trên tay nên chị cứ trần trối ngồi trên bậu cửa nhìn ra sân, nhìn đám lá chuối lật qua lật lại trong gió như chính cõi lòng bất yên của chị. Chiếc răng vừa tìm thấy sau cơn gió không gợi lại cho chị hình bóng người chồng hung bạo, say nhè mà trái lại, những kỷ

niệm êm ái trở về. Chính đêm trước hôm anh chòng súc miệng làm văng chiếc răng sâu, chị đã dùng lưỡi mình lung lay cái răng vốn đã như cóc gặm và thường làm anh chòng mắt ăn mất ngủ hàng tuần trắng liền. Anh bỗng trở nên dịu dàng hơn trong cơn ân ái, cái lưỡi chị làm anh đã ngứa và hết nhức răng, anh thừ ra như con trâu được kỳ cọ bằng thứ con cúi rơm lúc tắm dưới suối.

- Chào xơ! - Chị Sang đứng dậy, bước xuống sân, bỏ chiếc răng của anh chòng quá cổ vào túi rồi nắm lấy ống tay áo lưng thụng may bằng vải đen của xơ Gian. Trong bộ đồ tu sĩ, nước da xơ càng trắng còn đôi môi thì hồng như tô son. - Lâu nay con không được gặp xơ!

- Xơ bận quá!

- Con vừa đánh vỡ mất cái ấm pha trà. Mời xơ uống nước với con vậy.

- Cám ơn em. Nhà thờ cũng có một cây vôi. Xơ thường uống nước vôi với bột bã già. Xứ Huế của xơ người ta cũng ham nước vôi lắm. Mà này, hôm ni là ngày chi mà xơ cũng lập cập đánh rơi cả hộp đồ xuống đất.

- Vậy ư xơ? Tại trời trở gió. Con cứ thấy chộn rộn trong người làm sao ấy. Xơ ơi, nghe nói cây vôi ở vườn nhà thờ đã sống hơn trăm rưỡi năm, trước cả ngày cha Bảy dựng nhà thờ nữa, phải không ạ?

Xơ Gian làm dấu Thánh.

- Cầu cho cha Phê rô Bảy an nghỉ trên Thiên Đàng. Con hỏi những thứ từ ngày chưa có bà cố của xơ, làm răng xơ biết được?

Xơ Gian hỏi chuyện mùa màng chuyện khoai sắn lúa bắp nhà chị Sang. Rồi xơ phàn nàn năm nay vườn nhà thờ thu hoạch kém, người ta chỉ cho các bà già đến trông trọt, chăm sóc. Chẳng cây nào mọc ra hòn, thu hoạch bắp và mấy cây ăn quả lưu niên không đủ trả tiền phân. Lễ lạt của dân cho nhà thờ cũng teo dần, năm sau không bằng năm trước. Chị Sang nói:

- Có thể thật! Người có sức thì phải cào cấu nuôi con. Họ đưa bà già đến giúp nhà thờ cũng là có lòng với cha và xơ lắm rồi. Bên ấy, ngoài các khoản đóng góp như bọn con, người ta còn phải thêm khoản cho nhà thờ.

- Nhưng chẳng lẽ lại để người chẵn chiêng chết đói hay sao? Xơ thì không nói, ăn mặc chi cũng xong, nhưng cha bè trên thì không thể được.

- Tại sao xứ đạo mình nghèo. - Chị Sang chép miệng - Người nào cũng phải lặn lưng ra mà không đủ sống. Bà goá lại nhiều hơn nơi khác. Thiếu đàn ông thì ai cũng khổ, phải không xơ?

Mắt Chắt Sang long lanh, dồn nén những điều chưa được giải tỏa từ sáng đến giờ. Hôm nay là ngày chi chi? Gió heo may về, chiếc răng sâu hiện ra, mặt ao tù nổi sóng. Chị mạnh bạo đưa đôi cánh tay rộng

và chắc ôm chầm một vòng eo nhỏ bé của xơ Gian như ôm một cô bạn gái cùng làng.

- Xơ cũng khổ, phải không xơ? Xơ mới bốn mươi tuổi thôi mà!

Xơ Gian đỏ mặt vùng vẫy thoát khỏi bàn tay cảm dỗ, lại đưa ngón tay làm dấu thì thầm đọc kinh dâng mình cho Đức Mẹ, *tôi đã dâng con mắt, lỗ tai, miệng lưỡi, trái tim cùng cả mình tôi cho Đức Mẹ thì ngày hôm nay lay Đức Bà Maria, lay Mẹ khoan thay, xin Mẹ gìn giữ tôi như của riêng Người vậy. Amen.* Chị chất Sang không nghe rõ xơ thì thầm điều gì nhưng chị sững lại vì nhìn thấy xơ run rẩy và sợ hãi như đập phải một con rắn.

- Không, em ạ. Xơ đã dâng mình cho Đức Chúa và Hội thánh, con người xơ lạnh như băng rồi, xơ không thấy khổ là chi nữa.

- Nhưng con thì không được thế, xơ.

- Chừ con muốn thì chẳng ai ngăn cấm con được thế. Vòng tay Đức Mẹ và con của Mẹ rộng vô biên, Người không từ chối một ai đến bên Người.

- Xơ bảo con cũng đi tu như xơ ư?

- Xơ không bảo thế. Nhưng nếu con chịu phép rửa tội như những người đi đạo trong làng thì Chúa sẽ tha thứ cho cái tội tổ tông truyền của con. Con sẽ không thấy khổ sở, dằn vặt mỗi khi gió heo may về nữa.

- Chẳng nhẽ con không còn cách gì khác nữa hay sao? Hay là con lấy chồng?

Xơ Gian ái ngại nhìn góa phụ trước mắt mình. Cha bè trên bảo xơ phải cứu vớt chị ra, để mở rộng nước Trời. Cha bảo rằng, con chiên lạc đàn thì trước hết phải cho nó nhìn thấy một bó cỏ. Vườn nhà thờ rộng mênh mông mà chỉ trông mong vào những bà già công quả như bên mấy cái chùa thì chẳng ăn thua. Phải thuê mướn người có lực có kinh nghiệm trông trọt với giống mới, phương pháp mới. “Nếu thuận, xơ hãy bảo *chị va* đến làm công cho nhà thờ. Ta sẽ trả công xá rộng rãi, còn xơ thì cũng tiện tiếp xúc” - Cha bảo thế.

Chị chất Sang không từ chối. Chị bảo làm công cho nhà thờ thì cũng còn hơn vào mấy cánh rừng cạn kiệt trên Ngàn Éo mà nhật củi khô kiếm ăn. Nhưng bảo còn phải để chị thu xếp đã. Xơ Gian ra về. Xơ biết là mình còn phải trở lại đây nhiều lần nữa. Trong thâm tâm xơ thương người đàn bà góa có cuộc đời khổ nạn không lối ra và chỉ được giải thoát khỏi cái án chung thân khi trở thành góa bụa. Nhưng góa bụa thì cũng là một cái án chung thân khác nếu *chị va* không biết dâng trọn mình cho Đức Chúa lòng lành.

Chị chất Sang mất hẳn một ngày không động tay động chân được vào công việc gì trong nhà, trong vườn. Chị cảm thấy hôm nay là một ngày hệ trọng, có lẽ nhờ cơn gió mà chị tìm lại được chiếc răng sấu của chồng, người chồng bây giờ đây chỉ để lại trong chị

những kỷ niệm êm ấm, yêu thương. Bao nhiêu đòn vọt, nhục nhã, hận thù với anh ta chị đã quên hết. Chị lấy cái chiếc răng trong túi ra ngắm nghía tự hỏi xem nên làm gì với nó bây giờ? Nó là một phần hài cốt của anh không thể khinh suất được. Mãi suy nghĩ những chuyện đó mà chị quên cả nhóm lửa nấu cơm tối. Nhưng chị không thấy đói. Một ngày như thế này thì ăn uống vào cũng như không. Chị lằng lằng trong cảnh hư và thực, nửa đói nửa no, không nghe bước chân mình đi, không cảm thấy cảm giác gì khi cầm lên một thứ đồ vật nào đó trong nhà. Phải rồi, hồi mới cưới chị cũng có vài ngày như thế. Lại nữa, một lần khác, khi cuộc chung sống với anh chồng đã nhàu như giẻ trong mớ tã địa ngục, cái đêm vì thương người và nhẹ dạ, chị cho anh cu Ca đề lên mình rồi lăn đi lăn lại chị như một khúc chuối trên tấm phản ọp ẹp chị cũng thấy nhẹ nhõm, lằng lằng như thế. Nhưng cơn sung sướng kia là thật, còn cái lằng lằng hôm nay chỉ là một tiếng vọng. Chính lúc đó trong đầu chị bật ra một ý nghĩ: “Hay là... đi tu như xơ Gian cho xong!” Cái ý nghĩ bất chợt ấy làm chị sợ hãi. Bởi vì, tuy trong làng ai cũng mến và kính trọng xơ Gian vì bà thương người và hay giúp kẻ khó. Nhưng hễ mỗi lần bà gọi người ta làm lễ rửa tội thì mọi người đều tự nhìn mình như một tên phản bội và bà xơ tốt bụng kia nhanh chóng biến thành ma đưa lối quỷ đưa đường. Làm sao lại bỏ mặc bàn thờ ông bà ông vải không giỗ, không chạp, làm sao không đi lễ Phật ngày rằm, ngày

mồng một đợc cơ chứ? Chị Sang đang sống trong cơn sợ như thế và chị bất giác thở dài, tâm thần bấn loạn. Tất cả tội vạ là do cơn gió hét! Mới ngày hôm qua đây chị còn thanh thản, yên một bề như con mèo ngủ trên đồng rơm mà nay thành con nai sỏ chuồng tung tăng trên đồng nội.

Tối hôm đó chị Sang ngủ đỏi. Lâu lắm rồi, từ ngày ở góa, không có đàn ông đỡ đàn việc đồng áng, chị không còn phải đi ngủ đỏi nữa. Chị đã dự trữ đợc một cót thóc, năm nào cũng đỏi hạt cho nó mới. Sáng dậy chị tưởng không cất nỗi mình vì những mộng mị tai quái làm chị đỏ mặt lúc nhớ lại. Chị phải cho hai bàn tay vào giữa đùi rồi nghiền răng khép chặt lại một lúc lâu mới tỉnh táo hẳn.

Lại một ngày lằng lằng và khỏ sở trôi qua. Gió heo may càng thổi mạnh hơn như nó vừa đợc sỏ chuồng đang tìm cách vượt qua những con trưông trên núi Thiên Nhân đến từng nhà, từng người để rủ rê, khuyên bảo người ta nhớ lại, người ta hãy phá phách hay gào thét. Thứ gió lạ lùng làm trời trở lạnh mà hanh khô không để ai yên. Tối hôm đó, đang vật vã trên cái giường rẽ quạt mua từ hồi lấy chồng, chị chắt Sang thấy sợi dây lạt cột cửa trở mình rồi rơi xuống đất. Cánh cửa mở ra và cu Ca bước vào.

Y ta bảo rằng, không ngờ cơn gió heo may đầu mùa lại có thể làm tớc mắt cái chái hồi của nhà y, có lẽ vì nhà y ở ngoài lũy tre nên không có gì che chắn,

cái chái bị búng khỏi mái nhà rơi xuống đất lại còn gây thêm tai vạ làm nát tinh tươm một luống su hào mới gieo, đê chết một con mèo tam thể cùng hai con chó con mới tách mẹ. Toàn bộ vốn liếng y đã đổ vào luống rau giống đó với hy vọng dựng lại cái nhà quá ọp ẹp trước Tết. Y buồn, y khổ, y không thể nào ngủ được trước một tai bay vạ gió như thế. Và y chỉ còn nước đến với chị. Y đã nhịn thềm hai năm nay, y muốn chờ chị hết tang chồng cho phải đạo nhưng làm sao y lại phải chờ, phải đợi kia chứ?

- Cô tắt đèn đi! - Y nói.

Chị Chắt đang ngằn ngủ thì y đã nhanh chân bước tới bàn không thổi mà cầm chiếc đèn Hoa kỳ dốc ngược lên cho nó tắt thật nhanh rồi kéo chị lên giường.

Cu Ca ngủ li bì đến tận chiều hôm sau. Chị Chắt Sang luộc cả một ổ trứng gà mới áp được hơn mười bảy ngày vào chậu nước lạnh cho dễ bóc, chờ y thức dậy.

Xơ Gian đang tưới rau thì ông bõ già ra vườn bảo lên gặp cha xứ. Hai hôm nay xơ thấy cha để đèn rất khuya, cửa sổ phòng cha hướng Tây Bắc và đương nhiên gió heo may thổi đến từ phía ấy. Nhưng cha không đóng cửa. Ánh đèn phòng cha làm sáng lên một nửa khu vườn và do phòng ngủ của xơ nằm trong dãy nhà ngang nên ánh sáng khác thường ấy và những tiếng rít của trận gió đầu mùa cũng làm xơ Gian mất ngủ lây. Xứ Huế của xơ cũng đôi khi hứng gió heo may nhưng nó không tai ác, không độc địa như ngọn gió này.

- Thừa cha, người không được khỏe?

- Không, cha vẫn bình thường. Cha chỉ muốn nhắc xơ về chuyện chất Sang. Xơ đã trở lại với *chị va* chưa?

- Dạ, con định chiều ni mới lại.

- Bảo *chị ấy* thu xếp nhanh nhanh. Gió heo may về rồi, mùa rau đã vào vụ. mấy luống xu hào Đức Giám cho nhà thờ bán chắc được tiền nhưng phải có người chăm sóc. Ta không được phụ lòng cha bề trên.

- Con xin vâng, thưa cha.

Xơ Gian nói, cảm thấy trào lên trong lòng một tình thương vô bờ đối với người đàn ông đứng trước mặt mình. Lạy Chúa tôi, xin Người hãy cứu vớt những tâm hồn nhạy cảm và yếu đuối. Xơ đến nhà *chị va* thì cửa nhà đang đóng. Xơ nghĩ có thể vì gió thổi mạnh quá *chị va* khó ở, đau mình. Xơ nhẹ nhàng hé tấm liếp cửa nhìn vào. Xơ thấy cu Ca đang nằm, ngực để trần, hai tay buông thõng và nét mệt mỏi, nhàu úa nhưng đầy hoan hỉ đang nhai chêm chếp những miếng trứng gà lộn do chất Sang cầm cái thìa nhỏ bón cho. *Chi va* quỳ trên người cu Ca, phô tấm lưng trần ra phía cửa nên xơ không nhìn thấy mặt. Chỉ thấy lộn tóc *chị va* xoa xuống vai xuống lưng và cái đuôi tóc dập dờn nhảy nhót giữa hai cái đùi trần đuôi thẳng của cu Ca.

- Này, răng trên thì vút xuống giường hay lên mái nhà nhỉ? - Chắt Sang vừa bón trứng, hỏi.

- Nỡm! Vút đâu mà chẳng được! - Cu Ca nhòm nhòm trả lời.

Xơ nhẹ nhàng lui ra. Nhờ gió thổi và cũng nhờ chị chắt bận bịu bón trứng và đưa tay liệng vật gì vào gậm giường nên hai người trong nhà không hề biết là xơ đã đến và đi lặng lẽ.

Sau đó không ai ở xứ Kẻ Đòng gặp xơ Gian nữa.



BÙI BÌNH THI

Họ và tên: **Bùi Bình Thi**

Ngày tháng năm sinh: 24.4.1939

Quê quán: Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Tây

Nghề nghiệp: Nhà văn, nhà báo

Địa chỉ hiện nay: Ngõ Trạm, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Ký sự Xiêng Khoảng, Đường về cánh đồng chum, Âm vang của rừng, Mùa xuân đến sớm, Hành lang phía đông...*

Các giải thưởng văn học: Giải nhì của Bộ Quốc phòng nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày thành lập QĐND năm 1999.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Đây là một truyện ngắn mà nhân vật chính lẫn phụ, hoàn toàn có thật. Trong truyện ông già tên là Giản (ngài đời ông là Giảng) tác giả chỉ cô đọng lại bằng cách bớt đi có phụ âm "g". Tính cách của ông, nghề nghiệp, các thăng trầm, sự thông minh, tâm địa cao khiết, sự từng trải của ông, trong truyện là nguyên si; tác giả chỉ cô đọng lại thôi. Rồi đến cả bấy nhiêu đứa con gái khác, dâu, rể; tác giả cũng viết nguyên si. Rồi nữa, trong truyện có nói thời kháng chiến chống Pháp ông làm gì, vụ tham nhũng đầu tiên là đại tá Trần Dụ Châu, ông Giảng đi dự, rồi ông kể với tôi; trong truyện tôi cũng viết nguyên si, và chỉ có cô đọng lại thôi. Nếu nói đây là truyện "người thật việc thật" cũng cực kỳ chính xác. Tuy nhiên, tác giả xin thêm vào một cụm từ có ba con số nữa đằng sau, đó là truyện "Người thật việc thật 100%".

TIỀN CỦA ÔNG

Tên ông là Giản. Nhà ông có ba con số giữa một đường phố lớn và dài ở Hà Nội. Tôi được biết cách đây đã hơn ba chục năm. Đạo ấy vào khoảng giữa năm 1966, tôi bắt đầu làm quen rồi đâm mê một cô gái. Đang thời buổi chiến tranh, dân thành phố đi sơ tán, tôi đạp xe về thăm người chị ruột của cô gái ấy, chị là cô giáo dạy học tại một trường cấp ba, ở nhờ một xã vùng bán sơn địa của huyện Tiên Phong, Bắc Ninh. Lúc tôi đang trò chuyện với mấy cậu bé con của chị để chờ chị về, thì một ông trạc ngoài năm mươi, với chiếc xe đạp cà khổ hiện ra ngoài đầu hè. Tôi ngược nhìn ông, trong tiếng chào của lũ con trai cô giáo. Ông đã ngồi thụp xuống ôm chàng lầy đám trẻ con và sau đó ông đứng lên gỡ chiếc cặp lồng to treo tòn ten trên ghi đông xe, gọi tên một cô bé lớn nhất trong đám trẻ ấy, ông bảo cô bé đem ra một đĩa sắt tráng men to và đôi đũa, ông lại ngồi bệt xuống hè, mở cặp lồng cầm đũa gấp từng miếng thịt đặt gàn vành đĩa. Ông gấp đến miếng thứ hai, thứ ba, rồi thứ tư, thứ năm, thứ sáu miếng thịt đặt đều đặn theo vành đĩa. Và cứ thế ông

gấp tiếp, lặng lẽ nghiêm túc, cẩn thận cho kỳ đủ sáu xuất thịt mỗi xuất sáu miếng. Sau đấy, ông lại bảo cô bé lấy ra một cái bát ăn cơm và gấp vào bát hai miếng để tách riêng ra hai bên và mỗi bên đủ năm miếng thịt. Ông ngẩng lên, nhìn đăm đăm vào mặt năm đứa trẻ bốn trai một gái rồi giọng ông trong và nhẹ như hơi thở.

- Ông cho năm cháu năm xuất thịt. Mỗi miếng ăn dè làm hai bữa, vị chi là sáu ngày. Còn hai xuất trong cái bát thì cho bố mẹ các cháu đủ ăn trong hai ngày tới. Đến ngày thứ sáu ông lại về cho nốt bố mẹ mày một xuất nữa cho đủ sáu xuất và ông sẽ cho các cháu mỗi đứa hai miếng bằng những miếng này, để các cháu ăn trong ngày chủ nhật, rõ chưa?

Bọn trẻ dạ ran...

Chúng kiến, tôi hết sức ngạc nhiên hình dung ngay ra một lão với tính cách hà tiện kệt xỉ. Mặc dù những năm tháng đó tìm cho ra một miếng thịt cũng không phải là chuyện dễ. Nhưng, tôi lại không thể nghĩ được rằng, trên đời này, còn có một ông như ông này. Tôi chăm chú hơn khi ông đứng lên, tra cặp lông vào ghi đông của chiếc xe Xít-téc-ling không chuông, phanh, không gác-đờ-bu, gác-đờ-sen. Và tôi chợt nhận ra, cách ăn mặc của ông, tôi cũng gặp là lần đầu. Ông đạp xe đầu trần. Đầu ông, tôi chỉ vừa mới ngược lên nhìn, tức khắc có ngay một cảm giác, ông có cái đầu vừa to vừa hết sức rắn chắc, như bằng đã được gọt

nhấn lảng. Trời nắng chang chang cái đầu rần như đá của ông khinh tất cả các loại mũ nón. Ông mặc một chiếc áo sơ mi màu cháo lòng. Vật trước và sau vá nhiều miếng, bên trái có một túi áo to, miệng túi cài hai kim băng, thoạt nhìn tôi tưởng đó là một miếng vá nữa. Dưới cái áo ấy là chiếc quần lửng vốn do từ quần âu dài cắt ra và khâu gấp lên một đường gấu mũi kim to, nhìn đến một cái người ta hiểu ngay đây là đường kim đàn ông. Ông Giản chậm rãi dắt chiếc xe ra, lúc ông nhắc bánh trước lên tam cấp, tôi vội hỏi:

- Giờ bác về Hà Nội?

Ông lão quay lại, vẫn giọng trong vắt nhẹ nhàng:

- Thưa ông, tôi còn đi thăm hai một gia đình các cháu như thế này nữa, mà mỗi gia đình đều cũng đông. Bấy giờ tôi, tôi mới về Hà Nội.

Tôi dặn ông:

Bác nhớ chú ý máy bay nhé...

Ông Giản gật nhẹ, lại cúi đầu chào tôi một lần nữa mới quay ra dắt xe, chạy chậm chậm nhảy lên yên, y như kiểu xe đạp của người thời những năm trước 1945 vậy. Ông lão đi khuất, tôi được biết ông là ông nội của sắp nhỏ, bố chồng của cô giáo, mẹ của mấy đứa trẻ và là chị của cô gái mà tôi đang theo đuổi.

Sau này, tôi với cô gái ấy thành gia thất. Lẽ đương nhiên, lịch tích của ông lão, tôi thường xuyên

được nghe bởi những người bà con bên vợ kể lại. Thế rồi đến Tết năm nọ, tôi còn được một vinh dự nho nhỏ, tháp tùng bà mẹ vợ đến thăm ông ngày mùng một. Biết về ông, nghe phong phanh về ông kể cũng đã lâu, đến hôm ấy tôi mới thực sự giáp mặt ông, ngồi trò chuyện với ông. Vì là ngày Tết, trời lại rét nên ông mặc một chiếc áo Pa-đờ-xuy đã rách xơ và cuốn gọn bên cổ một chiếc áo len cũ, hai tay của chiếc áo len thất lại trước ngực. Ông tiếp chuyện tôi bằng một vẻ lịch sự, thân mật, cởi mở. Mỗi lần câu chuyện chuyển đoạn, ông lại nhìn vào mắt tôi thoát lạng im. Đôi lông mày thưa cong và dài hơi nhướn lên dưới một vầng trán phẳng và dựng đứng, khuôn trán rộng và cao ấy gặp mảng đầu hói một vẻ rắn chắc và bóng láng, trông thật đáng nể. Ngắm nhìn ông, với đôi mắt to và đuôi mắt đầy vết chân chim, sống mũi cao và thẳng, chóp mũi tròn tỏa ra là hai cánh mũi dày và cặp môi mím chặt mỗi khi chột đăm chiêu; tôi hình dung có lẽ ở thời trai trẻ, ông hẳn là một trang nam nhi sáng giá.

*

Tốt nghiệp trường cao đẳng kế toán tài chính Đông Dương khoa thuế quan. Giản được người Pháp ưu đãi ngay những năm tháng đầu tiên làm viên chức chỉ vì anh học rất giỏi và đỗ thủ khoa. Hai mươi bảy tuổi Giản đã thành đạt. Đến năm ba hai, ba ba, ông viên chức quan thuế này đã nhà cửa tòa ngang dãy dọc cho thuê, không kể hai dinh cơ lớn của hai bà vợ.

Ở cái thời Tây đô hộ, rất hiếm người làm quan thuế mà lại giàu có như ông Giản. Ông giàu và làm giàu rất nhanh, đến nỗi những ai quen biết ông, nghe kể về sự giàu có của ông đều bàng hoàng, sửng sốt. Bởi họ đều biết thằng Tây đâu có ngu mà để cho một anh An-na-mít toàng làm nghề thu thuế mà làm giàu được. Làm nghề thu thuế mà giàu chỉ có đi ăn cắp đục khoét. Nhưng trò đời, của ăn cắp không bền. Sướng đầy mà khổ đầy. Nhà đá luôn luôn chờ đón. Vậy ông Giản giàu bằng cách gì. Vâng, ông giàu có nhờ vào ban thưởng của quan Tây, về tất cả những vụ ông chống lậu thuế. Ông có biệt tài về chống đủ các kiểu lậu thuế. Trong đó, một biệt tài rất ít người có, hề thằng cha nào có hành tung lậu thuế, ông chỉ gọi đến cho ngồi trước ông, ông vặn vẹo mấy câu là đối diện cứ phải khai ra. Và khoản ông được tiền thưởng nhiều hơn cả là những vụ ông chủ động nuôi béo những kẻ lậu thuế. Sao lại nuôi béo được những kẻ lậu thuế? Vâng, có đấy. Trong vùng buôn bán nơi ông quản lý, ông ngầm thống kê, theo dõi những thằng cha nào có máu mặt và đang máu mê kiếm lời. Chỉ ngó qua số hàng mà ai đó đang buôn hay đang bán, ông đã nhắm tính được giá trị mà hấn ta nộp thuế. Thế là ông sai bọn đàn em đến thu, bằng một linh cảm tuyệt diệu, ông biết chắc chắn nó đã giấu, đã khai man bao nhiêu tiền thuế, trong khi kẻ ông sai đến không thể nào có được khả năng như của ông. Sau đó, ông cứ vậy mà giả vờ “quên” đi “lơ” đi, quãng thời gian “quên” này

càng xa bao nhiêu càng tốt, cho đến ngày ông biết, ông làm vụ truy thu này sẽ được xếp thưởng là bao nhiêu, nhất là khi số tiền ông sẽ hưởng ấy, đủ để ông mua được một tòa nhà, hay một miếng đất béo bở, bấy giờ ông mới ra đòn. Lúc ấy, con mồi chỉ có nước nộp xong số thuế truy thu rồi thì chọn lấy một trong hai ngã. Nhảy xuống cầu sông Cái hoặc bán xới tuyệt tằm dặng.

*

Cuối năm 1946. Kháng chiến bùng nổ. Dân Hà Nội tản cư. Ông Giản đem vợ con theo đường số 3 ngược lên Việt Bắc. Trước khi đi ông Giản còn kịp mang hết số vàng và tiền Đông Dương trong két sắt nhà ông chia cho hai bà vợ giắt lưng, còn đâu thì ông giữ, đề phòng lúc cơ nhỡ phải lưu lạc xa vợ con chẳng hạn.

Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn. Ông và hai bà vợ một lũ con, cùng đám dân thành thị luồn rừng sâu, sống nhờ vào dân bản vùng cao, rau củ lẫn hời. Tây rút về xuôi, nghe ngóng binh tình đã thấy yên, Tây mũi lõ không thể bén mảng được chiến khu Việt Bắc, ông Giản với bấy nhiêu người lại trở ra tìm đến những vạt rừng bằng phẳng ven theo quốc lộ 3, gần những nơi trước đây là huyện, là thị trấn. Lâu nay ông luôn nghĩ đến chuyện phải mở quán để buôn bán nhì nhằng có cái mà sinh sống. Muốn thế, không bao giờ làm nhà ở một cái nơi không một ai hay qua lại

miền này biết đến. Người ta chỉ nhớ đến những địa chỉ quen thuộc. Những năm tháng ấy, đông đảo dân buôn, dân xe thồ, cán bộ, bộ đội thường ngược xuôi đi đi về về trên con lộ 3, đều thuộc lầu một câu vè như thể này: “qua Đu, tới Đuổm, sang Trào. Ăn cơm phố Ngũ, đi vào chợ Chu...”. Ông Giản cùng đám dân thành thị đã lập hẳn một dãy phố tre nửa lá, ép dưới chân rừng rậm ven đường gần địa danh Đuổm.

Một dãy phố đẹp rất khang trang mà lại kín đáo. Máy bay khu trục Hen-cát, Bê-vanh-xít có nghiêng ngó xăm soi cũng như mù. Một năm sau, quán ông Giản và dãy quán xá dọc theo phố Đuổm người ngược kẻ xuôi ghé qua tấp nập, mùa nào thức ấy, chẳng thiếu một thứ gì.

Thời gian này dưới xuôi trong khi không ngày nào là không râm ran tiếng súng Tây mở ra những cuộc càn quét khốc hại, và quân đội cùng du kích của ta quyết liệt chống càn; thì trên vô vàn các nẻo đường, các lối mòn giữa đồng, giữa ruộng hoang, ven ao chuôm, trên sông, ven vùng tè từng tốp từng nhóm người, ấy là dân buôn đêm đêm kìn kìn mang vác đủ mọi thứ hàng hóa tủa lên mạn ngược trên này bày bán.

Những đoàn người, dân buôn tứ chiếng ấy dù đi nẻo nào, cũng thấy đều hợp lưu thành dòng trên con lộ 3. Tốp buôn lên đến Đuổm thì cũng đều một kiểu, dạt cả vào rừng bên dãy phố Đuổm nằm nghỉ ngơi, xuống sông Cầu tắm giặt, nằm ngời ngả ngón quanh

những gốc cây cổ thụ rợp mát. Đây là một chặng nghỉ, nơi tụ bọ duy nhất của miền rừng Việt Bắc này. Sau cái chặng rất quan trọng đó, họ lại chất hàng lên lưng ngựa. Đoàn ngựa thô lông dầm mồ hôi, gõ móng côm cốp trên mặt đường đá đã tróc hết nhựa, đi ngược lên một vài thoi đường, dầm bảy ngày mười hôm và rồi tỏa về những nhánh liên huyện, liên xã, cỏ mọc um tùm phủ mặt đường. Gắn bó với đám dân buôn nhiều nhất là ông Giản. Khi họ còn đang giấc ngủ vùi vì mệt nhọc, thì ông cắp tay sau đít, len lỏi vào giữa những bao, xọt, túi, bị, lạng lẽ ngắm nghía. Đến lúc họ thức, bắt đầu trò chuyện râm ran, thì ông lại xáp vào ngồi với họ, lắng nghe không thiếu một lời nào. Những khi ấy, trong đầu ông luôn luôn dằn vặt một câu hỏi: “Số hàng hóa này, nhiều lắm, có đủ mọi thứ, trong đó hàng xa xỉ cũng không ít. Vậy, thuế má ra sao đây. Đương nhiên là chính quyền kháng chiến phải đánh thuế. Nhưng đã áp dụng chưa. Và đánh thuế từ đâu. Bao nhiêu là hàng hóa, mà chủ hàng hóa chẳng phải nộp một đồng thuế, thì rồi sẽ ra sao đây. Hỏi ai bây giờ... Cơ quan Ủy ban kháng chiến của tỉnh này đóng ở đâu. Mình phải biết, mình nhất định mò tới đưa kiến nghị... Để thế này phí phạm quá”.

Thế rồi ông Giản bắt chuyện với đám dân buôn từ hôm qua tới giờ nằm ngồi chật như nệm trên bãi đất mát rượi đằng sau nhà ông. Ông đưa ánh mắt sắc và sáng như đèn lướt qua bấy nhiêu người:

- Này, xin lỗi các ông các bà, bây giờ các ông các bà cho tôi hỏi, vậy từ khi vượt tề thờ hàng lên đến đây, đã có quăng nào các ông các bà phải dừng lại nộp thuế do Chính phủ Kháng chiến?

Mọi người chen nhau đáp:

- Từ vùng tạm chiến ra vùng tự do thì phải tự do đủ các kiểu chứ ông, sao lại còn phải thuế nữa. Thuế mà làm gì, trong cái lúc đất trời loạn lạc.

Bệnh nghề nghiệp của ông Giản đã bắt đầu thôi thúc:

- Không được đâu các ông các bà ơi... Các ông các bà không đóng thuế, Chính phủ không thu thuế thì Chính phủ lấy tiền đâu mà nuôi quân, mua vũ khí đạn Tây?

Tiếng một người đầu dậu:

- Vâng, ông nói chí phải. Chúng em có trốn thuế đâu... Mà có muốn trốn cũng không có lối trốn. Đường độc đạo, hai bên toàn rừng thiêng nước độc, trốn đằng trời... Nhưng cũng chưa thấy Chính phủ cử người đứng ra thu thuế quăng nào?

- Nếu Chính phủ Kháng chiến có sắc lệnh thu thuế, các ông các bà đồng tình nộp thuế chứ? - Ông Giản hỏi mọi người...

Tất cả đều biểu đồng tình với ông Giản. Mấy tháng sau, ông Giản đã bắt liên lạc được với Ủy ban

Hành chính kháng chiến của huyện, rồi của tỉnh. Ông Giản tường trình một cách cặn kẽ về bản thân và cái nghề mà ông đã làm từ hồi còn trai trẻ. Thế rồi ông cũng tường trình luôn thể những dự kiến của ông về việc thu thuế hàng hóa đang được dân buôn khuôn kìn kìn từ vùng địch tạm chiếm lên Việt Bắc theo ngã đường quốc lộ số 3 và 2 ngoài kia. Cấp trên hỏi ông vì sao ông lại nắm vững địa lý và đường xá đến vậy. Ông Giản trả lời rằng những điều ông vừa nói, ấy là kiến thức ông có được hồi ông học trường Cao đẳng Tài chính kế toán Đông Dương khoa Quan thuế. Các thầy giáo ở trường này đã nhồi vào cái đầu cực kỳ thông minh của ông như sau: “Một viên chức thuế quan phải biết một cách chắc chắn và thông tỏ đường ngang ngõ tắt của một địa phương mà ta quản lý, có như vậy anh ta mới không để lọt kẻ trốn thuế, đương nhiên rồi, mà còn biết được ngã đường nào, loại đường nào, dân buôn trốn thuế hay qua lại”. Anh sinh viên Giản đã chẳng những thuộc lâu ý tưởng ấy, lại còn vẽ được đầy đủ hệ thống đường xá của mấy tỉnh huyện miền thượng du Bắc Kỳ.

Thế rồi, một điều ông hoàn toàn không một chút nào dự kiến hoặc nghĩ tới đã đến với ông. Cấp trên giao cho ông đứng đầu cơ quan Thuế quan của tỉnh mà con lộ 3 này đi qua.

Ông Giản vào cuộc thật là hào hứng và khấn trương. Ông những tưởng chiến tranh, tản cư lên Việt

Bắc, vậy là mãi mãi không còn làm cái nghề mà cứ như có sẵn khi nào trong con người ông.

Ông Giản lên hẳn một bản những mặt hàng cần thu thuế, và thu bao nhiêu thì đủ, và những mặt hàng miễn thuế, giảm thuế. Ví như: Thuốc chữa bệnh, muối, vải vóc, vải diêm bầu và chúc bầu v.v... không mất một cắc thuế nào.

Sau mấy năm làm việc này, ông Giản được cấp trên khen thưởng đều đặn, giấy khen, rồi bằng khen. Cấp trên còn khen ông là một cán bộ thuế phụ trách hàng trăm nhân viên, lập thêm hàng chục trạm thuế vụ, vậy mà từ lúc ông bắt đầu nhận công tác, đến lúc ông xin thôi, tiền nong chi thu rất là rành rọt. Ông Giản không tư hào lấy một đồng, nhân viên của ông cũng vậy, không một ai bớt xén bỏ túi một hào tiền công quỹ.

Hôm ấy, ông Giản đi họp trên tỉnh về thì nhận được một tờ thiệp, mời ông đến dự tiệc cưới. Xem kỹ tấm thiệp, ông nhận ra một dòng họ tên ông mới quen: Đại tá Trần Dụ Châu. Ông đại tá này mời ông Giản đến chung vui một hôn lễ của viên sĩ quan do ông ta đỡ đầu: Lê Sĩ Bửu.

Trời tối, ông khoác chiếc áo đại cán đã cũ, con trai của ông vừa tặng ông cách đây hai hôm, khi anh dẫn quân về xuôi góp lính cho các chiến dịch.

Ông Giản đến một nơi có hàng rào, cổng, lính gác. Qua cổng, lối đi dẫn ông tới một hội trường lớn.

Vừa đặt chân đến cửa, nhìn vào, ông Giản hoảng hồn. Trước mặt ông, những dãy bàn dài trên mặt bàn chi chít hàng nển trắng to bằng cổ tay cao đến hai gang thấp sáng tung bùng, dưới chân nển để kín những đĩa chim quay, gà tần, giò chả bê thui. Vây xào xu hào, bóng nấu chân giò, và vô vàn những chiếc ly cao chân bằng pha lê, đứng quây quần bên những chai rượu bang boóc-đô màu đỏ và những chai sâm panh. Tiếng đàn réo rắt.

Trông thấy ông, Trần Dụ Châu oai vệ trong bộ quân phục đại tá ra bắt tay ông, hoan hỉ mời ông vào. Trong hội trường, các tân khách ngồi đã gần đông đủ. Ông Giản đáp lễ với đại tá Châu, và ông cảm thấy hồi hận thực sự. Nếu biết trước ông sẽ không đến. Thế rồi, ông Giản cứ cật vấn lương tâm, ông tự hỏi: “Đang lúc chiến tranh ác liệt, thiếu thôn đủ đường, vậy mà cái nhà ông đại tá này lại có thể tổ chức một tiệc cưới không thiếu một thứ cao lương mỹ vị nào như thế này, thì ông ta thật to gan...”. Nghĩ ngợi, ông Giản bỗng thấy xót xa, với câu hỏi vừa chợt đến. “Không biết để có được vô vàn các món ăn quý tộc này, cái nhà ông đại tá kia có xà xẻo tiền thuế của Ủy ban Hành chính hành chính góp cho quân đội để mua súng đạn? Phải, có thể lắm chứ”.

Ông ngồi dự một cách chiếu lệ, rồi lên ra về khi các tân khách bắt đầu nghiêng ngả bên những ly rượu cô-nhắc, mác-tin thơm phức và đàn sáo vang lừng.

Đêm đó ông thức luôn tới sáng, tiết trời rừng núi càng thâm đêm, càng giá lạnh. Ông đã cố ngủ mà không thể chợp giấc vì trong đầu ông cứ lẩn quẩn một câu hỏi: “Cái thằng cha đại tá ấy nó làm cách nào mà có được nhiều tiền đến thế. Nhất là lại trong những năm tháng khó khăn này... Phải, nó đã khoáng được tiền Nhà nước bằng cách nào? Đời ông, tiền ông cũng cầm cả tỉ bạc trong cái thời thằng mũi lõ đô hộ, ông quá biết, chỉ với những quy định do sở thuế bên mẫu quốc gửi sang, không thể có cái thằng cha nào mà xà xẻo được, dù chỉ một các bạc. Đến bây giờ bên ta... cái thằng cha đại tá ấy...” Ông Giản cứ càng nghĩ càng kinh hãi... và ông tự nhủ, để vứt bỏ với ý nghĩ đã làm ông khổ sở. “Lòng dạ tim gan cái thằng ấy, nó phải được chế tạo bằng thép inóc”

Tết âm lịch năm 1950 - 1951, ông Giản xin cấp trên cho thôi việc, để ông lại đem gia đình hồi cư Hà Nội. Trước hôm chia tay với cơ quan, một người về ngồi vào cái chức thay ông, hỏi ông: “Hay là anh bất mãn vì có công mà không được trên đối xử cho tương ứng”. Ông Giản lắc đầu ngay, chỉ nói lý do là vợ con ông thấy nhiều người đã về thành, nên cũng muốn về. Cũng có một lý do khác thúc bách ông. Nhưng ông tự thề là sẽ chôn chặt đáy lòng... “Đã là một thằng Châu thế này, thì rồi sau này đâu lại chỉ có một... Mình không thể cứ cung tận tụy mà lo đi tìm mọi cách thu gọn tiền thuế để nộp vào một chỗ nào đó, cho những

cái loại như thằng cha ấy mưu kế thò tay khoảng được một cách dễ dàng...”

Ông Giản còn trịnh trọng hứa với cấp trên rằng ở trong thành tuy sống trong lòng giặc Tây, nhưng ông sẽ tìm mọi cách để có thể giúp đỡ cho kháng chiến được chóng đến ngày thắng lợi.

1954, thời gian 300 ngày, đủ chán cho những ai muốn di cư vào Nam. Đám con ông bốn người, lũ em ông và họ hàng gần xa, họ đông lúc nhúc và phát rồ lên vì ông không nhúc nhích. Hỏi vì sao, ông im lặng. Lũ chúng, đứa nào muốn đi, ông cấp vàng, kim cương để sang đất mới mà có vốn làm ăn sinh cơ lập nghiệp. Rồi đến năm phong trào cải tạo tư sản ở Hà Nội. Ngay trong thời gian còn đang dịp phát động, ông đã đến Ủy ban xin hiến tất cả những nhà mà con ông bỏ đi. Họ hàng, gia tộc ông mãi về sau này vẫn có người không quên hỏi vì sao, ông không di cư vào nam, ông mới thủng thẳng trả lời: “Tao là trưởng họ, tao cấp theo mô mà ông bà tao vào Nam, qua Pháp, qua Mỹ được sao, mà tao đi...”

Thế rồi họ thấy ông năm năm tháng tháng, ngày nào cũng như ngày nào, ông dậy từ sớm, mùa hè thì trên chiếc áo màu chấu lòng cộc đến nách đầy những mụn vá, còn dưới thì quần soóc lửng, mùa đông thì chiếc pa-đờ-suy của sĩ quan Pháp màu cứt ngựa, tay xách một túi nhỏ, ông ra đi. Có hôm ông đi từ tỉnh mơ và cũng vậy tận tối mịt ông mới về, có hôm thì ông

cưỡi chiếc xe đạp Xít-téc-ling ấy, và nhiều hôm ông đi bộ, thì họ rất bận khoản. Đã bận khoản thắc mắc, các chất chứa cần được giải đáp. Nhân một chủ nhật, biết chắc ông ở nhà, họ kéo đến. Trong câu chuyện, chợt một người hỏi ông: “Thế từng ấy năm tháng chúng tôi thấy ông cứ đều đặn đi bộ từ sáng sớm đến tối mịt, chúng tôi bảo nhau ông ấy không thể chỉ đi chơi... vậy...?” Câu hỏi mới có đến thế, ông Giản đã đỡ lời, ông bảo ông đi kiếm ăn. Vậy, ngày bác kiếm được bao nhiêu, có thì bác cứ giấu, bọn tôi không thóc mách, nhưng là bác kiếm ăn độ nhật bao nhiêu. Ông Giản cười mỉm, khê thưa, thông thả, rằng ông kiếm đủ ăn. Chỉ có người trong nhà và một vài anh con trai thì am tường cái việc mà ông gọi là đi kiếm ăn đó. Cái sự này tóm tắt gọn lỏn một câu, như ông nói với mấy thằng con ông rằng ở Hà Nội này khi nào còn người buôn kẻ bán, thì đó chính là nguồn sống của ông. Đúng là ông không thiếu việc. Tỉ như thế này, bà chủ sạp hàng khô nọ ở chợ Hôm hỏi ông, bà buôn món gì và bán món gì thì sạp hàng của bà tiêu thụ được. Rồi tiền thuế nữa, bà phải nộp là bao nhiêu. Lúc ấy ông Giản dăm chiêu giây lát và trả lời cho bà ấy rất đầy đủ, cho kỳ bà ấy thỏa mãn, hết tiết các câu hỏi mới thôi. Và sau khi trả lời xong, như đã thành nếp, bà ấy lần tay trong hầu bao bồi dưỡng ông một vài đồng, những năm sau đổi tiền rồi thì dăm nghìn, một chục. Ông lão cho tiền vào túi cài kim băng, chỉ được vài bước lại có một bà chủ sạp khác vẫy ông lại ghé tai ông, lại lặp

những câu hỏi muôn thuở ấy, ông lại dừng và trả lời cặn kẽ, xong xuôi bà ta lại dúi vào tay ông mấy nghìn. Ông vừa ngoặt sang chỗ hàng khác thì một bà chủ sạp nữa lại ngoác ông tới, và hỏi một câu thường nhật khác: “Ông ơi, chỗ hàng này tiền thuế của con là bao nhiêu, xin ông “cố vấn” cho con, để con chuẩn bị nộp”. Ông nghe xong khẽ gật đầu và mắt ông lướt trên sạp hàng của bà ta, ít phút sau ông cho bà một đáp số mà đã nhiều lần bà làm theo với một cán bộ thuế đứng đắn, thì đâu như số tiền phải nộp chỉ chênh có vài nghìn đến mười nghìn là cùng. Nghe giải đáp xong, bà ta lại đưa cho ông ít nghìn bạc gọi là tiền trà thuốc. Xong xuôi ông đi thẳng đến quỹ tiết kiệm. Từ ngày ấy cho tới tận bây giờ ông Giản vẫn chỉ gửi tiền ở một quầy. Quầy tiết kiệm ấy thay bao nhiêu cô chủ, ông đều am tường là bởi vì, cứ dăm bữa nửa tháng, ông lại tới, nói với cô ngồi sau quầy đưa cho ông sổ ghi số tiền gửi, cầm lấy, ông moi cuốn sổ của ông ra so sánh. Đạo đầu, cô trông coi quỹ tiết kiệm chưa hiểu đầu đuôi ngọn ngành, đã bản gắt ông mỗi khi ông quấy rầy như vậy, sau thì cũng đâm nhàm. Dần dần, cô ta để ý cứ mỗi lần như thế, ông Giản lại ngắm nghía kỹ lưỡng một hàng những con số ghi bằng số và ghi bằng chữ của hai sổ. Thế rồi trên muôn mặt ông đang mò hôi mò kê bỗng tươi rói lên, thì cô ta mới vỡ lẽ, rằng ông chỉ đến để gửi tiền để mà chiêm ngưỡng số tiền ông tích cóp, tính ông vậy...

*

Ông Giản có hai vợ, hăm năm người con. Con bà hai cả trai lẫn gái đều thành đạt. Tại sao vậy? Cái thứ con cái lẽ mọn thì hồng gì không vào của gia bảo, nên bà mẹ mới dặn các con phải gắng mà học hành cho nên người, không có chữ nghĩa thì chỉ là phường trộm cướp. Còn đám con bà cả, được mỗi ông trai trưởng, người điềm đạ, có học hành đến đâu đến đâu. Thời còn đi làm anh cũng là một ông giáo dạy rất giỏi, học trò của anh đều đỗ đạt, và sau này đều ở cương vị đáng nể trọng cả. Chỉ có mấy anh thì phát tán, chơi bời cờ bạc, lêu lổng, trừ bốn người di tản. Trong hàng các con, hết thấy trai gái của bà cả, bà hai, dù đang hiện hình ra sao, mỗi cô cậu nếu còn tá túc, làm ăn ở Hà Nội thì cứ rất đều đặn tuần một lần ông tới, và câu đầu tiên ông hỏi, - câu hỏi ấy được nói ra rất nhỏ vào tai thẳng con trai hoặc cô con gái ông: “Nào, tuần sau anh góp tiền nuôi bố mấy đây, thì anh đưa đi”. Tay ông chìa ra, anh con trai hoặc cô con gái dù tính tình có đến thế nào, cũng đều lấy tiền lễ phép đưa cho ông. Xong xuôi lộ trình, ông lại từ nhà anh con trai ấy, nhà cô con gái ấy đến quây tiết kiệm. Gửi tiền xong, ông chỉ để trong túi đúng cái số tiền ông dự định chi trong hai ngày hoặc ba ngày. Từ quây tiết kiệm ông về nhà, bấy giờ sâm sẩm chiều, và ông dừng lại ngay trước cô con gái ở với ông và vợ ông, ông đưa cho cô ta tiền chợ ngày mai. Và số tiền chợ ấy cũng được ông tính sít sao. Tỉ dụ: Ngày mai cô ta đi chợ mua những món gì và món đó giá trách nhiệm tiền,

ông vừa đưa cho con gái ông số tiền khuỷp khuỷm khuỷp, vừa nói giá từng món một, mà con gái ông phải mua, và ông cũng không quên tổng cộng tất tần tật là bao nhiêu. Đến nỗi cô ta đã quá quen với tính chất bóp của ông và khi cho tiền vào túi rồi, cô vẫn cứ là phải lườm xéo ông bỏ già một cái, cho bõ bực. Trong cái lệ ông giao cho các con ông phải nhất nhất tuân theo đó, chỉ có anh trai trưởng, anh em đồng hao với tôi là làm theo một cách riêng. Cứ đầu tháng anh lại sai thằng con hoặc thằng cháu cầm một phong bì trong đó đựng số tiền đúng với số tiền ông Giản hẹn, và kẹp một tờ biên lai. Ông Giản nhận phong bì, giở ra đếm tiền và ký vào tờ biên lai rồi đưa thằng con hoặc thằng cháu đem về cho bố nó cho ông nó.

*

Vào một ngày lạnh giá cuối năm, ông Giản đi thẳng đến nhà anh con trai trưởng. Mọi lần, ông nhắm đường trong đầu, nhà người con nào xa, ông đến trước, sau đấy ông dịch dần về gần, cuối cùng là nhà anh con út, chỉ cách nhà ông một ngã tư cùng phố.

Anh Tiến đang dạy thằng cháu nội học tiếng Anh, thì nghe tiếng gõ cửa của bố, cộc cộc thật là đều chừng dăm ba cái. Ông Giản vào, ngồi xuống ghế. Thằng chất buông bút chạy ra, rồi như đã thành nếp, nó đứng trước cụ, hai tay khoanh trước ngực, vừa từ từ cúi đầu chào vừa đồng dục.

- Chắt chào cụ ạ.

- Ngoan lắm, cụ chào chắt - Ông Giản đáp lại và để nguyên cho thằng chắt quay về bàn học.

Ông Giản quay sang Tiên. Anh đang rót trà xuống hai chén nước và đưa một chén mời bố.

Ông Giản đón chén nước uống luôn một ngụm, chép miệng một cái:

- Này, anh cho bố hỏi, anh chị về hưu được mấy năm rồi nhỉ?

- Được sáu năm rồi, bố ạ.

- Thế à... - Ông chậm rãi gạt đầu, - cái đầu bóng lãng không một sợi tóc. Ông hướng cái nhìn trong veo sang anh con trưởng - Kỳ này, bố sẽ bớt ba mươi phần trăm số tiền anh chị đóng góp nuôi bố.

- Đáng bao nhiêu mà bố phải làm thế - Anh Tiên cười vui vẻ - Vả nữa, vợ chồng con hồi này cũng đỡ bản, vì các cháu bên kia chúng nó đã gửi tiền về chi viện rồi bố ạ.

Ông tiếp giọng nhỏ nhẹ:

- Bố cũng bớt cho anh Thuần mười phần trăm.

- Mới đây mà chú ấy cũng hưu được hai năm - Anh nghĩ ngợi.

Ông Giản đến sau lưng thằng chắt nhìn xuống hai trang vở mở và thằng bé thì đang hí hụi tô mấy nét chữ tiếng Anh.

Ông Giản nói nhỏ.

- Chết tôi thật là ngoan... - Rồi ông thông thả đi ra cửa, trong tiếng chào với theo của thằng chết nội.

- Anh Tiến tiễn bố:

- Con cũng vừa nhận được thư của các cháu bên ấy, chúng nó nói kỳ này có người về, chúng sẽ góp tiền gửi về biếu ông.

Ông Giản mở một cánh cửa bước ra ngoài:

- Anh nhớ dặn mấy đứa trẻ, cố mà dành dụm phòng những khi thất nghiệp.

Ông lại thông thả leo lên chiếc xe đạp Xít-téc-ling không chuông, không phanh, không bọc xích, chắn bùn.

Bây giờ, ông Giản đến nhà người con trai thứ ba. Đây là thằng con mà cứ mỗi lần lên đường đến, là ông lại không sao đẹp được cái cảm giác vừa ngán ngẫm vừa thương hại. Triển khác hẳn mấy anh chị trong nhà. Anh ta máu mê cờ bạc, đề đóm... Những lần ông đến, chỉ cần xéo con mắt nhìn vào cái rổ nhựa màu đỏ để trong tủ kính cạnh bàn, thì hiểu ngay thằng con ông đang ở tình cảnh nào. Vợ chồng Triển chỉ đứng tiền trong cái rổ nhựa đó. Hôm nào rổ đầy tiền thì vợ chồng, con cái mặt mũi tươi mơn, hai bữa mâm cơm như mâm cỗ. Còn khi nào mà ông thấy trong cái rổ ấy chỉ loáng thoáng vài tờ, thì y như rằng chúng nó vợ chồng cắn xé nhau, đám trẻ khóc như ri.

Cửa nhà Triển mở toang. Anh ta nằm ngay trên nền nhà ngáy như kéo bê. Mới ba giờ chiều mà đã ngủ lã lóc thế này, thì lại chỉ có say rượu. Ông Giản ngồi trên ghế, chống hai tay lên đầu gối, nhìn xuống cái mặt đằm mò hôi tai tái, hai mắt nhắm tịt, dần giọng:

- Dậy ngay! Dậy, dậy, Triển!

Lập tức Triển nâng mặt lên nhìn ông bố bằng hai con mắt đỏ sọng như mắt cá chày. Rồi anh ta từ từ ngồi dậy:

- Bố cho con khát hôm khác... Đấy, bố nhìn trong cái rổ nhựa ấy thì biết.

- Lại thua bạc hả? - Tiếng ông như xồng dao vằm xuống mặt thốt: - Anh chìm đắm trong cái khốn nạn này cho đến bao giờ? - Ông rút cuốn sổ tay bé bằng cỡ bài tú lơ khơ ra, ghi vào đấy thêm một lần nữa Triển thiếu nợ với ông.

- Sáng nay chúng nó lôi đi nhậu - Triển lầu bầu, giọng nhão nhoẹt.

- Hôm nào trả được cho tôi thì anh nói đi.

Mặt Triển dày bì, loang lổ những chấm đỏ, hai mắt đóng thẳng ra cửa, giọng khô đặc:

- Cho con sáng thứ năm tuần sau... Nhà con nó sẽ mang đến nộp cho bố.

- Hừm! Tôi đã giao hẹn với anh thế nào?

- À không, con mang... con mang...

Ông Giản lừ đừ đi ra cửa. Đúng ngày hẹn, Triển đến thật. Anh ta để tệp tiền nhàu nát, quần queo trên bàn trước mặt ông bố, rồi uốn giọng thê thọt:

- Con nộp đủ tất cả là sáu lần đây bố ạ.

Ông Giản cầm xấp tiền, nhìn Triển bằng ánh mắt sắc lạnh và ông hiểu ngay thẳng con ông lần này đưa tiền, lại giờ cái giọng phờng chèo. Ông gỡ sợi dây cao su, chấm ngón tay trở xuống chỗ nước trong khay, rồi vừa đếm vừa vuốt từng tờ một. Đến tờ cuối cùng, ông nhẹ nhàng cầm xấp tiền thẳng cánh tay đặt sang phía Triển, giọng ông bỗng thật nhỏ:

- Nếu anh chưa thể kiếm được cho đủ thì đừng có mang đến.

Triển cười cười:

- Con xin bố vài ngàn đi mua mấy cái vé số thôi mà.

Triển vừa khép miệng, tức khắc ông Giản cầm tệp tiền đập một cái thật mạnh xuống giữa mặt bàn, xẵng giọng:

- Thế thì cầm về! Cầm về!... Cút! Cút ngay với xấp tiền của anh!

Triển như một quả bóng xì hơi, mặt tái dại, tay lập cập xục vào túi áo ngực. Rút một xấp tiền mỏng

nữa vuốt lại cho thẳng, rồi gỡ vòng sợi cao su của tệp tiền trên bàn, gộp với xấp tiền ấy cho đủ số.

- Con xin lỗi bố... Con xin... Con xin... - Triền khom lưng đứng lên, vừa thều thào vừa cum cúp đi ra.

Trong đám con bà cả, còn một anh nữa na ná như cái nhà anh này. Chẳng hiểu ra làm sao, Hiệp, con trai hơ hớ đi quơ lấy một cô vợ hơn hẳn mười lăm tuổi, vốn là hạng gái nhảy thay chồng như thay áo. Hết thời, giờ cô ta xoay ra bán tạp hoá, quần áo si đa ngoài chợ. Hiệp bị tật nói lắp. Lắp khổ lắp sở. Vì vậy ông Giản mới cho anh ta đi học cái nghề kẻ biển. Nghề này, suốt ngày đối mặt với mặt tôn mặt gỗ, chẳng cần phải giao thiệp với ai, tuy vậy làm ăn chăm chỉ thì chính xác hái ra tiền. Nhất là từ cái ngày phố xá cửa hàng, cửa hiệu, kẻ mua người bán tấp nập. Nhưng rồi, chính xác lại chẳng hiểu ra làm sao, Hiệp chuyển qua cái nghề đánh trống trong tốp nhạc hát rong cho mấy cái toà “Hầu theo”. Sau mỗi lần biểu diễn, đám hát ấy lại lôi thôi, lếch thếch đi tìm quán phở đêm nào đó. Vợ chồng Hiệp lấy nhau trong hoàn cảnh ấy. Con vợ Hiệp đánh đá cá cây có hạng. Rất nhiều lần, khi thấy chồng thu xếp tiền nong để nộp cho bố, thị đã chỉ mặt Hiệp: “Này, anh thôi ngay cái trò nộp thuế ấy đi nhé! Anh còn chịu để cho cái ông lão dơ dáy, áo quần như thằng ăn mày, mò đến bóc lột anh đến bao giờ? Đờn tôi, tôi chưa thấy cái nhà nào gia phong lại mặt hạng đến như cái nhà này. Ông bố, cứ thảng thảng đi đến tất cả nhà

con cái mà nã tiền. Có thiếu vài đồng cũng không được với cái lão ấy”.

Hiệp vẫn ngậm miệng, đến cái lần ấy thì đang ra rả điệp khúc này thì ông Giản đến. Chợt trông thấy bố chồng, lập tức thị im bật, môi mím chặt, mặt tái như đổ chàm, quay phắt, lủi mất. Ông Giản đã nghe thấy đủ lời cô con dâu nanh nọc. Nhưng ông không thềm chấp. Ông đã không thềm chấp thì cũng đúng như thể là ông không nghe thấy. Ông từ từ tựa lưng vào lưng ghế, nếu hôm ấy mà Hiệp chưa sẵn tiền thì ông lại dụ dằng:

- Anh chưa đủ thì cứ khát. Còn nếu vẫn muốn đưa bố, thì có bao nhiêu anh đưa bấy nhiêu, rồi trả sau. Miễn là hẹn cho đúng hạn, trả cho đủ số.

Hiệp làm theo lời bố anh. Lần nào mà Hiệp có đủ, thấy bố đến, anh mời ông vào, rót nước, rồi lấy trong ngăn kéo số tiền anh đã sấm sẵn. Ông Giản chìa tay nhận, giấy lát ông đưa lại cho Hiệp tờ biên lai. Những tờ biên lai của ông Giản cỡ mẫu giống y như ta vẫn thấy bày bán ngoài thị trường, rất đàng hoàng, cũng đánh số thứ tự, cũng ghi đầy đủ ngày, tháng, năm và chữ ông ký hẳn hoi. Xong xuôi ông ra về.

Thấy ông đã thực sự khuất xa, con vợ Hiệp mới dám từ dưới bếp thò mặt lên, nhìn tờ biên lai chặn dưới một chiếc chén, thị lại ngấm nguýt, bĩu dài môi rồi xì ra một tiếng như lốp xe đạp cán phải đinh: “Rõ

thật, mạt, mạt. Làm bố mà lại phải đi thu thuế của con cái. Lão ấy đúng là tàn dư thực dân đế quốc”.

Vào những năm kinh tế thị trường, chợ búa, quán xá, hàng hoá bày la liệt. Dân chúng muốn gì có nấy. Và, cái công việc mà ông Giản đang làm một cách lặng lẽ đều đặn từ bao nhiêu năm tại mấy khu chợ trong cái quận ông ngụ cư ấy, cũng dần dần mỗi ngày một nhiều lên gấp bội. Tiếng lành đồn xa, công việc của ông Giản cũng loang đi rộng dần, xa dần đến tận cả chợ Đồng Xuân, Bắc Qua, Long Biên thì không còn sót một chợ nào. Ông đã phải tăng thêm giờ làm việc. Vậy mà hôm nào cũng cứ tám, chín giờ tối ông mới về đến nhà. Nghỉ ngơi, tắm táp xong, ông pha một ấm trà ngon, rồi vừa nhấp ngụm trà, ông vừa kiểm tiền, đếm và xếp riêng ra từng loại một, để rồi vẫn cứ nhất định vào cái ngày cuối tuần đó, ông đem ra quày tiết kiệm. Như hàng tháng cũng đúng vào cái tuần ấy, ông lại đi một lượt qua tất cả lũ con trai, con gái là con của bà cả. Sau đó, tới lũ con trai con gái là con của bà hai.

Hôm nay, như mọi hôm ông Giản đặt chân lên bậu cửa nhà anh con trai đầu của lũ con bà hai, thì khác hẳn với mọi lần, tiếng reo của đám đông con cái, cháu, chắt từ trong nhà vang ra râm rân chào đón ông. Năm anh con trai, bố chị con gái người nào cũng học hành hăng hái, đỗ đạt; người nào cũng gia thất trọn vẹn, công kia việc nọ đàng hoàng.

Hung đơn đả mang ra một chiếc ghế mời bố ngồi:

- Chúng con nhớ là hôm nay ngày bố đến, nên các em con bèn bảo nhau tụ tập ở đây, để bố khỏi phải đi từng nhà.

Ông Giản ngồi giữa chín đứa con, một lũ cháu chắt. Nhà đây những người là người. Ông đặt cả hai tay xuôi lên đùi, vẻ mặt mãn nguyện, rồi thở một hơi thật dài. Hưng mở tủ cầm ra một xấp phong bì đựng tiền, chín chiếc. Anh lễ phép đặt ra bên mặt bàn trước ông. Các em anh, người thì rót nước, người thì gọt táo mời ông xơi.

Hung nói với bố:

- Bố ạ, con xin báo cáo với bố một tin thật là vui: Con này, em Phương, em Tiếp, em An, em Huy và em Nga nữa. Chúng con đều cùng được lên lương trong đợt này, nên chúng con bảo nhau tăng thêm mỗi xuất là hai mươi phần trăm để đưa bố, bố ạ - Vừa nói, Hưng vừa mở từng chiếc phong bì, lấy một tờ giấy mỏng có chữ in sẵn đưa cho bố anh.

Ông Giản cầm tờ giấy có tiêu đề: "Biên lai", ông thấy bên dưới mé trái hai con số là chữ ông thì đã có một nét gạch chéo qua; và bên phải là hai con số khác, trị số to hơn được viết một cách rõ ràng.

Ông Giản gật gật nhẹ, nói nhỏ với một giọng thật trong trẻo:

- Bố cảm ơn các con... Cảm ơn các con... Ông lần lượt ký tên ông vào từng tờ biên lai, phía dưới tờ giấy có hàng chữ in: "Người nhận".

*

Bỗng nhiên cái tuần đầu của tháng sáu năm nay, ông Giản đến hết thầy nhà của đàn con ông và dặn, ngày thứ mấy, thứ mấy của tuần sau tháng ấy, ông sẽ đến lần nữa và lúc ấy ông cần có một trong hai vợ chồng phải chuẩn bị, để đi cùng với ông. Sự kiện đột ngột này đã gây bàng hoàng trong đại gia đình ông Giản. Đám con cái dâu rể cháu chắt của ông hoàn toàn không thể hiểu được vì sao ông lại làm như vậy. Họ bèn tìm những cô cậu vốn vẫn được ông yêu mến để thăm dò. Nhưng không kết quả gì. Ông kín như bưng, chỉ riêng con trưởng là bằng chân như vậy, vì không hề hay biết chuyện này.

Và, ông Giản bắt đầu cái cuộc đó từ gia đình ông con trưởng. Ông đến, vẫn giọng nhỏ nhẹ ông nói với cả hai vợ chồng: Nào cô trưởng đi với tôi. Bà con dâu ông đã chuẩn bị đâu vào đấy, giờ chỉ còn cum cúp theo ông. Ông lững thững đi trước, vẫn chiếc áo màu cháo lòng hai ống tay cắt đến nách và cái quần nâu cắt lửng đến đầu gối. Trông thấy thế này rất nhiều người tưởng ông hơi háms lăm. Làm to, ông rất sạch sẽ. Ông Giản đến trước quây tiết kiệm thì dừng lại, chờ bà con dâu (gọi là bà, vì anh chị đằng nhà vợ tôi đã về hưu từ lâu) ông Giản vẫn giọng trong veo, chậm rãi:

- Vào đây, tôi bảo cô thế nào thì cô cứ theo thế, rõ chưa.

Bà con dâu vâng một tiếng. Ông Giản vừa đặt chân lên bậc trên cùng thì mấy cô trong quầy tiết kiệm đã reo lên chào ông, chào con dâu ông.

Ông Giản tỳ tay lên quầy, bàn tay xòe ra và giọng nhỏ nhẹ:

- Cô đưa cho cô con dâu tôi ký đi.

Trước khi một trong ba cô nhân viên quầy tiết kiệm đưa cho bà con dâu ông, cô ta đặt vào tay ông tờ giấy hồng hồng có mấy chữ “Sổ tiết kiệm”. Ông lão lấy kính ngó một lát, rồi chìa tờ giấy trước mặt bà con dâu:

- Tôi cho vợ chồng cô và các cháu 10 triệu đồng, cô ký vào đây, rồi giữ lấy sổ này, rõ chưa... Phải nhớ mà chi tiêu cho nó tiết kiệm. Cái gì đáng chi thì dù tiền triệu cũng phải chi. Cái gì không đáng chi thì một chình cũng không. Rõ chưa nào?

Bà con dâu vâng một tiếng ngọt ngọt, rồi bỗng thấy hai tai ù đặc, mắt hoa và tim đập dồn, trong tâm trí bà một tiếng nói se se: “Giời ạ, thầy cho vợ chồng mình... những mười triệu, hử trời...! Giá như bây giờ mà được nhìn thấy tiền mặt...”.

Rồi cứ thế lần lượt, mười triệu một, mười triệu một cho gia đình đứa con thứ hai mươi mốt, từng đứa cháu một, và hết thầy đám chắt, chắt trai, chắt gái mười một cô cậu nữa của ông.

Đúng hai tuần sau, ông qua đời.

Trước ngày tang lễ ông Giản, anh con trưởng nhận được từ tay bà mẹ phong thư di chúc của ông.

Tiến bóc phong bì, một tờ giấy vở học trò cắt đôi gấp tư, hiện rõ giòng chữ của ông Giản: “Anh Tiến, tôi về với tổ tiên, anh nhớ thay tôi răn dạy lũ em, lũ con, lũ cháu chắt; phải luôn coi tiền là như người bạn quý đồng hành của mình. Trong cuộc đời chớ coi tiền là phương tiện thì sẽ không bị đồng tiền nó đè, nó đánh chìm, nó mê hoặc. Tôi còn bốn mươi hai triệu đồng nữa. Đây là số tiền dành để anh làm tang cho tôi. Tiền hậu sự của mẹ anh cũng có rồi. Tiền hậu sự của bà hai tôi cũng cho rồi. Giản Ký”.

Hà Nội 1995

XUÂN THIỀU



Họ và tên: **Nguyễn Xuân Thiều**

Ngày tháng năm sinh: 1.4.1930

Quê quán: Bùi Xá, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Lý Nam Đế, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Tập truyện ngắn: *Người mẹ tội lỗi, Xin đừng gõ cửa, Gió từ miền cát*. Tiểu thuyết: *Thôn ven đường, Tư Thiên*. Tiểu luận: *Tiếng nói cảm xúc*.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật đợt I năm 2001 và 7 giải thưởng, 2 tặng thưởng khác.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Số phận con người trong chiến tranh thật mong manh khi phải đối mặt với bom đạn ác liệt, nhưng hơn thế, sự nghi ngờ không căn cứ có thể làm thay đổi số phận một con người hoặc giết chết họ. Tệ hơn nữa là mượn sự ác liệt của chiến tranh để thanh toán lẫn nhau. Chiến tranh đã đặt vào tay một số cá nhân quyền quyết định cuộc đời người khác, và đã có người ỷ vào chiến tranh để vô trách nhiệm với số phận người khác.

XIN ĐỪNG GỖ CỦA

Thực ra, Hảo không điên như lũ trẻ mất dạy ở khu gia đình tập thể K.42 thường trêu. Gặp anh, chúng xì xào “trung tá điên, Hảo điên”. Có đứa còn giả vờ cúi đầu chào anh kính cẩn: “Cháu chào chú Hiến”. Và cả bọn phá ra cười. Đây là cách nói lái, Hảo điên thành Hiến đảo. Cả khu K42 đều biết trung tá Hảo không hiểu vì lý do gì, mà về hưu lúc mới 43 tuổi. Từ một sĩ quan nhanh nhẹn hoạt bát và vui tính, anh bỗng hóa như người mất hồn, im lặng, nhẩn nhục. Thường chỉ tủm tỉm cười. Gặp ai tủm tỉm đã đành, ngồi một mình cũng vậy. Chị Phúc, vợ anh hốt hoảng chạy thầy chạy thuốc hết đông y, tây y lại sang cả bệnh viện tâm thần ở Trâu Quỳ. Người ta đều bảo, anh bị một cú sốc gì đó về tâm lý, nên tổn thương thần kinh, một dạng tâm thần phân liệt. Đến một lúc nào đấy, sẽ khỏi thôi. Đến lúc nào đấy là bao giờ, hờ trời, chị Phúc than vãn. Một cú sốc về tâm lý, chị cũng linh cảm vậy, nhưng không biết ngọn nguồn. Anh Hảo không hay đem chuyện ở đơn vị tâm sự với vợ con. Chỉ biết, trước lúc về hưu một thời gian, anh có đổi

tính đổi nết, hay câu gắt vớ vẩn. Câu gắt đấy rồi lại bản thân đấy. Cứ ngồi ngẩn mặt ra, nhìn chăm chăm vào một điểm mơ hồ nào đó ngoài cửa sổ. Ngoài ấy chỉ có mấy cây đu đủ. Sau nữa là bức tường nhem nhuốc của dãy nhà khác. Chẳng có gì đáng để chiêm ngưỡng. Vào thời kỳ đó, anh có chứng giật mình. Ai gọi giật giọng, anh giật mình, mặt cứ tái ngoét. Đặc biệt, anh sợ tiếng gõ cửa. Đang đêm, nghe tiếng cộc cộc gõ cửa, anh tung chăn choàng dậy, thở hổn hển, không lên tiếng đã đành, còn có vẻ sợ sệt, thu nhỏ mình lại sau tấm màn gió. Chị Phúc đã treo một tấm biển phía ngoài: “Xin đừng gõ cửa, cứ gọi tên người nhà”. Hàng xóm đã quen, ai đến có việc gì cũng chỉ gọi khê. Chỉ mấy người khách xã, vô tình mới làm cho anh Hảo hốt hoảng. Sau mỗi lúc giật mình hốt hoảng, anh trần trọc, không ngủ được. Về hưu, bệnh giật mình của anh càng nặng, trở thành ngớ ngẩn lúc nào không biết. Chị Phúc đã tìm đến bộ tư lệnh quân chủng, nơi anh làm việc. Phòng cán bộ tiếp chị lịch sự, tử tế, nhưng chị không moi được điều chị cần biết. Họ bảo, về hưu là do nguyện vọng của anh, lá đơn có chữ ký của anh sờ sờ trước mắt chị. Chẳng ai ép anh về hưu. Cũng chẳng làm gì có chuyện cú sốc về tinh thần. Cán bộ trong phòng quân lực, nơi anh làm việc, đều nói anh sống hòa thuận với đồng sự, chẳng bao giờ xích mích. Cán bộ đơn vị rủ nhau tới thăm anh, cho quà, khuyên chị đưa anh vào viện. Chị chỉ còn một cách thấp hương lên bàn thờ khấn vái tổ tiên phù

hộ cho chóng đến cái lúc nào đấy. Chị Phúc buồn. Nói đáng tội, anh Hảo tuy bị tâm thần nhưng hiền khô, không đập phá, không đi lang thang. Không quát vợ nạt con, không cà khịa với ai, kể cả với đám trẻ con hư đốn thường chạy theo anh trêu chọc. Chỉ cười tủm tỉm. Nhiều khi thấy anh cười cười như vậy, cũng đâm sợ. Anh vẫn lao động bình thường, chăm luống rau, nấu cơm lợn, quét nhà quét sân, giặt giũ quần áo, đọc sách. Chỉ có điều là hầu như trí nhớ của anh lặn đi đâu, bà dì ruột anh đến thăm, anh lơ láo, cụ hỏi ai, khiến bà dì đứng khóc tu tu. Vẫn đọc sách đấy, nhưng không nhớ. Đọc Tam Quốc đến tập 5 rồi quay lại đọc tập 3. Quá khứ đối với anh nhớ được một chút kỷ niệm. Nói cho đúng hơn, anh nhớ được trong thời gian rất ngắn, từ sáng đến chiều chẳng hạn. Những việc mới xảy ra hôm qua, anh quên biến hoặc có nhớ, cũng nhớ lảng máng y như người bình thường nhớ một chuyện xa xưa lắm. Một hôm, chị Phúc trước lúc đi làm, dặn anh bảo thằng Hiếu đi chợ mua su hào. Thằng Hiếu đi học về, vất cặp sách ra giường, anh ấn tiền vào tay nó, nhưng không thể nào nhớ ra tên của su hào. Anh lấy que vẽ ra đất một cái hình bầu dục có mấy sợi râu. Thằng bé lên mười tuổi gật gật đầu ra vẻ hiểu ý, chạy ra chợ mua về một túm hành. Lại có hôm, cô hàng xóm gửi thằng bé một tuổi nhờ anh trông hộ. Thằng bé đang ngủ chợt tỉnh dậy khóc. Chị Phúc bảo anh bế nó dậy, xi đáí. Thằng bé cứ ưỡn lên khóc không chịu đáí, nhưng đùng quăn anh lại ướ

lũng thũng. Chị Phúc đành lắc đầu, thờ dài. Đại loại như thế. Nhìn vào mắt anh, dễ nhận ra vẻ ngớ ngẩn, lạc hồn lạc vía đi đâu.

Một buổi chiều, vào lúc tan tầm, một chiếc com-măngca mang biển đỏ đỏ xích trước nhà chị Phúc. Dân khu tập thể thường có nét tò mò, trẻ con xúm đen xúm đỏ, người lớn ngấp nghé lảng vảng. Không ai để ý đến thiếu tá Cần phó phòng bảo vệ của quân chủng anh làm việc trước kia, người ta tròn mắt ra nhìn một thiếu phụ xinh đẹp, quần áo sang trọng, môi son má phấn, nước hoa ngoại thơm lừng, tay xách ví đầm, chân đi giày cao gót. Thiếu tá Cần giới thiệu với chị Phúc, từ ngoài cửa. Rằng chị khách là Việt kiều ở Canada về tìm đến đơn vị xin gặp anh Hảo, anh Phan Nhân Hảo. Đơn vị đã nói rõ với chị về hoàn cảnh của anh, song chị thiết tha đòi được gặp. Cần đã xin xe đơn vị đưa chị đến tận nhà. Thiếu phụ Việt kiều nghiêng đầu lễ phép chào chị Phúc, làm chị bối rối. Càng bối rối hơn là khi khách vào nhà, nhà cửa tuềnh toàng, bộ xa lông bằng gỗ nan cũ kỹ làm nơi tiếp khách, ấm chén còn cấu bẩn. Anh Hảo buông cuốn “Hồng lâu mộng”, ra vừa lúc Cần đi tới vui vẻ chào “thủ trưởng”, không biết Hảo có nhận ra người cùng đơn vị cũ không, vẫn bắt tay, bàn tay lỏng lẻo. Thiếu phụ không ngồi, đứng trân trân nhìn anh Hảo từ đầu tới chân, nét mặt xúc động. Bỏ cặp kính râm ra, thiếu phụ thốt lên:

- Anh Hảo đây ư? Anh có còn nhận ra em không?

Đôi mắt chớp chớp, dường như Hảo cố nhớ, nhưng làm sao có thể nhớ ra, khi đầu óc còn chìm đắm trong cõi u muội. Anh lắc đầu.

- Em là Hường đây! Huỳnh Thị Mỹ Hường ở Khang Xuyên!

Giá mà người tinh táo, khi thiếu phụ nhắc lại như thế, ắt phải reo lên. Mà anh vẫn nhìn bằng cặp mắt vô hồn. Lại lắc đầu.

Bỗng dung thiếu phụ chạy đến nắm tay anh rần rần nước mắt:

- Trời ơi! Sao anh đến nông nổi này? Anh là ân nhân của em, đã cứu sống em, cho em được làm người, mà anh thì thân tà ma đại. Sau giải phóng, biết anh còn sống, em đã về Huế tìm anh. Đến Mang Cá, người ta bảo anh chuyển ra Bắc rồi. Miền Bắc rộng lớn thế, biết tìm anh ở đâu. Cuối năm 1978, có người bảo lãnh, vợ chồng em mới sang cư trú ở Canada. Sang nơi đất khách quê người, em vẫn giữ một lời nguyện, nhất định phải gặp được anh, để tạ ơn tái sinh. Bây giờ, gặp được anh rồi, em mừng khôn xiết. Dẫu anh bệnh tật, dẫu anh không còn nhớ ra em. Cũng xin anh nhận cho em mấy lạy đền ơn. Người thiếu phụ chột quỳ sụp xuống nền xi măng trước mặt anh, vừa lạy vừa khóc nức lên, khiến mọi người bàng hoàng. Một không khí im lặng thiêng

liêng bao trùm lên gian nhà. Không ai hiểu gì cả, mà cảm thấy có một nỗi niềm sâu nặng trong trái tim người khách lạ. Những khuôn mặt tò mò ngoài chân song cửa cũng trở nên nghiêm trang. Chị Phúc cầm cái ấm định đi pha trà, mà đứng chôn chân tại chỗ, tay run run, rơm rớm nước mắt. Còn cái Hằng, con gái lớn của chị đang học lớp 11 thút thít thành tiếng. Chị Phúc chạy tới đỡ thiếu phụ:

- Em xin chị! Em xin chị! Mời chị ngồi...

Anh Hảo từ nãy giờ vẫn đứng, đôi mắt anh chột sáng hẳn lên, dường như cái màn sương mù u ám trong đầu anh đang dạt trôi, anh đang cố gắng phục hồi lại trí nhớ.

Khi đã ngồi đối diện với thiếu phụ, anh Hảo nở một nụ cười.

- Sao cô Hường biết được địa chỉ đơn vị cũ của tôi mà tìm đến?

Thiếu phụ đang lau nước mắt, mừng quýnh:

- Anh nhớ ra tên em rồi ư? Trời ơi! Còn em không bao giờ quên cái tên Phan Nhân Hảo. Lúc chia tay anh hồi năm 69 ấy, em vẫn nhắc với anh rằng Phan Nhân Hảo nghĩa là một người họ Phan tốt bụng, em còn nhớ quê anh ở ngoại thành Hà Nội, có đúng không?

Chẳng biết Hảo có thật hiểu hay chỉ theo thói quen mà gặt đầu. Chị Phúc đáp thay chồng:

- Vâng đúng đấy ạ! Quê nhà em ở Gia Lâm.

Thiếu phụ nói tiếp:

Chuyện tìm tung tích anh dài lắm. Năm 82, em về nước trở lại Khang Xuyên viếng mộ cha mẹ, thăm họ hàng, rồi lại lên Huế đến trại lính Mang Cá hỏi tin anh. người ta bảo bấy giờ đây là bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Trị Thiên, không ai biết anh cả. Buồn quá, trở lại Sài Gòn. Tình cờ gặp anh Tôn. Anh có nhớ anh Tôn thợ may ở chợ Quán, Khang Xuyên nữa không? Anh ta khoe từng làm bí thư chi bộ thời chiến tranh, sau bị bắt quân dịch. Hồi thất trận 1975, anh Tôn đã bị chính đơn vị anh bắt. Anh còn giao cho anh Tôn phụ trách đám tù binh ở Cửa Thuận. Hồi này anh ấy lãnh đạo một công ty buôn bán đồ may mặc với nước ngoài ở Sài Gòn, giàu có và sang trọng lắm. Trước ở Khang Xuyên, quả thật anh Tôn rất mê em, tán tỉnh em mãi, nhưng em không thể... yêu được, bởi em đã có người yêu, bây giờ chính là chồng em - Dù sao gặp anh Tôn một người làng, em cũng mừng. Nói chuyện loanh quanh một lúc, hóa ra anh Tôn biết địa chỉ của anh. Nghe nói anh Tôn cũng xin địa chỉ của anh ở nhà O Thèo Khang Xuyên. Hình như hồi anh ra Bắc, anh vẫn viết thư thăm hỏi O Thèo luôn. Biết được địa chỉ của anh, nhưng em không còn thời gian để ra Hà Nội nữa. Vé máy bay sang Thái Lan em đã cầm trong tay. Về Canada em viết thư liền cho anh. Không có hồi âm. Lần này về Sài Gòn em chưa ghé vào anh Tôn. Thực tình em ngại. Bây giờ ai cũng có gia đình riêng

cả, con cái đã lớn, vậy mà gặp em, anh vẫn gọi chuyện hồi xưa. Tính nết anh Tôn chắc anh còn lạ gì, hiếu sắc và sấn sổ...

Anh Hảo lắng nghe chăm chú, có lúc anh cau mày lại cố tập trung trí nhớ. Và dường như câu chuyện dông dài của thiếu phụ tạo thành những mắt xích móc nối với nhau một cách hợp lý, khiến anh tìm được mã số đặng cởi mở những u uẩn lưu cữu của mình lâu nay. Anh lẩm bẩm:

- Tôn!Tôn! Tôn! A, nhớ ra rồi, thằng đểu! Thằng mặt...! Anh gầm lên một từ rất tục với khuôn mặt tím rìm và đôi mắt bốc lửa. Mọi người sửng sốt và ngượng. Trong im lặng, không ai dám nhìn vào mặt nhau. Chị Phúc phá tan sự im lặng bằng mời khách uống nước. Cái Hằng ý tứ đặt trước mặt bố cốc nước đun sôi. Anh Hảo uống ừng ực. Chát nước lạnh làm anh tỉnh lại, chợt nhận ra mình đã quá lời.

- Tôi xin lỗi cô! Bởi tôi giận quá! Nói cho đúng hơn là hiểu ra nỗi giận của mình.

- Không có gì đâu anh! - Thiếu phụ đỡ lời nhưng trong lòng cũng vỡ ra một ước đoán, chắc tay Tôn có quan hệ tới cuộc đời của anh.

Anh Hảo trở lại hoạt bát, nụ cười trên môi cố xóa đi cái ấn tượng tục tĩu anh vừa gây ra. Anh kêu lên:

- Ấy, tôi quên mất... - Anh giới thiệu vợ và các con bằng một lời nói vui và chuyển sang thăm hỏi Mỹ

Hường về chồng con, về đời sống ở nước ngoài. Lại hỏi về làng Khang Xuyên và người đàn bà tên là O Thèo nào đấy. Câu chuyện giữa hai người sôi nổi, chân tình. Nét mặt anh biến đổi theo tình cảm của câu chuyện, không ai có thể nghĩ rằng anh mắc bệnh tâm thần. Cái nhìn đờ đẫn vô hồn mới ban nãy thối, biến đâu mất. Giờ đây cặp mắt dậy thân sắc, sáng lung linh. Chị Phúc và hai đứa con, cái Hằng và thằng Hiếu nhìn nhau, vui mừng và ngạc nhiên. Dẫu còn nửa tin nửa ngờ, nhưng họ đều cảm nhận được sự thay đổi đột ngột trong trạng thái, tâm lý và tình cảm của anh Hảo.

Chuyện trò một lúc Hảo mới nhận ra sự có mặt của Cần. Với vị khách là Việt kiều ở Canada về tìm gặp một cán bộ đã nghỉ hưu mấy năm nay, thay vì ghi hộ địa chỉ nhà riêng, đơn vị lại cho xe, cho phó phòng bảo vệ đi cùng, hẳn không phải vì xã giao. Anh nhìn Cần như lần đầu tiên mới gặp nhau. Rồi cảm ơn Cần đã đưa khách quý đến nhất thiết gia đình phải lưu khách lại. Nhờ Cần chuyển lời cảm ơn thủ trưởng đơn vị. Hiếu ý, Cần xin phép về. Chiếc máy ghi âm bé xíu nhưng cực nhạy trong túi áo Cần, dù sao cũng được việc.

*

Dân khu tập thể K42 bàn tán xôn xao về chuyện người khách Việt kiều sang trọng tới thăm nhà Hảo “điên” và ở lại qua đêm. Sáng hôm sau, ăn uống xong, vợ chồng Hảo cho gọi xích lô, tiễn chân khách ra đến

ngoài đường phố. Người thì bảo, đây là người tình cũ của Hảo hồi chiến đấu trong Nam. Đáng khen thay là chị Phúc chẳng hề ghen tuông, lại tiếp đãi nồng hậu. Vào tay tôi mà xem, không quai cho mấy gậy cũng tống cổ ra khỏi nhà và xích chân ông chồng lại. Bậy nào! Người khác cãi, chỉ bạn bè thôi. Nhưng trò đời, khi giàu có sang trọng, người ta nổi máu nhân đức, nghe bạn bị tâm thần, phải tới thăm cho quà. Chẳng phải quà nhỏ đâu, không đến ngàn “đô” cứ cổ tôi mà chặt! Chỉ có vài người đứng ngoài chân song cửa sổ hôm đó mới biết sự thật. Người khách lặn lội từ nước ngoài về, tìm anh Hảo để tạ ơn đã cứu sống mình. Còn trong hoàn cảnh nào, anh Hảo đã cứu sống chị, thì chịu. Đến ngay chị Phúc cũng không biết. Đêm có khách lưu lại, anh Hảo cho thằng Hiếu “sơ tán” sang hàng xóm, cái Hằng chung giường với khách. Còn anh vào phòng sau. Có lẽ gần bốn năm, vợ chồng mới lại nằm chung. Da thịt tuổi bốn mươi của chị Phúc như được hồi sinh. Chị đã vuốt ve anh, ôm hôn anh. Và chị cũng thực sự sung sướng mãn nguyện trong vòng tay anh, vòng tay vẫn xiết chặt như hồi mới cưới nhau.

Vậy khi mà thủ thi hỏi anh về chuyện người khác nằm giường ngoài, thì anh tặc lưỡi. Để tâm làm gì, hồi chiến tranh, cái sống cái chết cách nhau một sợi tóc, chuyện cứu sống nhau là bình thường. Và chị chẳng gạn hỏi, chẳng nở làm phiền anh. Bởi trong lòng chị đang òa vỡ một niềm vui quá lớn, bỗng nhiên chồng chị trở lại bình thường như có phép màu.

Dân khu tập thể cũng ngạc nhiên không kém chị. Người ta thấy anh vui vẻ hoạt bát như xưa. Gặp anh, lời chào hỏi đã khác, nhìn vào mắt anh càng hoàn toàn khác. Dấu hiệu đầu tiên ai cũng dễ thấy là anh lại chạy thể dục buổi sáng. Ngày xưa, dấu trời rét căm căm, anh vẫn không bỏ thói quen, không chạy ra đường cũng chạy quanh sân. Từ lúc vương bệnh, anh nằm co ở nhà. Mấy hôm nay, anh trở về nếp cũ. Tỉnh mơ đã nghe chạy thậm thịch ngoài đường. Đám trẻ con rờn rấn chạy theo anh. Làm một thôi trở về sân, mặt mũi hơn hớn, anh lao vào đá bóng cùng tụi nhỏ. Hoặc làm trọng tài trận đấu. Còi toe toe. Chú Hảo ơi! Bác Hảo ơi! Cầm đĩa nào dám lếu láo gọi “Hiển đao” như trước.

Người ta lại thêm dật đôn đạ. Rằng chị Việt kiêu nọ tặng anh một loại thuốc quý hiếm, uống vài viên là dây thần kinh sẵn lại như tơ xe. Rằng trò nhân ngã với nhau là thế, xấp được mặt nhau là bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ. Rằng có khi đấy là nàng tiên giáng thế chẳng? Ăn ở hiền lành như vợ chồng anh Hảo ắt phải động đến thiên tào v.v... Chuyện cứ tán nhăng tán cuội, nhưng anh Hảo khỏi bệnh là có thật.

Ở Bộ tư lệnh quân chủng, đơn vị cũ của Hảo, cái tin Hảo khỏi bệnh cũng được các bác sĩ quan chào xáo. Cũng chỉ một chốc thôi ai hơi đâu mãi chuyện về anh sĩ quan về hưu. Riêng thiếu tá Cần phó phòng bảo vệ thì thực sự băn khoăn. Toàn bộ câu chuyện về

hưu của trung tá Hảo, anh đều biết tường tận, giờ đây thêm diễn biến mới, buộc anh phải suy xét. Đóng chặt cửa phòng nghiệp vụ, anh mở cuốn băng ghi âm nghe lại. Cái giọng gầm lên chửi tục của Hảo nghe như có sự bùng nổ. Có thể chính lúc đó, anh mới nhận ra kẻ làm hại mình là Tôn. Thiếu tá Cần lục tìm hồ sơ mang ký hiệu Y8. Anh đọc lại lá thư tố giác viết năm 1982 của một người tự xưng là Lê Huy Tôn, địa chỉ không cụ thể, chỉ nói là cán bộ hiện công tác tại thành phố Hồ Chí Minh. Lá thư kể khá chi tiết về mối quan hệ giữa Hảo và Mỹ Hường, một tên chỉ điểm của địch trong chiến tranh. Và lưu ý đơn vị theo dõi hành tung của họ hiện nay. Chứng cứ có thể nằm trong những bức thư của Mỹ Hường từ Canada gửi về. Quả thật, sáu tháng liền sau đó, quân bưu đơn vị lần lượt nạp cho phòng bảo vệ ba bức thư của Mỹ Hường gửi cho Phan Nhân Hảo. Nội dung ba bức thư không có thông tin gì đáng nghi vấn, toàn chuyện thăm hỏi trách móc sao không có hồi âm. Soi kính lúp, dùng thuốc hóa học kiểm tra vẫn không thấy chữ chìm chữ nổi gì cả. Hồi đó, còn là thượng úy trợ lý. Cần đã áy náy, giữ thư riêng lại là phạm pháp. Song đại tá Lê Hớn, Phó chủ nhiệm chính trị kiêm trưởng phòng bảo vệ đã lý sự nghe ra có vẻ xuôi tai thư riêng liên quan tới an ninh quốc phòng, thì không coi riêng nữa. Phải giữ lại để tiếp tục nghiên cứu theo dõi. Bây giờ, đại tá Lê Hớn đã về hưu tận trong Quảng Ngãi, nhưng ba bức thư còn lại đây. Cùng với ba bức thư là biên bản

cuộc đối thoại giữa đại tá Lê Hớn và trung tá Phan Nhân Hảo. Lúc đó là phó phòng quân lực. Biên bản này do chính tay Cần chép lại dựa trên cuốn băng ghi âm, hiện còn cất giữ trong hộp chống ẩm.

“ ...

- Anh có quen ai là Hường không?

- Không, cái tên đó không nhớ.

- Để tôi nhắc lại anh. Hồi năm 1969 lúc anh còn là trung úy chỉ huy đội trinh sát an ninh, có lần nào đấy anh nhận nhiệm vụ thủ tiêu một con gián điệp ở Khang Xuyên tên là Huỳnh Thị Mỹ Hường.

- À, tôi nhớ ra rồi, vâng có một cô gái tên là Mỹ Hường. Chuyện đã quá lâu.

- Mười ba năm, kể cũng dài, nhưng tôi tưởng anh phải nhớ chứ?

- Cũng là chuyện cũ thôi. Chúng tôi muốn biết, sao hồi đó anh không giết mà tha cho nó. Lại không báo cáo cho tổ chức biết?

(Im lặng một lát, rồi có tiếng cười của Phan Nhân Hảo).

- Ai moi chuyện cũ ra để ton hót với các anh thế?

Chỉ làm rối chuyện lên thôi.

- Anh Hảo ạ! Anh nên nhớ đây là cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh giữa người có trách nhiệm và đương sự.

Anh không nên giấu cọt. Nghiệp vụ đòi hỏi chúng tôi phải biết hết mọi việc, dấu cũ thế, chứ cũ nữa cũng phải tìm hiểu. Vậy là anh công nhận sự việc chứ?

- Vâng thưa đại tá, đúng như thế!

- Anh có thể giải thích kỹ hơn không?

- Sao lại không? Chuyện hơi dài và không nên hiểu một cách giản đơn. Anh ở quân chủng này đã lâu, chắc hồi 1969 anh ở Hà Nội hoặc sơ tán về vùng quê nào đó, còn tôi ở phía nam Huế, một vùng chiến trường quá gian khổ và ác liệt, nhất là sau Mậu Thân. Ở căn cứ trên rừng lính chúng tôi ăn mỗi ngày một lạng gạo chia làm hai bữa nấu lẫn với môn thực. Chậu cháo mà xanh nhều nhão ấy, chắc chắn heo nhà tôi bây giờ cũng lấy mồm hất đi. Sống cầm hơi như thế để gây dựng lại cơ sở coi như đã mất trắng. Khang Xuyên xưa là một xã hoàn toàn giải phóng, nơi chúng tôi quen thân, sà vào đâu, dân cũng nuôi, vậy mà lúc đó... (im lặng một lát để nén xúc động) cán bộ, đảng viên, du kích, người bị giết, kẻ bị bắt, số khác hoặc chạy lên Huế, vô Đà Nẵng, Sài Gòn hoặc nhảy lên rừng, xin ra Bắc. Trật tự xã hội nằm trong tay kẻ địch. Còn hơn các xã khác mất trắng, Khang Xuyên vẫn trụ lại được ba đảng viên sống hợp pháp do anh Tôn thợ may ngoài chợ làm bí thư. Chúng tôi đã cử về Khang Xuyên một tổ ba người do thiếu úy Lân phụ trách, họ đào hầm bí mật lún ngay trong vườn nhà o Thèo, một đảng viên ngoài năm mươi tuổi, góa chồng,

con gái đã đi ở riêng. người đàn bà mù chữ ấy thật nhân hậu, tốt bụng và cực kỳ dũng cảm. Đêm thứ ba, xảy ra sự cố. Lúc trời đã tối mịt. O Thèo mở hầm cho tổ của Lân lên. Đang ăn cơm thì những họng súng AR15 của địch chĩa tới. Nhanh như chớp, Lân ném cả bát cơm vào mặt tên đứng gần nhất và hô anh em chạy. Súng nổ. Hai đồng đội của anh bị giết tại chỗ, máu lẫn với cơm. Chỉ Lân chạy thoát. Tất nhiên O Thèo bị bắt. Thực ra, o Thèo bị chúng bắt từ ngoài vườn, lúc o đứng gác cho anh em ăn cơm. Bị tra tấn hành hạ dã man, nhưng O chỉ một mực khai rằng, thấy mấy người lính giải phóng vô nhà xin ăn cơm, thương họ mà cho ăn. Thế thôi. Không khai báo những đảng viên hợp pháp khác. O bị đày ra Côn Đảo, sau giải phóng miền Nam, mới trở về. Lân chạy thoát, một ngày nằm giữa ruộng nước lúa đang thì, đĩa bám đầy lưng, bụng rỗng, đêm hôm sau, chờ tới khuya mới mò vô làng, tìm Tôn, nhưng không gặp. Tôn tạm lánh đi nơi khác phòng O Thèo khai báo. Lại tìm đến ông Quán, một đảng viên già bị bệnh tê thấp. Nắm xong tình hình, đánh một bụng cơm no căng, Lân một mình một bóng mò về căn cứ báo cáo. Cứ thất bại ấy làm đội trinh sát an ninh chúng tôi đau điếng. Vẫn quyết tâm trở lại Khang Xuyên. Dân Khang Xuyên không thể phản bội cách mạng, trước sự ép của địch, họ đành nín thở chờ thời cơ đó thôi. Phải tạo thời cơ cho họ. Nhưng trước khi trở lại Khang Xuyên, phải biết nguyên nhân vụ thất bại vừa

rồi. Địch hú họa tập kích hoặc có chỉ điểm? Trường hợp thứ hai thì phải tiêu diệt tên chỉ điểm đã.

- Anh có thể nói ngắn hơn được không? Đi thẳng vào vấn đề chúng tôi cần biết!

- Muốn hiểu kỹ, đừng ngại nghe kỹ anh ạ! Bởi anh ở quân chủng này lâu, e không biết nhiều về trình sát an ninh. Thực chất công việc của chúng tôi hồi đó là tiêu diệt bọn ác ôn, gián điệp. Chúng tôi đều qua lớp võ thuật cả. Qua 5 năm làm trình sát an ninh, riêng tôi... (Phan Nhân Hảo xòe ngửa hai bàn tay ra) tự tay tôi đã giết không kém một tá ác ôn, gián điệp. Đang đêm đột nhập vào nhà đối tượng, lấy danh nghĩa cách mạng “mời đi học”, thế là cho đi luôn. Không nổ súng, nổ súng bị lộ. Không dùng lưỡi lê, dao găm, sẽ có vết máu. Có thể dùng chiếc gậy ngắn bằng dùi trống đánh một phát vào chỗ hiểm sau gáy, đối tượng ục, ngáp mấy cái là tắt. Nhưng mang gậy cũng lách kích. Chỉ bằng hai bàn tay này thôi. Bây giờ tôi mới ngoài hai mươi tuổi khỏe như trâu mộng, hai bàn tay cứ như hai gọng kìm. Cầm chéo hai tai chó trên cổ sơ mi của đối tượng mà xiết chặt, giở lăm chỉ hai phút sau là đối tượng ngoẹo đầu, nước dãi ộc ra. Đàn bà còn dễ hơn, chỉ tay không bóp cổ cũng chóng vánh. Giết xong, vùi luôn và ngụy trang chỗ vùi, coi như đất bằng. Đến ngay như chúng tôi cũng không thể nhớ nổi tên ác ôn nọ bị thủ tiêu nằm nơi đâu cho thật chính xác. Trường hợp phải giết để cảnh cáo,

chúng tôi giết tại nhà đối tượng, bên cạnh xác là lời tuyên án. Công việc của chúng tôi để lại những ấn tượng không vui, nếu không gọi đó là những ám ảnh khủng khiếp. Đây là tiếng ăng ặc của người bị bóp cổ, là cái mùi nước dãi ộc ra trước lúc tắt thở cái mùi hôi hôi tởm lợm rửa tay bằng xà phòng thơm lá chanh ba ngày sau chưa phai. Đây là thứ tiếng phát ra từ dưới huyết sau khi đã vùi xong, một loại nấc khan trầm và rề như cóc ho. Đây là nỗi day dứt không hiểu trong những cặp mắt lồi ra như ngạc nhiên trước cái chết của mình, có cặp mắt nào thực sự nói điều oan ức không? Chính những ấn tượng không vui ấy cùng với sự thanh thản trong lòng khi trả lại tự do cho cô Mỹ Hương, tôi đã quyết định xin chuyển sang lính đặc công. Bận đọc một chiếc xilíp, bơi lội nôi hoặc pin đèn khắp người, tiểu liên, thủ pháo trong tay, luôn vào tận giường ngủ thẳng Mỹ mà chơi nhau, hoàn toàn yên trí những kẻ bị giết kia chỉ được sám hối lúc về cõi chúa.

- Anh vừa nói tới Mỹ Hương. Hẳn là các anh đã phát hiện ra chính nó là chỉ điểm của địch ở Khang Xuyên.

- Không phải chúng tôi phát hiện. Huyện ủy thông báo dựa trên báo cáo của cơ sở, nghĩa là của chi bộ Khang Xuyên.

- Và anh đã phản đối?

- Trái lại, tôi rất mừng. Tìm được tên chỉ điểm mà diệt, chúng tôi sẽ cho quân về “lún” lại ở Khang Xuyên ngon lành. Tuy thế, tôi vẫn thận trọng. Mỹ Hường là ai, tôi không biết. Nhưng tay Lân biết. Đây là một cô học sinh thi trượt tú tài về bán tạp hóa với mẹ ở chợ Quán. Bố cô là công chức bưu điện trong Sài Gòn. Nghe đâu, cô từng tham gia phong trào học sinh ở Huế. Hồi Khang Xuyên còn là cùng giải phóng, ở Huế về, cô cũng sinh hoạt thanh niên. Theo Lân, đây là một cô gái xinh đẹp duyên dáng. Thôi xinh đẹp duyên dáng cũng đẹp, đã làm chỉ điểm là phải đền tội. Trước lúc quyết định hành sự, tôi còn cử Lân luôn về Khang Xuyên gặp Tôn thẩm tra lại. Tôn cung cấp thêm một số chi tiết. Rằng, người ta thấy Mỹ Hường mấy lần nói chuyện với bọn cố vấn Mỹ bằng tiếng Anh. Mỹ Hường có quan hệ mật thiết với tên thiếu tá quận trưởng, nghe đâu anh em con dì con già gì đấy. Rằng trước đêm xảy ra vụ đột kích ở nhà O Thèo, buổi chiều Mỹ Hường có tới chơi nhà O nói chuyện lai rai. Lại còn đi nghiêng ngó ngoài vườn. Ngần nấy chi tiết cũng chưa khẳng định được tội ác, nhưng có thông báo của huyện chúng tôi vẫn hành sự. Thành lập một tổ công tác ba người tôi trực tiếp chỉ huy. Thêm thiếu úy Lân, thổ công ở Khang Xuyên và chuẩn úy Năm, người Tày Cao Bằng, một cây đẹp trai, da trắng và môi đỏ chót như môi con gái. Đêm ấy, tôi còn nhớ, trời nhờ nhờ, chùng như trăng mười bảy, mười tám gì đó bị mây che phủ. Chúng tôi luôn về Khang Xuyên an

toàn, móc với Tôn và chính Tôn dẫn chúng tôi tới nhà đối tượng. Sau đó Tôn lánh mặt. Nguyên tắc hoạt động bí mật ở vùng tạm chiến, Tôn lánh mặt là phải. Gõ cửa. Tôi đã gõ cửa nhà đối tượng nhiều lần, “cộc,cộc, cộc” cái tiếng của ngón tay cong lại gõ vào ván gỗ nghe đùng đục là mệnh lệnh giết người. Cũng là một ám ảnh dai dẳng. Thú thật với anh, mãi gần đây mỗi khi nghe ai gõ cửa nhà mình, tôi vẫn còn giật mình, cảm thấy ớn lạnh.

- Anh kể dông dài quá đấy! Anh nói ngắn gọn vì sao anh không giết tên chỉ điểm ấy, hoặc thấy nó xinh đẹp duyên dáng hoặc vì có ý nghĩ gì đó vừa nảy sinh?

- Theo tôi, giết đúng đối tượng là hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu bức thiết, trái lại, giết sai đối tượng là phạm tội giết người. Tôi không muốn là kẻ giết người vô căn cứ.

(Im lặng một lúc)

- Nghĩa là anh không công nhận Mỹ Hường là chỉ điểm.

- Đúng thế.

- Lý do?

- Giản đơn thôi. Những tên ác ôn, gián điệp, chỉ điểm đều có khuôn mặt khác, thái độ khác, giọng điệu khác, hành động khác với cô gái này. “Mời đi học”, ba tiếng ấy không có tên phản động nào không hiểu.

Phản xạ ngay lập tức. Hoặc run lẩy bẩy, mặt đỏ chàm. Hoặc đỏ mặt lên phản đối gay gắt. Có đứa làm âm lên buộc chúng tôi phải dí súng vào lưng. Có đứa mắt trước mắt sau, chực tẩu thoát. “Mời đi học” là cục vôi giơ ra trước mắt con đĩa. Cô gái này vui vẻ, hơn hờ nữa là khác. Lại hỏi, đi bao lâu, mang chăn màn đã đành, chỉ tiếc không kịp sắm cái võng, chắc học “trên xanh” phải không mấy anh? Ở trên xanh, em có khối đứa bạn. Bà mẹ lo cuống, cô an ủi. Một tháng ăn nhằm gì mẹ, ai hỏi mẹ phải nói thác là con vô Sài Gòn nghe.

- Chắc anh chưa gặp những đứa gián điệp cao tay, hơn hờ vui vẻ chỉ là bề ngoài nhưng nó đã nhầm tính cách khác trong bụng.

- Chẳng có cách gì khác, khi đang đêm, một cô gái tay không bị ba anh lính trinh sát an ninh, tiểu liên, súng ngắn áp giải. Có là bay đảng giời! Điều băn khoăn của chúng tôi lúc đó không phải là sợ cô gái đào tẩu hoặc hạ thủ chúng tôi, mà ở chỗ khác. Dường như cả ba anh em chúng tôi đều linh cảm rằng cô gái này vô tội. Giá lúc đó, tôi lên gân một chút thì Lâm và Năm phải im re, chỉ có chấp hành. Chậc, chiến tranh là thế, cứ lệnh mà làm, ai hơi đâu phân giải rằng oan hoặc không, dẫu giết nhầm một người cũng không hề tai hại đến sự nghiệp cung.

- Và anh đã phóng thích cho con chỉ điểm?

- Sự việc không giản đơn như thế. Điều băn khoăn ấy đeo đẳng chúng tôi suốt chặng đường dài

hàng chục kilômét cho đến lúc chúng tôi gặp tai họa. Một trận pháo bất ngờ chụp đúng đội hình hành tiến chúng tôi lúc vừa mới đến chân đồi Thảm. Vùng giáp ranh là tuyến bắn chặn thường xuyên của địch. Dứt pháo, trong khói đạn mờ mịt là một vùng đồi sim im lặng hoàn toàn. Rồi có tiếng rên, lại có tiếng khóc. Thôi, chết tôi rồi, Năm bị thương khá nặng vào bụng. Lân bị một mảnh pháo vào sọ, chết ngay. Cô gái khóc vì quá sợ, nhưng cũng nhanh tay băng bó vết thương cho Năm và giúp tôi đào huyết. Khi vùi Lân, cô gái khóc rống. Lại tiếp tục lên đường, bây giờ trời đã mưng sáng. Tôi bí mật tháo hết đạn trong băng vào trao cả hai khẩu AK, hai chiếc bông nhỏ của Lân và Năm cho Mỹ Hường, tôi công Năm ỉ ạch mãi mới tới cửa rừng, mới chặt cây mắc võng làm cáng. Mỹ Hường vai trước, tôi vai sau, chúng tôi khiêng được Năm đến một trạm xá đội vận tải, mệt muốn chết. Đến đây, Mỹ Hường gặp một bạn gái làm y tá vốn là học sinh cũ ở Huế lên. Hai chị em cứ tíu tít mãi, không chịu rời nhau. Tôi quyết định nghỉ một đêm ở trạm xá lấy lại sức. Sáng dậy, ăn uống xong, xin một nắm cơm vắt, lại lên đường. Bây giờ chỉ còn Mỹ Hường và tôi. Đi đâu? Rừng Trường Sơn mênh mông bạt ngàn. Mỹ Hường hỏi, đường còn xa nữa không anh Hảo? Cũng còn xa xa, tôi đáp vu vơ. Lớp học có đông không anh? Đông. Tôi lại đáp vu vơ. Cô gái hỏi chuyện luôn miệng, còn tôi đáp cho có lời đáp, trong lòng đang ngổn ngang một cách xử sự. Khó mà tin cô

gái này là chỉ điểm, nó đã tìm các đào tẩu. Suốt một chặng đường dài, thiếu gì cơ hội. Có sự u uẩn nào đây chẳng? Trong chiến dịch Mậu Thân, tôi đã chứng kiến cảnh mượn gió bẻ măng, vì thù riêng với nhau, mượn sức mạnh của quân cách mạng thanh toán lẫn nhau. Báo cáo của chi bộ Khang Xuyên do tay Tôn làm bí thư, chưa có bằng cứ xác đáng. Cũng có khi chẳng vì thù oán, khử được một tên chỉ điểm, há chẳng phải là thành tích của chi bộ trong công tác an ninh hay sao? Tôi không muốn bàn tay mình dính máu người lương thiện. Sẽ phải trả lại tự do cho Mỹ Hường. Nhưng để quyết định của tôi đảm bảo chính xác, tôi phải thẩm tra lại một lần cuối. Dừng chân bên bờ suối vắng, rửa ráy tay chân xong, chúng tôi ngồi nghỉ. Bây giờ tôi mới ngắm kỹ cô ta, quả là một cô gái đẹp duyên dáng. Tôi gọi chuyện cô, giọng nói và nét mặt dung dị, nhưng thực chất là thâm vấn. Hỏi từ cha mẹ họ hàng, anh em, đến đời tư của cô, quan hệ của cô trên Huế, dưới Khang Xuyên. Rồi xoay sang chuyện liên quan đến vụ địch tập kích vào nhà O Thèo. Mỹ Hường nói, cả làng gọi o Thèo, còn cô đứng ra phải gọi thím. Ông nội cô và bố chồng O Thèo là anh em ruột. Hôm đó, cô đang ở Huế về nhà mới nghe chuyện, chỉ biết hơi ôi. Người ta nói hai người lính giải phóng bị bắn chết trong nhà, lính ông Thiệu còn đem trời vào gốc cau, suốt nửa ngày hôm sau, mới cho chôn. Rõ quân thất đức. Biết thím Thèo bị tổng nhà lao, mà chưa kịp đi thăm. Vậy là lời khai của Mỹ Hường (tôi tạm gọi lời

khai) hoàn toàn khác với lời tố cáo của tay Tồn. Tuy đã hai năm rưỡi, tôi càng làm mất nghiêm, nhìn thẳng vào mắt Mỹ Hường mà bảo, rằng có kẻ cho chúng tôi biết cô đã nhúng tay vào vụ thảm sát đó, cô đã chỉ điểm cho lính nguy, cô nghĩ sao? Mỹ Hường đang vui vẻ hơn hớn chợt tái mét mặt, rồi khóc òa. Trời ơi, sao người ta có thể vu oan giá họa cho cô như thế. Dì ruột cô lâm bệnh phải nằm nhà thương Huế, mẹ cô bảo phải lên thăm nuôi dì cả tuần lễ, nào cô có biết nết tẻ gì về việc giết người giải phóng ở nhà thím Thèo. Mà sao cô lại nỡ làm hại bộ đội giải phóng, còn làm hại cả thím Thèo của cô được. Cô không thể thất nhân thất đức như thế! Tôi nói thẳng với Mỹ Hường rằng, không phải chúng tôi dẫn cô đi học, chẳng có lớp học nào cả, chúng tôi được lệnh dẫn cô đi hỏi tội. Đang khóc, bỗng cô lau nước mắt, môi run run, cô ném vào mắt tôi một cái nhìn thách thức vậy thì anh bắn em đi! Không, tôi không bắn cô, nếu giết cô, tôi đã hành động lúc còn dưới trăng cát vắng vẻ, hoặc dưới giáp ranh từ đêm hôm qua. Tôi không tin cô là chỉ điểm, là gián điệp. Tôi sẽ trả lại tự do cho cô với một điều kiện:

(có tiếng cười của đại tá Lê Hớn)

- Anh chớ vội nghĩ về tôi như thế. Bảy giờ tôi mới 26 tuổi, chưa vợ, khoẻ mạnh, chẳng đến nổi xấu, lại con trai Hà Nội, có bằng đại học, tôi có thể bộc lộ tình yêu với cô ta, mà không thấy ngượng. Cũng như mọi người trai trẻ, nhìn khuôn mặt thanh tú, đôi môi thật

duyên, chiếc cổ trắng ngần và bầu ngực nở nang của Mỹ Hương, cũng có phút chốc con thú đàn ông trong người tôi trôi dạt. Hoặc tán tỉnh, hoặc cưỡng đoạt hoặc khêu gợi cô ta hiến dâng, bề nào cũng được. Chỉ hai người mà rừng quá vắng. Có điều tôi biết chắc chắn, sau khi thoả mãn với người con gái này, nhất thiết tôi phải bóp chết cô ta. Như vậy tôi sẽ được nhiều bề. Vừa thoả mãn, vừa có chiến công, vừa không lo sợ hậu quả. Nhưng lại mất một điều quan trọng, ấy là tự làm mất mình. Nhờ trời, tôi không bao giờ chịu đánh mất mình. Bởi thế, điều kiện của tôi đề ra cho Mỹ Hương là phải giấu tung tích đi, cấm không được lai vãng về Khang Xuyên. Cô muốn sống ở Đà Nẵng, Sài Gòn. Cần Thơ gì cũng mặc, nhưng sự có mặt của cô ở Khang Xuyên sẽ bất lợi cho cô và cho cả tôi. cô gái gật đầu. Tôi lại dẫn cô tiếp một chặng đường đến cao điểm Eo Gió. Ở đây đã nhìn thấy quốc lộ số 1, chỉ cần hai tiếng đồng hồ đi bộ là có thể vẫy xe ô-tô. Chúng tôi chia tay. Nấn ná ngập ngừng một chút, rồi cô gái ôm chầm lấy tôi, khóc thút thít. Quả thật lúc đó, trái tim trai trẻ của tôi đập loạn nhịp, cảm giác như hụt hơi. Không để cho sự xúc động trì nứu, tôi nhẹ nhàng gỡ tay cô gái. Hãy can đảm lên, chúc mọi sự bằng an và giữ trọn lời hứa. Sau này, có lúc nào đấy chợt nhớ lại, tôi gọi đó là cuộc chia tay màu xanh.

- Thôi được, cứ cho rằng anh tin việc làm của mình là đúng, sao không báo cáo cho tổ chức biết sự thật?

- Thực ra không ai ký lệnh cho tôi giết cô gái ấy. Huyện ủy chỉ thông báo cho biết tình hình. Đồng chí phụ trách an ninh huyện giao cho đội trưởng trinh sát an ninh là tôi xem xét. Nghĩa là tôi có quyền quyết định số phận của đôi tượng. Tôi đã phóng thích cô gái, bởi tin việc làm của tôi đúng, bởi tin vào sự thành thật và trong trắng của cô gái. Còn lúc bấy giờ mà báo cáo đúng sự thật thì câu chuyện trở nên vô cùng phức tạp. Chắc không ai tin tôi, bởi nhân chứng duy nhất còn lại là chuẩn úy Năm cũng đã chết ở trạm xá vận tải, vì vết thương quá nặng. Đã không tin thì người ta bẻ hành bẻ tởi tôi đủ điều. Bị kỷ luật thải hồi là may, còn hơn đón nhận cái chết. Mượn bàn tay kẻ địch để loại bỏ một người bị nghi ngờ là một cách giết người sạch sẽ nhất. Tôi rất am hiểu chuyện đó.

- Vậy là anh cũng sợ chết?

- Tôi sợ cái chết phi lý nhằm chán, nhưng không sợ cái chết có mục đích cống hiến. Như đã trình bày, sau vụ Mỹ Hường cùng với những ám ảnh nghề nghiệp, tôi nhất quyết chuyển sang bộ đội đặc công. Anh xem lý lịch tôi chắc biết, ba năm làm đại đội trưởng đặc công tôi đã có ba bằng dũng sĩ và hai huân chương. Khi lên cán bộ tiểu đoàn, tôi mới chuyển sang bộ binh tấn công vô Huế, truy kích địch xuống tận cửa biển Thuận an. Trong đám tù binh tóm được, tình cờ tôi nhận ra Tôn. Hắn khai bị bắt quân dịch ngay sau khi chi bộ Khang Xuyên đổ bể, nghĩa là người đảng viên già cuối cùng tên là Quán cũng bị địch bắt nốt. Bí thư chi bộ gì mà chịu cầm súng cho địch từ bấy đến

giờ. Dù sao gặp lại hấn trong tư thế tù binh bị bắt, tôi cũng thêm an tâm về việc trả lại tự do cho Mỹ Hương. Hấn cứ bám lấy tôi, nhưng tôi tránh. Chúng tôi không nhắc gì đến chuyện Mỹ Hương cả.

- Anh có gặp Mỹ Hương lần nào hoặc có biết tin gì về cô ta không?

- Hồi ở Huế tôi có về lại Khang Xuyên thăm o Thèo. O có cho biết Mỹ Hương đã có chồng con trong Sài Gòn, bố mẹ cô đều mất cả. Chỉ biết thế thôi, chứ tôi không tìm cách liên hệ, chẳng để làm gì cả.

- Anh có gặp Tôn không?

- Tôn đi cải tạo, có lần hấn đi tìm tôi ở Mang Cá, năn nỉ xin tôi chứng nhận cho hấn có làm bí thư chi bộ Khang Xuyên, thêm nữa trong thời gian đi quân dịch vẫn có mối nối với quân giải phóng. Hấn gãi đầu gãi tai, nháy mắt tinh quái, với tôi rằng sẽ không quên ơn. Chẳng đời nào tôi hạ bút ký xằng xịt như thế, tôi nén giận, bảo hấn tìm mấy ông đảng viên cũ ở Khang Xuyên hoặc huyện ủy mà xin. Hấn kỳ kèo mãi, tôi mới nổi nóng đuổi hấn đi.

- Chuyện anh kể đã dài, cứ hẵng biết thế! Dù sao cũng là ý kiến riêng anh - Phải đợi tổ chức xem xét, kết luận. Ta tạm dừng ở đây”

*

Đọc lại hồ sơ vụ Y8, thiếu tá Cần ngồi thờ người. Sự việc không có gì khó hiểu, vậy mà hồi đó phòng

bảo vệ do đại tá Lê Hớn chủ trì không thể kết luận được. Lá thư ký tên Lê Huy Tôn rõ ràng là nặc danh, địa chỉ không có, và lời lẽ chỉ gọi là để đơn vị lưu ý, nhưng lưu ý một vấn đề chính trị nguy hiểm, quả là chết người. Phải chăng Tôn chỉ là Tôn? Mà một người như Tôn làm sao tin cậy được? Vụ Y8 không kết luận, hồ sơ nằm im trong tủ “mật”, nhưng nghi án về Hào cứ treo đây. Không đề bạt được trưởng phòng, đến niên hạn thăng quân hàm đại tá lại kẹt. Đại tá Lê Hớn gọi Phan Nhân Hào lên, kiên trì thuyết phục, kể cả mớm cung, yêu cầu Hào viết lại hoặc viết bổ sung thêm về quan hệ giữa anh và Mỹ Hường. Hào phản ứng, không có gì phải nói lại, nói thêm. Đại tá Lê Hớn đánh bài ngựa, nếu sự việc còn mù mờ không kết luận được thì việc đề nghị thăng quân hàm cho anh là khó. Tốt nhất, anh làm đơn xin về hưu. Sẵn sàng! Hào lấy giấy bút viết nhoay nhoáy, ký ẹt một chữ. Thế là xong, đại tá Lê Hớn thở phào. Coi như ông hoàn thành nhiệm vụ, xứng đáng nhận thêm một bậc lương nữa, trước khi nghỉ hưu. Lê Hớn mang theo cái thở phào về chăm mảnh vườn của mình trong quê đã vài năm nay. Còn hồ sơ vụ Y8 vẫn nằm mốc meo trong tủ “mật”. Cán bộ thay thế lúc này đến mới toanh, không ai biết kỹ vụ Y8, ngoài thiếu tá Cần. Lòng đầy băn khoăn, thiếu tá bèn trình bày với các thủ trưởng của mình. Các thủ trưởng nghe chăm chú, cuối cùng đều nói giống nhau. Rằng chuyện cũ bới lại làm gì, thôi dẹp. Muốn kết luận vụ này, không thể đơn giản.

Nếu gọi là để trả lại danh dự cho anh Hảo, thì có ai làm mất danh dự anh đâu. Dù sao, anh đã về hưu lâu lâu, với lại nghe tin khỏi bệnh là mừng. Thế nhé! Hai chữ “thế nhé” có nghĩa là chỉ thị cấp trên, vậy mà thiếu tá Cần không sao giải tỏa được sự ầm ứ trong lòng. Chẳng nhẽ để anh Hảo chịu tiếng oan, dẫu không ai biết chuyện ngoài một ít cán bộ có trách nhiệm, thì chính tâm tư anh cũng đau đớn, làm sao thanh thản được. Lương tâm cắn rứt, thiếu tá Cần quyết định đến thăm Hảo, nói cho anh biết sự thật, chỉ mong anh thông cảm giùm. Một buổi sáng chủ nhật, Cần đạp xe đi, trong chiếc túi vải treo đầu ghi đông có một chai quốc lủi nửa lít, mười gói lạc rang mua ngoài quán nước. Anh em gặp nhau có cái mà lai rai, tâm sự.

Hôm đó, Hảo ở nhà một mình. Chị Phúc ra chợ, hai đứa con đều đi học thêm ngoài giờ. Anh đóng cửa, nằm đọc lại Tam quốc. “Cộc, cộc, cộc”, tiếng gõ cửa đột ngột làm anh giật bắn mình, ngồi choàng dậy, cuốn sách rơi xuống đất. “Cộc, cộc, cộc”, tiếng gõ cửa gấp hơn mạnh hơn. Tim đập loạn xạ, mồ hôi rịn ra trên trán, Hảo thở hổn hển, mắt chột hoa lên trong một đám mây mù bao phủ trước mặt.

“Cộc , cộc, cộc”, có ai ở nhà không? Anh Hảo ơi, anh Hảo!

Hảo vẫn ngồi đờ đẫn như người lạc vía.

- Anh Hảo ơi, ngủ à? Cần đến chơi đây mà!

“Cộc, cộc, cộc” - thiếu tá Cần, tay xách túi vải, đang hớn hờ gõ cửa mạnh hơn chợt nghe một tiếng gầm:

- Cút mẹ mày đi! Tiên sư cha mày!

Cần vội lùì ra, ngơ ngác chưa kịp hiểu tiếng gầm là có thật hay nghe nhầm, thì cánh cửa xịch mở. Phan Nhân Hảo nét mặt hoang dại, mắt đỏ ngầu, tay lăm lăm chiếc then cài cửa. Chiếc then cửa vung lên trong một tiếng hét, y như lúc xung phong. Miệng ú ớ, mặt tái mét. Cần kịp né tránh và cóc cò chạy. Cây đu đủ trước hiên bị phạt cụt ngọn, ở đấy nhựa đùn lên trắng hếu. Mấy bác hàng xóm chạy tới giữ Hảo lại, dìu anh vô nhà, trong lúc anh vẫn thờ hỏn hển, chẳng nói chẳng rằng. Khi hoàn hồn, thiếu tá Cần, tuy chưa hiểu đầu cua tai nheo ra sao, vẫn phải nhờ mấy đứa trẻ vác hộ xe đạp ra ngoài sân khu gia đình, tay run run mở khoá, mắt vẫn để ý về phía xảy ra điều kỳ quái.

Kể từ hôm ấy, dân K42 không nghe tiếng chân chạy thể dục buổi sáng của anh Hảo, đám trẻ con đá bóng thiếu trọng tài, cãi nhau ỏm tỏi. Anh Hảo trở lại căn bệnh như cũ, chỉ tùm tùm, nét mặt ngây dại. Anh lại quên, chẳng những quên hết quá khứ, mà quên rất nhanh, kể cả những việc vừa xảy ra - Anh bảo cái Hằng vào ngủ với mẹ, còn anh chung giường với thằng Hiếu, hai bố con đắp hai chăn. Chị Phúc thờ dài, cái Hằng và thằng Hiếu cũng buồn. Buồn nhất là thấy lũ trẻ con mất dạy trong K42 lại cúi gập người “cháu chào chú Hiến ạ và phá ra cười. Chị Phúc cho

treo lại tấm biển “xin đừng gõ cửa” vừa gỡ ra chưa đầy tháng. Niềm vui ngấn ngùi quá, tiếng thở dài của chị não nột hơn. Lời khẩn của chị trước bàn thờ hương khói nay có khác. Chẳng những khẩn tổ tiên ông bà phù hộ độ trì, chị còn khẩn vái cầu mong người đàn bà có tên là Mỹ Hương quay lại. Biết đâu người đàn bà xinh đẹp nọ là tiên trên trời giáng thế cứu giúp chồng chị chẳng? Chị hoàn toàn không hiểu cội nguồn những việc xảy ra, lắm lúc muốn đến đơn vị cũ của chồng, hỏi chuyện thiếu tá Cần mà ngại ời là ngại. Chị Phúc đâu biết, sau ngày xảy ra điều kỳ quái ấy và nghe tin Phan Nhân Hảo trở lại bệnh cũ, Cần đã xin chuyển công tác. Không biết anh đến đơn vị nào và chắc gì còn tiếp tục công việc cũ nữa.

10-1991



BÍCH THUẬN

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích Thuận**

Ngày tháng năm sinh: 31.8.1929

Quê quán: Hà Nội

Nghề nghiệp: Làm báo, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Viết 25 cuốn trong đó có: *Thiếu nữ, Mùa thu, Những căn nhà mùa thu, Giấc mơ thời thiếu nữ, Người con gái Hà Nội.*

Các giải thưởng văn học: Giải ba cuộc thi truyện ngắn Báo Văn nghệ năm 1968. Giải B Hội Văn nghệ Hà Nội đề tài thầy thuốc.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Tôi viết truyện ngắn *Mùa dưa hấu* vào năm 1966 khi Bác Hồ vừa ra lời kêu gọi toàn dân đứng lên chống Mỹ cứu nước. Tôi chợt nhớ đến tuổi trẻ của tôi. Năm 1945 tôi vừa 16 tuổi đã tham gia mặt trận Việt Minh. Một hôm chị cán bộ Việt Minh là bạn tôi bảo tôi có lên chiến khu không, ở đó đang cần một nữ cứu thương. Tôi rất thích lên chiến khu. Tôi nói thật với cha tôi ý định của tôi. Cha tôi hỏi ngay - "Đi với thằng Ka có phải không". Ka là người đã yêu tôi nhưng gia đình không chấp nhận. Từ bỏ ý định đó, cho đến bây giờ 60 năm đã trôi qua mà tôi vẫn còn tiếc mãi.

MÙA DUA HẦU

Vừa đến bến phà, lưng áo đẫm mồ hôi, Tần dựa xe vào bên vách dựng ngược ở bờ sông. Chị rút khăn lau mồ hôi lấm tấm trên trán, trên cổ. Bến phà đông nghịt người và xe. Những chiếc xe tải, xe com măngca đỏ những bụi đường, và trên mui gài đầy những cành lá nguyệt trang đã heo héo, đang nối đuôi nhau lăn bánh trên các dốc gồ ghề những hòn đá học mới xếp.

Chiếc xe tải cuối cùng vừa đi khỏi. Tần sắp lao xe đạp xuống, hai chiếc xe con nữa lại tới. Chị vội dừng lại. Cô bộ đội coi bến mỉm cười nhìn chị, thông cảm.

Tần nhìn đồng hồ, vẻ nóng ruột, cái nóng ruột của những người đã vượt chặng đường xa chỉ mong chong chóng về tới nhà.

Những chiếc xe lần lượt xuống bến. Tần nheo mắt nhìn. Bờ bên kia xa tấp. Nơi đó dẫn đến con đường rải nhựa có một rặng ổi um tùm lát nữa chị sẽ vượt qua, về khu phố cũ.

- Chị về đâu?

Tần đang mãi ngắm dòng sông đỏ ắp phù sa, bỗng quay đầu lại. Cô bộ đội khi nãy đang nhìn chị, đôi mắt đen nhánh lên một vẻ tinh nghịch và toàn thân cô toát lên một nét gì đó, thật tươi mát trẻ trung, khiến Tần nghĩ ngay tới đứa em gái út của chị.

- Tôi về gần đây thôi.

Chị đáp vui vẻ. Và chị nghĩ đến các khu phố cũ. Một dãy phố nhỏ có những mái nhà cao thấp không đều nhau, tuy thế, không dễ nhà nọ đã hiểu hết được hoàn cảnh nhà kia. Trước đây, dễ có ngày họ chả lúc nào gặp nhau lấy một lần, “đền nhà ai, rặng nhà nấy”. Bây giờ cái khu phố cũ đó ra sao nhỉ.

Từ nơi xa, trong những ngày bọn Mỹ đánh phá nhiều đợt vào thủ đô, Tần thường nghĩ đến khu phố, lòng chị vừa mừng lên những kỷ niệm thời thơ ấu vừa bồi hồi xúc động, lo cho phố nhỏ có còn nguyên vẹn? Chẳng gì nó cũng đã trải qua hai cuộc chiến tranh.

Nhưng chị nghĩ nhiều nhất đến căn nhà mẹ đẻ. Tất nhiên nhà mình cũng phải có những đổi thay, những đổi thay bất ngờ khiến ta vừa vui mừng, vừa kinh ngạc nhận thấy sao mà ta ít hiểu về những người thân của ta đến thế.

Hôm nay về thăm nhà, cảm giác đó lại đến với Tần, mỗi lúc một rõ rệt. Chị vừa được thư cô em gái mười tám tuổi chẵn, báo tin cô đã “đắt” bộ đội. Đọc xong lá thư, Tần hơi bàng hoàng, nhưng chị lại bắt

giác mỉm cười, tự hào. Song nghĩ tới mẹ chị chợt thờ dãi “Mẹ cho nó đi thật ư? Chắc con bé đòi mẹ khiếp lắm. Mẹ cưng nó nhất nhà, “giàu con út, khó con út”. Phải cái con bé rất vô tư, làm ăn đĩnh đoảng đến nỗi lắm lúc mẹ phải kêu lên: “Sau này, rồi “ma” nó rước may đi”. Nhưng cô gái út chỉ phờ đôi hàm răng trắng muốt ra cười trêu lại mẹ: “Không con chẳng đi đâu sất, con ở nhà với mẹ” và bà mẹ cũng lại phải cười xoà, không giận được nó.

...Hà Nội đang bước vào hè. Những chùm hoa soan tây đỏ ối, khê rung rinh bên hồ Gươm.

Và kia, ở các hàng hoa quả của mậu dịch, xanh ngắt một quây dưa hấu. Những quả dưa bổ đôi ruột dưa ngọt ngào thắm đỏ, làm dịu hẳn cái nóng oi bức ngày hè. Đã đến mùa dưa. Tần bồi hồi. Ờ, mới năm nào nhỉ. Cứ gần đến mùa thi, Hà Nội đã rải rác những trái dưa đầu mùa. Mẹ đi chợ, mẹ thường chọn mua quả dưa đầu mùa ngon nhất, xanh rời rợi, có những sọc trắng trắng, và giữa lúc Tần đang vuốt mồ hôi, cố nhét vào óc những trang sách đặc chữ, mẹ lẳng lẳng bước vào buồng học của Tần, đặt lên bàn con đĩa dưa hấu ngọt lịm, đỏ au, “thứ dưa vừa mát, vừa bổ, cho con ăn giải nhiệt”.

... Tần đạp xe miết về phố nhà, phố rất thưa người qua lại. Nhiều nhà đã khoá trái cửa, để lại mấy dòng chữ viết vội bằng phấn trắng: “Gia đình đi sơ tán. Thư từ xin bỏ qua khe cửa”. “Tìm ở...”

Chị dừng xe trước cửa nhà mình, ngôi nhà một tầng hai bên có trở hai cửa sổ lớn. Nhưng các cửa sổ đều đóng kín mít. Lâu lắm rồi, từ ngày phụ trách công tác thương nghiệp ở một tỉnh nhỏ, bán lên vì những chuyến hàng đột xuất, để có đến một năm, chị chưa có về thăm gia đình, không rõ sức khỏe thầy mẹ ra sao. Cái chuông điện hồng đã lâu không chữa để tro ra những mẩu chì nhỏ.

Tần xoay xoay quả vụn bằng sứ. Có lẽ mẹ đi chợ hay đang làm gì dưới bếp.

Nhưng trong nhà bỗng có tiếng guốc lẹp kẹt bước ra. Tần bỗng thấy tim mình đập mạnh. Mẹ có già đi không? Tóc mẹ có thêm những sợi bạc? Và trên nét mặt thân yêu của mẹ có hẳn thêm những nét nhăn?

Cánh cửa hé mở. Tần reo lên: “Mẹ!” Khuôn mặt hơi gầy của mẹ với đôi mắt đen dịu dàng thoảng rung lên, nhưng liền sau đó, bà mẹ cất giọng trách yêu:

- Giời, bom đạn thế này lặn lội về làm gì cho khổ. Con được về mấy hôm? Trẻ nó có chơi không?

Bà vội vàng mở rộng cánh cửa dọn đường cho con gái dắt xe vào.

Và bà ngắm nhìn theo con: mái tóc hơi rối chưa kịp chải lại, chiếc áo sơ mi màu mận chín ướt đầm mồ hôi, những đồ đạc linh tinh buộc đằng sau xe. Chao! Đứa con gái đầu lòng của bà, đứa con mà khi có điều gì

vui buồn bà đều muốn chia sẻ cùng nó, mong được dịu bớt những lo âu. Và thường nó về với bà, rất đúng lúc.

Bà mẹ bỗng thấy mình nhanh nhẹn hẳn; bà nhấc chiếc ghế lên rồi lại để nguyên vào chỗ cũ. Bà cầm chiếc quạt, quạt cho mình và quạt luôn cho con gái.

Như chợt nhớ ra, bà lại tú chèn lấy bộ ấm chén bằng men sứ cổ chỉ để dành riêng cho những khách quý.

Tần đã dựa xe vào tường. Chị mỉm cười nhìn quanh nhà, những chiếc mũ sắt treo trên tường, những túi thuốc phòng không, mấy khẩu súng trường ánh lên màu thép biếc khiến căn nhà như trẻ lại, như sáng hẳn lên.

Trên giường, xếp đầy những quần áo cũ đủ màu, đủ kiểu. Bà mẹ, nét mặt tươi tỉnh:

- Toàn là mũ, súng của tổ phục vụ chiến đấu với tự vệ phố ta cả - giọng nói của mẹ đượm vẻ tự hào. Mẹ cũng mới đi các nhà thu giẻ lau súng, giặt sạch rồi lát nữa mang cho các anh bộ đội.

Chén chèn ướp hoa nhài thơm ngát, nước cứ xanh như mây khiến Tần cứ tỉnh cả người.

Bà mẹ vẫn để ý đến nét mặt con, như ngày nó mới lớn lên. Bà vẫn xét nét từ đôi mắt, miệng cười, đến cái dáng đi, đoán thử sau này nó có vất vả hơn mẹ?

Bà rót thêm nước vào chén cho con:

- Nghỉ ngơi một lát cho đỡ mệt rồi đi mà tắm giặt con ạ. Anh ấy dạo này có về luôn không? Hay lại vẫn cứ đi biệt. Cái số chúng mày cũng vất vả. Thầy vừa mới ra phố. Cả cái Lan nữa, nó đang cuống lên đi chào bè bạn, mua bán sắm sửa các thứ lặt vặt.

Bà chậm rãi:

- Tao chả cho nó đi cũng chả được. Chúng nó lớn, giữ chân nó làm sao nổi, không đi cửa này nó tuồn cửa khác. Từ lúc nghe các anh khu đội bảo con gái cũng đi bộ đội được, ngày nào nó cũng lên khu làm tình làm tội người ta, rồi ăn vạ ở đấy.

Mẹ vừa nói, vừa xếp lại những chiếc áo cũ đã giặt sạch, phơi khô, buộc lại từng buộc.

Giọng bà thấp xuống:

- Cho nó đi, mẹ chả ngại gì, chỉ ngại nổi nó bệch bệch toạc, ăn chưa no, lo chưa đến, rồi chịu đựng gian khổ thế nào. Ấy, đây đến chợ chỉ vài bước đường, mà cũng không rời được chiếc xe đạp ra.

Tần chăm chú nghe mẹ nói. Qua câu chuyện, chị cũng hiểu thêm nỗi lòng của mẹ. Mỗi lần, một đứa con ra đi, mẹ nửa vui mừng, nửa hồi hộp. Mùa hè năm ngoái, cũng vào độ mùa dưa chín rộ. Hưng, con trai thứ ba của mẹ xin nhập ngũ. Nó đi rồi, dễ có đến mấy đêm mẹ bồn chồn thao thức, phần lo cho con vào nơi tuyến lửa, mưa bom bão đạn rồi con có chịu được không, phần thương một nỗi ở nhà có miếng gì ngon

lành mẹ cũng nhường cho, đi đến đơn vị liệu có biết nhường anh, nhường em không hay lại lành chanh lành chổi. Tội thế. Hình như người mẹ nào cũng chỉ mong mọi người hiểu con mình, hiểu tận chân tơ kẽ tóc như chính mình hiểu nó. Giờ lại đến cái Lan sắp đi, Tần bỗng thấy lòng xao xuyến, tràn ngập lòng thương kính đối với mẹ, người mẹ rất đổi hiền lành, thực thà, đến nỗi họ nhà chồng nhất là mấy bà chị chồng cứ bảo cụ là “gàn”. Nhưng những đứa con khi lớn đều giống bà mẹ ở tính thật thà ngay thẳng ấy, với một tấm lòng giàu yêu thương ấy.

Bà cụ đã vào trong nhà, xách ra cái làn mây. Bà nhẹ nhàng bảo con:

- Con có mệt cứ nằm nghỉ đi. Mẹ đảo ra chợ một lát xem có cái gì.

Tần níu tay mẹ lại:

- Thôi, mẹ ạ, ăn gì cũng được, mẹ chả phải đi chợ đâu, lỡ có báo động thì sao.

Bà mẹ dịu dàng:

- Tiện thể mẹ còn qua tổ phục vụ cất đặt cho các bà đi tuần tra đêm nay.

Lại thế nữa. Đôi mắt Tần chớp chớp. Chị nhìn mẹ. Mẹ khác xưa nhiều rồi. Nhưng sao trong thư từ gửi cho mình, cả thầy, cả cái Lan tuyệt nhiên không nói gì về sự thay đổi của mẹ. Hay ai cũng coi đó chỉ là

những nét bình thường mà bất cứ một người mẹ nào yêu nước cũng có thể làm được cả.

Tần bỗng hơi bối rối, chị vội hỏi mẹ:

- Chiều thầy con mới về, mẹ nhỉ?
- Quãng năm, sáu giờ bố cô mới về.

Tần mỉm cười, vẻ hài lòng. Chị ngả mình trên chiếc sập gỗ mun, mát rượi. Trong giọng nói, mẹ luôn luôn nhắc đến thầy với giọng yêu thương: bố cô, bố con nhà cô...

Mấy năm gần đây, mỗi lần về thăm nhà bố mẹ đẻ, điều làm cho Tần yên tâm, vui mừng nhất là điều đó.

Tần bắt giác nhớ lại ngôi nhà cũ của gia đình, một ngôi nhà hai tầng rộng rãi, cách biệt hẳn bên ngoài với những cánh cửa suốt ngày đóng im im. Người trong nhà chỉ nhìn ra ngoài đường phố bằng một khoang cửa tròn nho nhỏ, có cái nắp gỗ kéo lên sập xuống. Căn nhà sạch như lau, như li, không một vết bụi và yên ắng quá chừng. Dường như chỉ có con mèo tam thể là vật duy nhất sinh động với dáng đi mềm mại của nó, và tiếng kêu meo meo hiền lành. Ồ, công việc của mẹ dạo ấy... Có lẽ ngoài hai buổi đi chợ, làm cơm, suốt ngày mẹ lau chùi những đôn sứ, chậu hoa, moi từng vết bụi ở những chùm nho, những con chim trạm trổ tinh vi trên tủ chè. Người ta bảo thầy rộng rãi với bè bạn, họ hàng, làng xóm nhưng ở trong

nhà, thầy lại khó tính dễ nổi nóng. Còn mẹ, mẹ trái hẳn thế, mẹ hiền dịu và lành tính. Hai người làm bạn với nhau hoàn toàn do sự sắp đặt của gia đình. Ấy là Tần nghe một bà dì nói thế. Còn Tần, Tần chỉ nhớ mẹ hết sức làm mọi điều cho thầy vui lòng.

Có những bữa, chuông điện bên công sở réo lên giờ tan tầm, cơm nước chưa xong, mẹ cứ luống cuống như một đứa trẻ phạm lỗi. Đâu một hay hai lần, thầy đã hất cả mâm cơm vào người mẹ, rồi bỏ đi.

Từ đó, trên nét mặt hơi xanh, non nớt của người con gái thoáng hẳn lên một nét buồn xa lạ. Tần tìm nguồn vui trong lớp học mà cô giáo dạy văn vẫn bảo đó là một lớp học đầy hoa. Cô nói như vậy chả biết có đúng không. chỉ biết nhiều buổi đang giờ học, Tần buồn bực, thần thờ, cô học sinh giỏi toán đã tìm ra đáp số của một bài toán khó nhất. Còn bài toán hăng làm cho cô đau đầu, biết nhờ ai giải đáp cho đây? Giả thiết nên đặt ra thế nào? Ví dụ như: Tiếng khóc âm thầm của mẹ lúc nửa đêm, những thay đổi bất thường của người bố, những cuộc đi chơi quá khuya về mặt làm làm khó hiểu.

Tần thương mẹ, nhiều đêm không ngủ được. Cô học sinh thường lặng lẽ nhìn vòm trời cao vợi vợi, đầy những vì sao lấp lánh. Mỗi ngôi sao chứa đựng vận mệnh của mỗi người, đúng không? Cô bé thường tự hỏi, và tự trả lời.

Không khí Hà Nội những năm ấy căng lên, ngột ngạt dưới gót giày những tên hiến binh Nhật, súng lục xệ bên hông, nện giày đinh còm cộ trên vỉa hè hàng phố như nện vào chỗ không người.

Những trận oanh tạc của máy bay Mỹ và thành phố khiến các trường học phải tạm rời về vùng quê. Giá sinh hoạt ngày một đắt đỏ.

Tần không còn đầu óc nào học nữa. Cô học sinh lén lút xem những tờ báo in đậm bằng thứ chữ hơi nhoè. Một ánh chớp vụt loé lên trong đầu Tần, soi rọi cả những đêm dài không ngủ, cả những nỗi buồn trước đây Tần không sao cắt nghĩa được.

Một buổi sáng, cả hàng phố bỗng náo động lên vì một tin hết sức bất ngờ. Cô Tần, con gái bà Hai bỏ nhà đi theo trai rồi.

Tin ấy đã đến tai Tần, giữa một mùa dưa. Tần nằm ở một vùng cách Hà Nội không xa, một làng quê trồng rất nhiều dưa hấu. Những quả dưa đầu mùa bò lan trên mặt đất, chắc nịch, xanh rờn rọi nhưng lòng dưa bổ ra cứ thắm lên, tươi đỏ, ngọt ngào.

Tần ăn dưa, miếng dưa nhạt, ghen ứ nơi cổ họng “Con dại, cái mang. Có con gái lớn trong nhà như cưỡi trên đầu voi dữ”. Người ta nói với mẹ như thế.

Những ngày nằm ở vùng địch hậu, những đêm hành quân đi chiến dịch, và những cái Tết đầu năm ở một vùng căn cứ, đi tới đâu, hình ảnh người mẹ với

dáng người thon nhỏ, hiền hậu lại thoáng hiện trong trí Tần. Tần sẽ khó mà quên được sau ngày hòa bình ít lâu, có dịp về thăm mẹ, chị đã mừng đến rơi nước mắt khi lại được gõ cửa ngôi nhà cũ, ấn ngón tay vào nút chuông và chờ một nét mặt thân yêu.

- Mẹ! Con đã về.

Con đã về

Tần ôm chầm lấy đôi vai gầy nhỏ của mẹ. Chín năm xa con gái lớn, gánh nặng gia đình đè chiu lên đôi vai mẹ. Tần không nhận ra được những đứa em của mình nữa. Thành Quảng, thành Hưng, cái Lan sinh ra trong những năm kháng chiến cứ lớn vồng lên, má đứa nào đứa ấy ửng hồng tươi tắn.

Đại bác địch đã san phẳng ngôi nhà cũ, nhưng nền nhà vẫn còn nguyên đây: Những hòn gạch lá nem đã bị đốt cháy từng mảng, những bờ tường nhám nhở in dấu tầng gác ngày xưa vẫn còn - Và những người trong nhà đã thay đổi.

Chín năm, mẹ nhận từ tay thầy gánh gia đình không nhỏ. Suốt ngày, mẹ hết đun nấu lại pha chế những thoi mực. Áo quần mẹ lúc nào cũng đầy đầy những phẩm tím. Đôi tay mẹ ngâm nhiều các chất hoá học đã nhợt cả, nhưng trên gương mặt rất đổi dịu dàng của mẹ không mấy may lộ vẻ gì mệt mỏi. Ngay trong lúc thầy đi theo cơ quan bắt tin hàng năm, mẹ vẫn tần tảo, chèo chống nuôi các con ăn học.

Tần ngắm nhìn lại gian nhà thân yêu. Chiếc đồng hồ cổ trên tường, quả chuông đều đều thong thả đưa qua, đưa lại. Chị nhìn cảnh vạn niên thanh, với những cành lá dày dặn man mát có đường vân trắng trắng đang leo ở bờ tường. Lòng chị thanh thản tưởng như thời thơ ấu xa xưa vụt trở lại, thấy như mình bé bỏng bên gối mẹ, và mẹ bao giờ cũng bận bịu, nhưng bao giờ cũng hiền dịu, yêu thương như thế.

- Tần ơi!

Bà Hai bước vào nhà, tay xách một làn nặng. Tần mở nắp làn: Một con cá chép tươi nguyên đang quẫy đuôi, những quả khế xanh, rau sống. Một quả dưa hấu to bằng con lợn con nằm ở trong làn, quả dưa xanh rờn rợn có những cái sọc trắng bò trên mình nó. Bà cụ nhìn con gái, âu yếm:

- Con mới đi về, ăn dưa cho giải nhiệt.

Bà đặt quả dưa lên bàn.

- Mẹ mua nhiều thế.

Tần khẽ kêu lên, không giấu nổi niềm vui thơ trẻ đang bùng lên trong chị.

Bà cụ treo cái nón trên tường, giọng vui vui:

- Chả mấy khi con về. Mấy lại em nó cũng sắp đi. Con ăn riêu cá nhé. Ngày xưa mà cũng thích ăn riêu cá lắm kia.

- Thế để con làm. Mẹ đi nghỉ đi.

- Việc gì mà phải nghỉ. Bà cụ cười, gắt yêu con.

Tần lẳng xăng đi lại trong bếp. Chị mở vòi nước, nghịch ngợm cho nước chảy đầy lòng bàn tay mình rồi mới hứng đầy chậu, rửa rau làm cá.

Bà cụ đổ mùn cưa vào lò, nói tiếp câu chuyện với con gái:

- Thầy đạo này mới đi sơ tán cứ hao cả người đi. Mẹ cứ lo. Nhà làm được ít thức ăn nào, mẹ cũng lại cơ quan nhờ anh em mang giúp lên cho. Đạo này thầy cũng khá ra một ít.

- Sao mẹ không đi theo thầy? - Chị cười hỏi.

- Rõ đồ dở hơi. Mỗi người một việc chứ.

Bà cụ nhóm lò, đặt siêu nước lên. Bà chậm rãi:

- Chả phải mình muốn giữ nhà. Nhưng từ cái độ vào tổ phục vụ chiến đấu, tao chả lúc nào rồi. Mẹ với các bà ấy phục vụ một "xê" ở chân cầu. Khổ, các anh ấy xây công sự ở các đống cát, hơi có tý gió là cát bụi nó bay mù mịt cả lên. Mẹ mới rủ các bà đi gánh nước, mãi tận bên sông xa lắm... Nhưng không tưới thì mùa hè này đã hơi nóng, lại cát bụi mù mịt, tàu bay nó đến thì đánh chác làm sao được. Mẹ với các bà trong phố tưới rồi thì trồng hoa, lúc nào rồi con chạy ra mà xem, gần cái chỗ ngày xưa chúng mày hay tập xe đạp ấy.

Từ lúc nghe mẹ nói, Tần cứ thấy vui lên. Rõ

ràng mẹ đã có cuộc sống riêng của mẹ, và cuộc sống đã làm cho mẹ trẻ ra.

Bà cụ vớt rau ra cái rổ, cho những hạt nước tong tong rỏ xuống. Bà cầm rổ xóc xóc:

- Giờ tao có ngồi yên một chỗ cũng không chịu được. Ra công tác khu phố bận rộn nó quen đi rồi. Ấy, hôm nào không có việc lại buồn.

Bỗng dung, Tần nghĩ đến những chiếc mũ sắt treo trên nhà. Chị hình dung ra lúc máy bay địch đang âm âm bắn phá, mẹ vẫn cứ đường hoàng đi ra trận địa, trên đầu chỉ có chiếc mũ sắt, đơn giản vậy thôi. Nhưng có thể dưới vành mũ ấy là tâm tư sâu kín nhất của một đời người, là những khát vọng thiết tha gần gũi nhất, có lẽ đó là sức mạnh của mẹ chăng?

Bên ngoài có tiếng gõ cửa gấp, Tần chạy ra. Cô em gái út ôm choàng ngay lấy chị. Hai má cô thoát đỏ ửng lên khi gặp đôi mắt chị, đôi mắt như đoán được hết những ý nghĩ, những ước mơ thầm kín của cô, cô thì thào:

- Em sắp đi bộ đội rồi, chị biết chưa?

- Chưa.

- Chị nói dối em.

Phút bỡ ngỡ qua rồi, cô bé cười hồn nhiên:

- Chị nhận được thư em rồi chứ. Ngày mai em lên đường, chị ơi.

*“Anh vẫn hành quân
Trên đường ra chiến dịch”*

Cô hát khe khẽ, chợt cô nói nhỏ vào tai chị:

- Đây, em phải làm “reo” mãi mới xin được chữ ký của mẹ đây. Chị đừng tưởng bở.

Bỗng cô ngồi phịch xuống ghế, lim dim đôi mắt nhìn chị, giọng nghiêm hẳn lại:

- Ngày các chị khu hội tổ chức tiễn bọn em đi, lại không có chị ở nhà. Em nhớ chị quá. Liên hoan đảng hoành tráng chị ạ. “Phát huy truyền thống đấu tranh anh dũng của Liên khu I”. Em đọc dòng chữ ấy, tự dưng em khóc. Mẹ ngồi cạnh em, mẹ nắm tay em, hỏi:

-“Làm sao con khóc”. Rồi mẹ cũng rơm rớm nước mắt, mẹ bảo: “Tao cũng nhớ nó. Cơ khổ, ngày xưa lúc chị mày đi thì mẹ mang tai mang tiếng”.

Hôm ấy, mẹ cũng được mời lên phát biểu. Chị cán bộ khu giới thiệu mẹ “oách” lắm, đại để chị ấy nói: Ngày xưa chống Pháp, mẹ đã cho chị đi, bây giờ chống Mỹ mẹ lại cho anh Hưng, anh Quảng đi. Rồi đến lượt em. Ôi! Người ta vỗ tay như sấm, tưởng vỡ cả phòng họp chị ạ. Hôm sau, bao nhiêu các ông nhà báo đến xin gặp mẹ phỏng vấn gì đó, lại có một nhà thơ đến nhà ta suốt cả buổi tối hỏi mẹ nhiều lắm. Rồi đồng chí nhà thơ bảo chế độ các bà mẹ Việt Nam thật không có lời thơ nào ca ngợi cho hết. Đúng như thế, em nói điều chị, em chết.

Bà Hai từ ở trong nhà bước ra, thấy hai chị em đang trò chuyện, bà vui vẻ:

- Hai chị em mà nói vụng gì thế?

Cô em tinh nghịch:

- Không mẹ ạ, con kể lại cái ông nhà thơ nói với mẹ những gì hay lắm, mẹ nhỉ.

Bà cười, gắt yêu con:

- Con ranh, lại chỉ “huyền thuyên”.

Cô bé phá lên cười.

Sấm tối, thầy Tân mới về. Ông cụ gặp con, mừng rỡ:

- Thầy biết thế nào con cũng về. Con liệu ở chơi với thầy mẹ được mấy hôm?

Qua câu chuyện về sức khỏe, công tác của con, ông cụ hồ hởi:

- Đánh nhau thế này mà giá hàng mình vẫn giữ vững là giỏi lắm. Chứ như hồi Pháp Nhật, gạo cứ tăng vùn vụt mỗi ngày một giá, đến kinh. Lắm hôm thầy lĩnh lương, cầm tập giấy bạc mà cứ ngỡ như mình cầm bạc giả ấy.

Ông cụ ngừng lại, uống chén nước, rồi tiếp:

- Các nước họ phục mình nhất cái điểm ấy, phải không con?

Ông cười vui vẻ:

- Các bà nội trợ ở khu phố ta bây giờ cừ lắm. Ra tận ụ pháo phục vụ bộ đội, cả mẹ con cũng đi, lắm hôm thầy cứ lo nhưng chả ngăn được các bà.

Cái Lan hóm hỉnh:

- Thế mới gọi là “Hội mẹ” chứ hả thầy.

Cả nhà quây quần bên bàn ăn. Chưa bao giờ Tần thấy bữa cơm gia đình vui như hôm nay. Thầy lấy ra chai rượu mùi, rót một ly đầy đặt trước mặt mẹ:

- Bà uống tí rượu đi.

Ông cụ gấp đầy thức ăn vào bát bà cụ. Cái Lan vẫn vui miệng kể chuyện về những buổi hành quân mang nặng, những buổi tập quân sự mệt nhọc nhưng đầy hứng thú. Mẹ nhìn con gái út, mắng yêu:

- Ăn đi chứ con. Đi đến nơi rồi liệu theo chị, theo em mà làm. Đừng có thấy gian khổ mà quay về là tôi không có nhận đâu đấy.

Lan tủm tỉm:

- Mẹ dặn con không biết lần thứ bao nhiêu rồi ấy.

- Thì mẹ dặn có thừa đâu.

Chị nhìn em, nhắc khẽ “Con bé thật sướng, ngày xưa mình ra đi vì nỗi buồn của mẹ, còn giờ nó ra đi chính vì niềm vui đang ánh lên gương mặt mẹ khi mẹ nhận ly rượu từ tay bố rót ra, với lời mời dịu ngọt:

- Bà uống tí rượu đi!

Cơm xong, mọi người ra ngồi bên bàn nước. Quả dưa hấu đã được bổ ra từng khoanh nhỏ, hạt dưa cứ đen nhánh lên, còn ruột dưa hồng hào, thắm đỏ, miếng dưa vừa đặt vào đầu lưỡi đã toả hương vị thơm mát, ngọt ngào.

Tần ăn dưa ngon lành, lâu lắm chị mới được ăn quả dưa do chính tay mẹ bổ ra. Dưa hấu mỗi năm chỉ chính có một lần thôi, vào mùa hoa soan tây nở.

KHUẤT QUANG THỤY



Họ và tên: **Khuất Quang Thụy**

Ngày tháng năm sinh: 12.1.1950

Quê quán: Phúc Thọ, Hà Tây

Nghề nghiệp: Nhà văn, nhà báo

Địa chỉ hiện nay: Tạp chí VNQĐ, 4 Lý Nam Đế,
Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Nước mắt gỗ*, *Con nhà võ*; Tiểu thuyết: *Trong cơn gió lốc*, *Góc tăm tối cuối cùng*.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng loại A Bộ Quốc phòng về tiểu thuyết.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Đất nước ta là một đất nước văn hiến, dân tộc ta là một dân tộc thương võ. Trong mỗi làng, xóm Việt Nam đều dễ dàng tìm được những gia đình có ba bốn thế hệ những người lính từng cầm súng đánh giặc giữ nước! Nhưng đánh giặc xong, họ lại trở về với đời thường, với làng xóm ấp nhận mọi gian lao, thử thách và cả những nỗi đau nhân sinh. Tôi nghĩ, muốn hiểu mỗi gia đình Việt Nam thì không thể không quan tâm tới hiện tượng này. Vì vậy, tôi đã viết câu chuyện này. Câu chuyện dĩ nhiên được gợi ý từ một nguyên mẫu có thật trong cuộc đời, nhưng với một tác phẩm văn học, điều đó liệu có quan trọng không nhỉ? Bạn hãy đọc đi, rồi chúng ta sẽ cùng nói chuyện.

CON NHÀ VÕ

Chiều thứ bảy, tôi vừa về tới nhà vợ tôi đã khoe:

- Bác Tường vừa ở nhà mình ra. Tiếc quá, bác ấy chờ anh cả tiếng đồng hồ.

Như vậy chắc chắn không phải anh Tường chờ tôi để hỏi vay tiền. Bởi vì nếu là việc ấy thì vợ tôi đã chẳng nói “tiếc quá” làm gì. Từ quê lên nhà tôi chưa đầy mười cây số, nhưng chẳng mấy khi ông anh cả tôi ghé thăm. Có việc gì cần, ông ấy chỉ việc sai thằng Phúc đạp xe lên gọi tôi về. Có lần, chỉ vì những việc chẳng đâu ra đâu tôi cũng bị triệu về. Có nhớ thì ông ấy ngạ lên ngay “Chú có xe máy, đánh vèo một cái là đến nhà. Đáng lẽ phải nắng về mà xem mấy thằng nông dân này đã chết khô chưa chứ?”. Cách đây hai tháng, anh cả tôi có ghé qua và bảo “Chú kiếm cho anh một bộ comlê Tàu nhé. Nghe nói ở Hà Nội họ bán rẻ lắm. Tết năm nay anh sáu mươi, phải ra trình các cụ rồi. Cũng nên kiếm cái gì mặc cho ra mẽ một tý chứ”.

Lần này, ông ấy ghé qua, lại chờ tôi cả tiếng đồng hồ mà không nhắc gì đến chuyện tiền nong sao?

Như đọc được sự băn khoăn trên mặt tôi, vợ tôi tủm tỉm cười:

- Ngày mai bác ấy tổ chức khao học, mừng thằng Phúc đỗ đại học.

- Nó đỗ trường gì?

- Sư phạm.

- Thế thì nhất rồi. Chắc ông cụ nhà mình mừng lắm. Nhưng mới trúng tuyển vào đại học chứ đã thành ông nghè, ông công gì mà phải khao?

Vợ tôi móc túi lấy ra tờ năm chục ngàn dúi vào tay tôi:

- Chủ nhật trước, bác Cải cũng lên mời mình về ăn mừng thằng Cúc đỗ vào trường Lục quân. Mình đi vắng, nhưng em cũng có ghé về mừng chị Huệ cháu chục bạc. Ngày mai anh về làng nhớ ghé thăm anh Cải. Ông cụ Canh nghe chừng cũng yếu lắm rồi.

Tôi bĩu môi:

- Mang tiếng người thị xã về mà chỉ mừng người ta có chục bạc, chẳng bõ...

Vợ tôi trừng mắt nhìn tôi như nhìn một thằng dở hơi.

- Không anh em họ hàng gì, mình lại không ăn, chỉ uống nước thôi, mà mừng những chục ngàn đồng... Thế là hậu lắm rồi đấy! Người làng, đến ăn hản hoi, cũng chỉ mừng có thể thôi. Ấy là nể anh với

lão Cải là chỗ bạn học cũ. Chứ cứ như tôi thì có gì phải mừng với rờ. Anh không nhớ, hồi còn bé tôi đi cắt cỏ, hễ cứ bèn vào đến bờ rào nhà lão Cảnh là cái thằng Cải choắt xuyt chó ra đuổi. Rồi đến cái đận đi thủy lợi 102 ở dưới Bãi Cháy, cái lão phải gió ấy dẫn đám thanh niên làng Bùng ra phục ở bãi mía, đợi lúc con gái chúng em đi xem phim về là a-la-xô, xông ra bóp vú. Cái lão tướng giặc ấy...

Tôi rừ ra cười. Đàn bà nhớ đến là dai và cũng thù đến là dai.

- Chưa hết đâu nhé. - Thị dứ ngón tay trở lên cái trán hói của tôi. - Hồi anh đang tán tỉnh tôi, cái lão Cải ấy chẳng định phá ngang là gì? Cũng may lão đi bộ đội sớm, chứ không thì chưa chắc ông đã thắng nổi hẳn đâu.

Điều này thì tôi nhớ. Hồi đó Cải cũng mê cô Lài nhưng không được ông cụ thân sinh ra Lài ưa. Ông thường bảo con gái: “Thằng cu Cải, con lão đại úy Cảnh là một thằng ngỗ ngược. Bố nào con nấy! Tao thà để mày thành gái già chứ không bao giờ chịu gả mày cho nhà ấy. Nó mà bèn mảng tới, tao thả chó cắn chết”. Lời đe nẹt ấy chưa chắc đã có tác dụng nếu như ngày đó Cải không nổi tiếng du côn. Không ngày nào hẳn không đánh lộn với một ai đó. Đám con trai làng Vàng sợ hẳn như sợ cọp không còn dám bèn mảng sang làng tôi tán gái nữa. Có lần, hẳn đã dứ nắm đấm trước mũi tôi: “Con Lài tao chấm rồi. Mày đừng có loạng quạng mà tao đấm cho vỡ mặt mày đấy!”. Tôi

cũng sợ năm đấm của hắn, nhưng tôi còn sợ mất Lài hơn, nên tôi cứ đến. Được cái ông bố Lài mền tôi nên cứ tối tối ông cho thằng Đu đón tôi ở ngõ. Tôi vào nhà, ngồi yên vị rồi là ông thả con chó xồm ra. Ngồi dưới bếp xem Lài nấu cám lợn, hễ cứ nghe thấy con xồm sủa hộc lên là tôi biết thằng Cải đang mò tới. Lập tức, ông nhạc tương lai của tôi đứng bên thềm chửi vóng ra: “Thằng mất dạy nào trêu chó nhà tao đấy, hả?”.

Một đêm, con xồm bỗng lăn quay ra chết. Nó đã ăn phải bả. Hôm sau gặp tôi đi học về thằng Cải nháy mắt: “Tối nay tao sẽ tới. Thử xem lão Nhang có dám đuổi tao không?”. Tối hôm đó tôi đến sớm, nháy Lài ra đồng rơm nói nhỏ: “Thằng Cải nói tối nay nó tới đấy. Đúng là nó đánh bả con xồm rồi”. Lài im lặng một lát rồi bảo: “Kệ nó. Em có cách rồi”. Nửa tiếng sau Cải vừa hát nghêu ngao vừa đi vào ngõ. Ông Nhang quát thằng Đu “Mày ra đuổi cổ thằng mất dạy ấy đi”. Lài ngăn: “Bố cứ mặc kệ người ta”. Ông Nhang giận dữ bỏ vào trong nhà thấp đèn tọa đẳng sáng trưng, bày bàn cờ ra phản giữa rồi gọi tôi: “Thành, vào đây chơi cờ với bác”. Lài bầu vào vai tôi nói khẽ: “Vào đi”.

Tôi vội bước vào nhà ngồi xuống trước bàn cờ. Nghe tiếng Lài thê thọt ngoài hè: “Anh Cải sang chơi đấy à? May quá. Có chút việc không biết nhờ ai?” Tiếng Cải bô bô: “Xong ngay! Ai chứ em Lài thì bảo anh lên núi, xuống biển anh cũng không ngại”. “Anh xuống ao vớt cho em ít bèo. Mai thầy em cần lợn rồi”. Ngồi trước bàn cờ, tôi xuýt bật cười. Vào tiết lập đông,

trời rét căm căm thế này mà được nhảy xuống ao vì người đẹp thì cũng thú thật. Ông Nhang thở dài: “con bé này cũng độc thật. Nay anh, đầu óc để ở đâu thế? Chiêu tướng! Nó trả thù cho con xồm đấy!”.

Tôi thua xong ván thứ hai thì thấy Lài vào, tùm tùm cười. Ông Nhang lắc đầu: “Không ăn thua gì đâu. Ngày mai tao sang chú Đại lò gạch hỏi mua lại một con trong đám chó giữ lò của chú ấy”.

Đêm đó về Cải bị cảm lạnh, ốm mất mấy ngày không thấy ra đường. Lài áy náy trong lòng đang tính phải sang nhà thăm. Tôi đã hơi lo lo thì đột nhiên chiều hôm đó Cải mò tới nhà tôi. Tôi đã nghĩ tới một trận thư hùng không tránh khỏi. Ai ngờ hần chào hỏi rất từ tốn rồi rút bao Trường Sơn ra, mời tôi một điếu:

- Mừng cho tao đi! Tao có giấy gọi đi bộ đội rồi.

- Đi bộ đội à?

- Ừ. Đợt này làng mình chỉ lấy có bốn người. Toàn người tình nguyện. Chú Út mày cũng được đi đấy.

- Thế...mày bỏ học dở dang à? Tôi ái ngại hỏi.

- Tao thì học hành có ra gì? Đúp liền hai năm rồi, ngân lăm. Làng mình chỉ có mày là học giỏi, cổ mà học thành tài, Thành ạ. Mày sức khoẻ kém thế, không ra trận được đâu. Việc đó để chúng tao làm cho. Mày cố học thành tài để sau này làng mình được mở mày mở mặt với thiên hạ. Tao đi đánh giặc, chết xanh cỏ, sống phải đỏ ngực. Tao không chịu lép đâu.

Tôi vô cùng cảm động trước sự thay đổi đột ngột của Cải. Có một ngày mà nó đã như lớn vụt lên.

- Con Lài nó ngoan nết, đẹp người. Tao cũng thích nó nhưng nó không thích tao. Thôi, tao chịu thua trận này. Nhường nó cho mày đây. Nhưng nếu sau này tao còn sống trở về mà nghe ai nói rằng mày ăn ở bạc bẽo với nó, thì cứ liệu hồn.

Những lời ấy tôi đã giấu biệt, không nói với Lài. Cũng may tôi và Lài sống với nhau cũng êm ấm, hạnh phúc nên sau này Cải từ mặt trận trở về tôi cũng không đến nỗi phải xấu hổ.

Nay, nghe vợ nhắc lại chuyện cũ tôi bỗng chợt nhớ bao năm qua Cải vẫn ăn ở chu đáo với anh em nhà tôi. Chú Út tôi hy sinh ở chiến trường, sau này cũng chính Cải đưa gia đình vào tận trong ấy bốc mộ đưa về nghĩa trang liệt sĩ của xã.

- Ngày mai nhất định anh sẽ ghé thăm anh Cải. Tiếc rằng thằng Cúc đã đi rồi.

Vợ tôi cười:

- Khó gì. Ngày mai về nhà bác Tường là anh sẽ gặp nó.

- Sao em biết là nó sẽ về?

- Thì nó chơi thân với thằng Phúc, mai là chủ nhật, thế nào nó chả về tiễn bạn. Với lại... trưa nay

nó vừa gọi điện về cho con Thanh nhà mình, dặn con bé sáng mai vào Xuân Mai đón nó...

- Con Thanh à? Tôi chợt chờ người ra.

- Thì sao? Ông cứ như người trên gò rơi xuống ấy. Thằng Cúc nó mê con gái ông đấy.

- Nhưng con bé nhà mình mới có mười tám tuổi...

- Thế hỏi ông cưới tôi, tôi bao nhiêu tuổi, hả?

- Nhưng nó mới học lớp 12. Năm nay nó phải thi. Rồi còn vào đại học...

- Gớm! Dễ người ta rước con gái ông ngay đấy, mà đã lo? Thằng Cúc nó cũng còn phải học bốn năm nữa mới ra trường cơ mà. Hay ông lại chê nó là con nhà võ biên? Thế thì ông mua lấy một con chó xồm đi là vừa đấy?

*

Dòng họ Nguyễn Huy không phải là dòng họ có gốc gác lâu đời ở làng tôi. Ông cố nội Nguyễn Huy Cải nghe đâu là một vị võ quan thất sủng cuối triều Nguyễn, vì có tội với triều đình nên bị phát vãng câu lưu lên vùng Sơn Tây, rồi lấy một cô gái làng tôi làm vợ bé. Ông mua cho cô vợ này mấy mẫu ruộng mấy sào vườn nhưng chỉ thi thoảng đi về chứ không cư ngụ tại làng. Đến ông nội Nguyễn Huy Cải, tức cụ Nguyễn Huy Cù, mới có tên trong sổ dinh của làng. Ông ra đời được vài năm đã mồ côi cha, nhưng trước

khi qua đời cha ông đã kịp *mua nhiều* cho con để khỏi mang cái kiếp ngụ cư bạch dinh. Anh Nhiêu Cù, lớn lên đã ra dáng là con nhà võ, thân cao ngực nở, đánh vật múa côn đều giỏi. Năm mười tám tuổi anh đăng lính rồi bị tụi Pháp đưa đi đánh trận đầu đó tận Châu Phi. Khi trở về, ông đã là ông đội, nhưng mất một cánh tay. Ông Đội Cù về làng tậu thêm mấy sào vườn ở đầu làng rồi lấy con gái ông Trùm Sáo làm vợ. Mỗi lương duyên của cô con gái ông Trùm Sáo và ông Đội Cù là một giai thoại độc đáo mà dân làng tôi còn truyền tới ngày hôm nay. Năm sau bà đội sinh được một cậu con trai sau này trở thành đại úy Nguyễn Huy Canh lừng lẫy một thời. Khi tôi và Nguyễn Huy Cải đến tuổi đi học thì ông Đội Cù vẫn còn sống, tuy ông đã già lắm rồi, nhưng đám trẻ con trong làng không đứa nào dám nhờn với ông. Lũ chúng tôi không mấy đứa không bị cái can bịt bạc trứ danh của ông đội giáng vào mông một vài lần. Ông còn có một vật nổi tiếng nữa là chiếc áo Ba dơ xuy màu cứt ngựa mà sau này, khi đọc truyện ngắn của nhà văn Nam Cao, tôi mới biết là ông Trạch Văn Đoàn ở làng Vũ Đại cũng có một cái y hệt như thế.

Mười sáu tuổi ông Nguyễn Huy Canh đã bỏ nhà đi theo Việt Minh và trở thành một người chỉ huy giỏi. Vào năm bộ đội ta mở chiến dịch Sơn Tây ông đã cưỡi ngựa ô, đeo súng lục về làng. Ông chỉ về có một đêm rồi hôm sau công cả ông Đội Cù trên lưng ngựa ra đi. Sau này dân làng mới biết chuyến đi của ông

Đội Cù có liên quan tới việc quân cơ. Bộ đội của ông Canh thu được một khẩu Moóc-chê của quân Pháp nhưng không biết bắn bằng cách nào. Ông Canh chợt nhớ ra rằng ông bố mình khi đi lính cho Tây đã từng là pháo thủ nên phóng ngựa về đón bố lên làm huấn luyện viên cho bộ đội. Ông Cù đi chừng một tháng thì trở về với một kho chuyện kể ly kỳ về những võ công của anh con trai và đạo quân của nó.

Nhờ có ông con là chỉ huy quân đội, và nhờ có một tháng làm huấn luyện viên bắn Moóc-chê cho bộ đội cụ Hồ mà đến năm cải cách ruộng đất, ông Nguyễn Huy Cù không bị qui là địa chủ và không bị đấu tố. Nhưng dẫu sao ông cũng từng ăn cơm Tây, xỏ giày Tây nên trong lý lịch của ông Nguyễn Huy Canh cũng có một vết đen. Cho nên, mặc dù khi bộ đội ta làm lễ phong quân hàm đợt đầu, ông Nguyễn Huy Canh đã được phong đại úy, nhưng cũng chỉ vài năm sau, khi quân đội ta bắt đầu xây dựng chính quy thì ông không còn thích hợp nữa. Ngoài chuyện lý lịch, có lẽ còn do trình độ văn hóa hạn chế, nên quân đội đã cho ông về nghỉ hưu khi ông vẫn còn rất trẻ và tràn đầy sinh lực.

Đại úy Nguyễn Huy Canh về làng với một tâm tư trĩu nặng. Quả thực, ông có chút bất đắc chí. Vì thế, ông không tham gia bất kỳ một việc gì ở làng, ở xã mà chỉ chăm chú tạo lập khu vườn trại ở đầu làng. Là con nhà võ, nên đại úy Nguyễn Huy Canh xây

dựng khu vườn trại của mình như xây một pháo đài. Xung quanh sáu sào vườn của ông là những luỹ tre dày đặc, chạy vòng phía trong luỹ tre là một con hào rộng chừng bốn thước vừa để thả cá, thả bèo vừa là tuyến phòng thủ. Chỉ có một lối có thể vào nhà ông, trên lối ấy, ông cho xây một cái cổng bằng đá ong rất vĩ đại, trông cứ như cổng thành Sơn Tây của tướng quân Hoàng Kế Viêm vậy. Ở phía trên chính giữa cổng, ông kẻ một hàng chữ lớn bằng sơn đỏ nền vôi trắng: *Nhà riêng đại úy Nguyễn Huy Canh - Không phận sự miễn vào*. Ở bên tả, có treo một cái keng, nguyên là một cái “Lazăng” của xe cam nhông. Ai muốn vào nhà ông thì phải đánh ba tiếng keng, lập tức có người ra mở cổng đón vào. Cái lệ ấy, phải đến tận sau này khi Nguyễn Huy Cải đi đánh Mỹ về, mới bỏ được. Không biết có phải vì “trẻ quyền cha, già quyền con” hay vì nể cái quân hàm trung tá của anh con trai mà ông già cố chấp Nguyễn Huy Canh đã chịu bỏ lệ đánh keng xin vào dinh luỹ nhà họ Nguyễn Huy kiều dưng?

Bọn trẻ chúng tôi lớn lên cùng Nguyễn Huy Cải, cùng học trường làng, nhưng ít ai dám cả gan mò đến nhà anh vì sợ ông bố, sợ cái keng, sợ đàn chó dữ dằn của nhà cậu ta. Vì vậy, Nguyễn Huy Cải hầu như không có bạn thân. Nó tự hào về bố, nhưng cũng khổ không ít vì bố. Khổ nhất là cái đợt cả làng âm âm trong phong trào vào hợp tác xã. Dân làng vốn hiền lành nên chính sách vừa ban ra, hầu như cả làng đã

làm đơn tình nguyện xin vào hợp tác xã. Cuối cùng, chỉ còn lại nhà ông Nguyễn Huy Canh là án binh bất động. Các đoàn đại biểu của chính quyền, đoàn thể tới tập đến vận động, nhưng ông Canh vẫn lì như đá. Ai tới giải thích, ông Canh cũng chỉ một mực “Vào hợp tác là tự nguyện. Tôi chưa thông. Chưa vào”. Người đến vận động nhiều quá, ông điên tiết lên, đuổi khách về. Đóng cổng lại. Cất luôn cả cái xẻng.

Cả thôn vào rồi, chỉ còn có một nhà mà không xong, thì tức lắm. Cái cờ của tỉnh dành cho làng nào, xã nào có trăm phần trăm số hộ vào hợp tác xã nhanh nhất, có cơ về tay làng khác. Bí quá, ban vận động quyết định dùng tới đội thiếu niên nhi đồng của làng. Đó quả là diệu kế! Hàng ngày, cứ đến xẩm tối là đội thiếu niên, nhi đồng của làng tập hợp ở sân đình, dưới sự chỉ đạo của cô Xoan phụ trách đội, cờ trống rộn ràng inh ỏi, hành quân tới dinh lũy nhà ông Canh. Chúng tôi đứng bên ngoài đánh trống hô khẩu hiệu. Khí thế ào ào như núi lở, đá lăn. Có đứa quá phấn khích, hét lên “Đả đảo ông Nguyễn Huy Canh ngoan cố không vào hợp tác xã!”. Tất cả rầm rập hô theo. Cô phụ trách ngăn thế nào cũng chả được.

Trong những ngày đó Nguyễn Huy Cải thật khôn khổ. Hấn đi về lui thủi một mình. Ai mà chơi với con nhà phần tử ngoan cố? Một hôm, phần chí quá, Cải bỏ nhà đi biệt tăm. Ông Canh cuống cuống đi tìm con. Thì ra, thằng nhóc trốn sang làng bên, ở nhờ nhà

ông phó rèn, bạn của ông nội nó. Gặp con, ông Canh mừng lắm. Nhưng Cải lì ra, quyết không chịu về. Nó hùng hồn tuyên bố: *Con không thèm về sống trong cái gia đình làm ăn riêng lẻ ấy đâu?* Điên tiết, cự đại úy Nguyễn Huy Canh vụt cho con mấy roi rồi bỏ về. Nhưng hôm sau, ông bỗng lên gặp Ban quản trị hợp tác xã và tuyên bố: “Tôi đồng ý vào hợp tác xã. Là vì thằng con tôi thôi. Nhưng tôi phải thoả mãn ba điều kiện”. Mấy ông cán bộ xã, và hợp tác xã mừng lắm. Liên bảo ông nêu ra ba điều kiện của mình và sau một hồi bàn bạc, họ đồng ý chấp nhận. Mấy điều kiện đó bây giờ nghĩ lại cũng buồn cười, nhưng hồi đó có người dám đặt điều kiện với tổ chức, với chính quyền, là ghê gớm lắm. Mấy điều kiện đó là: Một - Ông Canh vào hợp tác xã nhưng chỉ đưa ba mẫu ruộng và một con trâu vào công hữu, còn một con trâu và vườn ao của ông không ai được động đến. Hai - lập tức trả lại khăn quàng đỏ cho con ông và không được trừ úm nó. Ba - Ông nguyên là đại úy quân đội, nay vào Hợp tác xã không thể là lính trơn, phải giao cho ông một chức vụ gì đó hợp với khả năng của ông.

Cả ba điều kiện trên được chấp nhận và thế là làng tôi trở thành lá cờ đầu trong phong trào tập thể hoá huyện. Ông Canh giữ được ao vườn và một con trâu đồng thời được giao chức Trưởng ban bảo nông. Thằng Cải được trở lại sinh hoạt đội và về đi học bình thường.

Phải nói, quyết định trao chức Trưởng ban bảo nông cho ông Canh là một quyết định rất sáng suốt của Ban quản trị hợp tác xã. Hàng ngày, hàng đêm ông vác gậy, đeo tù và đi tuần đồng rất chăm chỉ và nghiêm khắc, ai cũng phải nể sợ. Bọn trộm cắp, hễ cứ nghe thấy tiếng tù và của ông rúc lên... Tu... um... Tu... um... Tu... um là sợ mất vía, không đứa nào dám làm bậy ở cánh đồng làng tôi. Đêm đêm, khi lữ trẻ trong làng chơi đùa dưới ánh trăng, trên sân đình, hễ nghe tiếng tù và rúc lên Tu... um... Tu... um... là tất cả dừng lại, vỗ tay reo lên.

Đại úy Canh!

Đại úy Canh!

Đi thì nhanh

Về thì chậm

Bốn thằng trộm

Trói một dây

Vác một lều

Bốn con heo

Nhốt một rọ

Bốn gánh củ

Xách một tay

Chạy như bay

Về với vợ!

*

Bữa ăn khao ở nhà ông anh cả tôi không âm ỉ như tôi tưởng. Bởi vì, tuy ông anh tôi rất vui nhưng

thằng cháu thì lại có vẻ iu. Khi ông nội cho nó bao lì xì, nó còn nhăn mặt: “Cháu chả thích đi sư phạm đâu. Nếu bố cháu đồng ý, cháu ở nhà một năm, sang năm lại thi vào Trường Lục quân. Thằng Cúc nó đỡ, cháu cũng sẽ đỡ”. Ông nội xoa đầu nó, an ủi “Thôi cháu... làm ông giáo cũng tốt chán. Mà bì thế nào được với thằng Cúc. Nó là con nhà võ!”. Cái lúc đó cũng ngồi bên cạnh, đỡ lời “Chúng nó chơi với nhau nên bây giờ không muốn xa nhau đấy mà. Cháu cũng muốn cho cháu Cúc thi vào các trường khác. Nhưng lục học nó có phần đuối, vào lính là phải hơn”.

Đúng lúc đó thằng Cúc với con bé Thanh nhà tôi đèo nhau về tới nhà. Trong bộ quân phục mới toanh, mũ kê-pi vành đỏ, giày đen bóng, thằng Cúc quả là một chàng trai tuấn tú. Mọi ánh mắt trong nhà đều dồn cả về phía nó. Thảo nào, con oắt con nhà tôi xoắn lấy nó là phải. Như đoán được ý nghĩ của tôi, Cải ghé vào tai tôi, nói: “Ngày xưa vì phải đi đánh giặc nên tôi chịu nhường bà Lài cho ông. Bây giờ đến lượt thằng Cúc, nó nhất định không nhường con Thanh nhà ông cho thằng con trai nào đâu nhé. Ông cứ liệu hồn!” Thật là một lời cầu hôn đáng sợ. Nhưng phong thái thằng Cúc có vẻ đàng hoàng chừng chặc lăm, chứ không đến nỗi chém đing, chặt sắt như cha ông nó.

Chúng tôi nâng ly uống cạn. Chúc cho lớp trẻ thành đạt. Ông anh tôi đã ngà ngà say:

- Thằng Phúc nhà tôi nhất định phải là giáo sư, tiến sĩ. Còn thằng Cúc nhà chú Cải thì nhất định phải

lên đến cấp tướng. Con phải hơn cha chứ, phải không chú Cải?

Cải chỉ cười, lặng lẽ uống. Nhưng tôi biết hẳn ta cũng dám mơ có con làm tướng lắm chứ. Bình sinh, chí lớn của anh ta dường như chưa thoả. Anh từng là tiểu đoàn trưởng đặc công, từng chỉ huy những trận đánh khét tiếng và chỉ thiếu một chút xúu gì đó nữa thì anh đã được phong tặng danh hiệu anh hùng. Về hưu ở tuổi anh, là còn trẻ. Là hơi sớm. Tuy vậy, anh không có những biểu hiện tiêu cực như ông cụ thân sinh mà nhanh chóng hoà nhập được với cuộc sống ở làng quê. Anh cũng không tham gia công tác Đảng, công tác chính quyền mà chỉ nhận một việc, đó là chân xã đội trưởng. Có lần anh nói với tôi: “Mình là lính! Biết gì nhiều mà tham công tác chính quyền. Chỉ làm rôi việc. Mình chỉ có một ít kiến thức quân sự, bỏ thì phí, nên mình nhận chân xã đội trưởng... Thời bình, thì cũng phải dạy lớp trẻ biết đôi chút kỹ thuật chiến đấu mà giữ làng”.

Buổi chiều, tôi đến thăm nhà Cải như đã hứa với vợ tôi. Cơ ngơi nhà ông đại úy Nguyễn Huy Canh dường như chẳng mấy thay đổi. Cái cổng đá ong thì vẫn vậy, chỉ có đôi cánh cổng gỗ lim đã biến mất và thay vào đó là hai cánh cổng tre khép hờ. Trên nóc cổng, cái dòng chữ kiêu hãnh Nhà riêng đại úy Nguyễn Huy Canh... đã được xoá đi. Nhưng thay vào đó là một dòng chữ nhỏ hơn, khiêm tốn hơn: Lớp võ thuật tự nguyện - Trung tá ngc. Vẫn có chút kiêu ngâm của con nhà võ. À, vậy ra tay Cải mở lò võ. Tôi bỗng bật cười và mạnh dạn đẩy cổng bước vào.

Nguyễn Huy Cải đang chỉ huy các võ sinh luyện tập trên xối, nơi vốn là các sân sau của ngôi nhà chính. Thấy tôi vào, anh vội vã bước ra đón, vẻ mặt có đôi chút lúng túng.

- Xin lỗi anh! Tôi không biết anh ghé chơi. Sao lúc trưa không nói trước một tiếng.

Tôi cười:

- Để anh bất ngờ một chút. Tiếc rằng cái keng không còn ở trước cổng nữa. Nếu còn, tôi sẽ giáng cho một hồi báo khách.

Cải bỗng nghiêm mặt, khẽ xuyt một tiếng. Nhìn theo tay anh chỉ tôi chợt giật mình khi nhận ra một ông lão đang ngồi trên xích đu đặt trước thềm, chăm chú theo dõi từng đường quyền của các võ sinh. Thì ra đó là lão đại úy Nguyễn Huy Canh. Thảo nào, Cải bỗng biến sắc mặt khi tôi bô bô nói tới cái keng. Tôi vội tiến tới trước thềm, cung kính chào.

- Con chào cụ ạ!

Lão đại úy ngược nhìn tôi rất lâu, rồi bỗng bật cười, hươ cái can bịt bạc lên khiến tôi giật mình nhận ra đó chính là cái can trữ danh của ông Đội Cù. Mông tôi bỗng giật thót một cái.

- Ông xem. Chúng nó múa may thế kia mà gọi là võ đấy hở? Múa châu vắn thì có!

- Đạo này cụ có được khoẻ không ạ?

- Khoẻ hử? Khoẻ thể nào được. Nếu khoẻ thì tôi đã nhảy xuống kia, đi vài đường quyền cho chúng nó xem rồi.

Nói xong, cụ bỗng đỡ một cơn ho. Cải vội bước tới kéo chiếc áo khoác dạ lên đắp cho cụ. Tôi chợt nhận ra đó chính là chiếc áo khoác mà ông Đội Cù để lại. Thì ra đồ vật vốn có sức sống lâu bền hơn đời người nhiều lắm.

- Tôi về nghĩ, cũng buồn, bọn trẻ trong làng biết tôi vốn là lính đặc công, biết đôi chút võ nghệ nên kéo tới tôn tôi là sư phụ. Lúc đầu tôi chỉ dạy cho thằng Cúc với mấy đứa bạn thân của nó. Sau đó bọn trẻ kéo tới xin học đông quá, tôi mới mở cái lò này. Vừa dạy võ tự do vừa dạy vật cổ truyền. Vậy mà vừa rồi học trò của tôi đã có đứa giành được huy chương trong môn vật của tỉnh và được gọi vào đội tuyển quốc gia đi thi đấu quốc tế cơ đấy.

Cải giải thích về sự ra đời lò võ của mình như vậy. Sau này tôi mới biết lò võ của anh rất nổi tiếng, thu thập rất đông các võ sinh trong vùng. Cải mở lò võ nhưng không cầu lợi, thí sinh tới học tự nguyện đóng góp, đứa nào nghèo thì cứ việc tới học miễn phí.

- Này - Lão đại úy chợt mở bừng mắt nhìn tôi trừng trừng - Hình như anh là con cháu nhà cụ Cử Hạt, phải không?

- Dạ... vâng ạ. - Tôi mừng vì cuối cùng ông cụ đã nhận ra tôi - Cháu là cháu của cụ Cử đấy ạ.

- Thảo nào - Lão đại úy bỗng cười khùng khục -
Nhìn anh cũng biết trong bụng toàn chữ là chữ.
Nhưng, như vậy thì nhàn thân đấy. Thời này lại là
thời của kẻ có chữ rồi đấy, cháu ạ.

Không ngờ, đó lại là những lời cuối cùng lão đại
úy huyền thoại của làng nói với tôi. Nửa tháng sau
ông mất. Cũng may tôi kịp bố trí công việc để về dự
đám tang ông. Đó là đám tang do những người lính
trong Hội Cựu chiến binh của xã và các võ sinh trong
lò võ Nguyễn Huy Cải đứng ra tổ chức. Các cựu chiến
binh mặc quân phục đeo huân chương lấp lánh, các võ
sinh mặc võ phục thắt đai từ nhất đẳng tới ngũ đẳng,
xếp thành hàng trước linh cữu của ông. Một bài điệu
văn súc tích và cảm động. Một hồi trống lệnh vang
lên. Và... tôi bỗng dựng tóc gáy khi giữa không gian
tĩnh lặng và trang nghiêm chợt trỗi lên một hồi tù và:

Tu... um ... Tu... um... Tu... um

Nước mắt tôi chợt ứa ra

Đại úy Canh

Đại úy Canh

Đi thì nhanh

Về thì chậm...

Sơn Tây 11-1998



ÔNG VĂN TÙNG

Họ và tên: Ông Văn Tùng

Ngày tháng năm sinh: 12.8.1936

Quê quán: Nam Đàn, Nghệ An

Nghề nghiệp: Nhà văn, dịch giả

Địa chỉ hiện nay: Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Khát vọng đau đớn, Biệt thự phù du, Gót đỏ quyền uy, Những kẻ lảo đảo, Tiếng chim kêu lúc nửa đêm* và nhiều tác phẩm dịch như: *Triệu Phi Yến, Khổng Tử truyện, Linh Sơn, Tây Thi, Điêu Thuyền.*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Hội Nhà văn, giải thưởng Nhà xuất bản Thanh niên, giải thưởng Tuần báo Văn nghệ.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Đây là một trong những truyện tôi thích nhất, cay đắng nhất và sung sướng nhất. Chỉ tiếc tôi viết nhanh quá, trong một trạng thái bức xúc nhất vì vậy tên các nhà văn tôi vô ý để tên thật, địa phương thật, nên đã gây nên những phản ứng xuýt chết cả gia đình. May sao có nhà thơ Hữu Thịnh, Tổng biên tập báo Văn nghệ và Phòng Cảnh sát hình sự Bộ Nội Vụ cứu cho mới sóng yên biển lặng. Nhưng đến nay đọc lại, tôi vẫn thấy truyện ngắn này có lòng nhân ái và tính chân thực. Mong bạn đọc hiểu cho và các nhân vật có tên trong đó thể tất nhân tình cho một ngòi bút đại khờ.

O CHỦ TỊCH LÀNG YÊN LẠC

Làng đã trải qua nhiều tên rất kêu, rất hợp thời nhưng đến bây giờ dân vẫn gọi làng mình bằng cái tên cũ: Làng Yên lạc! Thật giản dị, khiêm tốn và biết phận! Có lẽ là do bốn từ “yên cư lạc nghiệp” mà ra? Xưa, các cụ không mong gì hơn! Làng cách thành phố 15 ki-lô-mét, cách huyện chỉ 5 ki-lô-mét và rất gần đường cái quan, chỉ đập miếng bã trà đi bộ thôi, nhưng sao mà quê mùa cũ kỹ đến thế! Sau lưng làng là một cánh đồng bán sơn địa khô cằn rồi đến một dãy núi cao, trọc trụi, cằn cỗi, xa trông như một đàn trâu rưng tróc cả lông, phơi những cọng xương sườn cong queo gãy gập và những cái bụng rỗng tối om càng làm cho làng thêm vẻ hoang sơ. Vật duy nhất tô điểm cho vẻ đẹp của làng là con sông Con từ huyện chảy xuống, mấy cái bốt nước xây cách đây sáu bảy chục năm và một cái cầu xi-măng vừa mới xây năm ngoái để dân từ làng lên núi làm nương làm trại. Chỉ có thế thôi! Thực ra, nếu để như xưa thì có lẽ làng đẹp lắm. Một ngôi làng nhỏ như thế mà có đến những mấy ngôi đền, chùa, đình, miếu, nhà thánh, động thờ... mà đều

được xây dựng vào những vị trí đặc biệt, giữa những cái rú cây cối um tùm hoặc những cây thông, cây đa cổ thụ... Nhưng hiện nay không còn một dấu vết gì nữa, chỉ còn những cồn đất trọc đỏ lôm và những cái vũng bùn đầy cỏ lác. Dấu tích xa xưa chỉ còn lại một ngôi đình đang dùng làm trụ sở uỷ ban, mà chiều chiều o Bảy chủ tịch vẫn ra làm việc ở đấy. Sở dĩ ngôi đình còn được sót lại vì nó vừa to vừa rộng, và những cái cột đình thì phải biết, cao nhìn lút mắt, những mấy người ôm không xuể. Gọi là đình, kỳ thực là còn chút dấu tích thôi, phá dần phá mòn hết, chỉ còn vền vền ba gian thông thoáng và các hậu cung đồ ẹp trống hoác phía sau. O Bảy đang thuê Cu Hiên, một anh thợ mộc vườn bàu ván bung lại. Đó cũng là chuyện o Bảy không muốn, nhưng chiều hè, nắng xói vào nom thảm hại quá và cái chính là chiều hôm thứ tư vừa rồi, khi o mở cửa trụ sở thì bỗng một con trâu phóng ra hất o ngã quay lơ xuống đất. Thì ra có con trâu nhà ai chui qua chỗ vách tìm lối thoát, thấy cửa mở sáng trưng liền lao ra thềm, cong đuôi tể một vòng quanh sân rồi giông thẳng. Chiều nay, o phải ra sớm hơn xem hậu cung đã bung xong chưa. Cái anh chàng Cu Hiên này thì phải kèm riết. Vừa lười, vừa tếu, vừa cầu thả, hay cốt nhả nhưng lại hay vùi; chỉ được cái trắng trẻo đẹp trai, hễ mở mồm là nói trạng, cười bò ra, đóng vai Lưu Bình không thua văn công tỉnh, con gái theo từng bày, vợ ghen khóc, anh ta nện cho một trận cần thận, rồi lại tiếp tục nay o này mai o khác, o nào ngon

mất là theo, cứ như con gà sống thấy mái mà không coi sự đời này là cái thá gì cả. Ừ, thì mình khéo động viên cho anh ta làm chóng xong đi, chứ cứ trông hoang trống huếch có tội chết.

O Bảy, vai quàng túi, tay ôm sổ sách tong tả đi ra đình. Trong túi o có gói thuốc lá *Du lịch*, và dưới nách trái, o ôm một bó chè xanh rõ to, còn thuốc Lào thì hôm qua o đã cho Cu Hiên cả một bánh! Có nước chè chát, có thuốc Lào thuốc lá, nhất định Cu Hiên hăng hái phải biết! Còn vôi vĩnh gì nữa đây? Lấy một nửa tiền trước rồi! Mỗi buổi một bó chè rồi. Thuốc Lào rồi. Thế mà đôi mắt dài cứ tít lại, tay chìa ra: “O động viên thêm nữa! Có món gì cay cay thì thợ không chê đâu đấy. *Chè càng chát, hát càng hay, rượu càng cay, tay càng dẻo đó o Bảy a*”. O Bảy nguýt một cái rõ dài, rồi ngồi vào ghế chủ tịch, mắt nhìn sổ, tay chống má ra vẻ tập trung suy nghĩ công việc, nhưng tai lại nghe anh chàng thợ mộc vườn vừa ướm gỗ vừa ti ti hát. “Cu Hiên hát hay thật!” O Bảy nghĩ thầm. Và đó cũng là một lý do o ra trụ sở sớm hơn. Ở nhà cũng chẳng làm gì.

- Bảy ơi! Bảy!

Có tiếng ai gọi, giọng thân mật khi o Chủ tịch đã đến đầu làng sắp rẽ vào đường ra đình. À, dì Tâm Mươi! Gọi là dì, chứ o cũng không biết dì dựng ra sao, xa, gần, nội ngoại? Đó là do dì tự xưng khi trò chuyện với o, xưng một cách chân tình thực thà thôi.

O Bảy cũng chấp nhận cách xưng hô ấy và tự coi như cháu của dì vậy. Dì đã 60, vợ liệt sĩ và nói chung là tốt bụng, nhất là từ dạo o duyệt cấp cho dì khoảnh đất ở chỗ chợ Vạc, giúp dì làm cái quán nước.

- Dì. - O Bảy chào.

- Chứ mi lên trụ sở à? - Dì Tâm Mượng hỏi, mắt cười cười, 60 tuổi mà mắt dì vẫn đẹp, sáng và trong, dì ăn trầu thuốc, răng đen nhưng nhức, môi đỏ bầm, nom khỏe mạnh, phúc hậu lắm.

- Dạ. - O Bảy đáp và hỏi. - có chuyện chi không dì?

- Có đó - Dì Tâm Mượng nói nhỏ, vẻ quan trọng, đôi mắt lúng liếng, bàn tay để lên má, bối rối một lúc dì nói tiếp: - ví là chuyện chồng con của mi.

- Răng? Dì.

- Có một ông thiếu tá về hưu chết vợ, con cái đi công tác tận Hà Nội, sống một mình, có nhà cửa vườn tược, Đảng viên nhưng mà tốt.

- Ờ nhờ dì! - O Bảy nói, nửa đùa nửa thật. - Ông ta đang ở ngoài quán của dì đó! Mi ra coi thử một cái, có ưng thì ta hùn vô! - Dì Tâm Mượng nói, để tay lên vai o Bảy.

- Thôi dì để cho khi khác. O Bảy đỏ mặt ngập ngừng nói. - Con phải đến trụ sở. Sắp đến giờ. Lại có thợ...

- Úi dồ - Dì Tâm Mượng kêu lên, vỗ mạnh tay lên vai o Bảy. - Khi mô nữa! Chỉ thoáng qua một tí - Dì

Tâm Mươi nhìn o Bảy với vẻ tinh quái. - Tau về trước, mi giả vờ đi qua, tau gọi. Nhìn một cái rồi ra uỷ ban thôi. Thì giờ mất chi?

Nói xong những lời khôn ngoan, thật thà ấy, dì Tâm Mươi chạy đi trước, hai cánh tay áo lụa nâu bơi bơi trong ánh nắng. O Bảy thấy xúc động và ngại quá. Dì đã nhắm cho o những sáu bảy đám, mà không đám nào xong.. Đám thì già quá, những 70 hom hem như sắp chết. Đám thì trẻ quá. Đám thì không nghề nghiệp, rượu chè cờ bạc. Đám thì chưa bỏ được vợ. Đám thì những mấy đứa con trai như hùm như beo. Bây giờ lại đến đám này. Khổ! Nể dì quá! Thiếu tá về hưu, vợ chết, Đảng viên. Được đấy, còn người ngòm tuổi tác ra sao nữa? Không có chồng cũng khổ mà kiếm cho được một người làm chồng cũng khổ! O nhiều tuổi quá rồi. Bốn ba bốn tư cục lịch rồi. Còn mấy cục lịch nữa! Bạ bè cùng lứa đã có cháu nội cháu ngoại. Chỉ còn o nữa thôi. Cũng không phải tại o xấu! O không xấu, chỉ có gầy và quá cao thôi, muộn chồng cho nên người cứ thẳng đơ, chân tay khô khốc như que sậy, nước da mai mái, đôi mắt kém thần sắc, vừa khô vừa buồn. Thì bọn bạn cũng có đẹp chi hơn, chỉ tại o có chức vụ, o làm chủ tịch. Mà trong làng toàn dân làm ruộng. Anh nào có máu mặt thì đi hết rồi. Lứa con trai suýt soát tuổi o hy sinh hồi chống Mỹ nhiều rồi, những 32 thằng. Nhiều lần o nghĩ, thôi thì ở vậy một mình. Nhưng o muốn có chồng quá, nhất là o muốn có một đứa con. Nuôi con nuôi, khác máu tanh

lòng, gà cỏ trở mỏ về rừng! Quá tội! Thôi thì lần này nữa, biết đâu duyên muộn mà hay. Nghĩ thế, rồi o hình dung ra trong óc mình cảnh một gia đình hạnh phúc nho nhỏ, đứa con chạy lon ton bên cạnh và những bữa ăn có vợ có chồng...

- Bậy! Bậy ơi! Vô uông bát nước.

Dì Tâm Mươi từ trong quán kêu to, tay vẫy lia lịa. Hoá ra o Bậy đã đi đến cổng chợ. Dì Tâm bước ra níu lấy vai o thì thâm, liếc mắt vào trong quán, nơi có cái bàn con con và một người đang dựa lưng vào ghế đọc tờ hoạ báo cũ nát. Hấn đó!

Tim o Bậy nhảy đánh thót và muốn rụng xuống. Người đó ăn mặc chỉnh tề, áo sơ mi trắng cộc tay, quần pho tá là thẳng như lưỡi dao, vóc người khoẻ mạnh. Nhưng khi ông ta ngẩng đầu lên, ôi chao cái mặt mới khiếp chứ, loang lổ chỗ trắng chỗ đỏ, chỗ đen như bị cháy, mũi không có mà có hai cách lỗ đỏ loách. À, hồi trước o cũng thấy một anh bộ đội bị bom napan cháy như thế, bọn trẻ con gọi là anh Hoà Nướng. Khiếp! Tội nghiệp!

- Thôi! Lên trụ sở đi - Dì Tâm Mươi đẩy vào vai o một cái - Nhìn rứa đủ rồi. Mai tau nói chuyện.

O Bậy xách túi, ôm bó chè thông thả bước đi sau khi liếc nhìn người ngồi trong quán một lần nữa và lòng thấy buồn rười rượi. Tuổi tác, vóc dáng thế là được. Phẩm chất đạo đức chắc là tốt, nhưng cái mặt

thì khiếp quá. Bom cháy hồi chống Mỹ đây! Tội nghiệp. Khiếp! O thử dài. Rứa đó. Không có, khổ, mà có như rứa cũng khổ! Thôi! Nói với dì Tâm rằng đây?

*

Gái muộn chồng, bây giờ làng nào chẳng có. Có làng còn tới hàng trăm! Nhưng o Bảy muộn chồng lại là câu chuyện đầu miệng của dân làng. Trước hết, phải nói vì o là chủ tịch. Một chủ tịch thâm niên những mấy khoá liền, và chắc còn dự chân mấy khoá nữa cho đến hết tuổi trời cho. Ở các làng xã khác, người ta đấu đá tranh chức tranh quyền, nay anh này lên, mai anh khác. Nhưng ở Yên Lạc thì không! Bởi lẽ, làng quá nhỏ, nghèo, dân ít và cũ kỹ. Thoạt đầu, người ta cũng đấu đá tranh chức tranh quyền nhưng về sau thì thôi, cố làm đủ ăn cho con cái thoát ly, đi buôn, đi làm thợ, càng đi xa càng tốt, một vài năm trở về một lần liên hoan rõ to rồi lại đi. Ít người quan tâm ai là Chủ tịch, ai là bí thư Đảng uỷ. Chỉ làm sao ra gạo đổ đầy hũ là hơn. Đó là kinh nghiệm của dân Yên Lạc rút ra sau mấy chục năm mong chờ một thiên đường trên mảnh đất nhỏ hẹp này! Tình hình chung đó ảnh hưởng đến Đảng uỷ và Ủy ban. Lớp cán bộ trước già hết cả rồi chỉ còn o nữa thôi. O làm chủ tịch chuyên nghiệp như thế, chính vì o vô sự, ai xin con dấu chứng nhận chuyện gì đó o cho liền, nhưng ai cho gói bánh, cân lạc thì o cười: “Á (hoặc anh) mần chi hay rứa” và o dúi vào tay họ. Trong nội bộ Ủy ban, Đảng

ủy có sự đấu đá nhau, o chỉ phàn nàn “Các ông mần chi hay hề?” Thành ra o được lòng tất cả. Không phe phái nào muốn hạ bệ o, mà cùng dựa vào o để tồn tại và kiếm chác chút ít. O vô sự tốt bụng, thế mà vẫn ế. Ở trụ sở thì chớ, về nhà buồn rích. Thôi thì méo mó có hơn không! Xấu tốt lấy quách một người đàn ông, chứ chuyện o chủ tịch ế chồng tràn miệng thời gian rồi. Nghĩ thế nhưng cái mặt loang lổ cháy đen của ông thiếu tá về hưu lại làm o phát khiếp. O sụt hẫng chân đến bậc cuối cùng rồi! Và o thấy giận dì Tâm Mươi quá. Giới với thiệu! Mối với miếc! Toàn những người như ma cả. O bỗng lại thở dài. Nồi nào vung nấy! Nhiều lần dì Tâm đã xoa xoa vào cái vai gầy guộc của o nói thật thà: “Chứ mi cũng già rồi kén chọn chi nữa? Chồng thì răng cũng được, chứ con không có thì ai thấp cho que hương?” Ừ dì cũng tốt. Giận dì mà chi?

*

- He he he! Cốc cốc cốc! Bốp!

À thì ra o đã đến cổng trụ sở. Cu Hiên đang cười vì một chuyện gì đấy, và gõ búa vào ván bụng trong hậu cung. Lại có một anh nào nữa đang rít điều cày nghe đánh ro.

- A! O chủ tịch! - Cu Hiên ngừng tay đóng đang ngênh mặt nhìn ra, khi o Bẩy bước qua cửa vào chỗ văn phòng. - O động viên cho với. Sắp xong rồi! - Nói xong anh ta quẳng búa lại cho thằng Dũng con nhà

Trường vẫn theo làm phó nhỏ đang xoạc cẳng rít thuốc lào, ngồi xuống đưa tay gãi gãi gáy, đôi chân dài trắng, cặp đùi nần nần dưới cái quần đùi chạt căng và sau chiếc áo may ô còn mới, bộ ngực vòng lên, đôi cánh tay dài cuộn cuộn những bắp thịt rắn chắc.

- Ha! - Cu Hiên kêu lên mừng rỡ. - O Bảy có chè xanh! Nấu lên o! Tôi điều thêm thằng Dững bữa ni ghép ván, chiều mai hoàn thành. O sớm cho tiền công và cho tí tửu nữa!

O Bảy không nói gì, để túi xuống bàn, lấy gói thuốc *Du lịch* và đưa bó chè xanh cho thằng Dững Trường đang chìa tay ra.

- Bó chè to gói hè! - Cu Hiên gật gù khen, cái miệng rất tươi toét ra cười trên gương mặt vuông vắn. - O chủ tịch thảo gói! A! Lại có thuốc đầu lọc nữa hi! *Nước càng chát hát càng hay, rượu càng cay lay càng khoẻ!* Không khéo o còn động viên cho một chai nữa cũng nên!

Cu Hiên lại gãi gãi gáy, nháy mắt một cái rồi e hèm một tiếng, bóc tuốt gói *Du lịch* ra, cắm lên miệng một điếu, đưa cho Dững Trường một điếu, rồi kêu to lên:

- Mần mày! O Bảy sẽ động viên thêm! Mần tợn vào mày! - Nói xong anh ta đứng dậy đưa tay ra hiệu cho anh phó nhỏ đỡ một tấm ván ép vào bức vách hậu cung, mồm liền thoảng. - Ép dô! Nữa, nữa! Ép mạnh dô! Rồi o Bảy động viên! Được rồi! Đưa búa đây.

O Bảy chia bó chè ra từng nắm nhỏ bẻ gập từng cành, bỏ gọn vào ấm, đun lửa, rồi đến ngồi vào bàn rút sổ sách ra, vừa lúc phó chủ tịch và thư ký đến. Buổi làm việc của Ủy ban bắt đầu. Người đến xin giấy, người đến kêu ca một việc gì đấy. O Bảy vừa ký vừa trả lời cho đến chiều. Phó chủ tịch, thư ký về cả, o vẫn ngồi cặm cùi với mớ giấy tờ. Trong hậu cung, Cu Hiên và anh phó nhỏ vừa hì hục lấp ván vừa tán chuyện và cười khanh khách, thỉnh thoảng lại rít thuốc, uống chè xanh. Cu Hiên liền miệng, khi hát chèo, khi kể chuyện tiếu lâm cười tưởng vỡ cả hậu cung. O Bảy vẫn dán mắt vào giấy tờ nhưng tai lại để vào câu chuyện của hai anh phó mợc.

- Này Dững! - Cu Hiên vừa gõ búa vừa hỏi. - Mi có biết khi mô đàn ông hết cái món ấy không! Hề hề hề... cái món ngờ u hỏi... anh ta thè nhanh cái lưỡi, đánh mắt về phía o chủ tịch.

- Biết rằng được! - Dững Trường nói.

- E khè khè. - Cu Hiên cười. - Khi mô lấy búa chặt vô đầu gối không thấy chảy máu nữa! Nghe chưa? Lúc ấy ... e khè khè... mới thôi! Chặt búa mà còn máu, úi chà, còn mần! Mần còn hăng!

O Bảy đưa bàn tay che miệng cười, liếc nhanh vào hậu cung: "Cái anh... cái anh... bậy rứa!" Lấp xong một tấm ván, Cu Hiên lùi xa đứng ngấm, lưng quay về phía o Bảy. Tay, chân, vai, cổ đến là trắng.

- Úi chà! Kín! - Cu Hiên gật gật đầu. - Tốt, mai là xong. Có tiền nhận. O Bảy còn thưởng thêm nữa. Nhanh lên mày. Này Dũng! - Cu Hiên ngồi xoạc cẳng uống nước chè xanh trong cái bát to, nghĩ ngợi gì, rồi bỗng phá lên cười khanh khách. - Ái chà! Đàn bà đẹp í mà... cái chi cũng đẹp... ái chà! Cứ thích nhìn. Nó nói chi cũng hay, cười cũng hay, cứ muốn nghe mãi... - Cu Hiên vừa hớp từng ngụm nước vừa đưa mắt ngắm tằm ván bụng nói tiếp.- Đàn bà đẹp, hay thật! Cái chi cũng đẹp! Ái chà!

Chiều xuống rất nhanh. Vào giờ này mấy ngày trước, nắng chiều tà còn xuyên qua lỗ thủng ở hậu cung vàng khè, hôm nay đã tối om om. Ba gian đình chỉ nhờ ánh sáng ở mấy cánh cửa ngoài nên có vẻ chiều lắm rồi. O Bảy chuẩn bị ra về, bỏ tài liệu vào tủ khoá lại, đóng các cửa, giao chìa khoá cho Cu Hiên rồi đi ra cổng. Gọi là cổng, kỳ thực chỉ còn là một cái cột quyết rất to gãy mất một nửa nham nhở, và một đồng vừa đất đá rác rưởi phân trâu nom như một cái núi con con chạy dài theo bờ tường cũng đổ sụp gần tận móng. O Bảy thông thả đi về như thường lệ không vui không buồn, nhưng hôm nay bụng lại tức cười vì chuyện của Cu Hiên: gái đẹp... cái anh... cái anh... bậy rứa... mà nghe có duyên quá hè. Vừa bước vào cổng đã thấy dì Tâm Mượng đứng trong sân.

- Chứ răng mi? - Dì Tâm vội vàng đến cầm tay o thì thâm. - Răng mi?

- Ồ. - O Bảy không biết trả lời sao. - Mời dì vô. - O mở cửa cất túi, kéo ghế mời khách. Dì Tâm đắm đắm nhìn o rồi hỏi:

- Không ưng hả?

- Mặt gớm quá dì ạ.

- Ừ. - dì Tâm chạy ra sân nhỏ cột trầu rồi vào nói, giọng thông cảm. - Ừ. Tùy mi. Mặt ông ta bị bom Na-pan thôi. Nhưng lấy ông ta thì không lo như các đám khác. Tùy mi thôi. Tau tiếc ông ta đứng đắn, thiệt thà. Nhưng mi không ưng, ta tìm đám khác.

Dì tốt thật! Lo cho o đến thế là lo, nhưng biết rằng được. Mặt ông ta khiếp quá! O Bảy nghĩ thế rồi bỗng thở dài:

- Thôi dì ạ. Con cảm ơn dì. Nhưng cái số con cao quá. Ở vậy một mình cũng được.

- Ừ! Tùy mi. - Dì Tâm gật gật đầu có vẻ buồn. Dì lặng lẽ suy nghĩ rồi bỗng đặt tay lên vai o Bảy. - Ở vậy cũng được nhưng rồi về già khổ lắm! Chồng thì không nói chi. Chứ con không có, người đời riết móc... Tội lắm! Mi không biết bà cụ Đồ Huyền, trước sướng thế, khi già lủi thui một mình cứ kêu luôn mồm cho đến chết: “Rằng trời không cho tôi một đứa con để nó nuôi tôi, chống cho tôi cái gậy”. Đó, vì rứa tao mới thương mi!

Bất giác o Bảy nấc lên một cái, nước mắt chảy xuống má. Dì Tâm cũng rút khăn trong túi ra lau. Dì

ngôi im lặng. Hai người đàn bà cùng im lặng trong ngôi nhà vắng vẻ, hoàng hôn đang xuống dần. Bỗng dì Tâm xích lại gần, bấu vào vai o Bảy thì thầm:

- Hay là ri. Tau nói phải thì nghe, không phải trả lại tau... - Dì ngập ngừng rồi nói chậm rãi nhưng chi li. - Mi đã mần mấy khoá chủ tịch rồi. Không năm ni thì năm sau cũng rớt. Mà đàn bà thì không phải khi mô cũng dễ được. Còn vài cục lịch nữa thôi đó. Không lẽ lại nuôi con nuôi? Con nuôi như cái nhà Tuyên, nó ăn nó phá rồi nó phối. Chớ có dại. Thân mình, mình lo. Có đứa con của mình là hơn hết. Chồng không ra chồng cũng thôi. Thời buổi ni! - Dì bỗng đỏ mặt, liếc nhìn ra cửa rồi nói nhỏ hơn. - Hay là mi lủi trước đi, kiếm lấy đứa con rồi thôi quách chủ tịch đi. Ra chỗ tau mở một cái quán mẹ con bán hàng không hơn à? - Rồi như sợ o Bảy chửi hoặc đánh, dì vụt đứng dậy. - Tau nói rứa, mi thông cảm - Dì bước vội qua sân, đi nhanh ra cổng như chạy trốn trong bóng tối chụp xuống...

Đêm hôm đó, o Bảy cứ vật người trên giường như con cá trên thớt. Lời nói của dì Tâm cứ xói trong lòng o. Không phải bây giờ o mới nghĩ đến chuyện đó. Nhưng nghĩ để mà lo thôi. Tuổi già, không chồng, không con, o đã nghĩ từ trên chục năm nay rồi. Nhưng biết làm sao? Gần sáng o mới thiếp đi và chiêm bao thấy mình vào một ngôi chùa vắng, khi ra chỉ có một con đường dốc hàng trăm bậc đá, o cứ Chuôi xuống

mãi, cuối cùng o thấy có hai cái lỗ đen ngòm, hoá ra là cái lỗ mũi của ông thiếu tá. O giật mình tỉnh dậy bật khóc rung rức vừa lo sợ vừa tủi thân...

Cả buổi sáng o buồn nẫu ruột nhưng chiều o lại lên trụ sở. Cái hậu cung thế là xong. Tính tiền công và cho thầy trò chúng nó gói chè, chai rượu, ít lạc rang kẹo rồi lại kèo nèo lôi thôi. Khi o đến, phó chủ tịch, thư ký đã làm việc, chỗ hậu cung chỉ còn một mảng sáng. Cu Hiên đang kỳ cạch ghép ghép đóng đóng, không thấy phó nhỏ Dũng Trường đâu cả. O ngồi xuống bàn chủ tịch với công việc quen thuộc của mình, như không có gì xảy ra cho đến chiều mọi người về cả.

- Xong rồi! O Bảy! - Cu Hiên lấp miệng ván cuối cùng, gõ búa một cái đánh cộc. - Xong rồi! O cho tiền.

- Có ra rặng không đó? - O Bảy hỏi, vẫn ngồi bên bàn nhìn vào.

- Tuyệt vời chứ ra rặng nữa! - Cu Hiên nói, một tay chống lên ván, vỗ vỗ. - Khít kháy, trơn miết, chắc chắn chứ còn “ra rặng” gì nữa! - Cu Hiên bước ra, vẫn quần đùi áo may ô, chân tay trắng trẻo cuộn cuộn bấp thịch. - O vô kiểm tra, và có món gì động viên thì đưa ra! Tiền nong thì nhất *điêng* rồi.

- Ồ. - O Bảy nói, lấy chai rượu, thuốc lá và một gói lạc rang to để lên bàn. - Chứ ông phó nhỏ đâu?

- Phó nhỏ lên Rú Cật nhận việc đóng mấy cái xe cải tiến. Mai thầy trò phối. Ái chà, o thảo gớm. Rượu! Ái chà! Tốt! - Cu Hiên bước ra cầm chai rượu lắc lắc, mắt nheo lại, đôi mắt anh ta đẹp thật.

- Lạc nhiều hè. Mời o. - Thế là anh ta cầm chai tu một hơi với một nắm lạc to ném từng viên vào mồm.

- Rượu ngon quá! Úi chà, o Bậy tốt quá!

O Bậy cho tay vào túi lấy tiền.

- Ấy khoan! - Cu Hiên đưa tay ngăn lại. - Món ấy khoan. O uống tí cay. Tôi quét dọn sạch sẽ, dọn dẹp tử tế rồi ra về lại xin o. - Nói xong Cu Hiên vào hậu cung quét lia quét lịa, sắp xếp gỗ lạt vào các góc. - O vô kiểm tra cẩn thận cái đã.

Tự nhiên o Bậy hớp một ngụm rượu rồi bước vào hậu cung. Cu Hiên cầm cái thước gỗ vào ván:

- O coi đây có phẳng không?

- Phẳng! - O Bậy xăm xoi đôi mắt.

- O sờ vào đây, có khít không?

- Ở khít. - O Bậy làm theo và khen. - Bào trơn chứ?

- Trơn lắm!

O Bậy cứ đi theo Cu Hiên, mắt xăm xoi nhìn từng tấm ván, quả thật anh ta làm tốt, vân gỗ xoáy từng vòng, mùi gỗ thơm phức, và bỗng o rùng mình một cái, o nghĩ thấy một mùi lạ, mùi mồ hôi đàn ông,

sát bên o là một bộ ngực trắng cuồn cuộn bắp thịt, và o run lên bần bật, tim nảy lên thình thịch, đôi chân như sắp khụy xuống, miệng đáp theo hơi lẩn tiếng thở phì phò gấp gấp hừng hực nhục cảm trong hậu cung tối om.

- Có phẳng không?

- Phẳng.

- Có khít không?

- Khít.

- Có trơn không?

- Trơn.

Rồi tự nhiên, có hai cánh tay ghì chặt lấy o, một cơ thể nóng hổi mới lạ, huyền bí cọ vào da thịt o, người o mềm oặt rồi nhẹ bổng lên, o nhắm nghiền mắt lại, và o chợt nhớ đến lời dì Tâm Mươi... Ấy... hi... xin... xin một đứa con. O rướn người lên khi được bế đến nằm xuống chiếc giường một và như con cá rô rạch nước, o ưỡn người lên, quần quai, sung sướng, chơi vui trôi... trôi mãi trong một niềm khoái cảm thiêng liêng vô tận...

Một tháng sau, o Bảy thấy trong người khang khác. O mừng quá! Thôi thế là từ nay o có tất cả. Tất cả! O hy vọng. O mong chờ, và o ham được sống. Sống với tất cả cõi lòng... Nhưng o còn duyên nợ với cuộc đời. Phải trang trải cho xong. Chiều hôm đó, o đến

nhà “ông” bí thư Sáu Lém. Thấy o vào, mắt anh ta nheo nheo có ý cười. Trước thì o nể, o sợ hấn, nhưng bây giờ o đã có cái ngàn lân quý giá rồi, o đường hoàng và nói như để đòi một quyền lợi phải có.

- Chi rứa o? - Sáu lém hỏi, tay vẫn lau xe. Đáng ra, o muốn báo cáo thật trình trọng nhưng nhìn cái vẻ mặt hấn ta như thế, o cũng không cần nghi lễ gì cho lắm. O Bảy ngồi xuống sân cách Sáu Lém chiếc xe đạp, mắt vụt đỏ bừng lên:

- Anh Sáu à?

- Chi rứa?

- À báo cáo anh...

- Tui biết rồi. - Sáu Lém nheo nheo mắt cười đánh hức. - Tui biết rồi. - O Bảy ngắc ngư một lúc rồi nói, cổ bắt chước giọng của dì Tâm Mươi:

- Ày... hì... tui... tui đến báo cáo... tui sắp có con.

Sáu Lém vụt ngẩng đầu lên, quá ngạc nhiên, miệng há ra như vừa nghe một câu nói gồm ghiếc. O Bảy có chuyện khác thường anh ta đã biết, và cái chuyện đàn bà sinh con ngoài giá thú ở làng này thiếu chi! Nhưng nói như thế thì lạ quá! Và Sáu Lém bỗng bật ngã người ra phía sau, chống hai tay lên nền gạch, mặt ngửa nhìn trời cười sằng sặc, chân đạp chan chát xuống sân:

- Ha ha ha! Ha ha ha! Ai mần chi được chuyện nó...

Hai năm sau, o Bảy và dì Tâm Mười ngồi trên chõng tre sau một cái bàn đầy xoài, kẹo, bánh, thuốc lá, bia hộp ở chợ Vạc. Một thằng bé trắng mũm mĩm đang đứng trong vòng tay của o. Dì Tâm đưa ngón tay chọc chọc vào quả ớt của thằng bé rít lên:

- Tổ cha mi! Răng đẹp ri hè? - Bỗng cả dì cả o Bảy cùng quay ra nhìn. Trên đường cái chạy qua chợ, Cu Hiên đi trước, vai vác cưa, Dũng Trường vác rìu, đục theo sau, và tiếng Cu Hiên đang nói:

- Đàn bà đẹp, cái chi cũng đẹp. O Bảy đỏ mặt dụi đầu vào bụng thằng con, nhưng vẫn nghe tiếng Cu Hiên ở cuối chợ. - Hay thật! Hay! Đàn bà...

CAO TIẾN LÊ



Họ và tên: **Cao Tiến Lê**

Ngày tháng năm sinh: 31.12.1937

Quê quán: Xã Bạch Ngọc, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Phía trong, Bến quê, Cây rau sam lá đỏ, Bây giờ nên xử sự thế nào, Trung tướng giữa đời thường, ở trần, Một đời vô duyên v.v..*

Các giải thưởng văn học: Giải nhì thi truyện ngắn Báo Văn nghệ năm 1972.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Cuộc đời tôi luôn luôn như là quả gánh trên vai. Một đầu là chiến tranh, một đầu là hoà bình. Cứ tưởng hết chiến tranh là mình được sống thanh thản. Nhưng không phi thế. Cái đã qua. Cái trong chiến tranh nó cứ âm thầm dai dẳng suốt cuộc đời mình. Trong đó có những người con gái.

Truyện ngắn ớt ngọt bao gồm cả cay đắng lẫn chua chát. Một truyện ngắn có lẽ không hay với mọi người, nhưng tôi thích...

ỚT NGỌT

Hai năm liền ở Trung Lào, chịu đựng mùa mưa rồi mùa khô, trở về nước, đóng quân tại xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình, quần áo tôi rách bươm, mảnh nâu mảnh trắng, bởi có chỗ phải dùng cả vải làm giẻ lau súng vá vào. Nhưng tại ác hơn là những cơn sốt rét rừng phục sẵn trong cơ thể bắt đầu vùng dậy. Ngày nào cũng lên cơn sốt. Mỗi cơn sốt trải qua ba thời kỳ: Trước hết là rét, rét như trên đời này chưa bao giờ có một lần rét như thế, rét tới mức gi cả hòn than đổ vào cánh tay cũng chỉ nghe tiếng cháy xèo xèo. Hết rét là chuyển qua nóng, nóng như có ai nung lửa ở ruột, nóng mà không thoát được mồ hôi, hơi nóng tụ trên da thịt có thể làm cháy lỗ ruồi muỗi nếu chúng nhón như đậu vào... tiếp theo là nôn mửa, ruột gan như bị xáo tung, toàn thân quần quại, dạ dày ngổ trào lên cổ, nước xanh nước vàng bật ra khỏi miệng.

Cậu Khung, chiến sĩ công vụ, chạy hết nơi này nơi nọ xin được vài viên ký - ninh. Ký - ninh là loại thuốc chống sốt rét màu vàng, cực kỳ đắng, đắng

tưởng như rứt lưới, nếu khi uống không bọc bên ngoài một lớp giấy mỏng, kèm theo ca nước giúp cho viên thuốc lọt nhanh qua cổ họng. Vậy mà tôi ngâm ký-ninh như ngâm đường cho “đã” lúc cơn sốt rét hoành hành.

Thấy tình trạng tôi như thế, mẹ Khảm chủ nhà nói: “Phải chữa theo lối thuốc nam. Chú Khung cứ đi tập luyện, để chú đây mẹ quản lý cho...”.

Từ đó mỗi lần chớm cơn rét là mẹ lấy hết chăn, màn chiếu phủ kín người tôi, rồi bảo cô Kim, con gái mẹ, đang học lớp chín, ngồi lên. Những hôm Kim đi vắng, mẹ thay cô bằng chiếc chõng tre bốn chân rất chắc ấn chặt lấy người, mà tôi vẫn run bần bật như động đất ở ba, bốn độ *rich-te*.

Dứt cơn sốt, mẹ Khảm bung ra nồi nước xông thơm phức mùi hương nhu cộng với lá trà, mẹ bảo tôi trùm chăn, ghé mặt vào nồi, dùng đũa cời lớp lá chuối bọc phía trên cho hơi nóng bốc từ từ khi mồ hôi đã ra đều, mẹ đưa chiếc khăn, bảo tôi dùng nước đang xông để rửa mặt, lau sạch người, rồi ăn cháo. Bát cháo đỗ xanh với nếp, có thịt. Tôi nói với mẹ là đừng mua thịt, tiện đâu mà mua thịt, mẹ cho bát cháo bằng gạo cũng là quý lắm rồi. Nhà mẹ đã nghèo, con còn làm phiền thêm. Mẹ chỉ cười...

Về sau khi đã thân nhau, Kim cho biết, không phải là thịt lợn, thịt gà gì đâu, nhưng quý hơn cả thịt lợn, thịt gà, vì đó là thịt giun! Mẹ bảo Kim lên phía

Cụ Năm, sát bìa rừng đào giun mang về, dùng sợi nứa rạch đôi con giun rửa sạch bóp muối nhiều lần thái nhỏ, phi hành mỡ, nấu với nếp và đỗ xanh. Lúc đầu Kim rất sợ, nhưng vì lo cho sức khỏe của tôi, hơn nữa mẹ cho biết thịt giun sạch lắm, chữa được sốt rét và một số bệnh khác, người con gái nào cũng phải hiểu để khi vào đời rồi, thiếu gì chuyện xảy ra.

Bát cháo nào cũng rắc nhiều hạt tiêu và muối mà sao tôi ăn vẫn thấy nhàn nhạt, người rã rời. Kim nói: “Em sẽ bổ sung cho anh một thứ nữa. Anh biết thứ gì không? Đó là ớt!”

Có lẽ đúng. Vì tôi đang ở trạng thái rét nhiều hơn nóng.

Quảng Bình là vùng đất người dân rất thích ăn ớt, và trồng nhiều ớt. Nhưng rồi chiến tranh, chỗ nào cũng bom đạn dội xuống, nên ớt ít dần và chỉ mọc ở những đồi hoang núi trọc. Thường là sau buổi học, dù đã mười hai giờ trưa, đói bụng. Kim vẫn đi thêm một quãng đường khá xa nữa, hái ớt giấu vào cặp sách, mang về trao cho tôi như trao một niềm vui. Khi tôi ăn cháo với ớt, Kim ngồi ở góc nhà, chỗ đặt chiếc bàn, mặt lộ vẻ thú vị, chốc chốc khẽ cười, rồi cúi xuống ghi ghi chép chép hay vẽ vờì gì đó.

Thấy tôi nhăn nhăn, cô hỏi: “Ớt cay lắm à?” Tôi bảo: “Chẳng cay tý nào”. Kim cười “Ớt nào là ớt chẳng cay. Gái nào là gái chẳng hay...” Kim bỏ nửa

chừng câu ca dao, cười nắc nẻ như trẻ con. Kim đang ở tuổi vô duyên, chân tay khăng khiu chưa có bắp, ngực chưa nở, mắt không điệu đà, nghĩ gì là nói ra ngay. Cũng không hẳn thế. Rất trẻ con, nhưng cũng rất là người lớn, có lúc Kim bó gối ngồi suy tư như đang chòng chành trước ngưỡng cửa cuộc đời.

- Anh thử ăn những quả ở phía đầu bị ngắt mất một ít xem có cay không?

Tôi hỏi:

- Làm sao lại bị ngắt như thế?

Kim giải thích:

- Đó là những quả ớt mà lũ sóc đã ăn. Khi đau bụng chúng chọn những quả cay nhất để chống nhiễm lạnh.

- Kiến thức về các loài vật của Kim cũng phong phú đấy chứ nhỉ?

Kim lắc đầu:

- Có gì là khó đâu anh. Cứ nhìn các loại trái cây như mít, ổi, nho, na, chuối... quả nào chim ăn là quả ấy rất ngon, cây ấy rất ngon.

Tôi lấy một quả như Kim bảo, cầm lên cắn thử, liền lắc đầu, bĩu môi.

- Chẳng cay tí nào cả. Có mà “sóc Kim” ấy!

Kim cười thú nhận:

- Đúng là “sóc em”. Vì chẳng phải sóc cắn dâu, mà em cắn thử quả nào cay mới hái về. - Kim cũng cầm một quả đưa lên cắn, miệng nhấp nhấp, lộ vẻ ngạc nhiên: - Ô nhỉ, sao bây giờ không cay tý nào cả, lại còn ngọt nữa chứ!

Rồi Kim tự giải thích:

- Lúc nãy em lên phía núi, nơi nương rẫy bị bom Mỹ ném xuống, dân đã bỏ đi, cây cỏ mọc ngan ngát, ớt và rau tàu bay nhan nhản. Có lẽ lúc đó một mình giữa cảnh hoang tàn, em sợ, nên cảm thấy ớt cay. Còn về đây có gia đình, có anh, cay đắng không bắt nạt nổi em.

Tôi đùa:

- Em chỉ “xạo” thôi. Chẳng biết bao giờ em trở thành người lớn.

Như nhớ ra điều gì, Kim nói:

- À, ngày mai, em không lấy thứ ớt quả to nữa, em sẽ lấy loại ớt tiêu, ớt kim, cay đến điếc cả tai, anh ạ. Đạo nhỏ em ăn một lần, khiếp đến bây giờ.

Kim nói chuyện rất vui, rất hồn nhiên, lúc lúc lại cúi xuống bàn ngắm nghía cái gì đó. Tôi đi tới, Kim thu tờ giấy về phía lưng, ù chạy vào phòng trong. Đã có lần mẹ Khảm cho tôi biết là Kim thích vẽ lắm “Em nó vẽ cả chú nữa đó”.

Cũng có lúc hai anh em ngồi trò chuyện. Kim nói về tương lai, những mơ ước:

- Chà, ông Tề Bạch Thạch mới giỏi chứ. Anh biết ông ấy không?

Tôi đọc câu thơ ca ngợi Tề Bạch Thạch “vẽ cá thật hơn cá. Vẽ hoa thật hơn hoa”.

Kim reo lên:

- Vậy là anh cũng có tâm hồn cảm nhận nhà thơ, chứ không phải chỉ biết dùng đoàng, hăng hái tiến lên...

Tôi nghiêm mặt:

- Em không được giỡn kiểu đó. Tất nhiên chẳng ai muốn chiến tranh. Chiến tranh là tai họa đối với dân tộc, với gia đình. Nhưng cũng vì dân tộc, vì gia đình chúng ta không từ chối chiến tranh.

Kim lè lưỡi:

- Eo ôi, anh nói nghiêm chỉnh quá. Chẳng có khe hở nào dành cho tình cảm cả.

Tôi nói:

- Chưa hết đâu, còn sự nghiêm chỉnh này nữa dành riêng cho em đây. Em phải tập trung vào học để tốt nghiệp cấp ba. Sau đó lấy chồng, đẻ một lũ con. Mẹ đang khỏe, mẹ sẽ nuôi cho. Bà cháu, mẹ con ríu rít thật là vui. Vẽ vờ làm gì. Tài nghệ chẳng đến đâu. Hảo huyền quá!

Kim cười:

- Ông anh nghĩ quẩn rồi. Em thì khác...

- Em định vào Trường Cao đẳng Mỹ thuật chứ gì?

Kim ngập ngừng:

- Cứ mơ mộng như thế đã...

Tôi đưa tay như định ngăn một việc Kim sắp làm:

- Có người đã nói: “Mơ mộng chỉ để mà hưởng lạc suy nghĩ là để làm việc. Lấy mơ mộng đặt vào suy nghĩ chẳng khác gì cho thuốc độc lẫn vào thức ăn”. Em phải suy nghĩ trước cái thực tế khác nhau của bản thân, của gia đình và suy nghĩ về chiến tranh. Em phải biết mình đang đứng ở đâu và sẽ đi về đâu. Với tư cách như một người anh trai, anh khuyên em đừng bông bênh...

Kim cười:

- Em không cần một người anh trai, em cần một người bạn cơ...

Cơn sốt rét lại đến vào lúc nửa đêm, không muốn phiền gia đình, tôi cuộn chăn, lên hết gân cốt, nghiền chặt hai hàm răng, giữ cho người thẳng bằng. Nghe có tiếng chân bước vào bước ra ngập ngừng. Chắc hẳn Kim biết tôi lên cơn sốt, nên đi tìm các thứ để đắp chăn? Nhà chỉ có một chiếc chăn, hai mẹ con đắp chung, khuya lạnh, không thể đánh thức mẹ dậy. Chắc là nghĩ vậy nên Kim đã luôn vào nằm chung, hai tay ôm lấy cổ tôi, ngực Kim ép vào lưng tôi như muốn

truyền chút hơi ấm của cơ thể nhỏ nhoi, chia sẻ cơn rét căm căp trong đêm dài một mình tôi chịu đựng.

Khi sức lực của tuổi trẻ đã phục hồi, những cơn sốt rét rừng bị xua đuổi, cũng là lúc tôi được lệnh cấp tốc về dự lớp bổ túc quân chính.

Định dành thời gian của buổi chiều thấy nhẹ nhàng và thanh thản nhất để kiểm tra việc học hành, cũng như nói chuyện cụ thể về tương lai với Kim, nhưng Kim đi đâu mãi chập choạng tối mới về. Qua ngõ cô chạy tạt vào nhà bếp, không rúc rích cười chào tôi như mọi lần. Tôi đến, mẹ Khảm mới cho biết cả buổi chiều Kim lên phía bìa rừng hái ớt, hái một gói to làm quà cho tôi sáng mai lên đường. Không may lũ máy bay trước khi ra biển đã trút nốt những quả bom còn lại cho nhẹ thân. Hơi bom nổ hất Kim vào bụi gai, quần áo bị rách bươm, ngực lưng và hai cánh tay xơ xước, Mẹ Khảm lấy bã chè, muốn nhờ tôi xát vào những vết thương. Đêm không dám thắp đèn, sợ máy bay phát hiện, hai chúng tôi ra ngồi giữa sân, bầu trời đầy sao, không ánh trăng. Tôi nắm tay Kim chà muối lên những vết xước. Kim kêu oai oái trách tôi vô tình: “Cứ như anh xát muối vào vết thương cho con chó, con mèo, chứ không phải cho em”. Tôi vuốt tóc em, mái tóc toát lên mùi nắng gió khô cằn của vùng đất chiến tranh. Kim lặng im một lúc, rồi cười răng rắc, nói tiếp:

- Anh gắng mang gói ớt đi, sốt rét chưa tha cho anh đâu, hơi mệt là nó vùng lên tức thì. Ngoài nó ớt không cay bằng ớt trong này đâu. Nhớ biên thư về cho mẹ, cho em. Hàng ngày em cứ nhắc tên anh, đợi thư anh, để đi đâu hoặc làm trái ý em là anh bị vấp.

- Vậy, làm như thế nào là đúng ý em?

Kim ôm lấy cổ tôi hôn một tiếng “chụt” vào môi, rồi chạy vụt vào nhà, tạo thành vệt sáng nổi liền từ mái tóc tới vô vàn thiên hà nhấp nháy.

Tôi bị bất ngờ, ngạc nhiên, thoáng chút xao động, đưa tay lên xoa môi, nói hơi to:

- Thật là trẻ con!

Vì phải cấp tốc rút kinh nghiệm những chiến dịch, những trận đánh thất bại và thành công đang nóng hổi ở chiến trường để bổ túc kịp thời cho chúng tôi, đồng thời tạo bản lĩnh cho người chỉ huy, nên chương trình bổ túc hết sức căng thẳng. Vận dụng lý thuyết quân sự cách mạng thể hiện trên sa bàn, thực địa, rồi hành quân diễn tập hết đánh địch đổ bộ đường không, lại chuyển qua tác chiến vùng rừng núi, suốt ngày tranh cãi về nghệ thuật chỉ huy, vận dụng lý luận với thực tiễn chiến đấu, cộng với dự báo tương lai, nên người tôi rã rời, những cơn sốt rét rừng lại tái phát.

Tôi ăn bát cháo theo tiêu chuẩn trung tá do chiến sĩ nuôi quân nấu, dù có nhiều thịt, nhiều hành, có cả mì chính (thứ quý hiếm chỉ dành cho cán bộ cao

cấp) mà miệng vẫn nhạt thếch. Tôi sực nhớ, phải chăng là do thiếu ớt? Tôi lấy gói ớt mà Kim đưa lâu nay để khô quất trong ba-lô, xé đến chục quả trộn với cháo. Vì nghĩ rằng ớt vẫn ngọt như dạo nọ, nhưng khi xúc thìa cháo đưa lên thì chao ôi, cay ơi là cay, cay tưởng như bị a-xít thấm vào lưỡi. Tại sao thế nhỉ? Tại sao cũng chỉ quả ớt thôi mà thời nay cay, còn thời kia lại ngọt?!

Chiến sĩ nuôi quân nhìn vào bát cháo ngạc nhiên nói: “Trời ơi, ông định tự tử bằng ớt à?”

Tôi mang gói ớt về nhà và nói với mẹ hãy rắc hạt theo bờ hàng rào, vì vùng ta sát đường chiến lược, bộ đội hay đi qua. Nhờ ớt mà con vượt qua được những cơn lạnh giá tưởng chết người. Hơn nữa đây là tấm lòng của một cô gái Quảng Bình.

Học xong lớp bổ túc, chúng tôi hăm hở ra trận, ngỡ như chiến trường không có mình sẽ bị địch uy hiếp, lấn chiếm đất đai và đồng bào miền Nam đang mỗi mắt chờ trông. Nhưng oái oăm thay, trong danh sách những người chưa ra trận lại có cả tôi.

Buồn quá, tôi tranh thủ về thăm nhà ít ngày, cơn sốt lại bùng lên, lại điệp khúc với lạnh, nóng, rồi nôn mửa. Dứt cơn sốt, nhạt miệng quá, thèm đưa cả nắm ớt vào miệng mà nhai ngấu nghiến. Tôi hỏi mẹ còn quả ớt nào không. Mẹ lắc đầu: “Hết cả rồi. Số ớt con mang về mẹ đã trồng khắp vườn. Cây rất tốt, lá xanh tươi, vừa chớm ra hoa”.

Tôi được điều về làm phóng viên báo Quân khu Bốn, rồi báo Quân đội nhân dân, liên tục có mặt trên các chiến trường Quảng Trị, Lào, Thừa Thiên - Huế, miền Trung Trung Bộ, Campuchia... mỗi năm chỉ có mặt ở Hà Nội vài tháng, đủ thời gian giặt chăn màn, quần áo, viết vài truyện ngắn, bút ký... rồi lại ra đi... Mỗi một mùa ớt, mẹ tôi gửi cho một túi tán nhỏ, hoặc còn tươi, bọc bằng lá chuối khô. Nhưng mùa ớt nào tôi cũng không kịp ăn, vì bận bịu, cái chính là từ lâu tôi đã dứt cơn sốt rét và bắt đầu sợ ớt cay, dù ở dạng quả hay tán nhỏ thành bột.

Chiến tranh kết thúc, tôi về Hà Nội. Thoáng một cái đã hết năm năm, bởi phải dôn thời gian cho sự hàn gắn Bắc Nam, khi chính quyền thu về một mối. Rồi công trình hai đầu biên giới, phần tôi cũng muốn đi sâu vào nghề nghiệp, khi điều kiện hòa bình cho phép. Những tiếng òa lên, sung sướng, khi đồng đội tình cờ gặp lại nhau, trong đó có Khung, người chiến sĩ công vụ năm xưa. Khung ở quân đội lên đến tiểu đoàn trưởng thì được chuyển ngành ra ngoài, chuẩn bị cho chiến tranh kết thúc, nay là giám đốc một công ty ở ngoại thành Hà Nội. Cậu ta đến với tôi vẫn như là chiến sĩ đến với thủ trưởng, mặc dầu cả hai đều muốn xóa nhòa ranh giới xưa kia, mà không xóa nhòa được, có lẽ do thói quen và có lẽ cũng do cái uy và cái tín của lớp cán bộ chỉ huy một thời được tạo nên bằng sự gương mẫu tuyệt đối và tinh thần xả thân cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Khung hỏi:

- Thủ trưởng còn nhớ cái cô Kim ở Hạ Trạch, ngày xưa hay đi lấy ớt về cho thủ trưởng ăn với cháo giun nữa không?

Tôi nói:

- Nhớ! Cô ấy bây giờ đang ở Hà Nội chứ gì?

- Thủ trưởng gặp lại rồi à? - Khung hỏi thế và nhìn vào mắt tôi với vẻ dò xét.

- Chưa gặp. Nhưng cảm thấy giữa mình và Kim cùng chung một tần số.

Có tiếng gõ cửa. Khung nhìn ra thấy khách tới, liền đứng dậy, xin phép về, hẹn dịp khác.

Khách là chị Thúy - nhà thơ. Chị có bài thơ "Sợi nhớ, sợi thương" sâu lắng, ân tình, ấm áp, lại được tài trí của Phan Huỳnh Điểu tạo thành dòng nhạc xuyên suốt tâm tư người lính mà tôi cũng như anh em cùng đơn vị rất thích: "*Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây. Bên nắng đốt, bên mưa quây... Em dang tay, em xòe tay chẳng thể nào xua tan mây. Chẳng thể nào che anh được...*" Chị Thúy niềm nở, vui vẻ:

- Đây em, chị vừa hoàn chỉnh tập thơ mới, đang dạng bản thảo, sẽ đưa in vào tuần tới, có giấy phép xuất bản rồi. Bìa đã vẽ xong. Em xem thử và cho ý kiến.

Tôi cầm lên xem một lúc, rồi nói:

- Bìa đẹp, đạt tiêu chuẩn độc đáo và khám phá, nhưng hơi run rẩy, còn run rẩy ở chỗ nào, thì chính em cũng tìm chưa ra. Nó nằm nhiều ở cảm giác... Mà cảm giác của em là tác giả bìa, hay tác giả thơ sắp có chuyện gì đó của số phận.

Hình như không để ý đến lời tôi nói, chị Thúy vẫn hồ hởi:

- Con bé này hay đáo để. Nó cũng biết cả em đấy. Hôm nào chị dẫn nó đến chơi với em nhé.

- Các cô gái Hà Nội không đi chơi vu vơ đâu, chị ơi, nhất là người có tài năng. - Tôi nói vậy và tiện tay lật mặt sau tấm bìa... nhìn thấy tên họa sĩ, mặt mày tôi xây xẩm, người lao đao.

Chị Thúy hốt hoảng hỏi:

- Em làm sao thế?

- Xin lỗi chị. Lâu lâu em lại bị sốt rét trở lại. - Nói xong, tôi nằm xuống giường kéo chăn đắp.

Chị Thúy về rồi, tôi nằm chờ cơn sốt rét và chuẩn bị đối phó với chu kỳ của nó - rồi nó sẽ dẫn đến hủy hoại hồng cầu, vàng vọt da thịt. Nhưng nằm mãi, nằm mãi vẫn không thấy gì. Tôi tung chăn ngồi dậy, bước ra ngoài, biết mình vừa qua cơn choáng váng không phải do bệnh tật, mà từ một khía cạnh sâu xa trong cuộc sống.

Đang công tác ở Vinh, tôi nhận được tin chị Thúy mất, từ một người con gái báo qua điện thoại,

có lẽ cô ta cùng cơ quan với chị Thúy. Cái tin quá bất ngờ ấy làm tôi sững sờ đánh rơi cả chiếc máy di động, lúc nhặt lên chỉ còn sự im lặng từ phía đầu kia.

Trở về Hà Nội, sau khi đến chia buồn với gia đình chị Thúy, người đầu tiên tôi gặp là Khung, Khung nói tiếp câu chuyện hôm nọ đang bỏ dở:

- Thủ trưởng nhớ được gì về cô Kim ấy nào?

- Cái cô Kim học theo phong cách sáng tác của Tê Bạch Thạch chứ gì?

- Con người ấy đã thành công đấy, thủ trưởng ạ. Thế mới phục chứ. Cô ta học Cao đẳng Mỹ thuật, tốt nghiệp, ở lại trường, rồi bỏ trường đi vẽ tự do. Vừa rồi tình cờ rẽ qua một phòng tranh - ấy là vì cơ quan em muốn mua một bức tranh theo trường phái *Siêu thực* để tặng khách nước ngoài - em đã nhận ra cô ta.

- Cô ta có nhận ra cậu không?

- Không. Nhưng về sau em tự giới thiệu. Cô ta “À” lên, mở to mắt, nhìn em như nhìn một quái vật.

- Nghĩa là thế nào?

- Em nói vui thôi, không phải nhìn một quái vật. Mà ngạc nhiên.

- Cô ta có biết mình ở Hà Nội không?

- Biết rành rọt lắm. Lúc đầu cô ta hỏi em là anh giờ ở đâu. Em nói dối là không biết. Cô ta trách em vô tình, tình cảm đồng chí, đồng đội xưa kia đã bị

kinh tế thị trường làm cho mù lòa. Cô ta đưa cho em địa chỉ nhà riêng, nơi làm việc, số điện thoại của thủ trưởng, lại còn biết được cả con đường thủ trưởng đến cơ quan và nơi hay đến ăn trưa.

Như vô tình tôi hỏi:

- Chồng con thế nào?

- Đã lấy chồng. Chồng là cán bộ giảng dạy trường Cao đẳng Mỹ thuật, nhưng chia tay rồi, vì quan điểm sáng tác. Người chồng theo trường phái cổ điển, vẽ thực, còn cô ta, theo trường phái *Dã thú* màu sắc nguyên tươi, khỏe mạnh, sắc sảo, hơi man rợ, cũng là cách tìm tòi của nhân loại. Nếp sống riêng không phù hợp, nảy sinh từ câu chuyện cụ thể trong bữa ăn. Cô ta thích ăn ớt, món ăn nào cũng cho ớt vào, tỷ lệ nước chấm và ớt bao giờ cũng ngang bằng. Ớt còn tràn ngập cả vào tranh vẽ, những chùm ớt lấp lóe, hoặc đỏ chót, ớt cài trên mũ, trên ba-lô và cả người lính sau cơn sốt rét cầm từng chùm ớt nhai ngấu nghiến ngon lành như ăn ổi, ăn táo, ăn sim... Đây là địa chỉ nhà riêng, cả số điện thoại. Còn đây là địa chỉ phòng tranh vừa khai mạc, mở độ một tháng... Người xem rất đông, mà người mua cũng nhiều...

Quan hệ giữa mình và Kim bây giờ là thế nào nhỉ? Tình quân nhân, tình anh em? Đây chỉ là nơi khởi đầu cho mọi chuyện khác. Tình yêu ư? Chắc là đã có, dù đơn phương hay đa phương, ôi cái thời mờ

mờ, ảo ảo nhìn không rõ nét. Nhưng bây giờ đã muộn rồi, chẳng còn chỗ trong cuộc đời để đặt thêm một mối tình nữa, dù là vẫn đẹp, vẫn rất thơ mộng và đau đớn cả nỗi niềm...

Không xác định được mối quan hệ hiện tại, nên tôi cứ nấn ná trong việc tới thăm Kim. Tuy vậy hôm nào cũng thế, tôi đi bộ theo đường Hàm Long đến phố Huế rẽ phải để tới chỗ ăn trưa, liêng liêng nhìn dòng người ngược chiều, hy vọng bắt gặp đôi mắt thân quen. Đầu óc luôn luôn phân vân: đến hay không đến. Và khi chân vừa chạm tới cửa hàng ăn, tôi quyết định không đến nữa, ném hết vào dĩ vãng cả sự giận dỗi là làm sao biết mình làm việc ở đây, đi đường này mà Kim lại né tránh.

Thấy chán, bỏ cả ăn trưa, quay ra, vừa lúc chiếc xe máy phanh đột ngột dừng lại trước lối tôi đang đi. Tôi khẽ gọi: “Kim”. “Vâng, em đây!” Kim nói, rồi hỏi thêm: “Anh không ăn trưa à?” Hôm nay thấy nhạt miệng quá”. “VẬY là em đến đúng lúc. Vào đây. Anh em mình cùng ăn trưa”. Kim nói tự nhiên như là chưa có khoảng cách mấy chục năm đặt giữa hai người.

Tìm đến chiếc bàn cuối phòng, tôi và Kim ngồi nhìn nhau, cả hai đều không nói, đắm đắm với xa xưa và cùng giạt mình, khi cô gái trẻ mang đến thực đơn và lễ phép hỏi quý khách dùng loại bia gì, xin phục vụ.

Tôi gọi bia Tiger. Những món ăn hải sản xếp đầy trên mặt bàn. Bỗng dưng nhớ cái thời ăn cháo thịt giun và cô bé dạo ấy bây giờ đang ngồi trước mặt tôi, thời gian đã thu đi tuổi vô duyên, và giao lại cho cô khuôn mặt rạng rỡ, trắng hồng, đôi môi mịn và ẩm, ngực nở, tay chân thon thả, một cơ thể hoàn chỉnh, hiện đại giấu trong lớp quần áo thời trang với lối mặc hơi trẻ tràng, bất cần.

Kim nhìn lướt thức ăn, rồi đứng dậy nói nhỏ điều gì với cô gái phục vụ, lát sau cô gái mang lên một bát ớt tươi đỏ chót. Kim dùng kéo xắt nhỏ ớt vào bát nước chấm và các đĩa thức ăn, rồi cứ thế Kim ngồi uống bia với ớt, hỏi những chuyện vui và hơi có chút giễu cợt.

- Từ ngày rời Hạ Trạch quê em, chắc anh được nhiều cô gái chăm sóc lắm nhỉ?

Tôi đùa:

- Một trăm người!

- Chị ấy bây giờ là ở trong số một trăm người đó?

- Không. Người thứ một trăm linh một.

- Ôi, sao anh tệ thế, bội bạc với cả một trăm người!

- Kết thúc chiến tranh, anh đã dành ra năm năm chờ đợi xem trong số một trăm người đó, có ai tìm lại anh không. Hoàn toàn không. Và anh phải tìm người thứ một trăm linh một.

- Anh ghép em vào số người nào?

- Không ghép vào số nào cả. Nhưng cũng ghép vào tất cả.

- Cả số một trăm linh một?

- Thấp thoáng!

- Anh chỉ “xạo” thôi. Có bao giờ anh nghĩ đến em. Em chỉ là cô bé nhà quê vô duyên, bất tài, được mỗi chức năng lấy chồng, sinh con...

- Đã có lúc anh nói như thế. Chính là muốn em yên ổn cuộc sống.

- Còn em, câu nói của anh chi phối suốt cuộc đời em.

- Thôi em, bỏ qua cho anh!

Tôi nắm lấy tay Kim. Nhìn vào mặt Kim. Nhìn vào mái tóc bông bênh có thời nhuộm đầy nắng gió, bụi khói của chiến tranh, từ mái tóc ấy đang tỏa lên một tia lấp lánh. Tôi đứng dậy sờ vào mái tóc: “Ôi, tóc em đã có những sợi bạc”. Tôi rút một sợi tóc trắng đặt xuống mặt bàn, rồi ngồi về chỗ cũ.

Kim khóc. Nước mắt nhỏ vào bát ớt đã được xắt nhỏ. Rồi cứ thế Kim uống bia với ớt, lúc từng lát mỏng lúc cả quả, không hề nhúng dũa vào thứ thức ăn xào rán nào.

Tôi đưa một lát ớt lên miệng, tuy hạt lưa thưa mà vẫn cay quá. Trào cả nước mắt. Đã từ lâu tôi

không dám cho ớt vào nước chấm cũng như thức ăn. Có lẽ những gì xót xa và huy hoàng, những gì đắng cay của một thời mạnh mẽ, táo bạo đã đi qua theo tuổi trẻ. Bây giờ mình như hờ hững.

Kim gọi cô gái phục vụ cho thêm ớt, rồi nói:

- Anh đi, mẹ chết, ra học Cao đẳng Mỹ thuật. Vào đời đây bực bội. Trong em dôn lại muôn vàn đắng cay.

- Còn nhận ra đắng cay, là còn ham mê cuộc sống.
- Tôi làm rằm thế, rồi nói thêm: - Kế hoạch trung bày tranh của em đến chiều nay là xong phải không?

- Vâng!

- Chiều nay, anh sẽ đến.

- Nhưng có còn tranh nữa đâu...

- Vì sao?

- Họ mua hết cả rồi. À, cũng còn, nhưng mà này, anh có rảnh không. Đi du lịch với em một chuyến về Hạ Trạch, vào thành phố Hồ Chí Minh, rồi qua Thái Lan...

Chúng tôi đứng dậy. Trên bàn còn nguyên các đĩa thức ăn đã nguội lạnh, vài lát ớt như những chấm đỏ tô điểm chút rực rỡ vào hoàng hôn muộn màng. Tôi nắm tay em, nói một câu mà sau đó bản thân mình cũng cảm thấy khó chịu vì chứa đựng sự tế nhị:

- Để anh sắp xếp, rồi trả lời em sau.

Trong đầu óc tôi hẳn lên chương trình làm việc tuần này, tuần sau, tách ra một ngày cũng khó, huống gì cả một đợt dài dài. Đây là chưa kể vừa bước chân đến cơ quan là tới tập nào họp chi ủy, dự kiến đề bạt cán bộ, kế hoạch bồi dưỡng đảng viên mới, phân phối nhà ở v.v... Nhìn lên đồng hồ đã bốn giờ chiều. Tôi vội vàng phóng xe như bay tới nơi trưng bày phòng tranh. Bà giữ xe bảo:

- Đã bế mạc từ lâu rồi. Chưa bao giờ thấy triển lãm tranh lại đông người đến xem như lần này. Họ mua nữa chứ. Toàn khách nước ngoài. Loại rẻ cũng trăm đô. Thôi, chú cứ để xe đó tôi trông giúp, chạy nhanh vào, may ra còn chút hơi hướm.

Trong phòng tranh thấy toàn các cô gái trẻ, có lẽ là học sinh của Kim đang riu rít trò chuyện và đóng gói số tranh vừa dỡ xuống. Nền nhà đầy các loại hoa, khung gỗ, giấy mờ, đinh, vải... các cô gái trẻ cho biết Kim đang đi lấy vé máy bay để chuẩn bị vào thành phố Hồ Chí Minh. Tôi hỏi: “Số tranh này định đưa đi đâu?”. Các cô gái trả lời dăm dẩn: “đóng gói giúp người mua”. “Tôi muốn mua một bức tranh”. “Hết rồi! À còn một bức trong kia kia”. Tôi bước vào góc phòng hơi tối, nơi cô gái chỉ tay. Quả là còn một bức tranh sơn mài khổ 0,9 x 1,3m treo hơi khuất. Nhìn kỹ, bức tranh thể hiện một người lính đang

cầm chùm ớt đỏ chói. Còn tay kia đưa một quả ớt lên miệng. Người lính ngồi trên nền đất bao la với rừng thông, đồi trọc, làng hoang vắng, những con đường thoát ẩn thoát hiện. Tôi nhận ra đó là tôi. Người lính trẻ một thời giữa trận mạc chiến tranh. Những chùm ớt ngọt ngào, hấp dẫn, những ngày trẻ trung quý giá đến tột cùng và bây giờ cay đắng đến tột cùng.

Cô gái lúc nãy vỗ vào vai tôi nói:

- Xin lỗi chú, em nhầm, bức tranh này cũng không bán đâu. Chú ra ngoài giúp, để bọn em đóng cửa. Chiều muộn rồi. Một tháng qua vất vả lắm.

Tôi hỏi:

- Cô Kim tối nay đi đâu?

Vừa gỡ bức tranh, cô gái vừa trả lời:

- Tụi em cũng không rõ lắm. Rất nhiều người mời. Chẳng hiểu cô ấy nhận lời với ai.

Phòng tranh đã đóng cửa. Thành phố lên đèn. Trời chợt mưa lâm thâm. Tôi đứng lặng trước nhà triển lãm tranh, thấy cơ thể nhạt thếch, ớn lạnh, không hiểu do thời tiết hay do sốt rét sắp tái phát. Mưa nặng hạt dần, thấm vào mặt, vào da thịt, người run rẩy. Nhưng tôi không muốn bước đi, muốn đứng đây mãi mãi, tự mình trừng phạt mình, tự mình hành hạ mình... Hình như đường đã vắng, đêm đã khuya... Có ai đó đi bộ trên vỉa hè, ném chiếc áo mưa

vào tôi. Tôi quay lại: Ôi Kim! Tôi chợt òa khóc, người lão đảo. Kim ôm lấy tôi, đỡ lấy tôi, như đỡ lấy những ngày xưa. Mưa vẫn rơi tí tách. Chúng tôi nép mình trong tấm áo mưa, sung sướng như đời không cần gì nữa hết. Không cần của cải, vật chất, nghệ thuật, vị trí... chỉ cần một tấm áo mưa này thôi...

Láng Thương, 2-12-1998



NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Họ và tên: **Nguyễn Khắc Trường**

Ngày tháng năm sinh: 6.7.1946

Quê quán: Bình Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên

Nghề nghiệp: Nhà văn

Địa chỉ hiện nay: Nhà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Đã in riêng một truyện vừa, hai tập truyện ngắn và một tiểu thuyết.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Văn học Hội Nhà văn Việt Nam với tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma*.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Sau giải phóng 1975, những người lính từng qua trận mạc lại bắt đầu bước vào một mặt trận mới: Làm kinh tế, làm giàu cho đất nước. Trên những cánh rừng Tây Nguyên, hàng sư đoàn đi vỡ hoang để trồng cao su, làm thủy lợi và trồng sắn, trồng mía, cấy lúa. Vốn xuất thân từ nông dân, nhưng bây giờ lại làm công việc của cha ông mình vẫn biết bao bỡ ngỡ bởi phương thức canh tác và quan hệ sản xuất đã khác xưa nhiều lắm. Bên cạnh công việc bề bộn của buổi ban đầu, người lính bỗng thấy mình thật rụt rè vụng dại trước một lĩnh vực thật vô cùng xưa cũ: Tình yêu!

CÂU CHUYỆN NGÀY ĐẦU

Cô kỹ sư nông nghiệp mang tên của giống chim làm cảnh, mới nghe đã thấy bé bỏng, như cần một sự che chở: Kim Tước. Ấy thế mà cô vừa làm cho cả hội nghị cán bộ trung đoàn xôn xao lên! Chưa ra khỏi hội trường, cánh trẻ đã hích nhau, thì thầm:

- Ngay râu ra chưa? Cứ tưởng “hoa lá cành” mà hôm nay hắc quá, lý lẽ cứ như kéo cò trung liên!

- Chậ! Trung đoàn trưởng nhà mình lần đầu bị phê ra ngô ra khoai, mà người phê lại là một cô gái trẻ hơ hớ! Khỉ thế!

- Rõ thật ghét của nào trời trao của ấy!

Trung đoàn trưởng Huỳnh vừa uể oải cuộn tấm sơ đồ ruộng đất treo trên tường, vừa bản thân nhìn những đường chì xanh đỏ khoanh từng ô, từng vùng, biểu thị những đồi ngô, đồng lúa của toàn trung đoàn, rành mạch là thế, mà giờ bỗng thấy nó ngừng ngoằng như những sợi chỉ rối.

“... Qua những việc vừa rồi, tôi thấy đồng chí trung đoàn trưởng chưa nắm được kỹ thuật, nhưng lại thiếu lắng nghe ý kiến của kỹ thuật. Đó chính là nguyên nhân để chiếc máy số 2 “rất đa” chưa kỹ, đã mang cày chõ đất khó, nên bây giờ phải bỏ xó vì gãy thanh trục”.

“Đồng chí trung đoàn trưởng còn sử dụng nhân công chưa tính toán tỉ mỉ. Việc phát hoang thêm vừa rồi tôi thấy là chưa hạch toán”.

“Đồng chí trung đoàn trưởng...”

Cứ thế, với cái giọng trang trọng “đồng chí trung đoàn trưởng” nhưng rõ ràng là đã chuẩn bị, cô kỹ sư cứ mềm mỏng xoắn từng nút lạt mây, buộc cứng Huỳnh vào những khuyết điểm, đến người nghe cũng thấy đứ đừ, không còn ý kiến ý cò gì nữa!

“Chà! Sự đời!” Huỳnh chép miệng, cởi khuy áo cho bớt nóng, đi tắt qua bãi cây kơ-nia thẳng song song, về nhà. Ráng chiều đỏ cháy trên dãy Chư-pi-ang. Gió nóng như một con ngựa chứng cau có chạy rông khắp cao nguyên, nó ào ào thốc qua khu rừng le thân tấp vàng như nướng, rồi bất thần hẫng chân đổ xoài xuống cánh đồng “30 tháng 4”, cuộn lên những lớp bụi nâu khô rang như bom đánh. Huỳnh nhìn theo xót ruột. Thế kia thì còn gì là đất màu của người ta nữa! Cuối tháng tư rồi mà vẫn chưa có một hạt mưa. Vùng đất ba dan cứ khô xác ra. Những rừng

khớp trụi trần, tua tủa những cánh tay đen cháy nhúc nhối. Cánh đồng lúa xuân đang xanh mỡ, giờ cằn cỗi lại vì thiếu nước. Ruộng khô đến vỡ đất, đi lọt cả bàn chân.

- Báo cáo anh Huỳnh!

- Kìa, Pháo, chưa về à? - Huỳnh ngừng lên nhìn đại đội trưởng đại đội thí điểm của trung đoàn đang dận chiếc máy hon-đa “vừa đi vừa chữa”, tiếng cứ phập phạch như tiếng máy bơm.

- Báo cáo anh, thế sáng mai chúng tôi có tiếp tục phát hoang nữa không ạ? - Pháo tắt máy, hỏi dè dặt như sợ làm méch lòng trung đoàn trưởng.

Huỳnh lau mồ hôi trên vầng trán, mà nói theo cánh lính trẻ, là đã có “sóng ra-đa luôn luôn phát tín hiệu, báo anh phải nhanh chóng tìm hiểu mục tiêu”.

- Từ mai đến hết tuần, ông gốp một trung đội đi đánh gốc cây những chỗ phát rồi, nhớ nhắc đào hết rễ con đấy nhé.

Vừa dứt lời, Huỳnh đã rẽ về ban tham mưu. Anh thoáng thấy cái bóng áo trắng của cô Kim Tước bên kia vườn bông. Hẳn là cô ta đang thoả mãn lắm. Giờ nhấn nha đi nhặt bông về làm gối, làm chăn; có biết đâu rằng cái người cô vừa gay gấn lên án đang rôi bời về công việc của cả trung đoàn. Có ba cái máy thì hỏng một. Mà nào đã cày được nhiều nhận gì cho cam; vừa được mười luống, chưa đáng cái công người

ta chuyên chở hơn nghìn cây số vào đây, nó đã “kèn” ra ăn vạ! Đến sắt thép cũng phản mình. Ruộng nương đang ngổn ngang ra mà mùa gieo cấy đã đến sát nách rồi. Cô ấy chả phê phán, thì người ta cũng phải chạy để lo công việc cho một nghìn con người ở vùng cao nguyên màu mỡ, nhưng rất khắc nghiệt này.

Bất giác, Huỳnh chợt se lòng nhớ tới một người con gái khác, nhớ đến lá thư của cô em gái anh... Mà thôi, phụ nữ hay sinh ra những sự rắc rối!

*

Nhưng Huỳnh đã nhầm! Và phụ nữ có phải là đầu đề của sự rắc rối hay không thì hẵng gượng cái đã! Có điều Kim Tước không hề thoả mãn với “chiến thắng” của mình. Ra khỏi cuộc họp, cô đi thẳng về phòng riêng. Một nỗi buồn toả lan khắp người, Kim Tước bỗng thấy mình lẻ loi, chẳng còn biết vân vi nguồn cơn cùng ai. Có lẽ mình lên đây sai mất rồi. Cứ ở Ty ngoài kia, rồi thỉnh thoảng đi cơ sở, tới những nơi làm ăn đã nèn nếp thật chẳng khác đi tham quan. Rồi bạn bè, rồi phố xá, chứ đâu có âm u như ở đây... Kim Tước chớp chớp mắt, vùng dậy. Trong người cứ bức bối không yên. Có tiếng gọi léo nhéo của mấy cô nuôi quân ngoài bãi bông. Kim Tước lau mặt đi ra, nhưng không còn hứng thú gỡ bông như mọi hôm nữa. Cô đi tha thẩn bên những cây bông không rõ ai trồng từ bao giờ, lực lưỡng cao vút, với cành lên giữa giờ. Quả sai lúc liu, chính đen. Nắng đốt tróc vỏ, chỉ

còn lại lõi bông mịn màng, xơ bay trắng trong gió như những sợi tuyết.

Kim Tước tựa vào gốc bông nhìn lên ngọn Chupi-ang đang mờ dần trong mây sa. Dưới chân dãy núi là cánh bãi rộng ngút ngát của trung đoàn. Chiếc máy cày vừa “bóc tem” đỏ rực như lửa đang nằm trơ ở đó. Kim Tước khẽ lắc đầu, không muốn nghĩ đến chuyện chiếc máy nữa. Trước cảnh hiu hiu này, sao Tước thấy nhớ ba đến thế. Một người cha luôn sống trẻ trung, coi con cái như bạn bè. Ba tháng trước, Kim Tước đang ở một hợp tác xã ngoài kia, thì Bộ rút một số kỹ sư biệt phái sang quân đội đi làm kinh tế ở Tây Nguyên. Kim Tước viết thư cho ba, một cán bộ đã trở lại bám trụ quê hương Bình Định từ những ngày còn “bóng tối”; và cô đã nhận được sự đồng ý “cả hai tay” cùng những lời rất nồng nhiệt của ba khi nói về những người lính. Nhưng hôm nay thì ba à, con thấy như mình đã làm một việc bóc đồng rồi! Và ba thì đơn giản đó! Sự việc đâu có dễ dãi, vui vẻ như ba nói, như con vẫn ao ước đi xa để thấy nhiều, hiểu nhiều. Nhưng con đã thấy gì? Thấy thật hiếm hoi có được những người mót vào việc nào cũng trôi chảy, mẫu mực. Cho dù trước đây anh đã làm được những việc đáng kính trọng. Nhưng nếu bây giờ trí não anh không chuyển, đôi tai anh không nghe, thì những việc mới mẻ này hỏi rằng sẽ trôi nổi tới đâu?

Kim Tước thở dài quay lại. Sương chiều đã buông xuống mát lạnh. Cô y tá đang véo von gọi cô về

ăn cơm. Bên cánh bãi vừa phát hoang, mấy chiến sĩ đang đốt cây. Nửa nỏ lấp đóp. Khói bay đặng nồng trong gió. Anh ấy vẫn để đơn vị phát hoang tiếp sao? Vẫn cày tiếp sao? Thế nghĩa là sự im lặng của anh ấy trong cuộc họp hôm nay chỉ là vờ vĩnh, thấy chẳng có gì phải bận tâm? Kim Tước lại bần chồn cả người lên. Một cái gì chưa rõ rệt như là sự thách thức theo “môt” của tự ái, của dỗi hờn đang thấp thoáng trong trí cô. Khác với lúc nãy, khi ra khỏi cuộc họp, Kim Tước ngưỡng ngưỡng thấy mình đã gay gắt quá, nhiều lời quá nhưng đến thế mà “họ” vẫn sắt thép chưa chuyển thì thôi rồi! Sức mấy mà theo lao. Từ nay cứ im lặng! Im lặng! Vừa nhàn thân, lại vừa nhẹ đầu! Cho đến khi hết thời gian biệt phái, mình về ngoài kia chẳng có điều tiếng chi hết. Giá sáng hôm qua mình cũng tỉnh táo được thế nhỉ. Rõ thật ôm rơm chỉ nhậm bụng!

Sáng qua, Kim Tước vừa ở dưới đại đội làm thủy lợi về, chợt thấy cả đại đội của Pháo (mà mọi người vẫn gọi là Cao Pháo, vì anh cao lớn, để phân biệt với Pháo lùn trợ lý trên trung đoàn) con trai, con gái dàn hàng ngang, vừa phát le đánh gộc, vừa cười nói um sùm. Thấy lạ, Tước xăm xăm đi tới. Sao lại phát hoang miên man thế này làm gì? Mà lại là đại đội của Cao Pháo, ông “thổ công” ở đất này mà cũng làm ăn ngây thơ đến thế ư? Kế hoạch mùa sau mới phát tới đây cơ mà. Giờ làm gì còn giống. Tước đi thẳng tới chỗ Pháo đang vung con dao quắm loang loáng trong nắng. Đến khi biết đây là lệnh của trung đoàn

trường, thì cô càng thấy sự bốc đồng, gia trưởng của người lãnh đạo.

- Chả nhẽ anh mà cũng đồng ý với cách làm thiếu kế hoạch thế ư, anh Pháo? - Kim Tước ngược cặp mắt to, đen anh ánh nhìn Cao Pháo, giọng cao dần lên - Giống hết, mùa gieo cũng sắp hết, rồi mùa mưa đến, phát hoang để cấy thì chỉ một tuần cây lại mọc như cũ, thế có phải là chạy theo thành tích trên giấy tờ hay không?

Cao Pháo vốn mát tính chỉ cười tuế tóa, khiến Kim Tước cũng chùng hẫng thần kinh:

- Không đến nỗi đâu, đồng chí Kim Tước ạ. Đồng chí có nhớ hôm trước phái đoàn kiểm tra của Quân khu xuống trung đoàn ta chứ? Các cụ nhắc "e" ta chưa đủ diện tích trông trọt, cho nên anh Huỳnh cũng lo, anh ấy đã đề nghị, và sư đoàn đã trả lời gì đâu. Làm nông nghiệp cứ phải tiên trao cháo múc! Trước mắt thiếu gì những việc cần làm.

Cao Pháo vẫn cười hì hì:

- Thì rồi sẽ có tiên trao, có cháo húp chứ lo gì! Cứ từ từ nào đồng chí!

Kim Tước đã phát bản:

- Đến thế mà anh còn đùa được. Hay anh coi việc nông nghiệp chi là đùa?

Cao Pháo bỗng hốt hoảng:

- Ấy chết. Đừng, đừng nghĩ vậy! Ý tôi là...

Cao Pháo còn đang ngắc ngư, thì chiếc máy cày đỏ rực từ đội cơ giới đã phóng ra. Khi biết chiếc máy được lệnh cày chính dải đất còn đang nham nhở này, thì Kim Tước không còn bình tĩnh được nữa. Cô la toáng lên: - Liều! Không nắm được kỹ thuật! Máy mới phải cày từ từ, dễ đến khó, mềm đến cứng, chưa “rót-đa” kỹ mà làm thế này bằng phá máy! Dù không phải là kỹ sư cơ khí, nhưng vốn đã quen kiểu làm “đa-giê-năng”, và ở đây ban kỹ thuật cũng chưa đủ trợ lý, nên Kim Tước vẫn kiên trì nhiều việc. Cô đi thẳng về chiếc nhà mái tôn của ban chỉ huy trung đoàn sáng lấp loé ở mãi bên kia dải đồng. Cao Pháo nhìn theo cái dáng đi hấp tấp của cô kỹ sư mà bụng cũng hoang mang. Bởi anh đã biết về “khoản” tính toán làm ăn và trình độ kỹ thuật, thì Kim Tước thật không phải người yếu mềm. Nói trộm vĩa chứ, cô ta năng nổ, nhưng nhiều lúc cũng hay vắn dây cốt, quan trọng hoá vấn đề! Vì là đại đội thí điểm của trung đoàn, quan hệ nhiều với ban kỹ thuật, nên mình biết. Việc nhà nông vốn đã lăm rêu rìa, lại thêm cái tính toán chi ly riết róng đến không sót một con kiến của phụ nữ kể cũng đáng kiềng! Nhiều khi mình cũng cuống cả lên.

Nhớ ngày Kim Tước mới về trung đoàn, thấy cái dáng cao cao và mái tóc uốn duỗi lò xo ngang vai, nhiều tiếng kháo ý nhị: “Hạt mưa sa đã rơi vào “e” ta

rồi!” Nhưng chẳng bao lâu cánh cán bộ đại đội được làm việc với Kim Tước đã nháy nhau: “Tay nghề “mùi” lắm! Anh nào sai quy trình là bị sửa liền. Hai mươi tám tuổi, đã từng ăn cơm thiên hạ đi xây dựng cơ sở; lại vốn con gái Bình Định cầm roi đi quyền, không lơ mơ được đâu!”

Kim Tước đi thẳng vào phòng của trung đoàn trưởng. Nhưng sự đời đến là éo le! Chính lúc ấy, Huỳnh đang bực bõ về chuyện gia đình, và lại xoay quanh chuyện phụ nữ. Huỳnh đi đi lại lại, bụng hỏi dạ: Chả nhẽ mình sinh ra để hứng chịu sự phản trắc cùng những lời than thở vớ vẩn của “họ” hay sao? Nên khi nghe cái giọng cứng cỏi của Kim Tước, anh vẫn không thay đổi ý định: cày! Kim Tước nhìn vẻ mặt không bình thường của Huỳnh nhưng lại nghĩ: À anh ấy đang nghe với đôi tai của người có quyền đây! Và anh không thích cấp dưới động chạm vào cái quyền ấy. Cô tự ái đến run cả môi, và thấy mình bỗng trông trên quá. Nói thêm hay bỏ đi? Còn đang tiến thoái lưỡng nan, thì anh chiến sĩ lái máy cày mặt còn mon morn lông măng, thất thểu từ ngoài đồng đi về như mất hồn, miệng lắp bắp một lúc lâu mới vỡ nhẽ: chiếc máy đã quay lơ ra vì gãy thành trục! Cả ba cùng đứng lặng. Trong lòng Kim Tước như vừa rơi một cái gì. Bảo thủ! Còn hơn cả những ông nông dân bảo thủ! Ở một hợp tác xã kia, Kim Tước đã phải khổ sở về sự bảo thủ. Nhưng cũng chính ở đây, cô đã chiếm được

lòng tin của bà con, đã trở thành người đồng chí của họ bằng công việc của mình. Còn ở đây, những người ở đây, chả nhẽ cũng lặp lại cái vòng luẩn quẩn ấy? Đào ôi! Sao nghề nông của mình nó đen như quạ thế! Đi đâu cũng khó khăn. Hàng ngày người ta vẫn ăn gạo, ăn ngô đấy, khi cần lại còn nói rất hay về công việc đó nữa, nhưng thực ra người ta coi nó có ra gì!

*

Buổi sáng, sương mù bay phiêu diêu khắp cao nguyên, che mờ cả cánh đồng vỡ hoang nằm dưới dải dọc bờ rừng. Lạnh. Gió trở chiều mang cái rét đến từ đêm. Ở đây bốn mùa gói vào nhau trong một ngày. Huỳnh mặc thêm chiếc áo trấn thủ, buộc chặt giày vải, cầm cây gậy theo thói quen như ở rừng, sải bước. Đêm qua bàn với phó chính uỷ Nhu (hiện chỉ còn hai người ở nhà chính uỷ và trung đoàn phó về Quân khu học nghị quyết 4) hai người chia nhau đi kiểm tra các đại đội một lượt trước khi vào mùa gieo. Huỳnh đã hẹn Pháo đến đại đội cậu ta trước để xem khu ruộng gieo thí điểm sáng nay. Kia, Cao Pháo đã đứng chờ bên ngã ba, đang cười "thả phanh". Chợt Huỳnh bước chậm lại, khi nhận ra cái dáng cao dong dỏng của Kim Tước đang đứng giữa vòng tròn các chiến sĩ gái. Mấy cô vừa vuốt ve chiếc áo len Kim Tước đang mặc, vừa lao nhao hỏi cách đan kiểu mạng nhện thế nào. Chiếc xe đạp xanh bóng của cô, mấy ông tướng đang đu vào đạp lòng vòng như làm xiếc.

- Báo cáo anh, hôm nay tôi chia đại đội làm hai, một ở đây, một ở ruộng thí điểm. - Anh xuống chỗ gieo lúa chứ?

Huỳnh gật đầu, móc bao thuốc. Các tướng nhà giờ chỉ nhờ có vậy, ủa ngay lại. Bao thuốc bốc khói trên những đôi môi nghiện đến đen tái đi. Kim Tước quay lại đỡ chiếc xe, nhìn Huỳnh khẽ chào cho phải phép. Huỳnh cũng khẽ gật đầu, hỏi cho khỏi khiếm nhã:

- Cô Tước hôm nay vẫn xuống chỗ đào kênh đấy chứ?

Kim Tước ngược khuôn mặt trắng hơi xanh hơn thường ngày, cặp mắt con gái thiếu ngủ sáng là lạ, giọng khô khô khác hẳn:

- Dạ, em còn mắc việc dưới đó - Cô quay sang Pháo - Khoảng 9 giờ em mới lại chỗ anh Pháo xem gieo đấy nhé - Rồi Kim Tước lại nhìn xeo xéo qua vai Huỳnh - Hôm qua “xê” sáu có đề nghị gieo ngô, nhưng em thấy đất còn to nhiều rễ cỏ, đề nghị lát nữa anh qua đó cho ý kiến.

Huỳnh không thể biết đấy là sách lược của cô kỹ sư: “Giờ cái gì mình cũng báo cáo, và chẳng sức đâu phân tích dài dòng. Ông ấy thích quyết định thích mệnh lệnh, thì cho được mệnh lệnh luôn thể!”

Huỳnh vẫn gật đầu:

- Cám ơn, tôi sẽ qua.

Cao Pháo nhướn mắt, thềm kêu lên: “Cái gì? Cám ơn! Quỷ thần ơi, thế thì bố làm tiêu ma ý đồ của tôi rồi còn gì! Mà lại cứ nghiêm như ông từ đi vào đền đến kia, cứ ăn vận “ba linh thôn” thế kia, cứ “cô Tước, cô Tước” cứng như sắt ngộc, sao chẳng hạ gam thêm chữ Kim cho lính tráng được nhờ. Người ta đặt tên lót đầu phải để bỏ phí! Căng dây néo với phụ nữ thì có lợi lộc gì! Ông định đi tu chắc!

Cao Pháo thở dài nhìn khuôn mặt rám nắng, trầm tĩnh đến phớt đời của trung đoàn trưởng; rồi lại ngoái theo Kim Tước đang đạp xe vun vút men sườn đồi, chiếc áo len đỏ khuôn lẫn lầy tấm lưng ổng ả, tươi và ám như một đốm lửa đang trôi trong hơi sương, xa dần, mờ dần. Pháo tắc miệng: “Ông chẳng bà chuộc thế này thì đến mùa quít cũng chẳng thành hoa thành quả gì đâu! Không biết ông Huỳnh khôn ngoan ở chỗ nào, chứ riêng “khoản” này thì còn lớ ngớ lắm!”

Cao Pháo bước theo Huỳnh xuống cánh bãi lam nham những tro bụi vừa đốt. Các đại đội vẫn lục tục kéo đến dọn cỏ, cuốc rễ cây. Huỳnh giao việc cho các cán bộ đại đội, rồi cùng Pháo đi xuống khu ruộng thí điểm. Nhìn cái dáng đi lại phăm phăm của Huỳnh, Cao Pháo vẫn chưa hết nghĩ ngợi lan man về trung đoàn trưởng của mình. Vẫn cái dáng dẻo dai kia, nhưng bây giờ anh ấy nén mình lại nhiều quá. Ba năm trước anh khác lắm kia, trẻ trung và sôi nổi, luôn chờ đợi háo hức. Nhiều khi cũng tán ra trò. Pháo

còn nhớ hôm trung đoàn từ trên rừng đánh thốc xuống Đà Nẵng, trung đội trưởng Pháo thay mặt đại đội đi nhận kế hoạch. Trong lúc Pháo đi thì đại đội được lệnh di chuyển, và khi nhận xong kế hoạch thì trời đổ tối. Làm sao về bây giờ? Đơn vị đang ở đâu? Bóng đêm trộn với rừng già. Tiếng máy bay trộn với pháo kích. Pháo đang phân vân dò toạ độ trên bản đồ, thì tham mưu trưởng Huỳnh hội ý với trung đoàn trưởng, rồi quay lại khoác bông lên vai, bảo Pháo: “Đi nào, mình cũng xuống đó, trực tiếp nắm cụm bên ấy”. Thế rồi Pháo chỉ còn biết theo tham mưu trưởng cắt rừng, đạp bóng tối chạy gấn. Thịnh thoảng dừng lại tránh pháo, Huỳnh lại thì thào: “Lần này thì chắc chắn mình được về quê rồi! Phía bắc là Hoà Vang đấy cậu ạ!” Pháo nghe rõ cả sự bồi hồi đang rung lên trong tiếng nói của Huỳnh. Anh đi chính xác như hạt sắt hút về nam châm. Và khi được biết thêm nỗi lòng của tham mưu trưởng, thì Pháo cũng hồi hộp lây với sự chờ đợi kia.

... Hai mươi năm trước, anh du kích Huỳnh mới 18 tuổi, nhưng đã ký thác cả lòng mình cho một cô thôn nữ cùng làng. Gái - bố mẹ hiếm hoi sinh con một cành, nên chỉ gọi nôm na như vậy. Gái mười sáu, phồng phao trong nước da bánh mật thơm thảo. Trước khi đi tập kết, hai gia đình đã sửa cái lễ mọn để tổ tiên và dân làng cho đôi trẻ được thương nhau. Huỳnh đông anh em, nên Gái vẫn ở nhà mình nuôi bố mẹ. Chưa hết một phiên chợ, đôi trẻ đang tập làm

người lớn, thì đã phải xa nhau. Đêm thao thức ấy, nước mắt Gái còn thấm ướt ngực áo của Huỳnh, anh đã phải trở dậy đến nơi tập trung. Trời còn tối đất, Gái xách gói bánh nếp, bước như một cái bóng. Hai người nắm tay nhau băng qua cánh đồng vừa gặt. Châu chấu bay rào rào, hôi mùi cỏ, tấp những đôi càng gai ram rập vào má, rạ khô ám sục mùi nắng lăm rậm dưới chân. Sắp đến bến đò, tiếng người ồn ã. Gái chững lại, giục anh xuống. Nhưng Huỳnh vừa đi được mươi bước, thì tiếng Gái vỡ ra, tắc nghẹn như hoảng hốt: “Anh ơi!” Huỳnh vừa quay lại, Gái đã ào đến, ngã vào lòng anh, run bắn. Hai người mê đi trong tiếng thở ngàn ngạt. Huỳnh rút chiếc khăn tay Gái khâu, lau nước mắt đầm đìa trên đôi má hồng lạnh bạc ra của vợ. Tìm anh thất lại. Có tiếng gọi. Hai người bàng hoàng dìu nhau xuống: “Nín đi Gái ơi. Hai năm anh về mà!” Huỳnh lấp bắp, dỗ dành.

Thế rồi, năm năm... mười năm... Anh bật tin. Những lời khuyên nhủ. Những cặp mắt đen nhìn anh đến nôn nao. Anh băng khuâng bối rối. Về giờ chiếc khăn, anh dần lòng xuống, tự xỉ vả mình. Chiếc khăn thấm nước mắt ấy, anh không giặt, cất kỹ dưới đáy ba lô. Chiến dịch năm 1972, Huỳnh chỉ huy một tiểu đoàn nổ súng ở đèo Hải Vân. Đứng trong màn mây, phóng tầm mắt nhìn những ngọn đèn đuôi mờ chói với phía xa, anh muốn nhảy bỏ xuống. Anh sẽ bơi qua con sông hôm nào, lại đi tắt qua cánh đồng hôm nào, dầm chân vào những vàng đất cày mềm mát rượi.

Nhưng rồi Huỳnh lại phải trở lên rừng. Vừa đi, anh vừa ngoái lại, lòng rung rung tấy bỏng.

Cho đến lần này... Trung đoàn của Huỳnh chỉ lướt qua Đà Nẵng như một cơn mưa vui, rồi truy kích địch đến Nha Trang thì cờ giải phóng đã bay đỏ đường. Hôm gặp Huỳnh chuẩn bị về quê, Cao Pháo thấy tham mưu trưởng của mình trẻ lại đến mười tuổi. Nhưng rồi chưa hết ngày nghỉ đã thấy Huỳnh lên. Gầy đi, sứt lại, trâm lại. Nổi đau đến với anh như một lưỡi dao sắc quá, bập đột ngọt quá, máu không chảy ra mà lặn vào, cào xé gan ruột. Cái con người như áp ủ thương nhớ suốt hai mươi năm kia đã trả công anh bằng sự phản bội! Từ lâu, hấn bỏ ruộng đi buôn, rồi lấy Mỹ, Mỹ cút hấn lại lấy lẽ một thiếu tá ngục trong sân bay Đà Nẵng, và ở hấn trong cư xá xung quanh bùng nhùng dây thép gai, và trả công bà mẹ (ông bố đã mất) bằng một hiệu tạp hoá khá loè loẹt. Từ hôm giải phóng, người ta thấy hấn xanh xanh đỏ đỏ trong những bộ ki-mô-nô mỏng dán vào da, vắt vẻo trên chiếc hon-đa phóng như hoá rồ. Thì ra thằng kia đã tách một mình rồi. Hấn tiếc người hay tiếc của bị cuỗm? Có quý biết! Tối tối người ta lại thấy hấn tô môi kẻ mắt, tha thẩn ở những quán cà phê, quán bia ôm chưa chịu bỏ nghề.

Huỳnh không muốn gặp, và cũng không muốn nghe thêm những chuyện buồn kia. Mặc dù hai gia đình đã tuyệt giao nhau từ lâu, nhưng anh vẫn thấy

mình như có một phần trong vết nơ đó. Nhưng nào đã hết! Sáu tháng sau, Huỳnh đi họp, rẽ qua nhà, càng sững sốt khi được biết vừa tuần trước, con người bị chìm xuống tận đáy cuộc đời kia, đã theo một tên tư sản cùng bọn lâu la vượt biển bằng một chiếc thuyền máy. Khi bị phát giác phải quay lại, Gái đã nhảy xổ vào vừa la thét, vừa cào xé tên chủ mưu. Và hôm sau Gái đã kết thúc quãng đời lỗi lầm của mình bằng độc dược.

Huỳnh lặng đi, xót xa. Lần này thì anh thấy cần đến thăm bà mẹ già đau khổ kia. Vừa thấy Huỳnh, bà quỳ sụp xuống than khóc: “Tại tôi cả, trước đã không giữ được nó cho anh, giờ lại không dạy bảo được con, để đến nông nỗi này”. Huỳnh cầm bàn tay giá lạnh của bà nâng dậy, bỗng thấy buốt cả sống lưng. Lúc ấy anh như sờ nắm được cái hậu quả tàn phá dã man của kẻ thù. Huỳnh về nói chuyện với gia đình nên coi bà mẹ cô đơn kia như hàng xóm láng giềng. Sông có khúc, người có lúc, giờ vẫn khinh ghét nhau tội nghiệp. Mấy cô em gái nguây nguẩy không nghe, nhưng bố Huỳnh thì thấy phải, chẳng nên khoét sâu thêm vết thương làm gì. Vậy mà vừa mới đây, Huỳnh nhận được thư em gái, cô lại ca cẩm về chuyện: “Bà ấy đến nhà ta cứ như xưa nay đôi bên chẳng có chuyện gì hết, lại còn nỉ non hỏi chuyện vợ con của anh, cứ như còn trách nhiệm lắm í! Rằng là...”. Huỳnh đọc đến đâu, nỗi buồn, nỗi bực bực lên đầu đến đấy. Đến là lắm chuyện! Không biết “họ” còn làm khổ mình đến bao giờ? Chả nhẽ mình là cái túi đựng

những lời thở than của đàn bà đầy chắt? Huỳnh đứng dậy đi đi lại lại trong nỗi mặc cảm, chính lúc ấy Kim Tước tắt tưới từ ngoài cánh bãi chạy đến về chuyện máy cày: “Lại cô này nữa! Chỉ rắc rối!” và thế là câu chuyện đã xảy ra như cách nói của Cao Pháo: “Rõ thật cơm đã nhão lại chan thêm canh họ, thế là trời chẳng chịu đất, đất cũng chẳng chịu trời!”

*

Cánh đồng hơn 10 héc-ta ôm vòng theo sông Krông-ba đã cày xong. Những luống đất lượn mình hình rẻ quạt phơi màu tiết lộ rõ xôm xốp. Cao Pháo tinh khôn đã bắc hai cây cọn cổ truyền xoay tít như chong chóng, hút nước tuồn tuồn từ dưới sông lên. Nước đã dập dính khắp mặt đồng. Khoảng ruộng một héc-ta gieo thẳng thí điểm theo phương pháp của Cao Pháo đang bừa lần cuối cùng. Chiếc đầu máy gầm gừ. Hàng răng nhọn quay tít, đất xáo toại, tung rào rào. Một nửa đại đội của Cao Pháo rải trên mặt ruộng để san mặt bằng. Đất đã nhỏ, mềm như bún, ẩm ướt. Cao Pháo ngăn nước lại. Máy bừa bây giờ lại làm nhiệm vụ đánh rạch. Một trục gỗ vuông vắn nhiều răng bịt sắt, khoảng cách những chiếc răng là hàng sông của lúa. Trục gỗ buông sau máy, hàng răng bập xuống đất, vẽ những nếp nhăn trên mặt ruộng. Cao Pháo lom khom đi sau, xòe tay đo độ sâu xem đúng kỹ thuật chưa, đầu gặt gù như con chim chìa vôi, mặt mày tươi rói. Huỳnh lim dim ngắm những đường rạch

thẳng như khuôn nhạc, thăm hài lòng về người đại đội trưởng của mình. Lần này mà cách gieo thẳng không giữ nước của hắn thành công, thì thật là một bằng chứng sinh động về kinh nghiệm thực tiễn. Theo lý thuyết của kỹ thuật thì dù gieo thẳng, ruộng cũng vẫn phải giữ nước. Cao Pháo thì ngược lại, phải tháo khô kiệt, chỉ cần có độ ẩm. Pháo nói chắc như đinh đóng cột rằng ở đây mà giữ nước như ngoài kia thì lúa chỉ có vàng lụi, còi cọc. Hỏi tại sao, thì cu cậu nhăn răng ra cười: “Tôi đây! Nhưng tôi xin lấy đầu ra mà cam đoan! Suốt hai năm 1973 - 1974, bộ đội Tây Nguyên phải tự cung cấp lương thực một phần lớn đã có kinh nghiệm đó. Đất ở đây lạ lắm, yêu ghét còn dứt khoát hơn cả lòng người. (cái thẳng!). Làm đúng bụng nó thì thóc đổ đi không hết, còn sai thì chỉ có tay gậy, vai bị tìm đường mà tẩu!”

Huỳnh không dám quyết đoán. Bây giờ anh mới đến Tây Nguyên, nên phải gieo thử một ít để đo lòng dạ cát xem sao. Còn cô kỹ sư thì khỏi nói về sự nghi ngờ rồi! Kia, cô ấy đã đến. Huỳnh xắn quần đi về đầu ruộng bên kia.

Kim Tước dựng xe trên đường, nhanh nhẹn bước xuống. Chiếc quần “phăng” tím than còn rõ nếp gấp đã lấm chấm vết bùn. Kim Tước nhìn ruộng, rồi nhìn trời, rồi lại nhìn ruộng. Cao Pháo vẫn gật gù bước sau đầu máy, hài lòng ngắm hàng răng sắt đang rạch đất nhỏ to, quay lại hỏi to:

- Đất thế này chứ, đồng chí kỹ sư? - Trong bụng thì muốn nói thêm “Còn phần nước nôi thì cứ yên trí, rồi xem!”

Kim Tước không trả lời, bước phân vân bên lề ruộng. Miệng cắn cắn mấy sợi tóc, cặp mày dài khề nhú lại. Nên nói hay không? Đánh rạch thế này sai kỹ thuật rồi! Giờ mình không nói cũng chẳng ai biết và chẳng trách được mình! Vì đây không phải gieo theo phương pháp của kỹ thuật, hơn nữa lại được trung đoàn theo dõi “chứng thực” rồi! Cao Pháo chợt nhận ra cái vẻ là lạ ở cô kỹ sư. Thì ra anh chàng cũng tinh đáo để chứ không phải quá vô tâm như người ta vẫn tưởng.

- Thế nào đồng chí Kim Tước? Sao không cho anh em vài đường cơ bản?

Kim Tước bỗng lúng túng trước cặp mắt nhìn thẳng thắn và lời nói đùa đùa theo thói quen nhưng rất thật thà của người cán bộ trẻ, thế là cái tính bộc trực năng nổ sẵn có, Kim Tước không dẫn đó được nữa! Không còn “cứ im lặng! Im lặng!” như “phương án” của cô nữa. Giọng Kim Tước nhỏ nhẹ khác hẳn:

- Anh đánh rạch sai rồi, anh Pháo ạ! Khoan đã, không phải sai kỹ thuật, mà sai hướng. Phải hướng đông-tây để lúa đón ánh sáng được nhiều nhất, và lại gieo không để nước đọng của anh lại càng cần nhiều ánh sáng. Đây anh đánh hướng tây-nam rồi. Vấn đề

gieo ả hay gieo nước đầu tốt, thì thực tế sẽ trả lời! Nhưng riêng ánh sáng thì gieo cách chi cũng vẫn cần.

Cao Pháo đang tự đắc, bỗng nhớ ra, nhìn vàng mặt trời tươi rói như lòng đỏ trứng gà đang bò lên bên kia rừng, rồi lại nhìn về tự tin của Kim Tước, bỗng thấy cô kỹ sư cũng chói chang quá! Nhưng Cao Pháo vốn là người yêu mến hoà bình. Với lại đang có trung đoàn trưởng ở đây, và của đáng tội, nghe cũng có lý nữa! Một người lo bằng kho người làm là vậy. Chung quy cũng chỉ tại cái kiến thức của mình nó lem nhem quá! Cao Pháo gãi gáy ra bộ nhăn nhó:

- Khuyết điểm tại kỹ sư đây nhá! Sao không nhắc tôi từ trước? Tôi đồng ý sửa lại. Giá chậm tý nữa gieo xong thì đến mất cả chì lẫn chài! Còn may!

Lại đến lượt Kim Tước ngạc nhiên. Không ngờ Cao Pháo lại chấp thuận vui vẻ và tự chủ đến thế. Thấy hay thì học, thấy đúng thì làm, không chống chế bao biện gì hết. Thật thoải mái và đơn giản. Ấy thế mà cô đã phải chuẩn bị sẵn nếu Cao Pháo không nghe thì cũng rút lui ý kiến luôn, không tranh luận dài dòng. Kim Tước bỗng ngỡ ngàng nhìn thấy mình thật cả nghĩ, tý nữa thì đi đến hữu khuynh, giấu giếm kỹ thuật, tự mình làm tâm thường chính mình.

Kim Tước lẳng lặng quay đi. Nhìn nét mặt cô gái thay đổi rất lạ lùng, Cao Pháo phà khói thuốc, gật gật đầu: “Đến thánh cũng chẳng hiểu tâm tính các bà thế nào!”

Huỳnh quay lại lấy cây gậy để đi sang đại đội khác. Pháo nói ý kiến của Kim Tước. Huỳnh nhíu nhíu trán nghe, rồi hơi xẵng giọng: “Tại sao đến bây giờ cô mới nói? Thế có phải lãng phí công sức không?” Pháo vẫn vui vẻ: “Tôi đã phê bình rồi! Với lại đây là làm ngoài sách vở, không thuộc quyền chỉ đạo của cô ấy”. Huỳnh tán thành. Nhưng lại có cảm giác hình như cô ấy cố ý để đến lúc có mặt mình ở đây mới đến sửa sai sót.

Cao Pháo vẫn là người nhẹ nhõm hơn cả. Anh nhảy lên đầu máy bảo người lái đổi hướng, rồi cao giọng nói với Huỳnh và Kim Tước:

- Trưa nay đồng chí Kim Tước ở lại dự bữa cơm nhạt làm lễ xuống đồng với chúng tôi nhé. Yên trí, đêm qua tôi đã vào rừng “vay” một con nai rồi, không phải cháo khi nấu thoải loại cả chân tay như hôm trước đâu! Chả mấy khi có cả trung đoàn trưởng và chuyên gia kỹ thuật xuống chỉ đạo.

Huỳnh khẽ lườm Pháo. Mồm cứ như kẹo kéo, chuyển hướng đến nhanh. Đã mấy lần nghe Cao Pháo nói úp mở, nhưng Huỳnh đứng đưng, chỉ thấy chua chát. Anh đi tiếp sang cánh đồng đang làm cỏ lúa. Được một vòng, Huỳnh bỗng bắn khoản về điều vừa phát hiện. Không phải chuyện đất cát, mà lại là công việc của chính anh: tổ chức. Bộ độ làm việc rời rạc quá. Cánh đồng làm cỏ lôm đôm mỗi đại đội một góc.

Nơi làm kỹ, nơi làm đôi. Nơi tận dụng thời gian, nơi giải lao tùm lum. Ngay mảnh ruộng thí điểm của đại đội Cao Pháo nhận gieo đây, khi đánh rạch cong lại ngòl nghỉ vì bộ phận kỹ thuật của trung đoàn chưa mang giống ra. Rồi chỗ phát le, đánh gốc cũng xộc xệch như vậy. Xấu, tốt “hằm bà làng” như nhau cả. Không ổn rồi. Trung đoàn ôm đồm nhiều quá. Cứ ngỡ thế là chỉ huy tập trung, quản lý chặt chẽ, nhưng chẻ hoe ra là không phát huy được sức mạnh và tính chủ động của bộ đôi. Phải cải tổ lại sao đây? Công việc mới mẻ quá. Tưởng chuyện cày cuốc đơn giản, mà lại hoá phức tạp. Ngay trên sư đoàn cũng chỉ nhắc các “e” vừa làm, vừa kịp thời rút kinh nghiệm để đúc kết cho mùa sau.

Huỳnh trở lại chỗ Cao Pháo đang gieo mọng. Các cô gái dé chân bước lom khom cạnh đường rạch, tay vung vẩy rắc những hạt mầm trắng như giá đỗ. Huỳnh vẫy Pháo lại nói những việc cần làm buổi chiều. Pháo lắng nghe một cách vui vẻ, nhưng khi thấy Huỳnh cầm chiếc áo trấn thủ vất lên vai, thì Pháo bỗng nhăn nhó thực sự:

- Báo cáo anh, thế trưa nay...

Nhưng Huỳnh đã bước lên đường rồi.

*

Khuya, Huỳnh và phó chính uỷ Nhu vừa uống trà, vừa bàn công việc. Huỳnh ngòl xếp bằng trên

phản, tay đặt trên bắp đùi rung tí, tiếng nói mỗi lúc một cao dần:

- Chờ vài hôm nữa các anh đi họp về, ta bàn lại khâu quản lý nhân công, chứ để thế này chưa ổn ông ạ. Ta còn làm theo lối ồ ạt, thành thử người lười, người siêng cũng đổ đồng nhau cả. Không có sáng kiến mà cũng không năng suất. Còn công việc tuần này, tôi thấy cần thay đổi một chút, ông nghe coi. Thứ nhất...

Nhu nhấp từng ngụm nước đặc sánh, ngược cặp mắt rất đẹp nhìn những đường nét gân guốc trên mặt sạm đen của Huỳnh bên ánh đèn dầu, lắng nghe. Vốn còn trẻ, lại chiến đấu chưa nhiều, nên đứng cạnh Huỳnh, Nhu luôn tự thấy mình chưa lịch lãm, từng trải bằng người đồng chí mà ngay cuộc đời tư của anh cũng đáng được vì nề. Thành thử hai người, mà chỉ có một người uống, một người nói. Mãi khi bàn tới việc cấy lúa nương, Nhu mới hỏi:

- Thế còn chỗ vừa phát hoang, anh tính sẽ làm gì? Sáng nay tôi đã điện hỏi trên sư đoàn nhưng, vẫn chưa dứt khoát về chuyện giống má.

Huỳnh vẫn thản nhiên:

- Vẫn tiếp tục làm chín đất. Không có chuyện bỏ lãng phí như một vài người đã vội nghĩ. Minh trừ liệu rồi, sẽ đi liên hệ với địa phương mua một ít giống lúa muộn để gieo. Cầm bằng không có thì ta trồng sắn. Kiểm hòm ở đây cũng không đến nỗi khó lắm.

Nhu rụt rè:

- Nhưng có đảm bảo thời vụ không anh? Theo như kỹ thuật thì tháng sau trồng sản hơi muộn. Tôi lo trái mùa.

Huỳnh phác một cử chỉ giễu cợt:

- Ôi dào! Cứ cứng nhắc thì chỉ ngồi im không làm gì cả. Phải mạnh tay ông ạ! Đất đai ở đây động lắm chứ không tĩnh đâu. Gieo thẳng không cần nước của Cao Pháo là một cách làm theo đất, và tôi nghĩ chắc đúng. Cô Trước hay do dự, hay bàn vòng vo là vì kiến thức của cô ấy đơn thuần, kinh viện. Rồi ông xem, ta sẽ lại có những trận đánh thắng ngoài dự kiến! Tôi nghĩ làm ruộng cũng cần phải có cái gan như khi đánh giặc ông ạ! Trước đánh thắng giặc đến cướp đất, thì bây giờ, ở đây, ta đang thăm dò để đánh giặc đói. Dù là thăm dò nhưng cũng phải cương quyết mạnh tay.

Nhu nhìn ánh mắt của Huỳnh ngồi lên bên ánh đèn, đến mức thấy thật là không phải nếu mình còn bàn ra bàn vào, bởi thế kia tức là Huỳnh đã nghĩ chín lắm rồi.

Hai người còn đang rủ rì thì ngoài trời bỗng ầm ù nổi gió. Những ống tre ở hồi nhà kêu ù oà, rồi rít lên vu vu như sáo diều. Huỳnh sập cửa, lách ra nhìn bầu trời đen vần vũ. Lạnh như vẩy nước. Phía núi Chur-pi-ang ai vẫn đang đốt hoang. Một dải lửa mềm uốn

éo thắt ngang lưng chừng đời, thắt ngang lưng chừng trời, chói lọi như chiếc vòng vàng. Gió mỗi lúc một ùng ùng, ném từng khối lạnh vun vút, trơn tuột qua mái tôn. Chớp lằng nhằng. Sấm khàn khàn, rè đặc bị nuốt chửng giữa cao nguyên mênh mông.

“Mưa thì gay go, úng mắt. Nán lại một chút xíu, ông trời”. Huỳnh lẩm bẩm, lo lắng về số lúa mới gieo. Chỗ ấy lại thấp sần. Huỳnh quay vào bàn với Nhu rồi gọi điện thoại xuống đại đội thí điểm. Cao Pháo lấy làm ngạc nhiên, khi nghe trung đoàn trưởng nói đại đội của anh đảm nhiệm khu ruộng thí điểm, đến khi lúc lên cứng cây mới giao cho trung đoàn. Nhưng Pháo, không phản ứng. Xay thóc thì thôi ẵm em chứ lo gì. Tiếng Pháo rè rè như ngấm lạnh, vẫn tếu như thường.

- Kế hoạch của các cụ thể có ngày chết lính đấy! Cứ thay đổi như chong chóng thì đến vắt chân lên cổ cũng không kịp! - Và cuối cùng anh chàng lấu cá vẫn có cách lấy “lãi” rất hợp lý - Vâng, chúng tôi đảm nhiệm cũng được thôi, nhưng nếu có vấn đề gì trung đoàn chi viện thêm nhân công phải không ạ?

Huỳnh thở phào. Có những cánh tay cứng như thép thật yên tâm. Nhưng rõ ràng là phải cải tiến lại khâu kế hoạch, chứ mối quan hệ giữa trung đoàn và các đại đội hiện nay chưa ổn, còn rối quá.

Huỳnh lại quay ra nhìn trời. Vẫn chỉ có sấm chớp khan. Đã khuya, cao nguyên rùng mình trong

những cơn gió lạnh, hoang vắng đến xa xôi như trong chuyện thần thoại. Huỳnh lên giường, trùm chăn, ngủ mơ màng trong tiếng choang choang vụt tới tấp trên mái tôn. Cái gì thế? Phun-rô? Huỳnh tung chăn, đang định vợ lấy súng, thì tiếng Nhu bên kia như reo:

- Mưa đá rồi!

Đúng là mưa đá! Huỳnh châm đèn, người cứ rung lên trong những tiếng ném xoang xoảng từ trên cao xuống. Mái tôn kêu pheng pheng. Tiếng lụp bụp ran trên mặt đất. Chốc chốc chớp loè đỏ, sét giáng xuống oành oành như bom. Chà, đúng là mưa Tây Nguyên! Huỳnh khoác áo bông, đến quay máy. Nhưng đường dây đã bị đứt. Ngoài trời mưa đá cũng yếu dần, nhường cho mưa nước. Rào rào, sầm sập. Thỉnh thoảng tiếng nước như bị hút chân bởi những luồng gió xoáy hút mưa vào mình từ trên cao, rồi tung ra xa. Huỳnh lại lên giường nằm nghe ngóng, nhưng trong bụng nôn nao. Anh thật sự lo lắng cho số lúa thí điểm kia, bởi đó là điều khẳng định cho toàn trung đoàn gieo theo cách nào. Như người lính trinh sát đi thăm dò cứ điểm địch; cái sai, cái đúng của bước chuẩn bị có tính chất quyết định cho sự thành bại của toàn trận đánh.

Vừa dứt cơn, Huỳnh choàng dậy ra sân. Lớn nhón những viên đá to chưa tan hết, trắng lạnh như thủy tinh. Rặng chuỗi xơ tướp, tàu gãy lủng lảng vì đá quất. Bỗng anh giụi mắt nhìn về phía sông Krông-

ba. Chấp chới ánh lửa, ánh đèn pin đi xuống thung lũng. Thôi đứng đại đội Cao Pháo rồi! Hấn đang đốt đuốc chống úng. Huỳnh nhìn đồng hồ: bốn rưỡi sáng. Anh dặn Nhu vài câu, rồi khoác áo mưa bước ra.

- Gọi liên lạc cùng đi anh Huỳnh - Nhu gọi với, nhưng Huỳnh đã ra đến ngõ.

Vừa tới ngang đường, chợt nghe tiếng Cao Pháo cười khơ khớ phía trước, rồi chỉ chừng mười người vác cuốc đi lại và Huỳnh nhẹ hấn người khi nghe Pháo giải thích:

- Tôi quên không nói trước, làm thủ trường vất vả quá. Đất này không lo úng. Đấy anh xem, mưa thế mà có lầy bùn đâu. Vì gieo cách này tránh để đất nhão, nên chúng tôi ra khơi mương cho nước rút nhanh thôi, chứ ở đây không sợ thối mọng. Bây giờ mới thấy cách đánh rạch theo hướng đông - tây của “bà” Tước thật là đặc sách! Chỉ mai là nắng hong khô đất, rất đúng một thời trang!

Nghe tiếng hứ hé phía sau, Huỳnh quay lại, khê giật mình khi nhận ra Kim Tước đang cùng cô trung đội phó của đại đội Pháo đi tới. Đến khi biết tối qua Kim Tước ngủ ở dưới này, thì Huỳnh thăm phục anh chàng Pháo thế mà “cưa kéo” vào loại có thể chứ bỡn.

Nể lời Pháo nài nỉ, Huỳnh cùng rẽ vào đại đội. Đi qua nhà bếp đang đỏ ngùn than lửa, Pháo khê nháy với mấy cậu anh nuôi, tức thì mọi người vừa ngồi vào bàn, anh nuôi đã lễ mễ bưng một xoong bốc

khói nghi ngút. Pháo bày trước mặt mỗi người một chiếc đĩa nhựa to, nở nụ cười của ông chủ nhà:

- Trưa hôm qua chúng tôi chuẩn bị rất chu đáo, nhưng lại đón hụt khách quý. Anh Huỳnh đi, rồi đồng chí Kim Tước cũng sang C5 xem gieo ngô không trở lại. Chiều tối hôm qua, bộ phận nữ của chúng tôi phải đón đường “bắt cóc” mới được kỹ sư quá bộ, rồi tối lại dạy hát cho đơn vị. Khi mưa cũng dậy đi cứu lúa với anh em. Chuyên gia mà hết lòng như vậy, thật không dễ kiếm đâu thủ trường Huỳnh ạ!

Huỳnh chột dạ. Thằng cha khật khưỡng này sắp đưa mình vào tròng đây! Nhưng đồng thời cũng có một tiếng khác thầm thì trong lòng anh: “Thế mà lúc nãy mình đã vội nghĩ... Công bằng mà nói, cô ấy là người có lương tâm với nghề nghiệp, cũng muốn tìm xem cây lúa ở đất này có những bí mật gì”.

Huỳnh xoa chiếc cằm ram ráp những râu, ngược nhìn khuôn mặt linh hoạt của Pháo, nhưng nụ cười mủm mỉm tươi một cách rất lạ, rất khó hiểu của Kim Tước ngồi chênh chếch bên kia cứ lẩn vẩn một bên mắt của anh.

- Ông đã ngấm hơi men chưa đấy?

Cao Pháo gấp những miếng thịt nai to bằng nắm tay ninh dừ trong nồi cháo đặt vào các đĩa. Khói toả mờ mặt bàn. Hàm răng trắng bóng của Pháo cứ thấp thoáng sau lớp khói thơm nức:

- Về khoản này thì hẳn thủ trưởng đã hiểu lính

- Rồi đẩy những chén rượu dùng đục mua trong
buôn vào từng người. Mùi cay cay chua chua sực lên
- Cổ nhân dạy: Rượu sáng trà trưa. Mà uống rượu vào
những buổi sáng như thế này thì thấy cuộc đời thật
lắm cái ý nghĩa!

Kim Tước ngăn tay Pháo:

- Cho em xin bát cháo thôi, còn tất cả những thứ
này xin chịu.

Huỳnh cũng đổi lấy chén nhỏ hơn. Không thể
đánh đũa với tay sâu rượu này được! Nhiều người đã
gọi Pháo là Cao bia, Cao rượu. Vì hẳn uống như sáo
tắm và cảm có say. Ngày vào tiếp quản các căn cứ
địch, Pháo thờ ơ với mọi thứ của cải, nhưng đến đâu
chỉ nhoáng cái là anh chàng đã khai được kho chất
cay, chỉ tuần sau hẳn đã béo đở ra vì rượu. Trung
đoàn đã nhắc nhẹ, nên bây giờ thỉnh thoảng có gì vui,
Cao Pháo mới chạm chén gọi là.

- Hôm nay anh Huỳnh và đồng chí Kim Tước
hãy uống mừng với tôi có chuyện vui. Chiều qua vừa
nhận được thư người yêu, trong đó có cả thư của đứa
em kể về bố tôi - Pháo chiêu một ngụm, chép dài, để
cho mọi người sốt ruột, mới nói tiếp - chả là mấy
tháng trước về phép, tôi có quen một cô gái dạy ở xã.
Cô đã một lần lấy chồng. Cưới nhau đúng ba hôm thì
anh ấy đi chiến dịch, rồi hy sinh. Đến nay đã bốn

năm, mà nhiều lúc cô ấy vẫn bàng hoàng không hiểu sao mình đã có một đời chồng! Bởi nó đến và nó đi nhanh quá. Vụt một cái, cứ như vừa qua một giấc mơ dữ vậy thôi. Hôm mới gặp, tôi đã phải chú ý ngay sao có cô gái trẻ và xinh thế kia mà nét mặt đã có cái gì âm thầm, cam chịu, tội tội thế nào. Nói cười cứ ngập ngừng, thảng thốt như nhớ như quên. Thương quá, tôi yêu. Ông bố tôi gầm lên. Bố tôi yêu con lạ lắm. Ngày ở nhà, có lần thanh niên chúng tôi diễn một vở kịch cương. Tôi đóng vai con bò, mình quàng chiếc khăn vàng màu cơm cháy, đầu đội chiếc gầu dai vẽ vôi nghệch ngoạc, đứng đỉnh “ò...ò...” bước qua sân khấu. Vậy mà lúc về, bố tôi vác gậy đuổi thẳng! Hàng năm sau ông vẫn còn nhiech! Mà cũng phải gió cái nhà ông viết kịch, sao lại phải đưa cả con bò lên sân khấu làm gì!

Kim Tước và cô trung đội phó ôm nhau cười ré lên. Còn Huỳnh thì nhủ thầm: “Hoá ra mình vẫn chưa hiểu hết con người cứ tưởng là bông phèng này!”

Pháo rót thêm rượu, mắt càng sáng:

- Vì thế lần này bố tôi không chịu. Dân làng xô xao. Làng tôi còn khổ lắm. Nhiều cặp mắt nhìn đến phát bực. Tôi bỗng phân vân, đắn đo. Cô ấy khóc, bảo tôi: “Thôi, anh đừng thương hại em nữa. em sẽ tự lo được cho phận em”. Tôi buồn rữ xuống, và lúc ấy tôi bỗng sững sờ: thì ra mình vẫn chưa giải phóng được

cho chính lòng mình! Còn nói chi giải phóng cho những người khác! Tình yêu không dung sự thương hại. Tôi nghiệm ra, cứ mỗi lần cuộc đời có sự biến, dù là biến động ở dạng nào đi nữa, cũng là một dịp cho ta thăm dò, tìm hiểu chính ta. Có phải thế không anh? Ấy chết, cả nhà ăn đi chứ, tôi đói quá.

Câu chuyện của Pháo làm mọi người lắng lại một lát. Hai vành tai trắng như cái nõ sen của Kim Tước bỗng nóng lên rần rần. Miếng cháo béo ngọt trong miệng cô như nhạt đi. Có một cái gì rất lạ lẫm vừa loáng thoáng xuất hiện trong lòng cô gái như một sự hờn mát. Một tiếng thốt lên rất nhỏ từ tâm khảm cô: “Thì ra thế! Người ta được êm ấm, nên lúc nào cũng đùa cũng nhạo được”. Nhưng Kim Tước vốn là người làm chủ được mình, cô đặt chiếc thìa ngang bát, mặt bỗng đỏ hồng lên, nhìn quanh, lái câu chuyện một cách rần rỏi:

- Thế theo anh Pháo, từ ngày anh chuyển sang công việc này, anh thấy thế nào?

Cao Pháo ngơ ngác, điệu bộ như con bò lên sân khấu năm nào:

- Thế nào là thế nào?

- Nghĩa là anh thấy khó khăn hay dễ? Nghĩa là... làm ăn lớn như các anh vẫn nói ý mà. Vì đây cũng là một dịp tìm hiểu bản thân như anh nói đấy.

Pháo nháy một bên mắt ranh mãnh, quay sang:

- Thế thì phải hỏi trung đoàn trưởng chứ, sao lại tôi?

Kim Tước vẫn tiến công một cách mát mẻ:

- Vì em thấy anh có vẻ thích thú với cái cọn nước lấm. Đã đành chưa có máy thì phải khắc phục. Nhưng hai cái cọn em nghĩ chưa phải là làm ăn lớn. Mỗi đại đội đào một cái ao thả cá, nuôi gà, nuôi lợn riêng, chưa phải là làm ăn lớn. Em đã đi xây dựng địa bàn cấp huyện rồi, thấy người ta quy hoạch, phân vùng cụ thể lấm. Thí dụ...

Huỳnh bị đột ngột quá đổi. Anh đã biết cô ấy muốn nói gì rồi. Còn Cao Pháo thì giơ cả nắm tay như cái nòng pháo lên trời:

- Ấy ấy! Lại một lần nữa tôi chủ quan không chịu tìm hiểu chính tôi rồi! Công việc ở đây đâu phải chỉ có tìm hiểu lòng đất, mà còn tìm hiểu cả lòng người! Anh sẽ làm được những gì ở đây? Mình hay thoả mãn với mình quá! Nhưng mà này, sao hôm nay đồng chí mới nói? Hay vẫn coi mình là khách, chưa phải là người của trung đoàn, hở? Hở?

*

“Thế là công việc chính mình của mình đã bắt đầu rồi!” - Kim Tước thâm nhủ từ lúc ra khỏi cuộc họp đến giờ, lòng bỗng bồi hồi như năm nào đi thực tập để

làm đề án tốt nghiệp. Lần trước cô làm bài thì mới là lo cho riêng mình; còn lần này cô góp sức mang cái no cái ấm cho nhiều người, góp trí thức để tìm hiểu tính nét một vùng đất hoang vu. Kết quả ra sao đây? Lần này thì mình phải chịu trách nhiệm 15 héc-ta lúa nước trước một nghìn con người. Cái được, cái mất giờ thật hệ trọng. Nó là tiền đề cho những mùa sau, là niềm tin hay nỗi thất vọng của mọi người với mình. Câu nói của trung đoàn trưởng Huỳnh lúc nãy lại văng vẳng lên: "... Vậy công việc ngày mai: đồng chí Tước chỉ đạo về kỹ thuật. Từ làm đất, giữ nước thế nào, đến cấy to hay nhỏ, dày hay thưa... Phải phổ biến kỹ cho bộ đội. Chiều nay đã nhỏ mạ rồi. Trong tuần này, toàn trung đoàn tập trung cấy dứt điểm lúa nước".

Đơn giản là thế, mà cũng khó khăn là thế.

- Chị Tước có giặt bây giờ không? - Tiếng Thu, cô kỹ sư thuỷ lợi mới về, hỏi lạnh lạnh từ bên phòng tắm. Tiếng nước xối, tiếng xít xoa: - Ban ngày nóng đến chảy mồ, thế mà bây giờ đã lạnh lạnh là.

Kim Tước vừa buộc lại tóc, vừa ngó ra nhìn trời sáng sao lờ mờ, gió mỗi lúc một lạnh, da se lại, nghĩ nhúng nước mà ngại.

- Thôi mai chị giặt sớm Thu à. Chín rưỡi rồi, đi ngủ thôi.

Lát sau, Thứ lật chăn, rúc cái tấm thân thanh mảnh, mềm mại, thơm sực, ôm vòng lấy Kim Tước,

miệng rên khe khẽ thích thú. Trung đoàn vừa được đón thêm hai cô gái nữa: một bác sĩ quân y và một kỹ sư thủy lợi. Hai người khác nhau như nước với lửa. Cô bác sĩ mà theo sự “điều tra” của mấy cậu hắc lao đã bị cô đe nẹt ngay từ lúc đầu đến xin thuốc rằng: “Từ nay phải cấm tắm suối và phơi quần áo ngoài sương”, thì cô đã có mười tuổi quân và ba mươi cái lá vàng rơi trên mái tóc. Còn trưởng ban hành chính thì than vụng rưng, sao cấp trên không cho nam giới, mà lại đưa những bà ở tuổi “tu tại gia” về để vừa hôm trước hôm sau, cô đã đề nghị anh phải nhanh chóng làm thêm bàn ăn, đào thêm giếng. Cái dáng to béo đến vuông vắn của cô bác sĩ cứ thấp thoáng chỗ này, chỗ kia, tiếng vang vang vui như cơn mưa ngày hạ. Còn Thư, cô sinh viên thủy lợi vừa tốt nghiệp, được biệt phái ngay vào đây thì nhút nhát và óng ả như một khúc quan họ ở quê cô. Thư và Kim Tước ghép phần ngũ chung. Tối nào hai chị em cũng rì rầm, ngắm nghía nhau đến khuya. Nhưng tối nay thì khác, lắng lại và chờ đợi. Cuộc họp của ban chỉ huy trung đoàn và các cán bộ kỹ thuật vừa rồi chỉ bàn việc cho chiến dịch gieo trồng. Sau mấy trận mưa đã có nước, công việc trước mắt của trung đoàn là gieo, cấy lúa. Về gieo thẳng, đến hôm nay đã khẳng định phương pháp của Cao Pháo là đúng. Lúa đang lên, đều tăm tắp, mầm non sáng mát xanh cả một dải đồng. Lá mập, khỏe như lá tỏi. Còn cấy lúa nước thì sao? cũng nông nghiệp 8, nhưng có giống như phương pháp cổ truyền ngoài

kia không? Xin thưa khác hẳn! Kim Tước đứng lên trình bày nửa tiếng đồng hồ về đặc điểm cây lúa nước ở đây. Nghe giọng nói rành rẽ, chắc chắn như những lời cam đoan của bậc “liền chị”, Thu vừa mừng, vừa lo ngại. Chị ấy vững nghiệp vụ quá, nhưng cây không theo sách như thế đã đảm bảo chắc chắn chưa? Đây là vùng đất mới, đang thí nghiệm, tìm hiểu mà. Nhỡ sai một cái thì... 15 héc-ta chứ bốn đâu. Lại là cánh đồng lúa nước duy nhất của trung đoàn.

Biết đầu óc Kim Tước vẫn chưa dứt ra khỏi công việc, Thu xoay lại cọ mái tóc mát mịn vào cằm Kim Tước, giọng khẽ khàng:

- Cây như thế ăn chắc chứ, chị?

Kim Tước kéo chăn lên ngang ngực, thì thầm vẻ suy nghĩ:

- Ừ, chị tin Thu à. Hôm trước lên sư trao đổi kinh nghiệm, lúc về chị lại rẽ xuống xem mẫu đất cánh đồng trung đoàn mình, thì dám chắc rồi.

Nghe tiếng “trung đoàn mình”, Thu chợt cười khúc khích. Còn Kim Tước thì lại thầm nhủ: “Đến đây đã bốn tháng trời, nhưng sáng mai mới là công việc chính của mình”, và cô tin vào cách thức làm ăn này. Mảnh đất ở đây như những trang sách mới, bổ sung cho kiến thức của cô.

Thì ra từ gieo, đến cây lúa đất này, không cần nhiều nước là bởi những rẽ cây độc, rẽ cỏ, củi mục

ngắm trong đất từ thời hoang sơ đến giờ, khi ngắm nước chúng sẽ rửa mùn tiết ra một loại vi khuẩn độc, biến nước ngọt thành nước đắng, nước chát, lúa không chịu nổi, như đũa trẻ bú phải thứ sữa chua, sữa hoi. Bởi thế, gieo thẳng ở đây chỉ cần đủ độ ẩm, lúa nước chỉ cần đủ độ nhão. Nhưng làm thế nào để khi tháo nước đi, đất vẫn giữ được độ nhão lâu? Đó là câu hỏi của nhiều người trong cuộc họp chờ đợi ở Kim Tước. Nan giải và lý thú đây! Nhưng mình đã có cách rồi! Dù sao đi nữa thì đất ở đây cũng không thể bí mật với con người mãi được. Đã đến lúc nó chịu mở cửa rồi! Đã đến lúc vùng đất hoang dại này thay da đổi thịt, bước sang một tuổi mới... Ô, lại mưa đấy. Em bảo gì hả Thư? Anh ấy tìm chị làm gì? Kim Tước ngủ mơ màng, nói với Thư tiếng đã khê khê. Ngoài trời mưa đang rơi rơi, êm êm như sàng gạo, phụ họa thêm cho cái rét đến là ngọt. Giữa mùa hè mà cứ như lập đông ngoài kia.

Mờ sáng, sương mù còn tươi mờ núi đồi, Kim Tước đã đánh thức Thư dậy. Con bé ngủ ngon, mặt cứ đỏ hồng như búp bê. Mấy hôm nay Thư cũng ra đồng với đội thủy lợi.

Bầu trời ẩm ướt, xám xịt. Dạo này nắng mưa cài vào nhau như chơi trò ú tim. Cánh đồng lúa xuân đủ nước, như được cầm tay kéo lên, xanh um. Bộ đội đổ về cánh đồng lúa nước, gánh mạ đi xanh cả đường. Con trai, con gái trêu chòng nhau ồn ã. Tiếng Kim

Tước trong vắn vất chỗ đội thợ bừa. Chiếc áo màu cỏ úa cắt rất bén, thoăn thoắt chỗ này chỗ kia. Hai chiếc máy bừa làm từ sớm, giờ đã xong. Cánh đồng 15 héc-ta chạy hun hút theo dải rừng khộp đen đúa, xương xẩu, nước chỉ láng mặt ruộng, đất ba zan nổi váng màu riêu cua. Nếu cây như ngoài kia, thì bây giờ chỉ việc cắm cây mạ xuống là xong. Nhưng ở đây còn thêm một bước nữa. Kim Tước phổ biến cho đội thợ bừa dùng hơn chục con trâu kéo ngang những cây gỗ dài qua mặt ruộng, như kiểu mớ mạ. Phải kéo qua, kéo lại sao cho đất bùn gồ ở giữa ruộng để mưa to nước cũng không đọng. Bùn non sóng sánh như cháo hoa, như bột loãng, nổi tằm trên mặt ruộng. Sau vài hôm mạ bén cây, sẽ tháo kiệt nước để rễ cây, củi mục không có điều kiện tiết chất độc. Lúc ấy dù có nắng to, thì lớp đất bột trên cũng vẫn giữ được độ ẩm cho lúa.

Kim Tước lội ì ùm trong bùn, né người nghiêng ngó xem mặt ruộng đã được chưa, luôn miệng điều chỉnh với tổ thợ bừa. Cao Pháo vừa “vắt, vắt” con trâu kéo cây gỗ như cái trang dài, vừa nói vu vơ:

- Cứ bảo hiền như gạo, nhưng vào đây mới thấy khó tính khó nét đáo để! Chẳng biết rồi có sống lâu dài với lính ta không đây?

- Cái đó hỏi kỹ sư mới ra nhẽ.

Kim Tước giả tảng nghe tiếng. Cô biết không thể lại miệng được với mấy ông vua tào lao này. Huỳnh

đang đứng xem cách làm đất, thấy động, cũng bỏ xuống chỗ thuỷ lợi. Đúng là làm được hạt thóc ở đây thật công phu. Nhiều ô ruộng bùn đã bóng minh, cứ tưởng được, nhưng Kim Tước vẫn yêu cầu làm lại. Huỳnh thấy có vẻ cầu kỳ, nhưng anh không tham gia tùy tiện nữa. Sau mấy việc gần đây, Huỳnh đã tự rút ra chức trách cho mình. Thì ra lâu nay anh vẫn quen nếp làm việc của một tham mưu trưởng, nhiều khi chỉ nặng nề quân sự. Anh mới quen thực hành, mà chưa có tâm của một người chủ trì biết nhìn việc, nhìn người một cách thấu đáo. Bởi vậy nên anh vẫn chưa phát huy hết được năng lực của những người giúp việc. Họ luôn luôn bị động về anh, thiếu sáng tạo, quen dựa dẫm.

Đất đã trang xong, nổi doi ở giữa ruộng. Mùi bùn mới ngai ngái thân thuộc quá! Kim Tước giờ cao một nắm mạ làm mẫu, phổ biến hàng sông, hàng con, rồi bộ đội dàn hàng ngang, nhấp nhô cắm mạ. Những hàng mạ xanh như những đường thêu làm mặt đất vui trẻ ra, dậy một sự sống. Chuyện đang như ngô nổ, thì trời chuyển gió. Có sấm, rồi mưa lớt đót. Kim Tước đứng giữa ruộng ngó nhìn lo lắng. Nhưng khó thoát rồi! Những đám mây đen bay tới tả, đang vừa ra thành nước, rơi lổ rổ trên mặt ruộng. Tiếng hò nhau cấy nhanh rồi rít. Gió càng lộng, quạt tung áo mưa trên người, các cô gái la chí choé. Mưa nhẹ, chỉ đủ nhuộm mờ một khoảng không gian, còn khu rừng le bên kia đồi vẫn nắng. Một thứ nắng vàng vàng, mong

manh hu ảo như thật, như giả. Cao nguyên bỗng thành một bức hoạ loang lổ, mảng tối, mảng sáng trong những ánh chớp lằng nhằng rạch ngang rạch dọc, càng làm cho màu sắc luôn xô dịch, lung lay như ảo ảnh. Mấy con trâu thả thừng, chạy lồng lên trong những tiếng sấm rất khô, vỡ ra như kim khí.

- Áo mưa đây đồng chí Tước, ồm bây giờ - Cao Pháo lật đật mang áo mưa Thu đưa cho, chạy đến chỗ Kim Tước đang đứng sững bên rãnh nước cô vừa đắp để giữ đất màu khỏi trôi. Mấy sợi tóc đen nhánh dính bết vào má, nhưng đôi mắt lại sáng như người lên cơn sốt. Cao Pháo bỗng bối rối trước sắc thái lạ lùng của cô gái. Anh vội quay đi tránh một cơn gió quẩn. Mưa càng nặng hạt, những dây nước quất chéo mặt ruộng. Mạ cắm không chắc, vừa buông tay đã nổi lênh phênh trên những bong bóng nước. Lạnh ngắt ngắt như đi cây lúa chiêm ngoài kia.

- Có cây được không, cô Tước? - Huỳnh từ xa chạy lại, tiếng khao khao trong mưa. Kim Tước ngược khuôn mặt trắng như sáp, bên khoé miệng chợt hẳn một nếp nhăn đau đớn.

- Cây thì vẫn được, rồi tạnh mưa sẽ tháo nước. Nhưng đề nghị anh cho đơn vị nghỉ, làm cố sự cảm mất.

Mưa vẫn chan chan, tối lù mù. Những bóng người chạy xiêu xiêu trong gió rét. Kim Tước uất đến muốn khóc. Trời định rũ trắng công lao của bao con

người hay sao? Định làm mình mất cả chì lẫn chài hay sao?

*

Đến trưa, trời rữ bộ mặt đưa đám, nắng rực lên. Mọi người lại hòa nhau ra cây. Nhưng đến chiều lại rào rào một cơn mưa bóng mây, rồi lại tạnh. Cả trung đoàn phơi trần ra thi gan với trời, cây như chữa cháy, như đánh giặc. Quần áo hết ướt lại khô. Xế chiều, bỗng cô y tá của đại đội Cao Pháo la toáng lên “Chị Tước bị cảm rồi!” và cô dìu Kim Tước mặt tái xanh, môi run lập cập từ dưới ruộng lên. Mọi người nói đưa về trạm xá, Kim Tước lắc đầu, cô y tá cũng xua tay: “Không cần, đây về trạm xá xa lắm, về chỗ em có thuốc. Hoài ơi! Dắt xe của chị Tước sang đây” - Rồi cô quay lại nói nhỏ với Kim Tước - “Chị đến ngày kiêng, sao lại còn xuống bùn đầm nước làm gì? Ai bắt chị nào”

Chiếc xe đạp ướt rượt, lao đi trong chiều lạnh.

Tối mịt, vẫn chưa cấy hết chỗ đất đã bừa. Đánh vật với trời hết tuần này chưa chắc đã xong. Mọi người toả về các ngả. Lại mưa lai rai. Cái lạnh như toả ra từ những bụi nước trắng mờ. Huỳnh và Cao Pháo đi sau cùng.

- Ngày mai cậu cho tất cả cánh con trai đi nhổ mạ nhé - Huỳnh buông hai ống quần ướt cọ loạt xoạt. Cao Pháo khoác áo mưa đi cạnh, cao lớn dềnh dàng.

- Vâng, không lo thiếu mạ anh ạ. Chủ yếu vẫn là cấy. Theo tôi, mai nên phân công diện tích cho các đại đội thật sát thì sẽ đạt được năng suất cao hơn hôm nay.

Cao Pháo đã khơi trúng mạch, Huỳnh quay sang, giọng tươi lên:

- Ấy đây, mình cũng đang nghĩ về điều đó. Đại đội nhiều nam giới thì thế nào, nhiều nữ thì ra sao. Mình vẫn chưa sát, tỷ mỹ, nên việc vẫn chưa chạy.

Pháo hạ thấp giọng:

- Anh giao việc cho các đại đội, rồi sau đó kiểm tra năng suất và chất lượng, chứ làm gì phải đi sùng sục cả ngày thế này. Tôi thấy bây giờ anh lại vất vả hơn hồi ở chiến đấu.

Huỳnh thú thực:

- Vì bờ ngõ nên mới phải đi. Mình đang rút kinh nghiệm từng việc để có một đúc kết chung cho mùa sau. Cách làm của mình bây giờ vẫn là cách làm cò con, chưa mang tính công nghiệp. Cứ tưởng làm cái việc “cổ điển” ngàn đời này dễ ăn, không ngờ rắc rối quá. Không ham, nhiều lúc đến thôi trí.

Pháo nói dè dặt:

- Anh ạ, riêng về khâu sản xuất, tôi thấy cô Tước có nhiều ý hay, anh nên tham khảo. Cô ấy là người nhiệt tình.

Huỳnh biết ý Pháo muốn nói gì rồi. Hấn cứ luôn luôn vun vào. Nhưng sự thực lại sẽ khác đây!

- Cậu tưởng mình có thành kiến với cô ấy hay sao? Làm thằng cán bộ mà nhỏ nhen thế thì còn ra thể thống gì nữa! Đúng là cô ấy ngoài khả năng chuyên môn, còn có những phát hiện về công tác tổ chức nữa. Nói thật với cậu, chính vì cô ấy phản đối việc phát hoang thêm, mà mình càng quyết tâm phải làm đến nơi đến chốn. Nhưng giá mềm mỏng như người ta, bàn bạc trước với ban kỹ thuật thì chẳng đến nỗi nào. Mệnh lệnh ở đây phải mang một màu sắc khác. Mình sẽ rút kinh nghiệm. Nhưng nói thật, chẳng bao giờ xảy ra điều cậu mong đâu! Mình và cô ấy là hai thế hệ khác nhau. Một đằng từ dưới gốc ra, một đằng từ trên ngọn xuống, khó ngồi chung quá! Chỉ có thể làm chung một công việc, chứ khó chung một tâm tình, vì sống khác và nghĩ khác. Nhưng dù sao qua đây mình cũng hiểu khả năng của cánh trẻ các cậu hơn, hiểu mình hơn. Và điều ấy mới là quan trọng, phải không?

Cao Pháo thở dài, nhưng mà chịu, vì Huỳnh nói đúng, và sâu sắc nữa. Thế là của thiên lại trả địa! Cô ấy đến, rồi cô ấy lại đi, nhẹ như một sợi tơ trời. Còn trung đoàn trưởng nhà mình thì vẫn tiếp tục “ăn chay niệm Phật” để thành tiên! Cao Pháo lại nhớ hôm lên họp ở trung đoàn, khi công việc xong xuôi, đến phòng Huỳnh đã khuya, Pháo còn thấy Huỳnh cặm cụi ngồi

viết thư về cho em gái và bà mẹ của người phụ nữ đã làm anh đau khổ, để thu xếp quan hệ đôi bên cho êm thấm. Lòng Pháo bỗng trào lên tình thương, và càng thấm thía cái hậu quả chiến tranh mà Huỳnh phải gánh chịu. Sao vẫn chưa có người con gái nào hiểu anh? Đến bù đắp cho anh? Con người sống mục thối là thế, mà lại bị đen bạc trong tình duyên hay sao, hờ ông tơ bà nguyệt?

Pháo còn chưa biết nói sao, thì Huỳnh lại tiếp:

- Cậu có biết anh bạn của cô Tước ở trên ban kỹ thuật không? Chủ nhật vẫn hay xuống chơi đây. Mình thấy họ tương xứng lắm. Còn mình - Huỳnh bỗng ngập ngừng hẳn lại: - còn mình, có lẽ phải những người cùng bộ độ mới dễ hiểu và thông cảm cậu ạ. Ngay đàn ông đàn ang sống với nhau nhiều còn khó, nữa là ăn đời ở kiếp với một người khác giới, vậy thì đâu chỉ dựa vào tuổi tác hay hình thức bên ngoài.

Pháo chỉ còn biết “vâng, vâng” nhưng tiếng nặng trĩu thành ra “vàng, vàng”, đầu gật như cần cối, lòng buồn thầm tự trách mình thật là “tò” quá thể. Biết làm sao đây, giữa cái chôn nhiều muối ít cà này?

Đến đường rẽ, hai người còn đứng rì rầm một lúc lâu nữa. Khi Pháo về, thì đơn vị đã ăn cơm xong, chính trị viên đang gọi anh em đi sinh hoạt buổi tối. Cao Pháo ăn quấy quá bát cơm đã nguội lạnh, rồi chong đèn ngồi tính toán công việc ngày mai. Chợt tiếng cô y tá véo von sau nhà:

- Này lại học hát, giá chị Tước khỏi thì hay quá. Đại đội trưởng đã về phải không ạ?

Pháo sực nhớ ra Kim Tước đang ở đây, anh ngó ra cửa sổ hút gió rêu rêu:

- Có tôi! Chuyên gia đờ chưa, đồng chí Liên?

- Rồi ạ! Tôi đang nấu cháo cho chị Tước. Chị ấy vừa hỏi đại đội trưởng đã về chưa đấy.

Pháo do dự: có nên sang hỏi thăm bây giờ không? Từ lúc nói chuyện với Huỳnh, Pháo thấy không có lý do để gặp Kim Tước nữa, có khi còn khó nói là đằng khác.

Nhưng lát sau, Pháo thấy cần phải sang, vì anh là chủ nhà.

- Kỹ sư đã dậy chưa? Thấm mưa Tây Nguyên rồi chứ? - Pháo đóng to từ ngoài cửa.

Kim Tước khoác áo bông bộ đội, ngồi thu lu trên giường, cạnh chiếc bàn thuốc quân y. Cô thu bát đĩa vào một góc, mỉm cười nhìn cái dáng cao lớn của Pháo:

- Cây khó lắm hả anh Pháo? Đất có dễ không?

Pháo ngồi xuống ghé đôi diện, cười vui vẻ:

- Không hề gì, rồi đâu sẽ vào đấy cả. Đồng chí cứ nghỉ. Biết cách làm rồi thì những bàn tay lính này không chịu đâu!

Kim Tước nhìn Pháo, mát mẻ:

- Anh thì cái gì cũng dễ dàng. Vô tư thế chả trách trẻ lâu!

Pháo ngựa cổ ra cười:

- Lần đầu tiên tôi được khen trẻ đấy! Hời lòng, hời dạ quá! - Và Cao Pháo chợt có ý muốn nhắc khéo Kim Tước một chút: - Người ta vẫn bảo tôi là thẳng lông bông, chứ có đâu được sớm nghiêm chỉnh, chững chạc như đồng chí! Đến mức còn có câu hỏi: Không biết trong đầu hẳn có ý nghĩ nghiêm chỉnh nào hay không? Tới nước ấy thì thật là oan cho tôi quá! Vì tôi quan niệm thế này: mình vốn đã làm những việc rất nghiêm chỉnh rồi; chứ sao nữa, đánh giặc là lao động, máu và mồ hôi mà lại không nghiêm chỉnh? Vậy thì sống hàng ngày hãy vui vẻ, bơn bớt cái sự quan trọng trong công việc để nó ít gây cho ta sự khô khan, sự thách đố quá tầm.

Kim Tước chớp chớp mắt, giọng bỗng yếu đi:

- Em khô khan lắm hả anh Pháo? Anh cứ nói thật đi, anh thấy em thế nào?

Pháo bỗng hoảng lên. Thôi chết! Sao lại khơi ra những chuyện này. Mình đúng là thẳng bô lô ba la, chỉ chết vì vạ miệng!

- Không! Không! Ấy là tôi nói bản thân tôi thôi. Mỗi người một khác chứ.

- Anh cứ nói quanh làm gì. Em biết các anh nghĩ về em thế nào rồi. Con gái mà đĩnh đoảng, nóng nảy

là xấu, thế mà em vẫn chưa sửa được, để nhiều khi làm người khác thấy khó chịu.

Pháo nghiêm trang, trông đến khổ sở:

- Đừng nghĩ nặng nề thế đồng chí Tước! Không ai hiểu sai về đồng chí đâu. Lúc đầu tôi cũng tưởng anh Huỳnh thành kiến với đồng chí nhưng thực là không. Do đời tư, nên anh ấy lặng lặng thế thôi. Càng ngày anh ấy càng thấy vai trò của đồng chí ở đây. Ngoài khả năng chuyên môn, đồng chí còn gọi cho anh ấy nhìn ra nhiều điều khác ngoài phạm vi kỹ thuật nữa. Anh Huỳnh sẽ có những thay đổi trong cách sống. Đồng chí đừng nghĩ sai về anh ấy. Quá nửa cuộc đời của anh ấy là hy sinh, chờ đợi. Đến bây giờ anh ấy vẫn phải tiếp tục gánh chịu và dàn xếp hậu quả của sự mất mát. Tôi cứ mong, giá anh ấy gặp được người thông cảm và hiểu đúng về anh.

Kim Tước hất mớ tóc đen như mun rủ loà xoà bên má, cặp mắt long lanh nhìn thẳng vào Pháo đầy hờn giận:

- Và anh nghĩ người đó là em phải không? Sao rồi! Em đâu có nghĩ xấu về anh Huỳnh. Đến bây giờ em mới thấy lời ba em nói về các anh là đúng. Anh Huỳnh xứng đáng là người chỉ huy. Nhưng với em chỉ có vậy thôi, chứ dù ở cùng nhà, em cũng chỉ nghĩ anh ấy là một người anh, người thủ trưởng. Còn người mà anh mong cho anh Huỳnh thì có rồi đấy. Chị Mai bác

sĩ mới về chứ ai! Qua sao được mắt em. Chị ấy bảo anh Huỳnh ngày xưa cùng ở đơn vị với anh trai chị ấy. Nào ai đã khảo mà xưng! Còn em, anh vẫn chưa nói hết về em đâu, vẫn cho em là đã có anh kỹ sư trên ban kỹ thuật, nên mới dám cứng thế chứ ai? Đâu phải! Anh ấy khôn khéo và tính toán chi ly quá, không hợp được. Chỉ có một người mà ngay những lúc khó khăn, buồn nản, em cũng tìm thấy những điều... nhưng mà thôi, muộn rồi, làm thế thì tội lỗi quá. Anh đừng nhìn em như thế! Đi đi! Anh đi đi!

*

Trong khi Cao Pháo bàng hoàng, thập thồm bước về nhà như một người mất hồn, thì Huỳnh đang ung dung ngồi nhấp từng ngụm trà, nghe chính uỷ và trung đoàn phó vừa đi họp ở Quân khu nói về nhiệm vụ mới của trung đoàn. Lại tiếp tục chuyển quân! Theo quyết định của cấp trên: trung đoàn chuẩn bị cơ động vào sâu hơn nữa, cùng lúc vừa đi khai sinh những vùng đất mới, vừa chằng tẩm lưới thép suốt một dải biên thùy. Đã có những dấu hiệu có động ở vài nơi giáp giới. Trung đoàn nhanh chóng nắm ngay những địa thế có lợi cho cả đôi đường. Khi yên thì đất trở những mùa hoa trái, khi biến đất sẽ cùng với những người lính thành pháo đài. Trung đoàn lại đi làm ở tuyến trước, tất cả cơ ngơi này là tuyến sau, nhường lại cho đồng bào lâu nay vẫn sống tản mát khắp các triền núi, triền sông. Sau khi bàn bạc, trung

đoàn nhất trí vẫn tiến hành gieo, cấy cho xong. Riêng con kênh thuỷ lợi và cánh bãi mới phát hoang, đang làm chín đất, thì có ý kiến cho rằng nên thôi, sau này tùy địa phương sử dụng. Huỳnh phân vân. Làm hay không? Gieo lúa hay trồng sắn cho nhanh? Hay chỉ giao lại mảnh đất đang bèo bộn? Lúc này là tùy mình. Không ai kiểm tra, và cũng không ai có thể trách cứ. Đến nơi mới, trồng cây mới rồi ta lại vun xới, rào giậu. Ý nghĩ ấy vượt ve, rủ rê Huỳnh đi vào con đường hẹp, cho tới khi lên giường nằm, tĩnh tâm lại, Huỳnh bỗng thấy như có một cặp mắt đang nheo nheo nhìn mình giễu cợt: Thì ra tầm mắt, tầm tay, anh cũng chỉ có vậy thôi ư? Cái anh chàng nông dân cá thể lâu nay vẫn ẩn náu ở chỗ nào trong anh vậy? Cứ tưởng hấn bị đẩy lùi trong lửa đạn, nào ngờ bây giờ hấn lại có dịp cựa quậy, lại hỏi tỉnh để cò kè đầy phông? Anh tiếc công? Anh tiếc của? Sao anh không biết tiếc đây là dịp giao lại một phương thức làm ăn mới, một cách tổ chức mới cho những người dân bao đời thiếu chữ, thiếu cơm, sống lang thang, xa lạ với đời? Huỳnh đưa tay lên xoa má, cười thăm trong bóng tối. Thì ra con người ta khi đã có tài sản, khó vô tư thật! Chả trách tính keo kiệt, ích kỷ lại cứ hay rơi vào những anh giàu! Chưa chát hơn, nhiều người vào sông, ra chết, đến máu cũng không tiếc, nhưng rồi lại lú lẫn tiếc những cái rất lấm cẩm, tiêu ma cả việc lớn. Anh chàng Pháo bụng dạ lúc nào cũng như cánh cửa bỏ ngõ, thế mà nói đúng: đến đây hiểu

thêm mình rõ hơn. Mảnh đất bẽ bộn và những việc làm thâm lặng này, lại khiến mỗi người nhận ra chân dung thực của mình.

Sáng hôm sau, Huỳnh bàn lại thêm với chính uỷ, và anh trực tiếp đi theo dõi việc làm đất ở cánh bãi để gieo giống lúa muộn ở đây. Chính uỷ đi xuống chỗ cấy lúa nước, trung đoàn phó xuống đơn vị thủy lợi. Tất cả công việc vẫn tiến hành nhịp nhàng.

Cánh bãi đã được đốt cỏ và đánh sạch gốc cây, phẳng phiu, rộng rãi hẳn ra. Chiếc máy cày sinh sịch chạy dọc bờ ruộng ướt sương, phun khói xanh khét nồng. Những đường đất lật bụng lên, vằn mình hình vỏ đỗ, màu nâu đỏ như ướp lửa. Huỳnh bước theo những rãnh cày thẳng như kẻ chỉ, đất bờ lụn vụn dưới chân. Đất ẩm này cố gắng làm nhanh để gieo. Giống đã liên hệ được rồi. Mình quyết tâm gieo là đúng. Cũng là một dịp thăm dò xem giống lúa ở đây được trông đúng kỹ thuật thì năng suất ra sao. Nếu khá, vào trong kia, mùa sau ta sẽ nhân lên.

Huỳnh vừa quay lại, đã thấy Kim Tước dừng xe ở đầu bờ. Cô gọn gàng trong bộ quân phục màu cỏ úa, nét mặt và lời nói đầm hẳn lại:

- Hôm nay anh không xuống chỗ cấy lúa ạ? - Cô nhìn Huỳnh sạch sẽ trong bộ cánh thẳng thớm, điệu bộ ung dung, tươi tỉnh. Lại còn đi cả giày da nữa! Ồ, người ta đang có chuyện vui có khác!

Huỳnh cũng nhớ ra, đã lâu lắm nay anh mới lại nói chuyện tay đôi với Kim Tước. Cô ấy có cái gì khang khác mà anh không thể hiểu. Nhưng đúng là có sự thay đổi từ động tác cho đến lời nói. Huỳnh trả lời từ tốn:

- Có anh Nhu dưới đó rồi, cô khoẻ chưa mà đã đi? Mai cô thu xếp cùng vào buôn xem thóc giống nhé. Phải có con mắt kỹ thuật mới được. Cô hỏi đồng bào về cung cách gieo cổ truyền, rồi từ đó ta cải tiến cho đúng phương pháp mới thì chắc chắn sẽ tốt hơn. Cố gắng cuối tuần gieo khu này.

Kim Tước cảm động trước giọng nói chân thành của Huỳnh. Cô bẻ đốt ngón tay lắc rắc:

- Vâng, nghe nói đã có thành trực mới cho chiếc máy kia phải không ạ?

Huỳnh thoáng đỏ mặt:

- Có rồi, và trung đoàn còn được nhận thêm ba máy nữa để triển khai kế hoạch mới.

Liên lạc ra gọi Huỳnh về để họp, bàn với sư đoàn và chính quyền địa phương về việc bàn giao nay mai. Trước mắt, địa phương cho lực lượng thanh niên đến để học cách làm ăn của bộ đội. Tất cả thóc giống, hom sắn trung đoàn cần, địa phương sẽ chuẩn bị chu đáo.

Hôm sau, ở những cánh bãi gieo trồng, bên cạnh những bộ quân phục, người ta thấy điểm những vạt

áo màu, những chiếc khăn thêu và tiếng cười nói lơ lớ trong như những giọt nắng mai. Kim Tước khỏe hẳn ra khi cánh đồng lúa nước đã bén chân, mỗi hôm trông một khác. Màu vàng của lá mạ đang chuyển sang màu xanh của lúa. Dưới gốc, bùn chỉ ướt lệt sệt, khiến những rễ cây đấng không thể tiết chất độc. Vậy là đúng “tủ” rồi! Đất đã nhận mồ hôi, công sức của bao con người, rồi sẽ trả ta những mùa hái quả.

Một tháng sau, giữa lúc lúa dưới đồng, trên nương đang trở xanh kín đất, thì đoàn cán bộ tiên trạm của trung đoàn lên đường. Có đủ cả tham mưu, tác chiến như chuẩn bị chiến dịch. Huỳnh chưa kịp xếp xe, đã thấy Kim Tước ngồi ở một góc của chiếc xe sau. Áo hoa, khăn len, trông như nữ sinh đi tham quan. Bên cạnh là bác sĩ Mai nói cười líu ríu. Cao Pháo bước lên xe trước. Thằng cha không hiểu mượn ở đâu được bộ mặt từ bi đĩnh đạc, nghiêm chỉnh, cứ như nhà tu hành giả cây! Huỳnh tím tím cười. Bọn trẻ đến là kỳ quặc, chả còn biết đầu cua tai nheo ra làm sao!

Chuyện bắt đầu rộn rạo khi xe chuyển bánh. Buổi sáng mát lành trong sương núi và tiếng chim rừng. Xe băng vào những vùng đất lạ. Một tiếng hỏi:

- Đồng chí Kim Tước đã biết cây kơ-nia chưa nhỉ?

Kim Tước mỉm cười không nói. Nhớ ngày đầu mới vào đây cứ sồn sồn hỏi hoa ơ-lang đâu, cây trâm

bầu, cây kơ-nia thế nào? Thì đây, cả một rừng kơ-nia trước mặt. Cây thẳng, cao, gỗ cứng làm nhà được. Lính ta đi phát bãi vẫn nhặt quả kơ-nia chín rụng bóc lấy nhân ăn rất bùi. Chẳng riêng những thứ hao, thứ cây, mà đất đai ở đây cũng không còn bị hiểm nữa, vì mỗi người vừa qua một cuộc thăm dò, để bây giờ bước vào chiến dịch đuổi đói nghèo với một niềm tin đã hiểu mình, hiểu đất. Từ mùa sau ta mở đất không còn lúng túng, bỡ ngỡ nữa.

- Chỗ lúa gieo thí điểm đến tháng mấy được gặt, Pháo nhỉ? - Huỳnh quay lại hỏi.

Nhà “tu hành giả cây” lại trở về bản tính của mình. Pháo nheo nheo cặp mắt như ngắm súng nhìn đầy ngụ ý, khiến Huỳnh lạnh cả sống lưng.

- Nói chung là nhanh hơn lúa nước anh ạ. Anh cứ yên tâm, từ mùa sau thì thuận lợi rồi, cái gì cũng nhanh cả. Anh cũng sẽ có một mùa gặt! Đến bây giờ tôi mới chịu thủ trưởng là tình đời đấy!

Tiếng cười hỉ hả. Xe bon vào một khu rừng cà phê hoa nở trắng muốt. Núi, đồi, đồng cỏ... mở lòng ra bát ngát.

Đà Lạt, 9-1977



ĐÀO VŨ

Họ và tên: **Đào Văn Đạt**

Ngày tháng năm sinh: 17.10.1927

Quê quán: Ân Thi, Hưng Yên

Nghề nghiệp: Nhà văn

Địa chỉ hiện nay: Trần Hưng Đạo, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Cái sân gạch, Lưu lạc, Bí thư cấp huyện, Con đường mòn ấy, Con than ngơ ngác, Một mùa mưa, Người của sông, Người đi xa để lại, Gặp lại một thuở, Bồi hồi gặp lại, Những người cùng thời, Danh dự chúng em.*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật đợt I năm.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Những con người ấy, những cảnh ngộ ấy trong chiến tranh tôi đã gặp thì không thể quên được và không thể không viết. Người con gái kia lao động, chiến đấu với một đời sống tâm tư riêng như vậy khác nào một nhánh cỏ nhưng lại lẫm liệt như một quả núi. Nỗi đau của bà mẹ mất con là vô bờ, bà phải thụp xuống lạy con, nỗi khổ được an ủi, lại là niềm vui, nhưng là niềm vui thất ruột.

Tôi phải chứng kiến nỗi khổ kia, chấp niềm vui nọ... mới ngiêt ngã làm sao! Tôi thực tình muốn hiến dâng bạn đọc. Không biết bạn đọc có chia sẻ với tôi không?

NGƯỜI ĐI XA ĐỂ LẠI

Cuộc gặp gỡ lại ngẫu nhiên và ly kỳ đến mức cả tôi cũng khó tin là thật. Nhưng không thật sao được? Rõ ràng là cô Gon đang ở trước mặt tôi chứ còn ai nữa!

- Kìa, có phải cô... cô Gon không?

- Vâng, em.

- Có việc gì lại lên tận đây?

Cô Gon không trả lời câu hỏi ấy của tôi, vẫn đứng nguyên chỗ cũ, không vồn vã, thậm chí còn hơi lạnh lùng và có phần dè dặt.

- Em cứ tưởng anh không nhận ra em nữa.

... Những sự tình cờ ở đời thật không biết thế nào mà lường được. Có khi sự này được xâu chuỗi vào với sự khác, có khi như có bàn tay vô hình nào sắp đặt hẳn hoi chứ không phải sự tình cờ.

Miền nam vừa mới được giải phóng, tôi vào thăm, rồi bây giờ trên đường trở ra Bắc bằng ô tô. Như bình thường thì ai nấy đều đi đường số 1, vừa là

đường nhựa dễ đi, vừa nhanh hơn không phải vòng vèo. Tôi vì cái tính nghề nghiệp, lại muốn vòng lên Trường Sơn, trở ra bằng hệ thống đường thời chiến mà ta vẫn quen gọi là đường mòn Hồ Chí Minh. Tôi đã đi nhiều lần trên những con đường này. Nhưng vì là thời chiến, toàn phải đi đêm, lại đi trong hoàn cảnh lúc nào cũng có máy bay địch và bom mìn đủ kiểu, nên có nhiều hạn chế. Nay không có máy bay địch, lại được đi ban ngày, chắc hẳn mọi sự sẽ khác lắm. Tôi phải giáp mặt trở lại với những con đường và những quang cảnh ấy xem sao.

Hơn nữa, tôi còn muốn lên thăm - tôi nghĩ riêng là lên thăm lần cuối - những binh trạm thân yêu kia, nơi tôi đã sống bao nhiêu năm tháng, có bao nhiêu kỷ niệm với những người đang sống và những người đã chết. Tôi nghĩ thăm lần cuối là vì, không những từ ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, mà ngay từ ngày quân xâm lược Mỹ buộc phải rút chân khỏi miền Nam, lực lượng máy bay nguy không đủ sức vươn cổ ngó tới vùng này nữa, thì cả anh em họ mạc ngành giao thông vận tải quân sự nhà ta đã “lật cánh” từ tây sang đông, rời bỏ những tuyến đường tây Trường Sơn không sử dụng nữa rồi. Các binh trạm chỉ còn để lại những bộ phận chưa thể chuyển được hoặc không cần chuyển. Tôi chắc, không trở lại chuyến này, ít lâu nữa có trở lại cũng sẽ chỉ còn là rừng núi hoang vu. Mà rừng núi thì tôi có nhiều kinh nghiệm, nó có sức phản công ghê gớm lắm. Chỉ cần một thời gian ngắn không

có vết chân người, nó đã phản công trở về dạng nguyên thủy của nó. Bởi vậy, dù phải đi đường xa, đường xấu, tôi cũng cố đi vòng lên, ít nhất cũng vòng lên binh trạm 14 và binh trạm 16.

Có lẽ cũng phải nói đôi lời về binh trạm để cắt nghĩa tại sao tôi lại có sự gấn bó và yêu cầu nghề nghiệp như vậy.

Hệ thống binh trạm của quân đội như thế này, thực ra chỉ có tổ chức trong thời chiến. Gọi là trạm nhưng quy mô không phải nhỏ, thông thường không bằng một sư đoàn thì cũng lớn hơn lữ đoàn, cho nên chúng tôi vẫn gọi đùa các thủ trưởng binh trạm là “lữ già, sư non”. Nhiệm vụ của các binh trạm trên tuyến đường Hồ Chí Minh này bao gồm bốn việc chính: giao thông, vận tải, giao liên và tải thương. Nghe thì gọn ghẽ như vậy nhưng công việc thì dài dòng lắm. Ví dụ: nhiệm vụ giao thông có nghĩa là mở đường, làm đường, sửa đường, giữ đường (bao gồm cả cầu cống, đò phà), làm bằng lực lượng công binh, thanh niên xung phong và cả công nhân nếu có, chiến đấu với đất đá, với mưa lũ và nhất là với bom đạn quá nhiều của giặc Mỹ. Nhiệm vụ vận tải thì như tên gọi của nó, làm nhiệm vụ vận tải hàng vào và hàng ra, dù hàng vào hay hàng ra cũng là để nuôi cuộc chiến đấu chống Mỹ ở miền Nam. Vậy là có công việc quản lý bao nhiêu đơn vị xe cộ thuyền bè vận tải, quản lý một hệ thống kho tàng; công việc tổ chức chỉ huy các cung độ, trạm

chuyển, đội hình chiến thuật... Còn hệ thống các trạm giao liên có nhiệm vụ bảo đảm cho việc thương binh từ chiến trường được chuyển ra hậu phương miền Bắc nhanh chóng và an toàn. Mặt khác bảo đảm cho các đơn vị quân đội (và cả cán bộ các ngành) hành quân như nước chảy vào chiến trường miền Nam bằng đường bộ cũng phải nhanh chóng và an toàn. Muốn làm được, phải có riêng một hệ thống đường hành quân khác với đường vận tải, rời bãi trú quân, các giao liên dẫn đường, đảm đương từ việc tiếp tế, ăn ở, y tế, bảo vệ, đến việc giải trí bằng những rạp văn công, chiếu bóng trong hầm, những phòng triển lãm lưu động v.v...

Kể tạt ngang bằng vài lời như vậy, tôi không có tham vọng giới thiệu được hết các hoạt động của một binh trạm ở Trường Sơn, mà chỉ cốt để nói rằng, vì binh trạm là đầu mối của bao nhiêu sợi dây, là cái nút của bao nhiêu đầu mối như vậy, cho nên dù có muốn đi theo anh bộ đội hành quân, hoặc muốn tới chỗ làm đường, hoặc muốn tìm hiểu một đơn vị ô tô... tôi cũng đều phải qua binh trạm. Vì nhiều mối dây liên hệ trước và nay về nhiều việc, với nhiều đồng chí của mình còn sống hay đã chết, tôi phải trở lại, ít ra cũng một lần này nữa.

Như vậy là tôi đã tới binh trạm 14 đây từ hai hôm nay. Đáng lẽ tôi cũng đi rồi. Nhưng cậu lái xe

bỗng nổi một cơn sốt rét. Tôi phải để cậu ấy nghỉ ngơi. Thời gian kéo dài thêm ấy, đối với công việc của tôi cũng rất có ích. Tôi đi khắp được các nơi ở cũ của binh trạm bộ, trong đó có cái hang nhiều ngách với nhiều kỷ niệm vốn là cơ quan của Ban công tác chính trị binh trạm. Tôi trở về lại “ngôi nhà tập thể của các liệt sĩ”. Trước đây, chúng tôi vẫn dùng cái tên ấy để gọi một ngách khá dài của một cái hang lớn. Trong ngách hang này, toàn là những giá gỗ cao chất đầy những ba lô và di vật của các anh em đã hy sinh. Vì đang thời chiến, xe cộ phải ưu tiên việc chiến trường, nên những di vật đó chưa có xe để chở về ngoài Bắc trả lại cho người thân của anh em.

Mấy lần trước cũng như lần này, về đây, tôi không ở ngoài nhà khách mà vào nằm với cậu Hạnh, “cán bộ chính sách” của Ban công tác chính trị, tức là cán bộ đặc trách việc giải quyết các chế độ chính sách đối với các anh em liệt sĩ. Ngách hang này hết sức tĩnh mịch, cậu Hạnh lại biết rất nhiều chuyện. Cả hai điều đối với tôi đều quý.

Ở đây, cứ chiều chiều, lúc cơm xong, bữa qua cũng như hôm nay, tôi đều xuống núi, lội qua một con suối nhỏ, lững thững ra chơi ngoài nhà khách. (Nghe nói binh trạm độ này đặc biệt có nhiều khách hậu phương).

Cũng bởi vậy mới có cuộc gặp gỡ bất ngờ với cô Gon.

Không phải chỉ trong câu nói “em cứ tưởng anh không nhận em nữa”, mà ngay từ cách ứng xử đầu tiên, tôi đã thấy cô có điều gì khác ý.

Cô ấy thì đang ở trong nhà khách. Đó là mấy gian nhà cất lên từ thời chiến ở bên đường, đầu tiên dùng làm chỗ ở cho anh em điều chỉnh giao thông trạm ba-ri-e, sau làm trạm chờ cho khách vãng lai của binh trạm, bây giờ được dùng làm nhà khách. Ở đây có cái tiện là khách phương xa đỡ phải leo dốc lên hang núi. Tuy gần đường, nhưng bất tiện là nhà vốn làm nửa nổi, nửa chìm, núp quá kín dưới nhữngùm cây, nên suốt ngày tối om. Như vậy là cô ấy đang ở trong chỗ tối, mà tôi từ ngoài bóng chiều bước vào, dẫu sao cũng là từ chỗ sáng nhất, nhất định cô ấy phải nhìn thấy tôi ngay từ lúc mới ló ra. Cô ấy không gọi. Tôi bước vào cũng không chào trước, đợi tôi nhận ra, chào trước, hỏi rồi cô mới đáp lời. Tuy đáp lời đấy nhưng vẫn đứng nguyên bên khung cửa sổ.

“Em cứ tưởng...” Nghe qua giọng nói, nhất là ánh mắt của cô, tôi nhận ra hình như cô muốn thử thách xem tôi có còn nhớ hay không. Hơn thế nữa, tôi còn cảm thấy rõ rệt cả sự gằn như thách thức, ngạo nghễ: “Nếu anh không còn nhớ tôi là ai thì tôi cũng chẳng cần nhận anh làm gì!”

Tôi còn nhận được ra cô Gon, còn nhớ được cả tên cô, chẳng phải nhờ sự thông minh sáng láng gì của tôi, mà chính là nhờ cô ấy, một người có nét mặt

và cung cách xử sự đã gặp là không quên được. Lại nhờ cảnh ngộ tôi gặp cô lần trước rất éo le. Không những thế, trong nội dung cuộc gặp lại có những thắc mắc còn treo đến tận bây giờ cũng không ai giải đáp cho được. Bởi vậy, thật như cô có ý thách thức hay ngạo nghễ đi nữa, tôi cũng chấp nhận.

Nghe cô nói và nhìn ánh mắt cô như vậy, tôi vẫn bước tới chỗ cô đứng, nói ngọt ngào:

- Tôi là người chịu ơn cô, không nhận cô mà nên ư?

- Hí hí! - Cô bật cười rất hồn nhiên và cười to, tiếng cười làm rộn cả mấy gian nhà tối và có phần bất ngờ đối với tôi. - Đánh giặc lại là làm ơn hả anh?

Tôi cũng đành cười xoa cho khỏi phải bàn cãi để chuyển sang câu chuyện thiết thực hơn.

- Thế cô có việc gì...

- Vâng. - cô nhận ra ngay tôi đã phải nhắc lại câu hỏi đó, nên ngắt lời tôi đáp: - Đơn vị em được điều hẳn sang tuyến đường Trường sơn. Ban chỉ huy cho em nghỉ phép về thăm nhà. Nhưng em chẳng về. Em lên trên này chơi với nhà em...

- Ô, thế ra anh ấy ở trên này à? Mà bây giờ vẫn chưa vào tuyến trong, còn ở đây?

- Dạ, anh ấy không vào tuyến trong, vẫn ở trên này... ở trên này mãi mãi, anh ạ.

Tôi đã kịp nhận ra ánh mắt xa vời vợi của cô Gon. Nghĩa là, cũng như mấy trường hợp hôm qua tôi đã biết, cô Gon lên thăm mộ chồng. Biết vậy nên tôi không dám gọi sâu hơn nữa.

Vừa lúc ấy, một thằng bé lững chững từ ngoài lùm cây chạy vào nhà, miệng gọi “mẹ, mẹ”.

- Đứa nào thế này? Cháu đấy à, cô? - Chính cô Gon hình như cũng muốn thoát khỏi sự hồi tưởng hẫng là đau buồn kia, nên nghe tôi hỏi về cháu, cô mỉm cười. Tôi chặn đường thằng bé: “Bác bé cháu trai nào”. Nhưng nó tránh, nó chạy khỏi vòng tay tôi và ra với mẹ.

- Ê, con trai sắp đi bộ đội được rồi còn bắt mẹ bé... - Thằng bé vẫn ôm lấy cổ mẹ, không quay lại. Tôi hỏi cô Gon: - Cháu lên mấy rồi?

- Cháu hai tuổi rưỡi ạ.

- Chà, chà, ngày ấy gặp nhau, cô Gon còn là “cô xạ thủ tốt bụng”, cô vẫn nhớ chứ? - Lần gặp trước, cô đang có mang mà vẫn bắn trung liên, tôi gọi trêu cô như vậy. - Nay đã được thằng cu hai tuổi rưỡi. Nhanh quá cô Gon nhỉ?

- Anh bảo cũng hơn ba năm rồi còn gì.

Hơn nữa ba năm trước, vào cái thời điểm hào hùng đầy sức kích động của cuộc đột phá Côn Tiên, Dốc Miếu, rồi tiếp đó là cuộc giành giật hết sức quyết

liệt khu thành cổ Quảng Trị, tôi có việc phải đi vào tuyến trong. Độ ấy, máy bay Mỹ bị hút gần hết vào mấy điểm nóng, chúng không còn bao nhiêu sức để không chế các tuyến đường vận tải quân sự của ta. Chúng ta chuyển sang đi tuyến đông Trường Sơn nhiều, đi lần ngày khá phổ biến. Trong tư tưởng có phần coi thường hoạt động của không lực Hoa Kỳ, ít ra là tôi có tư tưởng ấy.

Một buổi chiều, trời mù càng khuyến khích tư tưởng chủ quan khinh địch, tôi tặc lưỡi cho xe chui ra khỏi rừng lên đường từ quá nửa chiều, định tranh thủ nuốt lấy đoạn đường khó đi trước khi trời tối. Không ngờ luồng bụi đỏ cuốn theo xe tôi gọi ngay “ruồi bọ, ma quỷ” Hoa Kỳ - máy bay chúng phát hiện mục tiêu và lặn xả xuống ngay.

Xe tôi lâm vào thế bí. Đường hẹp bên núi bên khe, chưa đến quăng rừng có thể chui vào, quay lại cũng chẳng xong. Quăng này, hoả lực mặt đất của dân chưa có, của quân bảo vệ giao thông hơi thưa.

Chúng nó cứ như là cắt bắt gập gà con, ra chiều ăn hiếp và áp đảo. Nó bắn đón phía trước, xe tôi dừng lại tránh. Nó bắn đuổi, xe phóng vọt lên lợi dụng của đường gập cho nó vô hụt. Dẫu sao cũng là tình cảnh nguy ngập, có cơ mất còn với nó.

Chính lúc ấy, bỗng trên một ngọn núi phía tay phải chúng tôi, bật lên một điểm hoả lực. Nghe có thể

nhận ra cả tiếng nổ giòn giã của trung liên. Chúng tôi không ngờ, lũ kẻ cướp càng bị bất ngờ. Vì chúng đang uy hiếp thế bí của chiếc xe tôi, đang phát huy lợi thế áp đảo của chúng, đỉnh ninh chỗ này không có một sự đe dọa gì, chúng đang lượn vòng mãi, sà xuống thấp mà không cần giữ gìn gì. Vậy nên hoả lực bất thần trên núi rõ ràng suýt nữa làm chúng khôn đốn.

Nhưng ngược lại, chính vì chỉ có một điểm hoả lực duy nhất ấy, chúng phát hiện được ngay. Tất nhiên chúng không bỏ qua, chúng chụp lấy định nuốt sống. Thế là hoả điểm kia đã trở thành điểm chia lửa rất hữu hiem đối với xe chúng tôi. Chúng bắn xối xả xuống trận địa trên núi. Và chúng tôi vẫn nghe thấy tiếng trung liên chống trả một cách ngoan cường. Còn cái xe, nhờ sự xoay chuyển thế trận ấy mà bứt xa lên được một quãng, chui hẳn vào rừng làm cho chúng lúc quay lại thì không tìm thấy mục tiêu nữa.

Rồi đến lượt trận địa trên núi cũng không còn tiếng trung liên. Chúng tôi vẫn lắng nghe, chờ đợi và có phần lo lắng. Nhất là sau đó, khi thấy chúng tức tối, lòng lộn trút xuống núi, xuống đường bao nhiêu bom đạn mà chúng mang theo...

Cuối cùng là xe tôi không việc gì, các đoàn xe bạn còn chưa xuất phát vẫn ở nơi ẩn náu an toàn. Nhưng đoạn đường phía trước và hai ngàm chúng tôi sẽ phải qua thì đều “dính” bom, bị hư hỏng nặng, coi như bị cắt đứt, đêm ấy không hy vọng gì thông xe.

Có thể nói, việc còn làm chúng tôi băn khoăn hơn, đó là không biết trận địa trên núi sau trận oanh tạc ấy thế nào? Bài toán không thể có đáp số, vì ngay đến trận địa kia là của lực lượng nào cũng còn không biết để mà đi hỏi thăm. Giữa những người qua đường với nhau thì ai cũng bảo dứt khoát không phải bộ đội bảo vệ giao thông, dân vùng này không có, thanh niên xung phong, công binh làm đường ở quá dưới kia hơn mười cây số.

Đợi đến tối, qua đêm đến sáng, vẫn chưa thông được đường. Chúng tôi tìm chỗ giấu xe, chuẩn bị tinh thần nằm lại đây một ngày, đợi đến tối mới vượt được quãng này.

Anh em mắc võng định ngủ. Riêng tôi không sao ngủ được, nổi thắc thỏm phía trên núi giày vò. Thế là tôi bàn với anh em, để lại một người coi xe, chúng tôi luồn rừng, leo núi, quyết tâm đi tìm bằng được trận địa đã chia lửa cứu mình xem sao.

Cũng không khó khăn gì lắm. Đi vài thôi đường, chúng tôi đã phát hiện ra một đàn bò, rồi gặp người chăn bò, thế là hỏi ra ngay được trận địa.

Sự bất ngờ đến giờ mới lại càng to lớn hơn nữa.

Thì ra đó chỉ là trận địa của tổ chăn bò ba người của một đơn vị công nhân làm đường. Tổ trưởng của tổ ba người chính là cô Gon, xạ thủ chính của khẩu trung liên kia.

Chúng tôi tự giới thiệu. Cô Gon quan sát tất cả chúng tôi từ đầu đến chân rồi nói:

- Làm thế nào chúng em tin được tất cả những sự ấy?

Chúng tôi phải đưa cả các thứ giấy tờ ra. Rốt cuộc thực sự làm cho cô Gon và cả tổ chẵn bò tin được chúng tôi, đó là những lời kể rất khớp với nhau về cuộc chia lửa chiều hôm trước. Các cô vui vẻ hẳn lên khi được biết kết quả chiến đấu của mình. Chúng tôi sung sướng gấp bội khi được biết trận địa trên núi thảy đều an toàn, cả người lẫn khí tài. Tôi bảo cô Gon:

- Thú thật, lúc ấy im tiếng trung liên, chúng tôi lo quá. Suốt đêm qua vẫn cứ bồn chồn, phấp phồng.

- Trận địa của chúng em cơ động mà lại kiên cố như thế kia, chúng nó không cần nổi chúng em đâu.

Cô Gon đưa mắt cho cô ít tuổi nhất, có ý “khiển trách” về câu trả lời hơi chanh chua vừa nói. Đoạn rồi cô Gon đưa chúng tôi lên thăm trận địa. Phải nói là tài giỏi và dày dặn kinh nghiệm chiến đấu mới bố trí được trận địa như vậy. Lợi dụng địa hình như thế này, bên ta có thể hoàn toàn chủ động được cả tứ phía, triệt để khai thác lợi thế là ngay đó một ngách hang rất độc đáo, như thế được khoét sẵn để làm công sự chiến đấu, khi bị uy hiếp mạnh, chị em chỉ cần ba bước là cả người lẫn súng đều đã nhảy vào hang, mặc sức cho bom đạn của địch bao nhiêu ở ngoài cũng không làm gì được nữa. Các cô lại đã tìm được cách

đánh của một hoả lực nhỏ - chỉ gồm có một trung liên với hai súng trường - chọi nhau với một hoả lực mạnh gấp bội.

Thấy sự hưởng ứng của chúng tôi, cô Gon nói vui nhưng bằng một vẻ tự tin:

- Hoả lực, trận địa chúng em thế này, đánh Mỹ chỉ có thắng hoặc hoà chứ nhất định không chịu thua.

Tổ có ba người thôi, nhưng đủ chỉ huy, trinh sát, cứu thương. Sắp xếp thời gian đảm bảo ngoài lúc chiến đấu, còn có lúc luyện tập thao tác kỹ thuật, nghiên cứu chiến thuật hẩn hoi. Tất cả những cái đó chẳng có ý nghĩa hơn nhiều lần, khi nhiệm vụ của ba cô lại chỉ là chăn nuôi chăm sóc đàn bò của đơn vị.

Cả ba cô đều là công nhân trong một đội công nhân làm đường hiện đang phụ trách một đoạn đường tránh thuộc hệ thống đường Trường Sơn ở cách đây hơn mười cây số. Vì hoàn cảnh chiến tranh, thực phẩm khan hiếm lại vận chuyển khó khăn, đơn vị chủ trương dựa vào điều kiện rừng núi, chăn nuôi một đàn bò để cải thiện đời sống cho anh chị em. Đội đã bứt hẳn ra ba người để chuyên trách việc đàn bò, toàn đội sẽ chia nhau gánh cả phần chỉ tiêu làm đường của ba người ấy. Thu xếp quanh quèo thế nào mà tổ nuôi bò ấy lại gom ba nữ tất cả. Thực ra cũng có hoàn cảnh và cái lý của nó. Lấy ba nam cả thì không được, đội đã có ít nam, việc làm đường, giữ đường... nhiều việc cần đến nam. Có nam có nữ thì

họ bảo trên núi không nhà cửa buồng khe gì, khó sinh hoạt lắm. Vậy chỉ còn lập một tổ toàn nữ. Một tổ như vậy, trong hoàn cảnh trên núi như vậy, do sự cần thiết, tự nhiên chị em cũng đâm ra làm được tất cả những việc mà thông thường ra chị em nữ không làm được.

Việc đàn bò, họ nuôi đủ thịt bò, bò sữa và bò sinh sản nữa. Ba cô đảm đương từ việc đỡ đẻ cho bò, đến việc vắt sữa, cả việc chăn nuôi lẫn thú y, tất nhiên có việc bảo vệ chống thú rừng lẫn bảo vệ chống máy bay Mỹ. Riêng việc chống máy bay, nói quả đáng tội, từ ngày có cô Gon lên đây làm tổ trưởng, đơn vị mới chịu phát cho khẩu trung liên, còn thì trước kia vẫn chỉ có súng trường. Lý do đơn giản vì cô Gon vốn dĩ nổi danh xạ thủ trung liên. Có trung liên rồi, tổ các cô đang ngầm quyết tâm hạ bằng được máy bay giặc Mỹ.

Tôi thấy việc chiến đấu của mấy cô đã tài giỏi, đến việc tổ chức cuộc sống và chăn nuôi đàn bò thì thật là lạ lùng và thú vị.

Mấy cô chứng minh cho chúng tôi thấy những con bò không “ngu” một tý nào, chúng có nhận biết và tình cảm, nhận được chủ và mến chủ, mỗi con có cá tính riêng. Không ngờ người nuôi chúng là các cô lại có thể khám phá ra, biết và thuộc cá tính từng con như thế trong cả đàn hơn bảy chục con bò bê. Người nuôi buộc phải sống du mục theo đàn bò. Mỗi lần di

chuyển là một lần phải khắc phục bao nhiêu khó khăn từ bãi cỏ cho bò ăn đến lán cho bò trú v.v... Ấy là chưa kể đến những nhu cầu sinh hoạt của tổ ba người các cô.

Cô Gon có tài tìm hang, nhìn đá núi cây mọc, có thể gọi ra hang. Hang có cửa tìm thấy đã đành, cô đã từng tìm được cả những hang không có cửa, phải phá ra mới thành cửa. Chị nhiều tuổi nhất tổ thì thông thạo lá thuốc như một bà lang thực thụ. Thuốc cho bò bê và thuốc cho người, dựa vào nguồn duy nhất là rừng. Thuốc cảm cúm thông thường đến thuốc trị rắn độc, chị đều có ngay. Không những thuốc, chị còn thuộc các loại cây rừng, củ rừng có thể ăn được thay cơm hay xào nấu làm canh ăn với cơm. Còn cô em út ít tuổi nhất thì có biệt tài săn bắn, trở thành chủ lực tạo nguồn prô-tít của ba chị em trong đời sống hàng ngày. Chỉ cần một cây súng cao su, một cái ống xì đồng là cô sẵn được chim, cả chim công. Cô còn đã đào được tê tê, bắt được nhím, cây hương, bắn được nai, có lần lôi về cả một con lợn rừng tặng cho đơn vị.

Cứ thế ba chị em đùm bọc lấy nhau, bổ sung cho nhau; sống xa dân, xa đơn vị mà đời sống vẫn tươi, có lúc bữa ăn còn tươi hơn ở đơn vị. Còn ở, không có hang thì làm lán; ba cô có kỹ thuật làm lán trên cành cây chống chọi với mưa nắng và thú rừng Trường Sơn.

Lúc mới gặp, tôi thoáng thấy cô Gon mặc một cái quần “soóc” - thực ra là cái quần bộ đội cắt cụt hai

ông. Loáng một cái, cô đã thay cái quần dài ra ngồi chơi với chúng tôi. Biết chị em thiếu quần áo, nhưng chúng tôi không mang theo để tặng, riêng tôi chỉ có cái võng dù trong túi dệt, tôi ngỏ lời tặng lại ba cô, nhưng cô Gon nhất định từ chối. Cô bảo:

- Chiến tranh, ai chả thiếu, anh cho chúng em, anh sẽ không có. Chúng em có, anh sẽ thiếu, cũng vẫn vậy thôi, chúng em lấy của anh làm gì.

Bảo sao cô cũng không nhận. Đến khi tôi ngỏ lời tặng cái mũ sắt thì cô em út không đợi ý kiến của hai chị, vui vẻ nhận ngay.

- Cảm ơn anh nhé, xạ thủ không có cái mũ sắt thì yếu quá!

Nhưng lại chính cô Gon lật tẩy cô út:

- Anh đừng cho, mũ sắt phục vụ chiến đấu thì ít, phục vụ cái khác thì nhiều... Đừng có mà vải thưa che mắt thánh đi em... Còn không hả.. Các anh hỏi những cái khác là gì ấy ư? Để đánh tú-lơ-khơ đũa nào thua phải chụp lên đầu này, lên sân khấu đóng vai bộ đội này, múc nước này, giã cua này... (Nó mò cua suối tài lắm, vẫn ước ao có cái mũ sắt giã cua nấu riêu đấy.) Rồi, kê làm ghế ngồi cho đủ bàn đủ ghế này...

- Đủ bàn đủ ghế làm gì ở chôn này?

- Chúng em vẫn học văn hóa. Đây - Cô Gon chỉ cô út - cô giáo của chúng em đây, nó lớp mười dạy hai đứa bọn em lớp sáu, lớp bảy.

Cô giáo được giới thiệu hơi ngượng, nói lấp liếm:

- Cô giáo ăn dong, dạy kiểu “cơm chấm cơm” thôi các anh ạ.

Nhưng cô Gon nhấn lại bằng sự tín nhiệm:

- Cũng còn mất hai ba năm mới học được hết chữ của nó, phải không các anh, nên chúng em cứ học.

Đến đây, cô Gon bảo chị em đi nấu cơm để chúng tôi cùng ăn. Trông chừng mấy cái xoong, cái chảo gò bằng mảnh máy bay địch bé lọt lỗ mũi, tôi xuýt phì cười. Cô Gon tinh ý hiểu ngay, nói rất trang nghiêm:

- Các anh đừng lo là chúng em mời rôi. Khó khăn bao nhiêu còn khắc phục được nữa là. Không cần nôi chúng em vẫn nấu được cơm các anh ăn. Các anh còn biết hơn chúng em, các cụ ta ngày xưa trên mình ngựa đi đánh giặc, tất nhiên không có nôi niêu gì, vẫn vừa hành quân vừa nấu được cơm ăn cơ mà.

Tôi tin các cô mời thực lòng, cũng tin các cô đã từng khắc phục bao nhiêu khó khăn trong công tác, chiến đấu và đời sống, sá gì sự thiếu thốn mấy cái nôi niêu. Nhưng, đã dặn cậu lái xe ở lại trông xe và nấu cơm, nên chúng tôi đành phải cảm ơn từ chối ra về.

Dẫu sao lời mời ấy cũng làm anh em chúng tôi thấy ngọt ngào trong dạ. Chúng tôi xuống núi trở về với niềm vui, sự khâm phục và cả những nỗi lạ lùng.

Trong những lạ lùng kia, có nỗi lạ lùng về cô Gon mà tôi không dám hỏi cô, cũng chẳng hỏi được ai cho ra môn ra khoai. Đó là cô Gon đang có mang, sao đội công nhân lại giao một công việc nặng nề trong một hoàn cảnh hiểm nghèo như thế này cho cô? Khi nghe tôi gọi đùa là “cô xạ thủ tốt bụng”, cô thừa hiểu nỗi băn khoăn của tôi, và tôi hy vọng cô sẽ chủ động kể về hoàn cảnh riêng của cô, nhưng cô làm ngơ đi không kể mà chỉ khẽ cười ruồi, giải thích:

- Do em tự nguyện thôi. Ban chỉ huy không cho, em phải làm dữ mới được chấp nhận đấy.

Vậy là cô vẫn chưa kể gì. Thừa lúc vắng, có một mình chị nhiều tuổi nhất, tôi hỏi, chị chỉ bảo: “Anh hỏi Gon nó kể cho anh nghe, em sợ nó không thích nói”. Có nghĩa là nội tình có điều chi uẩn khúc.

Cho đến lúc tiễn chân chúng tôi xuống núi, tôi bước chậm lại một quãng rồi quay lại hỏi nhỏ cô em út. Cô em út thở dài một cái rồi se se:

- Em cũng tức thay cho chị Gon... Chả là anh ấy thì đang ở chiến trường miền Nam, chị Gon có mang, nhiều người ở đội xì xào, chị ấy đã khó chịu lắm. Lại đến thái độ của gia đình mới lại càng làm chị ấy uất lên. Chị nhất định không chịu về nhà nữa, không thư từ, liên lạc gì. Còn ở đơn vị, chị nhất định đòi công tác gì độc lập, ít phải tiếp xúc. Thế là xin mãi mới được lên đây đấy chứ.

Nghe nói thế, tôi nghĩ có lẽ cô Gon mắc khuyết điểm. Nhưng vẫn chưa biết thái độ của gia đình ra sao để cô phải uất lên. Vẫn cô em út thấp giọng hơn giải thích:

- Không ai mắng nhiếc gì đâu, nhưng bà mẹ chồng biết chị có mang rồi mà cứ lờ hẩn đi, như không có việc ấy. Chẳng những thế, sau đó còn lờ đi như chị không phải là con dâu mình, như chị ấy không còn nữa. Anh bảo thế ai mà chịu được? Quá bằng chị ấy chữa hoang à? - Cô dừng lời giây lát, nhưng hẩn là không đoán biết nổi khúc mắc trong dạ người nghe như thế nào, cô tiếp theo mạch chuyện cũ: - Lại đến bà mẹ đẻ của chị mới càng làm khổ chị chứ. Chị về thăm nhà, bà cụ cứ suốt đêm: “Sự thể đầu đuôi là thế nào, con phải nói cho mẹ biết mới được. Lỡ thì đã lỡ rồi, nhưng không rõ đầu đuôi thì không còn biết gỡ ra làm sao...” Chị ấy phải gắt lên với mẹ: “Mẹ bảo đầu đuôi cái gì mới được chứ, con có chồng, con có mang thì có gì mà phải “lỡ” với “gỡ”? Bà mẹ lại càng dần mãi giọng xuống cho càng nặng nề thêm: “Chồng con nó ở trong Nam, con bảo con có chồng, con có mang, nói thế thì ai mà nghe được!” Chị ấy càng tức, mình lòng ngay dạ thẳng mà cứ như là có tội ấy...

Câu chuyện của cô em út đang có đà thì mấy người đi trước thấy hai chúng tôi đi cách quãng khá xa, dừng lại đợi. Cô không kể tiếp được nữa. Cho đến lúc hao chúng tôi chia tay, tôi vẫn chỉ được biết có nửa vời

câu chuyện như vậy. Tôi suy nghĩ, phỏng đoán, tự mình không dám kết luận như thế nào về cô Gon. Ngay cả điều phỏng đoán, cũng không dám tin là đúng.

Những tưởng đối với tôi, đó sẽ là điều bí mật mãi mãi. Nhưng quên thì tôi nhất định không bao giờ quên được. Vì gặp nhau và quen biết trong một cảnh ngộ như vậy. Cô nghĩ tôi có thể quên, hoặc cố ý lờ cô đi chẳng. Nên thái độ của cô thách thức, pha chút giận hờn. Dẫu sao tôi còn nhớ tất cả.

Phút đầu gặp gỡ như vậy là qua được thử thách. Không bao lâu, cô trở lại sự thân mật của lần gặp trước.

- Anh còn nhớ cô út tổ chăn bò chúng em ngày ấy không? ... Vâng, là nói ngày ấy thôi, chứ em nghỉ chăn bò từ ngày sinh cháu. Sinh xong em trở lại làm đường. Cô út cũng lại về làm đường với em. Cứ đòi theo em lên đây. Nhưng em không cho đi. Dẫu sao cũng là việc không vui về gì, phải không anh?

- Cô Gon định ở đây mấy hôm?

- Em sẽ ở cả thời gian nghỉ phép hai tuần. Em còn biết đi đâu? Về quê ư? Em không bao giờ về nữa. Năm nay mẹ con em sẽ dành cả thời gian nghỉ cho bố cháu... Mộ anh ấy cách đây cũng hơi xa, mãi tận khe Núng, mai em mới đi được. Rồi cứ cách một hôm, hai hôm, mẹ con em sẽ lại lên với anh ấy một lần, cho đến hết phép.

- Hai mẹ con đi bằng gì?

- Bạn nào nhờ được xe thì nhờ, bằng không mẹ con em nắm cơm đi bộ...

- Đi bộ bế cháu thế thì vất vả quá, không được đâu.

- Anh bảo không có máy bay, được đi tênh tênh trên đường là sướng rồi, vất mấy em cũng đi được... Nhưng mà sang năm em định xin đưa nhà em về xuôi.

- Một anh được bao lâu rồi?

- Cũng cùng cái năm các anh qua chỗ chặn bò chúng em ấy đấy, trước đó khoảng năm tháng... Nhưng mà đơn vị anh ấy giấu em mãi, tận năm ngoái mới cho em biết tin. Có tin báo chính thức rồi, bạn anh ấy mới đánh thư kể cho em nghe sự việc cụ thể ngày anh ấy hy sinh.

- Một trên khe Núng, chắc anh hy sinh trên đường đi công tác.

- Vâng, anh Long nhà em - thì ra tên anh ấy là Long - không phải quân số binh trạm này đâu, còn ở cách đây hai binh trạm nữa kia. Anh là tiểu đội trưởng lái xe, về đây nhận xe mới. Nhận được rồi, quay đầu chở chuyến thứ nhất thì dọc đường bị máy bay nó phát hiện gần chỗ khe Núng.

- Thành thử bố chưa được thấy mặt con.

Tôi đã hơi vô tình, vô tình nên động tới nỗi đau đớn trong lòng cô Gon. Cô siết một tay ôm con cho nó gục xuống vai mình, một tay vuốt vuốt tóc con. Đôi mắt chưa khóc nhưng rất buồn.

*

Buổi tối, tôi lại leo lên núi trở lên hang đá của Ban công tác chính trị, trở lên “ngôi nhà tập thể của các liệt sĩ”. Tất nhiên tôi phải tìm cậu Hạnh để hỏi chuyện về anh Long ấy.

Đáng tiếc là cậu Hạnh không biết gì nhiều, vì anh Long không phải người binh trạm này, chỉ là người hy sinh trên đường thuộc địa phận binh trạm.

- Nhưng anh yên tâm. - Hạnh gật gù cái đầu, nói coi bộ chắc chắn: - Sẽ có cách cho anh tìm hiểu được anh Long. Thế này nhé: Mọi đồ dùng tư trang, vật kỷ niệm của anh Long lúc hy sinh còn được bảo quản cả ở đây, ba-lô, mũ sắt, quần áo, giấy tờ, cả tiền nong, ảnh kỷ niệm, khá nhiều thư từ và... cả một quyển nhật ký.

- Vậy hả?

- Binh trạm chúng tôi không gửi trả trong kia làm gì, vì trước sau rồi cũng phải chuyển trở ra trả cho thân nhân. Hôm nay, được tin chị ấy vào thăm mộ, tôi sẽ soạn lại đầy đủ, định mai trao trả. Tôi nay có thể cho anh mượn xem trước.

Tôi đã thức gần suốt sáng với cái ba-lô ấy, nói cho đúng là với những tấm ảnh của anh, với những lá thư của bạn bè, thầy học... nhất là của cô Gon viết cho anh, nói cho đúng hơn nữa là quyển nhật ký của anh.

Nhật ký của anh ghi khá tỉ mỉ chen lẫn nhiều trang thơ anh làm tặng cô Gon từ ngày mới quen

nhau. Tôi đã đọc những trang cuối cùng của cuốn nhật ký của anh với một niềm xót xa thất ruột.

Thì ra vợ chồng anh đã gặp nhau chính là vào cái chuyến anh ra nhận xe mới ấy, dĩ nhiên cũng là lần gặp nhau cuối cùng.

Anh đang ở sâu trong chiến trường miền Nam, bất thần được lệnh ra tuyến ngoài nhận xe mới. Biết rằng nơi nhận xe cách chỗ công tác của vợ không bao xa, mà không kịp báo trước. Nhưng lại may thay, có anh bạn khởi hành trước một ngày về qua tuyến đường của cô Gon. Anh kịp nhắn mấy lời. Được lời nhắn của chồng, cô Gon tính kỹ thời gian, cung độ, thấy có thể bắt kịp, cô chỉ nói qua với tổ, không kịp báo cáo xin phép ban chỉ huy đội công nhân nữa, cô xin xe, vượt cung độ, tranh thủ thời gian, lợi dụng đường dây nói của hệ thống các trạm điều chỉnh giao thông, cô Gon đã bắt kịp anh Long, gặp được anh sau khi anh nhận xe mới, đang trên đường quay đầu về lại chiến trường miền Nam.

Nhật ký của anh để lại những trang dạt dào lòng thương vợ đã phải vất vả rượt theo chồng theo lời nhắn, nhưng đồng thời lấy làm bằng lòng vợ mình đã tháo vát, linh hoạt, “biết nắm lấy thời cơ hành động mau lẹ cấp tốc như con nhà lính”...

Thế là giữa một đêm mưa lâm thâm tối đen như mực, trên đường hành quân nhằng nhằng trên đầu những đèn dù pháo sáng của địch, vợ chồng anh đã gặp được nhau. Cô Gon thì đi nhờ được một xe con,

đuổi kịp được đoàn xe mới qua xe nào cũng hỏi: “Có phải anh Long đấy không?” Cho đến cái xe bật ra từ ca-bin một tiếng đáp lại “Gon” thì họ dừng lại. Xe con tiếp tục đường vào, xe mới chở đạn của anh Long dạt vào một mép bìa rừng phanh kít lại. Chỉ còn lại hai vợ chồng trẻ trong mênh mông của rừng đêm. Họ ngồi trên một tảng đá dưới một gốc cây chò cành gãy, lá sém vì bom đạn.

Nhật ký của anh để lại những trang ghi rõ cả thời gian vợ chồng gặp nhau “độ nửa tiếng, không quá nửa tiếng, phải đến bốn mươi phút ấy, nhưng cũng chỉ bốn mươi phút là cùng”, cả những câu chuyện hàn huyên của đôi vợ bác chồng nam... Và còn ghi cả việc vợ chồng ân ái mặn nồng “trong cảnh màn trời chiếu đá” ấy, xung quanh khét mùi cháy, trên trời nhấp nhoáng ánh đèn dù... “chẳng biết có mang lại cho em niềm vui gì không, còn anh, chỉ thấy trào dâng lên trong lòng những thương em không bờ bến. Lúc chia tay, anh ghì lấy em chẳng muốn rời, em nhỏ nước mắt trên ngực áo anh, nhưng lại không cho anh níu lấy, đẩy anh ra, giục anh lên xe kéo trẻ mất cung đường, lạc đoàn, lạc bạn. Anh còn nắm được cổ tay em, chét chét đo thử vòng tay em, bụng mừng thầm em vẫn như sáu năm về trước, không gầy đi tý nào. Hôn em lúc ở bên cánh cửa xe ấy, trước lúc bước lên buồng lái, anh muốn bảo em: “Đẻ cho anh thằng con trai đi. Nó lớn, giặc chưa tan, cho nó đi đánh giặc nữa”. Nhưng anh đã không dám nói. Sợ có con, thương em phải

nuôi con xa chồng. Và bây giờ thì thương em phải quay về ngay một mình. Em có mệt quá không? Còn anh như được tăng ga”

Mắt tôi rời trang nhật ký. Nhưng không thể nào ngủ được. Tôi nhớ về cô út chẵn bõ với những lời kể của cô.

Vậy là mọi sự đã rõ ràng. Nhưng, sự thực rõ ràng ấy đáng cực cho cô Gon biết bao nhiêu! Đối với đời công nhân làm đường của cô, mấy ai biết cuộc gặp gỡ bất thường như vậy! Đối với quê hương, ngay cả với gia đình bên mình, bên chồng, càng không làm gì có cuộc gặp gỡ ấy, chỉ biết một chiều vợ Bắc chồng Nam! Nhất là cái việc vợ chồng phải ân ái với nhau như cảnh vụng trộm của nhân ngãi, nhân nghì như vậy, làm sao có thể dễ nói ra được ở miệng người phụ nữ. Với tính khí cô Gon, chết thì thôi chứ cô không chịu nói ra điều ấy.

Sáng hôm sau, tôi theo cậu Hạnh xuống núi, sang nhà khách trao lại ba-lô của anh Long cho cô Gon, rồi cùng đưa cô Gon lên khe Núng nhận mộ và viếng mộ chồng.

Đọc đường, cô trở nên cởi mở, nói với tôi các chuyện trước kia và hiện nay, không e dè ngần ngại gì nữa. Do đó, tôi mới dám góp lời vào bàn chuyện đời riêng của cô:

- Cô Gon giận ông bà bên anh Long và bên nhà ta hơi quá. Cứ như sự bày ra trước mắt các cụ, cô

cũng nên hiểu các cụ đau lòng biết bao nhiêu, khi ngỡ rằng đó là việc không chung thủy.

- Các cụ tự chuốc lấy nỗi đau khổ ấy bằng sự không tin em. Nỗi đau khổ của các cụ đối với em là một sự trừng phạt nặng nề. Em làm gì nên tội mà phải chịu trừng phạt? Mẹ chồng em quá bằng từ em chứ còn gì? Mẹ đẻ em làm em đau khổ gấp mấy.

- Do các cụ không biết.

- Không biết thì hỏi em đã rồi hãy nghĩ xấu về em có được không, nếu như đối với em đã không có lòng tin.

- Thì bà bên nhà ta đã chả hỏi mãi cô là gì!

- Chỉ là hỏi em sự xấu ấy như thế nào?... Hừm, sao lại đối với em như thế được!

- Đúng là cô Gon có quyền chính đáng của mình. Nhưng cũng nên thông cảm với các cụ. Nói cho cùng, đó cũng là tình thương của cha mẹ đối với con cái, còn là tấm lòng của hậu phương đối với những người tiền tuyến. - Thấy cô nguôi nguôi, tôi tiếp: - Tôi muốn được khuyên cô một điều.

- Anh cứ nói.

- Cô nên đưa cháu về thăm ông bà nội, rồi về bên ngoại.

Cô Gon lặng im, không đáp. Tôi nói nữa, ráo riết thuyết phục cô:

- Anh Long bây giờ đã nằm xuống, thời gian đã qua đi ngàn ấy năm, thằng cháu đã bằng này tuổi, sao lại không để cho cháu nó được nhận ông bà nội, ngoại? Mẹ con đem tấm lòng về sưởi ấm cho ông bà cũng là tự sưởi ấm cho mình thôi...

Cô vẫn ngồi im tằm tấp, cứng đờ cả người, hai mắt mở ro, với hai dòng lệ chảy xuống ròng ròng. Cô không khóc thành tiếng, mặc cho nước mắt chảy. Mãi rồi mới nói như thể không có tôi ở đây, nói với anh Long hay là nói một mình:

- Anh ấy đã đi xa rồi, để lại.. một vợ, một con, một niềm xót xa...

Tôi cứ coi như cô trả lời tôi, đang bàn luận với tôi, nên tôi phản bác:

- Không, đã đành là có xót xa nhưng là một niềm vui. Niềm vui xót xa cũng vẫn là một niềm vui. Một niềm tự hào nữa chứ.

Cô Gon lại lặng im, cũng không ra vẻ phản đối. Được thế, tôi vạch ra kế hoạch:

- Mẹ con lên thăm mộ cũng đến thế là được rồi. Hôm nay ta thay mộ chí mới, cùng nhau đắp lại cho to thêm, đốt nắm hương khấn anh, rồi đến ngày kia, xe tôi về, mẹ con lên xe tôi cùng về, đừng ở trên này cả kỳ phép làm gì... Đường về của tôi chính là qua làng quê nội thằng cháu, tôi sẽ đưa cháu về tận nhà ông bà nội.

Cô Gon vẫn lặng im ra chiều suy nghĩ.

*

Hai hôm sau, mẹ con cô Gon và tôi chia tay với cậu Hạnh, tạm biệt binh trạm, lên đường trở ra.

Lại hai hôm sau nữa, xe chúng tôi đã đến cổng làng quê chồng cô Gon, một làng ven đường số 1 thuộc tỉnh Ninh Bình cũ.

Tôi cố làm ra hết sức tự nhiên đưa mẹ con cô về tận nhà. Nhưng xe đến giữa làng thì không vào đường hẻm được nữa. Mà cô Gon thì ngồi trên xe cũng không chịu bước xuống. Tôi lại khuyên giải cô. Nhưng cô vẫn ngồi im phăng phắc như một pho tượng, mặt tái đi, hai chân không nhúc nhích. Nể lời tôi, cô mấp máy đôi môi nhợt nhạt nói rất sè:

- Em bước vào nhà thế nào bây giờ?

Tôi đành tính một cách khác vậy. Tôi bảo cô cứ ngồi nghỉ một lát trên xe cho đỡ chóng mặt. Tôi bế thẳng cháu hỏi nhà vào trước.

Bà mẹ già ngơ ngác, miệng mời chúng tôi ngồi, nhưng hai mắt thì nhìn như đóng đinh vào thẳng cháu. Tôi đặt thẳng cháu vào lòng bà, thủ thủ với bà những điều dẫn giải tôi thấy là cần thiết lúc này.

Trong đời tôi, có lẽ không bao giờ quên được vẻ mặt bà mẹ già bữa ấy. Bà như nín thở lắng nghe những lời tôi nói, bà từ ngạc nhiên này đến sững sốt khác, nét mặt bà thay đổi luôn luôn, gần như biến

dạng. Bà ôm ghì lấy thằng cháu trai, miệng cười thành miệng méo, bà nhỏ những giọt nước mắt lã chã xuống mái tóc đứa cháu, vội vàng lấy vạt áo lau đi, thằng cháu thì sợ nhòai nhòai muốn thoát ra khỏi vòng tay bà... Bà muốn nói mà líu cả lưỡi lại, mãi rồi mới gọi được thành tiếng:

- Ly ơi, Ly ơi!

Em gái tên là Ly ấy đang đun nước dưới bếp bước lên, bà lão ôm cháu đứng dậy, định bước đi, nhưng dúi cả chân lại, không bước được. Giây lát qua đi, bà mới bảo con gái được một câu:

- Chị Long con còn ngồi trên xe ngoài ngõ ấy, con ra, con ra đón chị vào nhà đi con, mẹ dúi cả chân lại không đi được, con ra đón chị đi con!

Thằng cháu dứt khoát không chịu ngồi với bà nữa, đòi đi đón mẹ, tôi phải đỡ cháu và đỡ cháu rằng mẹ vào ngay bây giờ cho nó khỏi đi.

Cũng chỉ loáng một lát, cô Gon đã vào tới nơi. Em Ly đeo ba-lô của anh, xách làn của chị đi trước, cô Gon bước theo sau. Bà mẹ định bước ra sân đón con, nhưng, tội nghiệp, chân cứ cứng đờ như chân mượn không thể sao cất được, đành đứng nguyên chỗ cũ run rẩy. Đợi lúc cô Gon bước vào trong nhà, tiến đến trước mặt thì hoàn toàn không ai ngờ, bà lão sụp xuống đất, hai tay chấp giờ lên, miệng lắp bắp:

- Mẹ xin lạy con! Mẹ có lỗi, mẹ xin lạy con!

- Mẹ!

Cô Gon cuống lên đỡ mẹ dậy, thốt ra tiếng gọi mẹ kéo dài, lạc cả giọng. Hai mẹ con ôm nhau giàn giữa nước mắt, làm thẳng cháu nội không hiểu thế nào cũng khóc òa lên. Bà lão nghẹn ngào:

- Ông không còn sống để được thấy con về, cháu về, ông ơi!

Thì ra ông lão mới bị trúng bom bi còn sót lại của Mỹ, mất cách đây không lâu, cô Gon cũng chưa biết tin.

- Thôi mẹ đừng khóc nữa. Cháu nó sợ đây này.

Cô Ly đã giành ôm cháu, đang dỗ cháu, khuyên mẹ đừng khóc nhưng hai mắt mình thì đỏ hoe, giàn giữa. Vậy thôi, bà lão lại nghe lời con, cố tươi nét mặt, nói như chữa lại:

- Ừ, ừ, chị mày về, mất bố, tao được con; biết tin anh mày, nhưng cháu mày về, mất con, tao được cháu... Thế vẫn là vui. Ừ, ừ thế là vui rồi!

Bà mẹ vẫn chưa đi lại được, đành ngồi thụp xuống.

Hàng xóm đã đổ sang chơi. Bà vẫn lẩm bẩm: "Thế là vui rồi! Thế là vui rồi!"

Còn niềm vui nào xót xa hơn! Nhưng bà mẹ vui thật, vui lắm nữa ấy.

MỤC LỤC

- <i>Huyền thoại</i>	VŨ HUY ANH	8
- <i>Người vĩ linh hồn</i>	VŨ BẢO	20
- <i>Tàn mạn chuyện làng</i>	NGUYỄN PHAN HÁCH	34
- <i>Chiếc áo “xường xám” màu hoa đào</i>	TÔ HOÀI	54
- <i>Kỷ niệm về người con đi xa</i>	BÙI HIỂN	70
- <i>Dao sắc nhờ cán</i>	MA VĂN KHÁNG	94
- <i>Trái cam trong lòng tay</i>	NGUYỄN KIÊN	114
- <i>Âm bản</i>	PHẠM VIỆT LONG	143
- <i>Mùa xuân - Tiếng chim</i>	VŨ TÚ NAM	158
- <i>Đồng quê gió thổi</i>	LÊ HOÀI NAM	175
- <i>Nhìn từ phía khác</i>	DẠ NGÂN	190
		491

- <i>Dải lụa</i>	DƯƠNG DUY NGŨ	212
- <i>Chợ</i>	HỒ ANH THÁI	228
- <i>Gió heo may</i>	NGUYỄN QUANG THÂN	245
- <i>Tiền của ông</i>	BÙI BÌNH THI	267
- <i>Xin đừng gõ cửa</i>	XUÂN THIỀU	297
- <i>Mùa dưa hấu</i>	BÍCH THUẬN	328
- <i>Con nhà võ</i>	KHUẤT QUANG THỤY	347
- <i>O chủ tịch làng Yên Lạc</i>	ÔNG VĂN TÙNG	366
- <i>Ốt ngọt</i>	CAO TIẾN LÊ	385
- <i>Câu chuyện ngày đầu</i>	NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG	408
- <i>Người đi xa để lại</i>	ĐÀO VŨ	461

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 8294648 - 8294685 - Fax: (04) 8294781

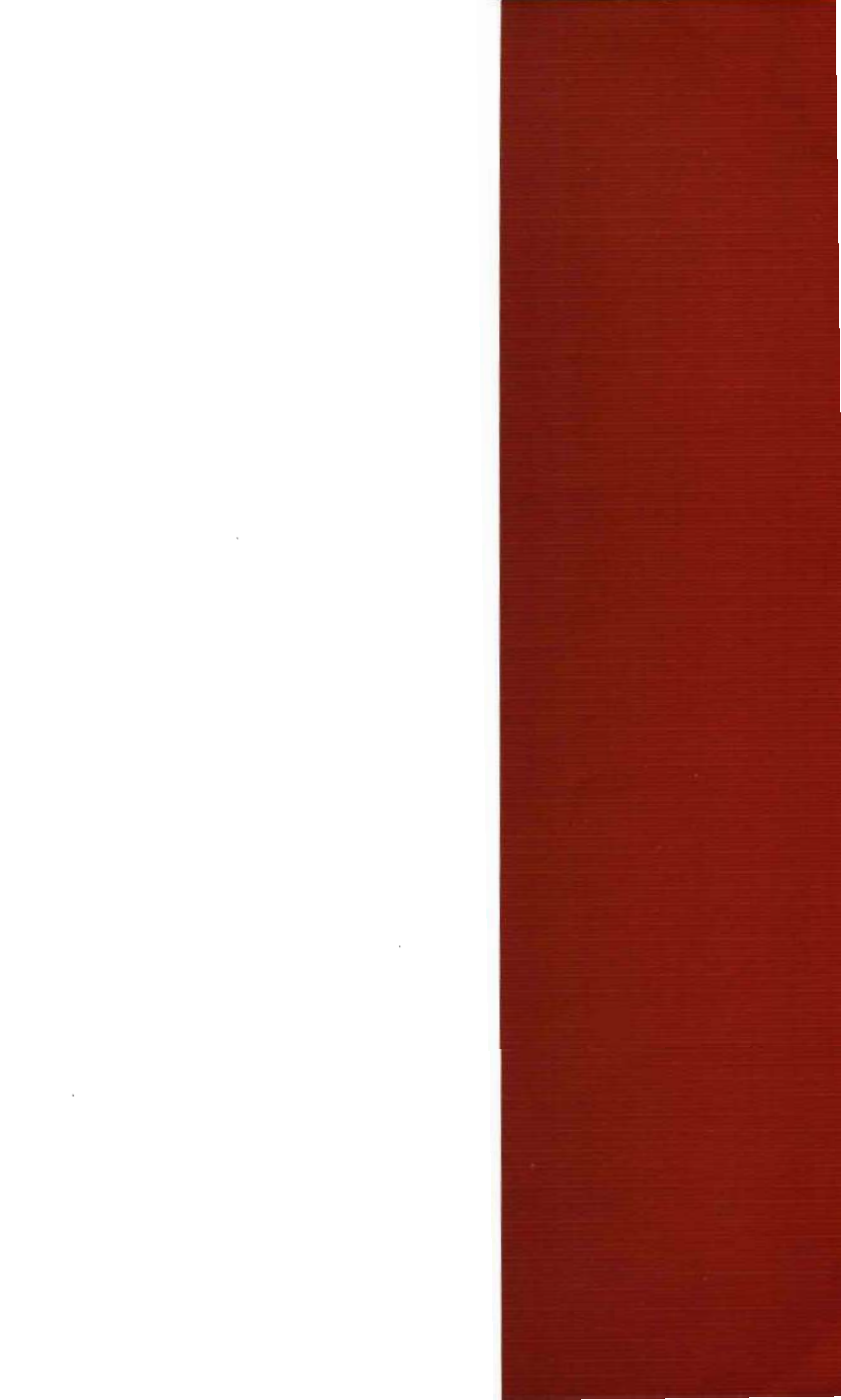
TRUYỆN NGẮN ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM
TÁC GIẢ TỰ CHỌN

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập: Nguyễn Anh Vũ
Về bìa: Hoa Sách
Sửa bản in: Nguyễn Trọng Kiên

In 1.000 cuốn khổ 13 x 19cm tại Xí nghiệp in SAVINA.
Giấy phép xuất bản số 1388 Cục xuất bản cấp ngày
24/9/2004. TN KHXB số 425/VHGP cấp ngày 13/12/2004.
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2005.



TRUY
ĐƯƠNG ĐẠI
VIỆT NAM

TÁC GIẢ TỰ CHỌN



truyện ngắn đương đại - tập 1 (xh)



1 005022 301134
52.000 VNE